

Lời Giới thiệu

Cách mạng tháng Tám 1945 là một sự kiện lịch sử quan trọng của Việt nam và thế giới; là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đầu tiên của Việt Nam, của Đông Nam Á, mở đầu thời kì các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc giành được độc lập tự do với những hình thức và mức độ khác nhau, chấm dứt chế độ thực dân.

Cách mạng tháng Tám 1945 gắn liền với công lao to lớn của chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự lãnh đạo của Đảng; nó sống mãi trong sự nghiệp của nhân dân Việt Nam vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nó cũng để lại những dấu son chói lọi trong lịch sử nhân loại từ giữa thế kỷ XX về cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội.

Trong 4.000 năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã viết nên nhiều trang sử vẻ vang với những chiến công chói lọi chống xâm lược và chống ách thống trị của nước ngoài. Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những trang sử vẻ vang, chói lọi nhất, là một trong những bước ngoặt vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc. Sáu mươi ba năm đã trôi qua, ngày 2/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trở thành ngày hội lớn nhất, vinh quang nhất, mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam.

*Để phát huy truyền thống đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thân yêu, đồng thời hưởng ứng Lễ kỷ niệm 65 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9, Thư viện An Giang biên soạn thư mục chuyên đề “**Cách mạng tháng tám và quốc khánh 2/9**” những nét chung của Cách mạng tháng Tám sự bùng nổ và thắng lợi ở các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long .*

Thư mục chia làm 4 phần :

Phần I: Đồng Bằng Sông Cửu Long trong cách mạng tháng Tám 1945

Phần II: Những tấm gương yêu nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc

Phần III: Bài viết tài liệu trên mạng viết về cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9/1945.

Phần IV: Thơ văn Ca ngợi về Cách mạng tháng Tám - Quốc khánh 2/9

Giới thiệu sách.

Mục lục

Tài liệu được sắp xếp theo từng chuyên đề. Thư viện sưu tầm tập thông tin với mong muốn đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ bạn đọc. Trong quá trình sưu tầm tuyển chọn in ấn không tránh khỏi những sai sót mong bạn đọc thông cảm.

Trân trọng kính chào.

**ĐỒNG BẰNG
SÔNG CỬU LONG TRONG
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945**



TOÀN CẢNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG – CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

TÂN AN

Tân An (nay thuộc Long An) là một tỉnh nhỏ ở Nam Bộ, cách Sài Gòn 74km, là cửa ngõ có vị trí chiến lược từ miền Tây vào Sài Gòn.

Nhân dân Tân An thừa hưởng truyền thống yêu nước lâu đời. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3.2.1930), ở Tân An cũng ngay lập tức xuất hiện các chi bộ Đảng, đầu tiên là ở Châu Thành, sau đó là ở Thủ Thừa và tỉnh lỵ. Chi bộ Đảng đóng vai trò quan trọng trong các cuộc đấu tranh của nhân dân Tân An kể từ năm 1930 về sau này. Trong cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939, phong trào cách mạng ở đây cũng phát triển mạnh mẽ, toàn tỉnh đã xây dựng được 20 Ủy ban hành động nhằm hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội, đến cuối năm 1938, Tỉnh ủy chính thức được thành lập trực thuộc Liên tỉnh ủy Mỹ Tho. Đến năm 1940, Tân An có 21 chi bộ với gần 100 đảng viên. Đảng bộ được Xứ ủy đánh giá rất cao về công tác xây dựng tổ chức và hiệu quả vận động quần chúng tham gia trong các phong trào đấu tranh do Đảng phát động.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, Tân An cũng như các tỉnh khác ở Nam Kỳ phải chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng bố trắng, tổ chức cơ sở Đảng một số nơi bị tan rã. Chỉ sau một thời gian không dài, các chiến sĩ cách mạng trốn thoát trong các vụ đàn áp, bắt bớ đã tìm cách liên lạc với Xứ ủy và nhanh chóng tổ chức lại các chi bộ Đảng nhằm đáp ứng kịp thời công tác lãnh đạo trong thời kì mới. Nhờ công tác tổ chức được tiến hành chu đáo, sự vận dụng sáng tạo những chủ trương của Xứ ủy và Trung ương nên đến tháng 7.1944, Tân An đã có 7 chi bộ ở các xã và có 2 chi bộ ở trong thành. Các chi bộ bắt tay ngay vào công tác chuẩn bị lực lượng, tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tích cực vận động quần chúng nhân dân nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa sau này.

Sau ngày đảo chính Pháp, tại Tân An, phát xít Nhật nhận được sự ủng hộ của giáo phái Cao Đài, nhưng vì số lượng của chúng không nhiều, lại không được đông đảo quần chúng tin theo nên không có hoạt động nào đáng kể. Trong tình thế như vậy, các đảng viên cộng sản ở Tân An nhận thức được rằng thời cơ giành chính quyền sắp đến, vì kẻ thù trước mắt là phát xít Nhật đang suy yếu.

Tỉnh Đảng bộ Tân An chỉ đạo các chi bộ vận động quần chúng đóng góp xây dựng quỹ để mua sắm vũ khí, trang bị cho lực lượng tự vệ, du kích. Cuộc vận động này đã thu được kết quả lớn. Dựa vào số tiền thu được, Đảng bộ đã mua được một máy in đặt cách thị xã 3km để in ấn các tài liệu của Xứ ủy, phát tán khắp nơi trong tỉnh và một số tỉnh lân cận. Mặt khác, các chi bộ Đảng còn lo rèn vũ khí, thành lập các đội tự vệ, du kích tại các làng để hỗ trợ cho các phong trào đấu tranh của quần chúng và theo dõi tình hình của bọn Nhật và tay sai. Các chi bộ Đảng còn thông qua các tổ chức quần chúng yêu nước vận động nhân viên, binh lính, sĩ quan người Việt, cả binh lính, sĩ quan Nhật. Nhờ vậy, ta đã nắm được tên chỉ huy cảnh sát của Nhật đóng tại Tân An và lấy được mấy khẩu súng Mutcotông trang bị cho lực lượng du kích trong tỉnh.

Từ sau ngày 9.3.1945, những hoạt động công khai diễn ra sức sôi nổi, đặc biệt là việc Đảng nắm được lực lượng Thanh niên Tiền phong (vốn là một tổ chức do tay sai của Nhật thành lập), tuyên truyền, vận động họ tham gia vào các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân.

Cũng như một số địa phương khác trong cả nước, Đảng bộ Tân An đã thẩm nhuần các chỉ thị của Trung ương Đảng, đã biết kết hợp nhiều hình thức đấu tranh khác nhau, trong đó triệt để tận dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp nhằm cô lập kẻ địch, chờ thời cơ tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền trên địa bàn toàn tỉnh. Do những kết quả đấu

tranh trong thời kì tiền khởi nghĩa, Tân An được Xứ ủy chọn là nơi làm thí điểm giành chính quyền ở Nam Kỳ để thăm dò thái độ và phản ứng của Nhật.

Ngày 22.8.1945, cuộc khởi nghĩa nổ ra và nhanh chóng giành thắng lợi nhờ công tác binh vận tốt. Bọn đầu sỏ chính quyền bù nhìn tại tỉnh bị bắt giữ, đó là những tên tay sai của thực dân Pháp và phát xít Nhật như Quản Vinh, Quản Sỹ, Quản Hoài... đã từng tham gia vào các vụ đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa năm 1940; thế theo nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân, chúng bị xử tử. Quần chúng nhân dân đã giành chính quyền tỉnh lỵ.

Ngày 24.8.1945, một cuộc biểu tình, tuần hành lớn được tổ chức với sự tham gia của 11.000 đồng bào thuộc mọi tầng lớp nhân dân ở Tân An. Trước sức mạnh của quần chúng, lính Nhật ở đây đã giữ thái độ trung lập.

Sau khi giành được chính quyền ở tỉnh lỵ Tân An, ta ra lệnh cho quân Nhật không được mang vũ khí đi vào làng, xã hoặc vào thành phố. Binh lính ngụy được tuyên truyền và giác ngộ đi theo cách mạng. Các công thức ở các công sở được thu dùng. Sau ngày 23.8, các cửa hiệu vẫn hoạt động bình thường, điện nước vẫn được bảo đảm, nhân dân sống trong an ninh, trật tự.

Ngày 28.8, Ủy ban nhân dân lâm thời ra mắt trong cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tỉnh tổ chức, tham gia cuộc mít tinh này có 12.000 quần chúng nhân dân thuộc mọi tầng lớp ở Tân An. Cuộc mít tinh ngay sau đó biến thành cuộc biểu tình ủng hộ chính quyền cách mạng tại Sài Gòn.

Việc giành chính quyền ở Tân An được thắng lợi nhanh chóng là vì Đảng bộ và Mặt trận Việt Minh thực hiện tốt những chủ trương, chính sách của Đảng trong việc phát động quần chúng, phân hóa, cô lập kẻ địch. Để giữ vững được chính quyền cách mạng, Ủy ban nhân dân Tân An đã thực hiện một số chính sách nhằm ổn định tình hình và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược. Ngay sau cách mạng thành công, Ủy ban cách mạng đã tiến hành một số công tác:

- Ban bố luật giảm tô, giảm tức
- Củng cố chính quyền mới ở xã, loại trừ những phần tử đã có chân trong chính quyền cũ.
- Thực hiện tự do tín ngưỡng, đập tan luận điệu tuyên truyền phản động về chính sách tôn giáo của Đảng.
- Tổ chức lực lượng vũ trang.
- Chuyển những cá nhân tích cực của lực lượng Thanh niên Tiền phong sang Thanh niên cứu quốc.
- Tổ chức sản xuất vũ khí, lựu đạn và các loại vũ khí thô sơ khác.
- Đưa một chiếc tàu và 3 chiếc thuyền đi đón anh em ở Côn Đảo.

Sau ngày Tổng khởi nghĩa nổ ra thắng lợi, chính quyền mới được xây dựng trên cơ sở nguyện vọng của đại bộ phận quần chúng nhân dân. Tân An là một trong hai tỉnh giành được chính quyền sớm nhất ở tỉnh lỵ và vinh dự hơn, Tân An được Xứ ủy chọn làm điểm. Thắng lợi của Tổng khởi nghĩa ở đây có một tác động đáng kể đến toàn bộ quá trình giành chính quyền ở Nam Kỳ.

Ngày 15.10.1945, thực dân Pháp quay lại đánh chiếm Tân An. Cùng cả nước, Tân An bước vào thời kì kháng chiến lâu dài.

BẾN TRE

Quyết định: cấp tốc huy động lực lượng đúng 5 giờ chiều ngày 25.8 tấn công chiếm trại bảo an, công sở Tòa bố, kho bạc, nhà bưu điện, nhà máy điện, trại giam... tiến lên bao vây dinh Tỉnh trưởng và ra lệnh đầu hàng. Lệnh truyền ra, tức tốc Cứu quốc quân và Thanh niên Tiền phong kéo đến các vị trí đã định. Chỉ trong một tiếng đồng hồ, ta đã chiếm được các công sở, buộc bảo an binh nộp khí giới. Tỉnh trưởng đầu hàng, chính quyền thân Nhật sụp đổ, cách mạng thành công trước giờ quy định. Sau đó vài giờ, Cò Lắm trở về thị xã tự nguyện nộp vũ khí và xin được tham gia công tác. Một số phần tử ngoan cố bị lực lượng vũ trang trấn áp, bắt giữ.

Ngày trong đêm 25.8, Ủy ban khởi nghĩa lệnh cho các huyện, thị tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Khí thế cách mạng lên cao, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong tỉnh thắng lợi hoàn toàn, chính quyền về tay nhân dân. Sáng 26.8.1945, từng đoàn người mang cờ đỏ sao vàng kéo về tỉnh lỵ, huyện lỵ tổ chức mít tinh mừng thắng lợi.

Thắng lợi của Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám đã mở ra một trang sử mới, tạo ra những tiền đề quan trọng để nhân dân Bến Tre thực hiện những nhiệm vụ cách mạng tiếp theo, đồng thời nó cũng để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

Nhìn lại quá trình khởi nghĩa giành chính quyền và thiết lập chính quyền cách mạng ở Bến Tre, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Mặt trận Việt Minh, nhân dân trong tỉnh đã tiến công địch nhanh chóng, kịp thời, chớp được thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh, huyện, xã. Trải qua bao năm đấu tranh gian khổ, nhân dân trong tỉnh được giải phóng khỏi ách nô dịch, đập tan xiềng xích và chế độ áp bức, bóc lột hàng ngàn năm của chế độ phong kiến và gần 100 năm thống trị của thực dân, trở thành người làm chủ quê hương đất nước. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 ở Bến Tre đã góp phần vào thắng lợi chung của Cách mạng tháng Tám trong cả nước. Nhân dân trong tỉnh cùng với nhân dân cả nước bước vào một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên độc lập, tự do.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Bến Tre còn là thắng lợi của các chi bộ Đảng trong tỉnh trong việc vận dụng một cách sáng tạo đường lối của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, tuyên truyền giác ngộ, tổ chức Mặt trận Việt Minh và các tổ chức quần chúng rộng rãi, xây dựng lực lượng vũ trang, bằng các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp vì quyền lợi thiết thực của quần chúng, khi thời cơ đến nhanh chóng chớp thời cơ khởi nghĩa lật đổ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám góp phần làm cho nhân dân trong tỉnh nhận thức rõ và tin tưởng vào con đường tất yếu phải tiến hành cách mạng thì mới thoát khỏi cảnh nô lệ, lầm than; nhân dân được sống ấm no, hạnh phúc. Nhưng kẻ địch vẫn không từ bỏ dã tâm xâm lược, nhân dân Bến Tre cùng với nhân dân cả nước lại bước tiếp vào cuộc đấu tranh gìn giữ thành quả của cuộc cách mạng tháng Tám – cuộc trường kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

MỸ THO

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, Mỹ Tho (nay thuộc Tiền Giang) là một tỉnh ở Trung Nam Kỳ. Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ, Mỹ Tho trở thành địa phương có phong trào chống Pháp diễn ra mạnh mẽ. Ngay sau khi ra đời, Đảng bộ Mỹ Tho đã lãnh đạo nhân dân liên tục đấu tranh chống thực dân xâm lược với đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11.1940).

Từ cuối năm 1944, các tổ chức và phong trào đấu tranh của quần chúng đã được khôi phục và phát triển một cách tương đối mạnh mẽ cả về quy mô và tính chất. Điển hình như cuộc đấu tranh của nhân dân xã Phước Thành, huyện An Hóa chống nạn cướp dầu dừa của phát xít Nhật; phong trào đấu tranh công khai của học sinh trường Collège (trung học) ở thị xã Mỹ Tho dưới các hình thức: tổ chức các buổi ca hát, diễn kịch, đốt lửa trại... qua đó khơi

dậy tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc cho tầng lớp thanh niên học sinh, hướng dẫn họ đi theo con đường cách mạng. Song song với phong trào thanh niên học sinh, cuối năm 1944 đầu năm 1945, Hội truyền bá chữ quốc ngữ, Hội khuyến học ở thị xã Mỹ Tho được thành lập, tập hợp đông đảo tầng lớp trí thức trong tỉnh. Thông qua hoạt động của các tổ chức này, quần chúng nhân dân được tập hợp nhằm chuẩn bị lực lượng cho khởi nghĩa giành chính quyền.

Sau khi đảo chính Pháp (9.3.1945), phát xít Nhật ở Mỹ Tho vẫn duy trì đội ngũ tay sai cũ của chúng. Bọn Quốc dân Đảng, bọn Tôrôtkit lên tiếng chống Pháp, ủng hộ thuyết “Đại Đông Á”, kích động tinh thần yêu nước giả tạo, đòi rước Cường Để về làm vua, tuyên truyền kích động quần chúng chống cộng sản, chống cách mạng.

Về kinh tế, Nhật ra sức bóc lột kiệt quệ nhân dân ta để phục vụ chiến tranh. Chúng bắt lính, sung công nhà cửa, xe cộ... độc quyền thu mua lúa gạo với giá rẻ. Trong lúc nhân dân thiếu đói lương thực, phát xít Nhật lại dùng lúa gạo làm nhiên liệu để chạy máy, nhà đèn, xe lửa... gây nên làn sóng căm phẫn trong mọi tầng lớp nhân dân. Đồng thời, chúng ra sức bắt bớ, khủng bố nhân dân bằng nhiều hình thức dã man. Nhân dân Mỹ Tho sống trong cảnh ngột ngạt và chuẩn bị sẵn sàng đứng lên đấu tranh đòi nền độc lập dân tộc và quyền được sống tự do dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sau thời gian khôi phục lực lượng, ngày 18.3.1945, Tỉnh ủy lâm thời Mỹ Tho được thành lập do đồng chí Trần Văn Vi làm Bí thư. Thực hiện chủ trương của Hội nghị Xứ ủy Nam Kỳ ngày 25.3.1945, Liên Tỉnh ủy lâm thời Tiền Giang ra sức thực hiện nhiệm vụ xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng.

Trước đó (từ 1943), một số đảng viên trong tù đã liên lạc trở lại với tổ chức để thực hiện nhiệm vụ khôi phục tổ chức và đội ngũ đảng viên. Nhưng do không liên lạc được với Trung ương, lại bị Pháp – Nhật khủng bố nên bắt đầu từ tháng 3.1945, Nam Bộ có tới 2 Xứ ủy và ở Mỹ Tho cũng có tới hai Tỉnh ủy lâm thời, ở một số huyện như huyện Cai Lậy cũng tồn tại hai Ban Huyện ủy cùng lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương...

Trước yêu cầu của cách mạng, một nhiệm vụ lớn đặt ra là phải thống nhất tổ chức cơ sở Đảng trong toàn tỉnh. Tháng 5.1945, thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam kỳ, 2 Tỉnh ủy Mỹ Tho đã tiến hành hội nghị tại xã Trung Văn (ngoại ô thị xã Mỹ Tho) để tiến hành hợp nhất các tổ chức cơ sở Đảng trong tỉnh. Hội nghị đã bầu Ban Tỉnh ủy Mỹ Tho thống nhất do đồng chí Dương Khuy làm Bí thư. Tiếp đó, ở các huyện như Châu Thành, Cai Lậy, Chợ Gạo cũng tiến hành hợp nhất các Ban Huyện ủy. Cùng với việc tổ chức hợp các cấp ủy, công tác phát triển các tổ chức cơ sở Đảng ở các xã cũng đạt được kết quả. Riêng ở thị xã Mỹ Tho đã xây dựng được 2 chi bộ cơ sở; ở các huyện cũng xây dựng được các chi bộ Đảng ở các xã như Hậu Thành, Hậu Mỹ, Thiên Hộ... Những thành công trong công tác xây dựng Đảng ở Mỹ Tho trong thời kỳ này có ý nghĩa to lớn; đây là bước chuẩn bị hết sức cần thiết về mặt tổ chức cho công cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám.

Cùng với nhiệm vụ củng cố và phát triển các tổ chức cơ sở Đảng, Liên Tỉnh ủy Tiền Giang đã hết sức chú trọng tới việc xây dựng và phát triển các tổ chức trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng du kích, mở các lớp bồi dưỡng, đào tạo cấp tốc về chương trình Việt Minh và du kích chiến tranh. Tháng 7.1945, Đảng bộ tỉnh đã tổ chức hội nghị các trí thức trong tỉnh, do đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn chủ trì. Nội dung chính của Hội nghị là bàn bạc về tình hình, khả năng cách mạng của nhân dân, đề ra kế hoạch tuyên truyền và tập hợp lực lượng để chuẩn bị khởi nghĩa. Sau hội nghị này, Đảng bộ đã chỉ đạo việc thành lập các đoàn cán bộ về địa phương cơ sở thực hiện chiến dịch tuyên truyền, gây khí thế cách mạng, vận động quần chúng tham gia các tổ chức cách mạng. Đồng thời, Đảng bộ mở các đợt tuyên truyền chống chính sách “Đại Đông Á”, vạch trần bộ mặt thật của phát xít Nhật và bản chất phản động của một số tổ chức tay sai cho Nhật hoạt động trong tỉnh như bọn Quốc gia Đảng, Đảng Hắc Long. Cùng với việc triển khai mạnh mẽ chiến dịch tuyên truyền, Đảng bộ đã khẩn trương lãnh đạo công tác xây dựng các tổ chức quần chúng, lập các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Ở hầu hết các xã đều có các đoàn thể Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ lão cứu quốc, Nhi đồng cứu quốc... Ở một số huyện như Cai Lậy, An Hóa, đến giữa năm 1945 đã xây dựng được Mặt trận Việt Minh ở cấp huyện. Dưới sự

lãnh đạo của Đảng bộ, các tổ chức cứu quốc và Mặt trận Việt Minh đã hoạt động tích cực và có hiệu quả trong công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động quần chúng tham gia tích cực vào phong trào cách mạng, chuẩn bị lực lượng cho Tổng khởi nghĩa.

Bên cạnh những tổ chức quần chúng hoạt động bí mật, Đảng bộ Mỹ Tho tổ chức và lãnh đạo có hiệu quả hoạt động của tổ chức quần chúng công khai, như tổ chức Thanh niên Tiền phong. Tổ chức Thanh niên Tiền phong hoạt động rộng rãi ở hầu khắp các địa bàn trong tỉnh, từ thành thị đến nông thôn và thu hút được đông đảo lực lượng quần chúng tham gia. Phong trào của Thanh niên Tiền phong hoạt động dưới nhiều hình thức: tập luyện võ nghệ, mở lớp đào tạo cán bộ, lập các đội cứu thương tuyên truyền. Những hoạt động đó có tác động tích cực tới phong trào cách mạng.

Từ tháng 4.1945, Đảng bộ đã chỉ đạo việc mở 3 khóa huấn luyện chính trị, quân sự tại xã Thạch Phú (huyện Châu Thành), rồi tổ chức huấn luyện đào tạo cho khoảng 100 cán bộ quân sự tại xã Long An (huyện Châu Thành). Đây chính là bước chuẩn bị quan trọng về lực lượng vũ trang, lực lượng du kích cho khởi nghĩa giành chính quyền. Nhờ những nỗ lực về mọi mặt, đến tháng 8.1945 lực lượng vũ trang đã phát triển mạnh ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh. Ở một số huyện như Cai Lậy, Châu Thành lực lượng vũ trang phát triển mạnh, mỗi xã có từ 1 đến 3 trung đội và thường xuyên được tổ chức tập luyện, chủ động trong mọi tình huống. Cùng với việc chuẩn bị chu đáo về lực lượng, các tổ chức cơ sở Đảng còn tích cực vận động nhân dân rèn một số loại vũ khí thô sơ như gươm, kiếm, phi tiêu, giáo mác, tầm vông để trang bị cho lực lượng vũ trang chuẩn bị khởi nghĩa.

Phong trào kháng Nhật diễn ra mạnh mẽ trong toàn tỉnh khiến cho ở một số nơi chính quyền địch ngày càng rệu rã, thậm chí tự giải tán hoặc tồn tại nhưng bất lực trước khí thế cách mạng ở một số vùng nông thôn trong tỉnh đã được thành lập thay thế chính quyền tay sai.

Ngày 14.8.1945, sau khi phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh, quân Nhật ở Mỹ Tho rệu rã, bọ tay sai thì hoảng sợ, một số bỏ trốn (trong đó có Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý và Ủy trưởng Song Thu). Trước những diễn biến thuận lợi cho cách mạng, ngày 17.8.1945, Tỉnh ủy Mỹ Tho triệu tập hội nghị bàn về vấn đề khởi nghĩa giành chính quyền. Sau khi phân tích tình hình, Tỉnh ủy đã đi đến kết luận: thời cơ cách mạng đã đến. Hội nghị quyết định phát lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh. Phương châm chỉ đạo chung cho cuộc khởi nghĩa được xác định là: nơi nào có lực lượng cách mạng mạnh, địch yếu thì tiến hành khởi nghĩa trước, nơi nào ta còn yếu, địch mạnh thì tiến hành khởi nghĩa sau nhưng mục tiêu cuối cùng là giành cho kì được chính quyền về tay nhân dân trong toàn tỉnh.

Ngày 18.8.1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền đầu tiên trong tỉnh đã diễn ra ở thị xã Mỹ Tho. Đi đầu đoàn quân khởi nghĩa xuất phát từ 4 giờ sáng là đội ngũ học viên Trường huấn luyện quân sự tại xã Long An (huyện Châu Thành) do đồng chí Phạm Lương Trực chỉ huy. Đoàn quân được biên chế thành 3 trung đội tiến vào thị xã để phối hợp với lực lượng bên trong và cơ sở nội ứng của ta đánh chiếm các mục tiêu trong thị xã. Với khí thế cách mạng sục sôi, lực lượng cách mạng đã nhanh chóng làm chủ tình hình, làm chủ các mục tiêu như: bót mật thám, bót cảnh sát, trại lính mã tà, tòa án, kho bạc. Đến 9 giờ cùng ngày, ta đã làm chủ được các công sở của chính quyền tay sai trong thị xã. Những ngày tiếp sau, quần chúng cách mạng liên tiếp tổ chức các cuộc biểu tình thị uy, lực lượng vũ trang triển khai canh gác ngày đêm giữ gìn an ninh trật tự và thành quả cách mạng mới thu được.

Để chuẩn bị cho những bước cần thiết tiếp theo cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, tối 24.8.1945, Tỉnh ủy Mỹ Tho đã tiến hành triệu tập hội nghị tại Tòa bố (thị xã Mỹ Tho) để thành lập Ủy ban nhân dân tỉnh và chuẩn bị tổ chức cuộc mít tinh của đông đảo quần chúng chào mừng sự ra đời của chính quyền cách mạng. Sáng ngày 25.8, tỉnh trưởng bàn giao chính quyền cho cách mạng; chính quyền cách mạng tỉnh ra mắt do đồng chí Trần Văn Hiếu làm chủ tịch.

Phong trào khởi nghĩa ở thị xã Mỹ Tho đã nhanh chóng phát triển ra các địa phương khác trong tỉnh. Ngày 23.8, Huyện ủy Cai Lậy đã tổ chức quần chúng và lực lượng vũ trang

gây áp lực buộc chủ quận phải giao chính quyền về tay Mặt trận Việt Minh; ngày 24.8, chính quyền cách mạng ở Cai Lậy được thành lập thay thế chính quyền cũ.

Cách mạng tháng Tám ở Mỹ Tho thắng lợi, hòa chung với thắng lợi của cách mạng cả nước. Sáng ngày 2.9.1945, hàng ngàn dân nội thị và các xã lân cận thị xã Mỹ Tho, trung cờ đỏ sao vàng, cờ Đảng, giương các khẩu hiệu cách mạng, kéo về sân vận động Mỹ Tho mừng ngày tuyên bố độc lập. Sau đó, cuộc mít tinh trở thành cuộc tuần hành thị uy qua các đường phố, mừng Tổ quốc được độc lập.

SÓC TRĂNG

Sóc Trăng là tỉnh miền Tây Nam Bộ, nơi có đồng đảo đồng bào Khmer chung sống cùng người Việt, Hoa. Phong trào yêu nước, cách mạng của nhân dân luôn sôi nổi qua các thời kì đấu tranh chống thực dân Pháp và quân phiệt Nhật để giành độc lập cho đất nước. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cuộc đấu tranh càng phát triển mạnh mẽ.

Khi Nhật đảo chính Pháp (9.3.1945), Tỉnh ủy Sóc Trăng được Liên Tỉnh ủy Hậu Giang công nhận vào tháng 5.1945, đã tiến hành tổ chức các Hội cứu quốc (Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Thiên Lâm cứu quốc...), bao gồm đồng đảo các tầng lớp nhân dân, các tộc người, tín đồ tôn giáo. Các hội cứu quốc này đều là thành viên của Mặt trận Việt Minh, do đồng chí Phan Văn Chiêu làm chủ nhiệm.

Phong trào cách mạng sôi nổi ở khắp nông thôn và thành thị, trong đồng bào Việt và Khmer (tổ chức Thanh niên Khmer trong Sarakum cũng gia nhập Mặt trận Việt Minh). Thanh niên luyện tập sự, hát vang các bài “Lên đảng”, “Thanh niên hành khúc”, chuẩn bị cho ngày khởi nghĩa.

Nghe tin Nhật đầu hàng Đồng minh, tiếp đó Hà Nội khởi nghĩa thành công (19.8.1945). Ngày 20.8, Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng liền họp Hội nghị đặc biệt và quyết định các nhiệm vụ khẩn cấp:

- Gấp rút tổ chức quần chúng công nông vào các tổ chức cách mạng. Chuẩn bị đi vào hành động.
- Có kế hoạch tiếp thu và bảo quản cơ sở văn hóa xã hội của địch khi ta giành được chính quyền.
- Vận động binh sĩ các trại lính tập, Mã tà, Cảnh sát đi theo cách mạng.
- Tìm bằng mọi cách – mua, xin, vận động lính Nhật để có được nhiều súng, đạn được.

Ngày 23.8.1945, được Xứ ủy Nam Kỳ đồng ý Tỉnh ủy Sóc Trăng thông qua kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền trong tỉnh. Trước khí thế của cách mạng ở địa phương, cũng như trong cả nước, Tỉnh trưởng Sóc Trăng Võ Văn Đảnh triệu tập công chức các ti, sở cấp tỉnh, hội tề hàng quận, hàng tổng, hàng xã về Tòa bố và công khai tuyên bố “ủng hộ Mặt trận Việt Minh...”.

Trong tình hình thuận lợi này, Tỉnh ủy quyết định sẽ tổ chức một cuộc mít tinh lớn vào ngày 25.8.1945, dùng áp lực của quần chúng buộc Tỉnh trưởng giao chính quyền cho nhân dân.

Từ đêm 24.8.1945, nhân dân thị xã Sóc Trăng đã nô nức chuẩn bị khán đài, băng cờ, khẩu hiệu cho cuộc mít tinh, tuần hành. Đội vũ trang của Tỉnh ủy phân công bảo vệ cơ quan, theo dõi, giám sát các trại lính của Nhật, Bảo an ninh.

Mờ sáng 25.8, nhân dân từ nhiều hướng ở ngoại thị rầm rập kéo vào thị xã, cùng đồng bào thị xã tham dự cuộc mít tinh lớn. Cả một rừng người với cờ đỏ sao vàng, gậy tầm vông, gươm mác cầm tay, phi tiêu ngang lưng, đứng thành hàng ngũ chỉnh tề theo sự sắp xếp của Ban tổ chức. Khí thế cách mạng hùng hực, trào dâng ở mọi người.

Trên khán đài có bàn thờ Tổ quốc, nghi ngút hương khói vừa trân trọng, vừa thân thiết. Lần đầu tiên nhân dân được làm lễ công khai. Khẩu hiệu “Tổ quốc trên hết” đặt trên cao, ngay giữa khán đài, đập vào mắt mọi người. Dọc theo hai bên khán đài có hai băngrôn nền đỏ chữ vàng “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Mặt trận Việt Minh muôn năm”.

Đồng chí Dương Kỳ Hiệp đọc diễn văn trong buổi lễ. Sau khi thông báo cách mạng đã thành công trên cả nước, đồng chí tuyên bố:

“... Kể từ nay, 25.8.1945, chính quyền bù nhìn từ tỉnh, quận, tổng, làng của chế độ thực dân, phong kiến đều bị bãi bỏ... Mọi chính sách bất công, thuế bất công, thuế khóa nặng nề vô lí của tay sai Pháp – Nhật đặt ra... đều được xóa bỏ...”.

Đồng chí cũng tuyên bố danh sách của Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh gồm 7 vị, do Hội đồng khởi nghĩa đề cử là:

1. Đường Kỳ Hiệp, đại diện Đảng Cộng sản, làm Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời.
2. Tạ Bá Tông, đại diện Đảng Dân Chủ - Phó chủ tịch.
3. Trần Cẩm Hiệp, đại diện công chức, học sinh - Ủy viên nội chính.
4. Vương Kỳ Nam, đại diện Tịnh Độ Sư Sĩ - Ủy viên quân sự.
5. Trần Công, đại diện dân tộc Khơme - Ủy viên thư kí.
6. Diệp Văn Giáp, đại diện trí thức, công chức - Ủy viên kinh tế.
7. Đỗ Hữu Tường, đại diện trí thức, công chức - Ủy viên giáo dục – y tế - xã hội...

Thành phần Ủy ban cách mạng lâm thời thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc, gồm các tầng lớp nhân dân, tôn giáo, dân tộc. Đồng bào hoan hô nhiệt liệt chính quyền cách mạng. Từ nay nhân dân Sóc Trăng thực sự làm chủ quê hương, vận mệnh mình. Tiếp đó, tỉnh trưởng Võ Văn Đảnh mời Ủy ban cách mạng lâm thời về Tòa bố bàn giao chính quyền và xin từ chức để làm một công dân của chế độ mới.

Cuộc mít tinh trở thành cuộc tuần hành thị uy, đoàn này nối tiếp đoàn kia đi qua đại lộ Đại Ngãi (nay là đường Hai Bà Trưng) hô vang khẩu hiệu: “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Mặt trận Việt Minh muôn năm”...

Quân Nhật đóng ở sân bay Sóc Trăng án binh bất động trước tình hình này. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Sóc Trăng diễn ra nhanh gọn, hào hứng, bùng bùng khí thế cách mạng.

Cuộc sống mới độc lập tự do lần đầu xuất hiện ở Sóc Trăng sau 80 năm nô lệ làm than, hòa chung vào thắng lợi to lớn của nhân dân cả nước.

CẦN THƠ

Cần Thơ là một vùng đất thuộc tỉnh An Giang cũ, bị Pháp chiếm năm 1867. Ngày 23.2.1876, tỉnh Cần Thơ được thành lập cho đến Cách mạng tháng Tám 1945. Từ năm 1945 đến nay, trải qua nhiều lần thay đổi về địa giới, tỉnh Cần Thơ được chia thành Thành Phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương và tỉnh Hậu Giang.

Tuy bị thực dân Pháp đàn áp gắt gao, song phong trào yêu nước cách mạng ở Cần Thơ vẫn phát triển mạnh mẽ. Học sinh Trường Trung học Cần Thơ (Collège de Cần Thơ) là những người yêu nước đầu tiên ở địa phương tiếp xúc với tài liệu, sách báo của Nguyễn Ái Quốc, tổ chức cộng sản. Đó là những người như Ung Văn Khiêm, Châu Văn Liêm, Nguyễn Văn Tây...

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3.2.1930), Đặc ủy Hậu Giang được thành lập và lãnh đạo các phong trào cách mạng 1930 – 1931, 1936 – 1939. Cuộc khởi nghĩa Nam

Kỳ (tháng 11.1940) nổ ra mạnh mẽ ở Cần Thơ và bị đàn áp đẫm máu. Tuy thất bại, nhưng nó có ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân vùng Hậu Giang, để lại nhiều bài học xương máu cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

Từ năm 1841 đến đầu 1945, các tổ chức quần chúng ở Cần Thơ, nhất là ở thị xã được nhanh chóng khôi phục và hoạt động mạnh mẽ chống lại sức đàn áp, bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Ở ngoại ô thị xã Cần Thơ, Cái Răng, Mỹ Khánh, bọn Nhật buộc nhân dân phải nhổ dâu tằm trồng đay, cướp lúa gạo của dân để cung cấp cho chiến tranh. Liên Tỉnh ủy Hậu Giang đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống lại những hành động ăn cướp ấy, chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa giành chính quyền.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp (9.3.1945), chính quyền tay sai được thành lập ở Cần Thơ, do Đốc Phủ sứ Lưu Văn Tào làm Tỉnh trưởng, bác sĩ Lê Văn Hoạch làm Cảnh sát trưởng... Cần Thơ được quân Nhật lấy làm đầu não của miền Tây, nên tập trung lực lượng ở đây rất đông để đối phó với cách mạng của vùng rộng lớn, giàu có này. Chúng dựa vào các thế lực phản động trong các tôn giáo (Hòa Hảo, Cao Đài, Khất sĩ, Tịnh độ cư sĩ, Tứ ân Hiếu nghĩa...) để mê hoặc, lôi kéo đồng bào tín đồ chống lại cách mạng.

Trước tình hình ấy, Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy Tiền phong chủ trương tuyên truyền chương trình của Mặt trận Việt Minh, nhất là chính sách tôn giáo, vận động quần chúng, nhất là đồng bào tín đồ các tôn giáo, hiểu rõ bộ mặt thật của “bọn phản đạo, hại nước”, cùng nhân dân đấu tranh giành độc lập.

Đầu tháng 4.1945, Liên Tỉnh ủy miền Tây được thành lập, do đồng chí Nguyễn Văn Tây làm bí thư. Tháng 6.1945, Tỉnh ủy lâm thời Cần Thơ được bầu trong một cuộc Hội nghị đại biểu các tổ chức cơ sở Đảng của tỉnh. Hội nghị nhất trí về thời cơ giành chính quyền đang đến; vì vậy, phải tranh thủ tập hợp mọi lực lượng quần chúng nhân dân, tham gia Mặt trận dân tộc thống nhất, đặc biệt chú ý đến tín đồ Hòa Hảo, Cao Đài. Hội nghị nhấn mạnh chủ trương tích cực xây dựng đội du kích, vận động tư sản, địa chủ có súng giao cho cách mạng và tổ chức mua súng của lính Nhật. Hội nghị bầu đồng chí Trần Ngọc Quế làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời Cần Thơ (nhóm Tiền phong).

Ở Cần Thơ, tổ chức Thanh niên Tiền phong phát triển rất nhanh; đến cuối tháng 6.1945, toàn tỉnh có hơn 70.000 đoàn viên, trong đó có nhiều hội viên các đoàn thể cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Tỉnh ủy lâm thời Cần Thơ đã thực sự nắm được tổ chức Thanh niên Tiền phong và sử dụng lực lượng này trong các hoạt động của Đảng, như tham gia tuần tra canh gác, bảo vệ trật tự, an ninh, chống cướp, luyện tập võ nghệ, rèn gươm giáo...

Việc tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang được Tỉnh ủy lâm thời Cần Thơ đặc biệt chú trọng. Đến cuối tháng 7.1945, lực lượng vũ trang các quận đã có trên 300 người, trong số này có nhiều người được chọn bổ sung vào “xung phong đội” ở thị xã (tổ chức vũ trang hoạt động công khai của Thanh niên Tiền phong).

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, thực hiện lệnh Tổng khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, ngày 17.8.1945 Tỉnh ủy Cần Thơ họp bàn kế hoạch khởi nghĩa trong tỉnh. Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh được thành lập do đồng chí Trần Ngọc Quế (Bí thư Tỉnh ủy) làm chủ tịch, Huỳnh Phúc Mậu (Hòa Hảo) – Phó Chủ tịch, Trần Văn Khéo (Thanh niên Tiền phong) – Tổng thư kí. Ngoài ra còn có các ủy viên đại diện cho Việt Minh, Hòa Hảo, Đảng Dân chủ, Thanh niên Tiền phong, thể hiện đường lối Mặt trận dân tộc thống nhất.

Ngày 22.8, Hội nghị Tỉnh ủy nghiên cứu Nghị quyết của Xứ ủy và vạch kế hoạch giành chính quyền trong tỉnh, quyết định cử các đồng chí Hồ Bá Phúc, Trần Văn Khéo, Nguyễn Văn Chức và Tú Tài Thiệu (Hòa Hảo) tham gia giành chính quyền ở Sài Gòn vào ngày 25.8, để rút kinh nghiệm về vận dụng cụ thể cho tỉnh nhà. Hội nghị cũng quyết định các “Xung phong đội” của các quận về thị xã để tăng cường bảo vệ cơ quan lãnh đạo, sẵn sàng chờ lệnh khởi nghĩa.

Thắng lợi cuộc khởi nghĩa trong cả nước, đặc biệt ở Sài Gòn (25.8) làm cho quân Nhật và tay sai ở Cần Thơ ngày càng hoang mang, lo sợ. 600 quân Nhật tập trung về Tổng

hành dinh (tức Ban chỉ huy quân đội Nhật) của 10 tỉnh Hậu Giang, đóng tại thị xã Cần Thơ để phòng thủ. Trong một cuộc họp bất thường, Tỉnh ủy quyết định cử một phái đoàn, gồm các đồng chí Trần Ngọc Quế, Nguyễn Thượng Tư (thay mặt Thanh niên Tiền phong), Huỳnh Cẩm Chương (trí thức yêu nước làm phiên dịch) đến gặp Satô, chỉ huy Sở Hiến binh Nhật, báo cho hắn biết ngày 26.8 sẽ có cuộc mít tinh lớn ở thị xã Cần Thơ.

Mục đích tổ chức cuộc mít tinh này là để biểu dương lực lượng và thăm dò thái độ của quân Nhật. Trong trường hợp thuận lợi sẽ tiến hành giành chính quyền ngay. Để bảo vệ cho đoàn đại biểu và làm áp lực với quân Nhật, Tỉnh ủy cử đồng chí Huỳnh Phan Hộ chỉ huy lực lượng “Xung phong đội” bí mật bao vây Sở Hiến binh Nhật, theo dõi thái độ của Tỉnh trưởng Lưu Văn Tào.

Trong thế suy yếu và trước sức mạnh của cách mạng, quân Nhật không dám kháng cự và chấp nhận những yêu cầu của đoàn đại biểu ta. Ngay lập tức, Tỉnh ủy quyết định biến cuộc mít tinh ngày 26.8.1945 thành cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã Cần Thơ và các địa phương trong tỉnh.

Sáng sớm ngày 26.8.1945 trên 20 ngàn đồng bào thị xã và các quận Ô Môn, Châu Thành, Phụng Hiệp... xếp thành từng đoàn, mang băng, cờ, khẩu hiệu, kéo về tập trung tại sân vận động Cần Thơ, trước lễ đài có treo tấm băng lớn:

“Chính quyền về tay nhân dân!”

“Nước Việt Nam độc lập muôn năm!”

Đúng 6 giờ sáng, Ủy ban Dân tộc Giải phóng tỉnh ra mắt nhân dân. Đồng chí Huỳnh Phan Hộ thay mặt Ủy ban đọc lời hiệu triệu và kêu gọi đồng bào đoàn kết, đấu tranh giành lấy chính quyền.

Sau cuộc mít tinh, quần chúng được tổ chức theo từng khối, có lực lượng tự vệ vũ trang và “Xung phong đội” hỗ trợ xuống đường biểu tình thị uy. Đoàn biểu tình kéo qua khắp các ngã đường trong thị xã, biểu dương lực lượng, rồi tập trung tại dinh xã Tây.

Trước khí thế của quần chúng, Tỉnh trưởng Lưu Văn Tào buộc phải giao chính quyền cho đại diện của Ủy ban Dân tộc Giải phóng và tuyên bố giải tán chính quyền bù nhìn trong toàn tỉnh. Lưu Văn Tào xin chính quyền cách mạng cho làm người công dân của nước Việt Nam độc lập. Đồng chí Trần Ngọc Quế, chủ tịch Ủy ban Dân tộc Giải phóng tỉnh long trọng tuyên bố:

- Chính quyền đã về tay nhân dân.
- Bãi bỏ các thứ thuế vô lí do phát xít Nhật và thực dân Pháp đặt ra.
- Trả tự do cho tù chính trị.
- Bảo vệ tài sản của nhân dân.
- Tịch thu toàn bộ tài sản của thực dân Pháp.

Đồng chí kêu gọi toàn thể đồng bào hãy đoàn kết chung quanh chính quyền cách mạng để giữ gìn nền độc lập của Tổ quốc. Sau đó, các đồng chí trong Ủy ban Dân tộc Giải phóng chia nhau đi tiếp quản các cơ quan hành chính, kinh tế, văn hóa, ngân hàng, kho bạc... ở thị xã.

Cuộc khởi nghĩa thành công lan nhanh ra các địa phương trong tỉnh. Ở Cầu Kè, vào 8 giờ sáng ngày 24.8.1945 nhân dân vũ trang khởi nghĩa chiếm Nhà việc làng Vĩnh Xuân; 12 giờ lực lượng khởi nghĩa chia nhau đi tước súng của địa chủ; 3 giờ chiều nhân dân lấy đồn La Ghì (Vĩnh Xuân), thu 31 súng và thành lập một trung đội vũ trang; 6 giờ sáng ngày 25.8.1945, quần chúng vũ trang bằng giao, mác, trương băng, cờ, khẩu hiệu tiến thẳng đến dinh quận Cầu Kè. Trước sức mạnh của quần chúng, Đốc phủ sứ chủ quận và bọn lính kéo ra hàng. Chính quyền địch bị giải tán, Ủy ban nhân dân quận ra mắt nhân dân, được hoan hô nhiệt liệt.

Tại quận Trà Ôn, được sự lãnh đạo của Quận ủy, lực lượng Thanh niên Tiền phong cùng quần chúng thị trấn và các làng lân cận biểu tình có vũ trang bằng gậy gộc, kéo đến dinh quận, buộc quận trưởng đầu hàng. Ủy ban nhân dân quận và các làng được thành lập trong ngày 26.8.1945.

Ở quận Ô Môn và Châu Thành, đến chiều 26.8 chính quyền hoàn toàn về tay nhân dân. Riêng ở làng Thới Lai (Ô Môn), ngay từ ngày 18.8, đồng chí Hoàng Chiếu, cán bộ của Đảng lãnh đạo nhân dân cướp đồn Thới Lai, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng. Nhân dân ở đây xây dựng một trung đội tự vệ, được trang bị một số súng. Đơn vị này được điều ra Cần Thơ bảo vệ cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh và hỗ trợ cho nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền.

Ở quận Phụng Hiệp, tên Quận trưởng gây nhiều tội ác với cách mạng, ngoan cố không chịu đầu hàng. Sáng ngày 27.8, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đã tấn công bắt được hắn và tước súng bọn lính quận. Ngay sau đó, Ủy ban nhân dân quận được thành lập.

Các địa phương khác trong tỉnh lần lượt thành lập chính quyền cách mạng. Tuy nhiên, do việc chưa có sự lãnh đạo thống nhất giữa hai Tỉnh ủy (Tiền phong và Giải phóng) nên một vài nơi bọn phản động trong giáo phái Hòa Hảo đã nắm được chính quyền, như ở Tân Quới, Tân Lược, Phong Hòa (phía bắc tả ngạn sông Bát Xắc). Sau này lực lượng cách mạng mới có người tham gia chính quyền.

Về cơ bản, chính quyền ở Cần Thơ đã về tay nhân dân nhưng tình hình còn nhiều phức tạp. Quân Nhật còn rất đông; các “lãnh tụ” Hòa Hảo, Cao Đài ngoài mặt tuyên bố hợp tác với cách mạng, nhưng ngầm ngầm chống đối. Một số tri thức, học sinh, các thành phần lớp trên lo lắng, dao động. Trước tình hình đó, ngày 28.8.1945 Ủy ban hành chính Nam Bộ ra quyết định thành lập Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ do đồng chí Trần Văn Khéo làm chủ tịch. Đây là Ủy ban nhân dân được công nhận sớm nhất ở Nam Bộ.

Cuộc khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 của Đảng bộ và nhân dân Cần Thơ góp phần vào thắng lợi của cách mạng trong cả nước, mở ra một trang sử mới cho dân tộc.

LONG XUYÊN – CHÂU ĐỐC

An Giang ngày nay (gồm hai tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên trước đây), nơi địa đầu của Tổ quốc ở phía Tây nam, đã sớm bị thực dân Pháp chiếm đóng. Ngày 22.6.1867, Pháp chiếm thành Châu Đốc rồi lan ra cả tỉnh, cả miền Tây Nam Kỳ. Nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp liên tiếp nổ ra cho đến Cách mạng tháng Tám 1945, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Trần Văn Thành ở Bảy Thưa (1872 – 1873). Phong trào yêu nước chống Pháp, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phát triển sâu rộng và nhanh chóng. Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11.1940), Long Xuyên và Châu Đốc là những trung tâm đấu tranh mạnh mẽ và chịu nhiều tổn thất hi sinh to lớn, đặc biệt ở Long Điền, Kiến An, Mỹ Luông...

Truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân Long Xuyên – Châu Đốc đã đưa cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc đến thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám 1945.

Long Xuyên và Châu Đốc là nơi sinh sống của các dân tộc anh em (Việt, Khome, Chăm, Hoa) và tín đồ của nhiều tôn giáo, đông nhất là đồng bào theo Phật giáo Hòa Hảo. Thực dân Pháp, quân phiệt Nhật đã lợi dụng tình hình phức tạp về dân tộc, tôn giáo để chia rẽ nhân dân trong tỉnh, làm suy yếu sức mạnh đấu tranh cho độc lập tự do. Mặt khác, Đảng bộ Nam Kỳ trong những năm đầu thập kỷ 40 thế kỷ 20 cũng thiếu sự thống nhất, về tổ chức và phương thức đấu tranh với việc hình thành hai Xứ ủy – “Tiền phong” và “Giải phóng”. Đảng bộ Long Xuyên, Châu Đốc lúc bấy giờ do Liên Tỉnh ủy Hậu Giang (thuộc Xứ ủy “Giải phóng”) chỉ đạo.

Tuy có những khó khăn khách quan và chủ quan như vậy, song quần chúng nhân dân Long Xuyên, Châu Đốc, dưới sự lãnh đạo của các Đảng bộ địa phương lúc bấy giờ tích cực chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa khi có thời cơ.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9.3.1945), một số chiến sĩ cộng sản bị giam ở Bà Rá, Tà Rài vượt ngục về liên hệ với Ban Cán sự Đảng Long Xuyên, Châu Đốc để hoạt động, song không được tiếp nhận. Các đồng chí này liên hệ với các địa phương khác ở miền Tây để hoạt động.

Tuy chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động và lãnh đạo, song từ tháng 5.1945, phong trào cách mạng ở Long Xuyên, Châu Đốc cũng phát triển mạnh, đặc biệt ở thị xã Long Xuyên. Chi bộ thị xã được thành lập với 14 đảng viên. Cũng trong thời gian này, Quận ủy lâm thời Thốt Nốt (nay thuộc thành phố Cần Thơ) được thành lập, gồm một số chi bộ ở các xã Trung Nhất, Trung Nhì..., lãnh đạo các tổ chức quần chúng, như Hội nông dân, Thanh niên, Phụ nữ cứu quốc... Đội tự vệ vũ trang được thành lập và thường xuyên luyện tập quân sự.

Ở thị xã Long Xuyên dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, những hoạt động rải truyền đơn, treo biểu ngữ thường xuyên diễn ra, làm cho địch lo sợ, quần chúng phấn khởi, tăng thêm khí thế cách mạng. Một đội thanh niên xung kích và liên đoàn tài xế, gồm khoảng 30 đội viên, làm lực lượng xung kích khi cuộc khởi nghĩa giành chính quyền nổ ra ở tỉnh lỵ.

Đối phó với phong trào cách mạng, quân phiệt Nhật nắm số thủ lĩnh quân sự của Nhật giáo Hòa Hảo như Trần Văn Soái (Năm Lửa), Lâm Thành Nguyên (Hai Ngoán), Nguyễn Giác Ngộ, Lê Quang Vinh (Ba Cụt) để tổ chức đội bảo an, được trang bị bằng giáo mác, kiếm đao và súng của Nhật cung cấp. Bọn tay chân của Nhật ra sức hống hách, trả thù, trả oán, bắt bớ, đánh đập người dân lương thiện. Nhiều tên phản động đội lốt tôn giáo nhày ra làm tay sai cho Nhật như Hồ Tấn Khoa (Cao Đài) làm Tỉnh trưởng Châu Đốc, Trương Văn Thành làm Tỉnh trưởng Long Xuyên, Võ Tăng Sâm (Hòa Hảo) làm Cảnh trưởng Long Xuyên (nên còn gọi là Cò Sâm)... và nhiều tên khác ở quận, xã. Hệ phái Cao Đài của Phạm Công Tắc, Trần Quang Vinh xây dựng lực lượng vũ trang, đưa thanh niên tin đồ vào lính Nhật, tổ chức canh gác, đi bắt lính cho Nhật, kích động tinh thần “yêu nước”, đòi rước Cường Để về làm vua. Bọn Torôkit, bọn Đại Việt lợi dụng thời cơ chui vào đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo tuyên truyền lừa gạt tín đồ, phá hoại Mặt trận Việt Minh, tiếp tay cho Nhật bắt lính xây dựng lực lượng.

Thủ đoạn lừa bịp, mị dân, chia rẽ của Nhật cũng thu được một số kết quả nhất định. Một số tín đồ các tôn giáo tin theo những kẻ đứng đầu giáo phái, khoác áo tôn giáo, để lôi kéo đồng bào chống lại cách mạng. Song bộ mặt thật của các “lãnh tụ giáo phái”, của “độc lập” giả hiệu mà Nhật “trao trả”, nhanh chóng bị bóc trần vì chính sách bóc lột, vơ vét, đàn áp dã man của Nhật và bọn tay sai.

Đảng bộ Long Xuyên, Châu Đốc đã vận động, giác ngộ các tầng lớp nhân dân, thuộc các dân tộc, tín ngưỡng khác nhau nhận thấy bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của phát xít Nhật và tay sai, quyết tâm đấu tranh giành độc lập, tự do thực sự, chân chính.

Các tổ chức cứu quốc của quần chúng phát triển nhanh chóng khắp tỉnh, lực lượng vũ trang ngày đêm luyện tập. Trước phong trào cách mạng mạnh mẽ của quần chúng, hệ thống chính quyền tay sai của Nhật, nhất là ở cấp xã, đã hoang mang lo sợ, có nơi nằm im không hoạt động hoặc tự giải tán. Các tổ chức phe phái thân Nhật cũng ở vào tình trạng bế tắc.

Đảng bộ và nhân dân Long Xuyên, Châu Đốc khẩn trương chuẩn bị giành chính quyền. Ngày 13.8, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân đội Nhật ở Đông Dương hoàn toàn suy sụp tinh thần. Bộ máy chính quyền, quân đội tay sai của Nhật ở tỉnh lỵ Long Xuyên cũng hoang mang, rệu rã. Các cơ quan hành chính không làm việc, nhiều công chức bỏ về nhà. Trong số lính mã tà, chi bộ Đảng thị xã tranh thủ, vận động được Quân Hải, tìm cách kiềm chế bọn lính không cho chúng tự do hành động. Lực lượng cảnh sát, có tổ Thanh niên Cứu quốc của đồng chí Đáo làm nòng cốt, đã nghiêng hẳn về phía cách mạng, chờ lệnh là giành chính quyền.

Trong khi chờ lệnh khởi nghĩa của cấp trên, Đảng bộ Long Xuyên, Châu Đốc tích cực chuẩn bị nổi dậy đấu tranh.

Ngày 15.8, Quận ủy Hồng Ngự (lúc bấy giờ thuộc Châu Đốc, nay thuộc Đồng Tháp), triệu tập cuộc hội nghị bàn kế hoạch khởi nghĩa. Hội nghị khẳng định: Hồng Ngự có nhiều thuận lợi để quần chúng nổi dậy giành chính quyền, như bộ máy cai trị của địch ở cấp xã hầu như đã tan rã; viên Quận trưởng lo sợ, qua tiếp xúc với ta đã tỏ ý đầu hàng. Hội nghị bầu Ủy ban khởi nghĩa, do đồng chí Phan Văn Cai làm chỉ huy trưởng và ra lệnh cho các chi bộ tập hợp lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa.

Ở Long Xuyên, bọn Nhật tập trung về nhà thờ Cù Lao Giêng (Chợ Mới). Ở Châu Đốc, chúng tập trung vào thành P.C¹; bộ máy chính quyền tay sai của chúng ở tỉnh này hầu như ngừng hoạt động.

Tin Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện càng thúc giục đảng viên và quần chúng từng ngày, từng giờ chờ lệnh để vùng lên giành độc lập tự do.

Theo lệnh của Quận ủy Hồng Ngự, ngày 20.8, chi bộ xã Tân Huệ huy động khoảng 700 người, vũ trang giáo mác, tầm vông, gậy gộc rậm rạp kéo đến bao vây đồn Tân Huệ. Bọn lính địch bỏ chạy, ta thu 2 súng trường. Phát huy thắng lợi, lực lượng khởi nghĩa tiến tới Tân Quới, Tân Long. Trên đường đi, số quần chúng tham gia ngày một đông, lên đến trên 2.000 người. Với khí thế bừng bừng sức sôi, họ vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu: “Chính quyền về tay nhân dân!”, “Việt Nam độc lập muôn năm!”. Đoàn biểu tình đi đến đâu, bọn tề, lính đều bỏ chạy, ta hoàn toàn làm chủ 3 xã ở Cù Lao Tây (Tân Huệ, Tân Quới, Tân Long).

Trên đà thắng lợi ấy, ngày 22.8 Quận ủy Hồng Ngự quyết định khởi nghĩa. Đồng chí Phan Văn Cai đến quận đường, được sự ủng hộ của hàng ngàn quần chúng, đã buộc Quận trưởng phải giao chính quyền cho cách mạng. Cùng ngày, nhân dân các xã trong quận đều nổi dậy giành quyền làm chủ. Như vậy, đến ngày 22.8 quận Hồng Ngự đã hoàn toàn được giải phóng; đây là quận giành được chính quyền sớm nhất ở hai tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc. Ở quận lỵ Tân Châu (Châu Đốc), cờ Đảng được treo công khai trước trụ sở của Đảng bộ - tiệm may Song Phượng. Lợi dụng chính quyền địch đang tan rã, một số cán bộ xã tự động tập hợp nhân dân giành chính quyền.

Ở Kiến An (Long Xuyên) vào ngày 20.8.1945, khắp xã đã trương khẩu hiệu: “Đánh đổ thực dân Pháp, phát xít Nhật đem lại độc lập dân tộc”. Ở Mỹ Luông và Long Điền, chính quyền cũng về tay nhân dân trong ngày 22.8. Riêng ở xã Mỹ Hiệp, từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp, chi bộ đã tổ chức đưa người của ta bí mật nắm chính quyền xã. Các đồng chí Lê Thiện Tứ, Nguyễn Khắc Thận, Trần Văn Nghiệp tiến hành việc in ấn tài liệu, truyền đơn... ở nhà ông Trần Văn An (Tur An) chuẩn bị cho ngày khởi nghĩa.

Ngày 23.8, Tỉnh ủy Long Xuyên được Xứ ủy Nam Kỳ báo tin việc giành chính quyền ở Sài Gòn sẽ diễn ra vào ngày 25.8. Tỉnh ủy cấp tốc triệu tập hội nghị, quyết định giành chính quyền ở Chợ Mới vào ngày 24.8, sau đó đưa lực lượng hỗ trợ để giành chính quyền ở tỉnh lỵ Long Xuyên vào ngày 25.8, cùng ngày với cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn. Hội nghị phân công đồng chí Lê Thiện Tứ lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền ở Chợ Mới, đồng chí Nguyễn Văn Nhung phụ trách giành chính quyền ở tỉnh lỵ Long Xuyên.

Ngay đêm 23 rạng ngày 24.8, đồng chí Lê Thiện Tứ chỉ huy lực lượng xung kích đến dinh quận Chợ Mới, dùng áp lực của quần chúng buộc Quận trưởng phải giao chính quyền và nộp hết vũ khí, phải có mặt tại quận đường đến hết ngày 26. Trong ngày 24, đồng bào khắp các xã trong quận Chợ Mới đã quét sạch bộ máy tề xã và lập chính quyền cách mạng.

Cùng ngày 24.8, các đội tự vệ chiến đấu dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Văn Kính, Ngô Văn Chính đã vây đồn lính tại bến phà Vàm Cống (phía Lấp Vò). Bọn chúng hoảng sợ đầu hàng, giao nộp 8 súng và 80 viên đạn.

Từ ngày 24, chi bộ tỉnh lỵ Long Xuyên, được sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Văn Nhung, đã tổ chức quần chúng treo băng cờ, biểu ngữ. Các đội “Tự vệ chiến đấu” bí mật bám sát kho súng, kho bạc, dinh tỉnh trưởng, nhà dây thép, cầu quay, hỗ trợ cho việc giành chính quyền bằng lực lượng của quần chúng. Không khí khởi nghĩa nhộn nhịp, hào hứng khắp thị xã. Mọi người tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, tự nguyện tham gia

các hoạt động gần như công khai. Truyền đơn, cờ bươm được đặt cả trên làm việc của viên cảnh sát trưởng Châu Thành. Anh Cảnh – đoàn viên Thanh niên Cứu quốc dũng cảm vượt mấy vòng canh gác của địch, cắm cờ trên nóc dinh Tỉnh trưởng dưới sự hỗ trợ của anh em cảnh sát bảo vệ dinh.

Trong khi cuộc khởi nghĩa diễn ra rầm rộ ở các địa phương, đồng chí Nguyễn Văn Nhung, Bí thư Tỉnh ủy lâm thời Long Xuyên, lần lượt gặp thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong, bác sĩ Dương Văn Ân; lãnh tụ đạo Cao Đài ở Long Xuyên Diệp quang Khai và đại diện Tỉnh bộ giáo phái Hòa Hảo báo tin Việt Minh khởi nghĩa giành chính quyền và đề nghị các lực lượng tham gia. Công việc diễn ra cũng trôi chảy, tuy lúc đầu giáo phái Hòa Hảo cũng muốn giành chính quyền.

Ở Châu Đốc, trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, ban lãnh đạo đã nhiều lần liên lạc với Tỉnh trưởng đề nghị giao chính quyền cho cách mạng và được chấp nhận. Tối 26 rạng ngày 27.8, các đội vũ trang thị xã Châu Đốc đi chiếm các công sở của chính quyền ngụy, như Tòa bố, Sở Mật thám, Sở Cảnh sát... lính bảo an đã giao nộp vũ khí đạn dược cho cách mạng.

Sáng ngày 27.8, hàng vạn nhân dân thị xã và các vùng lân cận tuần hành thị uy rồi họp mít tinh chào mừng lễ ra mắt của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh, do đồng chí Nguyễn Văn Thôi làm chủ tịch. Chỉ trong vòng một tuần lễ, chính quyền cách mạng được thành lập ở các cấp huyện, xã. Chính quyền cách mạng bao gồm đại biểu của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo tham gia.

Chính quyền ở Châu Đốc đã giành được, song dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân phải ra sức bảo vệ chính quyền cách mạng. Bởi vì, các phần tử Đại Việt, Torôkit, bọn phản động cầm đầu giáo phái Hòa Hảo âm mưu bạo động cướp chính quyền. Lực lượng vũ trang cách mạng đã kịp thời tước vũ khí và đập tan âm mưu phản loạn. Chính quyền cách mạng cũng kiên quyết trừng trị bọn lưu manh từ Campuchia tràn qua biên giới, cướp bóc, giết hại nhân dân. Quân Nhật tuy đã rút khỏi Châu Đốc, song vẫn tìm cách uy hiếp nhân dân. Tháng 11.1945, quân Nhật theo lệnh của Bộ Tư lệnh Anh, đánh chiếm lại thị xã Châu Đốc và thị trấn Tân Châu, song phải rút lui vì gặp phải sức phản kháng mạnh mẽ của nhân dân.

Nhờ sức mạnh đấu tranh của quần chúng, sự phối hợp giữa các lực lượng khác nhau, do Đảng nắm quyền chỉ đạo thông qua Mặt trận Việt Minh, mà Cách mạng tháng Tám đã nhanh chóng lan rộng và thành công khắp tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc, trong thắng lợi chung của cách mạng cả nước.

Như vậy, chỉ trong vòng 7 ngày (từ 22 – 28.8.1945), nhân dân Long Xuyên, Châu Đốc đã vùng lên đấu tranh giành chính quyền, thoát khỏi ách thống trị của thực dân, đế quốc trong suốt 78 năm, kể từ khi thực dân Pháp đánh chiếm vùng đất này.

RẠCH GIÁ – HÀ TIÊN

Tỉnh Hà Tiên được thành lập năm 1832 dưới triều vua Minh Mạng nhà Nguyễn. Năm 1899, thực dân Pháp tách Hà Tiên thành hai tỉnh là Rạch Giá và Hà Tiên. Qua nhiều lần thay đổi, tỉnh Hà Tiên cũ nay là tỉnh Kiên Giang. Vùng đất này phong phú tài nguyên thiên nhiên, nơi chung sống của các dân tộc anh em giàu truyền thống yêu nước, chủ yếu là người Việt, Khơme. Từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cùng với phong trào cách mạng chung của cả nước, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở vùng đất Kiên Giang ngày nay phát triển mạnh mẽ, đưa tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp (9.3.1945), nhất là khi nhận được Chỉ thị “*Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, đầu tháng 5.1945, Liên Tỉnh ủy Hậu Giang đã triệu tập hội nghị cán bộ ở Cái Muông (Cần Thơ) để đề ra chủ trương trong tình hình mới. Hội nghị đã chủ trương liên hệ chặt với cơ sở, điều chỉnh và bổ sung đội ngũ cán bộ và đảng viên ở những nơi phong trào còn chưa mạnh; đẩy mạnh việc tuyên truyền, tổ chức các đoàn thể cứu quốc và Mặt trận Việt Minh, tăng cường hơn nữa việc xây dựng lực lượng vũ trang cách

mạng, củng cố giao thông liên lạc... để chuẩn bị giành chính quyền. Đối với tỉnh Rạch Giá, hội nghị quyết định cử đồng chí Nguyễn Văn Tiền và đồng chí Lý Thị Trung về củng cố lại Tỉnh ủy để chỉ đạo phong trào. Cuối tháng 5.1945, Tỉnh ủy Rạch Giá tổ chức hội nghị để củng cố lại tổ chức, đồng chí Nguyễn Văn Tiền được bầu làm Bí Thư Tỉnh ủy. Hội nghị đã triển khai việc bố trí cán bộ đi các cơ sở để gấp rút chuẩn bị lực lượng, phát động nhân dân chuẩn bị nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Các đội du kích nhanh chóng được thành lập và tổ chức tập luyện thường xuyên. Các lò rèn sản xuất vũ khí làm việc ngày đêm. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, một số quận đã bí mật xây dựng căn cứ cách mạng. Theo hướng dẫn của Liên Tỉnh ủy Hậu Giang, Tỉnh ủy Rạch Giá và Quận ủy Châu Thành (Hà Tiên) đã sớm dự kiến nhân sự để lập chính quyền mới khi khởi nghĩa thành công.

Ở khắp các quận trong tỉnh Rạch Giá, đến giữa năm 1945 đã xây dựng được nhiều đoàn thể quần chúng, tiêu biểu là các hội Thanh niên cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc... Lực lượng Thanh niên Tiền phong cũng có nhiều hoạt động tích cực, thu hút nhiều thanh niên tham gia tập luyện quân sự, học tập các tài liệu của Việt Minh. Để tập hợp và phát huy cao nhất vai trò của mọi tầng lớp nhân dân, tháng 7.1945 Mặt trận Việt Minh tỉnh Rạch Giá được chính thức thành lập.

Mọi công việc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Rạch Giá và Hà Tiên đang triển khai thì tin quân phiệt Nhật đầu hàng Đồng minh đến với nhân dân và Đảng bộ hai tỉnh. Vì vậy khi nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa của Trung ương và Liên Tỉnh ủy Hậu Giang, Tỉnh ủy lâm thời Rạch Giá đã tiến hành hội nghị và thành lập Ủy ban khởi nghĩa, phân công cán bộ đảng viên chịu trách nhiệm từng lĩnh vực của Tổng khởi nghĩa. Để giúp quần chúng cách nắm được những chuyển biến mới của tình hình và thời cơ cách mạng, Tỉnh ủy Rạch Giá còn quyết định lập một phòng thông tin ngay trong nhà lồng chợ Rạch Giá để công khai tuyên truyền, qua đó khơi dậy khí thế cách mạng cho quần chúng để tiến hành Tổng khởi nghĩa thành công.

Khí thế cách mạng ở Rạch Giá – Hà Tiên đến lúc này hết sức sôi sục. Công tác chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa được tiến hành gần như công khai ở vùng ven thị xã và các vùng lân cận. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội (19.8), Huế (23.8), Sài Gòn (25.8) càng thôi thúc quần chúng hai tỉnh vùng dậy khởi nghĩa.

Đêm 25.8.1945, Tỉnh ủy lâm thời Rạch Giá tiến hành cuộc họp mở rộng với Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Nguyễn Văn Tiền chủ trì. Hội nghị đã quyết định phát động toàn dân trong tỉnh nổi dậy giành chính quyền vào sáng ngày 27.8.1945. Hội nghị chủ trương điều thêm lực lượng ở các vùng ven để giúp cho việc giành chính quyền ở tỉnh lỵ giành thắng lợi, còn ở các quận xa thì chủ động giành chính quyền tại chỗ.

Sáng 27.8.1945, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng, quần chúng cách mạng được trang bị vũ trang, chủ yếu là gậy tầm vông, giáo, mác... rầm rập tiến về thị xã và nhanh chóng phối hợp với lực lượng tại chỗ tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Đoàn biểu tình hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo phát xít Nhật và bè lũ tay sai”. “Đả đảo chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim”. Đến 9 giờ sáng cùng ngày, quần chúng khởi nghĩa có lực lượng vũ trang làm nòng cốt đã tiến đến bao vây dinh Tỉnh trưởng, buộc tỉnh trưởng phải đầu hàng. Tiếp đó, đoàn biểu tình đến chiếm ti cảnh sát, trại lính khổ xanh, kho bạc, nhà bưu điện... Quần chúng còn phá các khám lớn giải thoát cho nhiều tù chính trị, truy bắt bọn Việt gian thân Pháp, thân Nhật, có tội ác với nhân dân.

Đến 12 giờ trưa ngày 27.8.1945, 60.000 quần chúng từ các ngả kéo về sân vận động thị xã tham gia cuộc mít tinh trọng thể. Ủy ban khởi nghĩa đã long trọng tuyên bố sự ra đời của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Rạch Giá thay thế cho chính quyền tay sai phát xít Nhật.

Cùng với việc phát động quần chúng giành chính quyền ở tỉnh lỵ, ở các quận trong tỉnh Rạch Giá cũng tiến hành khởi nghĩa ngay trong ngày 27.8.1945. Khi được lệnh Tổng khởi nghĩa của Tỉnh ủy, Quận ủy Châu Thành đã họp hội nghị mở rộng để lập Ban vận động khởi nghĩa và triển khai kế hoạch của Tỉnh ủy. Sáng ngày 27.8.1945, Quận ủy đã huy động

một lực lượng hơn 4.000 người để phối hợp với thị xã giành chính quyền. Đoàn biểu tình có lực lượng vũ trang làm nòng cốt đã nhanh chóng giành được chính quyền ở quận, với khí thế sục sôi của quần chúng cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã kéo về nông thôn và lần lượt giành được chính quyền ở các xã trong quận.

Ở quận Phước Long, cũng trong ngày 27.8.1945, dưới sự lãnh đạo của Ủy ban khởi nghĩa quận, lực lượng quần chúng được trang bị vũ khí đã kéo đến bao vây dinh quận trưởng và các công sở. Trước khí thế cách mạng của quần chúng, quận trưởng bù nhìn đầu hàng, trại lính mã tà cũng đầu hàng vô điều kiện và giao nộp vũ khí cho lực lượng cách mạng. Chính quyền cách mạng của quận Phước Long được thành lập. Cùng với nhiệm vụ củng cố Mặt trận Việt Minh, các tổ chức cứu quốc, dưới sự lãnh đạo của Quận ủy, các đơn vị du kích, tự vệ gấp rút được xây dựng để bảo vệ chính quyền cách mạng.

Trong ngày 28.8.1945, Ủy ban khởi nghĩa quận Long Mỹ đã tổ chức cuộc mít tinh lớn, sau đó tổ chức quần chúng có vũ trang tiến vào bao vây dinh quận trưởng và trại lính Nhật. Chính quyền tay sai đã nhanh chóng đầu hàng, lính Nhật hạ vũ khí.

Sau khi có lệnh Tổng khởi nghĩa, Tỉnh ủy Hà Tiên đã lãnh đạo Ủy ban khởi nghĩa tỉnh kịp thời nổi dậy giành chính quyền. Sáng 28.8.1945, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, lực lượng quần chúng được trang bị vũ khí từ Hòn Chông, Ba Hòn, Dương Hòa, Thuận Yên, Lộc Trĩ... kéo về thị xã Hà Tiên, phối hợp với lực lượng tại chỗ giành chính quyền. Quần chúng cách mạng chiếm tòa bố và các công sở của địch. Sau khi giành được chính quyền, 3.500 quần chúng đã tiến hành biểu tình thị uy, chào mừng sự ra mắt của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Hà Tiên. Các địa phương khác trong tỉnh Hà Tiên cũng lần lượt tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Riêng quận Phú Quốc, do ở xa đất liền và lúc này chưa có tổ chức cơ sở Đảng, nên việc khởi nghĩa cũng như thành lập chính quyền chậm hơn so với những địa phương khác trên đất liền.

Ở một số nơi địch ngoan cố, lực lượng cách mạng phải dùng bạo lực để lật đổ, như ở thị xã Rạch Giá, một số địa phương ở Hà Tiên. Cùng với việc lật đổ chính quyền tay sai, thành lập chính quyền cách mạng, Ủy ban lâm thời cách mạng 2 tỉnh Rạch Giá và Hà Tiên lãnh đạo quần chúng tịch thu toàn bộ các kho thóc của Nhật chia cho nhân dân, nhanh chóng ổn định và xây dựng đời sống mới, củng cố và tăng cường an ninh trật tự, bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được.

Cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám ở Rạch Giá – Hà Tiên (nay là tỉnh Kiên Giang) đã thắng lợi hoàn toàn, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc.

BẠC LIÊU

Bạc Liêu là một vùng đất mới được hình thành trên 200 năm. Dân cư chủ yếu gồm những người đến định cư rải rác trên các gò đất cao, bên các bờ sông, kinh rạch, gồm người Việt, Hoa và Khome.

Ngay từ những ngày đầu thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân Bạc Liêu đã hăng hái tham gia nhiều cuộc nổi dậy tự phát của Nguyễn Trung Trực, anh em Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự... Từ năm 1927, Bạc Liêu tiếp nhận ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, mở đầu cho sự ra đời các tổ chức tiên nhân của Đảng, các chi bộ Đảng Cộng sản, các Quận ủy và Tỉnh ủy lâm thời. Phong trào yêu nước và đấu tranh cách mạng có tổ chức ở Bạc Liêu bắt đầu phát triển mạnh mẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng qua các phong trào 1930 – 1931, 1936 – 1939, 1939 – 1945.

Đầu năm 1945, tình hình trong nước và trên thế giới có nhiều thuận lợi cho cách mạng nước ta. Ở Bạc Liêu, khi Nhật đảo chính Pháp, ta bắt tay ngay vào việc xây dựng cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng để chuẩn bị cho việc giành chính quyền, một số chi bộ được thành lập ở thị xã Bạc Liêu, Vĩnh Mỹ, Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu, Sóc Đôn, An Trạch, Long Điền...

Phong trào luyện tập quân sự của Thanh niên Cứu quốc, Thanh niên Tiền phong diễn ra công khai, sôi nổi; khí thế quần chúng lên cao, các tổ chức Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc được mở rộng.

Tháng 7.1945, được sự chỉ đạo của Ban Vận động tái lập Đảng bộ Nam Kỳ, các đồng chí ở khu vực Bạc Liêu đã triệu tập Hội nghị thành lập Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Bạc Liêu gồm 6 đồng chí. Tỉnh ủy lâm thời Bạc Liêu phân công một số tỉnh ủy viên và cán bộ Tỉnh ủy đi xuống các địa phương hỗ trợ xây dựng lực lượng.

Thời điểm này ở tỉnh Bạc Liêu có 2 Tỉnh ủy. Tỉnh ủy lâm thời khu vực Bạc Liêu và Tỉnh ủy lâm thời khu vực Cà Mau. Ngoài ra, còn có nhóm Giải phóng do Trần Hoàng Cung đứng đầu. Tuy chưa hợp nhất về mặt tổ chức, nhưng đều tập trung cao cho việc chuẩn bị giành chính quyền.

Ngày 15.8.1945, khi được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, Tỉnh ủy lâm thời Bạc Liêu chỉ đạo các địa phương thuộc khu vực Giá Rai, Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu khẩn trương chuẩn bị lực lượng.

Ngày 17.8.1945, Tỉnh ủy lâm thời Bạc Liêu thành lập Mặt trận Việt Minh tỉnh do đồng chí Lê Khắc Xương làm Chủ nhiệm. Tỉnh ủy cũng chủ trương: tại khu vực tỉnh lỵ Bạc Liêu lập ra một “Bộ phận công khai” đàm phán, đấu tranh trực diện với địch, với danh nghĩa đại diện cho Mặt trận Việt Minh.

Để huy động lực lượng các nơi tập trung về tỉnh lỵ Bạc Liêu giành chính quyền, Tỉnh ủy lâm thời Bạc Liêu đã chỉ thị cho các chi bộ Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu, Vĩnh Mỹ đưa hầu hết số đảng viên, các hội viên đoàn thể cứu quốc và một số thanh niên tích cực về tỉnh lỵ đúng ngày 18.8.1945. Gần một đại đội tự vệ được trang bị vũ khí để chuẩn bị trực tiếp tham gia giành chính quyền.

Đến ngày 19.8.1945, tinh thần bọn nguy quân, nguy quyền tại Bạc Liêu hoang mang, lung lay tận gốc; nhiều công chức bỏ nhiệm sở, một số người tìm đến thanh minh với cách mạng. Lúc này ta cũng nắm được đa số anh em trong lính cộng hòa vệ binh và cảnh sát nguy. Tất cả các tầng lớp nhân dân, kể cả nhân sĩ trí thức, tư sản, tông giáo... đều chờ mong xuống đường đấu tranh lật đổ nguy quyền tay sai Nhật.

Ngày 20.8.1945, nguy quyền Bạc Liêu tổ chức linh đình đón tiếp khâm sai Nguyễn Văn Sâm đi kinh lý. Tỉnh ủy lâm thời chủ trương huy động lực lượng quần chúng, biến cuộc đón tiếp này thành cuộc biểu tình lớn ủng hộ Việt Minh giành chính quyền. Lực lượng chính là đoàn viên, hội viên các tổ chức cứu quốc và lực lượng Thanh niên Tiền phong.

Sáng sớm ngày 20.8.1945, hơn ba ngàn người từ nông thôn vào cùng các tầng lớp nhân dân nội thị, hàng ngũ chỉnh tề có lực lượng vũ trang tự vệ đi kèm để bảo vệ, tập trung tại sân bóng đá Thành Bạc Liêu để “đón tiếp Nguyễn Văn Sâm”. Ta đã biến cuộc mít tinh đón tiếp thành cuộc biểu tình tuần hành thị uy. Đồng chí Tào Văn Tỵ thay mặt Mặt trận Việt Minh tỉnh Bạc Liêu lên diễn đàn kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân ủng hộ Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh giành chính quyền, đồng thời giải thích nghĩa của lá cờ đỏ sao vàng. Sau đó, đoàn biểu tình giương cờ đỏ sao vàng băng rôn, khẩu hiệu... kéo đến vây kín dinh Tỉnh trưởng. Quần chúng hô vang khẩu hiệu: “Mặt trận Việt Minh muôn năm!”, “Chính quyền về tay nhân dân!”

Trong khi đoàn đại biểu của Mặt trận Việt Minh đấu tranh, yêu cầu Tỉnh trưởng phải giao lại chính quyền cho cách mạng, thì cảnh sát và cộng hòa vệ binh chỉ đứng nhìn mà không can thiệp; nhiều binh sĩ nguy tỏ thái độ đồng tình với nhân dân. Tỉnh trưởng Trương Công Thiện tìm cách hoãn binh: xi chỉ thị của cấp trên.

Tối 20.8.1945, Tỉnh ủy và Ủy ban Mặt trận Việt Minh tỉnh họp liên tịch tại trụ sở (nhà của tên Carie) để thành lập chính quyền cách mạng, lấy tên là Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Bạc Liêu, gồm 8 người. Được chỉ thị của Tỉnh ủy, sáng ngày 22.8.1945, Ủy ban Mặt trận Việt Minh và Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh cử một đoàn đại diện đến gặp Tỉnh trưởng Trương Công Thiện đòi phải giao chính quyền cho cách mạng. Một lần nữa, Thiện lại trì

hoãn. Tỉnh ủy quyết định huy động toàn bộ lực lượng, gồm các tổ chức cứu quốc (kể cả binh lính cứu quốc), nhân sĩ trí thức, cơ sở trong công chức, lực lượng Thanh niên Tiền phong và binh sĩ trong đại đội lính cộng hòa vệ binh cùng đông đảo quần chúng đến bao vây dinh Tỉnh trưởng, đấu tranh kiên quyết, buộc địch phải khuất phục, giành bằng được chính quyền vào ngày hôm sau.

Sáng ngày 23.8.1945, lực lượng cách mạng tập trung bao vây dinh Tỉnh trưởng. Toàn bộ thành viên Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Việt Minh và Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh, tất cả cán bộ, đảng viên... đều có mặt hòa trong biển người để kịp thời lãnh đạo và đối phó mọi tình huống.

Đúng 7 giờ sáng ngày 23.8.1945, đoàn đại diện của ta, gồm đồng chí Tào Văn Ty, Nguyễn Văn Năm, Trương Minh Cảnh cùng hai bảo vệ có vũ trang, tiến vào văn phòng Tỉnh trưởng buộc y phải giao chính quyền cho cách mạng. Tỉnh trưởng Trương Công Thiện, vì sợ quân Nhật quay trở lại, chưa trả lời dứt khoát. Lúc ấy có điện thoại mời Tỉnh trưởng xuống dự lễ chào cờ (chào cờ “quê li” mỗi buổi sáng trước khi làm việc) vì tất cả các viên chức đều tập hợp đã lâu. Tỉnh trưởng Thiện mời phái đoàn của ta cùng đi xuống. Vừa bước ra khỏi cửa, Thiện thấy cả đoàn người vây kín vòng trong vòng ngoài tòa nhà hành chính, đặc biệt có cả bảo an ninh và Thanh niên Tiền phong. Thiện hoảng sợ, định bước đến chỗ chào cờ, thì đồng chí Tào Văn Ty chỉ tay lên tấm băngrôn “Khâm sai đại thần Nguyễn Văn Sâm vạn tuế” treo phía trước cổng ra vào, hô to: “Đả đảo Nguyễn Văn Sâm!”, “Đả đảo bọn bù nhìn tay sai Nhật!”. Tất cả lực lượng của ta đều hô theo: “Đả đảo! Đả đảo! Đả đảo!”. Đồng chí Phan Thái Hòa leo lên giạt tấm băng rôn ném xuống đất. Tiếng hô khẩu hiệu liên tục, vang dội: “Đả đảo bọn bù nhìn! Chính quyền về tay nhân dân!”.

Trước khí thế mạnh mẽ của quần chúng cách mạng, Tỉnh trưởng Trương Công Thiện buộc phải đầu hàng và công bố tại chỗ chính quyền tỉnh Bạc Liêu thuộc về cách mạng, thuộc về nhân dân. Đồng chí Tào Văn Ty, thay mặt chính quyền thông báo trước quần chúng: “Chính quyền đã về tay nhân dân”. Tiếng reo hò, tiếng hô khẩu hiệu vang dội theo đoàn biểu tình diễu hành qua các đường phố chính trong thị xã. Lúc đó là 9 giờ 30 phút, ngày 23.8.1945.

Đến 14 giờ ngày 23.8.1945, Trương Công Thiện đến trụ sở Mặt trận Việt Minh tỉnh nộp bàn đầu hàng và ban giao chính quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Bạc Liêu. Buổi tối, Ủy ban hành chính cách mạng lâm thời tỉnh Bạc Liêu được thành lập gồm 8 người.

Sáng ngày 25.8.1945, ta đã huy động hơn 20.000 quần chúng thị xã Bạc Liêu, Vĩnh Mỹ, thị trấn Giá Rai, thị trấn Hòa Bình, Long Thạnh, Vĩnh Trạch, Châu Hưng, Châu Thới... đến sân vận động Bạc Liêu dự mít tinh chào mừng cách mạng thành công, chào mừng Mặt trận Việt Minh, chào mừng Ủy ban hành chính cách mạng lâm thời tỉnh. Cả sân vận động đờ rục cờ Việt Minh và băngrôn, khẩu hiệu. Đồng chí Châu Hà Thanh (Bí thư chi bộ Vĩnh Mỹ) phát cao cờ Đảng, hô to: “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!”, quần chúng hưởng ứng vang khắp cả sân. Đại diện Ủy ban hành chính cách mạng lâm thời tỉnh đọc lời chào mừng cách mạng thành công và tuyên bố “Chính quyền về tay nhân dân”, giới thiệu Chương trình hành động 10 điểm của Mặt trận Việt Minh.

Cuộc mít tinh trở thành cuộc tuần hành qua nhiều đường phố trong thị xã Bạc Liêu, đi đầu là đồng chí Châu Hà Thanh cầm cờ Đảng và một đồng chí khác cầm cờ đỏ sao vàng.

Ở làng Long Điền, Phong Thạnh Tây, thị trấn Giá Rai, Vĩnh Mỹ, Láng Tròn... dưới sự lãnh đạo của các đồng chí đảng viên, lực lượng cứu quốc, Thanh niên Tiền phong và quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Nhân dân công khai luyện tập quân sự, hội họp, bàn bạc chương trình hành động của Mặt trận Việt Minh. Quận trưởng Hồ Thiên Lý hoang mang không dám chống lại mà chỉ chờ lệnh cấp trên đầu hàng cách mạng.

Sáng sớm ngày 24.8.1945, đồng chí Tào Văn Ty, đại diện Ủy ban hành chính cách mạng lâm thời tỉnh Bạc Liêu đến Giá Rai cùng với các đồng chí lãnh đạo và nhân dân buộc viên Quận trưởng đầu hàng không điều kiện và giao toàn bộ cơ sở vật chất, vũ khí cho cách mạng.

Chiều ngày 24.8.1945, khoảng 2.000 người từ khắp nơi trong quận kéo đến quận lỵ Giá Rai mít tinh, chào mừng chiến thắng. Ủy ban hành chính cách mạng lâm thời quận Giá Rai, do ông Nguyễn Văn Vĩnh làm Chủ tịch tổ chức lễ ra mắt.

Ở quận Vĩnh Châu, ngay từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh, bộ máy ngụy quân, ngụy quyền vô cùng hoang mang. Mặt khác, được sự tác động của phong trào ở các thị xã Bạc Liêu và Sóc Trăng, nên ngày 24.8.1945, Vĩnh Châu đã giành được chính quyền.

Như vậy, từ ngày 23 đến ngày 25.8.1945, chính quyền của địch từ tỉnh đến quận và cơ sở ở tỉnh Bạc Liêu đã về tay nhân dân. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Bạc Liêu là kết quả của quá trình vận động cách mạng liên tục của Đảng bộ từ khi chi bộ đầu tiên ra đời năm 1930 đến khi giành chính quyền.

CÀ MAU

Cà Mau tuy ở cực Nam của tổ quốc, nhưng đã sớm hòa mình vào cuộc đấu tranh yêu nước, giải phóng dân tộc của nhân dân cả nước. Từ sau khi Đảng ra đời, Đảng bộ Hậu Giang đã lãnh đạo phong trào xây dựng cơ sở quần chúng, thành lập khu căn cứ cách mạng. Vì vậy, khi có thời cơ, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, nhân dân Bạc Liêu – Cà Mau đã chuẩn bị lực lượng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Khi Nhật đảo chính Pháp, một toán lính Pháp chạy trốn vào rừng Năm Căn và Tân Bằng, Ban vận động tái lập Đảng bộ Nam Kỳ đã viết thư và đề nghị cùng hợp tác chống Nhật, nhưng chúng từ chối.

Để có sự lãnh đạo kịp thời và thống nhất, ngày 5.1945, tại Tân Bằng, Ban vận động tái lập Đảng bộ Nam Kỳ triệu tập Hội nghị đại biểu các chi bộ ở khu vực Cà Mau thành lập cơ quan lãnh đạo lâm thời của Đảng bộ tỉnh (Tỉnh ủy) gồm 5 đồng chí, do đồng chí Trần Văn Đại làm bí thư. Do chưa liên lạc được với các nhóm cách mạng khác trong tỉnh nên các đồng chí lãnh đạo ở Cà Mau vẫn phải hoạt động độc lập và ra tờ báo “Độc lập” làm cơ quan tuyên truyền. Vì vậy, nhóm này thường được gọi là nhóm đặc “Độc lập”.

Sau khi tiếp nhận chủ trương Đảng về việc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, Tỉnh ủy lâm thời ở Cà Mau (nhóm “Độc lập”) khẩn trương đẩy mạnh phát triển tổ chức Đảng và các hội cứu quốc của quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ. Với khí thế sôi sục của thời tiền khởi nghĩa, chỉ trong vài tháng, phong trào cách mạng phát triển sâu rộng trong khắp vùng nông thôn Cà Mau, tăng cường hoạt động xung quanh thị trấn, gây dựng thêm nhiều cơ sở cách mạng. Đảng bộ đã tranh thủ và tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân, bao gồm cả nhân sĩ, trí thức, tín đồ các tôn giáo và những người tiến bộ đang ở trong bộ máy chính quyền của địch. Phong trào đấu tranh của nhân dân Cà Mau dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời (nhóm “Độc lập”) ngày càng phát triển, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 15.8.1945, khi nhận được tin Nhật đầu hàng Đồng minh và quân đội Nhật ở Bạc Liêu kéo về Cần Thơ, Liên Tỉnh ủy Hậu Giang chỉ thị cho các Đảng bộ phải bằng mọi cách giành được chính quyền ở địa phương mình, hòa nhịp chung với cuộc Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Ngày 25.8.1945, Tỉnh ủy lâm thời (nhóm “Độc lập”) ở Cà Mau, do đồng chí Trần Văn Đại và Thái Ngọc Sanh lãnh đạo, tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại sân vận động Cà Mau để chào mừng Mặt trận Việt Minh ra mắt và cũng là cuộc biểu dương lực lượng của quần chúng cách mạng. Cuộc mít tinh chuyển thành cuộc biểu tình vũ trang thị uy, kéo đến dinh Đốc phủ Kế (Nguyễn Văn Kế), Quận trưởng Cà Mau, buộc giao chính quyền cho nhân dân, nhưng hắn xin ta cho hoãn lại một vài hôm. Quyết không để trì hoãn việc giành chính quyền, Tỉnh ủy huy động lực lượng quần chúng tiếp tục gây áp lực mạnh. Trước thái độ cương quyết và cứng rắn của ta, Đốc phủ Kế phải bàn giao chính quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng Cà Mau. Đúng vào thời điểm đó, đồng chí Tào Văn Ty, Ủy viên quân sự Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh khu vực Bạc Liêu đưa lực lượng đến chi viện cho quận Cà Mau.

Phát huy thắng lợi, nhân dân khắp vùng nông thôn trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng đã nhất tề đứng lên đập tan bộ máy chính quyền thực dân xã, ấp, thành lập chính quyền nhân dân, xây dựng và phát triển các đoàn thể quần chúng cách mạng. Toàn tỉnh được hoàn toàn giải phóng, chính quyền về tay nhân dân.

Trải qua 15 năm đấu tranh hi sinh gian khổ (1930 – 1945), với tinh thần kiên cường, anh dũng dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, nhân dân Cà Mau đã đập tan bộ máy thống trị của thực dân Pháp, phát xít Nhật và phong kiến tay sai ở địa phương, giành lại quyền làm chủ vận mệnh của mình.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám ở Cà Mau là kết quả của quá trình vận động cách mạng kiên trì, liên tục và đầy gian khổ, hi sinh của Đảng bộ, từ khi chi bộ Đảng đầu tiên ra đời (1930) đến khi giành được chính quyền. Trong 15 năm ấy, Đảng bộ đã vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng vào tình hình cụ thể ở địa phương một cách kiên định, linh hoạt và sáng tạo. Ngay từ những ngày đầu, Đảng bộ đã đứng ra tập hợp, vận động quần chúng đấu tranh từ tự phát đến tự giác và xây dựng các tổ chức quần chúng từ thấp đến cao bằng nhiều hình thức thích hợp như tổ chức Nghiệp đoàn, các Hội tương tế, ái hữu... đến các Hội Nông dân, Phụ nữ, Thanh niên. Thắng lợi của Tổng khởi nghĩa Cà Mau góp phần vào thắng lợi chung của Cách mạng tháng Tám 1945 trong cả nước.

Cách Mạng tháng Tám 1945 – toàn cảnh / Phan Ngọc Liên // Đồng bằng sông Cửu Long - Cách Mạng tháng Tám.-H.: NXB Tự điển Bách khoa., 2005.-Tr.388 -433

NHỮNG TẤM GƯƠNG YÊU NƯỚC TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CỦA DÂN TỘC



DÒNG TÊN EM KHẮC VÀO VÁCH NÚI

Trần Thị Bắc sinh năm 1932, tại thôn Xuân Dục Đoài, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội là nhân vật thực ngoài đời trong bài thơ “Núi đôi” của Vũ Cao.

Sinh trưởng trong một gia đình có bố làm Xã đội phó, cậu là Xã đội trưởng, các chú, các bác đều là bộ đội, cán bộ Việt Minh, nhất là được tận mắt chứng kiến bao cảnh càn quét, cướp bóc, đốt phá, bắn giết hết sức dã man của bọn lính Pháp và nguy quân ngay tại quê mình, nên Trần Thị Bắc đã sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1947, mới 15 tuổi, chị đã rất tích cực tham gia hoạt động trong các phong trào đoàn thể.

Cuối năm 1949, chị xin gia nhập đội du kích, làm nhiệm vụ giao thông liên lạc, tiếp tế và trực tiếp chống càn, bảo vệ nhân dân trong lúc đi tản cư. Sau đó chị được cử ra vùng tự do theo học lớp y tá. Cũng trong thời gian này, Trần Thị Bắc gặp anh bộ đội tên là Trịnh Khanh, thuộc đại đội Trần Văn Tuấn (là nhân vật: “Anh đi bộ đội sao trên mũ...” trong bài thơ “Núi Đôi” của Vũ Cao). Sau vài lần gặp gỡ, cả hai mới biết rằng họ là người cùng xã. Chàng trai ở thôn Vệ Linh, dưới chân núi Sóc, còn cô gái ở thôn Xuân Dục Đoài, dưới chân núi Đôi. Tình yêu quê hương, đất nước và lòng căm thù giặc sâu sắc đã giúp họ cùng chung một chí hướng, vượt khó khăn thử thách để hoàn thành nhiệm vụ mà đơn vị và đoàn thể giao cho.

Cụ Nguyễn Thị Thân, 89 tuổi, là thím ruột của Trần Thị Bắc, hiện còn sống tại thôn Xuân Dục Đoài kể lại:

“Bắc là con gái cả trong gia đình, nên sớm biết lo toan công việc, giúp đỡ bố mẹ. Cháu vừa nhanh nhẹn, tháo vát lại đẹp người, đẹp nét, nên đi đâu và làm việc gì cũng đều trót lọt. Có một lần bà Nguyễn Thị Tèo (mẹ của Bắc) bỗng đứng thấy cháu sắm đôi quang thúng mới, bà hỏi: “Con sắm quang thúng để làm gì?”. Bắc hồn nhiên nói với mẹ: “Con tập đi buôn đấy mẹ ạ!”. Ai ngờ chính đôi quang thúng đi buôn ấy, vừa là để che mắt kẻ địch, cũng là nơi cất giấu tài liệu của cô du kích”.

Từ năm 1951, người ta thường thấy ở thôn Đoài có một cô gái hòa lẫn vào trong dòng người đi buôn bán ở khắp mọi nơi. Với đôi quang thúng trên vai, chị đi khắp các hang cùng ngõ hẻm. Những lần mua, bán hàng ấy, chính là lúc chị dò la, thu thập tình hình một cách có hiệu quả nhất để chuyển những tin tức quan trọng ra vùng tự do. Bọn lính Tây và lính nguy trong vùng đều quá quen thuộc chị, nên không hề có chút nghi ngờ, chúng còn kháo nhau: “Một ngày mà không nhìn thấy cô em Bắc xinh đẹp một lần, thì cả lính Tây cho chí lính ta (nguy) đều buồn tẻ”. Trước sự mất cảnh giác đó của kẻ thù, Trần Thị Bắc lại càng tỏ ra thông minh, lanh lợi và khôn khéo. Những khi không đi buôn bán, lại thấy chị cầm liềm, quây đôi quang gánh lên tận đỉnh núi Đôi để cắt cỏ và không có đồn, bốt nào của địch mà chị lại không biết. Với hình thức hoạt động bán công khai ấy, không những bọn địch không nghi ngờ, mà chúng còn rất quý mến chị. Có những tên chỉ huy, khi vào làng càn quét, đã tìm đến thăm nhà Trần Thị Bắc và có ý ngỏ lời muốn lấy chị làm vợ bé. Lợi dụng tình thế ấy, Trần Thị Bắc đã linh hoạt, chuyển

ngay sang hình thức làm công tác binh, địch vận đối với những tên này. Bằng những lời lẽ đầy thuyết phục, chị đã thành công trong việc vận động một người cai trong hàng ngũ lính nguy và một lính Pháp tự động mang súng ra đầu hàng cách mạng. Nhờ có những thông tin rất quan trọng do chị cung cấp nên một số cơ sở của ta không bị lộ. Đặc biệt là tránh được những tổn thất to lớn đối với số cán bộ đang hoạt động ở trong vùng địch hậu.

Đầu năm 1954, thực dân Pháp tăng cường quân lên Điện Biên Phủ, đồng thời đánh phá quyết liệt, nhằm ngăn chặn sự chi viện của ta cho chiến trường. Để trấn an tinh thần bọn lính Pháp và nguy quân ở phía sau, chúng ráo riết tổ chức các cuộc vây bắt, lùng sục ở khắp mọi nơi. Vào thời điểm này, Trần Thị Bắc cùng một lúc nhận được hai quyết định của trên, một là về tỉnh để tiếp tục học lớp y tá, hai là về làm công tác quân báo tại huyện đội Đa Phúc (nay là Sóc Sơn), với lý do đã bị lộ, nên trên có ý định chuyển vị trí công tác của chị.

Ông Lê Văn Túc, 77 tuổi, cán bộ lão thành cách mạng thôn Xuân Dục Đoài, tổ trưởng quân báo của huyện lúc đó, kể lại trận chiến đấu cuối cùng của nữ du kích Trần Thị Bắc:

“Hôm đó là ngày 16-3-1954, vào lúc 10 giờ đêm, sau khi đã bố trí xong lực lượng, chuẩn bị cho trận mai phục quân địch ở khu vực chùa Táo, Trần Thị Bắc nhận nhiệm vụ đưa đoàn cán bộ khoảng 30 người, từ vùng địch hậu Lương Châu ra vành đai trắng Phù Linh. Cô đi trước thăm dò, khi đến chân núi Đồi, không may rơi vào ổ phục kích của địch. Chúng bắt cô và bịt miệng cô lại, với ý định sẽ phục chờ và bắt nốt số người đi sau. Biết được âm mưu của địch, Bắc đã chống cự quyết liệt. Cô lao vào tên quan Pháp, túm ngay vào chỗ hiểm, dùng hết sức mình bóp chặt lấy bộ hạ của hắn. Bất ngờ bị đòn đau, tên quan Pháp kêu rống lên như con bò bị chọc tiết. Một tên lính lê dương đứng cạnh đó vội lôi Bắc ra và dùng súng xả trọn một băng vào ngực cô.

Thấy động, đoàn cán bộ của ta đã rút lui an toàn. Còn Trần Thị Bắc đã anh dũng hy sinh, máu chảy loang đỏ trên vầng ngực tròn, căng của cô. Những viên đạn tàn ác của kẻ thù vẫn còn găm nguyên ở đó. Quân địch trên núi Đồi đã dùng súng móc-chi-ê bắn vòng quanh xác cô. Bất chấp nguy hiểm, anh em trong đội du kích đã vượt qua lửa đạn vào đưa thi thể của Trần Thị Bắc tới nơi Cầu Cón, Vệ Sơn để làm lễ truy điệu và mai táng cô tại đó với lòng tiếc thương vô hạn của đồng chí, đồng đội và bà con xã Phù Linh”.

Liệt sĩ Trần Thị Bắc, dòng tên em đã khắc vào vách núi còn vang vọng và tỏa sáng về một tấm gương của người con gái núi Đồi, mãi sẽ là niềm tự hào của người dân huyện Sóc Sơn, của Thủ đô anh hùng”.

Nguồn- Báo Quân đội nhân dân

Tổ Quốc ghi công các anh hùng đã cống hiến, hy sinh vì độc lập, tự do của đất nước! / Những gương

NỮ ANH HÙNG – LIỆT SĨ HOÀNG NGÂN

Một ngày đầu xuân, hoa đào khoe sắc trên nhành non lá mới, tôi được bà Phạm Thị Hiền, em gái liệt sĩ Hoàng Ngân báo tin 3-3-2008 sẽ có mặt tại Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam dự lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho Bí thư Trung ương đoàn phụ nữ cứu quốc Việt Nam đầu tiên-Hoàng Ngân, người đã hiến trọn 28 tuổi đời cho mùa xuân độc lập, tự do của đất nước.

Tham gia cách mạng từ thuở thiếu niên

Hoàng Ngân tên thật là Phạm Thị Vân sinh năm 1921 tại Hải Phòng, con nhà tư sản dân tộc Phạm Trung Long, từng là phu mỏ, nhờ đóng tàu, thuê người đánh bắt, kinh doanh hải sản, lương thực mà trở nên giàu có. Ông kết duyên với thôn nữ Vũ Thị Đồi ở làng Cẩm (nay là Lê Lợi) Hải Phòng. Gia đình ông Long là cơ sở bí mật của Thành ủy và Xứ ủy Bắc Kỳ từ năm 1935. Với tư chất thông minh, học giỏi, Vân đến với cách mạng rất tình cờ. Một buổi đi học về, thấy trong nhà có khách lạ, bố mẹ tỏ ra quý trọng, mãi sau này Vân mới biết là các đồng chí thường qua lại là Tô Hiệu, Bí thư Thành ủy Hải Phòng; Hoàng Quốc Việt và Hoàng Văn Thụ... Mới 14 tuổi, cô bé nữ sinh Thành Chung xinh đẹp, lanh lợi vừa đi học, vừa đi làm liên lạc, qua mũi bọn mật thám, mã tà, Việt gian đưa thư, công văn cho các chú, các anh từ chợ Sắt, Nhà máy tơ, chợ Cột Đèn qua Bến Bính, Thủy Nguyên... Thấy cán bộ, đoàn thể không có nơi ăn ở, Vân nói với bố mẹ, dành cửa hàng hải sản cũ ở đường Quang Trung, chợ Sắt là nơi buôn bán, đông người qua lại, dễ che mắt mật thám, làm cơ sở nuôi giấu cán bộ, may quần áo, trang bị phương tiện làm việc như máy chữ, xe đạp... cho anh em. Gia đình Vân còn để cửa hàng bán gạo đường Lý Thường Kiệt cho đoàn thể buôn bán, làm chỗ đi lại, gây quỹ hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của công nhân... Mới 17 tuổi, thông minh, có tài thuyết phục, vận động quần chúng, Phạm Thị Vân thu hút được lớp trẻ, trí thức, tiểu tư sản và các nhà buôn lớn ở Hải Phòng tham gia ủng hộ cách mạng. Đỉnh cao là cuộc đình công, biểu tình ngày quốc tế lao động 1-5-1938 của hàng nghìn công nhân các nhà máy ở Hải Phòng và khu đấu xảo Hà Nội do Thành ủy Bắc Kỳ chỉ đạo. Phạm Thị Vân còn được giao quyền tiền, lương thực từ gia đình và các cơ sở, quần chúng yêu nước tiếp tế cho cuộc đấu tranh thắng lợi, được báo chí Đông Dương và Pháp đưa tin...

Giặc Pháp bắt một số cán bộ, Vân sa vào tay giặc. Sau nhiều ngày tra khảo, không khai thác được gì chúng buộc phải thả. Phạm Thị Vân tham gia Thành ủy Hải Phòng, được rút đi thoát ly (1939). Cô thiếu nữ xinh đẹp được Bí thư xứ ủy Bắc Kỳ Hoàng Văn Thụ giao làm công tác phụ vận, binh vận, qua lại xây dựng cơ sở cách mạng ở Hà Nội, Hà Đông, Hưng Yên, Hải Dương. Có lẽ trái tim thiếu nữ đã cảm phục, ngưỡng mộ anh Thụ từ thuở ấy?

Phạm Thị Vân hoạt động hăng say, vượt qua mọi gian truân. Đầu năm 1941, anh Thụ, chị Vân đi Quảng Ninh, đến làm việc ở Móng Cái. Đến Đông Triều-Yên Tử, ra bãi tập xem anh Hoàng Oánh học Trường sĩ quan Hoàng Phố (Trung Quốc) về huấn luyện cho đảng viên và anh em cốt cán cách đánh biệt động, đánh du kích. Bài giảng khẩu lệnh nhiều tiếng Hán, tiếng Tây, chị Vân đã tập hợp, viết, dịch, biên soạn thành tiếng Việt, sau khi được anh Thụ, anh Oánh góp ý, chỉnh sửa rồi in thành nhiều bản rô-nê-ô, tài liệu này được dùng huấn luyện cho lực lượng vũ trang Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945. Chị Vân cũng lao vào tập lãn lế, bắn súng, gài mìn, ném lựu đạn... Sau này, chị Vân còn phổ biến, huấn luyện một số cán bộ, đội du kích đường 5 mang tên Hoàng Ngân ở Hải Phòng, Hưng Yên, Hải Dương cách đánh phục kích xe ô tô và tàu hỏa địch, gây kinh hoàng cho giặc Pháp.

Tình yêu bắt từ Hoàng Văn Thụ - Hoàng Ngân

Năm 1939, chị Vân vừa tròn 18 tuổi, còn anh Hoàng Văn Thụ 30 tuổi (sinh năm 1909). Sau mấy năm, chị Vân tình trong như đã mặt ngoài còn e, rất cảm phục sự thông minh, chỉ đạo hoạt động sát sao, quyết đoán của người con trai dân tộc Tày, xuất thân từ gia đình nhà nho bản Phạc Lạn (huyện Văn Lãng, Lạng Sơn). Anh Thụ cũng rung động trước người thiếu nữ xinh đẹp, có ý chí, nghị lực. Khi được anh Thụ đặt vấn đề muốn xây dựng hạnh phúc với mình, chị Vân chỉ dám nói “em còn phải xin ý kiến gia đình, xin trả lời anh sau”.

Phạm Thị Hiền-em gái chị Vân kể lại: Anh Thụ cử liên lạc về, đưa bố là ông giáo trường làng Hoàng Khải Lan xuống thưa chuyện với gia đình ông Phạm Trung Long cho anh Thụ được làm con rể, chị Vân được làm con dâu ông. Thấy ông Lan đáng cao ráo, hiền lành nho nhã rất hợp, ông Long đồng ý và nhắc hai con phải báo cáo tổ chức công nhận, cách mạng thành công sẽ về chung một nhà. Trong ngày lễ đính ước thiêng liêng đó, anh Thụ, chị Vân cũng chỉ gần nhau ba mươi phút rồi đi...

Nhà văn Hoàng Trung Thu-nguyên Phó chủ tịch Hội văn nghệ tỉnh Lạng Sơn, cháu ruột Hoàng Văn Thụ, cho biết: Sau khi tốt nghiệp cấp III, ông được đồng chí Trường Chinh đón về Hà Nội ở cùng gia đình nuôi 5 năm đại học. Hồi ấy ông Hoàng Khải Lan cũng được Văn phòng Trung ương Đảng đưa xuống sống cùng gia đình đồng chí Trường Chinh. Có lần ông Lan kể lại chuyến đi Hải Phòng ăn hỏi cho anh Thụ, được gia đình ông Long mua vé tàu hỏa ngược lên Lạng Sơn.

Nhà báo lão thành Hoàng Tùng, nguyên Bí thư Trung ương Đảng còn nhớ, Ủy viên Thành ủy Hà Nội Phạm Thị Vân lúc ấy 24 tuổi (năm 1945), được phân công phụ trách một số huyện ngoại thành, kiêm Bí thư phụ vận Bắc Bộ:

“Cô ấy anh dũng, sắc sảo lắm. Là con gái thành thị mà không thuộc dạng tiêu thư. Lúc ấy Ban thường vụ Trung ương Đảng có Tổng Bí thư Trường Chinh, anh Hoàng Văn Thụ và anh Hoàng Quốc Việt. Anh Trường Chinh, anh Việt thay mặt đoàn thể công nhận tình yêu đã đính ước của hai người. Sau khi anh Thụ hy sinh, cô Vân xin được ghép họ hai người thành tên-“Phạm Thị Hoàng Ngân” thường gọi là Hoàng Ngân. Tình yêu và dũng khí Hoàng Văn Thụ chẳng đã ngân vang đó sao? Ông nhắc: “Thái Nguyên nên tạc một bức tượng đá hoa cương đặt trên di tích lịch sử đồi Hoàng Ngân ở An toàn khu (ATK) Định Hóa”.

Biển tòa án, nhà tù thành diễn đàn và trường học cách mạng

Hoàng Văn Thụ lấy bí danh là Vân cùng đồng chí Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt (từ 10 đến 19-5-1941) ngược lên Khuổi Nậm, Pác Bó dự Hội nghị Trung ương lần thứ 8 do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì... Anh Thụ được bầu vào Ban thường vụ trung ương. Cuối tháng 5, chị Vân vui mừng gặp lại anh Thụ tại cuộc họp Xứ ủy Bắc Kỳ ở ngoại ô Hà Đông. Bị giặc Pháp vây, chị Vân chạy ra đến bến tàu điện thì bị bắt. Sau 3 tháng giam cầm tại Hà Đông, ra tòa án, Phạm Thị Vân vạch mặt kẻ thù: “Dân tộc Việt Nam bị bóc lột đến tận cùng, đủ thứ thuế, ác nhất là thuế thân, lại không được học hành, các ông dùng thuốc phiện, rượu

còn làm cho nhân dân ngu muội để dễ bề cai trị. Chúng tôi đấu tranh để đuổi kẻ xâm lược ra khỏi bờ cõi, chứ không phải là những kẻ nổi loạn, vì đây là đất nước chúng tôi”. Bọn quan tòa tức tối đập bàn không cho nói... Chị Vân hô vang: “Chúng tôi phản đối lối xét xử áp đặt thiếu quyền con người...”. Quần chúng dự phiên tòa, gia đình và đồng đội đồng thanh hô: “Phản đối, phản đối...”. Bề mặt trước nữ chiến sĩ cộng sản 20 tuổi, tòa án thực dân Pháp kết án Phạm Thị Vân 12 năm tù, biệt giam tại Hỏa Lò (Hà Nội). Chị Vân vận động anh, chị, em tù chính trị đoàn kết, đấu tranh đòi giam chung tù nữ, không cắt tóc tù nữ, đòi ra sân làm cỏ, dọn vệ sinh, phơi nắng... để dễ liên lạc, phối hợp đấu tranh. Cai ngục phải cho chị Vân giam chung. Chị Vân tổ chức học văn hóa, dạy đan, thêu. Ngồi ngay trên sân nhà tù lạnh giá, chị Vân giảng văn hóa-chính trị cho chị em nung nấu lòng căm thù giặc, vận động chị em tuyệt thực, tố cáo nhà tù cho ăn gạo mốc, cá khô mục nát. Lây lý do chị, em tù chính trị đau yếu, chị đấu tranh đòi được nhận tiếp tế hàng tháng.

Chị Vân đề nghị đoàn thể liên lạc với cha, mẹ ở Hải Phòng chuẩn bị thuốc men, giấy bút, thực phẩm khô tiếp tế, sau có thêm đường đen và sữa cung cấp cho anh em bị biệt giam. Chị dặn: Mọi thứ đóng trong các vỏ dừa khô, bên trên để mấy quả có mắm tôm, lính Pháp sợ mùi. Cứ mỗi tháng tiếp tế một lần 3 giờ có to. Phải cho lão cai ngục một giỏ còn hai giỏ, hai căng tù nam-nữ chia nhau cũng nặng tới 40kg. Từ khi chị Vân vào tù (1941-1942), việc tiếp tế do chị Nguyễn Thị Huyền, liên lạc của đoàn thể, cùng bà Vũ Thị Thìn-mẹ kế chị Vân đem vào, sau bọn cai tù không cho người lớn vào, sợ động loạn...

Sau Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng (năm 1943) ở Võng La (Đông Anh, Hà Nội) triển khai Nghị quyết: “Toàn bộ công tác của Đảng phải nhằm vào chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang”. Anh Hoàng Văn Thụ đi chỉ đạo công tác vận động binh lính địch bị bắt (21-9-1943) ở ngõ Năm Diêm, khu Tám Mái (nay là khoảng đầu đường Giảng Võ, Hà Nội). Chúng đưa anh vào biệt giam ở nhà tù Hỏa Lò với mức án tử hình. Chị Vân liên lạc xin ý kiến, được anh Thụ phân công phụ trách chi bộ nhà tù, nhận chỉ thị của Xứ ủy Bắc Kỳ, để có sự phối hợp đấu tranh từ bên ngoài.

Chị Vân liên lạc với gia đình đổi cách tiếp tế qua người em gái Phạm Thị Hiền. Sau khi người nhà lo lót cho cai ngục, bé Hiền gầy ốm, bé nhỏ mỗi tháng 2 lần, mặc quần đùi, áo may ô vào nhà tù Hỏa Lò qua cổng có lính gác, còn phu tù chuyển đồ tiếp tế vào. Bé Hiền chỉ việc chạy vào, các chị ôm hôn để rút tài liệu mật giấu dưới đũng quần ra, rồi lại cài thư từ, báo cáo vào để Hiền đem ra ngoài. Cứ thế từ năm 1941 đến 1944, gia đình cùng chị Vân mất bao nhiêu công sức, tiền của mới thiết lập được đường dây tiếp tế cho anh em tù chính trị.

Đôi lần được ra sân làm cỏ, phơi nắng, qua ánh mắt trao gửi của anh Thụ, chị Vân được tình yêu thương tiếp sức. Chị tháo chiếc áo len do em gái mang vào đan thành áo len cổ cao gửi cho anh Thụ. Vào sáng sớm 24-5-1944 giặc Pháp đưa anh Hoàng Văn Thụ đi xử bắn ở Trường bắn Tương Mai. Tất cả anh em tù chính trị Hỏa Lò bùng dậy hét vang phản đối. Chị Ngân ngất xỉu. Anh Hoàng Văn Thụ nêu cao chí khí bất khuất, kiên trung, trong thư gửi chị Vân, anh dặn giữ sức khỏe, tiếp tục cuộc đấu tranh trả thù cho anh, vững bước trên con đường giành độc lập cho nước nhà. Đặc biệt có bài thơ nhắn bạn nổi tiếng không chỉ dành riêng cho chị: Việc nước xưa nay có bại thành/ Miễn sao giữ trọn được thanh danh/ Phục thù chí lớn không hề nản/ Ngọc nát còn hơn giữ ngôi lành/ Hỡi bạn xa gần hãy chiến đấu... Chị Vân cùng một số anh chị em tù Hỏa Lò vượt ngục (9-3-1945). Phạm Thị Hiền cùng gia đình đưa chị Vân về ông lang làng Đậu Xá (Nam Trực, Nam Định) chữa trị trong ba tháng, bệnh thuyên giảm, đoàn thể cho đón lên Hà Nội nhận nhiệm vụ lo sắm vũ khí, cướp kho thóc của Nhật để cứu đói. Ngoài em gái Phạm Thị Hiền, tổ chức Đảng còn cử chị Nguyễn Thị Huyền giúp việc, như một nhóm buôn bán đi vận động chuẩn bị tổng khởi nghĩa tháng 8-1945.

Hiền trọn 28 tuổi xuân cho độc lập, tự do của Tổ quốc

Hoàng Ngân được Đảng giao làm thường vụ Khu ủy Liên khu Ba (1946), phụ trách Ban dân vận và phụ vận. Tuy sức khỏe, bệnh tật, còn yếu do di chứng bị đòn tra tấn, cầm cố trong nhà tù, ở tuổi 25 trẻ trung, đầy nhiệt huyết, Hoàng Ngân lao vào làm việc cả ngày. Toàn quốc kháng chiến, Hoàng Ngân cùng cơ quan di chuyển qua Vĩnh Yên, lên Tam Đảo, vượt sang An toàn khu (ATK) của Trung ương ở huyện Đại Từ (Thái Nguyên) trụ lại ở một bản gần Góc Hồng, cạnh Đèo Khế. Tháng 10 năm 1947, Hoàng Ngân được bầu làm Bí thư Trung ương Đoàn phụ nữ cứu quốc Việt Nam đầu tiên (nay là Trung ương Hội phụ nữ Việt Nam).

Năm 1948, trước yêu cầu của việc tuyên truyền, vận động đoàn kết phụ nữ kháng chiến, kiến quốc, Hoàng Ngân sáng lập tờ báo Phụ nữ Việt Nam kiêm Tổng biên tập đầu tiên của báo... Là một trong số lãnh đạo Trung ương còn rất trẻ, 27 tuổi, xông xáo, có trình độ, dày dặn kinh nghiệm, Hoàng Ngân vừa lo ổn định nơi ăn, ở, tổ chức bộ máy, xây dựng đoàn Phụ nữ cứu quốc các tỉnh, huyện, xã... vận động chị em tích cực tham gia phong trào “Mùa đông binh sĩ”, hội “Mẹ chiến sĩ”, “Đón thương binh về làng”, “Thi đua ái quốc”, thành lập đội du kích vùng sau lưng địch... đưa hoạt động của phụ nữ cứu quốc Việt Nam lên tầm cao mới.

Tại Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, chúng tôi được bà Lưu Thị Liên là giao thông của Trung ương Đoàn phụ nữ cứu quốc khi mới 15 tuổi, nay đã vào tuổi 74, cho biết: “Do những vết thương bị tra tấn tù đầy tái phát, bị sốt rét ác tính, ngày 17-7-1949 chị Hoàng Ngân được tôi, chị Thảo, chị Nhi, chị Thu, chị Ngọc Khanh, chị Thủy, chị My và anh Hồng bên Nông hội cáng đưa sang y xá Trần Quốc Toàn (nay là Bệnh viện 354 Bộ Quốc phòng) ở Mỹ Yên (Đại Từ). Chị hy sinh lúc 17 giờ ngày 17-7-1949. Các y-bác sĩ và chị em thương tiếc Hoàng Ngân khóc như mưa. Lúc này gia đình ông Long đang tản cư ở Thái Bình, được chị Cảnh-bí thư phụ nữ cứu quốc huyện báo tin. Ông Long cùng Phạm Thị Hiền được liên lạc đưa đi hơn hai ngày đêm tới Mỹ Yên dự lễ truy điệu do đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên thường vụ Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng bộ Việt Minh làm trưởng ban lễ tang, đưa chị về nơi yên nghỉ cuối cùng, an táng tại quả đồi cao, đến nay vẫn được chính quyền, người dân gọi là đồi Hoàng Ngân.

Trong mái lán vầu cọ Phủ Chủ tịch đơn sơ ở ATK Định Hóa, ông Long được Bác Hồ mời ăn cơm. Bác cảm ơn ông bà đã sinh ra, nuôi dạy người con thông minh, dũng cảm, tận tụy hết lòng: “Gia đình ta mất đi một người con trung hiếu, Chính phủ ta mất đi một nữ cán bộ trẻ thông minh, xuất sắc”. Ông Long còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời đến thăm hỏi, tặng hoa sau khi thành phố Hải Phòng đón Bác về thăm (1954). Đến năm 1956 ông Long đi dự Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần I ở Hà Nội được Bác Hồ tặng một áo ba-đờ-suy bằng dạ. Đáp ứng nguyện vọng của gia đình, ngay trong năm ấy Bác cho đại diện Văn phòng Chính phủ, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Văn phòng Quốc hội cùng ông Phạm Trung Long, Phạm Trung Điền lên Đại Từ cùng đảng bộ huyện, xã và nhân dân Mỹ Yên làm lễ, đưa hài cốt Hoàng Ngân về cùng phần mộ anh Hoàng Văn Thụ ở nghĩa trang Mai Dịch (Hà Nội).

Trung ương Đoàn phụ nữ cứu quốc Việt Nam chuyển lên đồi Pù NgạmNgà, xã Điềm Mặc, ATK Định Hóa được Bác Hồ cho đặt tên là đồi Hoàng Ngân. Ở Nam Định, Hải Phòng có đường, phố Hoàng Ngân. Đảng, Nhà nước truy tặng Hoàng Ngân huân chương Độc lập (14-7-2003). Ngày 5 tháng 12 năm 2007, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết ký Quyết định số 1481/2007/QĐ/CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân cho liệt sĩ Phạm Thị Vân (Hoàng Ngân), Bí thư Trung ương Đoàn phụ nữ cứu quốc Việt Nam hy sinh ngày 17-7-1949.

Tôi đã hai lần gặp bà Phạm Thị Hiền, nay đã 75 tuổi cùng em gái Phạm Thị Nguyệt trở lại ATK Định Hóa trao học bổng của Hội đồng hương Hải Phòng ở Thành phố Hồ Chí Minh cho con em xã Điềm Mặc. Ở Hà Nội bà còn em trai Phạm Trung Điền. Bà Hiền rất mong Thái Nguyên có xã, đường, phố mang tên Hoàng Ngân-người nữ anh hùng hiến trọn 28 tuổi xuân cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

Nguồn- Báo Quân đội nhân dân

*Tổ Quốc ghi công các anh hùng đã cống hiến, hy sinh vì độc lập, tự do của đất nước!/
Những gương anh hùng thời kháng chiến chống Pháp. Nguồn: <http://www.quansu.vn>*

TIẾNG BOM NGÔ MÂY

“Thưa mẹ, mẹ đừng buồn. Con sẽ chết một cái chết sường nhất đời. Mẹ hãy vui lên vì mẹ có một người con xứng đáng đã làm tròn nhiệm vụ...”. Đó là những dòng thư cuối cùng mà Ngô Mây-người chiến sĩ Quyết tử quân của quê hương Bình Định viết cho mẹ anh trước ngày lên đường làm nhiệm vụ ôm bom lao vào diệt địch, cản bước tiến quân thù. Lá thư này được Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng trích đăng trong cuốn “Những người con ưu tú của Hồ Chủ tịch”, và trong đó, Ngô Mây-tên người Quyết tử quân anh dũng được nêu ở trang đầu...

Ngô Mây sinh tại thôn Viên Triêm, xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Bỏ mất sớm, mẹ chỉ có anh là người con duy nhất. Cuối năm 1946, giặc Pháp xâm chiếm toàn bộ Tây Nguyên và lăm le tràn xuống Bình Định. Ngô Mây xin mẹ đi bộ đội, anh gia nhập đại đội Quyết tử quân.

Mùa hè năm 1947, quân Pháp đánh mạnh ở An Khê. Đại đội quyết tử được lệnh chặn đánh địch tại đèo An Khê. Nhưng đánh địch bằng cách nào khi bọn chúng có xe tăng, đại bác, súng lớn, súng nhỏ ầm ầm còn cả đại đội chỉ có một khẩu trung liên của Pháp đã cũ với một vài khẩu súng trường, lựu đạn, kinh nghiệm chiến đấu chưa có... Bàn đi tính lại cuối cùng chỉ còn một cách: lấy tinh thần quyết tử vì Tổ quốc để làm tròn nhiệm vụ. Đại đội liền mở một cuộc lựa chọn người tình nguyện ôm bom xả thân diệt địch. Hơn 40 chiến sĩ xung phong nhận nhiệm vụ. Đại đội trưởng đếm xong, mọi người hạ tay xuống, duy còn một cánh tay vẫn giơ thẳng. Đó là Ngô Mây, anh sợ đại đội trưởng đếm sót mình nên vẫn chưa bỏ tay xuống. Sau khi cân nhắc, ban chỉ huy đại đội đã trao cho anh nhiệm vụ vinh quang đó.

Trận chiến đấu với địch trong rừng Suối Vôi, ngày 24-10-1947 diễn ra vô cùng ác liệt. Sau nửa giờ chiến đấu ta diệt được hơn một tiểu đội địch thì khẩu trung liên của đại đội bị tắc, địch lợi dụng thời cơ đánh lên dữ dội. Theo kế hoạch đã định, đại đội trưởng ra lệnh rút quân. Lúc đó, Ngô Mây vẫn bình tĩnh ngồi yên trong bụi rậm, chờ cho quân địch tiến lại đông hơn anh mới ôm bom lao vào giữa đội hình của chúng. Quân giặc còn chưa hết ngỡ ngàng thì một tiếng nổ vang lên. “Quả bom Ngô Mây” đã tiêu diệt hơn một trung đội lính lê dương, mở đường cho toàn đại đội xông lên đánh tan cuộc tiến công của chúng.

Tiếng bom Ngô Mây đã làm rung chuyển tinh thần quân viễn chinh Pháp và cổ vũ mạnh mẽ ý chí chiến đấu của bộ đội Liên khu 5, làm bùng lên phong trào giết giặc lập công khắp mặt trận nam Trung bộ. Ngô Mây đã hy sinh nhưng như lời bài hát ca ngợi anh do nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn sáng tác, thì “tiếng bom anh vang vọng mãi ngàn năm... Máu hùng anh tô thêm cờ vàng sao đỏ thắm vinh quang...”. Liệt sĩ Ngô Mây là người đầu tiên được Đảng, Nhà nước ta truy phong Anh hùng LLVT nhân dân.

Nguồn- Báo Quân đội nhân dân

*Tổ Quốc ghi công các anh hùng đã cống hiến, hy sinh vì độc lập, tự do của đất nước!/
 Những gương anh hùng thời kháng chiến chống Pháp. Nguồn: <http://www.quansuvn.net>*

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Anh hùng Liệt sĩ Bé Văn Đàn (1930-12/12/1953), Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (truy phong; 31/05/1955), hy sinh là Tiểu đội phó thuộc Đại đội 674, Tiểu đoàn 251, Trung đoàn 174, Đại đoàn 316.

Huân chương Quân công hạng Nhì, Huân chương Chiến công hạng Nhất.

Bé Văn Đàn sinh năm 1931, dân tộc Tày, quê ở xã Triệu Ấu, huyện Phục Hoà (nay là huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng. Anh sinh ra trong một gia đình có mẹ chết sớm, cha làm thợ mỏ, chú hoạt động cách mạng bị thực dân Pháp bắt rồi giết. Anh phải đi ở cho địa chủ từ nhỏ. Sau năm năm đi ở, anh trốn về ở với dì và tham gia du kích. Tháng 1 năm 1949, Bé Văn Đàn xung phong vào bộ đội và tham gia nhiều chiến dịch.

Đông Xuân 1953 - 1954, Bé Văn Đàn làm liên lạc tiểu đoàn cùng đơn vị hành quân đi chiến dịch. Một đại đội của Tiểu đoàn 251 được giao nhiệm vụ bao vây địch ở Mường Pồn (Lai Châu). Thấy lực lượng ta ít, quân Pháp tập trung hai đại đội có phi pháo yểm trợ liên tiếp phản kích, nhưng cả hai đợt đều bị quân ta đánh bật lại. Tình hình chiến đấu hết sức căng thẳng. Pháp liều chết nóng ra. Ta kiên quyết ngăn chặn.

Bé Văn Đàn vừa đi công tác về đã xung phong làm nhiệm vụ. Anh vượt qua lưới đạn dày đặc của địch truyền mệnh lệnh cho đại đội kịp thời, chu đáo.

Tình hình chiến đấu ngày càng ác liệt, anh được lệnh ở lại đại đội chiến đấu. Khi quân phản kích đợt ba, quân Pháp điên cuồng mở đường tiến. Đại đội thương vong chỉ có 17 người, bản thân Bé Văn Đàn cũng bị thương nhưng anh vẫn tiếp tục chiến đấu. Một khẩu trung liên không bắn được do xạ thủ hy sinh, còn khẩu trung liên của Chu Văn Pù không bắn được vì chưa tìm được chỗ đặt súng.

Không do dự, Bé Văn Đàn rời khỏi công sự, lao đến cầm hai chân trung liên đặt lên vai mình nói như ra lệnh: "Kẻ thù trước mặt, đồng chí có thương tôi thì bắn chết chúng nó đi". Khẩu trung liên nhắm đạn về phía quân Pháp, đẩy lùi đợt phản kích. Bé Văn Đàn mình đầy thương tích và đã anh dũng hy sinh, hai tay còn ghì chặt chân súng trên vai. Anh được kết nạp Đảng tại trận địa.

Sự hy sinh anh dũng của Anh hùng Liệt sĩ Bé Văn Đàn đã đi vào thơ ca. Tên của anh được đặt cho nhiều đường phố và trường học.

*Tổ Quốc ghi công các anh hùng đã cống hiến, hy sinh vì độc lập, tự do của đất nước!/
Những gương anh hùng thời kháng chiến chống Pháp. Nguồn: <http://www.quansuvn.net>*

ANH HÙNG LIỆT SĨ PHAN ĐÌNH GIÓT, LẤY THÂN MÌNH LẤP LỖ CHÂU MAI

Anh hùng Liệt sĩ Phan Đình Giót (1922-13/3/1954), Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (truy phong; 31/3/1955), Khi hy sinh anh là Tiểu đội phó bộ binh Đại đội 58, Tiểu đoàn 428, Trung đoàn 141, Đại đoàn 312, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Huân chương Quân công hạng Nhì.

Gia đình anh Phan Đình Giót rất nghèo. Bố bị chết đói. Anh phải đi ở từ năm 13 tuổi cực nhọc, vất vả. Cách mạng tháng Tám thành công, anh tham gia tự vệ chiến đấu, đến năm 1950, anh xung phong đi bộ đội chủ lực. Trong cuộc sống tập thể quân đội, Phan Đình Giót luôn tự giác gương mẫu về mọi mặt, hết lòng thương yêu giúp đỡ đồng đội, sẵn sàng nhận khó khăn về mình, nhường thuận lợi cho bạn nên được đồng đội mến phục. Phan Đình Giót tham gia nhiều chiến dịch lớn như: Trung Du, Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ.

Mùa đông năm 1953, đơn vị anh được lệnh tham gia chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Hành quân gần 500 km, vượt qua nhiều đèo dốc, mang vác nặng nhưng đồng chí vẫn kiên trì, giúp đồng đội về tới đích. Trong nhiệm vụ xẻ núi, mở đường, kéo pháo lên đèo xuống dốc vào trận địa rất gay go gian khổ, anh đã nêu cao tinh thần gương mẫu, bền bỉ và đồng đội anh em kiên quyết chấp hành nghiêm mệnh lệnh của cấp trên.

Chiều ngày 13 tháng 3 năm 1954, quân ta nổ súng tiêu diệt Him Lam. Cả trận địa rung chuyển mù mịt sau nhiều loạt pháo ta bắn chuẩn bị.

Các chiến sỹ đại đội 58 lao lên mở đường, đã liên tiếp đánh đến quả bộc phá thứ tám. Phan Đình Giót đánh quả thứ chín thì bị thương vào đùi nhưng vẫn xung phong đánh tiếp quả thứ mười. Quân Pháp tập trung hỏa lực trút đạn như mưa xuống trận địa ta. Đồng đội bị thương vong nhiều.

Lửa căm thù bốc cao, anh lao lên đánh liên tiếp hai quả nữa phá toang hàng rào cuối cùng, mở thông đường để đồng đội lên đánh sập lô cốt đầu cầu. Lợi dụng thời cơ địch đang hoang mang, Phan Đình Giót vọt lên bám chắc lô cốt số 2, ném thủ pháo, bắn kiểm chế cho đơn vị tiến lên. Anh lại bị thương vào vai, máu chảy đầm đìa. Nhưng bất ngờ từ hỏa điểm lô cốt số 3 của lính Pháp bắn rất mạnh vào đội hình ta. Lực lượng xung kích bị ùn lại, Phan Đình Giót cố gắng lê lên nhích dần đến gần lô cốt số 3 với ý nghĩ cháy bỏng, duy nhất là dập tắt ngay lô cốt này. Anh đã dùng hết sức mình còn lại nâng tiểu liên lên bắn mạnh vào lỗ châu mai, miệng hô to:

"Quyết hy sinh... vì Đảng... vì dân!!.." rồi rướn người lấy đà, lao cả thân mình vào bịt kín lỗ châu mai địch. Hỏa điểm lợi hại nhất của quân Pháp đã bị dập tắt, toàn đơn vị ào ạt xông lên như vũ bão, tiêu diệt gọn cứ điểm Him Lam, giành thắng lợi trong trận đánh mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. Trước khi hy sinh, Phan Đình Giót đã được Tiểu đoàn, Đại đoàn khen thưởng 4 lần.

*Tổ Quốc ghi công các anh hùng đã cống hiến, hy sinh vì độc lập, tự do của đất nước!/
Những gương anh hùng thời kháng chiến chống Pháp. Nguồn: <http://www.quansuvn.net>*

ANH HÙNG LIỆT SĨ TÔ VĨNH ĐIỆN, LẤY THÂN MÌNH CHÈN PHÁO

Anh hùng Liệt sĩ Tô Vĩnh Điện (1924-5/1953), Anh hùng Lực lượng Vũ Trang Nhân dân (Truy phong; 7/5/1955), khi hy sinh, anh là Tiểu đội trưởng pháo cao xạ 37 ly thuộc Đại đội 827, Tiểu đoàn 394, Trung đoàn 367.

Huân chương Quân công hạng Nhì, Huân chương Chiến công hạng Nhất

Tô Vĩnh Điện sinh trưởng trong một gia đình nghèo, ở xã Nông Trường, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá. Lên 8 tuổi đã phải đi ở cho địa chủ. Suốt 12 năm đi ở, anh phải chịu bao cảnh áp bức bắt công. Năm 1946, anh tham gia dân quân ở địa phương. Năm 1949, đồng chí xung phong đi bộ đội.

Tháng 5 năm 1953, quân đội ta thành lập các đơn vị pháo cao xạ để chuẩn bị đánh lớn. Tô Vĩnh Điện được điều về làm tiểu đội trưởng một đơn vị pháo cao xạ. Trong quá trình hành quân cơ động trên chặng đường hơn 1000 km tới vị trí tập kết để tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, anh luôn luôn gương mẫu làm mọi việc nặng nhọc, động viên giúp đỡ đồng đội kéo pháo tới đích an toàn.

Trong lúc kéo pháo qua những chặng đường khó khăn nguy hiểm, anh xung phong lái để bảo đảm an toàn cho khẩu pháo. Trong lúc kéo pháo cũng như lúc nghỉ dọc đường, Tô Vĩnh Điện luôn luôn nhắc đồng đội chuẩn bị chu đáo và tự mình đi kiểm tra tỉ mỉ đường dây kéo pháo, xem xét từng đoạn đường, từng cái dốc rồi phổ biến cho anh em để tránh những nguy hiểm bất ngờ xảy ra.

Kéo pháo vào đã gian khổ, hy sinh, kéo pháo ra càng gay go ác liệt, anh đã đi sát từng người, động viên giải thích nhiệm vụ, giúp anh em xác định quyết tâm cùng nhau khắc phục khó khăn để đảm bảo thắng lợi.

Qua 5 đêm kéo pháo ra đến dốc Chuối, đường hẹp và cong rất nguy hiểm. Tô Vĩnh Điện cùng đồng đội Ty xung phong lái pháo. Nửa chừng dây tời bị đứt, pháo lao nhanh xuống dốc, anh vẫn bình tĩnh giữ càng, lái cho pháo thẳng đường. Nhưng một trong bốn dây kéo pháo lại bị đứt, pháo càng lao nhanh, anh Ty bị hất xuống suối. Trong hoàn cảnh hiểm nghèo đó, Tô Vĩnh Điện hô đồng đội: “Thà hy sinh, quyết bảo vệ pháo” và anh buông tay lái xông lên phía trước, lấy thân mình chèn vào bánh pháo, nhờ đó đơn vị kịp ghìm giữ pháo dừng lại.

Tấm gương hy sinh vô cùng anh dũng của đồng chí Tô Vĩnh Điện đã cổ vũ mạnh mẽ toàn đơn vị vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

*Tổ Quốc ghi công các anh hùng đã cống hiến, hy sinh vì độc lập, tự do của đất nước!/
Những gương anh hùng thời kháng chiến chống Pháp. Nguồn: <http://www.quansu.vn.net>*

ANH HÙNG LIỆT SĨ TRẦN CAN, NGÃ XUỐNG TRƯỚC GIỜ TOÀN THẮNG

Anh hùng Liệt sĩ Trần Can (1931-7/5/1954), Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (Truy tặng; 7/5/1956), Khi hy sinh anh là Đại đội phó bộ binh thuộc Trung đoàn 209, Đại đoàn 312, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Huân chương Quân công (hạng Nhì, hạng Ba), 2 Huân chương Chiến công hạng nhất, 2 lần được bầu là chiến sỹ thi đua của đại đoàn.

Trần Can sinh năm 1931, dân tộc Kinh, quê ở xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Từ hồi còn nhỏ, Trần Can rất ham thích vào bộ đội để được cầm súng giết giặc cứu nước. Lớn lên, đã ba lần đồng chí xung phong tình nguyện xin đi bộ đội, nhưng vì sức yếu nên đến lần thứ tư mới được chấp nhận (năm 1951).

Từ khi vào bộ đội, Trần Can chiến đấu rất dũng cảm, mưu trí, chỉ huy hết sức linh hoạt. Trong mọi trường hợp khó khăn ác liệt, anh đều kiên quyết dẫn đầu đơn vị vượt lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đã hai lần anh bị thương nặng vẫn tiếp tục chiến đấu, chỉ huy đơn vị kiên quyết tiến công tiêu diệt địch. Tấm gương của Trần Can đã thiết thực cổ vũ phong trào thi đua giết giặc lập công sôi nổi trong toàn đơn vị.

Trong trận đánh đồi Him Lam mở đầu cho chiến dịch Điện Biên Phủ, Trần Can được giao nhiệm vụ chỉ huy tiểu đội thọc sâu diệt sở chỉ huy và cắm lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” của Hồ Chủ tịch giao cho quân đội lên đồn Pháp. Khi nổ súng, mặc cho hỏa lực quân Pháp bắn ra dữ dội, anh dẫn đầu tiểu đội vượt qua lô cốt tiền duyên, chọc thẳng vào sở chỉ huy như một mũi dao nhọn cắm vào giữa tim gan địch, rồi nhảy lên lô cốt cắm cờ. Sau đó, anh chỉ huy tiểu đội diệt lính Pháp còn lại trong hầm ngầm, bắt 25 tên, thu nhiều súng.

Trong trận đánh điểm cao 507, Trần Can đã dũng cảm dẫn đầu tiểu đội xông lên áp đảo quân Pháp, chiếm mồm cột cờ. Lính Pháp bắn pháo dữ dội và cho quân địch chiếm lại. Ta với Pháp giành giật nhau từng thước đất hết sức quyết liệt. Anh đã cùng đồng đội kiên quyết giữ vững và tiến công đánh bại 4 đợt phản kích của chúng. Địch xông lên trong đợt công kích thứ năm, chúng ném lựu đạn tới tấp trước khi xung phong. Trần Can nhặt lựu đạn ném lại và chỉ huy đơn vị nhảy lên bờ hào đánh giáp lá cà. Cán bộ đại đội bị thương vong hết, bản thân Trần Can cũng bị thương, nhưng anh vẫn quyết tâm thay thế cán bộ đại đội chỉ huy bộ đội chiến đấu suốt đêm. Sáng hôm sau, anh tập trung thương binh nhẹ lại, động viên bộ đội, chấn chỉnh tổ chức, củng cố trận địa. Quân Pháp lại phản kích dữ dội, mong đánh bật quân ta, giành lại cửa ngõ tiến vào Mường Thanh. Trần Can chỉ huy đơn vị đánh tan đợt pháo kích của chúng, kiên quyết giữ vững trận địa, tạo thế cho đơn vị tiến vào trung tâm Mường Thanh. Anh Trần Can đã hy sinh anh dũng sáng ngày 7 tháng 5 năm 1954, ngày kết thúc chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

*Tổ Quốc ghi công các anh hùng đã cống hiến, hy sinh vì độc lập, tự do của đất nước!/
Những gương anh hùng thời kháng chiến chống Pháp. Nguồn: <http://www.quansuvn.net>*

**BÀI VIẾT, TÀI LIỆU TRÊN MẠNG
VIẾT VỀ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
VÀ QUỐC KHÁNH 2/9/1945**



CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Cách mạng tháng Tám (ngày 19 tháng 8 năm 1945)

Là cuộc cách mạng thắng lợi của Việt Minh với quân Pháp, Nhật Bản và chính phủ Trần Trọng Kim do vua Bảo Đại phê chuẩn. Kết quả chính phủ cũ giải tán và sau đó đến ngày 2 tháng 9 năm 1945 Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập Việt Nam khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Bối cảnh lịch sử

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, phe trục gồm Đức Ý Nhật đánh lại phe đồng minh gồm Anh, Pháp, Liên Xô. Sau có Mỹ và nhiều nước nữa tham chiến.

Vào tháng 9 năm 1940, ngay giữa Thế chiến thứ hai, Chính phủ Vichy của Pháp, vì đã đầu hàng Đức Quốc Xã, đồng ý cho quân đội Nhật Bản đổ bộ vào Bắc kỳ. Ngay lập tức quân đội Nhật dùng đó làm bàn đạp ảnh hưởng đến các chiến trường Trung Quốc và Đông Nam Á. Trên thực tế, đây là một điểm quan trọng trong chiến lược quân sự của Nhật nhằm thống trị toàn bộ vùng Đông Nam Á. Trong khi chờ đợi cuộc đại thắng của Đức tại châu Âu, Nhật tạm thời duy trì hệ thống bảo hộ của Pháp tại Đông Dương. (Trong những trận đánh lớn hồi đó có thể kể đến việc Hải Quân và Không Quân Nhật xuất phát từ Cam Ranh và Sài Gòn tiêu diệt Hạm đội Viễn Đông của Anh).

Thời gian này, Đảng Cộng Sản Đông Dương lãnh đạo nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp, như Khởi Nghĩa Nam Kỳ, Khởi Nghĩa Bắc Sơn nhưng đều thất bại. Những binh lính tham gia chiến tranh Thái Lan thực hiện Khởi Nghĩa Đô Lương cũng thất bại.

Vào tháng 05/1941 các lực lượng ái quốc, trong đó nòng cốt là Đảng Cộng Sản Đông Dương, dẫn đầu bởi Hồ Chí Minh, tập hợp tại một địa điểm gần biên giới Việt-Trung, tham gia một tổ chức đứng về phía đồng minh giành độc lập cho Việt Nam gọi là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội. Tổ chức này thường được gọi vắn tắt là Việt Minh. Tổ chức này xây dựng một chiến khu do họ kiểm soát ở biên giới Việt Trung. Ngày 22-12-1944, Võ Nguyên Giáp thành lập một trung đội 34 người. Đội quân này sau này sẽ là Quân Đội Nhân Dân Việt Nam, ngay sau khi thành lập đã tiến đánh quân Nhật, mở rộng chiến khu. Trước khi Nhật đầu hàng đồng minh, chiến khu đã gồm nhiều tỉnh vùng đông Bắc Bộ, gọi là chiến khu Việt Bắc.

Trong suốt Thế chiến thứ hai, Mỹ đã tích cực hỗ trợ lực lượng kháng chiến Việt Minh trong các hoạt động chống Nhật. Một đơn vị đặc nhiệm của tổ chức OSS (*Office of Strategic Services*) - tiền thân của Cục Tình báo Trung ương Mỹ CIA) - đã từng hợp tác cùng lực lượng Việt Minh thành lập một đại đội Việt-Mỹ (do Đàm Quang Trung làm đội trưởng và Thiếu tá A. K. Thomas làm cố vấn) nhằm vào mục tiêu chung chống Nhật. Lực lượng Việt Minh cũng bảo vệ các phi công Mỹ bị bắn rơi trong khu vực Đông Dương và đưa họ thoát sang Trung Quốc rồi trao lại cho quân đội Đồng Minh.

Đến năm 1945, thấy quân đội Đức bị đánh bại hoàn toàn tại mặt trận châu Âu và ưu thế của quân đội Mỹ càng ngày càng lên tại mặt trận Thái Bình Dương, Nhật quyết định hoàn toàn không chế Đông Dương. Ngày 09/03/1945, Nhật trao tối hậu thư cho Toàn quyền Đông Dương (*Gouverneur de l'Indochine*), Đô đốc Jean Decoux, yêu cầu đặt toàn bộ quân đội Pháp tại Đông Dương dưới quyền chỉ huy và điều động của họ. Decoux từ chối và bị bắt giam ngay lập tức, không kịp báo lệnh cho lực lượng dưới quyền của mình. Quân đội Nhật, sau đó bắt thân tấn công các doanh trại và cơ sở của chính quyền thuộc địa Pháp. Chỉ trong một đêm họ đã thanh toán xong toàn bộ cứ điểm và bắt giam tất cả các quan chức người Pháp.

Phản ứng trước sự kiện Nhật đảo chính Pháp, Việt Minh ra thông báo cho các thành viên, bản thông báo có tên *Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Trong khi đó, Quốc vương Bảo Đại (trước đó do Pháp bảo trợ), với sự trợ giúp của Nhật, ngay lập tức tuyên bố hủy bỏ tất cả những hiệp ước đã ký kết với Pháp trước đó và mời nhà trí thức Trần Trọng Kim ra thành lập chính phủ khác thân Nhật. Ngày 17/04/1945, Bảo Đại ký đạo dụ số 5 chuẩn y thành phần nội các Trần Trọng Kim và ngày 12/05 giải thể Viện Dân biểu Trung Kỳ.

Dưới sự cai trị của Nhật, nạn đói khủng khiếp diễn ra làm 2 triệu người chết. Đây là thời cơ để Việt Minh xây dựng lực lượng lớn khắp cả nước, họ tập hợp nhân dân cướp các

kho thóc Nhật. Đồng thời, một đại hội đại biểu toàn quốc họp trên chiến khu, thành lập **Quốc Dân Đại Hội**, tức quốc hội lâm thời. Khi Nhật thất bại, khởi nghĩa nổ ra trên toàn quốc, đó là **Cách mạng tháng Tám**. Cách mạng diễn ra nhanh chóng với sự tham gia của hầu hết dân chúng, Việt Minh giành được chính quyền trên cả nước trong mười mấy ngày.

Ngày 12 tháng 3 năm 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" nhằm phát động cao trào kháng Nhật cứu nước (thay đổi hình thức tuyên truyền, tổ chức đấu tranh để thích hợp với thời kì tiền khởi nghĩa, tập dượt quần chúng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền).

Tại Âu châu, Đức thất trận và đầu hàng ngày 7 tháng 5 năm 1945. Ngày 6 tháng 8, Hoa Kỳ ném hai trái bom nguyên tử trên đảo Hiroshima và Nagasaki. Ngày 14 tháng 8, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Do đó quân Nhật tại Việt Nam dao động và tan rã. Theo tối hậu thư Postdam của phe đồng minh gửi Nhật ngày 26 tháng 7, quân đội Nhật sẽ bị giải giới do quân đội Trung Hoa ở bắc vĩ tuyến 16, và do quân đội Anh từ nam vĩ tuyến 16.

Tổng khởi nghĩa Hà Nội

Hội nghị toàn quốc họp ở Tân Trào ngày 13 tháng 8 năm 1945 đã nhận định rằng những điều kiện cho Tổng khởi nghĩa đã chín mùi và chuẩn bị lãnh đạo toàn dân khởi nghĩa.

Diễn biến tại miền Bắc

Khi nhậm chức, bộ trưởng tư pháp Trịnh Đình Thảo của chính phủ Trần Trọng Kim đã ra lệnh thả hàng ngàn tù chính trị bị Pháp giam giữ trước đó và cho phép các tổ chức, hội đoàn chính trị được hoạt động công khai. Tin đồn dân Nhật sắp sửa đầu hàng đã lan tỏa khắp nơi tại miền Bắc, lợi dụng cơ hội, dân chúng đã tụ tập biểu tình, bãi công nhiều nơi, như ở Thái Bình ngày 11 tháng 8. Từ ngày 12 tháng 8 năm 1945, các đơn vị Giải phóng quân của Việt Minh lần lượt tiến công các đồn Nhật ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, v.v. và hỗ trợ nhân dân các tỉnh này tiến lên giành chính quyền tại các tỉnh lỵ.

Ngày 16 tháng 8 năm 1945, một đơn vị Giải phóng quân của Việt Minh do Võ Nguyên Giáp chỉ huy kéo về bao vây, tấn công quân Nhật ở thị xã Thái Nguyên.

Diễn biến tại miền Nam

Tại Sài Gòn, Huỳnh Phú Sổ kết hợp các đoàn thể quốc gia Cao Đài, Hoà Hảo, Việt Nam Quốc dân đảng, Đại Việt Quốc dân đảng... thành Mặt trận Quốc gia Việt Nam Thống nhất, tổ chức một cuộc biểu tình lớn chống Pháp.

Ngày 25 tháng 8 năm 1945, Việt Minh tổ chức biểu tình và cướp chính quyền tại Sài Gòn. Đến ngày 28 tháng 8, Việt Minh giành được chính quyền toàn quốc. Hai tỉnh cướp được chính quyền cuối cùng là Hà Tiên và Đồng Nai Thượng.

Bảo Đại thoái vị

Ngày 22 tháng 8, Việt Minh gửi công điện yêu cầu Bảo Đại thoái vị, họ đã cướp được chính quyền. Bảo Đại tuyên bố chấp nhận thoái vị, từ bỏ ngai vàng và trở thành công dân Vĩnh Thụy. Ngày 30 tháng 8, hàng mấy vạn người tụ tập trước Ngọ Môn Lâu xem nhà vua thoái vị, ông tuyên bố "thà làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ"^{[1] [2]}.

Sau đó công dân Vĩnh Thụy trao ấn, kiếm cho đại diện Việt Minh Trần Huy Liệu và được gắn huy chương. Khi vua Bảo Đại chính thức thoái vị, Hồ Chí Minh ở Tân Trào mới về Hà Nội, dân chúng vẫn chưa biết Hồ Chí Minh là ai.

Tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội). Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập và tuyên bố sự khai sinh của một nước Việt Nam mới: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bản tuyên ngôn, dựa theo bản Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ, bắt đầu bằng câu: *Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.*

Tiếp theo đó, đất nước non trẻ tổ chức tổng tuyển cử, xây dựng nhà nước dân chủ độc lập đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, Hồ Chí Minh được 98% ủng hộ.

Tại Sài Gòn

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, hàng ngàn người dân từ nhiều tỉnh và tại Sài Gòn kéo về quảng trường Norodom (gần nhà thờ Đức Bà) chờ được nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc

tuyên ngôn độc lập từ quảng trường Ba Đình (Hà Nội). Nhưng do thời tiết xấu và trình độ kỹ thuật lúc đó, những lời tuyên bố của Hồ Chí Minh trước quốc dân không đến được với những người dự mít tinh. Ông Trần Văn Giàu, Chủ tịch Lâm ủy hành chính Nam Bộ bước lên khán đài kêu gọi nhân dân đoàn kết chung quanh chính phủ Hồ Chí Minh, nâng cao cảnh giác, "sẵn sàng đập tan mưu đồ của thực dân, để quốc trở lại xâm lược nước ta lần nữa"^[cần dẫn chứng]. Bác sỹ Phạm Ngọc Thạch, người được cử chức Bộ trưởng Bộ Y tế Chính phủ lâm thời thay mặt chính phủ tuyên thệ trước quốc dân "Cương quyết lãnh đạo đồng bào giữ gìn đất nước, vượt qua khó khăn nguy hiểm xây đắp nền độc lập hoàn toàn cho Việt Nam".

Khi cuộc mít tinh chuyển sang biểu tình tuần hành, từ trên những tầng lầu cao xung quanh, quân Pháp đã nổ súng bắn vào đoàn biểu tình tuần hành, từ trên những lầu cao xung quanh, làm 47 người chết và bị thương^[cần dẫn chứng]. Ngày 23-9-1945 ông Trần Văn Giàu viết lời kêu gọi Nam Bộ kháng chiến: "Hãy nắm chặt vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp, cứu nước. Cuộc kháng chiến bắt đầu..."

Ý nghĩa

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt Nam đã đập tan xiềng xích nô lệ của Pháp trong gần một thế kỷ tại Việt Nam, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế gần một nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đảng Cộng sản Việt Nam từ chỗ phải hoạt động bí mật, bất hợp pháp trở thành một đảng cầm quyền và hoạt động công khai.

Về phương diện quốc tế, Cách mạng tháng Tám đã mở đầu cho thời kì suy sụp của chủ nghĩa thực dân cũ, góp phần vào quá trình giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa trên thế giới.

.....
Cách mạng tháng tám / Cuộc Sống Việt _ Theo vi.wikipedia.org

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM – HÀ NỘI QUYẾT TỬ ĐỂ TỔ QUỐC QUYẾT SINH (1945-1954)

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Pháp bắt đầu việc khai thác trên quy mô lớn ở Đông Dương. Bộ mặt Hà Nội cũng có nhiều thay đổi. Giai cấp công nhân ở Hà Nội cũng có nhiều thay đổi. Giai cấp công nhân ở Hà Nội dần hình thành.

Năm 1924, công nhân nhà máy Rượu đã bãi công đòi đuổi quản đốc người Pháp. Từ đó cho đến năm 1929, những cuộc bãi công của công nhân đã nổ ra liên tiếp và tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời vào cuối năm 1926 tại làng Dịch Vọng (nay là phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy). Đó là Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên. Tổ chức Công hội đồ đã có ở xưởng sửa chữa ô tô Avia, sở Hỏa xa, nhà máy Diêm, nhà máy Điện. Phong trào đấu tranh của công nhân mỗi ngày một dâng cao, dẫn đến việc thành lập Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Hà Nội (3-1929) tại số nhà 5D phố Hàm Long và tới ngày 17-6-1929 tại số nhà 312 phố Khâm Thiên, Đông Dương cộng sản đảng ra đời. (Đến ngày 3-2-1930 đảng này cùng An Nam cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn hợp nhất thành Đảng cộng sản Việt Nam).

Từ tháng 6 năm 1929 cho đến giữa năm 1930, các cuộc đình công của công nhân hãng Avia, sở Ươm cây Lapho, nhà máy gạch Hưng Ký, nhà máy điện... lên cao, lời cuốn cả giới tiểu thương.

Rồi cả một cao trào cách mạng dâng lên ở Hà Nội với một khí thế vô cùng mạnh mẽ, phối hợp với phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh. Truyền đơn, báo chí, cờ đỏ búa liềm xuất hiện ở nhiều nơi trong thành phố. Tổng bí thư đầu tiên của Đảng Trần Phú đã viết Luận

cương chính trị ngay trong nhà một công chức cao cấp Pháp giữa Hà Nội (90 phố Thọ Nhuộm).

Trong thời kỳ này, Việt Nam Quốc dân Đảng của Nguyễn Thái Học cũng hoạt động ở Hà Nội và gây cơ sở trong số công chức, giáo học. Nhưng sau vụ bạo động Yên Bái (1930) thất bại, các cơ sở của Quốc dân Đảng hoàn toàn tan vỡ.

Phong trào đấu tranh của nhân dân Hà Nội dưới sự lãnh đạo của Đảng công sản Đông Dương có khi lên khi xuống, nhưng không bao giờ tắt, mặc dù địch ra sức khủng bố giết hại hàng trăm chiến sĩ, bắt đi đày một lúc hàng nghìn người.

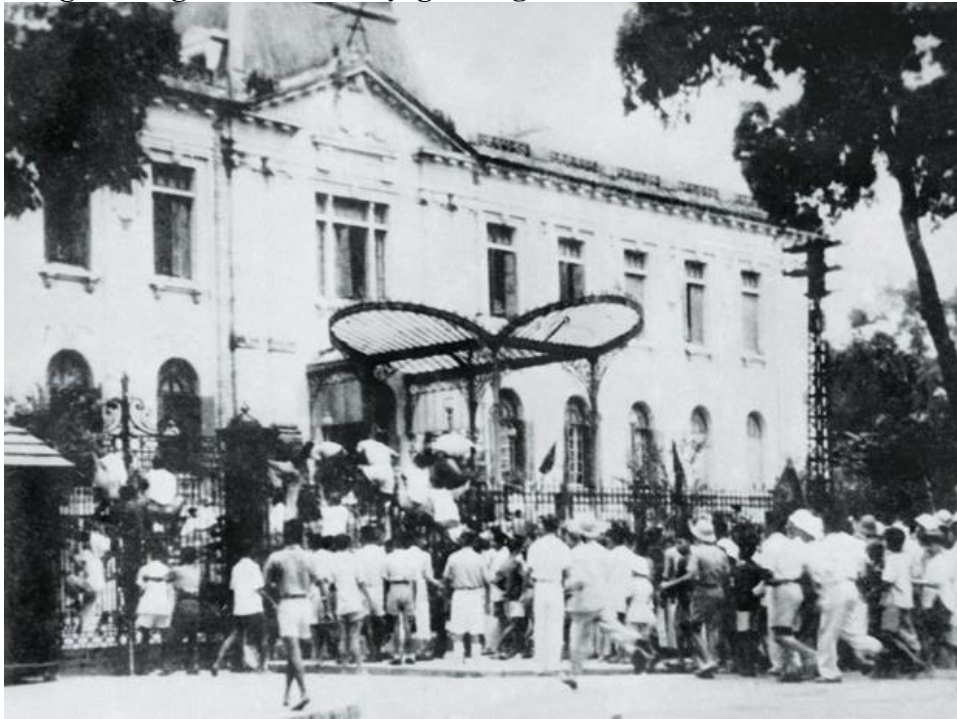
Những thủ đoạn vơ vét bóc lột của thực dân Pháp cùng với sự lan tràn của tình trạng khủng hoảng kinh tế đã khiến cho đời sống của tất cả các tầng lớp nhân dân Hà Nội thêm khó khăn. Nạn thất nghiệp trầm trọng, lương công nhân đang làm việc bị hạ xuống, công thương nghiệp đình trệ. Tư sản Việt Nam phá sản khá đông, tài sản của họ rơi vào tay tư bản Pháp. Các tầng lớp nhân dân đều khao khát cách mạng. Năm 1936 ở Pháp, Mặt trận Bình dân lên cầm quyền. Lợi dụng tình thế đó, Đảng cộng sản Đông Dương đã phát động một phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ trong những năm 1936 - 1939. Đây là một thời cơ thuận lợi để Đảng gây lại cơ sở, đứng ra tập hợp quần chúng và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Nhiều báo chí công khai của Đảng xuất hiện. Nhiều hội ái hữu các nghề nghiệp khác nhau ra đời, không những trong các xí nghiệp mà còn lan rộng khắp các giới lao động khác như thợ nề, thợ may, thợ xẻ, thợ cắt tóc. Phong trào công nhân ngành in, xe điện, nhà máy điện, học sinh, phụ nữ, tiểu thương... lên rất mạnh. Ngày 1-5-1938, một cuộc mít tinh kỷ niệm ngày quốc tế lao động đã diễn ra ở Hà Nội tại sân nhà Đấu Xảo (nay là Cung Văn hóa lao động Hữu nghị Việt - Xô). Đó là một cuộc mít tinh lớn nhất từ khi Pháp có mặt ở Hà Nội.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Hà Nội trong những năm 1936 - 1939 đã phát triển mạnh mẽ và thu được nhiều kết quả to lớn:

- Luật lao động được ban hành
- Các sách báo công khai của Đảng được phổ biến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, góp phần giáo dục ý thức chính trị.
- Thông qua các cuộc đấu tranh lớn nhỏ, quần chúng đã được rèn luyện và có kinh nghiệm tổ chức để bước vào một cuộc chiến đấu mới chống kẻ thù phát xít sắp tới.

Chính đó là một thời kỳ tập dượt và chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Tổng khởi nghĩa và Cách mạng tháng Tám



Nhân dân Hà Nội chiếm phủ Khâm Sai 19-08-1945

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, tiếp đó tháng 9 - 1940 phát xít Nhật xâm lược Đông Dương. Hoảng sợ trước sức mạnh của Nhật, quân Pháp đã dâng Đông Dương cho Nhật, đẩy nhân dân ta vào ách “một cổ đôi tròng”. Tháng 10 - 1940 quân đội Nhật kéo vào Hà Nội. Hà Nội bắt đầu một giai đoạn lịch sử mới: sống và đấu tranh dưới ách thống trị của cả thực dân Pháp lẫn phát xít Nhật. Pháp tổ chức ra phong trào "Vui vẻ trẻ trung", phong trào Thanh niên Duy-cua-rao (Ducoroy) để đánh lạc hướng thanh niên.

Ở nông thôn, chúng vét thóc và bắt dân nhổ lúa trồng đay cho Nhật. Ở thành thị, chúng đặt ra nhiều thứ thuế mới. Nhiều đảng phái thân Nhật xuất hiện, tuyên truyền cho thuyết Đại Đông Á của Nhật. Nhưng những luận điệu lừa bịp, những thủ đoạn áp bức bóc lột của Pháp, Nhật không thể lung lạc được các tầng lớp nhân dân Hà Nội.

Các tổ chức cách mạng bị khủng bố từ năm 1939 dần dần hồi phục lại. Tháng 10-1941, Nghị quyết TW 8 về thành lập Mặt trận Việt minh được phổ biến tới Hà Nội. Các đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh được tổ chức trong thành phố lấy tên là cứu quốc: Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh Niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Văn hóa cứu quốc...

Các cuộc bãi công của thợ xe ở xưởng đóng tàu của Nhật ở Phà Đen, thợ in các nhà in Viễn Đông (IDEO) và nhà in Lê Văn Tân... những vụ phá kho thóc đã nổ ra liên tiếp. Tự vệ chiến đấu được thành lập. Các cuộc diễn thuyết của Việt Minh, những vụ trùng trị Việt gian của Đội danh dự đã gây chấn động trong thành phố.

9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Ở Hà Nội, phong trào cách mạng càng sôi sục. Các đội tự vệ chiến đấu hoạt động mạnh để chuẩn bị khởi nghĩa.

15-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh nhưng chúng vẫn tăng cường canh gác, tuần tra. Tuy vậy bọn bù nhìn và các đảng phái thân Nhật lúc ấy rất hoang mang.

Căn cứ vào đường lối của Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ quyết định thành lập ủy ban quân sự cách mạng Hà Nội. Ngày 17-8, báo chí Hà Nội đăng công khai tin Nhật đầu hàng vô điều kiện. Chiều hôm đó, tại quảng trường Nhà hát lớn có cuộc mít tinh của Tổng hội viên chức với mục đích ủng hộ chính quyền bù nhìn (Trong tổ chức này có những nhân mồi

của Việt Minh, họ cũng muốn tương kế tựu kế để chiếm diễn đàn). Ủy ban quân sự cách mạng quyết định phá cuộc mít tinh, chiếm diễn đàn để tuyên truyền cách mạng. Sự việc diễn ra đúng như dự kiến. Sau khi chiếm diễn đàn, đại biểu Việt Minh kêu gọi nhân dân vùng lên giành chính quyền. Sau đó mít tinh chuyển sang biểu tình tuần hành. Có thể nói chính thời khắc này là phút giây đầu tiên của cuộc tổng khởi nghĩa ở Hà Nội. Các cơ sở của chính quyền bù nhìn thân Nhật xung quanh Hà Nội bị tê liệt.

Ngày 19 tháng Tám, Ủy ban quân sự cách mạng tổ chức một cuộc mít tinh không lồ của gần 20 vạn người tại quảng trường Nhà hát lớn chuyển thành biểu tình thị uy kéo đến chiếm phủ Khâm sai, trại Bảo An binh, Sở Mật thám, v.v...

Chính quyền từ tay phát xít Nhật đã thuộc về nhân dân. Người Hà Nội đã vùng dậy giành chính quyền bất chấp mọi sự đe dọa của địch.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội là thắng lợi của sức mạnh đoàn kết, là kết quả của cả một quá trình đấu tranh anh dũng, gian khổ của nhân dân từ nhiều thập kỷ và đến lúc đó đã nắm bắt đúng thời cơ.

Sau Hà Nội, các thành phố và tỉnh, thành lần lượt nổi dậy và chỉ trong vòng 10 ngày, chế độ cũ đã bị lật đổ, chính quyền cách mạng được thiết lập trong toàn quốc.

Ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội. Sau đó, Hiến pháp được thông qua. Hà Nội xác định là thủ đô nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Nhân dân Hà Nội phấn khởi bước vào xây dựng cuộc sống mới mặc dù còn nhiều khó khăn.

Từ 9-1945 đến 5-1946, 20 vạn quân Tưởng (thuộc phe Đồng minh kéo vào tước khí giới của quân Nhật bại trận) và bọn Việt Quốc, Việt Cách giờ nhiều thủ đoạn tấn công chính quyền mới. Sau khi ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946, một mặt Pháp luôn luôn tìm cách gây hấn, mặt khác bọn phản động trong nước tăng cường phá hoại vận mệnh đất nước và Thủ đô như nghìn cân treo trên sợi tóc.

Nhân dân Hà Nội đã tỏ ra rất bình tĩnh, luôn luôn đoàn kết thành một khối xung quanh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chính vì vậy, nhân dân Việt Nam chẳng những đã đuổi được giặc Tưởng đi mà còn hạn chế sự phá phách của thực dân Pháp, đồng thời khắc phục được nạn đói hoành hành từ thời Nhật thuộc. Hồ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi "sẻ cơm nhường áo", "tăng gia sản xuất và tiết kiệm". Cảnh người chết đói đầy đường trước tổng khởi nghĩa không còn nữa. Cùng việc chống "giặc đói", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra khẩu hiệu chống "giặc đốt". Phong trào chống nạn mù chữ nhanh chóng lôi cuốn toàn dân tham gia.

Nhân dân Hà Nội đã tỏ rõ tinh thần yêu nước của mình bằng những cuộc quyên góp vào quỹ Độc lập, Tuần lễ vàng, quỹ Phòng thủ Nam Bộ, quỹ kháng chiến và sẵn sàng đẩy lùi mọi cuộc tấn công của quân đội Pháp. Nhân dân Hà Nội đã gửi những con em yêu quý của mình vào đội quân Nam tiến. Nhưng quân Pháp đã gây chiến ngay ở Hà Nội đêm 19-12-1946. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong cả nước bắt đầu. Cách mạng tháng Tám thắng lợi, Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhưng thực dân Pháp hiếu chiến vẫn không từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thành ủy Hà Nội đã lãnh đạo nhân dân vừa xây dựng và bảo vệ chính quyền, vừa tích cực chuẩn bị mọi mặt để kháng

chiến. 20h3' ngày 19/12/1946, quân dân Thủ đô đã chủ động nổ súng đánh thực dân Pháp, mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.

.....
Cách mạng Tháng Tám - Hà Nội quyết tử để Tổ quốc quyết sinh (1945-1954)/ Nguồn tin: Theo Hà Nội 50 năm chiến đấu, xây dựng và phát triển, Nxb Thông Tấn, Hà Nội, 2004

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, Ý NGHĨA TO LỚN ĐỐI VỚI LỊCH SỬ DÂN TỘC VÀ THỜI ĐẠI

Trên nửa thế kỷ trước, cùng với chiến thắng của các nước đồng minh đánh tan chủ nghĩa phát xít đã gây nên cuộc thế chiến lần thứ hai đẫm máu, nhân dân Việt Nam đã nhất tề vùng lên đánh đổ ách thống trị của phát xít Nhật, làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công. Chỉ trong vòng hai tuần lễ, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã diễn ra trên khắp cả ba miền đất nước. Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã được ghi vào lịch sử của dân tộc Việt Nam như một trong những mốc son chói lọi nhất. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả đấu tranh lâu dài của nhân dân Việt Nam chống đế quốc thực dân, phát huy cao nhất truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc đã được hình thành qua hàng ngàn năm lịch sử. Từ khi những phát đại bác đầu tiên của các chiến hạm Pháp bắn vào Đà Nẵng năm 1858, mở đầu cho sự xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam, từ Hiệp ước Patenôtre năm 1884 mà triều đình phong kiến Việt Nam phải thừa nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên cả nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã liên tiếp nổi dậy chống thực dân đế quốc. Khi đất nước đã trở thành thuộc địa, thì thân phận nô lệ chẳng chừa một ai. Vì vậy, phong trào yêu nước đã lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân, từ miền Bắc đến miền Nam, từ miền xuôi đến miền ngược, từ các bậc sĩ phu quan lại chốn cung đình, kẻ chợ, đến những người cùng đinh nơi thôn dã, tham gia ngày càng đông đảo vào cuộc đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, chống thuốc phiện, rượu cồn, chống bắt phu bắt lính, chống đói nghèo, ngu dốt, chống bắn giết, tù đầy mà chủ nghĩa thực dân đế quốc đã dành cho họ. Có những phong trào cùng diễn ra trên nhiều địa phương và kéo dài trong nhiều năm như phong trào Văn thân nghĩa sĩ chống Pháp ở miền Nam (1860-1870), phong trào Cần Vương ở miền Trung (1885-1896). Ở miền Bắc thì nổi bật nhất là phong trào nghĩa quân Yên Thế (1885 - 1913), nghĩa quân Bãi Sậy (1885-1889). Các phong trào Đông Du (1904-1908), Duy Tân (1906-1908), Đông Kinh nghĩa thực (1907) cũng như hàng loạt các cuộc nổi dậy đã liên tiếp nổ ra ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ XX. Nhưng vì không có đường lối cách mạng đúng đắn và phương pháp cách mạng thích hợp, tất cả các cuộc nổi dậy đã bị chính quyền thực dân Pháp thẳng tay đàn áp. Tất cả các phong trào chống thực dân đế quốc đều bị thất bại. Không biết bao nhiêu người Việt Nam yêu nước đã bị bắn giết, cầm tù hay bị lưu đày biệt xứ. Cả đất nước Việt Nam như bị chìm trong đêm tối, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam như không có đường ra. Hồ Chí Minh đã xuất hiện đúng lúc cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam đang đòi hỏi kế thừa những truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tư duy độc lập vượt qua mọi lối mòn của những người đi trước, Hồ Chí Minh đã từ Việt Nam đi ra thế giới để xem các nước làm cách mạng ra sao rồi trở về cứu giúp đồng bào mình. Suốt 10 năm lặn lội trong phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, Người đã đi qua cả 4 châu lục Á, Âu, Phi, Mỹ, tìm hiểu tình hình các nước thuộc địa cũng như các nước tư bản đế quốc, nghiên cứu các cuộc cách mạng, các học thuyết và cuối cùng đã tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc ở chủ nghĩa Mác - Lê nin, bắt đầu từ những luận điểm của Lê nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xác định được con đường đi lên của cách mạng Việt Nam. Đó là con đường dài trải qua hai giai đoạn cách mạng - cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Mục tiêu đi tới phải là

độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lực lượng tiến hành cách mạng phải là lực lượng của toàn dân trên cơ sở liên minh công nông vững chắc. Cách mạng Việt Nam phải gắn bó với cách mạng thế giới, gắn với thời đại. Đó cũng là đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và đã được nhân dân Việt Nam chấp nhận. Đảng Cộng sản Việt Nam được Hồ Chí Minh rèn luyện và lãnh đạo đã thực sự đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, trở thành lực lượng tiên phong duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh từ lãnh tụ của Đảng đã trở thành lãnh tụ cả dân tộc. Những cao trào cách mạng 1930 - 1931 và 1936 - 1939 đã là những bước chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám về sau này. Bước vào những năm 40, khi tình hình thế giới và Việt Nam đã có nhiều biến đổi và Hồ Chí Minh sau 30 năm bôn ba ở nước ngoài đã trở về Tổ quốc để cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, thì một cao trào cách mạng mới đã dâng lên mạnh mẽ chưa từng thấy trên cả nước. Dưới ngọn cờ của Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam từ năm 1941 đã đứng về phía đồng minh chống phát xít, đã trực tiếp có mối liên hệ với phe đồng minh ở phía Nam Trung Quốc, đã tổ chức và phát triển lực lượng rất nhanh chóng và đã giành được thắng lợi quyết định khi thời cơ đến. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là sự phối hợp hiểm thấy giữa cuộc đấu tranh giành độc lập của một dân tộc thuộc địa với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống phát xít, đặc biệt là với cuộc tấn công của phe đồng minh tiêu diệt chủ nghĩa phát xít để kết thúc cuộc Thế chiến lần thứ hai. Cách mạng Tháng Tám trước hết là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bởi vì nó đã kết thúc chế độ thuộc địa trên 80 năm của thực dân Pháp cũng như chế độ bóc lột cực kỳ tàn bạo của phát xít Nhật đã được áp đặt từ năm 1940 đến năm 1945 trên đất nước Việt Nam. Bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam đã chấm dứt cuộc đời nô lệ, đã đưa hai chữ Việt Nam trở lại trên bản đồ thế giới mà chủ nghĩa thực dân phát xít đã xoá bỏ suốt gần một thế kỷ. Đây thực sự là một cuộc cách mạng của dân tộc Việt Nam, được huy động lực lượng của toàn dân để tiến hành khởi nghĩa từng nơi, từng phần và đi đến đỉnh cao thắng lợi bằng cuộc Tổng khởi nghĩa toàn dân, toàn quốc vào Tháng Tám năm 1945. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 còn là một cuộc cách mạng dân chủ nhân dân, vì nó còn làm nhiệm vụ xoá bỏ chế độ phong kiến đã được thiết lập hàng nghìn năm ở Việt Nam, nhằm đem lại ruộng đất cho dân cày, dân chủ cho nhân dân. Nhà vua cuối cùng của chế độ phong kiến là Bảo Đại đã tuyên bố từ chức, trao ấn kiếm cho chính quyền cách mạng ngay trong những ngày sục sôi của Cách mạng Tháng Tám. Chính những mục tiêu dân tộc và dân chủ đã lôi cuốn các tầng lớp nhân dân Việt Nam, trước hết là công, nông và mọi người lao động chân tay và trí óc tham gia cách mạng, tạo nên lực lượng vô cùng to lớn để đưa cách mạng đến thắng lợi. Nhưng nhiệm vụ phản đế đã được đặt lên hàng đầu để tập trung lực lượng của cả dân tộc vào việc đánh đổ chế độ thực dân phát xít, còn nhiệm vụ phản phong kiến với nội dung là đem lại ruộng đất cho dân cày, dân chủ cho nhân dân lại được rải ra để làm, sau khi chính quyền cách mạng đã được thành lập. Cách mạng Tháng Tám là một bước ngoặt lịch sử, đã mở ra một thời đại mới ở Việt Nam, thời đại nhân dân Việt Nam làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của chính mình. Ngày 2-9- 1945 nước Cộng hoà Dân chủ Việt Nam đã ra đời. Đại biểu cho cả dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định những tư tưởng về quyền con người đã được ghi trong bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 và bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp năm 1789 là "những tư tưởng bất hủ", những "lẽ phải không ai chối cãi được". Nhưng dân tộc có được độc lập thì con người mới có thể có tự do, hạnh phúc. Không thể có được quyền con người, quyền công dân khi quyền độc lập của dân tộc bị chà đạp. Con người ở đây phải là mọi người. Trước hết là những người lao động bị áp bức bóc lột chiếm đại bộ phận trong nhân dân Việt Nam. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc, những nội dung ấy đã gắn bó quyền của dân tộc với quyền con người, quyền công dân. Đó cũng là tư tưởng bất hủ mà Hồ Chí Minh đã đặt ra với cả thế giới ngay khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời và đứng vào hàng ngũ tiên phong của các dân tộc đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thực sự là một mũi đột phá vào khâu yếu nhất của chủ nghĩa thực dân, là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo giành được thắng lợi đầu tiên ở thế kỷ XX, với tinh thần "đem sức ta mà giải phóng cho ta", như Hồ Chí Minh đã xác định ngay từ khi Người mới tìm thấy con đường cứu nước. Cùng với thắng lợi của Cách

mạng Tháng Tám, sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, là một đóng góp có ý nghĩa lịch sử của dân tộc Việt Nam vào việc mở ra một thời đại thắng lợi của độc lập dân tộc, của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Nhưng Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không phải là sự kết thúc, mà mới chỉ là sự mở đầu cho thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ sau Tháng Tám năm 1945 đã chứng thực điều đó. Nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam do Người đứng đầu, đã buộc phải chiến đấu chống thù trong giặc ngoài suốt 30 năm liền, vượt qua muôn trùng hiểm nguy, có khi như "ngàn cân treo sợi tóc" để bảo vệ nền độc lập mới giành được, bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ, vừa xây dựng, vừa chiến đấu, để giành thắng lợi từng bước và đi đến thắng lợi cuối cùng. Phải 9 năm sau Cách mạng Tháng Tám với thắng lợi Điện Biên Phủ năm 1954, miền Bắc Việt Nam mới hoàn toàn được giải phóng. Nhân dân Việt Nam lại phải đi tiếp một chặng đường dài trên 20 năm nữa mới giải phóng được miền Nam với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, mới hoàn thành được sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc chiến đấu lâu dài của nhân dân Việt Nam, theo tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" của Hồ Chí Minh, đã góp phần quan trọng vào việc làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mở đầu cho sự thất bại của chủ nghĩa thực dân mới trong thế kỷ XX. Cùng với cuộc chiến đấu thắng lợi của Việt Nam, phong trào giải phóng dân tộc đã phát triển mạnh mẽ và rộng khắp. Chính vì vậy, đến năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã phải ra lời tuyên bố lên án và đòi phải xoá bỏ chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn thế giới. Từ đó đến nay, bằng những hình thức và phương pháp đấu tranh khác nhau, hàng trăm nước thuộc địa đã trở thành những nước độc lập dân tộc. Dù cho mức độ độc lập không giống nhau và việc củng cố nền độc lập rất khó khăn, phức tạp, nhưng ý thức về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia đã được nâng cao chưa từng thấy ở các nước vốn là thuộc địa và phụ thuộc. Chủ nghĩa thực dân dù dưới hình thức nào cũng không bao giờ còn được thế giới chấp nhận. Độc lập dân tộc phải gắn với và dẫn đến tự do hạnh phúc cho nhân dân, cho mỗi con người. "Nếu nước được độc lập mà nhân dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì", tư tưởng đó của Hồ Chí Minh đã tìm thấy lời giải đáp trong chủ nghĩa xã hội, một chủ nghĩa xã hội đích thực có khả năng giải quyết triệt để vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Ba sự nghiệp giải phóng ấy gắn bó chặt chẽ với nhau, nhưng xét cho cùng thì giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội cũng để đi tới giải phóng con người và giải phóng con người là mục tiêu cao nhất. Chính vì vậy, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 nhằm mục tiêu trực tiếp là giành độc lập cho dân tộc, nhưng lại mở đường để Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội khi những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã cơ bản hoàn thành. Trong khi còn phải chống ngoại xâm để bảo vệ độc lập dân tộc và giành lại nền độc lập trọn vẹn, vấn đề chủ nghĩa xã hội mới chỉ được đặt ra trong một chừng mực rất hạn chế ở miền Bắc nước ta. Chủ nghĩa xã hội chỉ trở thành vấn đề chung của cả nước sau khi miền Nam đã được giải phóng và việc thống nhất đất nước đã được thực hiện. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã để lại những bài học vô cùng to lớn. Đó là bài học về xác định đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn và phương pháp cách mạng thích hợp của Đảng lãnh đạo; đó là bài học về dự báo thời cơ, nắm chắc thời cơ, không bỏ lỡ thời cơ; đó là bài học xây dựng lực lượng cách mạng, từ lực lượng chính trị đến lực lượng quân sự, huy động được lực lượng của toàn dân vào cuộc đấu tranh chung; đó là bài học về kết hợp thời, thế và lực để lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh; đó là bài học phân hoá kẻ thù, biết mình biết địch, nhân nhượng có nguyên tắc; đó là bài học về khởi nghĩa từng phần đi đến tổng khởi nghĩa toàn quốc để giành thắng lợi hoàn toàn cho một cuộc cách mạng. Thời đại mới mà Cách mạng Tháng Tám mở ra đã đi tiếp một chặng đường dài trên một nửa thế kỷ với nhiều mốc son mới trong sự nghiệp chiến đấu và xây dựng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tinh thần của Cách mạng Tháng Tám, những bài học của Cách mạng Tháng Tám vẫn còn nguyên ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay, sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước để giành thắng lợi ngày càng to lớn hơn.

.....

NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là một trong những thắng lợi vĩ đại có ý nghĩa lịch sử và thời đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX. Thắng lợi đó và kết quả của quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh trải qua cao trào cách mạng 1930-1931 và xô viết Nghệ Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936-1939 và dẫn đến phong trào giải phóng dân tộc 1939- 1945.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã xoá bỏ chế độ thuộc địa với sự thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật kéo dài hơn tám mươi năm và chấm dứt chế độ phong kiến hàng ngàn năm trên đất nước ta. Nhân dân Việt Nam từ thân phận mất nước, bị áp bức, bóc lột, không có quyền sống, quyền tự do dân chủ và quyền mưu cầu hạnh phúc đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và cuộc sống của chính mình. Cách mạng tháng Tám thành công đã mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc: kỷ nguyên độc lập dân tộc thật sự và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong Tuyên ngôn độc lập Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Sau đó, toàn thể dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã kiên cường và bền bỉ kháng chiến suốt 30 năm chống thực dân, đế quốc xâm lược để giành độc lập, thống nhất hoàn toàn và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chỉ có độc lập dân tộc vững chắc mới có thể đi tới chủ nghĩa xã hội và chính con đường xã hội chủ nghĩa là sự bảo đảm độc lập dân tộc thật sự và vững chắc. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám chứng minh Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng đúng đắn sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh và đặc điểm cụ thể của một nước thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam, đặc biệt là những nguyên lý về cách mạng xã hội, về khởi nghĩa vũ trang, về Nhà nước, về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong sự nghiệp cách mạng và nhất là những luận điểm của Lê nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Cách mạng tháng Tám và quá trình cách mạng Việt nam từ đó đến nay đã và đang chứng minh sức sống và những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lê nin.

Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 cũng thể hiện nổi bật nhiều nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng của Người về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, về sức mạnh của nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân. Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã để lại cho các thời kỳ cách mạng sau đó và cho công cuộc đổi mới hiện nay nhiều bài học có giá trị lý luận và thực tiễn. Một là, Đảng đã tập hợp, tổ chức và động viên được lực lượng của toàn dân, nêu cao ý chí tự lực tự cường quyết tâm giành độc lập dân tộc với tinh thần đồng tâm hiệp lực, quyết "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Chính sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tập hợp trong Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc để dẫn tới Cách mạng tháng Tám đã nêu rõ sự nghiệp làm nên bởi chữ "đồng", đồng lòng, đồng sức, đồng chí. Phải thông qua công tác tổ chức, tuyên truyền công phu, tỉ mỉ thiết thực mới có thể tập hợp và phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân. "Tổ chức, tuyên truyền càng rộng rãi, tức là cách mạng chóng thành công". Vận dụng bài học này trong công cuộc đổi mới hiện nay,

Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát huy cao độ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước, phát huy nội lực của đất nước. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy, khóa IX đã ra Nghị quyết quan trọng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hai là, bài học về xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng đồng thời chủ động chớp thời cơ, sáng tạo về hình thức và phương pháp đấu tranh giành chính quyền, giành độc lập.

Trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng nhân dân, sau khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương, Đảng chủ trương xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng chuẩn bị những điều kiện cần thiết để có thể đi từ khởi nghĩa từng phần tới một cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Đây mạnh và kết hợp sử dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp đấu tranh phù hợp với từng địa bàn thành thị, nông thôn, miền núi cũng như ở từng miền, từng địa phương hướng vào mục tiêu giành độc lập thật sự. Nhảy bèn nắm bắt tình hình, từng bước dự báo thời cơ và khi thời cơ chín muồi đã chủ động phát động cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước.

Điều cần nhấn mạnh là trong khi thời cơ đến thì đồng thời cũng xuất hiện khó khăn mới là quân đồng minh vào để tước vũ khí quân Nhật. Phải chạy đua với thời gian để giành chính quyền khi quân Nhật đầu hàng và trước khi quân đồng minh vào nước ta, để với tư cách là người chủ đất nước, chúng ta tiếp quân đồng minh. Thời cơ và nguy cơ, cơ hội và thách thức luôn luôn đan xen trong các thời kỳ cách mạng, cần phải được nhận thức rõ. Hiện nay, trong công cuộc đổi mới cũng vậy, đất nước ta có nhiều cơ hội phát triển nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức. Cần phải tận dụng tốt cơ hội và chủ động đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức trên con đường phát triển của cách mạng. Ba là, trong khi phát huy cao độ sức mạnh của dân tộc, của truyền thống yêu nước và khát vọng độc lập tự do của mọi tầng lớp nhân dân, đồng thời phải biết tranh thủ sự đoàn kết ủng hộ quốc tế, tận dụng những thuận lợi do tình hình thế giới đem lại để tăng cường thế và lực, bảo đảm giành thắng lợi. Ở bài học này cần phải nhấn mạnh, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm tranh thủ lực lượng của các nước đồng minh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, giành độc lập dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoạt động một cách tích cực và chủ động theo hướng này và khẳng định dân tộc Việt Nam "đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít", đứng về lực lượng dân chủ chống chủ nghĩa phát xít. Đảng Cộng sản, Mặt trận Việt Minh và dân tộc Việt Nam đã tận dụng có hiệu quả điều kiện thuận lợi khi Hồng quân Liên Xô và quân đồng minh chiến thắng phát xít Nhật để giành độc lập vào nửa cuối tháng 8 năm 1945. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại là bài học của mọi thời kỳ của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo mà Cách mạng tháng Tám là một biểu hiện sinh động và nổi bật.

Thắng lợi của công cuộc đổi mới hiện nay cũng là sự vận dụng thành công bài học đó. Bốn là, bài học về xây dựng Đảng và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Với cương lĩnh đúng đắn được đề ra từ Hội nghị thành lập Đảng (3-2-1930), Đảng không ngừng bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh về chiến lược và sách lược. Hội nghị Trung ương Đảng 11-1939 nêu cao mục tiêu giải phóng dân tộc. Tiếp đó Hội nghị Trung ương 11-1940 và đặc biệt Hội nghị Trung ương 5-1941 đã đặc biệt nhấn mạnh mục tiêu hàng đầu là giải phóng dân tộc, đồng thời đặt ra và giải quyết đúng đắn hàng loạt vấn đề về lực lượng cách mạng, tổ chức phong trào cách mạng ở các địa bàn, hình thức và phương pháp đấu tranh ... Sau khi Nhật đảo chính Pháp 9-3-1945, Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị lịch sử " Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (12-3-1945) chẳng những đẩy lên cao trào kháng Nhật cứu nước mà còn định hướng cho các đảng bộ địa phương chủ động và sáng tạo trong hành động. Sự thống nhất hành động trên một đường lối đúng đắn có ý nghĩa quyết định. Khi các nhân tố chủ quan và khách quan đã hội đủ, Hội nghị Đảng toàn quốc (14-15/8) tiếp đó là Đại hội quốc dân (16-17/8) đã quyết định tổng khởi nghĩa. Sự thống nhất về tư tưởng và đường lối chính trị bảo đảm cho sự thống nhất về tổ chức, thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng dẫn dắt cuộc tổng khởi nghĩa của toàn dân đến thắng lợi. Từ bài học của lịch sử, trong thời kỳ đổi mới Đảng ta luôn luôn coi trọng xây dựng,

chính đốn Đảng, coi xây dựng Đảng là then chốt và nhấn mạnh đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới. Năm tháng qua đi nhưng ý nghĩa lịch sử và những bài học của Cách mạng tháng Tám trường tồn mãi mãi.

Ý nghĩa lịch sử và bài học của cách mạng tháng tám năm 1945/PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc - Viện trưởng Viện lịch sử Đảng.

NGUỒN GỐC CHỦ YẾU QUYẾT ĐỊNH THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

(ĐCSVN) - Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã viết nên nhiều trang sử vẻ vang với những chiến công chói lọi chống xâm lược và chống ách thống trị của nước ngoài. Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những trang sử vẻ vang, chói lọi nhất, là một trong những bước ngoặt vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc, để lại nhiều bài học quý giá.

Với thắng lợi của cách mạng tháng Tám, dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta từ người nô lệ trở thành người chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đảng ta trở thành một Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước. Nước ta từ một nước thuộc địa và nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, một nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Với quyền làm chủ của nhân dân, với một bộ máy nhà nước của nhân dân, với một Đảng Mác-Lênin được tôi luyện, dân tộc ta sẽ có sức mạnh mới tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng phát triển lên tầm cao mới.

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã sáng tạo ra những bài học lịch sử góp phần xây dựng kho tàng lý luận về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, đồng thời để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho cuộc kháng chiến lâu dài chống chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Cuộc cách mạng tháng Tám thành công chứng tỏ rằng trong thời đại ngày nay, một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa do toàn dân nổi dậy dưới sự lãnh đạo của một Đảng Mác-Lênin, có đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại thì hoàn toàn có khả năng thắng lợi. Cuộc cách mạng ấy có thể thành công trước khi giai cấp công nhân ở "chính quốc" giành được chính quyền. Cách mạng tháng Tám đã thực hiện đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta".

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám là kết quả tổng hợp của những nhân tố bên trong là lực lượng toàn dân đoàn kết do Đảng lãnh đạo và nhân tố bên ngoài là thắng lợi của Liên Xô đánh bại phát xít Nhật; là kết quả của sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng kết hợp với trí sáng tạo, tinh thần dũng cảm và sức mạnh đấu tranh của nhân dân ta; là kết quả của ba cao trào cách mạng lớn do Đảng lãnh đạo.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nguồn gốc chủ yếu quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Đó là thắng lợi của việc xây dựng một Đảng Mác-Lênin có đường lối đúng đắn, bảo đảm thông suốt và quán triệt đường lối đó trong thực tiễn chuẩn bị khởi nghĩa và khởi nghĩa, làm cho tổ chức Đảng có chất lượng cao, gọn nhẹ, trong sạch, vững mạnh và ăn sâu bám rễ trong quần chúng. Cách mạng tháng Tám thắng lợi trước hết và chủ yếu là do đường lối chiến lược và sách lược của Đảng đúng đắn ngay từ đầu và không ngừng được bổ

sung, phát triển cho phù hợp với từng giai đoạn cách mạng. Đảng luôn luôn tìm cách làm cho toàn bộ đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn của mình thông suốt, quán triệt xuống từng đảng viên và quần chúng cách mạng; không ngừng đấu tranh khắc phục các khuynh hướng "tả", manh động, bộc lộ lực lượng sớm và khuynh hướng hữu, thủ tiêu đấu tranh, dao động thoả hiệp. Đảng luôn luôn nêu cao ý chí kiên cường, bất khuất, căm thù địch, nêu cao khí tiết người cộng sản, lòng trung thành với cách mạng, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ hy sinh. Tổ chức Đảng được xây dựng thích hợp với hoàn cảnh hoạt động không hợp pháp, bí mật, gọn nhẹ, số lượng ít chất lượng cao, ăn sâu bám rễ trong xí nghiệp, đường phố và thôn xóm; trong sạch, tinh táo và nghiêm ngặt đề phòng bọn chống Đảng, thường xuyên kiểm tra nội bộ. Tổ chức tốt căn cứ địa và khu an toàn của cơ quan lãnh đạo là một điều kiện cơ bản bảo đảm cho phong trào phát triển liên tục. Tổ chức tốt tờ báo của Đảng và của các đoàn thể cách mạng, đồng thời tổ chức tốt hệ thống thông tin liên lạc từ trên xuống dưới là biện pháp hàng đầu bảo đảm sự thông suốt, quán triệt đường lối, bảo đảm thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng và trong phong trào cách mạng.

Với đường lối chính xác, được tổ chức khoa học và với công tác tư tưởng sắc bén, dù số lượng đảng viên khi đó chỉ có gần 5.000 người, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo cuộc tổng khởi nghĩa trong cả nước giành được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và có tính thời đại sâu sắc.

64 năm đã trôi qua, sự nghiệp cách mạng Việt Nam đã tạo ra những biến đổi sâu sắc trong xã hội, với những thành tựu quan trọng đạt được trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhưng những bài học lịch sử trong Cách mạng Tháng Tám, đặc biệt là bài học về sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng con đường cách mạng Việt Nam./.

Nguồn gốc chủ yếu quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 / Trung Hiếu

NÉT ĐỘC ĐÁO VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Trong thế kỷ 19, nhiều nước tư bản ở Tây Âu và Bắc Mỹ mạnh lên và tìm cách mở rộng xâm chiếm thuộc địa, hướng vào các nước còn lạc hậu ở châu Phi, châu Á, trong đó có Việt Nam. Để xâm chiếm Việt Nam, Pháp cho lực lượng do thám đi đầu, đội lột truyền đạo. Những người truyền đạo bất chấp luật pháp, nên bị trừng trị. Chính phủ Pháp, lấy cớ triều đình Việt Nam trừng trị người có đạo, đã cho hải quân kéo đến Đà Nẵng, nã pháo tiến công, rồi chiếm đóng bán đảo Sơn Trà vào giữa năm 1858. Quan quân triều đình kháng cự sau 26 năm, nhưng trong thế ngày càng yếu, cứ nhượng bộ dần và đến ngày 6-6-1884 phải ký hiệp ước Patonôtorơ, cam chịu đầu hàng. Phái viên của Chính phủ Pháp và viên Khâm sứ Pháp ở Huế buộc triều đình Việt Nam phải đem nộp cho chúng cái ấn của vua Tầu phong. Chúng bắt nấu chảy huỷ đi trước mặt chúng để chứng tỏ từ đây, nước Việt Nam là hoàn toàn thuộc nước Pháp, muốn lập ai lên làm vua phải xin phép nước Pháp. Chiếm được Việt Nam, chúng không để nước Việt Nam thống nhất mà chia ra thành 3 kỳ, mỗi kỳ có một chính sách riêng. Chúng tiếp tục dựa vào bộ máy vua quan làm tay sai, duy trì các hình thức bóc lột phong kiến, kiềm hãm sự phát triển của tư bản bản xứ, không lo mở mang dân trí mà chỉ tập trung vào việc khai thác thuộc địa theo một chính sách rất phản động và bảo thủ. Ngày 23-9-1940, tại Hà Nội, Pháp lại chịu ký Hiệp định để cho Nhật chiếm đóng Đông Dương. Ngoài việc cướp bóc ở thuộc địa để tự nuôi chúng và gửi về chính quốc, thực dân Pháp còn huy động nhân tài vật lực của Việt Nam để cung cấp cho Nhật. Quân Nhật vào Đông Dương, từ 10 vạn cuối năm 1943, đến đầu năm 1945 lên 20 vạn. Việt Nam trở thành bãi chiến trường giữa Nhật

và quân Đồng minh. Nhân dân Việt Nam bị hai tầng áp bức bóc lột, lại lâm vào cảnh chiến tranh nên vô cùng khốn khổ. Năm 1945, hàng triệu người chết đói. Trước thảm họa mất nước, khắp nơi nổi dậy với nhiều cuộc bạo động, khởi nghĩa, lập căn cứ chống Pháp. Có cuộc một tháng, một năm, có cuộc 5 năm, 7 năm, 10 năm, 25 năm do các sĩ phu, các chỉ huy quân sự, các lãnh tụ Việt Nam Quốc dân Đảng yêu nước lãnh đạo. Các cuộc bạo động kể trên đã bị thực dân Pháp dìm trong biển máu. Ba vị vua chống Pháp bị Pháp bắt đày qua châu Phi. Nhưng những tấm gương vì nước quên thân đó mãi mãi là những nét vàng son tô điểm cho khí phách Việt Nam, đáng đứng Việt Nam. Cứu nước theo đường lối nào đây? Đó là câu hỏi lớn đặt ra cho những người Việt Nam yêu nước thời này. Ý tưởng giành độc lập để vua Nam làm chủ nước Nam đã quá lỗi thời. Sự mơ màng về một nước Việt Nam độc lập theo chế độ dân chủ tư sản đã tỏ ra không thực tế vì chưa xuất hiện giai cấp tư sản trong xã hội Việt Nam. Sau trận chiến năm 1905, Nhật đánh thắng Nga, có người tưởng có thể nhờ nước đồng chủng da vàng để đánh đuổi bọn thống trị da trắng; sau cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc, tưởng có thể nhờ Quốc dân Đảng Trung Quốc giúp, nhưng qua thực tế đều thấy không được. Tình trạng khủng hoảng đường lối cứu nước nói trên chỉ được khắc phục từ khi Nguyễn ái Quốc tìm ra con đường cách mạng vô sản và xây dựng được Đảng Cộng sản Việt Nam gánh trách nhiệm lãnh đạo cách mạng vào đầu năm 1930. Đảng Cộng sản Việt Nam có chủ nghĩa Mác-Lênin soi đường, xác định rõ mục tiêu đánh đổ ách thống trị của đế quốc phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân, thực hiện độc lập dân tộc người cày có ruộng tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Mục tiêu đó hợp với nguyện vọng của nhân dân, hợp với xu thế của thời đại. Từ ngày có Đảng lãnh đạo, trong 10 năm đầu đã có bốn cuộc bạo động nổ ra ở cả ba miền Trung Nam Bắc như cuộc khởi nghĩa lập chính quyền Xô viết ở Nghệ An Hà Tĩnh (1930 - 1931) cuộc nổi dậy ở Bắc Sơn (9-1940) cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (11-1940) và cuộc nổi dậy của binh lính yêu nước ở Đô Lương thuộc Nghệ An (1-1941). Các cuộc bạo động này đã thức tỉnh tinh thần cách mạng của nhân dân cả nước. Các phong trào trong những năm từ 1936 đến 1939 đã làm cho quần chúng trưởng thành về đấu tranh chính trị, đấu tranh về văn hóa, đấu tranh về dư luận trên báo chí công khai, bằng các hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp. Ngày 8-2-1941 đồng chí Nguyễn ái Quốc về ở Pắc Bó Cao Bằng, đề cử T.Ư Đảng chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Ngày 25-10-1941, với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh, Đảng đã phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Việt Minh lại có Mặt trận liên minh Trung Việt là hình thức để hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước đồng minh. Cuối năm 1941, nhiều nơi thành lập đội vũ trang. Năm 1943, hình thành căn cứ địa liên hoàn nối liền Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Hà Giang, Bắc Giang, Vĩnh Yên. Tiếp theo việc thành lập đội Việt Nam cứu quốc quân tháng 2- 1941, ngày 22-12-1944 thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Ở mặt trận Thái Bình Dương, vào lúc quân Nhật bị thất bại liên tiếp, Nhật đề phòng lực lượng Pháp theo Đờ Gôn nổi lên đánh phía sau lưng khi quân đồng minh đổ bộ, nên chủ trương lập đô Pháp trước, để độc chiếm Đông Dương. Đêm 9-3-1945, Nhật nổ súng đánh Pháp cùng một lúc trên toàn cõi Đông Dương. Chưa đầy một ngày, thực dân Pháp, kẻ bỏ chạy, kẻ đầu hàng. Ngày 10-3, Yôcôhama, đại sứ của Thiên hoàng vào Đại nội gặp Bảo Đại "trao trả cho Việt Nam nền độc lập mà Nhật, vừa giành được trong tay Pháp" và nhận làm "cố vấn tối cao" cho Bảo Đại. Ngày 17-3, Nhật cho thành lập Chính phủ do Trần Trọng Kim làm Thủ tướng. Lúc này nhiều đảng phái thân Nhật mọc lên như nấm. Để che đậy bộ mặt xâm lược, Nhật buộc nội các Trần Trọng Kim ra lệnh ân xá tù chính trị. Hàng ngàn cán bộ đảng viên bị giam ở các nhà tù, đã thoát ra ngoài hoạt động. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tích cực chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa, phong trào đấu tranh chính trị dưới ngọn cờ của Mặt trận Việt Minh lên mạnh. Nhiều tỉnh huyện, chính quyền tay sai của Nhật bị tê liệt. Nhiều chiến khu như chiến khu Đông Triều, chiến khu Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa - khu du kích Ba Tơ, chiến khu Mộ Đức, chiến khu Sơn Tịnh ở Quảng Ngãi và khu giải phóng Việt Bắc được thành lập. Ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn nơi địch tập trung nhiều lực lượng, thì Đảng và Mặt trận ở đây cũng đã phát động được quần chúng, phát triển nhiều hội viên cứu quốc. Ngày 16-4-1945, Hồng quân Liên Xô tiến công Béclin. Trong 2 tuần lễ, 45 vạn quân phát xít Đức bị tiêu diệt. Ngày 9-5 Đức đầu hàng không điều kiện. Gọng kìm phía Tây của trục phát xít quốc tế bị bẻ gãy. Đầu tháng 5-1945, đồng chí

Hồ Chí Minh từ Cao Bằng về Tân Trào (Tuyên Quang) để chỉ đạo phong trào cả nước. Ngày 6 và 8 tháng 8 năm 1945, Mỹ ném bom nguyên tử vào 2 thành phố Hirôshima và Nagasaki, thúc Nhật hoàng đầu hàng trước lúc Hồng Quân Liên Xô tiến công vào đất Nhật. Ngày 9-8-1945 Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật. Trong vòng 1 tuần lễ, một triệu quân Quan Đông thiện chiến nhất của Nhật, đóng ở Mãn Châu bị Hồng quân Liên Xô tiêu diệt. Ngày 13 tháng 8 năm 1945 Nhật hoàng chính thức công bố lệnh đầu hàng Đồng minh không điều kiện. 11 giờ đêm ngày 13 tháng 8 năm 1945, lệnh tổng khởi nghĩa được ban hành. Từ 13 đến 15 tháng 8, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, chủ trương lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền, cử ra ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, đề ra đường lối đối nội đối ngoại trong tình hình mới. Ngày 16-8, Đại hội quốc dân họp, tán thành chủ trương của Đảng là lãnh đạo quần chúng nổi dậy, giành lấy chính quyền từ tay Nhật, đứng ở địa vị làm chủ nước mình mà tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật trên đất Đông Dương. Đại hội thông qua 10 chính sách, thành lập ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam (tức là chính phủ lâm thời) do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội qui định quốc kỳ là nền đỏ, giữa có ngôi sao vàng 5 cánh, quốc thiều là bài Tiến quân ca. Đại hội quốc dân cũng nhận định: "Không phải Nhật bại là nước ta tự nhiên được độc lập. Nhiều sự gay go trở ngại sẽ xảy ra. Chúng ta phải khôn khéo và kiên quyết". Sau Đại hội quốc dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến! Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta!". Trong lúc này, đúng như nhận định của Đại hội quốc dân Tân Trào, tình hình địch còn rất phức tạp. Được lệnh đầu hàng, gần 20 vạn quân Nhật đóng ở Đông Dương có nản lòng. Nhưng riêng ở Việt Nam, chúng còn 10 vạn quân chưa kể quân Nhật đóng ở Miến Điện còn lần lượt kéo về. Trên đất nước Việt Nam, chúng chưa từng thua trận, đội ngũ còn nguyên, kỷ cương trên dưới còn giữ vững, súng đạn và các kho dự trữ hậu cần còn nhiều. Phát xít Nhật còn mưu toan cứu nguy cho chính quyền tay sai của chúng. Ngày 14 tháng 8 năm 1945, nhân danh "chính phủ lâm thời" Trần Trọng Kim ra tuyên cáo: "Toàn thể nội các chúng tôi nhất quyết không lùi một bước trước một sự khó khăn nào cả, để làm tròn sứ mệnh là kiên thiết quốc gia, củng cố nền độc lập của Tổ quốc. Muốn đạt được mục đích ấy, chúng tôi vẫn hợp tác chặt chẽ với các nhà đương chức Nhật Bản". Trong ngày này theo lệnh Nhật, các tổ chức thân Nhật trong "Mặt trận quốc gia thống nhất" họp bất thường, nêu ba khẩu hiệu: "Chống đế quốc Pháp, chống ngoại xâm", "Bảo vệ trị an", "Bài trừ phản động" nhằm đối phó với làn sóng cách mạng đang dâng trào. Ngày 15 tháng 8 Nhật trao cho Khâm sai Bắc Kỳ: đội Bảo an binh, Ty liên phóng Trung ương, Trường đại học và Sở kiểm duyệt báo chí. Phủ khâm sai họp "Hội đồng tư vấn" kêu gọi thanh niên và công chức lập thành đội ngũ, theo lớp huấn luyện đặc biệt của Bộ Thanh niên để lo việc kiến thiết quốc gia và yêu cầu Nhật phát súng đạn cho họ. Nhật cũng tổ chức lễ trao trả Nam Kỳ cho chính quyền Bảo Đại - Trần Trọng Kim. Ngày 23 tháng 8 theo lệnh Nhật, bọn thân Nhật ở Sài Gòn tổ chức đón Nguyễn Văn Sâm mới được cử làm Khâm sai Nam Kỳ. Triều đình Huế còn đề nghị Việt Minh hãy tham gia nội các mới của Thủ tướng Trần Trọng Kim. Khâm sai Bắc Kỳ Phan Kế Toại, quyền Khâm sai Hồ Văn Ngà ở Sài Gòn trong lúc gặp đại diện của Việt Minh đã nói rõ điều đó. Đại diện Việt Minh chẳng những phản bác mà còn nói rõ tình thế, hướng cho họ suy nghĩ để có thái độ ứng xử sao cho ích nhà, lợi nước. Ngày 17-8-1945 Phan Kế Toại nhận rõ thời cuộc đã từ chức Khâm sai Bắc Kỳ. Điều phải tính tới nữa là lực lượng quân Pháp, sau khi bị Nhật đảo chính, số chạy qua Trung Quốc, qua Lào, có thể quay trở lại, số quân Pháp bị nhốt trong các trại tù binh của Nhật có thể được Nhật thả ra, để trở thành các đơn vị của quân đội thực dân Pháp chống lại lực lượng khởi nghĩa. Ngày 24-3-1945 Sáclơ Đờgôn đã từng tuyên bố sẽ chiếm lại Đông Dương sau khi Nhật bại trận. Còn phức tạp hơn vì từ năm 1940 Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch đã chuẩn bị kế hoạch "Hoa quân nhập Việt" và chúng đã cho tay sai vào chiếm 5 thị xã: Hà Giang, Lào Cai - Móng Cái, Lai Châu, Vĩnh Yên. Lệnh tổng khởi nghĩa phát ra đêm 13 tháng 8 chỉ đến được với những nơi gần. Các địa phương xa thì do đảng viên tự theo dõi tình hình, dựa vào chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Trung ương Đảng ban hành từ 12-3-1945, mà tính kế hoạch giành chính quyền ở địa phương. Ngày 14 tháng 8, các đơn vị giải phóng quân mở đầu tấn công giải phóng các thị xã Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái. Từ 14 đến 28 tháng 8, trừ 5 thị xã ở biên giới phía Bắc do tay sai của Quốc dân đảng Tưởng Giới

Thạch chiếm đóng, khắp nơi trên cả nước kể cả ở Côn Đảo, lực lượng khởi nghĩa đều đã giành được chính quyền. Riêng ở ba thành phố lớn: Hà Nội - Huế - Sài Gòn, tình hình diễn biến có phức tạp hơn. ở Hà Nội, đề phòng Việt Minh nổi dậy, quân Nhật đã tổ chức canh gác nghiêm ngặt, tăng cường lực lượng vũ trang phòng vệ ở các nơi xung yếu như nhà máy điện, nhà máy nước, kho bạc, nhà băng Đông Dương, nhà ga, bưu điện. Chúng cho xe thiết giáp đi tuần và thị uy suốt đêm. Chúng cho dán khắp các phố tuyên cáo của hiến binh Nhật cấm nhân dân tụ họp. Bọn Đại Việt quốc gia liên minh thân Nhật định dùng tổng hội viên chức tổ chức một cuộc mít tinh lớn của các giới để ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim vào ngày 17-8. Mặc dầu chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa, nhưng khi biết được tin này, Đảng bộ Hà Nội liền chỉ thị cho lực lượng công nhân và thanh niên cứu quốc khoảng 3.000 người với các chi đội tự vệ vũ trang gần 2.000 người tham gia cuộc mít tinh này. Sáng 17-8, trước Nhà hát thành phố, đã có cuộc mít tinh với khoảng 20 ngàn người dự. Bọn tay sai Nhật vừa tuyên bố khai mạc thì đội tuyên truyền xung phong Việt Minh nhảy lên giành lấy diễn đàn, cờ đỏ sao vàng đồng loạt phát lên, được quần chúng hoan hô nhiệt liệt. Sau khi nghe tin Nhật đã đầu hàng, nghe chủ trương cứu nước của Mặt trận Việt Minh, quần chúng rầm rập kéo biểu tình thị uy trên các đường phố, hô vang các khẩu hiệu "ủng hộ Việt Minh" "Đả đảo bù nhìn", "Việt Nam hoàn toàn độc lập". Đêm 17-8 Thành ủy họp, thấy cần thay đổi khẩu hiệu "Đánh đuổi giặc Nhật" bằng khẩu hiệu "Chống mọi sự hành động của đế quốc can thiệp vào công cuộc giành độc lập của dân tộc Việt Nam" và chủ trương không đánh vào các đồn trại của Nhật, mà dùng kế "địch vận". ở ngoại thành sẽ khởi nghĩa vào ngày 18-8. ở nội thành sẽ khởi nghĩa ngày 19-8 để có nhân dân ngoại thành tiếp sức. Ngày 18-8, 3.000 công nhân biểu tình trước dinh Khâm sai, nơi mà Phan Kế Toại trước đó 1 ngày đã từ chức. Tất cả tù chính trị còn bị giam ở Hòa Lò cũng đấu tranh và cũng được thả ra. Nhân dân Hà Nội đòi thả hai người bị Nhật bắt vì đã dùng ô tô Nhật chở vũ khí từ Gia Lâm vào nội thành, cũng được Nhật nhượng bộ. Sáng ngày 19-8-1945, cả thủ đô vùng dậy, dưới rừng cờ đỏ sao vàng, bùng bùng khí thế, kéo đến họp mít tinh ở quảng trường Nhà hát lớn, nghe lời kêu gọi của ủy ban khởi nghĩa Hà Nội. Sau đó đi tuần hành thị uy và lần lượt chiếm phủ Khâm sai, tòa thị chính, trại lính bảo an, sở cảnh sát và các công sở của chính quyền bù nhìn. ở Hà Nội, có hàng vạn quân Nhật với Bộ Tư lệnh đóng ở Phủ toàn quyền, nhưng trước khí thế sôi sục của lực lượng khởi nghĩa và chủ trương của Thành ủy Hà Nội không đánh vào đồn trại của Nhật, nên Nhật không can thiệp vào hoạt động của Việt Minh. Cuộc khởi nghĩa thành công ở Hà Nội đã có vũ các nơi gấp rút nổi dậy giành chính quyền. ở thành phố Huế, nơi tiêu biểu cho chế độ phong kiến, nơi đóng trụ sở của chính phủ Trần Trọng Kim, lực lượng Việt Minh đã có cơ sở mạnh trong các tổ chức của địch như tổ chức Thanh niên Phan Anh, học sinh trường Thanh niên tiền tuyến và các trại lính bảo an. Những người lãnh đạo ở Huế cố tránh không làm cho Bảo Đại và Trần Trọng Kim sợ hãi. Vì nếu sợ hãi, họ có thể yêu cầu quân Nhật bảo vệ, rồi cố thủ trong thành Huế có tường cao, hào sâu, có đồn trại canh giữ cho đến lúc quân Đồng minh đến. Và như vậy thì ở Huế nói riêng, cũng như tình thế chung của cuộc tổng khởi nghĩa sẽ gặp nhiều khó khăn. Từ đó, Thành ủy đã chủ trương: - Vận động vua Bảo Đại thoái vị. - Vận động quan chức chính phủ Trần Trọng Kim và những người có trách nhiệm trong các tổ chức thân Nhật, tránh những việc làm có hại cho sự nghiệp giải phóng Tổ quốc. - Vận động lính bảo an theo cách mạng. - Vận động các quan tri huyện giao chính quyền cho Việt Minh địa phương. - Viết thư gửi cho cố vấn Nhật là Yôcôhama yêu cầu quân Nhật không can thiệp vào công việc của Việt Minh để được an toàn Đêm 22 tháng 8, Việt Minh đã huy động nhân dân, kêu gọi lính đứng về phía cách mạng và nộp súng lập công. Trong lúc nhân dân các huyện kéo về tràn ngập thành phố, chia nhau chiếm các bộ, các sở, thì Thành bộ Việt Minh gửi thư cho vua Bảo Đại yêu cầu: - Giao đội lính khố vàng bảo vệ hoàng cung cho chính quyền cách mạng với tất cả vũ khí. - Báo cho Nhật là triều đình đã trao quyền bính cho Việt Minh. - Điện cho các tỉnh trưởng, bảo phải giao quyền cho Việt Minh. Và hứa sẽ bảo đảm an toàn tính mạng và quyền công dân cho Bảo Đại. Nhận được "tối hậu thư", nhà vua đã chấp nhận 16 giờ ngày 23-8, gần 15 vạn người của cả tỉnh Thừa Thiên tập họp về Huế mừng cách mạng thành công. Đúng 13 giờ chiều 30-8, trước cuộc mít tinh ở lầu Ngọ môn với hàng vạn người tham gia dưới rừng cờ đỏ sao vàng, vua Bảo Đại đọc chiếu thoái vị và nộp cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa quốc ấn bằng vàng và một thanh gươm bằng vàng nạm ngọc, tượng trưng cho

quyền lực của chế độ quân chủ phong kiến. ở thành phố Sài Gòn, là nơi có Tổng hành dinh Đông Nam châu á của Nhật, có nhiều quân Nhật chiếm đóng. Minôđa, Thống đốc Nam Kỳ đã tuyên bố Nam Kỳ không những "dưới quyền kiểm soát mà còn dưới quyền cai trị của quân đội Nhật". Sau ngày đảo chính, 17.000 người Pháp bị Nhật bắt làm tù binh cũng bị giam ở Sài Gòn. Các lực lượng thân Nhật ở đây cũng phát triển mạnh, trong đó có đội quân "Heilon" được vũ trang khá đầy đủ, và có những bộ phận giáo phái được Nhật cấp cho súng đạn. Về phía cách mạng, tháng 7-1945, hai xứ ủy Tiền phong và Giải phóng đã lập Ban hành động thống nhất. Ngày 15-8-1945 Xứ ủy Tiền phong lập ủy ban Khởi nghĩa, chủ trương sẵn sàng chuẩn bị để khi có tin Hà Nội khởi nghĩa thì Sài Gòn phải lập tức khởi nghĩa. Xứ ủy đã chủ trương sử dụng tổ chức Thanh niên Tiền phong do Nhật giao cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đứng ra thành lập từ tháng 3-1945, để tập hợp đông đảo quần chúng đứng về phía cách mạng. Nhân thời cơ tổng khởi nghĩa đã đến, để tác động đến thái độ của quân đội Nhật, Xứ ủy đã phái bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và kỹ sư Ngô Tân Nhơn, hai thủ lĩnh của Thanh niên Tiền phong, đến Tổng hành dinh Đông Nam á của Nhật, gặp Thống chế Terauchi, giải thích chủ trương của Việt Minh Nam Kỳ, yêu cầu quân Nhật không can thiệp vào phong trào cách mạng Việt Nam và giao số vũ khí Nhật tước của Pháp cho Việt Nam. Terauchi hứa làm theo và trao chiếc gươm ngắn cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch để làm bằng, chấp nhận trao cho ta 1.200 súng với 2 triệu viên đạn. Sáng 19-8, trong dịp làm lễ tuyên thệ của Thanh niên Tiền phong, đồng chí Phạm Ngọc Thạch đã đọc diễn văn khích lệ lòng yêu nước, cổ vũ quần chúng đứng lên giành độc lập. 7 vạn thanh niên đã đi tuần hành vừa hát vang bài hát "Lên đàng". Trong ngày này, công nhân cũng họp mít tinh ở nhiều nơi với lực lượng 20.000 đoàn viên công đoàn làm nòng cốt. Đêm 19-8 tại rạp Nguyễn Văn Hảo, Việt Minh tổ chức mít tinh, quy tụ đông đảo người tham dự, để trình bày chương trình hành động của mình. Trong ngày 19-8 cờ Đảng, cờ Việt Minh xuất hiện nhiều nơi. Ngày 20-8, Mặt trận Việt Minh ra công khai ở thành phố. Thanh niên Tiền phong tuyên bố đứng vào hàng ngũ Mặt trận Việt Minh. Đêm 24-8 quần chúng cách mạng ở Sài Gòn và các tỉnh lân cận, được tổ chức thành từng đoàn, mang theo giáo mác, tầm vông vạt nhọn, rầm rập kéo vào trung tâm thành phố, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền. Quần chúng đã tiến chiếm sở công an, sở cảnh sát, nhà ga, bưu điện, nhà đèn, trụ sở các quận, các bót, rồi chiếm Soái phủ Nam Kỳ. Sáng 25-8, cả triệu quần chúng kéo vào thành phố hô vang như sấm dậy các khẩu hiệu: "Việt Nam hoàn toàn độc lập!" "Tất cả chính quyền về tay Việt Minh!" "Mặt trận Việt Minh muôn năm!" "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!" "Độc lập hay là chết!". Dự lễ ra mắt của ủy ban Nhân dân Nam Kỳ xong, quần chúng tỏa ra diễu hành khắp nơi, mừng chính quyền đã về tay nhân dân. Như vậy là cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước chỉ trong vòng 15 ngày, trước lúc quân Đồng minh đổ bộ vào Việt Nam, đúng như kế hoạch đã định. Đó là sự thành công trọn vẹn, không đổ máu. Ngày 2-9-1945, tại vườn hoa Ba Đình Hà Nội, trước cuộc mít tinh của hơn 50 vạn nhân dân Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh, thay mặt Chính phủ lâm thời, đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với toàn thể nhân dân, với toàn thể giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Cuộc Cách mạng Tháng 8 năm 1945 đã có những nét rất độc đáo. Đó là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính nhân dân rất sâu sắc, thực sự là "đem sức ta tự giải phóng cho ta". Đó là cuộc cách mạng thắng lợi ở một nước thuộc địa của đế quốc Pháp, Nhật, trong lúc ở chính quốc Pháp và Nhật, cách mạng vô sản chưa thành công. Đó là cuộc cách mạng phải đụng đầu với một lực lượng quân đội phản cách mạng rất lớn, còn cò mưu đồ phức tạp, nhưng đã giành được thắng lợi trọn vẹn mà không phải đổ máu. Sức mạnh quyết định thắng lợi đó là lòng yêu nước và tinh thần cách mạng rất cao, của nhân dân đã được chuẩn bị qua rèn luyện thử thách 15 năm cùng với Đảng chiến đấu, chịu nhiều hy sinh mất mát. Thắng lợi đó thể hiện tài tổ chức và sự vận dụng mưu lược khôn khéo đầy trí tuệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là vị lãnh tụ sáng suốt Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh. Cuộc vận động cách mạng đã giành thắng lợi này, không chỉ có dân vận mà có cả quan vận, vua vận, binh vận, tướng vận, nguy vận, địch vận với nhiều hình thức đa dạng phong phú. Ai nghĩ rằng, thắng lợi trong Cách mạng Tháng 8 chỉ là xô "cánh cửa chính trị khép hờ" là "hứng của ngọt trời cho do thời cơ mang lại" là sự ngộ nhận, hoàn toàn không đúng. Đó là cuộc cách mạng mà việc chạy đua về thời gian giữa lực lượng khởi nghĩa và quân Đồng minh được đặt ra rất gay gắt. Kết quả là cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trọn vẹn trong 15

ngày, trước lúc quân Quốc dân Đảng Tường Giới Thạch vào Hà Nội 10 ngày và trước lúc quân của đế quốc Anh vào Sài Gòn 12 ngày. Đó là cuộc cách mạng mà lệnh Tổng khởi nghĩa ban hành không đến được với phần lớn các địa phương, nhưng vẫn đồng loạt nổi dậy chớp thời cơ, thống nhất ý chí, thống nhất hành động, thống nhất mưu lược. Nơi nào cũng biết tranh thủ vận động quân Nhật, không có nơi nào có hành động manh động khiêu khích địch. Ngoài những nét độc đáo nêu trên, cuộc Cách mạng Tháng 8 thành công còn có ý nghĩa lịch sử rất to lớn. Đó là sự kiện nổi bật, có vị trí trung tâm trong các sự kiện lịch sử của Việt Nam trong thế kỷ 20. Nó bắt nguồn từ thảm họa của một dân tộc bị mất nước. Nó phát huy truyền thống yêu nước từ lâu đời của dân ta. Nó chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật trong 87 năm. Nó đánh đổ chế độ quân chủ phong kiến mấy ngàn năm. Nó mở ra thời đại mới, thời đại nước độc lập, dân làm chủ. Nó làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành một đảng cầm quyền và có thêm nhiều bài học về lãnh đạo rất phong phú. Nó tạo ra thế và lực mới để tiếp tục đánh thắng giặc Pháp giặc Mỹ trong 30 năm. Nó làm cho thế đứng trên trường quốc tế của nước Việt Nam được nâng cao, rất có lợi cho công cuộc xây dựng đất nước. - Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng 8 còn có ý nghĩa quốc tế to lớn. Nó trực tiếp tạo ra chỗ dựa đáng tin cậy cho cuộc cách mạng của nhân dân Lào và Campuchia anh em và góp phần làm thay đổi cục diện chính trị ở Đông Nam á. Nó là một lực lượng trong phe Đồng minh chống phát xít. Nó cổ vũ và cung cấp kinh nghiệm thành công cho nhân dân các nước thuộc địa đấu tranh giành độc lập. Nó cắt đứt một vòi hút máu của con bạch tuộc đế quốc làm cho thế lực đế quốc ở chính quốc phải điều chỉnh chính sách. Nó làm cho Việt Nam trở thành một trong những dân tộc tiên phong cách mạng, là lực lượng tích cực trong phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc dân chủ và tiến bộ xã hội. Ngoài ra, kinh nghiệm thực tiễn của cuộc Cách mạng Tháng 8 đã chứng minh tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng vô sản và bổ sung thêm một đảng lý luận về cuộc cách mạng dân tộc ở nước thuộc địa khá phong phú. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng 8, cùng với thắng lợi to lớn tiếp theo của cuộc kháng chiến lâu dài 30 năm chống Pháp, chống Mỹ, đã nâng cao lòng tự tin, tự hào của nhân dân các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Đó là động lực tinh thần rất quan trọng mà nếu phát huy tốt sẽ là bệ phóng cho Việt Nam cất cánh đi vào thế kỷ 21, với nhiều thành tựu mới to lớn.

*Nét độc đáo và ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng tháng tám năm 1945 / Trần Trọng Tân /
 Nguồn: Trang tin điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*

CHIẾN LƯỢC ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN CỦA ĐẢNG TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

(ĐCSVN) - Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố nhưng nổi bật nhất chính là chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta. Chính chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đã đưa dân tộc ta đến thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, là tiền đề vững chắc đưa đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới hiện nay.

Mùa thu này hơn 60 năm trước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân ta đoàn kết một lòng đứng lên làm cách mạng, lật đổ ách thống trị của chế độ thực dân và phong kiến tay sai, lập nên chính quyền cách mạng của dân, do dân và vì dân. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và việc khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2-9-1945 đã là cơ sở đưa đến thắng lợi của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân

Pháp và đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa đất nước ta tiếp tục vững bước tiến lên trên con đường độc lập, tự do và phát triển. Thắng lợi đó đã mở ra thời đại mới trên đất nước ta: *thời đại độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội*.

Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945 với tầm vóc vĩ đại đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc ta, là một niềm tự hào to lớn về sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, về sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, về truyền thống bất khuất, kiên cường, về tinh thần sáng tạo trong công cuộc dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Tự hào về thắng lợi vĩ đại này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc". Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, mà nổi bật là chiến lược *đại đoàn kết toàn dân tộc* của Đảng ta. Thật vậy, trở lại năm 1945, vào ngày 9 tháng 3, quân đội Nhật đã tiến hành cuộc đảo chính Pháp, nắm toàn quyền cai trị về tay mình. Kết quả của sự kiện đó là sự sụp đổ thảm hại của chính quyền thực dân Pháp. Chỉ sau 3 ngày Nhật đảo chính Pháp, ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ta đã ra Chỉ thị: "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*", xác định kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt, duy nhất, của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính, là phát xít Nhật. Khẩu hiệu "*Đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp*" được thay thế bằng khẩu hiệu "*Đánh đuổi phát xít Nhật*". Đề tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân ta tham gia cao trào kháng Nhật cứu nước, Đảng ta chủ trương mở rộng *Mặt trận Việt Minh*. Nghị quyết Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương (ngày 14-8-1945) đã nhấn mạnh đến việc phải đẩy mạnh công tác vận động quần chúng công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, phụ nữ, tư sản, địa chủ, công chức, đồng bào theo đạo, các đảng phái. Nghị quyết của Đảng còn coi việc thi hành 10 chính sách của Việt Minh là những mục tiêu cơ bản và trước mắt của toàn Đảng, toàn dân.

Đảng và Mặt trận Việt Minh còn kịp thời đề ra khẩu hiệu đấu tranh thích hợp, đáp ứng nguyện vọng bức thiết của quần chúng: "*Phá kho thóc, giải quyết nạn đói*". Đó là nghệ thuật phát động quần chúng, là hình thức đấu tranh thích hợp nhằm lôi cuốn, tập hợp hàng triệu người vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc. Đó là cuộc đấu tranh không chỉ nhằm đến quyền lợi kinh tế hàng ngày của nhân dân mà còn nhằm vào mục tiêu đánh đổ chính quyền của đế quốc tay sai.

Trong bối cảnh đó, theo lời kêu gọi của Đảng, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã diễn ra nhanh chóng trên phạm vi toàn quốc. Từ ngày 14 đến ngày 25-8-1945 về cơ bản quyền thống trị của bọn đế quốc xây dựng ngót 100 năm và chế độ quân chủ tồn tại hàng nghìn năm ở nước ta đã bị sụp đổ hoàn toàn. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã trình trọng tuyên bố với toàn thể thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Với tuyên bố trên, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trở thành *nhà nước công - nông đầu tiên* được lập nên ở Đông Nam Á. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nhà nước công - nông đã thể hiện sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam. Toàn dân nổi dậy, cả nước đồng lòng đứng lên. Từ chiến khu về đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị, rồi cả thành thị và nông thôn nhất tề nổi dậy như thác đổ, sóng dâng, đè bẹp mọi sự phản kháng của quân thù.

Như vậy, chỉ trong vòng 12 ngày, Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước. Từ thực tế của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, chúng ta có thể khẳng định rằng hình thái khởi nghĩa chung nhất là toàn dân nổi dậy đồng loạt và gần như đồng thời trong cả nước. Cuộc Cách mạng Tháng Tám là cuộc tổng khởi nghĩa của toàn dân, của cả dân tộc Việt Nam vì mục tiêu độc lập dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám giành thắng lợi oanh liệt và nhanh chóng do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do chính sách đại đoàn kết dân tộc của Mặt trận Việt Minh do Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập và lãnh đạo. Mặt trận Việt Minh đã giương cao ngọn cờ dân tộc, xác định đúng kẻ thù, có những chủ trương, chính sách đúng

đắn, những khẩu hiệu đấu tranh thích hợp, đáp ứng yêu cầu cách mạng, phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi bức thiết của mọi tầng lớp nhân dân.

Chính nhờ mục tiêu và đường lối đúng đắn đó, Mặt trận Việt Minh chẳng những đã huy động được hàng triệu công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, học sinh, trí thức xuống đường khởi nghĩa, mà còn tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của một số các thành phần khác trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ như địa chủ, tư sản dân tộc, viên chức của chính quyền thực dân, phong kiến.

Mặt trận Việt Minh trở thành ngọn cờ tập hợp sức mạnh của toàn dân, trở thành động lực cơ bản của Cách mạng Tháng Tám. Dưới ngọn cờ của Việt Minh, "hàng chục triệu hội viên, gồm đủ các tầng lớp sỹ, nông, công, thương, binh gồm đủ các dân tộc" trên đất nước Việt Nam đã đứng dậy làm cuộc Tổng khởi nghĩa vĩ đại giành độc lập cho dân tộc. Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945 là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam, là sản phẩm của chính sách đại đoàn kết, tập hợp lực lượng toàn dân tộc của Đảng ta.

Như vậy, có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945 là đỉnh cao của toàn bộ cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và tiến bộ xã hội mà dân tộc ta đã bền bỉ, anh dũng tiến hành ngay từ thời điểm thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta vào năm 1858 đến 1945. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc ta, đánh dấu sự kết thúc của thời kỳ lịch sử đau thương của dân tộc mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945, cuộc đấu tranh bền bỉ, anh dũng của biết bao thế hệ người Việt Nam yêu nước vì độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân cuối cùng đã đi tới thắng lợi vẻ vang. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam 1945, một lần nữa đã chứng tỏ sức sống dẻo dai, năng lực sáng tạo phi thường và tinh thần yêu nước mãnh liệt của dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương với lãnh tụ vĩ đại là Hồ Chí Minh, sức sống ấy, năng lực sáng tạo ấy và tinh thần yêu nước ấy đã được quy tụ, nhân lên gấp bội và vươn tới tầm cao mới của thời đại, trở thành xung lực mạnh mẽ, thành niềm tin và trí tuệ để dân tộc Việt Nam tiếp tục vươn lên vượt qua mọi thử thách gay go, ác liệt và giành được những thắng lợi to lớn và vẻ vang hơn nữa trong thế kỷ XX.

Trên phương diện quốc tế, Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945 là một cuộc cách mạng điển hình ở một nước thuộc địa. Kết quả thắng lợi của cuộc Cách mạng đã dẫn đến việc thành lập nên nhà nước độc lập, dân chủ cộng hoà ở một nước vốn bị chủ nghĩa thực dân áp bức và nô dịch. Thắng lợi to lớn của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Việt Nam đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc trên toàn thế giới. Chính vì Cách mạng Tháng Tám trước hết là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, mang yếu tố nhân dân sâu sắc, do đó, trong thời đại vùng lên của các dân tộc bị áp bức bóc lột, sự kiện này trở thành ngọn đuốc soi đường, trở thành tấm gương cổ vũ lớn lao đối với hàng triệu triệu người đang đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân.

Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ vừa mới thành lập chưa được bao lâu, nhân dân ta lại phải tiến hành một cuộc kháng chiến trường kỳ để chống lại mưu đồ của thực dân Pháp hòng bắt nhân dân ta quay trở lại kiếp ngựa trâu. Nhưng, thời đại đã đổi thay, toàn thể dân tộc Việt Nam đã anh dũng đứng lên quyết hy sinh tất cả để bảo vệ nền độc lập và tự do của Tổ quốc. Cuộc kháng chiến toàn quốc đã bùng nổ vào đêm 19-12-1946. Nhân dân ta hết sức yêu chuộng hoà bình và độc lập, tự do và vì thế chúng ta đã phải nhân nhượng. *Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.* Vì độc lập, tự do và hoà bình, toàn thể dân tộc Việt Nam, không phân biệt già trẻ, gái trai, dân tộc, giai cấp, tôn giáo... đã sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp. Trải qua chín năm chiến tranh, lực lượng cách mạng dần dần trưởng thành, chúng ta từ thế phòng ngự đã dần dần lớn mạnh và giành thế chủ động trên

chiến trường. Ý chí độc lập dân tộc của toàn dân tộc đã mang lại chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ làm chấn động toàn cầu. Tiếng súng thắng trận tại Điện Biên Phủ đã là tiếng chuông báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ. Chiến thắng lịch sử đó mở đầu cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới tiến công vào hệ thống chủ nghĩa thực dân cũ. Việt Nam - Điện Biên Phủ là tiếng kèn xung trận của các dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc áp bức và bóc lột. Đó là công hiến vĩ đại của nhân dân Việt Nam vào sự nghiệp giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

Với âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, thế chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào miền Nam, cấu kết với bọn tay sai bán nước hòng phá hoại việc thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ và chia cắt lâu dài nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tinh thần *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*, toàn thể dân tộc Việt Nam đoàn kết một lòng, tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ - tên đế quốc đầu sỏ, có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh. Hai mươi năm chiến tranh gian khổ và ác liệt với bao xương máu của hàng triệu người con đất Việt đã hiến dâng cho Tổ quốc, nhân dân ta đã giành thắng lợi trọn vẹn trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc bằng cuộc Tổng tấn công mùa xuân năm 1975. Nhân dân ta với chiến công vĩ đại này đã hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước. Thắng lợi này mãi mãi được ghi vào sử sách như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỷ XX; là một mốc son chói lọi nhất trong lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Chiến thắng của nhân dân Việt Nam cũng là đòn tiến công trực diện giáng thẳng vào chủ nghĩa đế quốc, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của các dân tộc trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên hành tinh của chúng ta. Từ mùa xuân năm 1975, nhân dân Việt Nam bắt tay vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện đất nước đã được thống nhất. Trong bối cảnh mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tiếp tục tỏ rõ bản lĩnh kiên cường, vững vàng, sáng tạo, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, vượt qua mọi thử thách, tạo ra những tiền đề quan trọng cho sự nghiệp đổi mới toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI. Nhờ sự nỗ lực và cố gắng cao độ của toàn thể nhân dân, đất nước ta đã dần dần bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, và một thời kỳ phát triển mới rất đáng tự hào với những bước tăng trưởng kinh tế vững chắc, với sự cải thiện rõ rệt hàng ngày đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng của sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta đã tạo dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Như vậy, từ mùa Thu Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945, lịch sử cách mạng nước ta đã trải qua nhiều thời kỳ khác nhau tương ứng với bối cảnh quốc tế và trong nước, nhưng mục tiêu chiến lược của sự nghiệp cách mạng nước ta là nhất quán. Đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*.

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, từ điểm xuất phát cụ thể của mình, đất nước ta tập trung vào việc phát triển toàn diện, trong đó phát triển kinh tế luôn là nhiệm vụ trung tâm. Chúng ta nhất định phải chiến thắng tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Chúng ta không ngừng phát huy cao độ nội lực tổng hợp của đất nước, trước hết là trí tuệ và năng lực con người, coi việc phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Đồng thời, chúng ta luôn coi trọng vấn đề ổn định chính trị, chú tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, có tiềm lực về quốc phòng và an ninh phải vững chắc, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước xã hội chủ nghĩa, công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chúng ta cũng kiên quyết đấu tranh đẩy lùi tệ quan liêu và nạn tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, tiến hành cải cách hành chính ở tất cả các cấp. Đảng ta coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với kiện toàn hệ thống chính trị là nhiệm vụ then chốt để đủ sức lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược của cách mạng trong thời kỳ mới.

Ngày hôm nay, khi toàn Đảng, toàn dân ta đang nô nức lập công kỷ niệm 61 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, chúng ta vô cùng xúc động tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới;

tưởng nhớ các vị lãnh đạo tiền bối của Đảng, của dân tộc, tưởng nhớ tới hàng triệu đồng bào, chiến sĩ đã hiến dâng xương máu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Với truyền thống "uống nước nhớ nguồn", nhân dân Việt Nam không bao giờ quên sự hy sinh cao cả của tất cả những người con đất Việt đã ngã xuống vì sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc, đã cống hiến hết mình cho độc lập và tự do của ngày hôm nay. Nhân dân Việt Nam cũng luôn ghi lòng tạc dạ về sự giúp đỡ to lớn và hết mình của Chính phủ và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, các nước bè bạn trên toàn thế giới, biết ơn các phong trào quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta, cũng như toàn thể bạn bè quốc tế đang dành cho nhân dân Việt Nam những sự giúp đỡ quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Nhìn lại chặng đường đã qua, với nhiều biến động và thử thách, nhân dân ta rất đỗi tự hào về những thắng lợi và thành tựu vẻ vang của dân tộc. Đất nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, có vị thế và uy tín trên trường quốc tế. Ngày nay, hai tiếng *Việt Nam* đối với cộng đồng thế giới không chỉ là một dân tộc dũng cảm, có ý chí kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm để giành độc lập cho Tổ quốc, mà còn là một dân tộc có bản lĩnh vững vàng, có tinh thần tự chủ, dám đương đầu với mọi thách thức và gian nguy để vươn tới một tương lai tươi sáng hơn. Nêu cao truyền thống được đúc kết từ chiều sâu lịch sử, tất cả đồng bào Việt Nam dù bất kỳ ở đâu cũng đều phấn đấu hết mình vì sự phồn vinh của đất nước, vì nền tự do và độc lập của dân tộc Việt Nam. Chúng ta nguyện nỗ lực phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự cường và lòng tự hào dân tộc, đem sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững vàng tiến vào thế kỷ XXI./.

Chiến lược đại đoàn kết toàn dân của Đảng trong cách mạng tháng Tám năm 1945 / PGS - TS Võ Kim Cương

60 NĂM NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

I. Cách mạng tháng Tám - bước nhảy vọt vĩ đại của cách mạng Việt Nam

1. Diễn biến của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công mau lẹ và ngoạn mục không phải là sự ngẫu nhiên mà là kết quả của một quá trình đấu tranh lâu dài, kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn, đầy sáng tạo của một Đảng Mác xít – Lê nin nít kiên cường, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngay sau khi thành lập (3/2/1930), Đảng Cộng sản Việt Nam đã nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Bằng chính cương lĩnh, đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn của mình, Đảng đã lôi cuốn đông đảo quần chúng và tổ chức thành lực lượng cách mạng hùng hậu của cách mạng. Trải qua muôn vàn thử thách trong máu lửa đấu tranh, với các cao trào cách mạng như Xô Viết Nghệ - Tĩnh năm 1930 - 1931, Cao trào dân chủ năm 1936 - 1939 và những năm đầu 40 của thế kỷ XX với cao trào chống phát xít, Đảng và nhân dân ta đã có thêm nhiều bài học kinh nghiệm quý giá trong đấu tranh cách mạng. Sang đầu năm 1945, quân đội Xô Viết liên tiếp giành thắng lợi quyết định trên chiến trường châu Âu, giải phóng một loạt nước và tiến thẳng vào sào huyệt của phát xít Đức ở Beclin, buộc phát xít Đức phải đầu hàng vô điều kiện. Ngày 8/8/1945 Liên Xô tuyên chiến với quân phiệt Nhật và chỉ trong vài hôm đã tiêu diệt đội quân Quan Đông tinh nhuệ của Nhật, đẩy phát xít Nhật vào thế thất bại không thể tránh khỏi. Trước tình hình đó, Tháng 2/1945, Ban Thường vụ Trung ương họp và ra nghị quyết nêu rõ: “Kẻ thù số 1 của các dân tộc Đông Dương lúc này không phải là tất cả chủ nghĩa đế quốc mà chỉ là đế quốc phát xít, đặc biệt là phát xít Nhật-Pháp”.

Hội nghị chỉ rõ, toàn bộ công tác của Đảng trong lúc này là chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Tháng 3/1945 Thường vụ Trung ương mở rộng họp và ra chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Tháng 4/1945, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang, đẩy mạnh tuyên truyền xung phong có vũ trang cướp kho thóc của Nhật để cứu đói, đẩy mạnh xây dựng các đội tự vệ vũ trang, du kích cứu quốc, mở trường đào tạo cấp tốc cán bộ quân sự, phát động chiến tranh du kích ở những nơi có đủ điều kiện, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa cách mạng. Từ Tháng 4/1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra mạnh mẽ. Phong trào đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần đã diễn ra ở nhiều vùng. Các lực lượng cách mạng đã phối hợp với quần chúng giải phóng được một loạt các xã, châu, huyện thuộc các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Quảng Ngãi, Bắc Giang.

Trên cơ sở đánh giá thời cơ và tình hình cách mạng trong nước đã phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945 đã đi đến kết luận: “Những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương đã chín muồi”, vì vậy, phải “Kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội”, khẩn trương “Đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay thôn quê, thành lập uỷ ban nhân dân ở những nơi làm chủ”, tất cả vì mục tiêu “Việt Nam hoàn toàn độc lập”. Đến 23 h ngày 13/8/1945, Uỷ ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1: Hiệu triệu toàn dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Tiếp đó, ngày 16/8/1945, Đại hội Quốc dân tại Tân Trào đã thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, thông qua Lệnh Tổng Khởi nghĩa, quyết định Quốc kỳ nền đỏ sao vàng, Quốc ca và bầu ra Uỷ ban Dân tộc Giải phóng Trung ương, tức Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi “*Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn thể đồng bào ta hãy đứng dậy đem sức ta mà giải phóng cho ta!*”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước đã đồng loạt đứng dậy, tiến hành cuộc Khởi nghĩa giành chính quyền trong khắp cả nước. Cuộc Tổng khởi nghĩa bắt đầu nổ ra từ ngày 14/8 và đến ngày 18/8, chúng ta đã giành được thắng lợi ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, đại bộ phận các tỉnh miền Trung, một phần miền Nam và ở các thị xã Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Hội An, Quảng Nam. Ngày 19/8, Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội. Ngày 23/8, Khởi nghĩa thắng lợi ở Huế và các thị xã: Bắc Cạn, Hoà Bình, Hải Phòng, Hà Đông, Quảng Trị, Quảng Bình, Bình Định, Lâm Viên, Gia Lai, Tân An, Bạc Liêu. Ngày 25/8, Khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Lạng Sơn, Kon Tum, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Thủ Dầu Một, Châu Đốc, Trà Vinh, Biên Hoà, Tây Ninh, Bến Tre... Chỉ trong vòng 15 ngày cuối Tháng 8/1945, cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền trong cả nước thuộc về nhân dân.

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, trước cuộc mít tinh khổng lồ của gần một triệu đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời trình đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

2. Nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám

- Cách mạng Tháng Tám thành công do nhiều nguyên nhân, trong đó *nguyên nhân quan trọng, có ý nghĩa quyết định*, đó là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, khôn khéo của Đảng, là sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin trong điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta một cách đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo, có phương pháp và chiến lược, chiến thuật cách mạng thích hợp và linh hoạt. Tổng khởi nghĩa Tháng Tám là đỉnh cao của 15 năm đấu tranh của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, trải qua ba cao trào cách mạng lớn – ba cuộc tổng diễn tập cách mạng: cao trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh (1930 – 1931), cao trào dân chủ (1936 – 1939), cao trào cứu nước trong chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945). Qua đấu tranh gian khổ, với nhiều hy sinh to lớn, Đảng ta đã từng bước trưởng thành về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng được lực lượng quần chúng hùng hậu xung quanh mình, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không ngừng củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phân hoá lực lượng kẻ thù, xác định kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt để có sách lược khôn khéo tập hợp lực lượng và làm suy yếu kẻ thù.

Đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, phương châm, phương pháp, sách lược cách mạng mềm dẻo, linh hoạt đã lôi cuốn, tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân thành một khối

thống nhất, hun nóng thêm bầu nhiệt huyết, làm bùng cháy ngọn lửa cách mạng đang âm ỉ trong lòng mỗi người dân Việt Nam. Trong quá trình vận động cách mạng, Đảng ta đã coi trọng cả đấu tranh chính trị lẫn đấu tranh vũ trang, kết hợp chặt chẽ, linh hoạt hai hình thức đấu tranh này, không chỉ chú ý đưa quần chúng vào các tổ chức chính trị, Đảng còn từng bước vũ trang cho quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Lực lượng vũ trang đó được sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, có chỗ đứng vững chắc là các căn cứ địa cách mạng. Vì thế, cho đến trước ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, tuy ta chưa có đội quân chủ lực mạnh nhưng đã có đủ các loại lực lượng vũ trang phát triển khắp nơi, và đặc biệt ta có ưu thế về lực lượng chính trị so với kẻ thù. Dựa trên các ưu thế cách mạng đó, chớp đúng thời cơ lịch sử ngàn năm có một, với nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức khởi nghĩa khéo léo, tài tình, Đảng đã đưa được cuộc Tổng khởi nghĩa đến thắng lợi trọn vẹn trong cả nước.

Thời cơ cách mạng chín muồi, lực lượng cách mạng đã được chuẩn bị chu đáo cộng với sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng biết nắm lấy thời cơ, biết sử dụng lực lượng cách mạng đúng lúc, kết hợp chính trị và vũ trang, lấy lực lượng chính trị của quần chúng giữ vai trò quyết định, kết hợp nông thôn và thành thị, kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp và không hợp pháp, từ thấp lên cao, từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn, đó chính là nguyên nhân chủ yếu đưa cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đến thắng lợi.

- *Nguyên nhân thứ hai* rất quan trọng, đó là tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của các tầng lớp nhân dân ta không chịu sống mãi kiếp nô lệ của người dân mất nước, nghe theo tiếng gọi của Đảng, quyết vùng lên đánh đổ bọn đế quốc, phát xít cướp nước, bọn vua quan phong kiến tay sai bán nước, giành độc lập cho đất nước, tự do, cơm áo cho nhân dân. Cuộc Tổng khởi nghĩa năm 1945 là thành tựu tuyệt vời của tinh thần, ý chí, trí tuệ con người Việt Nam. Tinh thần, trí tuệ ấy xuất hiện từ buổi đầu lịch sử dân tộc, đã được nâng lên một tầm cao mới sau 15 năm đấu tranh quật cường dưới sự lãnh đạo của một Đảng Mác xít – Lê nin nít chân chính.

- *Một nguyên nhân khác quan cũng quan trọng không kém* là, chúng ta tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám trong bối cảnh quốc tế thuận lợi. Đó là việc quân đội Liên Xô và Đồng Minh đã đánh bại phát xít Đức, Ý, Nhật. Thắng lợi đó đã tạo điều kiện cho các lực lượng bị áp bức, yêu hòa bình và các lực lượng tiến bộ trên thế giới có điều kiện để giành thắng lợi khi biết lợi dụng được thời cơ ngàn năm có một này. Trong bối cảnh ở nước ta, quân Pháp bị Nhật hất chân, quân Nhật lại bị Hồng quân Liên Xô và quân đồng minh đánh cho bại trận, đang hoang mang cao độ và đang tan rã, quân đội các nước đồng minh chưa kịp vào Đông Dương giải giáp quân Nhật, điều đó đã tạo cơ hội để Đảng kịp chớp lấy thời cơ, lãnh đạo toàn dân đứng lên giành chính quyền.

- Trải qua 15 năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng để đi đến thắng lợi, đã có biết bao nhiêu đồng bào, đồng chí đã không hề tiếc xương máu, hy sinh oanh liệt. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói, chính họ *"đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của dân tộc lên trên hết, đã tin tưởng sâu sắc vào tương lai của Đảng, của dân tộc, đã hy sinh tất cả, đem xương máu vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay"*. Đó cũng là một nguyên nhân quan trọng để đưa cuộc cách mạng của chúng ta đến thành công.

3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám và sự khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Cuộc Cách mạng Tháng Tám thắng lợi và việc khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có ý nghĩa lịch sử rất quan trọng.

Thứ nhất, với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhân dân ta đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân, đế quốc trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế mấy nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân một nước độc lập, làm chủ vận mệnh của mình. Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong

kiến trở thành một nước độc lập, tự do và dân chủ. Đảng ta từ một Đảng hoạt động bí mật, bất hợp pháp trở thành một Đảng cầm quyền. Từ đây, đất nước, xã hội, dân tộc và con người Việt Nam bước vào một cuộc trường chinh mới với những biến đổi cách mạng lớn lao và sâu sắc. Kỷ nguyên mới của dân tộc là kỷ nguyên đấu tranh giành độc lập, thống nhất và phục hưng đất nước, kỷ nguyên kết hợp chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, mà chủ thể của sự nghiệp vĩ đại này không có ai khác là con người Việt Nam, là cộng đồng các dân tộc Việt Nam luôn mang trong mình khí phách quật cường của mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước. Dân tộc có độc lập thì con người mới tự do, hạnh phúc. Không thể thực hiện được các quyền con người khi quyền độc lập dân tộc, của cả một cộng đồng bị chà đạp. Khi đất nước được độc lập thì con người mới được giải phóng, mới có thể cùng nhau xây dựng nước nhà giàu mạnh, công bằng, văn minh. Độc lập, tự do, hạnh phúc - những nội dung ấy được Hồ Chủ tịch nêu lên đã gắn bó quyền dân tộc với quyền của mỗi con người. Đó cũng là động lực thúc đẩy toàn dân tộc vượt qua muôn vàn thử thách hiểm nguy để giành và giữ chính quyền non trẻ, để tiến hành 30 năm trường kỳ kháng chiến và chiến thắng hai đế quốc hung bạo nhất, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam, là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng đúng đắn và đầy sáng tạo của Đảng ta đã gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại. Cách mạng Tháng Tám đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Đây là quá trình phát triển tất yếu của lịch sử dân tộc trải qua mấy nghìn năm phấn đấu, đỉnh cao của ý chí quật cường, sức mạnh cố kết cộng đồng, tầm cao trí tuệ của dân tộc hòa quyện với những tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.Lênin, Hồ Chí Minh, với xu thế của thời đại vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba, với thắng lợi này, cách mạng nước ta đã chuyển sang một bước ngoặt mới, nước ta không những trở thành một nước độc lập, tự do mà còn trở thành một trong những nước đi tiên phong trong việc xây dựng chế độ xã hội mới - chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện hoài bão, ước mơ của biết bao thế hệ người Việt Nam xưa và nay.

Thứ tư, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám còn khẳng định rằng, trong điều kiện trào lưu của cách mạng vô sản, cuộc cách mạng do một đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo không chỉ có thể thành công ở một nước tư bản kém phát triển, nơi mất xích yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc mà còn có thể thành công ở ngay một nước phong kiến và nửa thuộc địa lạc hậu để đưa cả dân tộc đó đi lên theo con đường của chủ nghĩa xã hội. Đây là sự phát triển rất sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Cách mạng Tháng Tám như một quả bom có sức công phá mạnh làm sụp đổ một mảng quan trọng thành trì của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức bóc lột vùng dậy, báo hiệu một kỷ nguyên mới của loài người: kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Đúng như Hồ Chủ tịch nói: *"với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám, chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"*.

4. Bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám

Cách mạng Tháng Tám cho ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, nhưng có thể nói những bài học kinh nghiệm lớn nhất, sâu sắc nhất đó là:

Thứ nhất, có một đảng tiên phong thật sự cách mạng tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin - đỉnh cao trí tuệ của thời đại được tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng đã nắm vững hoàn cảnh cụ thể của mỗi giai đoạn cách mạng của đất nước, đề ra được đường lối cách mạng đúng đắn, có phương pháp, hình thức đấu tranh phong phú, linh hoạt, biết nắm bắt thời cơ, xây dựng lực lượng và tổ chức, sử dụng lực lượng đúng lúc, phát huy được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để dẫn dắt quần chúng tiến lên giành và giữ chính quyền. Cách mạng Tháng Tám khẳng định rằng: nếu không có một đảng cách mạng, có một lãnh tụ kiệt xuất, một bộ tham mưu tài giỏi, có lý luận tiên tiến, có tư tưởng thống nhất, có tổ chức chặt chẽ, có đường lối đúng đắn và hợp lòng dân thì khó tập hợp được sức mạnh của toàn dân tộc để làm nên cuộc cách mạng long trời lở đất, chỉ trong vòng nửa Tháng đã giành thắng lợi và xác lập

chính quyền dân chủ nhân dân trong phạm vi toàn quốc. Thực tiễn lịch sử 75 năm qua lại càng khẳng định, sự lãnh đạo đúng đắn của một đảng mạnh luôn luôn là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Điều đó nói lên rằng, muốn tiến hành một cuộc cách mạng xã hội sâu sắc và triệt để không thể thiếu vai trò lãnh đạo của một đảng Mácxít-Lêninnít và một đảng muốn giữ được vai trò lãnh đạo cách mạng cần phải giải quyết tốt mấy vấn đề cơ bản của cách mạng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân như:

- Quan hệ giữa nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, giữa mục tiêu dân tộc và mục tiêu dân chủ, giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp.
- Quan hệ giữa mục tiêu chiến lược lâu dài và mục tiêu cụ thể trước mắt, giành thắng lợi từng bước, khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn.
- Quan hệ giữa chiến lược và sách lược, phương pháp cách mạng, sử dụng đúng đắn các phương pháp đấu tranh phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể.
- Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, giữa xây dựng Đảng và phát triển lực lượng cách mạng của quần chúng được tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất.
- Quan hệ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, giữa xây dựng lực lượng cách mạng, phát huy sức mạnh bên trong, nêu cao ý chí tự lực tự cường, độc lập tự chủ và sáng tạo với tranh thủ những điều kiện và thời cơ thuận lợi do tình hình thế giới đem lại.
- Quan hệ giữa chủ động chớp thời cơ và đẩy lùi nguy cơ v.v.

Đó là những vấn đề cơ bản trong đường lối cách mạng của Đảng ta nhằm phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc đứng lên tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, giành thắng lợi hoàn toàn. Đây cũng là những kinh nghiệm quý báu để Đảng ta lãnh đạo nhân dân ta tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ suốt 30 năm, tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới giành những thành tựu quan trọng trong suốt gần 20 năm gần đây.

Thứ hai, vấn đề giành và giữ chính quyền, đó là mục tiêu của bất cứ một cuộc cách mạng nào. Nhưng cái độc đáo của cuộc Cách mạng Tháng Tám, mang bản sắc Việt Nam, một sự sáng tạo của Đảng ta là không phải đợi đến khi phát động tổng khởi nghĩa toàn quốc mới đặt vấn đề giành chính quyền về tay nhân dân.

Tin tưởng mạnh mẽ ở lực lượng cách mạng của nhân dân, ngay từ Tháng 5/1941, tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ Tám, Đảng ta đã chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang với các hình thức và quy mô thích hợp, giành chính quyền từng bộ phận, thành lập là mở rộng các căn cứ địa cách mạng và sẵn sàng chuyển sang hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.

Ngay từ đầu chúng ta đã xác định việc giành chính quyền về tay nhân dân, xây dựng chính quyền của dân và phục vụ nhân dân, chính vì thế Đảng đã tập hợp và phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân - trí thức, khai thác và phát huy triệt để động lực tinh thần, nêu cao "ý chí Việt Nam", tinh thần dũng cảm, sáng tạo, sẵn sàng xông lên cứu nước cứu nhà, tạo thành nguồn động lực to lớn để đưa Cách mạng Tháng Tám đến thắng lợi hoàn toàn. Chính quyền lợi sống còn của cả dân tộc gắn với lợi ích của từng tầng lớp, từng người, quyền lợi cơ bản gắn liền với quyền lợi trước mắt đã động viên, thúc đẩy được đông đảo quần chúng kiên trung, bất khuất, anh dũng xông lên đương đầu với những lực lượng thù địch hung bạo nhất. Thử hỏi nếu không khơi dậy sức mạnh vô địch của hàng chục triệu quần chúng được giác ngộ, với ý thức giành chính quyền cho mình và của mình để rồi xây dựng chính quyền mưu lợi cho hạnh phúc của mình thì với 5000 đảng viên thời kỳ tiền khởi nghĩa, Đảng ta làm sao có thể làm tròn sứ mệnh lịch sử, tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công mau lẹ và ngoạn mục như vậy được.

Bài học lớn của việc giành và giữ chính quyền chính là Đảng ta đã biết chăm lo xây dựng lực lượng cách mạng, làm cho lực lượng cách mạng đủ mạnh, thu hút được đông đảo quần chúng tham gia, từ đó làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo ra thời cơ cách mạng để đưa cuộc cách mạng đến thành công. Lực lượng cách mạng có được chính là nhờ Đảng nắm bắt đúng nguyện vọng của quần chúng, biết gắn lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc với nhau, có mục tiêu chính trị rõ ràng, phương pháp cách mạng đúng đắn.

Đảng ta đã kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và đã biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp và đúng lúc để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước mới

của dân, do dân và vì dân. Bao lực cách mạng được sử dụng ở Cách mạng Tháng Tám chính là sử dụng lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, gắn kết hai hình thức đấu tranh là đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cách mạng để tiến lên giành chính quyền.

Giành chính quyền đã khó nhưng việc củng cố chính quyền, bảo vệ và xây dựng chính quyền còn khó hơn nhiều. Sau khi chính quyền về tay nhân dân, nước Việt Nam Dân Chủ cộng hòa non trẻ ra đời. Đảng ta đã phải lãnh đạo nhân dân ta đương đầu với bao nhiêu thử thách. Ngân khố cạn kiệt. Hai mươi vạn quân Tưởng kéo vào miền Bắc. Bọn thực dân Pháp núp sau lưng quân đội Anh kéo vào miền Nam. Tất cả bọn chúng đều nhằm lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ.

Để giữ vững chính quyền, Đảng và Nhà nước ta đã dựa chắc vào nhân dân, tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần để đấu tranh thắng lợi với thù trong giặc ngoài. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận động nhân dân thực hiện tốt 3 nhiệm vụ cách mạng: chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Chính quyền cách mạng đã kịp thời ban hành các chính sách bồi dưỡng sức dân, thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, thi đua học chữ quốc ngữ, củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân tộc, lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên vào ngày 6/1/1946, tổ chức đánh bại mọi âm mưu phản cách mạng, tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh với kẻ thù và tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Việc Ta ký với Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 và Tạm ước ngày 14/9/1946 cũng là một việc làm sáng suốt để hoà hoãn với Pháp, phá tan âm mưu của bọn Tưởng và tay sai đẩy ta vào thế cô lập, đồng thời tranh thủ thời gian chuẩn bị cuộc chiến đấu mới bảo vệ chính quyền cách mạng. *Thứ ba*, vấn đề nắm bắt thời cơ ngàn năm có một, đề ra được những quyết định chính xác và kịp thời. Bất cứ một cuộc cách mạng nào đều phải biết tạo ra thời cơ và nắm bắt thời cơ. Chọn đúng thời cơ là một khoa học và một nghệ thuật. Điều này đã được thể hiện rất rõ trong cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám 1945.

Nghệ thuật chỉ đạo tài tình của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc chọn đúng thời cơ, ra quyết định Tổng khởi nghĩa đúng lúc thể hiện cụ thể trong Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng Tháng 3/1945 "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" và bản Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc phát đi lúc 23h30 ngày 13/8/1945 hiệu triệu toàn dân đứng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Chọn thời điểm 13/8 để phát động Tổng khởi nghĩa là vô cùng sáng suốt. Bởi vì vào thời điểm đó, cách mạng đã lên tới cao trào, lực lượng cách mạng đã lôi kéo được cả những tầng lớp trung gian, lưng chừng. Lúc đó, quân Nhật bại trận, mất tinh thần cao độ, chỉ ngồi chờ quân Đồng minh đến tước vũ khí, nguy quyền tay sai tan rã và đã tỏ thái độ đầu hàng lực lượng cách mạng. Thời cơ khởi nghĩa ngàn năm có một đã được chọn một cách chính xác trong khoảng 15 ngày trước khi quân Tưởng và quân Anh đổ bộ vào Đông Dương. Nếu phát động Tổng khởi nghĩa sớm hơn, nhân dân ta sẽ tổn hại nhiều xương máu. Nếu phát động Tổng khởi nghĩa muộn hơn, khi quân Đồng minh đã vào Đông Dương thì cách mạng Việt Nam sẽ mất đi thế chủ động của mình và sẽ gặp nhiều khó khăn khác.

Cũng nhờ chọn đúng thời cơ mà sức mạnh của nhân dân ta trong Cách mạng Tháng Tám đã được nhân lên gấp bội, đã tiến hành Tổng khởi nghĩa thành công trong phạm vi cả nước trong thời gian ngắn.

Bài học lớn nữa là, vấn đề xây dựng và sử dụng sức mạnh của một cuộc cách mạng. Vận dụng những tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, thể hiện trong khẩu hiệu đấu tranh từng thời kỳ như: độc lập dân tộc, người cày có ruộng, 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh, chủ trương phá kho thóc của Nhật cứu đói cho dân và hàng loạt hình thức vận động, tập hợp lực lượng, khơi dậy tiềm năng sáng tạo của quần chúng khác. Chính vì thế, Đảng ta đã tập hợp và phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân dựa trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân và trí thức, tạo nên một nguồn động lực mạnh mẽ đưa cách mạng tiến lên. Có thể nói, sau Cách mạng Tháng Mười Nga, Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng- cuộc tổng khởi nghĩa điển hình dựa vào

sức mạnh của toàn dân, chủ yếu là sức mạnh đấu tranh chính trị của nhân dân để giành chính quyền một cách nhanh chóng trong cả nước. Dưới ánh sáng của đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Bác Hồ, lòng yêu nước và sức mạnh của toàn dân được thổi bùng lên trong Cách mạng Tháng Tám đã tiếp tục được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống đế quốc xâm lược và trong công cuộc đổi mới đất nước ngày nay.

II. Thắng lợi vĩ đại của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ là thắng lợi của ý chí “không có gì quý hơn độc lập tự do”, thắng lợi của việc vận dụng và phát huy những bài học của cách mạng tháng Tám

1. Cách mạng Tháng Tám thành công chưa được bao lâu, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời được 21 ngày thì thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Nam Bộ rồi sau đó chúng khiêu khích tấn công ra Hải Phòng, Lạng Sơn rồi thủ đô Hà Nội.

Lịch sử đã đặt dân tộc ta một sự lựa chọn mới và buộc dân tộc ta phải đứng lên kháng chiến trong toàn quốc để bảo vệ nền độc lập vừa mới giành được. Đêm 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định phát động kháng chiến trên quy mô cả nước.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kéo dài 9 năm, với 3.188 ngày, mở đầu bằng tiếng súng Nam Bộ kháng chiến ngày 23/9/1945, kết thúc ngày 16/5/1955, khi tên lính viễn chinh Pháp cuối cùng rút ra khỏi miền Bắc, là một bản anh hùng ca tuyệt vời của nhân dân ta.

Xét về bản chất, cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, như trong tác phẩm "Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi" của đồng chí Trường Chinh đã chỉ rõ: đó là cuộc kháng chiến có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới. "Trong lò lửa kháng chiến, một nước Việt Nam mới đang được rèn đúc, nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới". Đó là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc là nội dung cơ bản chỉ đạo toàn bộ đường lối kháng chiến của Đảng.

Cũng như trong những năm đầu, sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, suốt trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tuy phải tập trung trí tuệ và mọi nguồn lực cho cuộc chiến đấu để đánh bại kẻ thù, nhưng không một lúc nào Đảng ta sao lãng nhiệm vụ củng cố và chỉnh đốn Đảng, củng cố xây dựng chính quyền, củng cố và hoàn thiện chế độ mới, chế độ dân chủ nhân dân.

Với đường lối cách mạng đúng đắn, với nghệ thuật lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với ý chí “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, nhân dân ta đã chiến đấu kiên cường và càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng lớn, để cuối cùng đi tới “chiến thắng Điện Biên hùng lẫm lẫy địa cầu”. Chúng ta đã đánh bại được cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp đỡ ở mức cao, bảo vệ được chính quyền cách mạng, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước đế quốc thực dân hùng mạnh. Thắng lợi đó chứng tỏ một chân lý lớn là: *"Trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù nhỏ yếu, nhưng một khi đã đoàn kết đứng lên kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính đảng Mác-Lênin để giành độc lập và dân chủ, thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược"* (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ III).

2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhưng một nửa đất nước, từ vĩ tuyến 17 trở vào vẫn nằm dưới ách thống trị của đế quốc và tay sai. Trong giai đoạn mới, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, một mặt phải tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước; một mặt phải tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Xâm lược miền Nam Việt Nam là một bộ phận quan trọng trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. Đế quốc Mỹ đã dùng mọi thủ đoạn vừa xảo quyết, vừa tàn bạo trên các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, tư tưởng, đã thử nghiệm mọi chiến lược chiến tranh, sử dụng mọi thứ vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, trừ vũ khí hạt nhân, dóc người, dóc của vào chiến trường miền Nam cố giành cho được phần thắng.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã phải trải qua nhiều thời kỳ, nhân dân ta đã lần lượt đối phó với các chiến lược chiến tranh và các âm mưu, thủ đoạn tàn bạo, xảo quyết

của đế quốc Mỹ và tay sai: “tổ cộng, diệt cộng”, “đòn dân lập áp chiến lược”, “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ”, “chiến tranh phá hoại miền Bắc”, “Việt Nam hóa chiến tranh”. Trên cơ sở đường lối chiến lược cách mạng chung, do biết phân tích đúng âm mưu và hành động của kẻ thù cũng như so sánh lực lượng giữa ta và địch trong từng thời kỳ để đề ra những chủ trương chỉ đạo sát hợp, với tinh thần kiên cường, ý chí quyết chiến quyết thắng, Đảng ta đã lãnh đạo quân và dân ta từng bước làm thất bại những âm mưu và ý đồ chiến lược của kẻ thù và được kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - đại thắng mùa Xuân năm 1975. Chỉ trong 55 ngày đêm, với sức mạnh áp đảo cả về quân sự lẫn chính trị, quân và dân ta đã giành toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

Tổng kết 30 năm chiến tranh cách mạng, Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị đã rút ra 6 bài kinh nghiệm lớn sau đây:

Thứ nhất, chúng ta đã nắm vững đường lối cách mạng, đường lối chiến tranh cách mạng đúng đắn và sáng tạo theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đường lối đúng đắn đó là: Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn nhiệm vụ dân tộc với nghĩa vụ quốc tế, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là con đường cách mạng bạo lực, con đường kiên quyết dùng cách mạng bạo lực để đập tan bạo lực phản cách mạng, đi đôi với gương cao ngạo cờ hòa bình, tranh thủ các khả năng hòa bình có thể được nhằm tạo dựng nền hòa bình lâu dài trong độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, chúng ta đã biết phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Chính ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã tạo nên sức mạnh mới cho tất cả những người Việt Nam yêu nước, yêu độc lập, tự do không phân biệt gái trai, già trẻ, giàu nghèo, nghề nghiệp, tín ngưỡng, dân tộc... dựa trên nền tảng liên minh công - nông và trí thức, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, của chế độ mới. Đó cũng là chất mới của truyền thống cố kết cộng đồng của dân tộc ta. Có thể nói, chưa bao giờ nhân dân ta, dân tộc ta đoàn kết, thống nhất và tạo nên sức mạnh to lớn như trong cuộc chiến tranh 30 năm, cuộc chiến tranh thực sự toàn dân và toàn diện. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, dân tộc ta gắn liền được sức mạnh của dân tộc mình với sức mạnh của thời đại, được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của các lực lượng yêu hòa bình và tiến bộ trên toàn thế giới, tạo nên sức mạnh mới quyết định thắng lợi trong các cuộc chiến tranh đánh bại những thế lực xâm lược lớn mạnh.

Thứ ba, các cuộc kháng chiến đã phát triển sáng tạo chiến lược tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Đây là bước phát triển mới về chất của chiến tranh yêu nước Việt Nam, không chỉ mới về mục tiêu cách mạng, mục tiêu tiến hành chiến tranh mà còn mới về phương pháp cách mạng, mới về phương thức tiến hành chiến tranh và cả nghệ thuật quân sự. Đây là cuộc chiến tranh dựa vào dân, động viên được toàn dân, vũ trang toàn dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, nêu cao tư tưởng chiến lược tiến công bằng nhiều lực lượng, nhiều phương thức, với muôn hình vạn trạng cách đánh và cách thắng. Đó là nội dung cốt lõi nhất của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Thứ tư, chúng ta giành được thắng lợi, đánh thắng được hai đế quốc to, hùng mạnh vào bậc nhất của thế giới chính là do chúng ta đã vũ trang toàn dân, tổ chức xây dựng một quân đội kiểu mới - quân đội của dân tộc, quân đội của nhân dân, quân đội từ nhân dân mà ra và vì nhân dân mà chiến đấu và chiến thắng – “Bộ đội Cụ Hồ”.

Thứ năm, đường lối chiến tranh vừa kháng chiến vừa kiến quốc; xây dựng kết hợp bảo vệ và củng cố chế độ mới, xây dựng căn cứ địa - hậu phương trong chiến tranh, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tiền tuyến và hậu phương trong chiến tranh là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh cách mạng Việt Nam. Ngay sau khi tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám cũng như trong suốt 30 năm tiến hành hai cuộc kháng chiến, chúng ta đã ra sức xây dựng chính quyền cách mạng, hoàn thiện từng bước thể chế nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trong chiến tranh chúng ta vẫn luôn luôn chăm lo xây dựng nền kinh tế mới, cải thiện từng bước đời sống nhân dân, coi đó là cốt lõi trong công cuộc xây dựng chế độ mới, là nền tảng sức mạnh của căn cứ địa - hậu phương để chiến đấu lâu dài. Chúng ta

cũng coi trọng việc nâng cao dân trí, xây dựng con người mới, coi đó là nhân tố quyết định sự thắng lợi của cách mạng. Chính vì thế, chúng ta đã tạo nên được một hệ thống căn cứ địa - hậu phương vững chắc, phát huy được tính ưu việt của chế độ mới, chế độ dân chủ nhân dân từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, tạo nên sức mạnh để chiến thắng.

Thứ sáu, không ngừng nâng cao sức chiến đấu, phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh cách mạng là nhân tố quyết định của thắng lợi. Thắng lợi oanh liệt của cuộc chiến tranh cách mạng ở nước ta đã nói lên một sự thật đanh thép rằng, nếu không có đội tiên phong cách mạng, có tổ chức chặt chẽ, có lý luận tiên tiến, tự mình xác định đúng đắn con đường cách mạng, chiến lược và sách lược của cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt Nam, biết điều hành cách mạng và chiến tranh một cách khoa học, một cách nghệ thuật như Đảng Cộng sản Việt Nam thì không thể có thắng lợi của kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Những bài học trên chính là sự phát huy lên tầm cao mới từ những bài học của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, nhất là bài học về giành và xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng trong hoàn cảnh vừa kháng chiến vừa kiến quốc; bài học về sử dụng sức mạnh tổng hợp, gắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; bài học về nắm chắc và vận dụng thời cơ ...

III. Trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc, chúng ta tiếp tục vận dụng và phát huy những bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng tám và hai cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc.

1. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã đưa nước ta vào một thời kỳ mới: cả nước độc lập, thống nhất và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã tập trung sức lực và trí tuệ hàn gắn vết thương chiến tranh, và xây dựng cuộc sống mới, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm đầu sau chiến tranh, đất nước ta bên cạnh những thuận lợi cũng gặp nhiều khó khăn lớn. Một mặt, ta phải tìm mọi cách để hàn gắn những vết thương chiến tranh, giải quyết những hậu quả sau 30 năm chiến tranh; mặt khác phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc, lại bị sự bao vây, cấm vận của đế quốc và các lực lượng thù địch. Song chúng ta cũng đã nhanh chóng khôi phục sản xuất, từng bước xây dựng những cơ sở vật chất ban đầu của đất nước sau chiến tranh, tạo tiền đề cho các bước phát triển sau này. Chúng ta cũng từng bước xây dựng, củng cố chính quyền các cấp trên phạm vi cả nước, ban hành Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân. Mười năm cả nước tiến theo con đường của chủ nghĩa xã hội (1975-1985) là mười năm Đảng ta tìm tòi con đường đổi mới. Đây cũng là thời kỳ tư duy đổi mới được hình thành từng bước bắt nguồn từ thực tiễn sinh động của cách mạng Việt Nam. Những thành tựu và khuyết điểm trong mười năm ấy đã mang lại những bài học quý giá cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong những năm tiếp theo.

2. Từ giữa những năm 80, trên cơ sở tổng kết thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Công cuộc "Đổi mới" mang ý nghĩa một cuộc cách mạng trong thời kỳ mới, một sự nghiệp thật sự sáng tạo của nhân dân ta, của Đảng và Nhà nước ta. Công cuộc đổi mới đã đáp ứng được những đòi hỏi bức xúc của tình hình nước ta, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

Những năm Tháng đất nước ta tiến hành công cuộc đổi mới là những năm Tháng tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Chủ nghĩa xã hội trên thế giới bước vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng. Các lực lượng đế quốc và phản động nhân dịp này tăng cường chống phá các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Tình trạng khủng bố quốc tế gia tăng cùng với việc các thế lực phản động lợi dụng tình hình này để can thiệp sâu vào nội bộ các nước. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng khoa học-công nghệ phát triển nhanh chóng trên hầu hết các lĩnh vực cộng với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế đã tạo cho nước ta những thời cơ mới đan xen với những thách thức mới. Tình hình trong nước, bên cạnh những

mặt thuận lợi cũng còn gặp rất nhiều khó khăn, có lúc tưởng chừng khó vượt qua nổi. Nhưng với nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân, công cuộc đổi mới của nhân dân ta đã thu được những thành tựu rất to lớn, mang ý nghĩa lịch sử quan trọng: giữ vững ổn định chính trị, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng khá cao, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang được đẩy mạnh, quốc phòng an ninh được giữ vững, khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nền tảng là liên minh công-nông-trí do Đảng lãnh đạo ngày càng được tăng cường và củng cố, không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội ngày càng được phát huy, quan hệ quốc tế được mở rộng, uy tín quốc tế của nước ta ngày càng cao trong khu vực và thế giới. Từ chỗ là một nước thiếu đói mỗi năm phải đi nhập hàng triệu tấn lương thực đã trở thành nước xuất khẩu lương thực đứng thứ hai trên thế giới, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh, cơ cấu kinh tế không ngừng thay đổi, tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong nền kinh tế, cán cân xuất nhập khẩu ngày càng cân bằng; các mặt văn hóa, xã hội có bước phát triển tích cực...

Cùng với sự đổi mới kinh tế - xã hội, hệ thống chính trị cũng từng bước được đổi mới và kiện toàn. Hiến pháp mới năm 1992 được ban hành đã phản ánh được ý nguyện của nhân dân, khẳng định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, thể chế hóa đường lối đổi mới, đặt cơ sở cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa IX, khóa X, khóa XI và các cuộc bầu cử hội đồng nhân dân các cấp đã diễn ra trong không khí lành mạnh, dân chủ, đúng luật pháp. Các nguồn lực trong xã hội, đặc biệt là nội lực đang được khơi dậy và phát huy có hiệu quả, việc thu hút và sử dụng các nguồn lực bên ngoài ngày càng tốt hơn..

Thành tựu chúng ta đạt được trong gần 20 năm qua đã khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, khẳng định sự nghiệp cách mạng nước ta đang vững bước tiến lên. Sự nghiệp cách mạng Việt Nam tiếp tục phát huy được truyền thống quật cường của dân tộc, đặc biệt phát huy những thành quả và bài học kinh nghiệm từ cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám và các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm dưới sự lãnh đạo của Đảng. Điều đó cũng chứng tỏ rằng, Đảng ta, nhân dân ta có đủ bản lĩnh và khả năng để vượt qua mọi khó khăn, đứng vững và đi lên, xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, vững mạnh, văn minh trong thế kỷ mới.

Công cuộc đổi mới gần 20 năm qua *đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử*, tạo nên thế và lực mới cho sự phát triển đất nước; đồng thời cũng cho ta những bài học kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo, chỉ đạo. Nhìn lại chặng đường 20 năm đổi mới, Đảng ta rút ra 5 bài học lớn sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Năm bài học trên là sự kế thừa và phát triển sâu sắc các bài học rút ra từ cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân Tháng Tám năm 1945 và các cuộc chiến tranh vệ quốc và từ thực tiễn cách mạng của 20 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, phản ánh nhất quán quan điểm của Đảng ta từ ngày thành lập đến nay trong mục tiêu, chiến lược, sách lược cũng như phương pháp cách mạng. Phát huy thuận lợi, tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, biết phát huy những thành tựu của 60 năm thành lập nước và giữ nước, xây dựng chính quyền cách mạng, nhân dân ta nhất định sẽ vượt qua thách thức, khó khăn, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất

nước, thực hiện bằng được mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”, đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển để sánh vai cùng bè bạn năm châu.

Để thực hiện được mục tiêu trên, chúng ta cần quán triệt các quan điểm: lấy nhiệm vụ phát triển kinh tế làm trọng tâm, coi nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt; phát triển kinh tế đi liền với bảo đảm sự tiên bộ và công bằng xã hội; kết hợp xây dựng với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; kiên định mục tiêu và con đường mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chỉ trên cơ sở đó, chúng ta mới khai thác tốt hơn các tiềm năng, thúc đẩy sự phát triển.

Kể từ ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đến nay đã tròn 60 năm, cách mạng Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn, nhiều bước ngoặt lớn với những thử thách vô cùng to lớn. Nhưng dù ở giai đoạn nào, dù thử thách có to lớn đến đâu, nhưng Đảng và Nhà nước ta biết dựa vào nhân dân, vì nhân dân mà chiến đấu, vì nhân dân mà phục vụ, mọi việc đều được nhân dân đồng tình, ủng hộ thì kẻ địch nào dù sừng sỏ, hùng mạnh đến đâu, khó khăn nào dù to lớn đến mấy, chúng ta cũng chiến thắng, cũng vượt qua và đưa đất nước phát triển.

Nếu trước đây, dân tộc ta khổ vì nhục mất nước và vì thế mà đã kiên trì, anh dũng đấu tranh để giải phóng dân tộc, thì ngày nay, mọi người dân Việt Nam yêu nước cũng đang day dứt về tình trạng đất nước còn nghèo, đời sống dân ta còn thấp, con em ta chưa được chăm sóc chu đáo, trình độ phát triển kinh tế, văn hóa nước ta còn ở mức thấp so với các nước trên thế giới. Do đó, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, chống bị tụt hậu so với các nước, thực hiện bằng được khẩu hiệu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh” phải trở thành ý chí, thành mục tiêu hành động của mỗi người dân Việt Nam trong thời kỳ mới. Đó chính là "khí phách Việt Nam", "ý chí Việt Nam" trong giai đoạn mới.

60 năm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng và phát triển / *Ban Thời sự tổng hợp. Nguồn Ban TT-VHTW.*

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 MỞ RA KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, nhân dân ta đã làm nên biết bao kỳ tích rất đáng tự hào. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và giành nhiều thắng lợi vẻ vang. Trong những thắng lợi đó, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta, không những có ý nghĩa trọng đại đối với nước ta mà còn có ý nghĩa quốc tế sâu sắc.

Như mọi người đều biết, ngày 6/6/1884 Triều đình nhà Nguyễn phải ký Hiệp ước Patenotre cam chịu đầu hàng, nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.

Trước thảm họa mất nước, khắp nơi nổ ra *những cuộc đấu tranh oanh liệt của nhân dân ta*. Nhưng tất cả những cuộc nổi dậy oanh liệt ấy đều bị chìm trong biển máu. Nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước nói trên đều có quan hệ đến đường lối cứu nước. Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước chỉ được khắc phục từ khi Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cách mạng vô sản và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta.

Ngày 8/2/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước và sau đó, Người đã khấn trương chuẩn bị Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm xác định nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta. Căn cứ vào hoàn cảnh lúc bấy giờ, Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã xác định: "Cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng".

Đây là một sự chuyển hướng chiến lược hết sức sáng suốt của Đảng ta nhằm tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được vào Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để đánh đổ Nhật, Pháp và bè lũ tay sai, giành cho được độc lập dân tộc, tạm gác nhiệm vụ điền địa. Vì "trong

giai đoạn hiện tại ai cũng biết rằng nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được".

Tuy tạm gác cách mạng ruộng đất nhưng Đảng ta vẫn đề ra nhiệm vụ tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày, giảm tô giảm tức, chia lại công điền một cách công bằng hơn.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, Nguyễn Ái Quốc viết thư kêu gọi đồng bào cả nước: "Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng... việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kê vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề".

Để xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, ngày 19-5-1941, Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) được thành lập. Chương trình cứu nước của Việt Minh lập tức được đông đảo nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ. Dưới ngọn cờ cứu nước của Việt Minh, phong trào cách mạng phát triển hết sức nhanh chóng vì đáp ứng được nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân là phải đánh đuổi Nhật - Pháp giành cho được độc lập dân tộc.

Cùng với việc xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng thông qua phong trào Việt Minh, Đảng ta đã chú ý xây dựng lực lượng vũ trang. Tại các nơi có phong trào đã tổ chức ra các đội tự vệ chiến đấu.

Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã quyết định xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng căn cứ địa vũ trang trước hết là căn cứ địa Cao Bằng và căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai tạo ra căn cứ địa Việt Bắc vững chắc làm chỗ dựa cho cách mạng cả nước, tạo điều kiện cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Như vậy lực lượng vũ trang, bán vũ trang của Đảng ra đời ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các chiến khu cách mạng. Đội du kích Ba Tơ ra đời từ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, tiêu biểu cho sự hình thành lực lượng vũ trang cách mạng ở Trung Bộ. Sau khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), nhiều đội tự vệ ra đời ở hầu khắp các thôn xóm.

Cao trào kháng Nhật cứu nước là thời kỳ tiền khởi nghĩa - thời kỳ chuẩn bị khẩn trương về nhiều mặt cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám.

Ngày 13/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh. Tình thế vô cùng khẩn cấp, cơ hội cho nhân dân ta giành độc lập đã tới. Nhờ có sự trù liệu trước nên ngày 13/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương để giải giáp quân Nhật.

Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập. Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa truyền đi như hồi kèn xung trận. Giờ tổng khởi nghĩa đã đến!

Quốc dân Đại hội họp tại Tân Trào (16/8/1945). Đại hội tán thành chủ trương phát động tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào cả nước. Thư viết: "Giờ quyết định cho vận mệnh của dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"

Trong không khí sục sôi cách mạng, toàn dân Việt Nam triệu người như một đứng lên đập tan xiềng xích nô lệ, giành lấy chính quyền làm chủ vận mệnh đất nước.

Sáng ngày 19/8/1945, với khí thế cách mạng sục sôi, cả Hà Nội vùng dậy nhanh chóng giành được chính quyền.

Ở Huế ngày 23/8/1945, rồi ở Sài Gòn ngày 25/8/1945, cuộc khởi nghĩa đã thành công. Như vậy chỉ trong một thời gian ngắn, Cách mạng Tháng Tám đã thành công trong cả nước, chính quyền hoàn toàn về tay nhân dân.

Ngày 2/9/1945, tại Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Tuyên ngôn độc lập*: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Theo lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh toàn dân ta đã đoàn kết một lòng ra sức "chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm". Chiến công nối tiếp chiến công, thắng lợi nối tiếp thắng lợi, vượt qua muôn trùng gian khổ hy sinh, nhân dân ta đã giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành được độc lập, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Tám, 60 năm thành lập nước, chúng ta vô cùng phấn khởi trước thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân ta đạt được trong 20 năm đổi mới. Nhìn lại lịch sử đã qua, chúng ta thấy rõ hơn tầm vóc và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Tại cuộc hội thảo quốc tế với chủ đề "Việt Nam trong thế kỷ XX" được tổ chức tại Hà Nội tháng 9 năm 2000, khi thảo luận về Cách mạng Tháng Tám 1945 và ý nghĩa lịch sử của nó, tiến sĩ Sanomish Dashtsevel (Mông Cổ) nhận định: "Cách mạng Tháng Tám đã tạo điều kiện cho nhân dân Việt Nam làm chủ đất nước, giành được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám còn có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào giải phóng dân tộc và dân chủ ở các nước châu Á và trên thế giới".

Nhà sử học Pháp Charles Fourniau trong báo cáo kết quả thảo luận về Cách mạng Tháng Tám 1945 và ý nghĩa lịch sử của nó tại hội thảo quốc tế này đã đưa ra những kết luận hết sức xác đáng. Về nguyên nhân của thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, ông nói: "Đó là đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, là vai trò của Mặt trận Việt Minh trong việc chuẩn bị lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, là sức mạnh đoàn kết và nghị lực sáng tạo của quần chúng cách mạng. Đặc biệt là vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đã chuyển hướng chỉ đạo giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đồng thời tiến hành từng bước cách mạng phản phong, thu hút được toàn thể các tầng lớp nhân dân đứng vào hàng ngũ của cách mạng".

Về ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Tám 1945, nhà sử học Pháp Fourniau nhấn mạnh: "Riêng ở khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, Cách mạng Tháng Tám đã biểu lộ tinh thần liên kết chống chủ nghĩa phát xít, giải phóng dân tộc. Nó được coi như một tiền đề dẫn đến sự đoàn kết tương trợ lẫn nhau nhằm xây dựng sự phồn vinh của khu vực Đông Nam Á - Thái Bình Dương hiện nay".

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã giành được thắng lợi trong toàn quốc từ Bắc chí Nam trong một thời gian ngắn. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của một cuộc khởi nghĩa chủ yếu bằng sức mạnh chính trị của nhân dân. Sức mạnh của các lực lượng vũ trang giữ một vị trí rất quan trọng làm tăng thêm sức mạnh chính trị và uy hiếp kẻ thù. Sức mạnh chính trị chính là lòng yêu nước, là ý chí và tinh thần cách mạng của nhân dân được tôi luyện qua lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc, đặc biệt là dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 thể hiện phương pháp cách mạng, tài tổ chức đầy mưu lược, tận dụng được thời cơ, vượt qua thách thức, chạy đua với thời gian lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành lấy chính quyền, đứng ở địa vị là chủ của đất nước Việt Nam mà tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật.

Đại hội quốc dân ở Tân Trào đã nhận định: Không phải Nhật bại là nước ta tự nhiên được độc lập. Nhiều sự gay go trở ngại sẽ xảy ra. Chúng ta phải khôn khéo và kiên quyết.

Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính nhân dân hết sức sâu sắc.

Nếu có ai vì chưa hiểu rõ tiến trình chuẩn bị và sự chỉ đạo hết sức tài tình và trí tuệ của Đảng ta mà lại cho rằng, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là "quá dễ dàng", là "xô cánh cửa chính trị khép hờ", là "hứng của ngọt trời cho do thời cơ mang lại" là hoàn toàn sai lầm, là không thấy hết nguồn gốc sâu xa của thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được

trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Nhìn lại cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, chúng ta thấy rõ sự lãnh đạo của Đảng và của Bác Hồ kính yêu là nhân tố quyết định của thắng lợi. Nhân dân ta vừa vui sướng và tự hào kỷ niệm 75 năm thành lập Đảng và sắp tới kỷ niệm 60 năm thành lập nước trong không khí thi đua thành tích chào mừng Đại hội lần thứ X của Đảng.

Trong niềm vui phấn khởi tự hào, nhân dân ta nguyện đoàn kết một lòng, phát huy tinh thần khí phách của Cách mạng Tháng Tám, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hoàn thành nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh./.

Cách mạng tháng Tám 1945 mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội / Theo GS.VS. Nguyễn Duy Quý, Tạp chí Thông tin công tác tư tưởng lý luận tháng 8/2005

HÌNH ẢNH TƯ LIỆU VỀ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Những hình ảnh tư liệu về cuộc Cách mạng tháng 8 - 1945 và những sự kiện nổi bật xung quanh năm 1945. Hình ảnh được sưu tầm trên Tagvn.

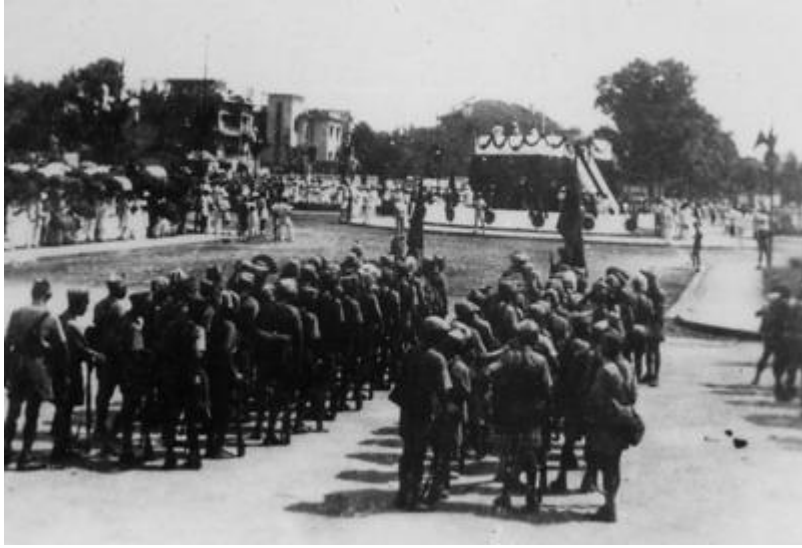


Đình Tân Trào, Sơn Dương (Tuyên Quang) nơi diễn ra Đại hội Quốc dân cử ra Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam (tức chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa), ngày 16-8-1945



Cờ TỔ QUỐC treo tại Đại hội Quốc dân Tân Trào, tháng 8-1945

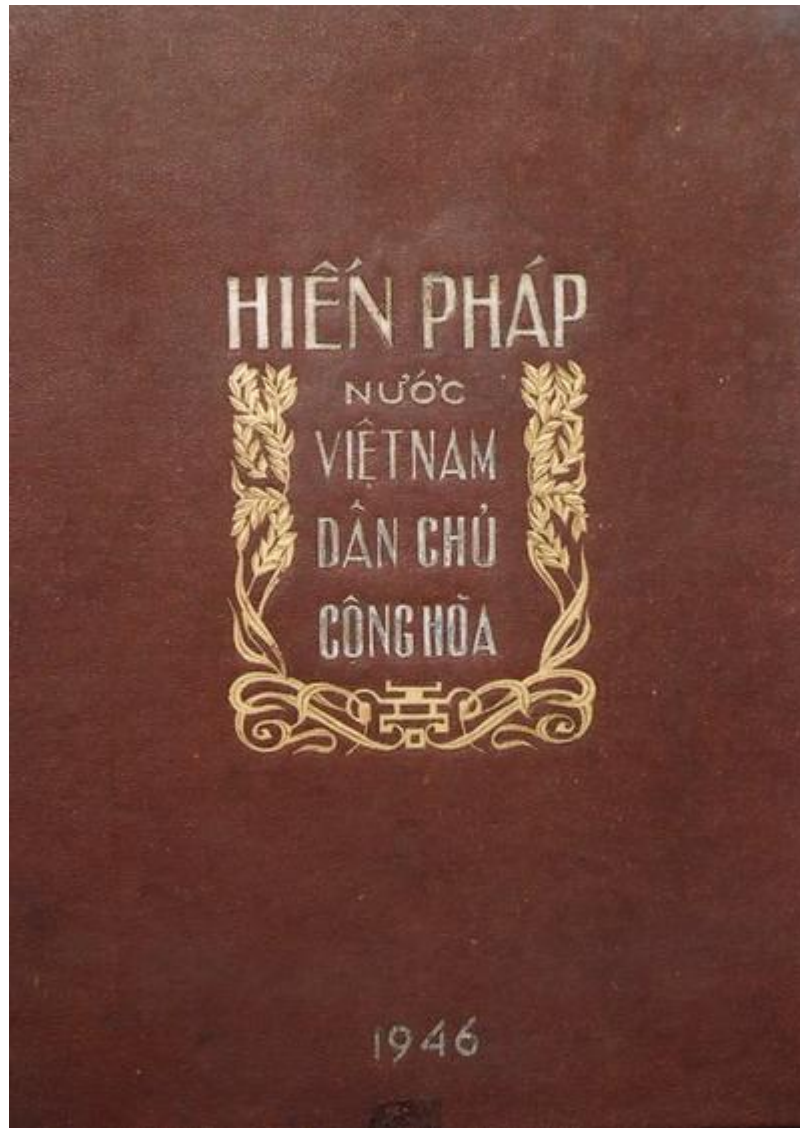




Lễ tuyên ngôn Độc Lập tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội ngày 2-9-1945



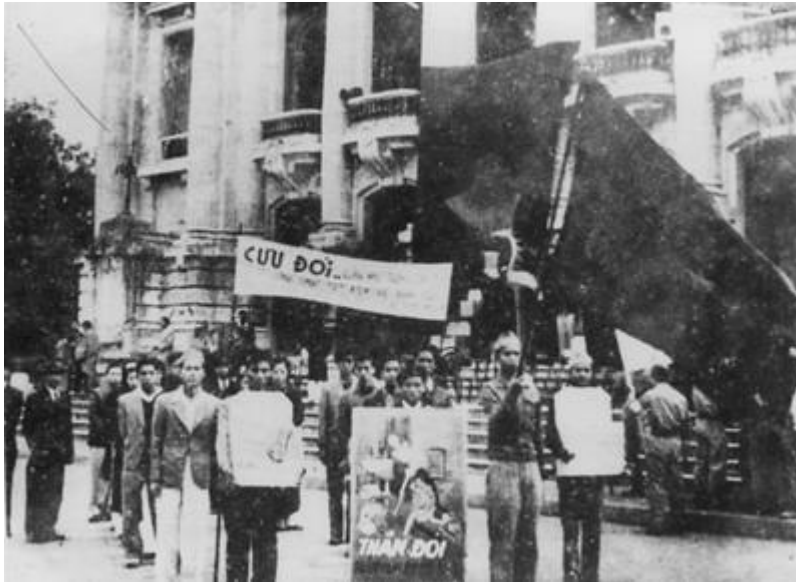
Micro, Chủ tịch HỒ CHÍ MINH đã đọc tuyên ngôn Độc Lập tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội ngày 2-9-1945



Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thông qua tại Kỳ họp thứ Hai Quốc Hội khóa I, ngày 8-11



Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, ngày 3-11-1946



Nhân dân Hà Nội mít tinh tại Nhà Hát Lớn (Hà Nội) trong tuần lễ cứu đói, tháng 11-1945



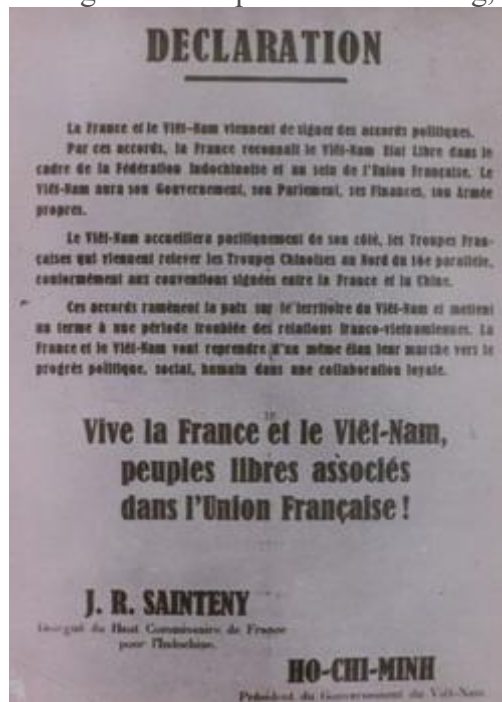
Nhân dân phố Hà Trung (Hà Nội) tham gia diễu hành cổ động phong trào diệt giặc đói, ngày 6-12-1945



Quân Anh đến Sài Gòn, tháng 9 năm 1945



Quân đội Trung Hoa Dân quốc đến Hải Phòng, năm 1945



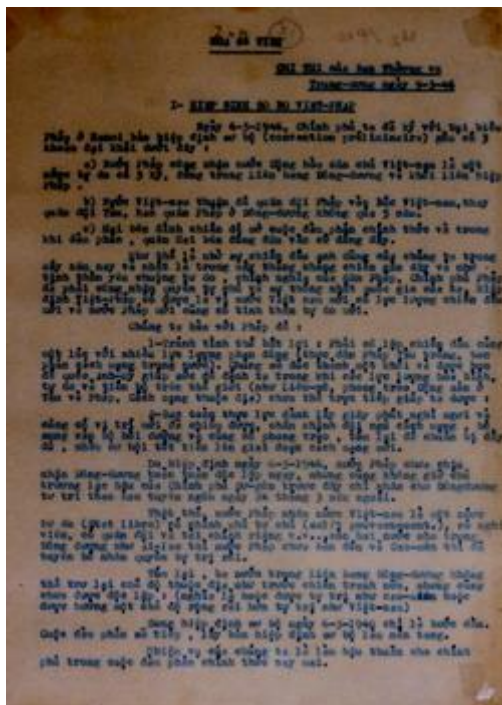
Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946



Chủ tịch HỒ CHÍ MINH tại sân bay "Le Bourget", Paris (Pháp), năm 1946



Trưởng đoàn đại biểu nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa PHẠM VĂN ĐỒNG phát biểu tại Hội nghị Phông-ten-nơ-bờ-lờ (Pháp), ngày 6-7-1946



Chỉ thị "Hòa để tiến" của Ban thường vụ Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương, ngày 9-3-1946





Hình ảnh tư liệu về cách mạng tháng Tám năm 1945 / Nguồn: <http://www.tagvn.com>

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM DƯỚI GÓC NHÌN CỦA HAI SỬ GIA PHƯƠNG TÂY

Lên án cuộc chiến tại Việt Nam ngay thời điểm cao điểm của chiến tranh Pháp - Việt, sử gia người Pháp Phillip Devillers biểu hiện một hành động dũng cảm và sáng suốt.

Còn với sử gia David Marr, người Mỹ, tác phẩm Việt Nam 1945 của ông xuất bản lần đầu năm 1995 có thể coi là công trình nghiên cứu sử học chi tiết nhất về Cách mạng 1945 của nước ngoài.

1. Phillip Devillers, người Pháp

Ông là một trong những sử gia phương Tây có cái nhìn sớm nhất và đúng đắn nhất về Cách mạng tháng Tám Việt Nam. Tôi quen ông từ những năm 80, qua một bà bạn chung là nhà thơ nữ Françoise Corréze. Lần cuối cùng, tôi gặp ông ở Paris vào năm 1997, nhân ngày Quốc tế Pháp ngữ. Chúng tôi cùng được mời nói chuyện một buổi. Ông nói về lịch sử hiện đại Việt Nam và tôi nói về văn hóa Việt Nam. Ông người cao, xương xương, điềm tĩnh, nói



Những ngày tháng 8/1945 tại Hà Nội - Nguồn ảnh: Bản tin ĐH Quốc Gia

Cuốn Lịch sử Việt Nam (từ 1940-1952) của ông ra năm 1952, biểu lộ một hành động dũng cảm và sáng suốt, vì lúc đó là cao điểm cuộc chiến tranh Pháp - Việt, ông đã lên án một cuộc chiến sai lầm, điều mà mấy chục năm sau ông chứng minh bằng tư liệu chặt chẽ trong cuốn Paris - Sài Gòn - Hà Nội.

Ông có mặt ở Việt Nam ngay từ khi tướng Leclerc đổ bộ, nên có thể coi ông là một nhân chứng lịch sử. Về Cách mạng Tháng Tám và Việt Minh, ông nhận định:

"Cuộc Cách mạng không phải là sự bùng nổ. Nó là kết quả cuối cùng của sự thâm lọc, điểm nút logic của sự thâm nhập Việt Minh vào tất cả các lĩnh vực quốc gia. Chỉ có một sự tụ hội kỳ lạ các điều kiện mới khiến cho cách mạng thực hiện được.

Việt Nhật lật đổ Pháp đã thay đổi các dữ kiện của vấn đề một cách cơ bản. Cho đến lúc đó, Việt Minh không có cơ may gì hơn Việt Nam Quốc dân đảng (1930) và Đảng Cộng sản Đông Dương (1931) để thắng được cấu trúc mạnh mẽ của Pháp... Bạo lực của Nhật mở ra cho Việt Minh triển vọng mới, do sự phá hủy mọi quyền lực trong nước nhờ vào tình trạng vô chính phủ chung...

Ngày 6/8, trái bom Hiroshima nổ tung. Ngày 10/8, Hồ Chủ tịch ra lệnh Tổng khởi nghĩa. Sau Cách mạng, nhờ sự hội tụ kỳ lạ các điều kiện, Việt Minh đã chiếm được một số vị trí chính trị và tâm lý tuyệt vời".

2. David Marr, người Mỹ

Tác phẩm Việt Nam 1945 của ông xuất bản lần đầu năm 1995 có thể coi là công trình nghiên cứu sử học chi tiết nhất về Cách mạng 1945 của nước ngoài. "Hết sức chi tiết và khách quan, đây là một sự kiện thiết yếu để hiểu nguồn gốc sự dính líu của Mỹ và Việt Nam".

David Marr là giáo sư Trường đại học Quốc gia Australia. Tuy lâu lâu mới gặp, tôi có dịp cộng tác với ông trong nhiều năm để thực hiện một dự án của Quỹ Ford: Chọn 10 cuốn **sách** về khoa học xã hội và nhân văn điển hình nhất của phương Tây để dịch và xuất bản cho giới nghiên cứu ở Việt Nam. (Hội đồng tư vấn gồm có David Marr, Phan Huy Lê, Lương Văn Hy, Việt Phương, Hữu Ngọc). Ông Marr đáng người nho nhã, nói năng từ tốn. Ông có bà vợ người Việt, ông nói tiếng Việt giỏi.

Trước khi viết cuốn Việt Nam 1945, ông đã viết Sự chống chủ nghĩa thực dân của Việt Nam (1971) và Truyền thống Việt Nam bị xét xử (1981).

Cuốn Việt Nam 1945 là 13 năm lao động trí óc bèn bì. Ông Marr đã đi tìm tư liệu ở Mỹ, Pháp, Australia, Việt Nam và ông dệt một bức thảm lịch sử, kết hợp tất cả các nguồn thuộc các đối tác lịch sử khác nhau để đi đến một sự khách quan có thể có được.

Shawn McHale đánh giá cuốn sách là cái nhìn đầy đủ nhất về một trong những năm quan trọng nhất của lịch sử Việt Nam, một cột mốc của sự nghiên cứu Việt Nam, ông cho đây là một cuốn sách tham khảo mẫu mực cho một thời gian dài.

-----Cách mạng tháng Tám dưới góc nhìn của hai sử gia Phương Tây / Theo bee.net.vn

TINH THẦN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM CỎ VŨ CHÚNG TA VƯỢT QUA KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC

Đúng vào ngày này, cách đây 64 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, cả dân tộc ta, triệu triệu người như một đã nhất tề vùng dậy tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, lập nên Nhà nước công-nông đầu tiên ở Đông-Nam-Á, đưa nước ta từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến thành một nước độc lập; đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ lầm than thành người làm chủ giang sơn gấm vóc. Để bảo vệ nền độc lập tự do ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, cả dân tộc đã biến lòng yêu nước nồng nàn, ý chí quật cường, bất khuất thành sức mạnh vô địch, để bảo vệ chính quyền Cách Mạng còn non trẻ, vượt qua cơn phong ba bão táp “ngàn cân treo sợi tóc”. Kế liền ngay sau đó tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ, anh dũng đánh thắng các thế lực ngoại xâm hùng mạnh, giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước, giang sơn thu về một mối vào mùa xuân 1975, đưa cả nước đi lên con đường XHCN.

Trên chặng đường tiến lên xây dựng XHCN, chúng ta gặp không ít khó khăn và thách thức nhưng tinh thần Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 đã góp phần cổ vũ dân tộc ta vượt lên tất cả, giành được những thành tựu kỳ diệu trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá-xã hội, an ninh-quốc phòng. Từ một nước, mỗi năm phải nhập khẩu hàng triệu tấn lương thực, đến nay chúng ta chẳng những tự chủ, giữ vững được an ninh lương thực trong nhiều năm liền mà còn có sản lượng lương thực xuất khẩu đứng vào thứ ba thế giới. Năm 2008, trong điều kiện nhiều nước trên thế giới bị khủng hoảng tài chính, kinh tế nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta vẫn được duy trì ở mức 6,23%. Khi mới ra đời (1945), nước ta chỉ có hơn 25 triệu “con Lạc, cháu Hồng”, sau hơn sáu thập kỷ, dân số nước ta vươn lên là nước đông dân thứ ba ở Đông-Nam-Á (sau In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin) và đứng thứ 13 trong số những nước đông dân nhất thế giới với số dân gần 86 triệu người. Từ thực tế cho thấy, đất nước ta ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình kinh tế thế giới vẫn diễn biến hết sức phức tạp theo chiều hướng suy giảm, htrương mại và đầu tư bị thu hẹp, tình trạng thua lỗ, phá sản của nhiều tổ chức tài chính vẫn trầm trọng. Mặc dù một số quốc gia, đặc biệt là một số nền kinh tế lớn đã đưa ra nhiều biện pháp, ngăn chặn, song vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất lợi, khó lường trong nước và chưa có dấu hiệu phục hồi trở lại. Ở trong nước do tác động của suy thoái kinh tế thế giới, các hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, đầu tư, giải quyết việc làm, thu ngân sách...gặp nhiều khó khăn.

Vượt qua những khó khăn, thách thức do tác động xấu của nền kinh tế thế giới và do những hạn chế của nền kinh tế đất nước và do tác động của thiên tai dịch bệnh, nhất là cúm A (H1N1) đang có nguy cơ bùng phát và lan rộng ra cộng đồng; nhờ có sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực quyết tâm của các cấp, các ngành của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp nền kinh tế nước ta, trong hơn bảy tháng qua đã đạt được một số kết quả tích cực. Những khó khăn về sản xuất, việc làm, đời sống của nhân dân đang từng bước được tháo gỡ. Nhóm giải pháp tài chính và nhóm giải pháp kích cầu được đưa ra kịp thời bước đầu có tác động tích cực. Tốc độ tăng GDP sáu tháng đầu năm 2009 đạt 4,1%; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát tiếp tục được kiềm chế, các cân đối cơ bản được giữ vững, sản xuất nông nghiệp phát triển thuận lợi, sản xuất công nghiệp và xây dựng bảy tháng đầu tăng dần qua các tháng; cán cân thương mại và thanh toán đã cân bằng ở mức thặng dư; các loại thị trường đang dần hồi phục. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy thoái, nhiều nước tăng trưởng âm, thì những kết quả đạt được của nước ta như vậy là rất đáng khích lệ. Tuy nhiên chúng ta cũng không lạc quan quá mức vì hầu hết các kết quả đạt được bảy tháng qua đều thấp so với kế hoạch và so với cùng kỳ nhiều năm trước. Việc giải ngân của nhiều dự án còn chậm, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống nhân dân ở nhiều nơi nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Dự báo từ nay đến cuối năm 2009, tình hình kinh tế thế giới còn diễn biến phức tạp. Những khó khăn, yếu kém trong nước và những tác động tiêu cực từ sự suy giảm kinh tế toàn cầu còn tác động rất lớn đến việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội nước ta, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta chung sức, chung lòng phát huy truyền thống Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, đặc biệt là kết quả cuộc vận động “ Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” vào giải quyết những nhiệm vụ đang đặt ra đối với đất nước. Trong thời gian vừa qua, Cuộc vận động “ Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đã tạo được những chuyển biến về nhận thức, ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cán bộ, đảng viên và nhân dân. Việc làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ đã đạt được những kết quả bước đầu. Công tác xây dựng Đảng được triển khai tương đối đồng bộ, mang lại kết quả trên một số mặt. Công tác kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật trong đảng được tăng cường, chất lượng hiệu quả được nâng lên. Phương thức lãnh đạo của Đảng được đổi mới.

Trong những ngày này, chúng ta bồi hồi tưởng nhớ tới Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Người đã chỉ đạo và tổ chức làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công. Người đã sáng lập, tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta. Tiến tới kỷ niệm 40 năm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người, chúng ta phát huy truyền thống và tinh thần Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2-9, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đề tư tưởng và tấm gương đạo đức của Bác thấm sâu và sáng mãi trong nhận thức của mỗi người, trở thành hành động thường xuyên, hằng ngày trong rèn luyện, tu dưỡng của từng đảng viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

Tự hào về ngày Cách mạng Tháng Tám và ngày Quốc khánh 2-9, tự hào vì có Đảng, Bác Hồ quang vinh, chúng ta nguyện đoàn kết một lòng, phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, thiếu sót vượt qua mọi khó khăn, thử thách đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đưa đất nước sớm thực hiện được mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh

Tinh thần cách mạng tháng Tám cổ vũ chúng ta vượt qua khó khăn và thách thức / Nguồn ĐCSVN

ĐƯỜNG BÁC HỒ CHÚNG TA ĐI

Chuyến đi vào Nam theo chỉ thị của Bác Từ Cao Bằng, chúng tôi về Tuyên Quang. Đến Tuyên Quang, tôi họp đoàn lại, tuyên bố giải tán vì đã làm xong nhiệm vụ. Các anh trong đoàn đi mỗi người một nơi nhận nhiệm vụ mới. Tôi tìm gặp anh Trường Chinh để báo cáo kết quả chuyến đi.

Anh Nguyễn Lương Bằng cũng có mặt trong buổi gặp. Thấy tôi trở về mạnh khoẻ và làm tròn nhiệm vụ, các anh rất mừng. Sau đó, một trận ốm nặng đã làm tôi tương như đến lúc gần đất xa trời. Khi Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc ở Tân Trào, Tuyên Quang, ngày 13-8-1945, tôi vẫn còn rất mệt, nên không dự được. Đến khi Đại hội quốc dân họp cũng ở Tân Trào, ngày 16-8-1945, tôi mới đỡ mệt và đến dự vào chiều ngày 16. Sau lần gặp chúng tôi ở Cao Bằng, Bác thu xếp công việc và cũng về ngay Tuyên Quang vào khoảng nửa cuối tháng 5-1945. Đất nước và cách mạng lúc này có những biến đổi hàng ngày, hàng giờ. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ngày 8-8-1945, Liên Xô mở trận đánh lớn tiêu diệt đội quân tinh nhuệ của Nhật ở Liêu Ninh, Cát Lâm và Hắc Long Giang, ba tỉnh phía đông Trung Quốc, ngày 15-8-1945, Nhật đầu hàng Liên Xô và các nước đồng minh không điều kiện. Sự thất bại của quân Nhật ở Trung Quốc trước sức tiến công như vũ bão của quân đội Liên Xô, làm cho quân Nhật ở Đông Dương rã rời tay súng. Chính phủ bù nhìn thân Nhật Trần Trọng Kim bị tê liệt. Rõ ràng thời cơ đang đến, vận hội của dân tộc đang đến. Đây chính là lúc chúng ta có thể đẩy cao trào cách mạng lên cao. Đây là lúc giao điểm của sự gặp gỡ giữa thời đại và dân tộc. Bác là người nắm vững xu thế phát triển của thời đại, lại dựa trên cái nền vững chắc của dân tộc, tạo thành cơ hội giành độc lập, tự do. Một lần nữa, tôi lại được gặp Bác tại Đại hội quốc dân. Lúc ấy, Bác cũng vừa qua cơn ốm nặng, trông khí sắc của Bác có phần yếu hơn trước. Riêng đôi mắt vẫn rực sáng như xưa. Tại Đại hội, có người hát rằng: "Gươm đâu, súng đâu, thời cơ đang đến". Bác liền nói: "Lúc này mà còn hỏi "gươm đâu, súng đâu" là chậm. Nói "thời cơ đang đến" cũng là chậm. Và Bác đề nghị sửa lại là: "Gươm đây, súng đây, thời cơ đã đến". Lời Bác đâu phải chuyện chữ nghĩa bình thường, mà chính là tư tưởng thiên tài của lãnh tụ trong nghệ thuật nắm bắt thời cơ. Theo đề nghị của Bác, Đại hội nhất trí thông qua "lo chính sách lớn của Việt Minh", lệnh "Tổng khởi nghĩa" lấy lá cờ nên đỏ sao vàng năm cánh làm quốc kỳ và chọn bài "Tiến quân ca" làm quốc ca. Đại hội bầu "Ủy ban dân tộc giải phóng Trung ương", tức "Chính phủ lâm thời" do Bác làm Chủ tịch. Trong không khí sôi động của thời cơ "nghìn năm có một", Bác kịp thời viết thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Nghe theo lời kêu gọi của Bác, hơn hai mươi triệu đồng bào cả nước hành quân vào trận, làm cuộc tổng khởi nghĩa oanh liệt, vang dậy đất nước. Đại hội quốc dân kết thúc. Bác và Trung ương chuẩn bị về Thủ đô, trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá của cả nước, trực tiếp chỉ đạo cao trào cách mạng. Sau khi bế mạc Đại hội, Bác triệu tập anh Trường Chinh, anh Nguyễn Lương Bằng và tôi đến, nói rằng cần cử ngay vài đồng chí thay mặt Trung ương và Tổng bộ Việt Minh vào Nam Bộ gấp để chỉ đạo và kiểm tra việc khởi nghĩa giành chính quyền. Bác đề nghị chúng tôi tiến cử người phụ trách. Anh Trường Chinh và anh Nguyễn Lương Bằng đều nhất trí tiến cử tôi vì tôi đã mấy lần đi lại trong Nam, quen biết đồng bào, đồng chí và thông thuộc đường sá. Bác mừng lắm, nói rằng: "Chú Việt đi nhé!". Tôi thưa với Bác: "Vâng!". Bác căn dặn tôi: "Chú có thể chọn thêm vài người cùng đi. Cố gắng có mặt ở Nam Bộ sớm ngày nào hay ngày ấy. Nhớ cần thực hiện chính sách đoàn kết của Mặt trận Việt Minh cho tốt. Cần tranh thủ tuyên truyền chính sách của Mặt trận để đồng bào Nam Bộ rõ. Trên đường đi, sẽ gặp nhiều sự biến, tùy cơ ứng biến, hết sức linh hoạt nhưng phải giữ vững nguyên tắc. Cho Bác gửi lời thăm hỏi đồng bào ta ở trong Nam". Bác nói có ngần ấy lời, song thực chất là một chỉ thị quan trọng. Trên đường về, tôi nghĩ ngay đến anh Phan Thềm (tức Cao Hồng Lĩnh, người dân Nam Bộ gọi anh là Lãnh), bởi anh là người nhanh nhẹn, gầy nhưng khoẻ. Quê anh ở Hội An, tỉnh Quảng Nam, thông thạo đường sá trong Nam. Tháng 7-1945, anh đã cùng anh Bùi Lâm, đặc phái viên của Trung ương vào Sài Gòn hướng dẫn việc bầu cử đại

biểu đi dự Hội nghị Tân Trào cho nên nắm được tình hình trong ấy. Anh trải qua nhiều năm làm công tác trong Mặt trận Việt Minh, nói thạo tiếng Trung Quốc, nên ngoài nhiệm vụ chính, còn có thể vận động bà con Hoa kiều. Vì vậy, việc chọn anh đi cũng là phù hợp. Tôi báo cáo với Bác, Bác rất vui lòng. Được Bác chuẩn y, tôi đi tìm anh Lĩnh. Nghe tôi nói ý định của Bác muốn cử đặc phái viên của Trung ương và Mặt trận Việt Minh vào trong Nam, anh Lĩnh vui lắm. Niềm vui của anh lộ trên nét mặt. Anh nói: "Còn vinh dự nào bằng". Chúng tôi gấp rút chuẩn bị hành lý. Gọi là hành lý, chứ thực ra tôi chỉ mang theo một bộ quần áo tàng tàng. Anh Lĩnh mang theo bộ quần áo xanh của anh Lê Hồng Phong mà anh còn giữ được. Rồi Tuyên Quang ngày 17-8-1945 chúng tôi đi bộ về Thái Nguyên, và từ Thái Nguyên, đi thuyền dọc theo sông Cầu về xuôi. Năm 1945, nước các triền sông lên to, ngập tràn các bãi. Nhiều đoạn đê bị vỡ. Những trận mưa bão làm ngập chìm hàng vạn mẫu ruộng. Thuyền về tới Bắc Ninh, nước càng dâng cao. Gió to làm thuyền trông chông chênh, nhiều lúc như muốn lật úp xuống. Tới Yên Viên, thấy không khí khởi nghĩa đang dấy lên trong nhân dân. Một chiếc ô tô cổ động cắm lá cờ đỏ sao vàng, mấy người ngồi trong xe hát bài "Diệt phát xít" nghe mà hùng hực khí thế nổi dậy. Bài hát vừa dứt, một người giương chiếc loa lên nói lớn: "Lực lượng khởi nghĩa do Việt Minh lãnh đạo, chiều nay đã làm chủ Hà Nội...". Nghe tin ấy, chúng tôi vui mừng đến phát khóc. Tôi và anh Lĩnh lên bờ, chạy đến chỗ chiếc xe đang đỗ để hỏi thêm tin tức. Vừa nhìn vào trong xe, thấy ngay anh Cù Huy Cận. Mấy hôm trước, tôi gặp anh ở Đại hội quốc dân, nay anh cùng chúng tôi có mặt ở Hà Nội, chỉ huy chiếc xe tuyên truyền. Anh Cận cho chúng tôi biết tình hình tiến triển rất tốt. Dân tình phấn khởi. Khí thế xung trời. Chúng tôi leo ngay lên xe tuyên truyền của các anh vào Hà Nội. Càng tiến sâu vào trong lòng Hà Nội, càng thấy sức sống của ngày hội cách mạng. Ở đầu phố Gia Lâm thấy những tự vệ nữ và nam, tay cầm mã tấu đứng gác, trông oai nghiêm lắm. Từng đoàn xe đạp cắm cờ Tổ quốc nối đuôi nhau đi diễu hành trên các đường phố. Chốc chốc lại có một chiếc ô tô trên mui cắm cờ đỏ sao vàng đi quanh các phố lớn để cổ động. Những người không có xe thì đi bộ để dán những khẩu hiệu trên tường phố. Rồi truyền đơn rải ra như bướm bướm trên các bến xe, bến tàu, quanh hồ Gươm... Quang cảnh đó báo hiệu rằng cơn bão táp cách mạng vừa ập rất nhanh vào Hà Nội. Anh Cận đưa chúng tôi đến trụ sở Ủy ban khởi nghĩa Hà Nội. Tại đây, chúng tôi đã gặp anh Nguyễn Khang, người chỉ huy cuộc khởi nghĩa. Anh Khang cho biết từ sáng đến giờ, công việc ngập đầu ngập cổ. Nhiều anh em quên cả ăn uống. Anh thông báo một tin quan trọng: Trưa nay (tức ngày 19-8-1945), hơn 10 vạn nhân dân đã tập trung trước cửa Nhà hát lớn thành phố dự cuộc mít tinh lớn, tràn vào chiếm Bắc Bộ Phủ, toà thị chính, trại bảo an binh... quân và dân ta đi tới đâu thắng lợi tới đó. Quân thù tới ngày tận số, chưa đánh đã gục. Anh Khang cho tôi biết những công việc sắp tới cần làm, trong đó có bản dự kiến danh sách các thành viên trong Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Bắc Bộ và các thành viên trong Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Hà Nội. Tôi và anh Khang trao đổi cụ thể về một số biện pháp cần thực hiện gấp để chuẩn bị đón Bác và Trung ương về thủ đô. Rồi khỏi Ủy ban khởi nghĩa, chúng tôi đi bộ trên các đường phố Hà Nội để được tận mắt chứng kiến những thành quả mà nhân dân ta đã giành được trong cách mạng. Đêm 19-8-1945, nằm trong lòng Hà Nội, tôi không sao chợp được mắt. Trong đầu óc tôi hiện lên hình ảnh của một cuộc cách mạng vĩ đại vừa xảy ra trên mảnh đất Việt Nam đói khổ. Tôi hình dung Cách mạng tháng Tám thắng lợi là do thời đại báo động giờ cáo chung của bọn phát xít đã đến. Đảng ta có đường lối khởi nghĩa đúng đắn vạch ra từ Hội nghị Trung ương, tháng 5-1941, xây dựng lực lượng cách mạng ở cả thành thị và nông thôn, lập mặt trận dân tộc thống nhất vững chắc và rộng rãi trong cả nước. Đảng ta biết kiến tạo thời cơ, chủ động chớp thời cơ, giữ vững nguyên tắc chỉ đạo chiến lược và linh hoạt khôn khéo chỉ đạo chiến thuật. Thắng lợi là thế. Nhưng sự nghiệp cách mạng còn gian khổ. Với chúng tôi, chuyến đi vào Nam lần này sẽ đầy sóng gió. Sáng hôm sau, tôi dậy sớm gặp anh Lĩnh bàn về phương tiện đi. Cả hai chúng tôi đều cố gắng chạy xuôi chạy ngược để tìm xe, nhưng vẫn chưa kết quả. Riêng tôi, ngoài việc tìm xe, còn tìm mọi cách để dò hỏi xem Bác đã về Hà Nội chưa? Còn các anh trong Thường vụ Trung ương? Tôi tìm đến anh Nguyễn Khang để hỏi. Anh Khang đưa tôi đến gặp anh Nguyễn Lương Bằng. Anh Bằng đưa tôi đến gặp anh Trường Chinh. Thật bất ngờ, chúng tôi lại được gặp nhau giữa lòng Hà Nội. Anh Trường Chinh cùng chúng tôi trao đổi việc cử người vào Huế nhận sự thoái vị của vua

Bảo Đại. Các anh cho biết, Bác chưa về đến Hà Nội. Vì vậy việc này cần bàn bạc tập thể trong Thường vụ xem cử ai đi. Anh Trường Chinh và tôi đều thống nhất cử anh Nguyễn Lương Bằng, anh Trần Huy Liệu và anh Cù Huy Cận. Anh Bằng kiến nghị cử anh Liệu làm trưởng đoàn. Chúng tôi đồng ý, nhưng đề nghị anh Bằng lãnh đạo bên trong. Hôm sau vào ngày 20-8-1945, chúng tôi nhận được tin Bác đã vào nội thành Hà Nội. Anh Trường Chinh đưa Bác đến nhà số 48 phố Hàng Ngang. Ngay hôm ấy, Bác triệu tập và chủ tọa phiên họp của Thường vụ Trung ương Đảng. Sau khi nghe anh Trường Chinh báo cáo và chúng tôi bổ sung, Bác hoàn toàn nhất trí với chủ trương của Thường vụ về những vấn đề đối nội và đối ngoại trong tình hình mới. Bác nói đại ý: Cần sớm công bố danh sách của Chính phủ, mở rộng hơn nữa thành phần của Chính phủ, quyết định ra Tuyên ngôn độc lập. Tôi nhớ số thành viên trong Chính phủ lâm thời do Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào, ngày 16-8-1945, bầu ra, gồm 5 người. Nhưng khi về Hà Nội số thành viên lên tới 7 người, trong đó bao gồm cả những nhân sĩ, trí thức như cụ Nguyễn Văn Tố, anh Nguyễn Mạnh Hà. Họp xong, tôi và anh Nguyễn Lương Bằng trao đổi riêng về chuyến đi vào Trung Bộ và Nam Bộ. Anh Bằng cho biết đoàn của anh đã lo được xe và sẽ lên đường vào ngày mai (tức ngày 27-8-1945). Thấy anh nói vậy, tôi càng nóng ruột. Hồi ấy, kiếm được chiếc xe đi đường ngắn đã là khó. Nay lại kiếm xe đi suốt từ Hà Nội vào Sài Gòn (cũng có thể sẽ vào tận Cà Mau) càng khó hơn. Anh Bằng gợi ý cho tôi có thể đến toà thị chính liên hệ xem. Nghe theo lời anh, sáng 27-8-1945, chúng tôi quyết định đến Toà thị chính. Hôm ấy, Hà Nội dậy sớm. Trên đường phố ngòm ngợp người, xe. Từng đoàn tự vệ vũ trang đi lại rầm rập. Tới vườn hoa cạnh nhà Buu điện bờ Hồ thấy một chiếc xe ô tô con kiểu Rônôn đang đỗ tại đó. Trong xe, người lái đang ngửa đầu vào thành ghế ngủ. Thấy xe phủ đầy bụi, tôi đoán xe đi đường dài, bàn với anh Lĩnh phải bám xe bằng được. Tôi gõ gõ vào thành xe, đánh thức người lái xe dậy, hỏi xem xe đi đâu. Người lái xe nói sắp về Sài Gòn, nhưng trước mắt chưa có xăng. Tôi bảo anh ta rằng, nếu chạy được xăng, cho chúng tôi cùng vào Nam. Người lái xe đồng ý. Thế là chúng tôi vừa đi vừa chạy vào Toà thị chính liên hệ xin xăng. Sau khi trình bày, các anh trong Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Hà Nội sốt sắng đã gọi mấy đồng chí tự vệ vào nhà chứa xăng khuân ra cho chúng tôi mấy thùng. Khi vừa mang xăng ra xe, bỗng một chị cán bộ cùng một người đàn ông đeo xác cốt chạy đến. Tưởng ai hoá ra chị Nguyễn Thị Thập. Chị Thập là một cán bộ lẫn lộn trong phong trào gây dựng cơ sở cách mạng ở Nam Bộ, được cử đi dự Hội nghị Tân Trào. Song rất tiếc, khi ra tới nơi, Hội nghị đã họp xong. Chị chỉ còn lĩnh hội kiến của Trung ương, rồi nhanh chóng thu xếp công việc để về Nam, vì nghe tin trong ấy nhiều tỉnh đã giành được chính quyền. Đây là lần đầu tiên tôi gặp chị. Nhưng anh Lĩnh đã gặp chị hồi tháng 7-1945 ở Nam Bộ. Còn người thanh niên cùng đi với chị Thập là đại biểu giáo phái Nam Bộ ra dự Đại hội quốc dân Tân Trào. Chúng tôi trao đổi nhiều vấn đề và đều thấy sự cần thiết cấp tốc về Nam. Chị rất vui vẻ cho chúng tôi đi nhờ xe. Chị nói: "Có các anh đi, chúng tôi càng yên tâm". Xe rời Hà Nội vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 27-8-1945 qua Hàng Gai, Hàng Bông, xuyên qua đường Cửa Nam, rẽ sang Hàng Lọng, rồi cứ thế theo quốc lộ 1 mà đi. Ngồi trong xe, tôi lại nhớ tới Bác, nhớ tới những hình ảnh nhân dân Hà Nội trong ngày khởi nghĩa. Chắc giờ này, Bác đang ngồi soạn thảo "Tuyên ngôn độc lập", bố cáo nước Việt Nam độc lập, thống nhất, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á ra đời. Khi cách mạng trở thành ngày hội, có biết bao công việc bộn bề. Chúng tôi đang mở hết tốc lực chạy nhanh về phía trước, nguyện là những cánh tay vững chắc biến những tư tưởng của Bác và của Đảng thành hiện thực sinh động trên đất nước ta. Chúng tôi hiểu rằng, lúc này đây, tuy nước nhà đã độc lập, nhưng nền độc lập ấy chưa được củng cố. Trên mảnh đất này, đang còn nhiều kẻ thù. Chúng lăm le, luồn lách vào mọi sơ hở để chiếm lại phần đất mà trước đó chúng ta đã chiếm. Trong cuộc đọ sức này, nếu không nhanh chân, chúng ta không thể chiến thắng. Khi xe tới khu vực Văn Điển, chúng tôi thấy nước lụt ngập tràn đường. Rõ ràng, thiên tai và địch hoạ đang đe dọa dân tộc ta. Hình ảnh các chiến sĩ tự vệ nhăm nhăm cầm mã tấu, xắn quần cao, lội nước làm nhiệm vụ để lại trong ký ức tôi niềm xúc động sâu sắc. Họ ra hiệu cho xe chúng tôi dừng lại để kiểm soát. Chị Thập thấy vậy bảo tôi: "Cũng may gặp anh mang đầy đủ giấy tờ, bằng không thì tôi chưa chắc đã vô được trong Nam". Anh Bằng bao giờ cũng chu đáo. Anh lo cho chúng tôi đầy đủ giấy tờ của Tổng bộ Việt Minh ngay từ khi chúng tôi còn ở Tân Trào. Người lái xe rất tốt. Bị

hãm xe lại kiểm soát liên tục, vậy mà anh vẫn vui vẻ, không một lời kêu ca. Những đoạn đường nào không có người kiểm soát, anh lại phóng với tốc độ rất nhanh để bù lại thời gian "chết" khi xe dừng lại kiểm soát. Thực hiện phương châm "lấy nhanh bù chậm", xe chở chúng tôi đi cũng không đến nổi nào. Thường Tín, Đông Văn, Phủ Lý... xe lần lượt băng qua. Đến thị xã Phủ Lý, thấy hai bên đường dân quân tự vệ đi lại rầm rập, làm dậy lên không khí chiến đấu. Tôi được biết ngày 19-8-1945, khởi nghĩa nổ ra thắng lợi ở nhiều xã thuộc các huyện Kim Bảng, Duy Tiên, Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm của tỉnh Hà Nam. Tiếp đó là ngày 20-8-1945, khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trong cả ba huyện Duy Tiên, Lý Nhân và Kim Bảng. Là uỷ viên Thường vụ Trung ương, tôi vô cùng xúc động khi thấy khí thế hào hùng của nhân dân Hà Nam trong những giờ phút lịch sử này. Thành phố Nam Định đây rồi. Khi thế cách mạng mới háo hức làm sao! Trên đường phố, người đi lại nườm nượp. Tiếng xì xầm, tiếng gọi nhau, thỉnh thoảng lại có tiếng nổ đi đệt. Xe đi tới Cổng Hậu, một hồi còi vang lên, báo hiệu dừng lại. Từ phía góc đường, một nữ tự vệ người mập mạp, đeo kiếm chạy ra hỏi giấy. Tôi trình giấy tờ. Chị tự vệ xem giấy gật đầu. Nhìn mui xe cắm cờ đỏ sao vàng, chị mỉm cười, rồi vẫy tay ra hiệu cho anh thanh niên ở trụ sở gần đây. Anh thanh niên chạy ra. Hai người thì thâm trao đổi. Anh thanh niên lên xe đưa chúng tôi đến trụ sở Việt Minh, một dinh thự toà sứ mà ta vừa chiếm được ở trước vườn hoa Tập Kèn. Các anh Đặng Châu Tuệ, Chủ tịch, Hà Kế Tấn, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định và nhiều đồng chí khác đã thân mật tiếp đón chúng tôi, thông báo cho biết, ngay từ ngày 17-8-1945, nhân dân huyện Trực Ninh đã tiến vào huyện đường. Hôm sau, tự vệ có vũ trang đánh chiếm huyện lỵ Nam Trực, phá kho thóc của Nhật, chia cho dân. Ngày 19-8-1945, hàng nghìn nhân dân lao động thành phố tay cầm cờ, trương biểu ngữ " ủng hộ Việt Minh", hùng dũng kéo đến Sở hiến binh Nhật, đòi chúng phải thả hết tù chính trị đang bị giam giữ tại nhà lao thành phố. Bọn Nhật hoảng sợ, phải đáp ứng yêu cầu này. Hầu hết anh em tù chính trị được thả. Họ hoà mình vào làn sóng đấu tranh của nhân dân, làm cho thanh thế càng thêm mạnh. Cho tới ngày 20-8-1945, toàn tỉnh đã nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Tôi chúc các anh tiếp tục giành thắng lợi. Trước khi rời thành Nam, tôi vội viết mấy dòng báo cáo với Bác và anh Trường Chinh về tình hình khởi nghĩa tại các địa phương mà tôi vừa qua. Thư được dán kín, rồi nhờ các anh trong Uỷ ban khởi nghĩa tỉnh chuyển giúp. Ra khỏi thành phố Nam Định, xe mở hết tốc độ phóng về Ninh Bình. Suốt dọc đường từ Nam Định đến Ninh Bình, đâu đâu cũng thấy tự vệ vác súng, vác cờ, vừa đi vừa hò hát náo động hai bên đường. Ngồi trong xe, chúng tôi không nén nổi xúc động, vui sướng. Xe qua thị xã Ninh Bình, rồi Ghềnh, Bim Sơn, Lèn... Không khí khởi nghĩa và chiến thắng tại các địa phương này cũng bùng lên như Nam Định. Tại thị xã Ninh Bình, các chiến sĩ tự vệ vai đeo súng, đội mũ xanh công nhân, lần lượt hỏi giấy chúng tôi. Có người văn hoá còn kém, đánh vần từng chữ, trông vất vả, nhưng rất đáng yêu. Chúng tôi hoàn toàn không chút khó chịu mỗi khi xe phải dừng lại để tự vệ kiểm soát, trái lại, càng tự hào về nhân dân ta có tinh thần trách nhiệm rất cao trước vận mệnh dân tộc. Điều này càng làm cho tôi thấm thía lời dạy của Bác hồi năm 1941, khi Bác cùng chúng tôi họp Hội nghị Trung ương: "Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kê vai gánh vác một phần trách nhiệm". Xe chạy đến Thanh Hoá. Chúng tôi tìm vào trụ sở Uỷ ban nhân dân tỉnh. Tại đây, anh Lê Tất Đắc, Chủ tịch Uỷ ban, tiếp chúng tôi. Anh Đắc cho biết Uỷ ban nhân dân tỉnh đã được thành lập gồm có anh và đồng chí Nguyễn Đình Thực và Lê Kiều, sau bổ sung thêm một số người nữa. Anh Tố Hữu, Bí thư Tỉnh uỷ Thanh Hoá vừa được Trung ương điều động vào Huế phụ trách việc khởi nghĩa, anh Diệt lên làm quyền bí thư. Nhìn gương mặt gầy, răn rỏi, đôi mắt thâm quầng tôi biết anh Đắc đã trải qua nhiều đêm không ngủ. Anh cũng mới vượt ngục Hoà Lò ra đúng hôm Nhật đảo chính Pháp, 9-3-1945, cùng anh Trần Đăng Ninh và một số đồng chí khác. Sau khi vượt ngục, anh đã học tốc về Thanh Hoá lo việc chuẩn bị khởi nghĩa vì trong tay anh đã có chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Anh cùng các đồng chí địa phương lo việc gấp rút xây dựng lực lượng, đồng thời mở "trận đánh tâm lý" vào hàng ngũ binh lính địch và hàng ngũ nguy quyền. Trước hết phải vận động tỉnh trưởng Nguyễn Trác "trao ân từ quan". Anh viết cho Trác một bức thư, nói rằng: "Ông Trác, thế sự đã xoay vần, cách mạng đang về với dân tộc. Ai còn chút máu đào, tình nghĩa với non sông, hãy bỏ "vinh thân phì gia", về với nhân dân. Tiếng thơm sẽ để lại nếu ông tuyên bố vạch mặt âm

mưu của Nhật, nói rõ sai lầm của Đảng Đại Việt mà ông là lãnh tụ nhóm Thanh Hoá. Chúng tôi sẽ thu xếp đưa gia đình ông đi chiến khu, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho gia đình ông". Để gây thêm áp lực, anh Đắc khéo léo đến vận động người con gái của Trác, vốn có thiện chí với Việt Minh, để qua cô ta may chăng có thể cảm hoá được cha. Rút cục, Trác không chịu rút khỏi ghế tỉnh trưởng. Nhưng để đặt điều kiện sau này với Việt Minh, Trác đã gửi ra một vạn đồng gọi là "tặng Việt Minh Thanh Hoá". Khi khởi nghĩa nổ ra ở Thanh Hoá, anh Đắc buộc phải ký lệnh bắt giam Trác. Nói đến đây, chắc có đồng chí hỏi số phận của Trác sẽ ra sao. Xin thưa, lúc chúng tôi rời Thanh Hoá, Trác vẫn đang còn bị chính quyền cách mạng giam giữ. Nhưng sau đó, khi gặp nhau trên Việt Bắc, anh Đắc có kể với tôi là vào khoảng cuối tháng 9 đầu tháng 10-1945, Bác Hồ muốn mời cụ Huỳnh Thúc Kháng ra làm việc. Cụ Kháng là bạn chí cốt của Trác. Vì vậy, Bác muốn thả Trác để cụ Kháng khỏi băn khoăn về số phận của chính mình khi biết số phận của bạn mình đang long đong. Đây rõ ràng thể hiện sự nhìn xa trông rộng của Bác. Với chính sách đại đoàn kết dân tộc, Bác bao giờ cũng rộng lượng, bao dung. Câu nói của Bác: "Con ruồi cũng nặng đồng cân" đã trở thành "phép xử thế" đối với chúng tôi mỗi khi bắt gặp những trường hợp như Trác. Bác là người triệt để gan đục khơi trong. Đối với những người chỉ có một chút nhỏ nòi của lòng yêu nước, Bác cũng nâng niu, trân trọng. Sau này, khi gặp nhau trên đường ra Bắc, anh Lê Văn Hiến kể cho tôi nghe câu chuyện cảm động: Cuối năm 1945, Bác phái anh vào Nam công tác. Trước khi đi, ngoài nhiệm vụ chính là kiểm tra công việc của Ủy ban nhân dân các địa phương, các cơ quan hành chính, còn có nhiệm vụ tìm cho được bà Thành Thái và bà Duy Tân, hai bà vợ của hai cha con nhà vua yêu nước Thành Thái và Duy Tân, xem các bà ấy sống thế nào, động viên, an ủi họ trong cảnh lẻ loi, chồng, con đang bị thực dân Pháp đày đoạ nơi chân trời, góc biển. Qua sự kiện này, Bác muốn khơi dậy lòng yêu nước của cả dân tộc. Những thân tộc của Hoàng gia nếu có lòng yêu nước, Bác cũng thu nạp vào đội ngũ chiến đấu chung của dân tộc. Bác là người rất thấm nhuần lời dạy của V.I. Lênin: "Chủ nghĩa yêu nước là một trong những tình cảm sâu sắc nhất, đã được củng cố qua hàng trăm hàng nghìn năm tồn tại của các tổ quốc biệt lập". Đến ngay như Bảo Đại, một ông "vua chơi bời", mà Bác còn mời làm cố vấn. Còn như khâm sai đại thần Phan Kế Toại, Bác mời làm phó thủ tướng, điều đó chứng minh cái đức trong việc dùng người của Bác như thế nào. Trở lại chuyện khởi nghĩa Thanh Hoá. Sau khi lĩnh hội ý kiến Bác đề nghị thả tỉnh trưởng Nguyễn Trác, anh Lê Tất Đắc đến gặp ông ta, nói rằng: "Khi khởi nghĩa, chúng tôi buộc phải bắt ông, vì ông thấy đây, quần chúng tỉnh nhà rất căm thù phát xít Nhật và Đại Việt. Giữ ông lại để che chở cho ông, bằng không e rằng tinh thần quần chúng lên cao, họ sẽ xông vào đánh ông. Nay tình hình có phần yên ổn, xin mời ông về nhà nghỉ". Nghe anh Đắc nói, ông Trác nhẹ cả người, cảm phục cán bộ Việt Minh. Dưới sự lãnh đạo của Bác, nhiều cán bộ có năng lực đã xuất hiện trong Cách mạng tháng Tám. Thanh Hoá là một trong những tỉnh khởi nghĩa sớm. Ngày 18-8-1945, Tỉnh uỷ nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa của Trung ương. Sau khi tiếp lệnh, các anh triển khai ngay công việc, phái cán bộ xuống các huyện để truyền đạt mệnh lệnh và hướng dẫn cách làm. Khi tới huyện, mới biết nhiều nơi đã chủ động chuẩn bị mọi mặt từ trước. Thế mới biết, dân mình thích lắm, nhạy bén vô cùng. Nửa đêm 18-8-1945 quân khởi nghĩa của 9 huyện trong tỉnh nhất tề nổi dậy. Tại huyện lỵ Thanh Hoá, lính bảo an nổ súng kháng cự quyết liệt. Song các đội tự vệ chiến đấu xông vào tiêu diệt bọn lính ngoan cố. Tuy phải đổ máu, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi. Cùng với Thiệu Hoá và Thọ Xuân, các huyện Cẩm Thủy, Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Nga Sơn, Yên Định, Hậu Lộc, Hà Trung, Quảng Xương, Đông Sơn nổi dậy giành chính quyền. Tại thị xã Thanh Hoá, Việt Minh gửi tôi hậu thư cho quân đội Nhật, yêu cầu chúng phải rút quân. Nhật buộc phải đáp ứng yêu cầu đó. Vì vậy, chúng rút đến đâu, quân khởi nghĩa "cuốn chiếu" đến đó. Anh Đắc cho biết, sáng 20-8-1945, quần chúng cách mạng và các lực lượng tự vệ chia nhiều mũi tấn công trại bảo an, chiếm toà sứ, vây dinh tổng đốc, bắt tỉnh trưởng. Nhiều tên tay sai trùm sò của Nhật, Pháp bị tóm gọn. Sở mật thám địch bị tê liệt. Cho đến chiều 20-8-1945 quân khởi nghĩa đã giương cao lá cờ đỏ sao vàng lên toà sứ hoàn toàn làm chủ thị xã. Tôi hỏi anh Đắc về một chuyện miền núi. Anh Đắc nói đang phái cán bộ đến để thực hiện kế hoạch nổi dậy. Tôi đề nghị anh hết sức thận trọng trong việc xử lý những lang đạo, tộc trưởng, vì nhiều bà con các dân tộc thiểu số còn bị họ "bỏ thuốc mê". Nếu cách mạng giết họ mà không điều tra cẩn

thận, tất gây sự oán ngăm trong nhân dân. Hãy để cho nhân dân tự phát hiện và xử những tên quan lại ác ôn, vì nhân dân hiểu rõ tính chất sâu mọt của chúng. Anh Đắc đồng ý với chủ trương của tôi và nói thêm rằng, một số lang đạo đã quy phục cách mạng, cho nên tạm thời để họ lại trong Ủy ban nhân dân, rồi thay thế dần dần. Ý định của anh là phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tôi rất đồng ý. Tại Thanh Hoá, do biết làm tốt công tác tư tưởng đối với giáo dân, anh Đắc đích thân đến nhà thờ động viên các cha cố, nói rằng, mơ ước của Chúa ban phước lành cho mọi người, nay đã được thực hiện, nên các cha cố tỏ rõ niềm phấn khởi, huy động một vạn giáo dân mít tinh chào mừng cách mạng. Có thể coi đây là một trong những thắng lợi lớn của Thanh Hoá trong việc vận động chính sách đại đoàn kết dân tộc của Bác vào địa phương mình.

Rời thị xã Thanh Hoá, chúng tôi đi Vinh. Xe đến thành phố Vinh vào lúc trời sắp tối. Chúng tôi tìm vào Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Nghệ An. Vừa tới nơi, gặp ngay anh Nguyễn Tạo, ăn mặc kiểu nhà binh, đeo súng ngắn, đứng ở cửa. Nhìn thấy tôi, anh Tạo thoáng vẻ ngạc nhiên, nhưng ngay sau đó, như chợt hiểu ra, đến bắt tay anh em rất thắm thiết. Trước mắt tôi là anh Tạo, một người anh hùng "nguội", trước những đòn tra tấn của địch càng đánh, anh càng nguội lạnh, thản nhiên như không, chẳng một lời kêu ca, rên rỉ. Anh còn là một "kiến trúc sư" vượt ngục trong những năm hoạt động bất hợp pháp. Nhìn anh Tạo, tôi lại nhớ đến các "chuyên gia vượt ngục" như Nguyễn Lương Bằng, Phạm Quang Lịch, Bùi Xuân Mẫn, Nguyễn Trọng Đàm, Lê Đình Tuyên, Vũ Duy Cương... Tôi nhớ lại những ngày sống nơi tù ngục, anh Tạo đã tự hành hạ gây bệnh hiểm nghèo để có cơ đi nhà thương, và từ nhà thương, anh trốn ra ngoài. Còn anh Bằng và anh Cương đã có lần lấy lưỡi dao cạo râu tự rạch mặt, rạch cổ, máu chảy ròng ròng, buộc chúng phải đưa đi nhà thương, và các anh đã trốn từ nhà thương. Giờ đây, "phát tín hiệu" cách mạng đã bắn lên. Các anh vượt ngục trở về cùng nhân dân chiến đấu giành chính quyền. Anh Tạo thông báo cho chúng tôi biết thành phố Vinh đã được giải phóng từ ngày 21-8-1945 và Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Nghệ An được chính thức thành lập từ ngày 21-8-1945, do anh Lê Việt Lượng làm Chủ tịch. Tuy chưa được gặp anh Lượng, nhưng tôi cũng đã được nghe nói về anh trong những ngày anh còn bị giam cầm ở Kon Tum, Lao Bảo, Ban Mê Thuột. Chúng tôi nghỉ đêm tạo thành phố Vinh. May mắn làm sao, tại đây, chúng tôi lại được gặp các anh Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận vào Huế. Đáng lẽ xe của các anh khởi hành trước xe của chúng tôi, nhưng có việc phải chậm lại, đi sau chúng tôi khoảng 2 tiếng. Anh Tạo thu xếp cho hai đoàn chúng tôi ăn bữa cơm đạm bạc mà anh gọi vui là "cơm khởi nghĩa". Các anh trong Ủy ban báo cáo cho chúng tôi biết những khó khăn ở Nghệ An trong những ngày khởi nghĩa. Nghe các anh nói mới thấy Nghệ An là một trong những địa phương khá phức tạp có nhiều loại kẻ thù. Bọn Việt gian quấy mạnh. Bọn phản bội như Đinh Văn Di tìm cách chống chế, lấp liếm tội ác. Chưa rõ khi chúng tôi đến Nghệ An, Di đã bị Việt Minh xử chưa, mà chỉ nghe các anh báo cáo khi cách mạng nổ ra, Di buồn lắm, than vãn về tội phản cách mạng của mình và y biết án tử hình đã nằm trong tay y. Đinh Văn Di người huyện Nghi Lộc, Bí thư liên tỉnh Nghệ-Tĩnh, bị tên mật thám Nguyễn Văn Trí tức Trí Ngao thuyết phục, cam tâm làm tay sai cho trùm mật thám Trung Kỳ Pôn Humbe (Paul Humbert), được y cho nhiều tiền. Di cung cấp nhiều tin tức và tài liệu bí mật của Đảng cho Sở Liêm phóng Vinh trong thời gian dài từ năm 1936 đến Cách mạng tháng Tám. Âm mưu lâu dài của chúng là phải nắm toàn bộ hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương xuống tới các cơ sở. Vì vậy, có thể nói hoạt động của Di là nguy hiểm vì nó đánh từ trong đánh ra. Khi Cách mạng nổ ra, bọn phản động tay sai hoảng hốt, tìm mọi cách không chế hoặc xoa dịu tội lỗi. Nhưng nhiều tên đã bị chính quyền cách mạng trừng trị đích đáng. Tên Trí Ngao, một đảng viên cộng sản phản bội cùng nhiều tên khác đã bị đên tội. Sáng 28-8-1945, xe của các anh Bằng, Liệu, Cận và xe của chúng tôi đều cùng xuất phát đi tiếp. Hai xe đều cắm cờ đỏ sao vàng. Dọc hai bên đường, từng tốp, từng tốp người cầm cờ, vẫy tay "hoan hô" vang dậy. Chúng tôi vẫy lại đến mỗi như cánh tay. Lòng tin của nhân dân với cao trào cách mạng được thể hiện ở những cử chỉ cao đẹp này. Đến trưa xe tới Hà Tĩnh. Các anh Trần Hữu Duyệt, Chủ tịch, Phan Trọng Bình, Phó Chủ tịch và Phan Đăng Tài, Ủy viên thư ký thân mật tiếp chúng tôi và thông báo những việc các anh đang làm. Chẳng mấy chốc, xe tới đèo Ngang. Tới đỉnh đèo, chúng tôi dừng xe nghỉ trong giây lát. Đứng trên đỉnh đèo mà trông phong cảnh thật hữu tình. Câu thơ của Bà huyện

Thanh Quan: "*Cỏ cây chen đá lá chen hoa*" sao mà đúng với cảnh đèo Ngang vậy. Ngút mắt xa trông, mặt ngoài biển nước bên trong mây ngàn. Làng xóm, đồng ruộng, mũi rồng vươn tới biển xanh. Những con thuyền lênh đênh, dậm chèo ẻo lả. Ngắm nhìn hình khe thế núi, chị Thập kể lại câu chuyện mấy hôm trước khi qua đèo Ngang trông thấy tên lính Nhật ngồi ủ rũ, dường như muốn lao xuống biển, báo hiệu giờ cáo chung chính sách xâm lược của bọn phát xít đã đến. Chúng tôi tới thị xã Đông Hà trong lúc thị xã đã giải phóng. Cờ đỏ sao vàng tung bay trên các đường phố. Nhân dân đang làm vệ sinh. Rác rưởi được quét đi cùng với ché độ cũ mục ruộng, thay vào đó là một chế độ mới, dân chủ cộng hoà. Rời Đông Hà, xe lao như bay vào Huế:

Đường vô xứ Huế quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

Yêu em anh cứ muốn vô,

Kệ trường nhà Hồ, mặc phá Tam Giang.

Những câu thơ của Tản Đà tả xứ Huế lôi cuốn chúng tôi vào với Huế, mặc dù có kẻ nghịch tặc ở trường nhà Hồ, ở phá Tam Giang. Và Huế đây rồi. Xe vừa lăn bánh vào trong thành phố, nghe rõ tiếng chuông chùa dóng dả vang lên, báo hiệu trời đã tối. Trong ánh đèn lung linh, sông Hương hiện lên với một vẻ đẹp đầy quyến rũ. Núi Ngự Bình đang nằm ngủ, gọi lên sự tĩnh mịch của cố đô hơn ba thế kỷ trước. Nhưng hôm nay Huế hoàn toàn không tịch mịch vì không khí khởi nghĩa đang tung bùng. Huế chào đón cách mạng thật náo nhiệt, thanh nhã và trang trọng bởi những tà áo dài bay phấp phới hoà cùng sắc cờ rực rỡ. Tiếng loa vang lên thông báo đoàn xe của Việt Minh và Chính phủ cách mạng lâm thời tiến vào thành phố. Nhân dân đứng chật cả hai bên đường nhìn cờ đỏ sao vàng trên xe và nhìn những gương mặt Việt Minh từ thủ đô Hà Nội vào cố đô Huế chứng kiến sự sụp đổ của một chế độ "kẻ ăn không hết người lần không ra". Anh Nguyễn Vĩnh (Nguyễn Chí Thanh) và anh Nguyễn Kim Thành (Tố Hữu) đón chúng tôi trong niềm vui sâu lắng của người cố đô. Anh Thanh cho biết, sau khi dự Hội nghị toàn quốc của Đảng, anh cấp tốc trở về Huế cùng lo việc khởi nghĩa tại các tỉnh miền Trung. Thời cơ lúc này đâu phải tính tháng, mà tính ngày, thậm chí tính giờ. Để lỡ cơ hội ngàn năm có một này sẽ có tội lớn với lịch sử. Nhìn trên gương mặt phong sương, tôi biết anh với trách nhiệm một Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ, đang lo tới lo lui đến những công việc sắp phải làm: Củng cố chính quyền cách mạng vừa giành được. Ở Huế, từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp, tình hình trở nên phức tạp. Nhật truất bọn quan lại Pháp, dựng Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim. Bên cạnh Chính phủ Trần Trọng Kim còn xuất hiện nhiều nhóm bợ đỡ Nhật. Anh em Ngô Đình Diệm hoạt động ráo riết. Triều đình Bảo Đại hoang mang và lo sợ. Khi được Ủy ban khởi nghĩa nói rằng sẽ bảo đảm an toàn cho Hoàng gia, họ mới thờ phào nhẹ nhõm. Có cuốn sách mô tả Bảo Đại như một ông vua thức thời và quy phục Nguyễn Ái Quốc. Sự thật, đây là một tên vua muốn bám ngai vàng từ đầu chí cuối và y không bao giờ quy phục cách mạng. Câu nói của y: "Làm dân một nước tự do còn hơn làm vua một nước nô lệ" là giả dối. Với y, bao giờ cũng muốn làm vua một nước nô lệ. Lối sống của y, nhân cách của y đã nói rõ điều này. Anh Nguyễn Lương Bằng là một trong những người có mặt trong buổi lễ trao ấn kiếm của Bảo Đại cho Chính phủ cách mạng, đã nói rõ trong hồi ký của mình: "Trước khi làm lễ hạ chức, Vĩnh Thụy còn đề nghị gặp chúng tôi ở Càn Chính Điện. Nội dung chủ yếu là y muốn đề nghị làm sao ta bảo vệ được cái đầu cho y". Về phía ta, phải nói rằng, nhân dân Thừa Thiên - Huế tràn đầy lòng yêu nước. Là những người có văn hoá, nhân dân rất nhạy bén với thời cuộc, nắm bắt nhanh các chỉ thị của Trung ương, chủ động tạo thời cơ và tiến hành Tổng khởi nghĩa ngay từ ngày 17-8-1945 đến ngày 23-8-1945 giành được thắng lợi hoàn toàn.

Trước khi rời Huế, tôi không quên viết vài dòng thư báo cáo với Bác biết tình hình khởi nghĩa ở cố đô.

Xe của chúng tôi rời Huế từ sáng sớm ngày 29-8-1945 không chứng kiến được lễ thoái vị của một dòng vua nhiều đời ở Việt Nam.

Xe tới đèo Hải Vân, một địa danh được xếp vào loại “đệ nhất hùng quan”. Câu thơ của cụ Trần Đà (Nguyễn Khắc Hiếu) mà có lần tôi đã đọc gọi lên một cảnh sắc sao mà giống cảnh đèo Hải Vân:

*Dừng xe, lên đỉnh ta trông
Mặt ngoài bể nước bên trong núi rừng.*

Và:

*Làn mây khuất bóng trăng tà
Đêm thu một khắc quan hà mấy mươi.*

Những tảng đá sắc nhọn, dựng đứng như thành trước mặt là biển rộng bao la, tạo nên thế hiểm về mặt quân sự. Bọn đế quốc, phát xít, mỗi khi xâm chiếm Việt Nam, bao giờ chúng cũng tranh thủ chiếm đèo Hải Vân để ngăn cách Bắc - Nam. Chúng lập đồn trại trên đèo, canh gác cẩn mật. Chính vì vậy mà đã có nhiều sĩ phu chống Pháp đánh thắng nhiều trận ở đồng bằng, nhưng đến khi lên đèo phải quay lại. "Một người giữ ải, muôn người khó qua". Có người nói rất đúng rằng, muốn thông Bắc- Nam hãy chiếm đèo Hải Vân. Đúng vậy, địa thế lợi hại này đã tạo nên cái "chất ngất muôn trùng ải nổi danh" mà cụ Trần Quý Cáp khi qua đèo này vào năm 1904 đã mô tả. Khi chúng tôi tới đèo Hải Vân, gặp từng đoàn lính Nhật. Tuy lúc này chúng đã thất bại, nhưng vẫn chưa hết hung hăng. Chúng chặn xe của chúng tôi lại, đòi kiểm soát. Một nòng súng lặc lư bên ngoài xe, như có ý hăm dọa. Tôi bình tĩnh chỉ tay vào lá cờ đỏ sao vàng cắm trên mũ xe, như bảo cho chúng biết đây là đoàn quân Việt Minh, không được đụng vào. Bọn này biết ý, dịu nét mặt. Khi ngó thấy trong xe có súng, một tên chỉ huy tiến đến như muốn lôi súng ra. Một lần nữa, tôi ghì tay y lại, chỉ vào lá cờ và đưa giấy uỷ nhiệm của Tổng bộ Việt Minh còn dấu son đỏ chói cho chúng xem. Trước thái độ cứng rắn đó, tên chỉ huy đành ra hiệu cho xe chúng tôi tiếp tục lăn bánh. Tục ngữ Việt Nam có câu: "Cà cuống chết đến đít còn cay" sao mà giống với hoàn cảnh của bọn Nhật lúc này đến thế. Chị Thập kể lại rằng, lần trước đi từ trong Nam ra, qua đèo Hải Vân thấy toàn lính Nhật đóng. Tên nào tên nấy mặt mày hung hăng, táo tợn, chỉ muốn xả lưới lê vào bất cứ ai. Chị nói đoạn đường từ Hải Vân đến Huế là căng thẳng nhất. Bây giờ thì "nhiều người giữ ải" nhưng 5 anh chị em chúng tôi vẫn qua được. Đó là một thắng lợi lớn được tiếp sức bởi thắng lợi của cả dân tộc đang vùng lên đánh Nhật, đuổi Pháp. Không có thắng lợi của cả dân tộc, bọn Nhật đâu có chịu để chúng tôi qua đèo Hải Vân.

Qua đèo Hải Vân, xe chạy quanh co một hồi thấy núi Hành Sơn hiện ra. Xe tới Đà Nẵng, trời sắp tối. Anh lái xe mệt nhoài. Chúng tôi cũng thấy thấm mệt. Được nhân dân chỉ lối, chúng tôi tìm đến trụ sở Ủy ban nhân dân. Đến nơi, đã thấy các anh trong ban lãnh đạo tỉnh: Lê Văn Hiến, Lê Dung đứng ở cổng trụ sở Ủy ban, nguyên là toà sứ, đón chờ chúng tôi. Anh Hiến giới thiệu với chúng tôi thành phần của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 3 người: Anh là Chủ tịch, anh Lê Dung là Phó Chủ tịch còn Ủy viên thường trực là anh Huỳnh Ngọc Huệ. Anh Hiến cho biết các đồng chí ở Huế gọi đây nói báo rằng chúng tôi sắp qua cho nên mới biết. Một lát sau, nhiều anh em từng bị giam giữ ở nhà tù Côn Đảo cũng chạy đến. Tay bắt mặt mừng, niềm vui khôn xiết. Những tiếng nói chen nhau, lộn xộn, nhưng thật rõ ràng: "Anh Cang, còn nhớ Bò Rừng, Gà Chọi, Cuội, Đá... không?". Toàn những tên bí danh gắn chặt với thiên nhiên Côn Đảo. Tôi xúc động đến rơi nước mắt: "Làm sao quên được những Bò, Gà, Cuội, Đá, một tay thề quyết vạch trời con, nơi Côn Sơn sóng vỗ". Những tiếng cười vang lên. Đúng là "Nước non hẹn vẫn lòng ôm chặt", giờ đây mới hiểu rõ sức mạnh vô địch của một cuộc cách mạng của những người cùng chung lý tưởng chiến đấu. Góp vui vào câu chuyện, anh Hiến nói anh cũng vừa từ cõi chết trở về. Hỏi ra mới biết, sau khi vượt ngục Hoà Lò, anh về ngay Đà Nẵng, liên lạc với các đồng chí cũ, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc "sóng dậy sông Hàn". Chuẩn bị xong cho Đà Nẵng, anh vào Quảng Ngãi để bàn về các đồng chí ta cùng phối hợp hành động. Hôm ấy là ngày 17-8-1945. Từ Đà Nẵng vào Quảng Ngãi, anh đi trên một chiếc xe hơi của Sở công chính. Đến Quảng Ngãi, anh chuyển sang đi xe đạp, tìm đến địa điểm của Ủy ban khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, địa phương đã ra lệnh thiết

quân luật. Dân quân bố trí canh phòng nghiêm ngặt, anh phải vất vả lắm mới qua được mạng lưới kiểm soát của dân quân. Bàn tính xong công việc với Ủy ban khởi nghĩa Quảng Ngãi, anh tranh thủ về Đà Nẵng. Trên đường đi, anh gặp từng đoàn xe camiong của Nhật từ Quảng Ngãi ra Đà Nẵng. Vừa đi chúng vừa đốt phá nhà cửa, bắn giết dân lành. Đang đi, anh gặp một dân quân chạy đến báo tin phía trước lính Nhật đang lùng sục. Thấy vậy, anh vội dắt xe đạp qua mấy cánh đồng, quanh núi, qua làng, đi theo đường vòng. Khi từ giả trụ sở Ủy ban khởi nghĩa Quảng Ngãi, các đồng chí có nói cho anh biết mật hiệu: "Người của Cứu Đình", để đi đường, nếu dân quân có hỏi thì trả lời, họ sẽ cho đi. Song mật hiệu này chỉ đến với dân quân gác các trạm trên trục đường cái, còn dân quân trong làng, họ lại không biết. Đây chính là đầu mối gây tai vạ. Giữa một cánh đồng vắng ngắt không bóng người qua lại, anh đứng nhìn để kiếm người hỏi đường. Bất thành linh, một tiếng còi rúc lên, rồi từ trong các lùm cây, kẻ cầm dao, người cầm gậy, đổ xô ra vây lấy anh để hỏi giấy. Anh nói mật hiệu "Cứu Đình", họ chẳng hiểu gì cả. Thế là, anh bị giải về trụ sở Ủy ban xã. Anh đã mất nhiều lời để thanh minh, họ mới cho đi. Qua làng Ba La, có một toán dân quân ra đón đường, hỏi giấy. Vì không mang giấy, anh đưa mật hiệu "Cứu Đình" ra nói, nhưng họ đâu có nghe. Những tay súng dân quân giải anh về trụ sở Ủy ban. Đến nơi, anh bắt gặp những khuôn mặt "sát khí đằng đằng", có lẽ họ cho rằng, những ai đã bị bắt giải đến Ủy ban, đều là những hạng Việt gian. Đến đây, mật hiệu "Cứu Đình" hoàn toàn mất tác dụng. Anh bị tống vào nhà giam. Trong nhà giam, đã có gần hai chục người ngồi đó, đợi ngày xét xử. Một đêm trong tù đói và mệt, có lúc anh ngất xỉu. Sáng hôm sau, anh viết giấy tường trình tỉ mỉ về chuyến công cán của mình. Rồi anh được tha. Trên đường đi, lại gặp lính Nhật. Anh vừa chạy, vừa lo tìm chỗ ẩn nấp. Bất chợt, nghĩ đến bộ âu phục đang mặc trong người, anh thấy lo, đành đánh liều vào nhà một người nông dân, nhờ đổi cho một bộ quần áo cũ. Không ngờ, người nông dân lại mang bộ âu phục của anh lên trình Ủy ban xã và nói rằng: "Có một người lạ mặt rất đáng nghi đến nhờ đổi một bộ quần áo để trá hình và chạy trốn". Nghe người nông dân nói vậy, lập tức, các dân quân tay gươm, tay súng xông xộc chạy đuổi bắt anh. "Thằng Việt gian, thằng Việt gian, giết ngay đi, không nói chi nữa". Một lưỡi giáo lướt qua mặt anh, chực đâm. Anh đưa hai tay ra, bình tĩnh nói: "Xin đừng giết vội, hãy trói tôi lại đã, đem tôi về trụ sở Ủy ban". Họ trói anh lại, đưa đi. Phải nói rằng, nhân dân vùng này căm thù bọn phát xít, đế quốc và Việt gian đến tận xương tuỷ, cho nên, khi nói đến Việt gian, ai cũng muốn "chặt đầu ngay tức khắc". Đến trụ sở Ủy ban, một người chỉ huy cầm súng sáu chỉ ngay vào mặt anh và nói "Người này hôm qua bị bắt, không có giấy đi đường, hôm nay lại trá hình, đúng là tên Việt gian chỉ đường cho quân Nhật đến khủng bố chúng ta". Anh Hiến muốn thanh minh, nhưng người chỉ huy không cho nói và quát: "Không nói gì nữa, đem trói lại mau và xử ngay lập tức". Một anh nông dân ra làm chứng thêm rằng: "Chính tôi đã nghe tiếng súng từ chỗ tên này bắn lên để báo hiệu cho Nhật đến khủng bố". Không thể thanh minh được, anh Hiến bị đem ra trói chặt dưới trụ cột cờ. Đứng trước cái chết, anh cảm thấy bao nỗi cay đắng mà không làm sao nói ra được. Một lúc sau, một người lực lưỡng đứng ra tuyên cáo tội trạng. Súng đã giương lên, chỉ còn đợi lệnh là bóp cò. Trước khi chết, anh Hiến xin nói lời cuối cùng: "Thưa các ông, tôi đã nói rõ tôi là người cách mạng, đi công cán ở Quảng Ngãi, song các ông vẫn chưa tin. Tôi biết các ông quá căm thù Việt gian, cho nên có sự cố chấp, thiếu sự xét đoán chính xác, phân biệt kẻ Việt gian và người không Việt gian. Riêng tôi, dù có chết oan cũng vì sự nghiệp cách mạng, vì tiền đồ của dân tộc ...". Một vài phút im lặng. Một người trong Ủy ban ra lệnh hạ súng. Anh ta đến gần chỗ anh Hiến để hỏi. Bây giờ, anh Hiến mới có dịp nói rõ hơn về chuyến công cán của mình. Họ cởi trói cho anh. Anh thoát chết. Hôm ấy là ngày 18-8-1945.

Nghe anh Hiến nói, chúng tôi xúc động, mừng cho anh, nhưng cũng buồn vì trình độ cán bộ ta lúc ấy.

Anh Hiến vừa dứt lời, có một thanh niên khoẻ mạnh, mặc bộ đồ xanh công nhân bước vào. Anh Hiến giới thiệu đó là Huỳnh Ngọc Huệ, Ủy viên thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh. Qua anh Hiến, chúng tôi biết anh Huệ là cán bộ cách mạng kiên cường, người đã từng bị giam chung với anh trong ngục Đắc Glay, Đắc Tô trong những năm 1940 - 1942. Đầu năm 1942, anh đã cùng với anh Tố Hữu tổ chức vượt ngục Đắc Glay. Nhưng đến năm 1943, anh

Huệ bị bắt lại, giam ở Đắc Tô. Năm 1944, anh Huệ cùng với các anh Nguyễn Duy Trinh, Chu Huy Mân, Hà Thê Hạnh vượt ngục Đắc Tô. Nhưng rồi anh lại bị bắt một lần nữa. Địch giam anh tại nhà lao Đà Nẵng cho đến trước ngày khởi nghĩa tháng Tám, các anh lại phá ngục thoát ra. Ra tù, anh Huệ liên lạc ngay với các đồng chí ở Đà Nẵng, cùng nhau lập ra Ủy ban khởi nghĩa. Anh là một con người gắn bó máu thịt với cách mạng. Chất người trong anh được kết tinh giữa sức mạnh giai cấp công nhân (anh vốn là một công nhân) với lòng yêu nước nồng nàn. Lần đầu gặp anh, chúng tôi rất có cảm tình. Ánh mắt, nụ cười của anh đầy sức quyến rũ. Võ vào vai anh Huệ, anh Hiến bảo rằng trong cuộc nổi dậy long trời lở đất này, thanh niên ta hăng hái lắm. Họ tỏ rõ năng lực và chí khí bảo vệ chính quyền cách mạng. Anh "khoe" với chúng tôi, Đà Nẵng nhận được chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" rất sớm, cho nên việc chuẩn bị khởi nghĩa khá chu đáo. Sức mạnh của cách mạng được tạo ra bởi lực lượng quần chúng hùng hậu, lại được bổ sung thêm những cán bộ trung kiên vừa ở các nhà tù của đế quốc ra. Thời cơ đã đến. Đồng bào Quảng Nam - Đà Nẵng chớp nhanh thời cơ. Súng lệnh khởi nghĩa được bắn lên từ đêm 17-8-1945. Quần chúng cách mạng tràn nhanh như nước vỡ bờ xông vào các đồn bảo an binh, phá nhà lao, chiếm kho bạc, đánh sở mật thám, toà tỉnh trưởng, làm cho tỉnh trưởng Tôn Thất Giao sợ đến ngất đi, buộc phải giao quyền cho Việt Minh. Trong quá trình khởi nghĩa, quân Nhật ngoan cố xả súng bắn vào đồng bào, làm chết và bị thương nhiều người. Nhiều đồn trại ở huyện Đại Lộc, quân Nhật không chịu giao súng, lại còn đốt nhà, cướp của. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Ta thắng lợi giành được chính quyền, song đã phải trả giá đắt vì kẻ thù ngoan cố, trong khi đó, súng đạn của ta lại ít. Rút kinh nghiệm ở các huyện lỵ, khi tiến vào thành phố Đà Nẵng, Việt Minh đã làm tốt công tác vận động binh lính địch, hàng trăm lính bảo an tình nguyện làm nội gián, hợp lực cùng ta đánh Nhật, lại được lực lượng quần chúng cứu quốc hỗ trợ, tiêu diệt những tên đầu sỏ ngoan cố như Mai Trọng Tấn, làm cho Nhật không còn chỗ dựa, buộc phải đầu hàng Việt Minh. Khi chúng tôi vào tới Đà Nẵng, anh Hiến nói rằng, tỉnh nhà mới giải phóng cách đó ba hôm (ngày 26-8-1945). Bài học ở Quảng Nam - Đà Nẵng trong khởi nghĩa là bài học sử dụng sức mạnh quần chúng, tranh thủ binh lính nguy, khoét sâu mâu thuẫn kẻ thù, ngoài đánh vào, trong đánh ra, cô lập cao độ bọn Nhật, làm chúng tuy ngoan cố chống cự nhưng bị đập tắt nhanh chóng. Anh Hiến vừa nói xong, bỗng có một thanh niên bước vào. Anh Cao Hồng Lĩnh trông thấy reo lên: "Anh Hà! Anh Hà!". Hỏi ra là anh Nguyễn Hà, người Hội An, cùng quê hương anh Lĩnh. Hai anh em nắm chặt tay nhau, tỏ rõ niềm xúc cảm. Anh Hà báo tin cho anh Lĩnh biết Hội An đã khởi nghĩa thắng lợi từ đêm 17-8-1945. Huyện nhà đang sống trong không khí độc lập, tự do. Tôi bảo anh Lĩnh nên tranh thủ về thăm quê, chia vui và động viên đồng bào. Nhưng anh Lĩnh không về, nói rằng: "Bác giao nhiệm vụ gấp rút vào Nam, không được phép chậm trễ". Anh quay sang phía anh Hà, nói rằng, cho gửi lời chào bà con quê nhà mạnh giỏi. Khi nào chiến thắng hoàn toàn, anh sẽ về thăm quê. Ngay đêm đó, anh chia tay các đồng chí tỉnh nhà. Hai người bạn quê Hội An bịn rịn mãi tới khuya mới từ biệt được. Đêm thu nghỉ trong thành phố Đà Nẵng, tôi chỉ chợp mắt trong giây lát, suy nghĩ miên man về cuộc hành trình xuống phương nam còn nhiều gian khổ. Nước non gánh nặng, đường vào còn xa. Nhưng trước mắt chúng tôi vẫn hiện lên những hình ảnh chiến đấu dũng cảm của một dân tộc "sát thát". Có đến tận nơi, xem tận mắt, mới thấy hết được lòng dũng cảm, trí thông minh của dân tộc mang trong lòng dòng máu "Đông A". Tự nhiên, tôi lại liên tưởng đến cái ngày của tháng 5-1858 xa xôi, khi thực dân Pháp nã phát súng đầu tiên, rồi đổ quân lên Đà Nẵng, vượt đèo Hải Vân tiến đánh kinh thành Huế, bắt nhà Nguyễn đầu hàng. Tháng 5-1858 - tháng 8-1945, tính ra 87 năm có lẽ, nhân dân ta mới giành lại được độc lập. Điều đó nói lên lòng kiên trì chống giặc của dân tộc. Riêng thành phố Đà Nẵng, từ khi Pháp sang xâm lược đến khi giải phóng, luôn luôn là nơi chiến trận và chiến thắng. Giờ đây, nhìn cờ đỏ sao vàng tung bay trong thành, có biết đâu rằng, sau những trận chiến đấu để giành độc lập, tự do của năm 1945, Đà Nẵng lại phải trải qua 9 năm kháng chiến chống Pháp và 20 năm kháng chiến chống Mỹ, mới giành được độc lập, tự do trọn vẹn. Tổng cộng Đà Nẵng nói riêng, và cả dân tộc Việt Nam nói chung, đã phải vào trận với hàng nghìn hiệp đấu mới ghi được chữ vàng "độc lập, tự do" lên lá cờ đại nghĩa của mình. Đang còn miên man nghĩ về Đà Nẵng, về dân tộc ta, trời đã sáng lúc nào. Thực hiện lời dặn của Bác: Không được chậm trễ, phải vào Nam ngay, chúng tôi vội thu xếp

hành lý để lên đường. Ra khỏi Đà Nẵng, xe nhằm hướng Quảng Ngãi mà phóng. Xe lần lượt vượt qua các địa phương Lệ Trạch, Nông Sơn, Trà Kiệu, Phú Cang, An Mỹ, Tam Kỳ... rồi tới thị xã Quảng Ngãi, xe chạy 140 cây số, mất gần 3 giờ. Khi tới thị xã, mặt trời đã đứng bóng. Đặt chân lên thị xã Quảng Ngãi, một ấn tượng mạnh gây trong đầu óc chúng tôi, đó là khí thế cách mạng hùng hực của quần chúng cách mạng. Khác với những vùng đất chúng tôi đã qua, nơi đây chị em tự vệ đều cắt tóc ngắn, hỏi ra mới biết cắt tóc ngắn để "thề cứu nước nhà". Và ai cũng thắt dây lưng ra ngoài áo. Người cầm mác, người cầm dao, người cầm cuốc, thuổng, gậy gộc, đi đi lại lại trên đường phố, trông nghiêm trang và đầy tự hào. Niềm kiêu hãnh của nhân dân với độc lập, tự do tràn lên những gương mặt trẻ trung. Khi xe của chúng tôi đang chuẩn bị rẽ sang một phố để đến trụ sở Ủy ban cách mạng, bỗng một nữ chiến sĩ tự vệ xông ra kè lưỡi mác vào bánh xe hơi rồi hô: "Đứng lại!". Anh Lĩnh đưa giấy ra trình, chị tự vệ xem giấy lắc đầu tỏ vẻ chưa thông. Tôi phải xuống xe, ôn tồn, phân trần mãi, chị mới chịu xuống thang "đưa đi gặp đồng chí phụ trách". Đến nơi, bất ngờ gặp ngay anh Võ Văn Khế, tức Trần Quý Hai. Tên chữ Trần Quý Hai do các anh Trần Hữu Dực và Hoàng Anh đặt cho từ cuối năm 1946, khi anh từ Quảng Ngãi ra Huế nhận chức Ủy viên thường trực Ủy ban quân-dân-chính Thừa Thiên-Thuận Hoá. Khi chúng tôi gặp anh ở Quảng Ngãi, anh vẫn mang tên Võ Văn Khế. Anh là một trong những đại biểu của Trung Kỳ đi họp ở Tân Trào. Anh nói rằng, sau khi lĩnh hội ý kiến của Trung ương ở hội nghị Tân Trào, vội vàng về ngay Quảng Ngãi để tổ chức việc khởi nghĩa. Nhìn anh rắn rỏi, khoẻ mạnh trong bộ quần áo ka ki vàng của anh Phạm Văn Đồng cho ở Tân Trào, tôi hình dung ra một vị võ tướng tương lai. Anh đưa chúng tôi về nhà boong-ga-lô, một kiểu nhà sàn trên cột bê-tông, bỏ dĩa cho uống rồi nói chuyện về tình hình khởi nghĩa ở địa phương. Qua anh, chúng tôi được biết, Quảng Ngãi nổ ra khởi nghĩa từ ngày 13-8-1945 cho tới ngày 28 cùng tháng thì giành được chính quyền trong toàn tỉnh. Trong thời gian ấy, các chiến sĩ du kích chiến khu Ba Tơ phối hợp tuyệt đẹp với quần chúng cách mạng lần lượt hạ các đồn Di Lăng, Sơn Hà, Trà Bồng, Ba Tơ, Ninh Long và huyện lỵ Nghĩa Hành. Cuộc đánh nhau với quân Nhật ở Xuân Phổ và Mỏ Cày gây tiếng vang lớn. Anh Hai cho biết, tại Quảng Ngãi, có bọn quan lại triều Nguyễn sau khi nghe tin Việt Minh rục rịch cướp chính quyền, chúng sợ chạy từ Huế về đây để ẩn mình. Các anh muốn bắn bọn này. Nhưng tôi bảo có bắn vài ba tên quan lại cũng không giải quyết được việc gì. Chi bằng trước mắt cứ khoan hồng cho chúng, xem thái độ của chúng ra sao, sau đó, chúng ta có quyết định dứt khoát. Vấn đề là phải biết phân hoá để đoàn kết được rộng rãi. Đó là chính sách của Bác Hồ. Các anh ở Quảng Ngãi đồng ý với ý kiến của tôi. Chúng tôi rời Quảng Ngãi trong lúc trời đã ngả về chiều. Đường vào Quy Nhơn còn khoảng gần 60 cây số cho nên phải tranh thủ đi. Bình Định hiện ra trước mắt chúng tôi với những rừng dừa san sát, ngút ngát hai bên đường. Ven biển cũng đầy những cây dừa xanh, nặng trĩu quả. Nhưng sự trù phú của thiên nhiên nơi đây lại đem đến cho lòng ai một nỗi buồn day dứt khi nhìn những em bé thân hình gầy guộc, đen thui đi chăn bò, cùng những bộ quần áo vá vúi, đùm đụp của những bà đi chợ mà trong thúng chỉ toàn những cám cùng ngô. Đã bao đời, người Bình Định phải sống cuộc đời nghèo khổ như vậy. Nay cách mạng thành công thì cách mạng phải nhận dạng cho đầy đủ chân dung người lao động quê hương cực khổ như thế nào để còn có cách giải quyết. Không thể để cho đồng bào sống lam lũ mãi thế được. Đó là tiếng nói thiết tha của những người có lương tri. Chỉ có cách mạng mới làm được điều đó. Dừng chân trên mảnh đất thượng võ, chúng tôi được các đồng chí lãnh đạo Việt Minh tỉnh báo cáo về khởi nghĩa của Bình Định. Khác với nhau địa phương trong cả nước, Bình Định bước vào khởi nghĩa có hai tổ chức Việt Minh: Việt Minh Nguyễn Huệ và Việt Minh Tăng Bạt Hổ. Việt Minh Nguyễn Huệ do một số đồng chí ở tù về cùng các đồng chí ở An Nhơn, Bình Khê lập ra và lấy Phú Phong làm cơ sở để phát triển phong trào ra toàn tỉnh. Còn Việt Minh Tăng Bạt Hổ do Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh lập ra. Tuy là hai tổ chức Việt Minh nhưng không có mâu thuẫn nội bộ. Tất cả đều chung sức chung lòng chống Nhật, cứu nước. Vào những ngày của tháng 6-1945, Việt Minh Nguyễn Huệ họp quyết định chủ trương khởi nghĩa và phối hợp với Việt Minh Tăng Bạt Hổ cùng hành động. Để cho chắc ăn, trước khi khởi nghĩa, Việt Minh quyết định tổ chức một cuộc mít tinh lớn ở Quy Nhơn để thăm dò xem thái độ của Nhật ra sao. Qua mít tinh, thấy địch không phản ứng gì. Vì vậy, vào khoảng 22 hoặc 23-8-1945, một cuộc mít tinh, tuần hành khổng lồ được tổ chức

ở Quy Nhơn. Đoàn người tuần hành xông vào chiếm các công sở và dinh tỉnh trưởng, buộc viên tỉnh trưởng phải giao con dấu cho Việt Minh. Ủy ban nhân dân cách mạng ra đời. Trong lúc Việt Minh Nguyễn Huệ tổ chức khởi nghĩa ở Quy Nhơn, Việt Minh Tăng Bạt Hổ quyết định tổ chức khởi nghĩa ở huyện Hoài Nhơn và nhiều nơi khác như Hoài An, An Nhơn... chiếm huyện lỵ, tiêu diệt đồn bảo an, thu nhiều vũ khí, lập Ủy ban nhân dân cách mạng huyện. Khi chúng tôi đến Quy Nhơn, thấy các đồng chí đang họp bàn quyết định hợp nhất các lực lượng trong tỉnh Bình Định. Đêm ngủ tại Quy Nhơn, nghe sóng biển vỗ xô bờ, tiếng rít của những rặng phi lao, gọi lên cảnh trí của một vùng ven biển. Nghe nói nơi đây có nhiều căn cứ chống giặc ngoại xâm cùng những truyền thuyết về núi Bà, chàng Lia. Dãy núi Tây Sơn là đại bản doanh lúc đầu của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ... Xe của chúng tôi rời Bình Định trong lúc tỉnh nhà chưa giành được thắng lợi hoàn toàn trong khởi nghĩa, vì nghe nói còn một số nơi như Tuy Phước, Phù Cát..., mới đang rậm rịch vùng lên. Tuy vậy, thắng lợi hoàn toàn đã hiện ra trước mắt chúng tôi bởi khi cách mạng của nhân dân đang trào lên mãnh liệt. Từ Quy Nhơn đến Tuy Hoà xe đã phải băng qua đường dài trên dưới 10 cây số. Chúng tôi dừng lại nghỉ trưa tại thị xã Tuy Hoà. Thấy các chiến sĩ tự vệ đang lao xao, chạy xuôi chạy ngược ra chiều tắt bật. Hỏi ra mới biết họ đang lùng tìm những tên Việt gian chạy trốn. Lúc này, tại Tuy Hoà, Việt Minh đã chiếm được phủ đường, đồn khố xanh, các công sở. Khí thế cách mạng của quần chúng hăng hái lắm. Khẩu hiệu dán la liệt trên các phố. "Đả đảo phát xít Nhật!", "Việt Nam độc lập muôn năm!", còn tươi rói màu mực. Tuy vậy, thỉnh thoảng còn thấy xuất hiện những tên lính Nhật đi lại. Có lẽ lúc này chúng đã thua trận, nhưng chưa biết sẽ đi về đâu. Còn các chiến sĩ tự vệ đang nắm chắc tay súng bảo vệ những thành quả vừa giành được. Trong quá trình khởi nghĩa, tại một số nơi, trong đó có tỉnh Phú Yên, một số đồng chí đã để xảy ra sự hiểu lầm mà sau này các nhà viết sử chắc coi đó là những giai thoại sinh động trong kho tàng lịch sử cách mạng Việt Minh. Đó là câu chuyện giữa Việt Minh Nguyễn Ái Quốc và Việt Minh Hồ Chí Minh. Chuyện xảy ra ở Tuy Hoà. Khi chuẩn bị khởi nghĩa, tỉnh Phú Yên rất thống nhất với nhau về chủ trương cứu nước. Nhưng sau khi khởi nghĩa thắng lợi, lập chính quyền cách mạng, tự nhiên đẻ ra hai nhóm: Nhóm Việt Minh của Nguyễn Ái Quốc và nhóm Việt Minh của Hồ Chí Minh. Hai nhóm này có sự xích mích. Khi nghe tin có phái đoàn đại biểu Tổng bộ Việt Minh đến, hai nhóm Việt Minh mời chúng tôi đến họp để giải quyết xích mích. Trong cuộc họp, hai nhóm đều nói nhóm mình là chân chính. Bên nào cũng có lý cả. Đợi cho hai bên phát biểu xong anh Cao Hồng Lĩnh đứng lên giới thiệu tôi là đại diện Tổng bộ Việt Minh của cả Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh lên nói chuyện, Hội nghị đang ồn ào bỗng im phăng phắc. Khi tôi nói Nguyễn Ái Quốc chính là Hồ Chí Minh, cả hội nghị bùng lên một không khí háo hức, sôi nổi. Anh em hai nhóm Việt Minh ôm nhau cười trong niềm xúc động. Còn chúng tôi phải tranh thủ đi sớm đến Sài Gòn, thực hiện đúng lời Bác dạy. Xe tới thành phố Nha Trang, trời vừa tối. Chúng tôi tìm đến trụ sở Việt Minh để vừa xin nghỉ đêm vừa tìm hiểu tình hình khởi nghĩa của tỉnh Khánh Hoà. Sự trùng hợp lý thú là ở Khánh Hoà khởi nghĩa cùng ngày với thủ đô Hà Nội. Sự khôn lẹ trong việc "lấy gậy ông đập lưng ông", ta đã biến cuộc mít tinh của một tổ chức thanh niên thuộc chính quyền bù nhìn thành cuộc mít tinh của ta. Đồng chí đại diện Việt Minh của tỉnh nhảy lên bục diễn thuyết, tuyên bố đánh đổ chính quyền cũ, lập chính quyền mới cách mạng. Bọn quan chức bù nhìn chưa kịp đối phó đã bị quân cách mạng tóm gọn. Rồi như nước vỡ bờ, quần chúng yêu nước xông lên chiếm các công sở, tuần hành thị uy. Có thể nói đây là một trong những địa phương giành chính quyền đẹp nhất. Đêm thu ngủ tại Nha Trang, biển xanh sóng vỗ mà lòng lâng lâng. Sáng dậy, người nhẹ hẫng đi. Phải chăng khí hậu nơi đây đã chữa được sự mệt mỏi cho những người trường chinh. Ra khỏi Nha Trang, xe bon nhanh về Phan Rang. Qua Phan Rang là Tháp Chàm, rồi Phan Rí Cửa, Phan Thiết. Suốt dọc đường từ Nha Trang đến Phan Thiết, con đường thiên lý ấy, ngợp ngút người xe. Từng đoàn quần chúng biểu tình, tay dao, tay búa, vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu, tỏ rõ khí thế "sát thát" trong thời đại mới. Một dân tộc bị đè nén trăm năm, càng nén mạnh, sức bật lên càng mạnh. Những con người rách rưới, gầy gò, đến không còn sự sống, nay bỗng vụt lên những thiên thần, tưởng chừng Phù Đổng Thiên Vương không còn là một huyền thoại. Xe dừng lại Phan Thiết ít phút. Chúng tôi nghỉ chân ngồi ngắm biển xanh chan hoà ánh nắng. Những chiếc thuyền con xinh xinh ghéch mũi bên bờ cát mịn. Những rặng

cây ven biển lao xao cùng tiếng sóng rầm rì. Ngày thu trên biển Phan Thiết đẹp lạ lùng. Những đám mây trắng nhờ bay trên trời biển đã làm giảm đi cái nóng khô của miền Nam Trung Bộ. Thiên nhiên nơi đây có phần khắc nghiệt, nhưng lòng người lại lượng bể bao dung. Người dân Phan Thiết biết ruộng khô cần, lúa cây khó mọc, một nắng hai sương, quanh năm tảo tần. Giờ đây cách mạng đã về, lòng người càng bịn rịn trước sự đổi thay của quê hương. Tuy cách mạng chưa làm được gì nhiều, nhưng người dân cũng bắt đầu hít thở được không khí tự do. Nhìn khí thế cách mạng đang trào dâng ở một vùng ven biển, chúng tôi lại nghĩ đến Bác. Lúc ấy, đặt chân lên đất Phan Thiết, chúng tôi chưa biết nơi đây có thời gian Bác đã dừng chân trên con đường vạn dặm đi cứu nước. Mãi sau này được nghe các đồng chí kể lại, tôi mới biết chính nơi đây thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã dạy cho thế hệ tương lai biết nhân phẩm làm người trước khi bước vào cuộc chiến để giành lại quyền sống cho cả loài người. Phan Thiết của năm 1945 thuộc tỉnh Bình Thuận. Bên cạnh tỉnh Bình Thuận là tỉnh Ninh Thuận. Khi chúng tôi vào tới đây, hai tỉnh đã khởi nghĩa xong. Ủy ban nhân dân cách mạng đã được thành lập. Cờ đỏ sao vàng đã tung bay trên bầu trời hai tỉnh. Nhân dân vùng Tháp Chàm cổ kính bắt đầu lao vào xây dựng cuộc sống mới. Rời khỏi Phan Thiết, xe phóng nhanh, vượt qua nhiều địa phương đến Long Khánh, Dầu Giây, Trảng Bom, Hố Nai, Biên Hoà. Đến Biên Hoà, địa đầu Nam Bộ, không khí cách mạng mới háo hức làm sao. Trên khắp các ngã đường, các chiến sĩ tự vệ ken dày đặc. Trên ngực người nào cũng có huy hiệu búa liềm bằng vải, tượng trưng cho sức mạnh công nông. Rồi cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu căng la liệt trên các phố. Tiếng loa vang lên nhắc nhở mọi người giữ gìn trật tự trị an. Tiếng trống, lại có cả tiếng khèn của đồng bào Tây Nguyên đổ về đây, góp phần làm dậy lên cảnh sắc tung bừng của mọi thành phần nhân dân vừa giành được chính quyền trong tay. Biên Hoà sống vì Sài Gòn, một cử chỉ đẹp đẽ của tình anh em, khi có 500 đại biểu về Sài Gòn tham gia khởi nghĩa giành chính quyền. Khi Sài Gòn khởi nghĩa thắng lợi, đoàn đại biểu Biên Hoà trở về tham gia khởi nghĩa ở tỉnh nhà. Biên Hoà tước chìa khoá kho súng của địch vào trưa 26-8-1945, cũng là lúc bọn phát xít đến giờ cáo chung. Khí thế nổi dậy ở Biên Hoà mạnh lắm, vì nơi đây có cả một lực lượng công nhân cao su hùng mạnh, những người lao động cực nhọc, bán thân đổi mấy đồng xu ăn gạo mục, cá thối, khi họ đã vùng lên thì trời nghiêng đất lệch. Xe của chúng tôi chen chúc trong đoàn người dường như vô tận. Họ đang giải những tên lính Pháp. Bọn này vừa nhảy dù xuống Biên Hoà, muốn làm màn dạo đầu xâm lược trở lại miền Nam. Ủy ban cách mạng quyết định đưa những tên lính này về Sài Gòn xét xử. Vì mới giành được chính quyền, mọi việc còn ngỡ ngàng. Sự ngỡ ngàng nhiều khi đến ngậy thơ ấy đã gây cho chúng tôi những tai vạ. Khi xe áp giải bọn lính Pháp vừa rẽ lên mặt đường, cũng vừa lúc gặp xe chúng tôi đi tới. Thế là xe bị chặn lại kiểm soát. Tôi trình giấy tờ, nhưng anh em tự vệ không tin và tuyên bố chúng tôi bị bắt. Xe chúng tôi cùng xe những tên Pháp đều bị áp giải về Sài Gòn. Tới Sài Gòn, họ đưa chúng tôi vào thẳng khám lớn Chí Hoà, giam chung với những tên Pháp. Trong khoảng khắc, người cách mạng và những tên xâm lược bị nhốt chung vào một rọ. Chị Thập nhìn tôi, lắc đầu. Anh Lĩnh có vẻ bực bội. May sao, người phụ trách khám đến gặp chúng tôi hỏi nguyên do vì sao bị bắt. Khi xem giấy tờ, anh nhận ra chị Thập, liền gọi dây nói thẳng đến Nam Bộ phủ để báo cáo. Chuông điện thoại reo lên. Từ đầu dây đằng kia, một giọng nói:

- A lô! A lô! Cho nói chuyện với Hạ Bá Cang.

Người trực máy bảo ai tên là Cang ra nói chuyện. Tôi chạy ra đặt ngay ống nghe lên tai:

- A lô! Cang đây!

Một giọng quen quen:

- Nguyễn đây, Nguyễn Văn Nguyễn đây! Anh còn nhớ tôi không?

- Anh Nguyễn đấy hả? Chao ôi! May làm sao!

Đó là Nguyễn Văn Nguyễn, một nhà báo cách mạng nổi tiếng mà tôi đã biết từ những năm 1932 - 1934 tại Côn Đảo.

Anh Nguyễn nói tiếp:

- Cang ơi, anh đang ở đâu?

- Khám lớn

- Sao vậy?

- Chủ tịch Hồ Chí Minh cử chúng tôi vào đây công tác đặc biệt. Chẳng may trên đường tới Biên Hoà, bị giữ lại và đưa vào khám.

- À ra vậy. Một sự hiểu lầm. Tôi sẽ ra lệnh thả anh ngay. Ra khỏi khám, nhớ đến thẳng dinh Thống đốc nhé.

Tôi sẽ đợi các anh ở đó. Trong này có rất nhiều việc cần phải bàn với "ngoài ấy" lắm. Chỉ một lúc sau, chúng tôi gặp nhau. Nguyễn ôm chầm lấy tôi:

- Xong rồi!

Được anh Nguyễn đón tiếp chu đáo, chúng tôi tuy mệt lử, nhưng tinh thần rất phấn chấn. Đêm Sài Gòn sáng trong ánh điện. Trên trời lấp lánh các vì sao. Nhớ hồi năm 1930, tôi đặt chân tới Sài Gòn, lúc ấy thành phố còn đang nằm dưới sự kiểm soát của thực dân Pháp, mọi hoạt động phải hết sức bí mật. Nay Sài Gòn được tự do, đêm được ngủ yên giấc. Mơ ước bao lâu nay mới thành hiện thực. Lòng chúng tôi lúc này hướng về Sài Gòn, ghi nhận Sài Gòn, một thành phố được tập trung nhiều dân cư trong cả nước về đây đang vươn sức sống, đang dồn sức mở những đợt tiến công vào thành trì bọn phát xít và đế quốc. Chúng tôi cảm nhận Sài Gòn nơi đã sản sinh ra nhiều nhà thơ yêu nước như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị... Khi tới Sài Gòn, chúng tôi chưa biết nơi đây vào năm 1911, Bác Hồ đã ra đi tìm đường cứu nước. Chúng tôi cũng chưa biết chính thành phố này, thân phụ Bác, cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, năm 1925 đã đặt chân tới. Tại Sài Gòn, cụ miệt mài bắt mạch kê đơn chữa bệnh cho nhân dân. Trong lúc từ phương trời xa xăm bên châu Âu, người con yêu dấu của cụ, Nguyễn Tất Thành đang ra sức tìm tòi một phương thuốc chữa bệnh cho cả dân tộc, thì tại Sài Gòn, cụ phó bảng đi chữa bệnh cho từng người. Lương tâm của một người cha và lương tâm của một người con tuy ở đôi bờ đại dương, cả hai đều rất trong sáng.

Sáng hôm sau, anh Nguyễn Văn Nguyễn gọi tôi và anh Lĩnh dậy sớm để nghe anh báo cáo sơ bộ vài nét về Nam Bộ. Chị Thập đã về Hóc Môn từ tối qua. Anh Nguyễn báo cáo rất vắn tắt tình hình khởi nghĩa Sài Gòn: Sau khi Nhật đảo chính Pháp, quân Nhật ở Sài Gòn và các vùng phụ cận có tới 3 sư đoàn bộ binh, hàng nghìn tên hiến binh ác ôn và những tên nguy quyền vốn trước đó của Pháp, nay Nhật sử dụng để thay những tên chỉ huy. Như vậy, lực lượng của Nhật khá mạnh. Nhưng đến khi Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh ngày 1-8-1945, Đảng bộ Sài Gòn chớp thời cơ, gấp rút hoàn tất công việc chuẩn bị. Công nhân in hàng vạn tờ truyền đơn tung đi các nơi kêu gọi khởi nghĩa. Ngày 21-8-1945, cờ đỏ sao vàng như rừng cây trên các đường phố, báo hiệu Việt Minh xuất hiện. Sau đó 8 ngày, cờ đỏ búa liềm pháp phối tung bay, báo rằng Đảng Cộng sản Việt Nam công khai lãnh đạo khởi nghĩa. Rồi từ chiều 24-8, nhân dân các vùng gần Sài Gòn như Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Bến Lức, Lái Thiêu, Nhà Bè, Hóc Môn, Cần Giuộc, Cần Đức... lũ lượt kéo về Sài Gòn. Đêm hội ngộ cách mạng trong lòng Sài Gòn chật ních người. Cả Sài Gòn đều thức. Sáng sớm 25-8, hơn một triệu người từ khắp các ngã đường đổ về đại lộ Nôrôđôm dự cuộc mít tinh lớn của Việt Minh. Cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu tình qua đường Catina đến cột cờ Thủ Ngữ, theo bờ sông rạch Sài Gòn về cầu Ông Lãnh, rồi tiếp tục qua nhiều đường phố đổ ra chợ Bến Thành lên dinh đốc lý. Đoàn người vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu: "Chính quyền về tay Việt Minh", "Thành lập chế độ dân chủ cộng hoà"... Trước sức mạnh của quần chúng cách mạng, quân Nhật co lại. Bọn Việt gian thân Nhật lùi như chuột. Toàn bộ chính

quyền về tay nhân dân. Cuộc nổi dậy của nhân dân Sài Gòn thắng lợi giòn giã trong ngày 25. Sài Gòn nổi dậy, Chợ Lớn và Gia Định cũng vùng lên, rồi các tỉnh đồng bằng phía nam cứ thế mà xung trận giành thắng lợi trong khoảnh khắc. Sự phối hợp ăn ý giữa Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định và các tỉnh phía nam là kết quả của một quá trình chuẩn bị, tích tụ lực lượng từ sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940. Bài học không thành công của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ chính là bài học thành công của cuộc nổi dậy hôm nay cũng trên mảnh đất này.

Anh Nguyễn Văn Nguyễn còn muốn nói và chúng tôi còn muốn nghe những trang sử hào hùng về cuộc nổi dậy ở Nam Bộ trong những ngày Cách mạng tháng Tám. Nhưng anh phải tạm dừng để đưa chúng tôi đi gặp ngay đại biểu các giới, các ngành đang chờ đón chúng tôi. Khi chúng tôi tới chỗ hẹn đã thấy vài chục đồng chí ngồi nghiêm chỉnh. Thấy chúng tôi, các anh chị đứng cả dậy bắt tay hết sức thân mật. Anh Nguyễn giới thiệu tôi ra mắt Thường vụ Trung ương và Tổng bộ Việt Minh vào giúp Đảng bộ và Việt Minh các tỉnh ở Nam Bộ củng cố Đảng và chính quyền địa phương, rồi anh giới thiệu tôi lên nói chuyện. Tôi nói rõ mục đích vào Nam của chúng tôi mà Bác, Thường vụ Trung ương và Tổng bộ Việt Minh giao cho. Khi tôi chuyển lời hỏi thăm của Bác tới các đồng chí, đồng bào miền Nam và nói rõ Cụ Hồ Chí Minh và đồng chí Nguyễn Ái Quốc là một, thì cả phòng họp đứng dậy vỗ tay hồi lâu và hô lớn: "Nhiệt liệt ủng hộ Chính phủ Trung ương do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo". Tôi nói rõ đường lối cơ bản của Bác và cả Trung ương trong lúc này là thực hiện đại đoàn kết toàn dân, thêm bạn, bớt thù; tập trung tinh lực vào việc giành chính quyền từ tay Nhật và chuẩn bị ứng phó với quân Anh, Mỹ, Tưởng nhân nhượng, để Pháp trở lại Đông Dương; phân tích 10 chính sách lớn của Việt Minh. Vấn đề then chốt trong lúc này ở Nam Bộ là chuẩn bị đối phó với quân Pháp trở lại sau khi quân Nhật đầu hàng. Đây, cuộc gặp diễn ra chỉ có ít phút, nhưng bước đầu đã ăn nhập giữa chúng tôi với các đồng chí Nam Bộ. Hẹn xong, tôi đánh điện báo cáo để Bác rõ những tình tôi đã đi qua, các tỉnh Nam Bộ đã giành được chính quyền.

Ngày 2-9-1945, trong lúc Thủ đô Hà Nội làm lễ độc lập, Bác Hồ trình trọng tuyên bố với thế giới nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, cũng ngày này, tại Nam Bộ phủ nằm trong Sài Gòn cũng tổ chức mít tinh lớn mừng ngày độc lập. Nhìn rưng rờ cùng những gương mặt tươi rói của người dân trong ngày độc lập, tôi trào lên niềm xúc động thiêng liêng. Sau gần 9 thập kỷ gan góc chống Pháp rồi chống Nhật, hôm nay, Tổ quốc đã độc lập. "Thiên ái quốc" mà nhân dân ta đã hát từ lúc Phan Đình Phùng, Trương Định, Hoàng Hoa Thám phát cờ khởi nghĩa, nay đã trở thành sức mạnh của hàng triệu, hàng triệu trái tim, khối óc. Bốn mặt sơn hà từ nay sẽ được phòng thủ vững chắc, quyết giữ vững độc lập, coi đó là lương tâm, danh dự, phẩm giá của tất cả cộng đồng người Việt Nam. Nhưng rồi, lũ thực dân khát máu, một lần nữa lại lao vào cướp miếng mồi béo bở. Chúng quyết phá nền độc lập của chúng ta. Một lần nữa, tiếng súng lại nổ. Những tên lính Pháp xô ra từ các trại giam của Nhật, bắt đầu bắn lén khiêu khích các đám biểu tình. Chúng nấp trong nhà thờ Đức Bà bắn xả ra làm gần 500 con người ngã xuống, hàng chục người bị thương. Hành động khiêu khích này là nghiêm trọng. Đồng bào Sài Gòn sục sôi căm thù quân khát máu. Chúng đã uống máu dân tộc mình suốt 9 thập kỷ, nay còn khát. Nợ máu phải trả bằng máu, không còn cách nào khác. Các chiến sĩ tự vệ Sài Gòn trừng trị đích đáng bọn khiêu khích. Trên các đường phố, những tiếng hô mạnh mẽ và đánh thép vang lên: "Đả đảo thực dân Pháp", "Nước Việt Nam của người Việt Nam", "ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh". Từ giờ phút này, quân và dân Nam Bộ bắt đầu bước vào trận mới.

Ngày 25-8-1945, trong chuyến công cán tại Công gô Bradavin, tướng Pháp Đơgôn tuyên bố Pháp quyết tâm chiếm lại Đông Dương, coi đó là vấn đề tối cần thiết cho Pháp. Trước mắt, Pháp sẽ gửi 40.000 quân sang Đông Dương. Kế hoạch chiếm lại Đông Dương của Pháp được thực hiện hết sức khẩn trương. Lúc đầu, Pháp muốn đánh chiếm Bắc Bộ trước. Sau đó, chúng điều chỉnh kế hoạch, dựa vào quân Anh gấp rút đánh chiếm Nam Bộ rồi từ Nam Bộ lần dần ra Trung Bộ, Bắc Bộ, chiếm phần còn lại của Đông Dương, lập liên bang Đông Dương. Trong lúc chờ đợi quân viễn chinh Pháp đang vượt biển tới, Pháp dùng ngay kiều dân Pháp, tân binh Nhật, phối hợp với quân Anh đánh vào Sài Gòn. Ngày 4-9-

1945, tướng Grêxi (Gracey), tư lệnh sư đoàn 20 quân đội Hoàng gia Anh, trưởng phái bộ Đồng Minh, điều động 7 tiểu đoàn của tàn quân Nhật từ các nơi về Sài Gòn. Từ đây, máy bay Đồng Minh liên tiếp chao lượn trên bầu trời thành phố. Ngày 6-9, 30 sĩ quan Anh vào Sài Gòn. Tới nơi, chúng ra lệnh thiết quân luật, chỉ huy quân Nhật kiểm soát thành phố và ngạo nghễ đòi các lực lượng vũ trang của ta nộp vũ khí. Trống rỗng hơn, chúng đòi đóng bản doanh ở Nam Bộ phủ, trụ sở của Ủy ban nhân dân Nam Bộ. Điều này báo hiệu chúng bắt đầu hất chính quyền ta xuống. Quân Anh tiếp tục lấn sâu vào Sài Gòn. Ngày 11-9, Grêxi vào Sài Gòn. Hôm sau, một lữ đoàn quân đội Hoàng gia Anh và trung đoàn bộ binh số 5 (RIC) vào Sài Gòn, làm tiền trạm cho quân đội viễn chinh Pháp. Đến Sài Gòn, vừa uống xong cốc nước, Grêxi ra lệnh tập hợp 7.000 tù binh Pháp, trang bị vũ khí cho chúng, biên chế thành những đơn vị chiến đấu. Rồi y thành lập ngay bộ máy chính quyền thực dân ở Nam Bộ do Xêđin làm thống đốc. Bọn phản động tay sai nghe tin quan thầy trở lại, đốt pháo ăn mừng, kéo đến một địa điểm ở quận Tân Bình, họp bàn kế hoạch bạo loạn, âm mưu đảo chính, lập "Chính phủ quốc gia liên hiệp" tay sai cho Pháp.

Dựa vào thế lực của Anh, lại có trên 5.000 lính Nhật giúp sức, thực dân Pháp lấn tới. Tàu chiến Pháp tiếp tục cập bến Sài Gòn. Lính viễn chinh tiếp tục đổ bộ. Đêm 22- 9-1945 thực dân Pháp mở đợt tiến công với quy mô lớn vào Sài Gòn. Tiếng súng nổ khắp trong thành phố. Lúc ấy, tôi và anh Cao Hồng Lĩnh đang ở nhà anh Tường Dân Bảo, nghe súng nổ, biết ngay có chuyện chẳng lành. Đúng như dự đoán của chúng tôi và các đồng chí trong Xứ uỷ: Pháp sẽ tiến công Sài Gòn ngày một ngày hai. Cả đêm ấy, chúng tôi hoàn toàn không chợp mắt. Tôi báo với anh Lĩnh cần thảo gấp Lời hiệu triệu của Tổng bộ Việt Minh kêu gọi đồng bào Nam Bộ chiến đấu: "*Ai có dao dùng dao, ai có mác dùng mác. Mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi thước đất là một chiến hào... Tất cả hãy xông ra bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc...*". Thay mặt Việt Minh, tôi và anh Lĩnh cùng ký tên vào Lời hiệu triệu. Sáng hôm sau, Lời hiệu triệu được mang xuống xưởng in ngay, kịp động viên đồng bào chiến đấu. Trong hội ký "Qua những chặng đường", chị Nguyễn Thị Thập có đề cập tới Lời hiệu triệu này. Chị kể: "*Lời hiệu triệu có nhiều đoạn rất xúc động, đã thôi thúc tất cả mọi tầng lớp dân chúng Nam Bộ xông ra chiến đấu*". Thảo xong Lời hiệu triệu, chúng tôi bàn tiếp việc triệu tập Hội nghị Xứ uỷ và Ủy ban hành chính Nam Bộ để bàn gấp việc đối phó với quân Pháp. Tôi muốn gọi điện ngay về Hà Nội báo cáo với Bác và Trung ương. Rất tiếc phương tiện thông tin không có. Công việc này ngày hôm sau mới thực hiện được. Việc quân Pháp lấn le chiếm lại Nam Bộ, Bác đã có tiên đoán từ trước. Trước lúc vào Nam, Bác đã nói với chúng tôi rằng, quân Tưởng vào Bắc Bộ và quân Anh, Pháp sẽ chiếm Nam Bộ, chúng ta phải chuẩn bị đối phó với cả hai thứ quân ấy. Lời tiên đoán của Bác đã trở thành hiện thực. Trung ương vừa thông báo cho chúng tôi biết, quân Tưởng đã vào hầu hết các thành phố, thị xã từ biên giới Việt - Trung đến vĩ tuyến 16, Bác và Trung ương đang bận đối phó với bọn Tàu phản động này. Còn chúng tôi phải lo đối phó với bọn thực dân Pháp ở phía nam.

Sáng sớm ngày 23-9, tôi đi gặp anh Nguyễn, nhờ anh chuyển bức điện khẩn cấp của tôi về Hà Nội. Trong điện, tôi viết: "Thưa Bác và các anh, đêm qua, 22-9, Pháp nổ súng chiếm Sài Gòn. Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ đã sẵn sàng đối phó". Rồi chúng tôi đi vội đến đường Cây Mai thuộc Chợ Lớn họp với các anh trong Xứ uỷ và Ủy ban. Trên đường đi tới chỗ họp, tôi thấy quân Anh, quân Pháp, quân Nhật nhan nhản. Trên các đường phố, thanh niên dựng chiến lũy. Tự vệ công nhân xông ra đòi đánh. Tiếng súng nổ liên tục.

Tới nơi, tôi thấy các đồng chí tề tựu đầy đủ, Hội nghị diễn ra sôi nổi. Nhiều đồng chí phát biểu tới hai, ba lượt. Chung quy lại, có hai ý kiến: Một là, chưa đánh ngay, kháng cự cầm chừng với quân Đồng Minh. Hai là, kiên quyết đánh. Ý kiến kiên quyết đánh là hợp với lòng dân Nam Bộ lúc này. Đến giờ phút cuối cùng, Hội nghị nhất trí động viên toàn dân kháng chiến, cứu nước. Tình hình và công việc đều được báo cáo lên Trung ương và Bác. Trong điện báo cáo nói rõ chúng tôi đã lập Ủy ban kháng chiến lo việc quân sự, là lệnh tổng bãi công trong công nhân, thực hiện kế hoạch phá hoại đường giao thông, tiếp tế để bao vây quân địch và kêu gọi toàn quân, toàn dân chiến đấu. Sau này, tôi được các anh trong Thường vụ Trung ương kể lại: Khi nhận được điện của Xứ uỷ và của các anh, Bác và Thường vụ

Trung ương họp khẩn cấp, nhất trí với chủ trương của Xứ uỷ. Trung ương quyết định thành lập những đơn vị Nam tiến vào giúp đồng bào Nam Bộ chiến đấu. Chủ trương của Bác và Trung ương quyết định tiên hành cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc là đúng đắn. Nó đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân cả nước, thà chết chứ không chịu làm nô lệ. Ngày 26-9-1945, từ Sài Gòn, chúng tôi được nghe Lời kêu gọi của Bác qua đài phát thanh. Ở Sài Gòn, việc liên lạc với Hà Nội gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, chúng tôi đón chủ trương của Bác và Trung ương chủ yếu qua đài phát thanh. Khi Bác và Trung ương kêu gọi, chúng tôi biết mình phải làm gì. Nhịp đập trong trái tim của Bác cũng là nhịp đập trong trái tim chúng tôi. Tiếng Bác trong làn sóng điện thiết tha và ấm áp lạ lùng:

“Hỡi đồng bào Nam Bộ!

Nước ta vừa tranh quyền độc lập, thì gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai lại mò lại. Trong 4 năm, họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta lần nữa”.

Trong *Lời kêu gọi*, Bác tin tưởng cuộc chiến đấu của đồng bào Nam Bộ nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của toàn dân. Bác nói cuộc chiến đấu của dân tộc ta là quang minh chính đại, đòi quyền độc lập tự do, phải làm cho thế giới biết chúng ta là một dân tộc văn minh. Cả Nam Bộ lắng nghe tiếng nói Bác Hồ, quyết tâm biến lời kêu gọi của Bác thành ý chí quyết chiến quyết thắng và hành động dũng cảm. Anh Cao Hồng Lĩnh và anh Tường Dân Bảo nghe tiếng nói của Bác xúc động lắm. Anh Bảo nói: "Đời tôi chưa được gặp Cụ Hồ Chí Minh, nhưng rất tôn kính Cụ". Tôi biết anh Bảo là người yêu nước chân chính. Anh có tư tưởng chống Pháp từ hồi còn niên thiếu. Khi Nguyễn Thái Học lập Quốc dân Đảng, tuyên bố chống Pháp, anh xin tham gia. Bọn thực dân bắt anh, đày giam tại Côn Đảo cùng một nhóm Quốc dân Đảng yêu nước như Trần Huy Liệu, Tô Chấn, Tô Hiệu, Trần Xuân Độ... Tại Côn Đảo, anh giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, xin gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Hai tên Quốc dân Đảng phản động là Nguyễn Ngọc Sơn và Nhượng Tống thù ghét anh Trần Xuân Độ và anh Tường Dân Bảo tới mức quyết định mưu sát anh. Chúng chờ đợi Lãng giết. Lừa lúc sơ hở, đội Lãng cầm dao cắt họng và cắt cổ anh Bảo. May sao anh không chết. Được anh cứu chữa, dần dần anh Bảo khỏi bệnh. Từ đây, càng ngày anh càng gắn bó với anh em tù cộng sản. Tôi biết anh khi anh bị giam giữ tại Côn Đảo. Giờ đây, anh hoạt động tại Nam Bộ, muốn góp phần mình vào sự nghiệp giải phóng Tổ quốc. Cùng nghe tiếng nói Bác Hồ qua Đài Tiếng nói Việt Nam hôm ấy còn có chị Ba. Chị Ba làm nghề nấu cao, hoạt động ở chợ Bến Thành, có cảm tình với Việt Minh. Mặc dù rất bận, chị Ba vẫn nhận lời yêu cầu của anh Bảo, đến giúp chúng tôi trong việc cơm nước. Chị làm việc hết sức chu đáo, bữa nào cũng cơm nóng, canh ngon, nhất là cho chúng tôi ăn rất đúng giờ. Lòng nhiệt tình của chị làm chúng tôi vô cùng xúc động. Chị chăm chú nghe tiếng nói Bác Hồ. Chị mơ ước một ngày nào đó sẽ ra Hà Nội thăm Bác. Nhưng trước mắt chúng tôi là cuộc chiến đấu chống xâm lược.

Anh Phạm Văn Bạch (Nguyễn Văn Liên), Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ gặp tôi để bàn bạc một số công việc quan trọng trước mắt. Lúc này anh Trần Văn Giàu không làm Chủ tịch Nam Bộ, chức vụ đó do anh Phạm Văn Bạch nắm từ ngày 7-9-1945. Chủ trương của chúng tôi và Xứ uỷ Nam Bộ lúc đó là phải chọn một số nhân sĩ trí thức có uy tín, chưa phải đảng viên cộng sản làm Chủ tịch Nam Bộ, vì tình hình Nam Bộ lúc này rất cần cả về đối nội lẫn đối ngoại. Một danh sách các vị nhân sĩ trí thức lớn của Nam Bộ được giới thiệu. Bàn đi tính lại mãi, cuối cùng các đồng chí đều thống nhất tiến cử anh Bạch. Anh Bạch là một trí thức có uy tín ở Nam Bộ, không chỉ nhân dân Nam Bộ biết mà ngay cả người Pháp cũng biết anh. Năm 1926, anh sang Pháp học. Sau ba năm học, anh đậu luôn hai bằng cử nhân luật và cử nhân triết học. Tốt nghiệp cử nhân, anh học tiếp để thi tiến sĩ luật. Ở Pháp, anh chịu ảnh hưởng tư tưởng của phái cấp tiến, đề cao tự do cá nhân và giá trị cá nhân, nhưng còn xa lạ với chủ nghĩa cộng sản khoa học. Nhà trường trong xã hội Pháp lúc ấy bung

bít những lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin. Vì vậy, khi học tới năm thứ ba đại học mà anh vẫn chưa hề được đọc sách báo mác xít. Các giáo sư ở đại học đường Pháp lúc ấy phần lớn tỏ thái độ chống cộng sản. Nhưng vì là một luật gia muốn biết rõ sự thật, nên nhà trường càng bung bít không cho sinh viên nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, anh càng sẵn lòng, tìm hiểu nó. Sau khi tốt nghiệp cử nhân, anh quyết định bí mật tìm hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin, nhờ đó dần dần nhận ra chân lý của thời đại. Cuộc đời tư tưởng của anh đã đi từ "cấp tiến" (Radical socialiste) qua "xã hội, (SFIO) đến mác xít. Năm 1935, anh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ luật về quyền bình đẳng dân tộc. Trở về nước, anh làm nghề dạy học, có đạo làm Chánh án tỉnh Bến Tre dưới thời Nhật. Phong trào yêu nước và cách mạng của dân tộc đã lôi cuốn anh, đưa anh vào trong hàng ngũ trí thức chống thực dân, phát xít. Từ đây, anh ra sức gần gũi thanh niên, học sinh, truyền bá tư tưởng dân chủ mà trước đó các em chưa từng biết. Anh là một người lịch thiệp, tính tình vui vẻ, dung dạt hấp dẫn, làm trạng sư bệnh viện lê phải và công lý, ăn tiền rất ít, chủ trương thực hiện giáo dục hơn trừng phạt, cho nên đã gây tiếng vang trong Nam Bộ. Người ta yêu cầu anh ra ứng cử hội đồng quản hạt Nam Kỳ, viết báo nói về anh...

Khi vào tới Sài Gòn, tôi được các đồng chí Nguyễn Thị Thập, Nguyễn Văn Nguyễn, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Cái, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Tây... những nhân vật trí thức và cộng sản nhắc đến tên anh với một cảm tình ưu ái. Một con người được cả những người cộng sản lẫn nhân sĩ, trí thức, quần chúng lao động có cảm tình, cho nên việc chọn anh làm Chủ tịch Nam Bộ là đúng đắn. Khi tôi điện ra Hà Nội báo cáo với Bác về anh, được Bác trả lời đồng ý và hoan nghênh. Nhưng có điều khi anh Trần Văn Giàu thông báo cho anh quyết định làm Chủ tịch Nam Bộ và nhất là lúc gặp tôi lần đầu, anh lại từ chối với lý do không có năng lực lãnh đạo chính trị. Thực ra, lúc đầu không rõ vì sao anh hiểu lầm chúng tôi, cho rằng Việt Minh bỏ trí vai tuồng để rồi chết trong tay người Anh, Pháp. Sự hiểu lầm của anh làm anh rất dè dặt mỗi khi gặp tôi. Chúng tôi kiên trì thuyết phục anh để anh thấy rõ đường lối của Bác và của Trung ương là quang minh chính đại. Dần dần anh nhận ra vấn đề và cuối cùng vui vẻ nhận chức. Trong bản tự thuật viết ngày 24-2-1952, anh nói rõ sự hiểu lầm lúc ban đầu gây xao xuyến trong tư tưởng anh. Giờ đây, khi Nam Bộ bước vào kháng chiến, anh cùng đồng bào hăng hái chiến đấu. Trên một chiếc thuyền lướt qua các kênh rạch, tôi và anh trao đổi nhiều vấn đề, nhưng tập trung lại là bản biện pháp duy trì bộ máy chính quyền khắp Nam Bộ, biện pháp củng cố các ngành công an, tài chính, tư pháp...

Những ngày đầu kháng chiến ở Nam Bộ, chúng tôi biết các anh trong Xứ uỷ, Uỷ ban kháng chiến và Kỳ bộ Việt Minh làm việc hết sức vất vả và năng động. Tôi biết các đồng chí phân công nhau đi các tỉnh Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho, Cần Thơ, Trà Vinh, Bến Tre, Sa Đéc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Bạc Liêu... kiểm tra và chỉ đạo công việc kháng chiến. Các đồng chí lập phương án sơ tán các cơ quan, kho tàng, tản cư ra khỏi Sài Gòn và chỉ trong vài ngày đã thực hiện thành công phương án. Một kỳ công mà sử sách cần ghi lại là các đồng chí (trong đó có vai trò của anh Ngô Tấn Nhơn và anh Phạm Văn Bạch) đã tập trung sức vào việc xây dựng đài vô tuyến điện để liên lạc giữa Nam Bộ với Trung ương. Từ Sài Gòn xa xôi cách xa Hà Nội và Việt Bắc, nếu không có một hệ thống liên lạc bằng vô tuyến điện sẽ gặp khó khăn biết nhường nào trong mối liên hệ giữa Nam Bộ với Bắc và Trung ương. Vì vậy, việc xây dựng đài vô tuyến điện là một chiến công to đóng góp vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Chiến sự ngày càng ác liệt. Quân Pháp ngày càng lấn tới, đánh chiếm cầu Bông, cầu Kiệu, cầu Khánh Hội, cầu chữ Y. Đây là dấu hiệu nói rằng địch thực hiện âm mưu chia cắt, khoá chặt mối liên hệ giữa bên trong và bên ngoài Sài Gòn. Quân Pháp cùng quân Anh mỗi lúc đánh nóng ra. Nhưng đều bị các lực lượng vũ trang của ta chặn đánh. Chiến sự diễn ra ác liệt ở khu vực cầu Bông, cầu Kiệu, cầu Khánh Hội, cầu chữ Y. Khi thông các cầu, quân từ ngoại ô đột nhập vào thành phố, đánh giáp lá cà, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Quân Pháp tổn thất nặng nề ở Tân Định, Đa Cao. Quân ta đổ máu nhiều trong thành phố. Trong cuộc chiến hết sức ác liệt này, nổi lên những chiến sĩ tự vệ công nhân lăn xả vào quân Anh, quân Pháp mà đánh. Và khi họ cắt ngón tay lấy máu viết lên dòng chữ: "Quyết xả thân bảo vệ Sài Gòn",

cũng là lúc nổi lên thiên anh hùng ca chói lọi của những tay búa, tay súng. Chỉ trong vài ngày, giai cấp công nhân Sài Gòn lập xong 350 đội xung phong công đoàn và đội tự vệ. Chẳng mấy chốc, gần 140 xí nghiệp và công sở, hơn 20 kho tàng, gần 20 đầu máy xe lửa, hơn 50 tàu và 200 xe ô tô của Pháp bị phá huỷ. Trong xưởng máy, công nhân làm việc suốt ngày đêm rèn giáo, mác, cuốc, xẻng phục vụ chiến đấu. Khi quân Pháp áp sát Sài Gòn, lập tức công nhân tìm mọi cách chuyển máy móc, thiết bị ra ngoài, thành lập tại Dĩ An và An Phú Đông hai công binh xưởng lớn, kịp thời sản xuất vũ khí đánh địch. Thanh niên và thiếu nhi Sài Gòn chiến đấu với tinh thần "bóp nát quả cam" noi gương Trần Quốc Toàn năm xưa. Hình ảnh em thiếu niên Lê Văn Tám dũng cảm đốt cháy kho xăng địch tại Thị Nghè để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng nhân dân. Nhìn kho xăng bốc cháy, tiếng đạn nổ, khói toả mù mịt, ai nấy tự hào về sức sống mãnh liệt của một em thiếu nhi nghèo khổ của Sài Gòn. Với tinh thần chiến đấu bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, cả Sài Gòn nhất loạt tổng bãi công, bãi chợ, bãi khoá tẩy chay địch. Chiến lũy mọc trên các đường phố. Nhân dân quăng ra hàng vạn chiếc ghế, khúc gỗ, giường, tủ... làm chướng ngại vật, không cho xe của quân địch tiến lên. Cả Sài Gòn vào trận với khí thế hào hùng chưa từng thấy trong lịch sử giữ thành từ khi Pháp sang xâm lược.

Địch vẫn lần tới. Súng nổ ở Tham Lương, Bà Quẹo, Chợ Đệm, Bình Điền. Sài Gòn hình thành ba mặt trận chính: Tham Lương - Bà Quẹo do anh Trần Văn Trà chỉ huy; cầu Chợ Đệm - Bình Điền do anh Bảy Trán lãnh đạo, và mặt trận Cầu Bông. Chị Nguyễn Thị Thập lúc ấy ở tổng hành dinh của mặt trận Tham Lương - Bà Quẹo đóng tại Bà Điểm. Chị lo việc hậu cần cho quân đội, diễn thuyết ở chợ Đức Hoà, lôi kéo được hàng trăm thanh niên xin nhập ngũ. Người ghi tên tòng quân đông đến nỗi chị phải cho rút thăm, ai trúng thì đi. Lúc ấy, lương thực của ta còn thiếu, súng đạn cũng ít, nhưng tất cả đều muốn xung trận. Nhiều thanh niên không trúng thăm, phải ở lại hậu phương cứ ôm mặt khóc như đàn trẻ con. Chị Mười Thập trong những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến thường tả xung hữu đột, lặn lội cùng đồng chí lên tận Thủ Dầu Một mua được nhiều đạn của đồng bào mò dưới các suối, do Nhật đổ xuống trước lúc đầu hàng Đồng Minh. Đồng bào Thượng bán cho chị hàng trăm tên nổ tẩm thuốc độc để cung cấp cho mặt trận của anh Huỳnh Văn Một ở "Vườn thơm". Khi mặt trận Chợ Đệm bị vỡ, cầu sập, cắt đứt giao thông giữa Sài Gòn và Mỹ Tho, chị vận động nhân dân ủng hộ ghe cho cán bộ, bộ đội đi lại.

Lúc bấy giờ, bên cạnh lo việc chiến đấu, còn có việc tổ chức đón anh em tù cộng sản ở Côn Đảo trở về. Tôi đón anh em ở Cần Thơ, cùng các đồng chí trong Xứ uỷ. Gặp nhau tay bắt mặt mừng, nước mắt giàn giụa, Anh em sau bao năm bị giam cầm, nay trở về với thân hình tiều tụy. Tuy vậy, ai nấy đều hăm hở xin nhận công tác ngay. Vì một nền độc lập, tự do của Tổ quốc đã không ngăn được bước tiến của mọi người. Một số đồng chí được bổ sung vào Xứ uỷ. Số đông chia nhau đi công tác ở các tỉnh. Lực lượng hùng hậu này đã góp phần không nhỏ vào cuộc kháng chiến ở Nam bộ đang diễn ra ác liệt.

Những chiếc tàu chiến khổng lồ từ bên kia đại dương cứ ùn ùn kéo đến Nam Bộ. Lực lượng quân Pháp được sự giúp đỡ của Anh, Mỹ, từ Sài Gòn, chúng đánh ra các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Nhưng bị quân ta chặn đánh quyết liệt, chúng phải giam chân trong thành phố. Mặc dầu vậy, nhiệm vụ đối phó với địch không chỉ khoanh trong Sài Gòn, mà bắt đầu toả ra toàn Nam Bộ. Trước sự kiện nóng bỏng đó, tôi và anh Cao Hồng Lĩnh tạm thời phải xa nhau, mỗi người đi một số tỉnh giúp sức vào sự chỉ đạo chiến đấu của địa phương. Trước mắt, anh Lĩnh xuống Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc. Còn tôi về Tân An và bám sát vùng ven Sài Gòn. Hôm chia tay, anh Lĩnh và tôi đều ngậm ngùi. Anh bảo tôi: "Chiến sự diễn ra sẽ ngày càng ác liệt. Vận nước run rui, phận người khó lường, rất có thể chúng ta sẽ không gặp lại nhau nữa". Tôi cũng thấy như vậy. Nhưng cả hai chúng tôi đều tin tưởng ở ngày chiến thắng.

Về tới Tân An, tôi đánh điện báo cáo ngay với Bác và Trung ương về tình hình chiến sự ở Nam Bộ và nêu biện pháp trong đối sách của ta. Cùng lúc đó chúng tôi nhận được tân đại diện của quân Anh làm môi giới cho Pháp muốn gặp Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ xin điều

đình, vì quân Pháp đang bị quân ta dồn vào thế quẫn bách, thiếu lương thực, thực phẩm, vũ khí. Tôi điện tiếp báo cáo với Bác để xin ý kiến. Bác trả lời có thể đàm phán với chúng. Có điều Bác dự đoán kết quả rất mong manh, nhưng còn nước còn tát. Chúng tôi cũng dự kiến đây chỉ là kế hoãn binh của Pháp. Chờ dịp, chúng lại quật lại ta. Vấn đề đặt ra là phải hết sức tinh táo. Nhận lời đàm phán, tôi, anh Phạm Văn Bạch và anh Phạm Ngọc Thạch lên đường vào Sài Gòn, hôm ấy vào ngày 1-10-1945. Chẳng may cho chúng tôi, xe vừa ra khỏi Tân An, một quả đạn của địch bắn trúng lốp xe, xe lật nhào, hất chúng tôi xuống ruộng. Chiếc mũ phớt của tôi văng ra xa, còn chiếc cặp bị rách nát. Tôi nằm mê man bên bờ ruộng. Tỉnh dậy, sờ khắp người may sao không việc gì. Tôi nhìn sang bên thấy anh Bạch và anh Thạch đang lóp ngóp bò dậy. Cũng may cho chúng tôi là không ai bị thương. Nhân dân ở gần đây, thấy chúng tôi bị nạn, họ chạy ra lấy dầu cù là xoa bóp cho chúng tôi. Ngồi nghỉ một lát chúng tôi thuê chiếc xe khác để đi.

Cuộc đàm phán giữa chúng tôi với đại diện Anh và Pháp tại Sài Gòn diễn ra từ ngày 2-10-1945 đến ngày 10-10-1945. Chúng tôi đề nghị phía Anh, Pháp cần chấm dứt sự can thiệp vào Sài Gòn, Nam Bộ và toàn cõi Việt Nam, trả lại độc lập dân tộc cho nhân dân Việt Nam. Trước hết cần rút hết quân đội Anh, Pháp ra khỏi Sài Gòn và không được nống ra các tỉnh khác của Nam Bộ. Nếu phía Anh, Pháp thực hiện đúng những lời cam kết đó, chúng tôi sẽ cung cấp lương thực, thực phẩm, điện thắp sáng cho họ trong những ngày lưu lại ở Việt Nam. Những quân nhân Anh, Pháp bị bắt cũng sẽ được trao trả. Nhưng phía Anh rất ngoan cố. Chúng làm như ra lệnh cho chúng tôi phải cung cấp lương thực, thực phẩm và trả lại ánh điện cho chúng. Yêu cầu của chúng tôi đề ra, họ lờ đi không bàn, mà chỉ đòi những thứ phục vụ thiết thực cho sinh hoạt của chúng. Cuộc đàm phán không mang lại kết quả. Trong quá trình đàm phán, chúng tôi bàn bạc kỹ với các đồng chí bên quân sự chuẩn bị mọi mặt, tiếp tục chiến đấu, hạn chế sự tiến công của địch.

Sau cuộc đàm phán vô hiệu quả này, chúng tôi thấy cần xây dựng lực lượng kháng chiến ở nông thôn và duy trì cơ sở trong thành phố, tiếp tục chiến đấu lâu dài. Lúc này, địch đánh rất. Chúng cần quét rất dữ các vùng chung quanh Sài Gòn. Chúng tôi phải di chuyển cơ quan Ủy ban kháng chiến Nam Bộ về Đông Tháp Mười.

Trong lòng Sài Gòn, tuy các cơ quan đầu não đã rút ra, nhưng từng tốp vũ trang vẫn liên tiếp đột nhập đánh địch ở trung tâm thành phố. Sân bay Tân Sơn Nhất bị quân ta uy hiếp. Tàu chiến Pháp cập bến Sài Gòn bị quân ta bắn cháy. Những chiến sĩ biệt động đi lùng những tên Việt gian để trừ khử. Lửa trong thành vẫn cháy. Tiếng súng trong thành vẫn nổ. Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long hướng về Sài Gòn, tiếp sức cho Sài Gòn. Trên các nẻo đường, những chiếc xe thô mộc chở lương thực, thực phẩm về Sài Gòn cung cấp cho bộ đội chiến đấu. Một niềm vui xúc động mạnh trong lòng đồng bào Nam Bộ khi được tin những đơn vị Nam tiến từ Hà Nội, căn cứ địa Việt Bắc, các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ đã hành quân đến mặt trận Sài Gòn, tiếp sức chiến đấu cho quân và dân Sài Gòn. Từ đây trong chiến hào Sài Gòn, ngoài quân địa phương còn có quân từ khắp các miền Tổ quốc. Bản anh hùng ca chiến trận vang lên tinh đoàn kết của những người anh em con Lạc, cháu Hồng. Quân ta vẫn vây chặt quân địch trong thành phố cho tới cuối tháng 10-1945, khi chúng được tăng viện thêm trung đoàn bộ binh RICM với đầy đủ trang bị, rồi những đơn vị pháo binh Anh yểm trợ, quân Pháp mới phá được vòng vây, đánh nống ra các tỉnh quanh Sài Gòn. Như vậy, suýt hơn một tháng trời, kể từ khi quân Anh, Pháp đánh Sài Gòn, bước đầu làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của chúng. Trong thời gian ngắn ngủi ấy, chúng ta đã gấp rút sửa soạn chiến đấu và làm tốt công tác sơ tán.

Khi quân Anh, Pháp bắt đầu đánh nống ra ngoài Sài Gòn, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn chiến đấu trên toàn chiến trường miền Nam. Một trong những nhiệm vụ khẩn cấp lúc này là phải củng cố và phát triển gấp các lực lượng vũ trang. Chủ trương này dẫn tới Hội nghị Xứ uỷ mở rộng họp tại Thiên Hộ, huyện Cái Bè tỉnh Mỹ Tho, ngày 25-10-1945. Ngoài các đồng chí trong Xứ uỷ, dự hội nghị còn có các anh Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, đại biểu các Đảng bộ tỉnh, thành của Nam Bộ. Thay mặt Thường vụ

Trung ương Đảng tôi tham gia công việc lãnh đạo hội nghị. Hội nghị nhận định các tổ chức cơ sở Đảng được củng cố một bước. Các đảng viên cộng sản trong nhóm "Tiền phong" và nhóm "Giải phóng" đã hợp nhất từ tháng 8-1945 lập ra Xứ uỷ lâm thời Nam Bộ, tạo thành sức mạnh bên trong hết sức quan trọng, góp phần làm nên thắng lợi trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Các tổ chức đoàn thể quần chúng bước đầu được củng cố, quy về một mối. Song đối với các lực lượng vũ trang còn nhiều phức tạp. Chúng ta biết rằng, để chuẩn bị cho cuộc nổi dậy trong Cách mạng tháng Tám, các địa phương ở Nam Bộ đều chủ động phát triển các đoàn thể cứu quốc, thành lập lực lượng vũ trang. Dân quân du kích và tự vệ phát triển mạnh. Riêng Sài Gòn, đến tháng 10-1945 đã có 800 đội tự vệ với 15.000 chiến sĩ. Lực lượng du kích và tự vệ chủ động mua sắm vũ khí tự trang bị, dần dần một số đơn vị phát triển thành bộ đội chủ lực. Nhưng tình hình Nam Bộ lúc này khá phức tạp. Nhiều người nhân việc nổi dậy của nhân dân đã tổ chức ra những đơn vị vũ trang theo lối "tự phát". Những lực lượng vũ trang ấy ngày một lớn dần. Ủy ban nhân dân Nam Bộ đứng trước một tình thế khó xử, đã công nhận những lực lượng này, biên chế thành "Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn". Đệ nhị sư đoàn vốn là tổ chức do bọn Đại Việt tay sai cũ Nhật tập hợp lại được bổ sung thêm một số thanh niên, tất cả khoảng 1.000 người. Đệ tam sư đoàn vốn là đám tàn quân trong "thanh niên phòng vệ đoàn", một tổ chức thanh niên vũ trang tay sai của Nhật có bổ sung thêm đưa quân số lên 500 người. Đệ tứ sư đoàn là một tổ chức hỗn độn do những viên chức cũ, lính ngụy cũ của Nhật, những tên tởrótkit, các phần tử giáo phái cùng một số phần tử phản động khác lập ra, tất cả khoảng 1.000 người. Khi Nam Bộ chuẩn bị kháng chiến, có những đơn vị bảo an binh, một tổ chức vũ trang tay sai gồm toàn binh lính người Việt Nam do đế quốc chỉ huy nhằm bảo vệ chính quyền thực dân chống lại nhân dân. Lực lượng này được phép tổ chức không chỉ ở Nam Bộ mà còn ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Bắc Bộ và Trung Bộ là những đơn vị lính khổ xanh (garde indigène, garde indochinoise). Miền núi gọi là bọn lính đồng (garde montagnarde). Nam Bộ gọi là lính thủ hộ (garde civile). Khi Nhật đảo chính Pháp, Nhật chuyển những đơn vị này từ công cụ của Pháp chuyển sang làm ngụy quân cho Nhật. Khi Nhật bị cách mạng quật đổ, những tổ chức này có một số đơn vị tan rã, một số xin theo ta. Tại Nam Bộ, trên cơ sở những đơn vị bảo an binh, ta đã bổ sung thêm một số công nhân, thanh niên lập ra những cộng hoà vệ binh. Tỉnh nào cũng có một, hai đại đội hoặc đông thì một tiểu đoàn Cộng hoà vệ binh. Riêng Sài Gòn lập ra Đệ nhất sư đoàn, tập hợp ba đơn vị bảo an binh là lữ đoàn cơ động Chí Hoà (brigade mobile Chí Hoà), lữ đoàn cơ động Gia Định (brigade mobile Gia Định) và lữ đoàn trợ giúp (brigade auxiliaire). Ba đơn vị được bổ sung những công nhân, thanh niên cốt cán, tất cả khoảng một vạn người. Trong số những người vốn là bảo an binh, rồi Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn, nhiều người gắn bó với cách mạng suốt đời. Nhưng cũng không ít người giữa đường đứt gánh. Một số người trong Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn chưa đánh đã chạy. Ngoài những lực lượng vũ trang trên, còn có lực lượng vũ trang Bình Xuyên thành lập trong những ngày đầu giành chính quyền, gồm những "anh hùng hảo hán" trong giới giang hồ ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Khi cách mạng nổ ra, một số người đứng đầu tổ chức, giác ngộ, đem lực lượng của mình theo Việt Minh, chịu sự lãnh đạo của Chính phủ lâm thời do Bác làm Chủ tịch. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng, nhiều người trở thành những cán bộ, chiến sĩ ưu tú. Tuy vậy, trong hàng ngũ của họ rất phức tạp. Không ít người vẫn sống trong cảnh "đọc ngang nào biết trên đầu có ai", buông thả khôn cùng trong quân ngũ. Một số người rời bỏ kháng chiến "dinh tề". Trong số những vị chỉ huy bộ đội Bình Xuyên phải kể đến Tám Mạnh, một người có tư cách và khả năng tập hợp bộ đội của mình đi theo kháng chiến. Bên cạnh Tám Mạnh là Ba Dương (Dương Văn Dương), một người có năng lực tổ chức. Trông bề ngoài, Ba Dương là một con người nhỏ bé, dáng nho nhã, có vẻ "quan văn", nhưng kỳ thực lại là tay "võ tướng", có uy tín lớn trong bộ đội Bình Xuyên. Nơi đóng quân của bộ đội Bình Xuyên thường không ở trên cạn, mà trên các dòng sông, lạch, đi lại bằng thuyền, qua nhiều góc ngách, gần giống như bản doanh của các anh hùng Lương Sơn Bạc.

Ngoài bộ đội Bình Xuyên, còn có các lực lượng vũ trang Cao Đài, Hòa Hảo... những "sư đoàn", "lữ đoàn" tự phong liên tiếp dựng lên các căn cứ ở rừng núi và đồng bằng. Tính chất phức tạp của các lực lượng vũ trang Nam Bộ đã gây không ít những khó khăn cho ta. Nói chung lại, Xứ uỷ lúc đầu mới chỉ nắm chắc được lực lượng vũ trang của công đoàn Nam

Bộ, những đơn vị quân giải phóng liên quan ở Hóc Môn, Bà Điểm - Đức Hoà trong nhóm "Giải phóng" và một số đơn vị vũ trang ở địa phương do các tỉnh trực tiếp tổ chức ra.

Do chưa quy về một mối thống nhất cho nên xảy ra tình trạng tranh chấp nơi đóng quân, tranh chấp giữa quân sự với cơ quan chính quyền gay gắt tới mức có địa phương đem quân vây bắt người của nhau, sát phạt nhau, dùng phương tiện thông tin công kích nhau, ai cũng cho mình là phải.

Đứng trước sự đa dạng và phức tạp của các lực lượng vũ trang Nam Bộ, Hội nghị Thiên Hộ đã thảo luận và xác định một nguyên tắc cơ bản là cần chấn chỉnh ngay các đơn vị, tăng cường những cán bộ trung kiên vào các cương vị chỉ huy, nhất là phải đặt nó dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, có thể nói, Hội nghị Thiên Hộ đánh dấu mốc lịch sử trong việc củng cố lực lượng vũ trang Nam Bộ.

Sẽ không đầy đủ nếu nhìn Nam Bộ trong những ngày đầu kháng chiến thuần túy quân sự mà bỏ qua vấn đề chính trị. Phải nói rằng, về mặt chính trị, quần chúng Nam Bộ rất cách mạng. Giai cấp công nhân thực sự đi đầu chống ngoại xâm. Giai cấp nông dân tỏ rõ lòng trung kiên với nước xông vào trận không một chút chần chừ tỏ rõ lực lượng cách mạng hùng hậu, kẻ vai sát cánh cùng giai cấp công nhân chiến đấu. Bản hợp xướng cách mạng còn có thêm nhân dân lao động, thanh niên, phụ nữ, bô lão, thiếu niên. Trong tiếng súng nơi sa trường còn có tiếng mõ của người tụng kinh và tiếng chuông nhà thờ rung. Nói như vậy không có nghĩa mọi việc đều êm đềm trong hoàn cảnh Nam Bộ có nhiều đảng phái, đoàn thể, nhiều dân tộc, tôn giáo... Thiên chúa giáo, Phật giáo, Tin lành, Cao Đài, Hòa Hảo, Tịnh Độ cư sĩ, Hiếu Nghĩa, Từ Ân..., đều có những thuyết phép làm mê hoặc lòng người, án ngữ tâm hồn, rút phép thông công, ngăn trở ít nhiều những bước tiến cách mạng. Giai cấp tư sản, địa chủ tìm mọi cách không chế thành thị và nông thôn, chống lại chương trình Việt Minh. Bọn Việt gian bám chân Nhật, nay quay sang bám móng Pháp, ngoe nguẩy chiếc đuôi nịnh nọt chủ mới, lập công bằng việc làm chỉ điểm, bắt giết cán bộ ta. Điều đáng phải suy nghĩ là đội tiên phong Nam Bộ, những người cộng sản chưa thật cố kết cùng nhau, làm giảm sức chiến đấu của Đảng. Tất cả đều phải củng cố. Tôi tập hợp tình hình báo cáo lên Bác và Trung ương. Trong lúc chờ chỉ thị mới, chúng tôi cùng Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, phân công nhau đi củng cố từng mặt, từng đoàn thể, củng cố quân đội, chính quyền, đảng, việc nào cũng quan trọng và gấp gáp. Lúc này, đại biểu của Trung ương tại Nam Bộ vẫn chỉ có tôi và anh Cao Hồng Lĩnh. Tôi lo việc chính trị, đảng, các đoàn thể, còn anh Lĩnh lo việc củng cố các lực lượng vũ trang. Dù sao những ý kiến của hai chúng tôi chỉ là đóng góp nhỏ. Cái quyết định thắng lợi vẫn là Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến, những cán bộ chủ chốt kiên trung, nhưng quyết định nhất vẫn là quân và dân Nam Bộ tràn đầy tinh thần yêu nước. Anh Lĩnh dạo này bị ốm. Những cơn sốt làm khuôn mặt anh nhợt nhạt. Tôi khuyên anh nghỉ ít bữa cho khoẻ rồi hãy hoạt động. Anh không chịu nghỉ, cùng với anh Nguyễn Văn Tây (Thanh Sơn) và một số anh ở Côn Đảo về, trong đó có anh Phan Trọng Tuệ, bàn việc lập các căn cứ chống Pháp. Đã có lần anh theo đường dây do anh Huỳnh Văn Tiểng thiết kế, đột nhập Sài Gòn, tổ chức mạng lưới tình báo. Được ít lâu sau, Bác và Trung ương cử thêm anh Lê Văn Hiến vào kiểm tra lực lượng vũ trang Bình Xuyên. Vào đến nơi, anh làm việc ngay với các thủ lĩnh Bình Xuyên như Ba Dương, Tám Mạnh... Thay mặt Chính phủ, anh đọc thư của Bác và Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp, tuyên bố công nhận bộ đội Bình Xuyên trở thành một trong những đơn vị quân đội quốc gia Việt Nam. Anh Ba Dương thay mặt bộ đội Bình Xuyên tỏ lòng trung thành với Chính phủ Hồ Chí Minh. Các anh ao ước có ngày được gặp nhau trong lòng Hà Nội. Bộ đội Bình Xuyên lúc này được trang bị tương đối tốt, ngoài súng bộ binh thông thường, còn có súng phòng không, pháo binh. Hàng ngũ chỉnh tề, ăn mặc đồng phục thể hiện sự trưởng thành nhanh chóng "tự túc tự cấp" của bộ đội Bình Xuyên.

Sau khi nhận được báo cáo của chúng tôi về tình hình Nam Bộ, Bác và Trung ương họp nhận định tình hình chung trong cả nước và ra chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc". Chỉ thị vạch ra nhiệm vụ chiến lược kiên trì kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp. Chỉ thị dành một phần nói về nhiệm vụ của Nam Bộ và Nam Trung Bộ là cắt đứt liên lạc giữa các thành

phổ về kinh tế, bao vây về chính trị, làm rối loạn về quân sự. Chỉ thị nêu rằng phải áp dụng chiến tranh du kích đến triệt để, vận động nhân dân thành thị bất hợp tác với địch và thực hiện "nhà không đồng vắng" khi địch tràn về thôn quê. Điều cốt yếu là giữ vững liên lạc giữa các chiến khu để thống nhất chỉ huy, chọn địa điểm chiến lược lợi hại để đóng quân, tiến có thể đánh, lùi có thể giữ, kế hoạch tiến, thoái đều phải tính toán kỹ. Như vậy, chỉ thị đã vạch ra những nét cơ bản về bức tranh kháng chiến ở Nam Bộ. Điều này chứng tỏ Bác và Trung ương tuy ở xa Nam Bộ, nhưng rất sáng suốt trong việc định hướng cho cuộc chiến đấu lâu dài trên mảnh đất "Thành đồng Tổ quốc". Chúng tôi nhận được Chỉ thị này trong lúc các đơn vị vũ trang của Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn đang có sự phân hoá sâu sắc. Nhiều người trong binh sĩ cũ không chịu nổi gian khổ, đầu hàng địch, phản bội nhân dân. Những phần tử kiên quyết kháng chiến tập hợp lại thành lực lượng vũ trang mới. Qua việc "bỏ tập lấy tinh" này, lực lượng vũ trang cách mạng Nam Bộ trưởng thành một bước, Đệ nhất sư đoàn cũng bị phân hoá. Những bọn đầu hàng chạy về Sài Gòn bám chân Pháp. Bộ phận còn lại rút về Bến Tre củng cố lực lượng. Nhờ cấp uỷ đảng địa phương chăm sóc và giúp đỡ cho nên lực lượng phát triển nhanh chóng.

Từ Hà Nội, Bác và Trung ương nhận thấy việc củng cố chính quyền cách mạng Nam Bộ lúc này là tối cần thiết. Điện báo nói rõ chủ trương này sẽ góp phần củng cố thêm một bước tổ chức chính quyền ở Nam Bộ, Tháng 11-1945 chúng tôi nhận được Chỉ thị của Trung ương giải thể Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, lập ra Ủy ban kháng chiến miền Nam bao gồm cả cực Nam Trung Bộ, chia ra các quân khu 6, 7, 8, 9. Trung ương tạm thời chỉ định các anh tham gia Ủy ban kháng chiến miền Nam: Hồng Lĩnh, Huỳnh Văn Trung, Trần Ngọc Danh, và Tôn Đức Thắng. Trung ương quyết định lấy Buôn Ma Thuột làm căn cứ địa cho cuộc kháng chiến miền Nam. Như vậy, phạm vi chỉ đạo của Xứ uỷ lúc này càng rộng lớn, bao quát, nó nói lên tầm vóc của cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ. Thực hiện Chỉ thị của Trung ương, cuối tháng 11-1945 các quân khu lần lượt ra đời. Bộ máy nhanh chóng được sắp xếp, cán bộ được tăng cường.

Mặc dù ta đã hết sức củng cố quân đội, ổn định tổ chức, song tình hình vẫn rất căng thẳng. Địch tiếp tục tăng quân. Tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 9 được sự che chở của quân Anh đổ bộ vào Gò Vấp, Gia Định, đánh chiếm Tây Ninh, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp của miền Đông Nam Bộ. Trên hướng tây nam, địch đánh Mỹ Tho, Gò Công bằng xe thiết giáp và tàu chiến. Tiếp đó, bộ binh quân viễn chinh đánh chiếm Vĩnh Long, Cần Thơ khai thông đường qua sông Tiền, sông Hậu tiến đánh Campuchia. Trên hai trận tuyến, một bên là quân đội cách mạng, một bên là đội quân hỗn hợp (gồm lính Pháp, lính Anh, lính Nhật) chống chọi nhau rất ác liệt. Có lần tôi đang họp ở Giồng Riềng, địch đánh tới bất ngờ, phải chạy lùi vào làng mạc, trú nhờ nhà dân, rồi phải lội xuống hồ ao, đội bèo lên, ngâm nước hàng giờ, vừa đói vừa lạnh. Anh Lĩnh chạy ngược chạy xuôi dưới làn bom đạn tới kiểm tra các trận địa chiến đấu. Mỗi lần hoạn nạn, chúng tôi lại tự động viên nhau, nghĩ rằng có cuộc chiến đấu nào mà không đổ máu, gian khổ.

Quân ta kháng cự rất mạnh. Song địch vẫn không chịu lùi. Chúng tiếp tục tăng quân và đồn quân. Tháng 12-1945, hạm đội Mỹ đưa vào Sài Gòn gần 5000 tên lính tiếp tục mở rộng chiến tranh. Có quân đông, địch đánh tràn xuống Sa Đéc, Long Xuyên, Trà Vinh, Sóc Trăng, Châu Đốc, Rạch Giá, Hà Tiên và cả Cà Mau nữa. Như vậy, mảnh đất cực Nam của Tổ quốc, địch đã chiếm được từ tháng 1-1946. Những chiếc máy bay phóng pháo chao đảo dưới bầu trời, ném xuống hàng tấn bom, giết hại dân lành. Trên mặt đất, tiếng súng nổ cùng tiếng xe tăng gầm rú, làm cho không khí chiến tranh ngày càng căng thẳng. Ngày 22-1-1946, địch huy động một lực lượng lớn gồm hàng nghìn quân có xe tăng, thiết giáp, máy bay yểm trợ tiến đánh căn cứ Tân Uyên nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta ở đó. Trận này bị quân ta phục kích đánh trả quyết liệt, buộc chúng ta phải bỏ dở cuộc hành quân. Nhân đà thắng lợi đó, ta chủ trương đánh tiếp một số trận để gây thanh thế và rút kinh nghiệm. Song vì vũ khí có hạn, những trận chiến đấu thắng lợi chưa được giòn giã. Trước thế mạnh của địch, một số cán bộ và chiến sĩ có phần dao động. Các anh Đàm Minh Viễn, Trịnh Ngọc Hiền, Dương Bạch Mai... thay mặt chính quyền và quân đội họp Hội nghị liên tịch tại Bà

Rịa vào ngày 20-1-1946 bàn vấn đề quân luật và việc lập toà án quân sự liên tỉnh để xét xử những người bỏ ngũ vào cuối tháng 1 đầu tháng 2-1946, Ban chỉ huy khu 8 và khu 9 mở hội nghị tại Rạch Giá bàn biện pháp cầm cự với địch. Hội nghị nảy ra hai ý kiến khác nhau: bám trụ hay rút ra Nam Trung Bộ, chờ thời cơ, xây dựng lực lượng tiếp tục kháng chiến lâu dài. Thực hiện phương án 2, phần lớn bộ đội khu 8 rút ra cực Nam Trung Bộ. Lợi dụng ta rút lui, địch lấn tới, chiếm thêm được nhiều vùng thuộc khu 8, trong khi đó, bộ đội khu 9 chạy về lập căn cứ ở U Minh.

Lúc này địch chiếm thêm được Nha Trang. Sau đó, từ miền Đông Nam Bộ, chúng đánh lên Tây Nguyên, chiếm thị xã Buôn Ma Thuột, Di Linh, Đà Lạt, và từ Đà Lạt, chiếm Phan Rang, Phan Thiết... Sức mạnh về quân sự của địch trong lúc ban đầu buộc ta phải chiến đấu lâu dài. Cho tới tháng 8-1946, cuộc kháng chiến của quân và dân ta ở Nam Bộ vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Sau khi giành được thế mạnh về quân sự, quân Anh rút về nước và trao toàn quyền chiến đấu cho quân Pháp. Sau khi quân Anh rút, vũ khí của Anh, Mỹ tiếp tục đổ vào trang bị cho quân Pháp. Quân Pháp cũng cố được lực lượng quân đội, chúng lấn sâu thêm một bước lập Chính phủ bù nhìn nhằm làm chỗ dựa cho quân viễn chinh. Chúng đưa ra sân khấu chính trị một hội đồng tư vấn bù nhìn gồm 80 người song song với việc lập ra cái gọi là "Chính phủ Nam Kỳ quốc" với những trùm sò như Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Tấn Cương, Lê Văn Ty, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Văn Tâm... Khi chúng tung ra con bài bù nhìn này, tôi khẩn trương báo cáo về Hà Nội. Ít ngày sau có Chỉ thị của Bác và Trung ương cần xúc tiến tổng tuyển cử ở Nam Bộ. Thực hiện Chỉ thị, Nam Bộ tổ chức bỏ phiếu vào ngày 6-1-1946. Chúng tôi báo cáo về trung ương: Nam Bộ đã bầu trước khi nhận được Chỉ thị mới. Trung ương đồng ý cho Nam Bộ không phải bầu lại. Trong ngày bầu cử thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn đã có 37 anh em làm nhiệm vụ bảo vệ hòm phiếu, đã hy sinh anh dũng. Trong đó có anh Nguyễn Văn Từ (tức Tư Ca rê), một cán bộ trẻ tuổi tràn đầy lòng yêu nước. Hôm bầu cử, bọn địch phá mạnh. Trên trời máy bay bắn xuống khu vực hòm phiếu. Dưới đất, kẻ thù nấp bắn lên vào các cử tri gây không khí căng thẳng. Nhưng cán bộ trong ban bầu cử tìm hết cách như chèo thuyền qua kênh rạch mang hòm phiếu đến tận xóm làng, từng gia đình để cử tri bỏ phiếu cho tiện. Nhiều người băng dưới làn đạn làm nhiệm vụ công dân. Cuộc bầu cử thu được kết quả. Nhiều cán bộ cốt cán lãnh đạo phong trào kháng chiến Nam Bộ như Tôn Đức Thắng, Nguyễn Thị Thập..., trúng cử với số phiếu cao. Những nhân sĩ trí thức như anh Phạm Văn Bạch... trúng cử trong niềm tự hào của giới mình. Thật là một cuộc bầu cử có một không hai trong lịch sử. Thú thật, trước lúc bầu cử ai cũng thấy lo, nhưng sau khi bầu cử đạt kết quả tất thấy nhẹ cả người. Trong những ngày chuẩn bị cho cuộc bầu cử, tôi thường ở quanh vùng Sài Gòn, cũng có lúc đột nhập thành phố, lại có lúc xuống Bến Tre để kiểm tra công việc. Sau khi bầu cử, từ Bến Tre, tôi đi Bà Rịa, và từ Bà Rịa đi nhiều nơi khác ở "lục tỉnh" để kiểm tra tình hình chiến sự, cuối cùng, lại trở về Bà Rịa.

Vào một ngày cuối tháng 1-1946, tôi vừa ở Long An tới Bà Rịa, may mắn làm sao được gặp các anh Lê Văn Hiến, Cao Hồng Lĩnh và Huỳnh Văn Tiêng từ nhiều ngã đường cùng vừa tới đó. Chúng tôi ôm ghì lấy nhau trong niềm xúc động khôn tả. Trong chiến tranh, sống chết bất ngờ, nhiều khi nằm trong tầm tay. Vậy mà vận nước run rủi, lòng trời chí nhân, chúng ta lại được đoàn tụ giữa nơi chiến địa này thật là lý thú. Chúng tôi tranh thủ họp nhận định tình hình và soát xét toàn bộ kế hoạch tác chiến ở miền Nam để còn có cứ liệu báo cáo với Bác và Trung ương. Chúng tôi còn bàn định một kế hoạch xây dựng các phòng tuyến mới ở miền Nam làm căn cứ chiến đấu lâu dài. Bàn luận xong, chúng tôi đi Phước Hải để tới miền Tây khảo sát thực địa. Nhưng những ngày ở Phước Hải lại nhận được điện của anh Võ Nguyên Giáp báo rằng: Bác và Trung ương yêu cầu chúng tôi phải ra Bắc ngay. Lúc này anh Văn đang ở Khánh Hoà. Anh cho biết, Bác và Trung ương phái anh vào Nam công tác một chuyến ngắn ngày để kiểm tra tình hình kháng chiến và truyền đạt quyết tâm lớn của Trung ương lãnh đạo toàn dân kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Đến Khánh Hoà, anh nhận được điện của Bác gọi quay ra. Sau khi tiếp điện của anh Văn, chúng tôi hội ý chớp nhoáng nhất trí cùng ra Bắc một thể. Tôi tranh thủ đi gặp các đồng chí trong Xứ uỷ để trao

đổi những việc cần làm nhằm góp phần xây dựng Đảng bộ Nam Bộ vững mạnh, tạo cơ sở thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến triển. Anh Lê Văn Hiến tìm gặp anh Dương Bạch Mai báo tin ngày ra Bắc, Anh Cao Hồng Lĩnh gặp anh Thanh Sơn trao đổi một số vấn đề quân sự và bàn phương án mở đường thông từ Nam ra Bắc. Chia tay các anh trong lửa chiến chinh làm cho lòng người tránh sao khỏi nỗi xôn xang. Kê ở người đi, chia tay để rồi hẹn ngày gặp lại.

Ngày 27-1-1946, chúng tôi rời Bà Rịa. Lúc này bên quân sự đang có mấy con voi. Các anh cho mượn hai con cùng hai người quản tượng chở giúp qua rừng Cu My đến La Gi, đoạn đường rất khó đi. Tôi và anh Hiến ngồi trên một con voi còn con voi thứ hai do anh Lĩnh, anh Tiếng ngồi. Do tài điều khiển của người quản tượng, dù đường sá gập ghềnh, qua đèo, qua suối, voi vẫn chậm rãi bước bình thường. Qua làng bản, dân làng thấy voi, chạy ra xem. Trẻ em hoan hô voi. Người lớn cho voi ăn mía, ăn cây chuối. Lại có người đưa con nhỏ luồn dưới bụng voi. Hỏi ra mới hay đây là phong tục địa phương cho rằng trẻ con mới đẻ đã luồn qua dưới bụng voi hy vọng sau này đứa trẻ sẽ thành tráng sĩ. Trời tối mịt mà vẫn chưa đến được La Gi. Trước mặt là bãi đầm lầy, voi không đi được khi trên lưng có người ngồi. Chúng tôi xuống voi để đi bộ. Đêm tối mịt mùng, vất vả làm sao. Đôi chân "tập tễnh" của tôi bước đi trong đêm khó khăn quá. Điều lo ngại nhất đối với chúng tôi là khi biết có nguy cơ lạc đường. Như đoán được mối lo của chúng tôi, người quản tượng động viên: "Các ông đừng ngại, voi rất giỏi tìm đường". Quả đúng vậy, cứ thế lần lần mà ra đường mòn. Voi đưa chúng tôi đến La Gi vào lúc đêm khuya. Ủy ban và Mặt trận Việt Minh huyện bố trí cho chúng tôi nghỉ tại cơ quan. Sáng hôm sau, khi đoàn chuẩn bị xuất phát, bỗng có một chiếc máy bay Pháp từ phía Sài Gòn lao tới bắn xối xả xuống thị xã La Gi. Một quả bom nổ gần chỗ chúng tôi, may sao không ai việc gì. Trận oanh tạc ấy làm một số người dân chết và bị thương. Chúng tôi phải ở lại La Gi, vì được biết ở Phan Thiết đang có động. Ngày 29-1-1946, chúng tôi tạm biệt những người quản tượng và hai con voi để đi bộ ra Phan Thiết. Khi chúng tôi giơ tay vẫy chào hai chú voi, thấy hai cái vòi cứ héch héch lên như muốn chào lại chúng tôi và đôi mắt voi hơi nhắm lại. Nghĩ đến câu nói của người xưa: "Voi là giống vật thông minh" sao mà đúng vậy.

Một ngày đi bộ ròng rã, trời tối mịt chúng tôi mới tới Phan Thiết. Từ Phan Thiết, thuê xe đi Cà Ná vào ngày 30-1-1946. Quanh quẩn ở khu vực nhà ga mãi vẫn không tìm được hiệu ăn vì nhân dân đã sơ tán. Mặc dù trời đã về chiều, vẫn phải cố thuê xe ngựa đi Phú Quý và từ Phú Quý đi tiếp đến Phan Rang. Khi gần tới Phan Rang, hỏi thăm nhân dân cho biết Pháp đang lùng sục dữ lắm. Chúng tôi quyết định không đến Phan Rang nữa mà đi thẳng đến Dương Canh. Đến Dương Canh thấy tình hình có phần xáo động, chúng tôi không dám dừng lại lâu mà men theo đường rừng đến Ba Râu. Đến Ba Râu, trời vừa tối. Chúng tôi tìm vào nhà dân xin ngủ nhờ. Thấy chúng tôi có vũ khí, dân có phần nghi ngại, chối từ. Gõ cửa mấy nhà, không có nhà nào cho bước vào ngõ. Đường xa, trời tối, bụng đói, chân rớm máu, chúng tôi không thể đi tiếp. Trong lúc còn đang suy tính về chỗ ăn nghỉ, bỗng anh Hiến nói rằng ở vùng này anh có quen một người làm ở phòng cảnh sát giao thông. Đến phòng cảnh sát giao thông may sao, anh Hiến gặp được người quen. Thế là chúng tôi có chỗ ăn nghỉ.

Từ Ba Râu, chúng tôi tới sông Bang vào chiều 1-2-1946. Tại đây, Chúng tôi được một đơn vị quân đội đón tiếp chu đáo. Đến đêm, tự nhiên nghe tiếng nổ đi đùng, mới sực tỉnh nhớ Tết Nguyên Đán đã đến, nhân dân đốt pháo đón giao thừa. Nghe tiếng pháo nổ, tôi nhớ đến Bác, đến các anh đang ở Hà Nội, nhớ đồng bào Thủ đô và đoán rằng chắc Hà Nội năm nay ăn tết không vui vì bọn Tàu Tưởng quấy nhiễu. Mãi sau khi về tới Hà Nội, tôi mới được anh Nguyễn Lương Bằng cho biết trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước, Tết Bính Tuất 1946, Bác vẫn ung dung cùng đồng bào đi đón giao thừa ở đền Ngọc Sơn bên hồ Gươm. Trước tết, Bác gửi thư chúc mừng năm mới tới đồng bào và chiến sĩ cả nước, trong thư, Bác tỏ niềm hy vọng vào thắng lợi cuối cùng:

Bao giờ kháng chiến thành công,

Chúng ta cùng uống một chung rượu đào.

Tết này ta tạm xa nhau

Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vầy.

Nhìn cảnh các gia đình sum vầy ăn Tết, tôi không khỏi nhớ đến gia đình. Suốt từ năm 1926, khi dần thân vào cuộc đời cách mạng cho tới lúc này, tôi chưa một lần được ăn Tết cùng gia đình. Những năm hoạt động bí mật, mỗi lần Tết đến tôi rất muốn "lên" về nhà thấp nén hương cúng tổ tiên và vui cùng gia đình. Khốn nỗi, bọn mật thám biết rõ người cách mạng thường muốn về thăm nhà trong ngày giỗ Tết, nên chúng đặt "bẫy chuột". Nhiều đồng chí chưa kịp bước chân vào nhà đã bị bắt, trói gọn mang đi. Rút kinh nghiệm này, nhiều đồng chí không dám về ăn Tết mà chỉ thương vụng nhớ thăm. Tôi đã có lần chứng kiến anh Lương Khánh Thiện khi đón giao thừa cứ ôm ghì lấy tôi mà rơi lệ. Anh thương vợ nhớ con đến da diết, nhưng biết chia sẻ cùng ai ngoài đồng đội của mình. Giờ đây, Tết đến giữa lúc luôn rừng lách núi, đói khát khôn cùng, tự nhiên thức dậy trong lòng niềm nhớ thương người yêu, người đồng chí cùng chung chiến hào. Tôi và Khuất Thị Bảy yêu nhau trong những ngày đầu xây dựng An toàn khu. Một người con gái thuần khiết của làng Thuần Mỹ, huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây, sớm giác ngộ cách mạng và gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1941, đã gặp tôi trong lúc tôi len lỏi giữa nơi xóm làng để gây dựng cơ sở. Có lần chúng tôi bị địch đuổi phải chạy giạt vào ngôi chùa Mai Sơn thuộc huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Vào tới nơi, được người giữ chùa cho mượn luôn hai bộ quần áo nâu sòng, đội mũ nhà Phật ngồi tụng kinh gõ mõ. Bọn mật thám Tây, ta rượt tới, lùng sục trong chùa, không thấy ai ngoài các "nhà sư", chúng đành quay vào làng tìm kiếm. Trong giờ phút nguy nan đó, chúng tôi quyết định đính hôn. Khi Cách mạng tháng Tám sắp nổ ra, chúng tôi định tổ chức lễ cưới tại thôn Trung Mậu thuộc tỉnh Bắc Ninh. Nhưng vì cả hai chưa kịp báo cáo với hai gia đình, đành tạm hoãn chờ ngày nước nhà độc lập...

Rời sông Bang vào lúc giáp trưa ngày mùng một Tết để đến Suối Cát. Từ Suối Cát, men theo đường xe lửa đến Hoà Tân. Trên đường đi, nhân dân chạy giặc rất đông. Họ theo sau chúng tôi ra các tỉnh miền Trung, miền Bắc. Đến Hoà Tân đã là ngày mùng ba Tết. Nơi đây, diễn ra một trận đánh ác liệt giữa quân ta với quân Pháp có xe tăng yểm trợ. Chúng tôi đều có súng trên người cho nên muốn "nhập trận" cùng quân ta. Nhưng các đồng chí bộ đội muốn bảo vệ cán bộ, nhất quyết không đồng ý cho chúng tôi tham chiến. Một đồng chí đưa chúng tôi cùng đồng bào tránh sâu trong rừng. Vừa đi vừa nghe tiếng đạn đùm đùm, cắc cắc, có lúc tưởng như quân Pháp đang bắn đuổi đằng sau. Trong lúc nhốn nháo, mỗi người chạy tán ra mỗi nơi. Tiếng đạn nổ, rồi tiếng kêu thét làm át cả tiếng gọi nhau. Trong đêm tối mịt mùng không biết đâu mà tìm đến nhau. Chân tôi vốn đã yếu, đi bộ nhiều ngày bị sưng tấy lên, vì thế luôn luôn "tụt hậu". Cả đêm hôm ấy tôi bị lạc bơ vơ trong rừng, gặp đồng bào tản cư, nhưng lại không gặp ai trong đoàn. Tờ mờ sáng hôm sau, tôi quyết định đi tìm cho bằng được anh em, vì nghĩ rằng chắc anh em cũng đang đi tìm mình. Vì có sự giao hẹn trước, cả hai phía đều cất tiếng kêu "hú... h...ú", nhờ đó mà lần lần gặp lại nhau. Điều vui sướng nhất là tất cả anh em trong đoàn đều không ai việc gì. Vì quân địch vẫn đang chốt tại ga Hoà Tân, nên chúng tôi không thể ở đây lâu, phải nhanh chóng về Suối Dầu, tranh thủ lên Đồng Tranh. Đến Đồng Tranh, tình hình càng nghiêm trọng. Địch đang ào ào tiến quân về đây sau khi chiếm được Hoà Tân. Vì vậy, chúng tôi phải nhanh chóng rời Đồng Tranh.

Khi ngang qua ven thị xã Nha Trang, trời tối. Trong lúc đang ngơ ngác tìm nơi trú đêm, bỗng một bà cụ trạc 70 tuổi đi tới. Cụ nhìn chúng tôi, thấy những chiếc đầu "trán hói" (tôi và anh Lê Văn Hiến lúc này bắt đầu hói), cụ gật đầu và hỏi: "Các ông có phải từ phương xa đến không?". Tôi nói: "Vâng! Sao cụ biết?". Cụ bảo rằng, đêm vừa rồi cụ nằm mơ thấy có "quý nhân" đến nhà. Cụ mời chúng tôi "vô nhà" tiếp đón hết sức ân cần, cho ăn no uống nóng. Anh Lê Văn Hiến ghé tai tôi nói nhỏ: "Chưa biết các "quý nhân" có mang lại cho cụ lợi lộc gì không, hiện thời cụ đã mất gạo, gà, rượu". Hôm đó nhằm vào ngày 5 Tết.

Đến đây, chúng tôi tạm dừng chân để chờ liên lạc dẫn đường. Anh Hiến đưa đoàn vào nhà anh Quý ở làng Xuân Phú. Nghe nói anh Quý là Ủy viên Ủy ban nhân dân Khánh Hoà,

một đồng chí rất trung thành với cách mạng. Gia đình anh Quý tiếp đón chúng tôi hết sức chu đáo. Thấy tôi đau chân, một người trong gia đình lấy nước muối nóng, bảo tôi ngâm vào cho đỡ đau. Sau này tôi được anh Hiến cho biết là sau khi chúng tôi đi, bọn chỉ huy báo Tây ập đến nhà anh Quý, bắt anh phải khai chúng tôi đang ở đâu. Anh nhất định không khai, chúng liền chặt đầu anh đem bêu giữa chợ. Một người nêu gương mẫu mực bảo vệ cán bộ như anh thật đáng ghi vào sử sách.

Rời Xuân Phú, chúng tôi theo liên lạc đến Cây Sung, rồi từ Cây Sung lên Láng Nhót. Hôm đó nhằm ngày 6 Tết. Tại Láng Nhót, chúng tôi được tin địch vẫn tiếp tục đánh chiếm tỉnh Khánh Hoà. Quân ta phản công vây hãm chúng ở Nha Trang, pháo kích vào thị xã, gây cho địch nhiều tổn thất. Còn Buôn Ma Thuột, quân Pháp chiếm từ tháng 11-1945, bị quân ta đánh rát, chúng phải rút lui. Đến tháng 12-1945, chúng tăng viện binh chiếm lại Buôn Ma Thuột. Lực lượng bộ đội Khánh Hoà lên tăng cường, lại có thêm đơn vị Nam tiến của Quảng Ngãi vừa hành quân tới Buôn Ma Thuột giúp sức, đã đánh cho địch những đòn đau ở Mađrác và Buôn Hồ. Cuối tháng 1-1946, tướng Pháp Valuy trực tiếp chỉ huy đánh chiếm các tỉnh còn lại ở Tây Nam Bộ, đồng thời đánh xa các tỉnh cực Nam Trung Bộ bằng cuộc hành quân càn quét mang tên "Go" (Gaur). Quân và dân ta ở những địa phương này đánh trả quyết liệt, giành giật trục đường giao thông, tiêu diệt hàng nghìn tên, thu nhiều chiến lợi phẩm. Có lẽ để tập trung quân đánh vùng trọng điểm, thực dân Pháp đã bỏ Đồng Trăng, Đất Sét, những địa phương của tỉnh Khánh Hoà. Vì vậy, đường đi của chúng tôi có thể thông. Được cán bộ địa phương dẫn đường, chúng tôi đến Ủy ban kháng chiến tỉnh Khánh Hoà. Các đồng chí trong Ủy ban tỉnh cho biết quân Pháp sau khi bị quân ta đánh mạnh ở thị xã Nha Trang, một lực lượng phải rút ra Tuy Hoà, Sông Cầu, Đồng Bò, Đèo Cả. Nay muốn ra Tuy Hoà sẽ nguy hiểm. Chúng tôi thấy không thể đi chung một đoàn (đoàn của chúng tôi lúc này được bổ sung đông tới 20 người), mà phải tách ra làm hai. Một tốp đi theo đường Vạn Giã, Tu Bông để ra Tuy Hoà, tốp thứ hai men theo đường núi qua Dốc Mỏ mà đến Tuy Hoà. Cuộc chia tay ngắn ngủi diễn ra chớp nhoáng. Tôi cùng anh Lê Văn Hiến, Cao Hồng Lĩnh, Huỳnh Văn Tiêng... đi tốp một qua đường Vạn Giã. Tất cả đều cải trang ăn mặc quần áo nông dân. Hành lý, súng đạn đều bỏ vào giỏ, vào thúng gánh đi, nhờ đó mà qua được những con mắt nhòm ngó của địch. Anh Lê Văn Bá, một cán bộ địa phương quen thuộc đường đưa chúng tôi tới một chiếc hang sâu trong rừng. Tại đây, chúng tôi được gặp các anh Tôn Thất Vĩ, Chủ tịch và Phạm Cự Hải, Phó Chủ tịch tỉnh Khánh Hoà. Trong hang, các anh đốt lửa cho chúng tôi sưởi, mang bánh tét cho chúng tôi ăn. Ngồi bên bếp lửa bập bùng, chúng tôi họp bàn định kế hoạch đánh địch và xây dựng lực lượng khu vực Vạn Ninh, Đèo Cả, Củng Sơn, Tuy Hoà, Sông Cầu. Anh Vĩ, anh Hải là những người bám trụ địa phương vững chắc. Các anh hỏi chúng tôi những kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh, kinh nghiệm xây dựng lực lượng cách mạng trong lòng địch, kinh nghiệm phối hợp chiến đấu giữa quân chủ lực và quân du kích. Các anh cũng hỏi về đời hoạt động của Bác Hồ và tỏ lòng mong muốn được về Thủ đô Hà Nội để thăm Bác. Tôi nghĩ, ở một vùng xa Trung ương như Khánh Hoà mà cũng có nhiều cán bộ trình độ như các anh thật yên lòng. Đêm ấy nhắm vào ngày 8 tháng giêng âm lịch.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi tạm biệt các anh để đi Ninh Hoà, Vạn Giã. Tới Ninh Hoà được nghe cán bộ địa phương kể lại câu chuyện giặc Pháp đánh chết nhà sư và đất chùa Hòn Hèo chỉ vì nhà sư không chịu khai cho chúng biết chỗ của cán bộ Việt Minh địa phương. Ra khỏi Ninh Hoà đến Vạn Giã, Tu Bông, chúng tôi lại tiếp tục luồn rừng đi về Tuy Hoà. Rừng đang vắng lặng, bỗng phía trước có tiếng sột soạt. Một con cạp to đứng ngang trước mặt. Nó gầm lên ghê rợn. Khi thấy cạp, mọi người lấy súng chuẩn bị bóp cò, nhưng cạp thấy đông người, không dám gây sự phải bỏ đi. Đến nay, anh Lê Văn Hiến còn nhớ rất rõ động tác nhảy của cạp ở rừng Tuy Hoà. Anh nói lần đầu tiên trong đời trông thấy cạp nhảy thật đẹp.

Chúng tôi đến Tuy Hoà vào ngày 16 tháng giêng năm Bính Tuất. Các đồng chí trong Ủy ban kháng chiến Tuy Hoà báo cho biết Pháp vẫn tiếp tục tăng viện binh lên mặt trận Buôn Ma Thuột và chiến sự đang diễn ra ác liệt tại khu vực Bò Nông. Chờ đợi tại Tuy Hoà mất một ngày vẫn chưa thấy tốp hai tới. Tình hình ở đây rất căng. Vì vậy, không thể nản ná

đội tốp kia mà phải có kế hoạch gấp rút lên đường. Chúng tôi bàn với nhau đã đến lúc tốp một phải xẻ làm hai nhóm. Anh Hiến là phái viên của Chính phủ cần ở lại kiểm tra tình hình một số tỉnh miền Trung, sẽ về sau. Còn tôi và các anh Lĩnh, Tiếng... cần về ngay Hà Nội để báo cáo với Bác và Trung ương. Chúng tôi chia tay với anh Hiến vào sáng 17 tháng giêng năm Bính Tuất. Anh Hiến về Quảng Ngãi bằng ô tô, còn chúng tôi ra Bắc bằng thuyền. Lúc đầu đi bằng thuyền nhỏ, sau thấy sóng to, phải thay bằng thuyền lớn do một đồng chí thông thạo đường biển điều khiển. Đi tới Huế thì lên bờ và từ Huế, chúng tôi về Hà Nội bằng ô tô.

Tới Hà Nội, tôi vào ngay chỗ Bác. May sao hôm đó Bác làm việc tại nhà. Tôi đứng nghiêm báo cáo: "Thưa Bác, chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ Bác giao".

Bác nhìn tôi với con mắt trù mên: "Chú Việt đã trở thành nhà quân sự". Câu nói vui của Bác mang lại cho tôi niềm động viên to lớn. Bác nắm chặt tay tôi, nhìn khuôn mặt tôi. Tôi ngược nhìn Bác, thấy gương mặt Người có phần gầy đi, chòm râu dài ra, hai má lõm vào, chứng tỏ Bác làm việc nhiều. Bác hỏi thăm sức khoẻ của chúng tôi và hỏi về tình hình cuộc kháng chiến Nam Bộ: "Trận đánh của quân ta ở Di Linh, Đà Lạt và Phan Rang ra sao? Cuộc bao vây địch ở Nha Trang thế nào? Cuộc chiến đấu của quân ta trên đường 21 đi Ninh Hoà?" v.v... Những câu hỏi của Bác chứng tỏ Bác theo dõi rất sát tình hình kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Tôi báo cáo tóm tắt với Bác bức tranh toàn cảnh Nam Bộ kháng chiến. Nghe báo cáo, Bác nói: "Từ ngày các chú ra đi đến hôm nay trở về thăm thoát đã hơn 6 tháng. Trong thời gian đó biết bao vật đổi sao dời. Mặc dù trước mắt còn nhiều khó khăn, nhưng sự nghiệp của chúng ta nhất định thắng". Qua câu nói của Bác chứng tỏ Bác theo dõi sát sao mỗi bước đi của chúng tôi gắn liền với năm, tháng. Cuộc gặp Bác diễn ra ngắn ngủi, nhưng đầy ý nghĩa. Tôi chào Bác ra về trong niềm xúc động sâu sắc.

Hôm sau, tôi đến gặp anh Trường Chinh để báo cáo tình hình Nam Bộ. Anh tiếp tôi thân mật và như đoán trúng tâm lý của tôi, anh đã nói ngay: "Cô Bảy của anh vẫn khoẻ và đang mong anh về. Thế là yên tâm rồi, mặc dù tôi chưa gặp lại Bảy.

Tại Hà Nội, tôi gặp lại anh Lê Văn Hiến. Anh cho biết, lúc chia tay ở Tuy Hoà, anh thẳng tới Quảng Ngãi. Đến Quảng Ngãi, anh cùng các đồng chí địa phương tổ chức chuyển vũ khí vào giúp Nam Bộ. Sau đó anh về Đà Nẵng thông báo cho các đồng chí tỉnh nhà biết về tình hình Nam Bộ, nêu kinh nghiệm phòng thủ khi Pháp đánh. Rồi Đà Nẵng, anh đi Huế. Từ Huế, anh đưa một cố đạo người Bỉ là Giắc Hura, (Jacques Housra) về Phát Diệm, sau đó, anh đi thẳng về Hà Nội.

Còn anh Cao Hồng Lĩnh nghỉ tại Hà Nội ít ngày lại được lệnh đưa vũ khí vào Nam và tổ chức trạm trung chuyển gọi là "Phòng Nam Bộ" làm mối giao lưu giữa hai miền.

Một cuộc chiến đấu mới lại bắt đầu.

Đường Bác Hồ chúng ta đi / (Trích Hồi ký của đồng chí Hoàng Quốc Việt trong cuốn "Đường Bác Hồ chúng ta đi")

PHỤ NỮ VIỆT NAM VỚI CUỘC TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (tháng 5 năm 1994) quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh, đoàn kết các tầng lớp nhân dân đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập cho Tổ quốc. Trong hoàn cảnh ấy, Đoàn Phụ nữ cứu quốc Việt Nam ra đời và là một thành viên của Mặt trận. Từ năm 1941 đến năm 1945, phụ nữ đã ghé vai sát cánh cùng nam giới, bằng khả năng của mình có những đóng góp xứng đáng trong quá trình chuẩn bị Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Ở núi rừng Việt Bắc, tiếng súng khởi nghĩa kéo dài được một phần nhờ có các mẹ, các chị đã hy sinh cửa nhà, tài sản, thậm chí cả máu xương để che giấu, nuôi dưỡng, giúp đỡ các chiến sĩ cách mạng. Ở thành thị, dưới sự tổ chức của tiểu ban phụ vận thuộc Xứ ủy Bắc Kỳ, những món quà trong đó có những chiếc áo len đan làm ấm lòng các chiến sĩ khi mùa đông giá lạnh.

Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, phụ nữ là những người bỏ công ra may những lá cờ nền đỏ sao vàng đầu tiên, nhiều chị em đã dẫn đầu nhiều đoàn biểu tình, chiến đấu kiên cường và hy sinh anh dũng. Ngày 25 tháng 4 năm 1941, chị Nguyễn Thị Minh Khai – Bí thư Thành ủy Sài Gòn hy sinh. Cái chết vẻ vang của chị đã gây xúc động lớn trong chị em và sau đó phong trào học tập và làm theo gương chị diễn ra sôi nổi khắp từ Bắc chí Nam.

Lúc này, kẻ thù nhận thấy phong trào phụ nữ đã lan rộng và có sức thu hút mạnh mẽ, chúng ra sức đàn áp phong trào, bắt bớ, giam cầm, tra tấn dã man nhiều chị em. Trước thử thách ấy, phong trào không bị dập tắt mà vẫn phát triển. Các tổ chức phụ nữ ở thành thị hoạt động rất có hiệu quả trong việc che giấu và bảo vệ cán bộ. Đặc biệt, chị em tham gia làm công tác binh vận, giao thông liên lạc vừa cảnh giác khôn khéo, vừa thận trọng và dũng cảm. Trong các nhà tù, trại giam, nơi cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt nhất, song các nữ chiến sĩ vẫn giữ vững khí tiết của mình, bảo vệ cách mạng.

Trước tình hình ấy, Đoàn phụ nữ cứu quốc ở các địa phương đã ra sức vận động, tập hợp những phụ nữ yêu nước ở các địa phương tham gia cao trào chống Nhật cứu nước. Chỉ trong 1 tháng đầu năm 1943, ở Hà Đông đã có 120 làng, Sơn Tây có 70 làng và ở nội thành Hà Nội đã có 300 chị em tự nguyện tham gia vào các tổ chức phụ nữ cứu quốc.

Phụ nữ hăng hái tham gia thực hiện những khẩu hiệu chiến đấu của Mặt trận Việt Minh như: Chống nhổ lúa trồng đay, phá bông trồng lạc, chống cướp đất, chống thu thóc, chống bắt phu, chống đánh đập..., có nhiều cuộc đấu tranh giành đi giật lại, nhiều phụ nữ đã phải sử dụng đòn tre, gậy gộc, giáo mác tấn công kẻ thù. Tháng 5 năm 1943, cuộc biểu tình chống Nhật nhổ lúa trồng đay diễn ra ở Gia Lâm có trên 400 phụ nữ tham gia. Tháng 5 năm 1944, phong trào phản đối bọn Nhật thu thóc tạ diễn ra ở Làng Bưởi do phụ nữ là lực lượng nòng cốt.

Bên cạnh đó, ở vùng trung du, đồng bằng Bắc Bộ, đồng đảo phụ nữ đã gia nhập các đội tự vệ chiến đấu, đêm ngày tập luyện quân sự chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa. Tháng 7 năm 1941 thành lập chiến khu Ngọc Trạo (Thanh Hóa), trong số 21 chiến sĩ đầu tiên có 5 phụ nữ tham gia.

Từ tháng 3 năm 1945, cách mạng chuyển sang cao trào tiền khởi nghĩa, cuộc đấu tranh của phụ nữ cũng chuyển biến sục sôi. Ở các khu giải phóng, phụ nữ hăng hái tham gia xây dựng căn cứ địa, bảo vệ chiến khu. Nhiều phụ nữ tham gia trong các đội tự vệ chiến đấu, trừng trị bọn hương lý, tay sai của Nhật. Ở Hà Nội, Hải Phòng, Hà Bắc, các “đội danh dự” và tuyên truyền xung phong, đẩy mạnh hoạt động, phổ biến chủ trương đánh đuổi Nhật, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa của Việt Minh. Tháng 5 năm 1945, không khí khởi nghĩa càng sục sôi, nhiều nữ tự vệ ở Hà Nội đã tiêu diệt bọn tay sai bán nước ngay giữa đô thành rồi rút lui an

toàn. 5h chiều ngày 24 tháng 5 một nữ tự vệ ở Gia Lâm (Hà Nội) lia nhanh một loạt đạn diệt 5 tên địch ngay bên sông Đuống, rồi cuốn vào dòng người an toàn.

Có thể thấy rằng, phụ nữ có mặt rất sớm trong các tổ chức Hội, tích cực hăng hái trong tất cả các công tác. Từ quyên góp vật chất ủng hộ lực lượng vũ trang, hoạt động trong các tổ chức dân quân, tự vệ, cứu thương, làm công tác tuyên truyền, kêu gọi vợ con quan lại tổng lý, binh lính Nhật, Pháp không chống lại cách mạng, đến luyện tập, trực tiếp chiến đấu chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Ở mỗi vị trí, chị em đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng tin tưởng và giao phó. Những hoạt động ấy góp phần to lớn tạo tiền đề cho sự thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

.....
.....
Phụ nữ Việt Nam với cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 / Theo Thiều tá, Thạc sỹ Trương Mai Hương, Báo Phụ nữ Việt Nam ngày 26/8/2005

SÓNG MÃI HÀO KHÍ SÀI GÒN NGÀY KHỞI NGHĨA 25-8-2004

Ở Nam Bộ, sau khi được tin phát-xít Nhật đầu hàng, Thường vụ Xứ ủy Tiền Phong triệu tập hội nghị, nhận định thời cơ khởi nghĩa đã tới, phải tận dụng lúc Đồng minh chưa vào giải giáp quân Nhật, trung lập hóa chúng và bằng mọi cách lấy được vũ khí, đạn dược của chúng. Thời điểm khởi nghĩa được dự tính vào ngày 17, trễ lắm là ngày 18-8-1945.

23 giờ đêm 14-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Tiếp theo vụ Mussolini bị nghĩa quân Ý xử tử ngày 28-4-1945, Hitler tự sát ngày 30-4-1945, phát-xít Đức, đêm 8 rạng 9-5 ký văn kiện đầu hàng không điều kiện, sự kiện phát-xít Nhật đầu hàng đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của trục phát-xít - Đức - Ý - Nhật. Thời cơ vô cùng thuận lợi mở ra cho phong trào cách mạng các nước phát triển và các nước thuộc địa vùng lên giải phóng, giành độc lập.

Cán bộ đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương được Chi thị của T.Ư Đảng ngày 12-3-1945 "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", đã tổ chức lực lượng quân chúng, huấn luyện và tập dượt sẵn sàng hành động. Ngày 13-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (Tuyên Quang) có hai đại biểu của Nam Bộ dự, quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, đứng ở vị trí chủ nước nhà tiếp quân Đồng minh. Ngày 16-8-1945, Quốc dân Đại hội họp ở Tân Trào, "tán thành chủ trương phát động tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua lệnh khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh và 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thư gửi đồng bào cả nước viết: "... Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!".

Khí thế tiên khởi nghĩa xuất hiện ở Nam Bộ từ sau 9-3-1945 và nhanh chóng dâng cao với phong trào Thanh niên Tiền Phong ra đời ngày 1-6-1945 do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, được Xứ ủy Tiền Phong đồng ý, tổ chức theo gợi ý của Ida, quyền Tổng trưởng Thanh niên Thể thao Đông Dương. Thành lập Thanh niên Tiền Phong theo Xứ ủy là tương kế tựu kế, xây dựng đội quân chính trị cho Đảng trong các tầng lớp thanh niên, lấy đó làm lực lượng nòng cốt cho khởi nghĩa giành chính quyền.

Phong trào Thanh niên Tiền Phong thu hút không chỉ thanh niên mà cả phụ nữ, phụ lão, thiếu nhi, công nhân viên chức. Các công, tư sở, xí nghiệp, nhà máy điện, nước, bất cảnh sát, cơ lính thủ hộ... đều có cơ sở Thanh niên Tiền Phong. Sau ba tháng tổ chức và hoạt động, Thanh niên Tiền Phong huy động được 1,2 triệu đoàn viên trong 21 tỉnh Nam Bộ. Riêng Sài

Gòn có 200.000 đoàn viên (dân số thành phố lúc đó là 800.000). Đây là lực lượng chủ lực trong cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn, cũng là lực lượng đối chọi chủ yếu với các tổ chức quần chúng bị các đảng giáo phái thân Nhật lừa gạt lập ra, như Đảng Độc lập của Hồ Văn Ngà, Quốc gia độc lập Đảng của Ngô Đình Đầu, Đảng phục quốc của Trần Văn Ân, Đảng Huỳnh Long, Đảng Dân xã Hòa Hảo, Phái Tiên thiên Đại đạo của Lê Kim Ty, nhóm Trốt-kít Sao Xẹt có tham vọng liên kết các tổ chức này thành "Mặt trận Quốc gia chống Việt Minh".

Thực hiện ý định chuẩn bị khởi nghĩa, đêm 16 rạng 17-8-1945, Xứ ủy tổ chức Hội nghị mở rộng ở Chợ Đệm, với đông đủ xứ ủy viên, một số đồng chí chủ chốt của các tỉnh trọng yếu, có đại diện Tỉnh ủy giải phóng tỉnh Gia Định, mời thêm ba đồng chí Cộng sản kỳ cựu là Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Bùi Công Trùng. Trong cuộc họp bàn về khởi nghĩa, một số đồng chí e ngại: một là chưa có chỉ thị của Trung ương (đã cử người đi liên lạc nhưng chưa về), hai là Sài Gòn khởi nghĩa mà miền bắc, miền trung không khởi nghĩa sẽ đơn độc và thất bại như Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940.

Tranh luận sôi nổi, cuối cùng hội nghị kết luận: - Chưa quyết định ngày khởi nghĩa nhưng sẽ sẵn sàng, nhanh chóng phát triển mặt trận Việt Minh, hoàn chỉnh sự chuẩn bị.

- Theo dõi từng giờ tình hình miền Bắc. Hễ được tin Hà Nội khởi nghĩa thì Sài Gòn và Nam Bộ khởi nghĩa ngay.

- Việt Minh và Đảng Cộng sản ra công khai hoạt động. Thanh niên Tiền Phong và Tân dân chủ đoàn chính thức tuyên bố là thành viên Mặt trận Việt Minh.

Thực hiện tinh thần đó, sáng 18-8-1945, Thanh niên Tiền Phong tổ chức mít-tinh có 50.000 đoàn viên dự, tuyên thệ tại vườn Ông Thượng:

- Chúng ta thề trung thành với Tổ quốc!
- Chúng ta thề trung thành với nhân dân!
- Chúng ta thề giữ gìn phẩm chất cao đẹp!

Sau khi bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đọc ba lời thề, ba lần hai tiếng "xin thề" được vang lên như sấm với những nắm tay vung lên mạnh mẽ.

Tối 18-8-1945, Mặt trận Việt Minh và Xứ ủy Cộng sản Nam Kỳ tổ chức mít-tinh tại rạp Nguyễn Văn Hảo để ra công khai, đông viên quần chúng tham gia Mặt trận Việt Minh cứu nước.

Ngày 18-8-1945, lực lượng thân Nhật trước khí thế của quần chúng cũng biểu tình cả vạn người đồng ý hợp tác với Việt Minh dưới ba khẩu hiệu:

- Việt Nam hoàn toàn độc lập!
- Xây dựng chính thể Cộng hòa Dân chủ!
- Chính quyền về tay Việt Minh!

Cao Đài thống nhất 12 phái, Tịnh độ cư sĩ, cánh tả trong Đảng Quốc gia độc lập cũng ngã về Mặt trận Việt Minh. Liên đoàn công chức đổi tên là Liên đoàn công chức cứu quốc tuyên bố tham gia Mặt trận Việt Minh.

Sáng sớm 20-8-1945, Sài Gòn được tin Hà Nội khởi nghĩa thành công. Ngày 20-8-1945, cuộc mít-tinh kỷ niệm ngày Nguyễn An Ninh hy sinh tại Côn Đảo được xem như một cuộc động viên ra quân của Thanh niên Tiền Phong và nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn.

Sáng 21-8-1945, xe hoa có trang cờ đỏ sao vàng chạy khắp thành phố Sài Gòn, kêu gọi đồng bào chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Cũng trong ngày, Hội nghị Chợ Đệm lần 2 được triệu tập, tính rằng Hà Nội đã khởi nghĩa thắng lợi, các đại biểu ra về tổ chức khởi nghĩa trong đêm 22-8. Không ngờ bên chưa tán thành khởi nghĩa lại nêu lý do phải đề phòng khả năng Nhật can thiệp và quân Anh vào sẽ giúp Pháp đàn áp cách mạng. Hội nghị lại phải đi đến thỏa ước giao cho Đảng bộ tỉnh Tân An làm khởi nghĩa thí điểm, rút kinh nghiệm cho Sài Gòn và các tỉnh. Đại diện Tân An đề nghị đêm 22-8 khởi nghĩa ở thị xã rồi toàn tỉnh.

Sáng sớm 23-8, được tin Tân An khởi nghĩa thắng lợi, Hội nghị Chợ Đệm lần thứ họp rất ngắn vì không có ý kiến khác nhau, thống nhất lấy đêm 24-8-1945 tiến hành khởi nghĩa. Theo kế hoạch, 18 giờ ngày 24-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa Nam Kỳ phát lệnh khởi nghĩa. Từ chập tối đến 0 giờ ngày 25-8, lực lượng cách mạng hoàn thành việc chiếm các cơ quan trước hết là các cơ quan yết hầu, bằng lực lượng tại chỗ đã chuẩn bị sẵn kết hợp lực lượng bên ngoài. Đến 22 giờ đêm 24-8-1945, tất cả bộ máy cai trị của chính quyền bù nhìn thành phố đã

về tay các lực lượng xung kích Thanh niên Tiền Phong. Khâm sai Nguyễn Văn Sâm vừa mới tới nhậm chức đã bị bắt giữ.

Trong thời gian này, Thanh niên Tiền Phong, công nhân có vũ trang mang băng đỏ Việt Minh trên xe camion cắm cờ đỏ sao vàng chạy khắp thành phố, biểu dương khí thế khởi nghĩa. Các ngõ ra vào thành phố như Phú Lâm, cầu Nhị Thiên Đường, cầu chữ Y, cầu Tân Thuận, cầu Thị Nghè, cầu Bông, cầu Kiệu, Bà Hom... đều được quân ta canh giữ nghiêm ngặt.

Từ nửa đêm 24-8-1945, hàng chục vạn quần chúng từ Bà Điểm, Hóc Môn, Bình Đông, Bình Chánh, Chợ Đệm... từ các tỉnh Tân Bình, Gia Định, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre... rầm rộ tiến vào trung tâm thành phố, vũ trang bằng súng đủ loại, tầm vông vạt nhọn, giáo mác, dưới rừng cờ đỏ sao vàng, đi đầu là cờ búa liềm của Đảng Cộng sản và băng-rôn ủng hộ Việt Minh.

Rạng sáng 25-8-1945, cả TP Sài Gòn là biển người, là rừng cờ, băng-rôn, khẩu hiệu. Cuộc biểu tình hơn một triệu người đủ các lứa tuổi, nam nữ, tầng lớp, giai cấp, tôn giáo, nhân sĩ trí thức, người Việt, người Hoa, cả người Pháp đã rầm rộ diễu hành từ tổng hành dinh Ủy ban khởi nghĩa số 6 Colombert (nay là đường Thái Văn Lung) kéo qua đường Catinat (nay là đường Đồng Khởi), đến bờ sông rẽ theo đường Belgique (nay là Bến Chương Dương) lên đại lộ Kitchener (nay là Nguyễn Thái Học) qua Galliéri (nay là Trần Hưng Đạo), theo đường Bonard (nay là Lê Lợi) đến ngã tư Charner (nay là Nguyễn Huệ) tập họp ở dinh Đốc Lý.

Biểu tình đi từng khối. Các khối quần chúng ăn mặc khác nhau, có giày dép hoặc đi chân không, có vũ trang hay tay không, đi xen nhau, đồng bào ở thành phố xen với đồng bào các tỉnh, đại diện cho nghiệp đoàn xen cùng tổ chức đảng phái, tôn giáo, nhưng rất trật tự, thống nhất nhau ở khí thế hào hùng, tinh thần yêu nước và lòng tự hào của người dân mới giành được độc lập.

Công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, đoàn người Thượng, Tịnh độ cư sĩ, đoàn xích lô, chị em buôn bán ở chợ Bến Thành, đoàn công chức tòa án, bưu điện, giao thông công chánh, lao động hỏa xa, liên đoàn kim khí, nghiệp đoàn xưởng máy nhà in, đoàn thợ mộc, thợ hồ, nghiệp đoàn hớt tóc, xe thổ mộ, đồng bào các tỉnh về dự... đều rầm rập chân bước, miệng hát vang các bài hát cách mạng, hô các khẩu hiệu liên tục đến khản cả cổ "Việt Nam độc lập muôn năm", "Việt Minh muôn năm", "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm", "Tự do, cơm áo, hòa bình", "Ruộng đất cho dân cày", v.v. Lúc 11 giờ, trời đổ mưa ào ạt nhưng không ai bỏ ngõ. Sau đó nắng như thiêu trở lại, khô nứt cả môi nhưng không ai chạy tìm nước uống. Đặc biệt, nhiều học sinh trường mù mang kèn trống theo đánh nhịp cho quần chúng diễu hành.

Đến 11 giờ 30 phút trưa 25-8-1945, đoàn biểu tình đã tập họp trước dinh Độc Lập (nay là trụ sở HĐND và UBND thành phố) và tràn ngập các đường từ trung tâm thành phố đến cảng Sài Gòn, chợ Bến Thành, nhà thờ Đức Bà, đến Dinh Toàn quyền, Sở thú.

Từ ban-công dinh Đốc Lý, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch thay mặt Kỳ bộ Việt Minh thông báo cho đồng bào biết chính quyền đã về tay nhân dân, và đọc ba lần danh sách Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ gồm chín người, do kỳ bộ Việt Minh cử ra (Danh sách đó đã được kẻ lên bảng vàng danh dự của kỳ đài ở ngã tư Charner - Bonard (nay là Nguyễn Huệ - Lê Lợi).

Danh sách gồm có: Trần Văn Giàu: Chủ tịch; Nguyễn Văn Tạo: Ủy trưởng Nội vụ; Nguyễn Phi Hoanh: Ủy trưởng Tài chính; Phạm Ngọc Thạch: Ủy trưởng Ngoại giao; Hoàng Đôn Văn: Ủy trưởng Lao động; Dương Bạch Mai: Ủy trưởng Quốc gia tự vệ cuộc; Nguyễn Thanh Sơn: Thanh tra chính trị; Ngô Tấn Nhơn: Ủy trưởng Kinh tế; Huỳnh Văn Tiêng: Ủy trưởng Tuyên huấn và Thanh niên.

Sau mỗi lần đọc, quần chúng hò reo, vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt.

Khi đọc xong danh sách, Chủ tịch Ủy ban Hành chính lâm thời Trần Văn Giàu phát biểu, đại ý nói:

"... Chúng tôi Ủy ban lâm thời Hành chính nhân dân tuyên bố chế độ cộng hòa dân chủ thành lập tại Nam Bộ Việt Nam, chúng tôi tuyên bố không thừa nhận chính phủ Nam Triều và cương quyết chống lại chế độ thực dân bất cứ từ đâu đến. Không một ngoại bang nào có thể viện một lý do gì mà bác bỏ điều quyết định long trọng mà đồng bào ta hoài bão lâu nay: Nước Việt Nam hoàn toàn độc lập..."

Tiếp theo, đại diện Xứ ủy Nam Kỳ Nguyễn Văn Nguyễn kêu gọi: "Hết thảy anh em thợ thuyền, nông dân, thanh niên, binh lính và các giới đồng bào nỗ lực làm việc, kiến thiết nền dân chủ quốc gia, đem toàn lực ủng hộ Ủy ban hành chính lâm thời thực hiện một nước Việt Nam độc lập, dân chủ và làm cho người Việt Nam tự do, sung sướng..."

Các bài phát biểu được hoan nghênh nhiệt liệt trong tiếng hô khẩu hiệu vang dội: Việt Nam độc lập muôn năm, Mặt trận Việt Minh muôn năm.

Cuộc mít-tinh kết thúc. Cả Sài Gòn vẫn tiếp tục rộn ràng nhịp chân bước, miệng hát vang, dù khăn cổ vẫn hô to khẩu hiệu kéo dài đến tối.

Cũng với khí thế dũng mãnh đó, nhân dân các tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh, đã khởi nghĩa giành chính quyền. Đến 28-8-1945, chính quyền đã về tay Việt Minh ở 21 tỉnh Nam Bộ.

.....
Sống mãi hào khí Sài Gòn ngày khởi nghĩa 25-8-2004 / BTS (Theo Báo ND)

ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH DẪN TỚI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2- 1930) đã thông qua Chánh cương vắn tắt của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo nhấn mạnh chủ trương chiến lược là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Về phương diện chính trị phải "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập". Đó là đường lối chính trị hoàn toàn đúng đắn phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, hướng vào giải quyết những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến và định hướng phát triển theo nội dung và xu thế của thời đại. Phong trào cách mạng nước ta từ Xô viết Nghệ - Tĩnh những năm 1930-1931 đến cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là quá trình vừa thực hiện, vừa khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn, khẳng định tính đúng đắn và bổ sung, phát triển hoàn chỉnh đường lối đó - đường lối cách mạng giải phóng dân tộc (GPDT). Từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam, Hội nghị Trung ương (HNTU) họp tháng 11-1939 ở Bà Điểm (Gia Định) đã nêu cao mục tiêu GPDT. Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luân da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập "phải thực hiện được nhiệm vụ chính cốt của cách mệnh là đánh đổ đế quốc" và công nông phải đưa cao cờ dân tộc lên, sau khi chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ (1-9-1939), tại Đông Dương, thực dân Pháp thủ tiêu mọi quyền dân sinh, dân chủ ít ỏi mà họ buộc phải thực hiện trong những năm 1936-1939, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân Pháp càng phát triển gay gắt.

Tháng 9-1940 phát xít Nhật chiếm Đông Dương, Nhật và Pháp cùng thống trị Đông Dương, ách áp bức dân tộc càng trở nên nặng nề. Trong bối cảnh đó, HNTU tháng 11-1940 cho rằng cách mạng phản đế - cách mạng GPDT cao hơn hết và nêu rõ: Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy sứ mệnh thiêng liêng: lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương võ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập. Trong lúc này kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là đế quốc chủ nghĩa Pháp, Nhật. Kẻ thù phụ là phong kiến bản xứ sau gần 30 năm hoạt động và lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước từ nước ngoài, ngày 28-1- 1941 lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước, cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cao trào GPDT. Tháng 5-1941 HNTU họp tại Cao Bằng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì, Hội nghị đã phân tích, đánh giá phong trào cách mạng đã

và đang diễn ra sôi nổi trên cả nước, đặc biệt là các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940), Nam Kỳ (11-1940) và cuộc khởi nghĩa của binh lính ở Đô Lương (Nghệ An) (13-1-1941). Trung ương Đảng cho rằng: Mặc dù sự đàn áp của giặc Pháp rất dữ dội mà dân ta vẫn không lùi. Những cuộc khởi nghĩa lại gây một ảnh hưởng rộng lớn toàn quốc. Đó là những tiếng sấm báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu tranh đấu bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương.

Các nghị quyết HNTU (11-1939), (11-1940) và (5-1941) đã phát triển hoàn chỉnh đường lối cách mạng GPDT. Đó là một hệ thống các quan điểm, chủ trương của Đảng trên mấy vấn đề chủ yếu sau đây: Nêu cao nhiệm vụ GPDT, giành độc lập hoàn toàn cho đất nước. Chống đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu vì đế quốc Pháp, Nhật là kẻ thù chủ yếu. Nhiệm vụ chống phong kiến đặt ra thực hiện từng bước và phải đặt dưới nhiệm vụ GPDT. Điều đó phù hợp với nguyện vọng chung của toàn thể dân tộc. Tạm thời chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, song nông dân vẫn không giảm bớt sự hăng hái tranh đấu mà vẫn nỗ lực tranh đấu mạnh hơn vì trong cuộc tranh đấu GPDT họ cũng được hưởng nhiều quyền lợi to tát.

Đề đoàn kết và huy động được sức mạnh của toàn dân thực hiện mục tiêu GPDT, Đảng chủ trương xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi và vững chắc. Đó là Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (11-1939) thay cho Mặt trận dân chủ trước đó. Tháng 5-1941, HNTU quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh). Đó là tổ chức mặt trận có chương trình rõ ràng và hệ thống tổ chức chặt chẽ với các đoàn thể cứu quốc là thành viên và lấy làng, đường phố, nhà máy làm tổ chức cơ sở. Sự liên hiệp các đoàn thể cứu quốc trong Việt Minh là sự thống nhất lực lượng để tranh đấu thực hiện vấn đề độc lập cho đất nước. Việt Minh lấy ngọn cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh làm huy hiệu. Đó cũng là tổ chức Mặt trận giải quyết vấn đề dân tộc trong nội bộ dân tộc Việt Nam giành quyền độc lập cho xứ sở. Song Việt Nam độc lập đồng minh lại còn hết sức giúp đỡ Ai Lao độc lập đồng minh và Cao Miên độc lập đồng minh. Đảng và Mặt trận Việt Minh đã kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ đoàn kết quốc tế.

Đảng chủ trương xây dựng và phát triển căn cứ địa cách mạng, cùng với lực lượng chính trị phải coi trọng xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang để chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, giành độc lập. Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Trung ương Đảng đã ra lời hiệu triệu hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa đó và đặt vấn đề phải đi tới vũ trang khởi nghĩa. HNTU 8, từ kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa, của hoạt động của Cứu quốc quân, chiến tranh du kích ở Bắc Sơn - Vũ Nhai, đã khẳng định vấn đề khởi nghĩa vũ trang: Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang. Điều kiện để khởi nghĩa bằng vũ trang là: Mặt trận cứu quốc đã thống nhất được toàn quốc; Nhân dân không thể sống được nữa dưới ách thống trị của Pháp - Nhật, mà đã sẵn sàng hy sinh bước vào con đường khởi nghĩa; Những điều kiện khách quan thuận lợi xuất hiện như quân Đồng minh thắng Nhật hay cách mạng nổ ra ở Pháp, ở Nhật. HNTU 8 đã dự liệu những điều kiện để chuẩn bị cho những điều kiện đó phát triển và khẳng định: Ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn.

Đảng hết sức chú trọng phân tích tình thế cách mạng cả trong nước và quốc tế để chủ động chuẩn bị về mọi mặt thúc đẩy thời cơ cách mạng. HNTU tháng 11-1939 và tháng 11-1940 đã đề cập tới tình thế và thời cơ để cách mạng tiến lên giành thắng lợi. Đặc biệt HNTU tháng 5-1941 đã dự báo Liên Xô thắng trận, quân Trung Quốc phản công, quân Nhật đang mắc sự phản công của Anh-Mỹ và đặt ra yêu cầu cần thiết và cấp bách cho sự chuẩn bị điều kiện chuyển biến cuộc cách mạng phải chuẩn bị ngay từ bây giờ. Tình hình thế giới sẽ biến chuyển ghê gớm làm cho tình hình Đông Dương thay đổi có lợi cho cách mạng. Ta phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù, sau HNTU 8, Đảng và Hồ Chí Minh tiếp tục theo sát sự phát triển của tình hình thế giới và trong nước để dự liệu thời cơ cách mạng. Trong tài liệu Lịch sử nước ta do Hồ Chí Minh viết và được Việt Minh tuyên truyền bộ xuất bản tháng 2-1942 ở mục những năm quan trọng, câu kết thúc Người đã dự báo năm 1945 Việt Nam độc lập.

Khi xác định cuộc cách mạng là cách mạng GPDT nghĩa là phải giành lấy độc lập, tự do cho dân tộc thì một vấn đề rất cơ bản và chủ yếu đặt ra là vấn đề hình thức tổ chức nhà nước phải xây dựng khi giành được độc lập. HNTƯ tháng 11-1939 chủ trương chưa đưa khẩu hiệu lập Chính phủ Xô Viết công nông binh" là hình thức chính phủ riêng của dân chúng lao động mà lựa chọn hình thức chính phủ Cộng hoà dân chủ, là hình thức chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp dân chúng trong xứ và trong phong trào GPDT. Đó là sự lựa chọn đúng đắn phù hợp với điều kiện cụ thể của xã hội Việt Nam. Trong Chương trình Việt Minh đã xác định: Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật, sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam dân chủ cộng hoà lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc, cộng hoà dân chủ là hình thức nhà nước nhân dân rộng rãi mà Đảng ta dự kiến đã trở thành hiện thực khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Đó là Nhà nước cách mạng của dân, do dân, vì dân và do ĐCS lãnh đạo.

Khi bước vào cao trào GPDT những năm 1939 - 1945, Đảng và Hồ Chí Minh xác định cách mạng nước ta chưa phải là cách mạng tư sản dân quyền với nhiệm vụ giành độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày, cũng chưa phải là cách mạng XHCN mà là Cách mạng giải phóng dân tộc giành cho được độc lập hoàn toàn rồi từng bước thực hiện mục tiêu ruộng đất, mở đường tiến dân lên CNXH. Đó là quy luật vận động, phát triển của cách mạng nước ta và khẳng định sự đúng đắn, tính triệt để của cách mạng GPDT do ĐCS lãnh đạo.

Những nội dung đường lối cách mạng GPDT mà các NQTƯ (11-1939), (11-1940) và NQTƯ (5-1941) xác định là một hệ thống toàn diện, đồng bộ những vấn đề chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng, chủ động về nắm bắt tình thế và thời cơ cách mạng. Điều cần đặc biệt nhấn mạnh là Đảng và Hồ Chí Minh đã làm rõ sự thống nhất trong mục tiêu giành độc lập cho dân tộc và giành chính quyền về tay nhân dân để đi đến sự lựa chọn hình thức chính quyền nhà nước thích hợp. Lênin từng chỉ ra rằng, chính quyền nhà nước là vấn đề cơ bản và chủ yếu nhất của mọi cuộc cách mạng. Cách mạng xã hội phải giải quyết vấn đề cơ bản là vấn đề chính quyền nhà nước nghĩa là giai cấp nào nắm chính quyền: Cách mạng tư sản chuyển chính quyền nhà nước từ tay giai cấp phong kiến sang tay giai cấp tư sản Cách mạng vô sản chuyển chính quyền từ tay giai cấp tư sản sang tay giai cấp vô sản và đông đảo những người lao động. Cách mạng GPDT ở một nước thuộc địa như Việt Nam phải thực hiện mục tiêu cốt yếu là độc lập dân tộc, xây dựng một chính quyền nhà nước độc lập - chính quyền của nhân dân do ĐCS lãnh đạo. Đó là sự phát triển sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh trong học thuyết về cách mạng và nhà nước.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ đầu những năm 40 của thế kỷ XX đã diễn ra theo đường lối cách mạng GPDT mà Đảng và Hồ Chí Minh đã đề ra. Đường lối đó có vai trò chỉ đạo phong trào cách mạng trên khắp cả nước. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng tiếp tục cụ thể hoá những quan điểm, đường lối đó và giải quyết thành công nhiều vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn vấn đề phân tích, đánh giá tình thế và thời cơ cách mạng được Đảng và Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng. Đó vừa là khoa học vừa là nghệ thuật trong lãnh đạo cách mạng nói chung và trong khởi nghĩa giành chính quyền nói riêng. Cuối năm 1943, sau khi ra khỏi nhà tù của Quốc dân Đảng Trung Hoa, trở về nước Hồ Chí Minh đã dự báo chiến tranh thế giới thứ II chỉ trong khoảng một năm hay một năm rưỡi nữa là kết thúc, Đó sẽ là cơ hội thuận lợi cho cách mạng nước ta giành thắng lợi, phải gấp rút chuẩn bị lực lượng về mọi mặt. Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta của Thường vụ Trung ương Đảng (12-3-1945) đã làm rõ hơn về tình thế và thời cơ cách mạng. Đảng đã kịp thời phát động cao trào kháng Nhật cứu nước rộng khắp trên cả nước phân tích những điều kiện cụ thể để khởi nghĩa có thể nổ ra và giành thắng lợi; đặt ra cho các Đảng bộ địa phương tinh thần chủ động sáng tạo trong lãnh đạo khởi nghĩa ở địa phương mình khi ở đó những điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi. Hội nghị cán bộ Đảng toàn quốc ở Tân Trào giữa tháng 8 - 1945 đã kịp thời quyết định Tổng khởi nghĩa trên cả nước sau khi quân Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh và trước khi quân đội Đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân Nhật. Thời cơ khởi nghĩa thuận lợi nhất là nửa cuối tháng 8 - 1945. Khởi nghĩa đã nổ ra và giành thắng lợi đúng như thế. C.Mác nói khởi nghĩa là một nghệ thuật. Điểm tuyệt diệu nhất của nghệ thuật đó là chớp đúng thời cơ. Khi phát động khởi nghĩa Đảng và Hồ Chí Minh cũng đã sớm nhận thấy khó khăn phức tạp và nguy cơ mới xuất hiện đó là quân đội Đồng minh kéo vào. Phải giành thắng lợi trước

khi quân Đồng minh vào Đông Dương để với tư cách người chủ đất nước tiếp quân Đồng minh. Đó là quyết định đúng đắn và tránh những khó khăn không lường hết được. Như vậy, Cách mạng tháng Tám không chỉ tranh thủ điều kiện thuận lợi khi quân Nhật đầu hàng Đồng minh mà còn tránh được khó khăn mới nảy sinh do tình hình quốc tế đưa lại.

Một thành công nổi bật của Đảng và Hồ Chí Minh trong lãnh đạo Cách mạng tháng Tám đó là huy động được sức mạnh của lực lượng toàn dân tộc, nêu cao tinh thần yêu nước, khát vọng độc lập tự do ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Đảng và Hồ Chí Minh đã sớm nhen nhóm tổ chức yêu nước và phát triển lực lượng cách mạng rộng khắp trên tất cả địa bàn: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị; trong tất cả mọi giai cấp, tầng lớp xã hội kể cả các giai cấp bóc lột, tầng lớp trên có tinh thần yêu nước, các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, các tôn giáo, các cá nhân yêu nước, tiến bộ. Không có lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc như thế, không thể có thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh sự nghiệp làm nên bởi chữ “đồng”, đồng chí, đồng lòng, đồng sức nghĩa là toàn dân kết thành một khối xung quanh Đảng, Mặt trận Việt Minh và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Với sức mạnh của toàn dân được tổ chức lại trên khắp các địa phương, địa bàn khi thời cơ đến mới có thể chủ động giành thắng lợi. Trên thế giới có những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng hoặc là diễn ra chủ yếu ở thủ đô, thành phố rồi mới lan ra, kết thúc ở nông thôn hoặc là diễn ra chủ yếu ở nông thôn, lấy nông thôn bao vây thành thị. Việt Nam, khởi nghĩa nổ ra đều khắp trên tất cả các địa bàn, địa phương, có sự phối hợp, hưởng ứng giữa các địa phương và địa bàn đó ở đây thể hiện năng lực tổ chức, chỉ đạo thực tiễn rất cao của hệ thống tổ chức Đảng, Việt Minh và của đội ngũ cán bộ, đảng viên đồng thời thể hiện tính năng động, sáng tạo và trách nhiệm trước dân tộc, trước lịch sử.

Khi chuẩn bị thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã phân tích sâu sắc mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng ở các thuộc địa thông qua hình tượng coi CNTB thực dân như con đĩa có 2 vôi: một vôi bám vào giai cấp vô sản chính quốc và một vôi bám vào các dân tộc thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc nêu rõ sự phối hợp của cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng thuộc địa như hai cánh chim. Người cũng sớm đề cập tới ý chí tự lực tinh thần chủ động giành thắng lợi của cách mạng ở các thuộc địa. Trong lãnh đạo, chỉ đạo cao trào cách mạng GPDT 1939 - 1945 Đảng và Hồ Chí Minh đã phát huy cao độ tinh thần chủ động giành thắng lợi. Đặt ra và tranh thủ tối đa điều kiện thuận lợi của quốc tế. nhưng không ỷ lại trông chờ lực lượng bên ngoài đến giải phóng cho mình, mà quyết tâm đứng lên tự giải phóng, chủ động giành thắng lợi. Đảng đã kết hợp thành công sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại nhưng cái gốc vẫn là sức mạnh dân tộc, là nội lực, là ý chí và quyết tâm tự cứu lấy mình.

Có đường lối đúng, được hoạch định trên cơ sở tư duy chính trị, lý luận cách mạng khoa học và thực tiễn sinh động của xã hội, đất nước là một bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng. Đường lối có được tổ chức thực hiện, cụ thể hoá và phát triển một cách sáng tạo là thêm sự bảo đảm chắc chắn cho thắng lợi. Đó cũng là một trong những bài học lịch sử quan trọng và chủ yếu của Cách mạng tháng Tám năm 1945, rất có ý nghĩa đối với công cuộc đổi mới của Đảng và nhân dân ta hiện nay.

.....

Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 / Nguyễn Trọng Phúc (tc Lịch sử Đảng)

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH DU KÍCH VÀ CĂN CỨ ĐỊA TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939-1945)

Góp phần nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh du kích và căn cứ địa cách mạng là một bộ phận cấu thành của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh du kích và căn cứ địa cách mạng được hình thành và phát huy tác dụng trong Cách mạng Tháng Tám, góp phần làm nên thắng lợi của sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật giải phóng dân tộc. Tư tưởng này được kế thừa và phát triển một cách sáng tạo trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đem lại thành công to lớn. Hiện nay, đó vẫn là một di sản lịch sử quý báu cho sự nghiệp dựng nước, giữ nước của dân tộc và là một kinh nghiệm lịch sử cho các cuộc chiến tranh chính nghĩa hiện đại trên thế giới.

1. Nguồn gốc hình thành

Tư tưởng này bắt nguồn từ nhận thức biện chứng trong đấu tranh xã hội về sự chuyển hóa giữa hai mặt của mâu thuẫn đối kháng dẫn tới một quá trình phủ định biện chứng. Đó là: từ nhận thức biện chứng đến hành động cách mạng đã đưa tới sự chuyển hóa “từ yếu thành mạnh” một mặt của mâu thuẫn đối kháng là cách mạng dân tộc thuộc địa, chống lại phía đối lập của mâu thuẫn đối kháng là đế quốc xâm lược nô dịch để đi tới phủ định mặt đối lập. Trong sự chuyển hóa đó, nhân tố có tầm quan trọng hàng đầu là chiến lược vận dụng sức mạnh tổng hợp để thực hiện chiến tranh nhân dân, khởi nghĩa vũ trang nhân dân mà du kích chiến và căn cứ địa cách mạng là một nhân tố quan trọng đem lại thắng lợi. Trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam thời kỳ 1939-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy truyền thống ông cha về chiến tranh giữ nước, kết hợp với sự vận dụng một cách sáng tạo lý luận Mác-Lê-nin về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, cũng như kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc vào điều kiện Việt Nam, nâng vấn đề chiến tranh du kích và căn cứ địa cách mạng lên thành lý luận mới của cách mạng dân tộc và thuộc địa để giành thắng lợi. *Trước hết về kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc* - Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nêu cao ý chí quật cường và tinh thần sáng tạo trong chiến đấu chống ngoại xâm từ Lý, Trần, Lê, Tây Sơn đến các cuộc khởi nghĩa trong thời kỳ cận, hiện đại. Trong lời “Kính cáo quốc dân” gửi đi ngày 6 tháng 6 năm 1941, sau lời kêu gọi: “Hơn 20 triệu con Lạc cháu Hồng quyết không chịu làm vong quốc nô...”, Người đã nêu cao truyền thống dân tộc với những lời tâm huyết: “Tám gương oanh liệt của các bậc tiền bối như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Lương Ngọc Quyến còn treo đó. Tinh thần anh dũng của các liệt sĩ ở Thái Nguyên, Yên Bái, Nghệ An còn đây. Những cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Bắc Sơn, Đô Lương vừa rồi tỏ ra rằng: “Đồng bào ta quyết nối gót người xưa, phấn đấu, hy sinh đặng phá tan xiềng xích”(1). Các anh hùng dân tộc và các địa danh lịch sử kể trên đều để lại những bài học quý báu về chiến tranh du kích và căn cứ địa kháng chiến mà Người luôn nhắc nhở phải khai thác, vận dụng... Trong suốt cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám (1939-1945), Người chăm lo phát huy truyền thống chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích, trong đó có kinh nghiệm xây dựng căn cứ địa kháng chiến của ông cha. *Thứ hai là vận dụng một cách sáng tạo lý luận Mác-Lê-nin.* Trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi trọng tiếp thu và vận dụng lý luận Mác-Lê-nin về chiến tranh cách mạng và khởi nghĩa vũ trang được trình bày trong tác phẩm kinh điển mác-xít(2). Tập trung nhất là luận điểm về “Khởi nghĩa là một nghệ thuật”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấm nhuần sâu sắc luận điểm cách mạng này trong chỉ đạo cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám mà đỉnh cao của thắng lợi là khởi nghĩa Tháng Tám (từ cao trào tiên khởi nghĩa đến tổng khởi nghĩa). Tất cả đã chứng minh: Khởi nghĩa là một nghệ thuật mà chiến tranh du kích và căn cứ địa cách mạng là một bộ phận quan trọng. Những yêu cầu cơ bản của nghệ thuật khởi nghĩa là phải dựa vào giai cấp tiên phong, dựa vào cao trào cách mạng của nhân dân, nắm bắt đúng thời cơ đứng lên khởi nghĩa, mà một khi đã đứng lên thì phải giành lấy thắng lợi đầu tiên, rồi liên tục tiến công, liên tục giành lấy từ thắng lợi này đến thắng lợi khác... Các chiến thắng Phai Khắt-Nà Ngàn và các thắng lợi tiếp theo của Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và của Giải

phóng quân Việt Nam sau này đã chứng minh cho sự thấm nhuần sâu sắc luận điểm cách mạng trên. *Thứ ba là vận dụng kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc.* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tham gia trực tiếp vào cuộc cách mạng Trung Quốc do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo. Đồng chí đã từng tham gia chiến tranh giải phóng Trung Quốc trong đó du kích chiến và căn cứ địa cách mạng có tầm quan trọng đặc biệt. Từ năm 1935, trong Thư gửi bộ Phương Đông (được truyền bá về Việt Nam) Người đã nêu lên yêu cầu phải phổ biến lý luận và kinh nghiệm chiến tranh cách mạng và khởi nghĩa vũ trang cho các đảng viên và quần chúng cách mạng. Trong 30 cuốn sách mà Người đề nghị cho xuất bản lúc đó có: Cuốn thứ 16 là “Cách mạng tháng Mười”, thứ 17 là “Cách mạng Trung Hoa”, thứ 18 là “Khởi nghĩa vũ trang” và thứ 19 là “Những bài học của các sự biến 1930-1931”(3)... Đặc biệt là nửa đầu năm 1939, trong một loạt bài từ Trung Quốc gửi về nước đăng trên báo “Tiếng nói của chúng ta” (Notrevoix), Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc đó bí danh là P.C Line) đã thông tin về những thắng lợi chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, nhấn mạnh đến vai trò của du kích chiến và căn cứ địa cách mạng. Truyền thống quân sự dân tộc, lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc thực tế đã là những nguồn cơ bản cho sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh du kích và căn cứ địa cách mạng trong quá trình vận động Cách mạng Tháng Tám 1939-1945.

2. Hiệu quả lớn lao

Biểu hiện tập trung của tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh du kích và căn cứ địa là công trình “Cách đánh du kích” của Người, viết năm 1941(4). Mở đầu công trình, Người khẳng định: “Du kích là cách đánh giặc của dân tộc bị áp bức chống đế quốc... Chuyền này chúng ta vũ trang khởi nghĩa đánh Tây-Nhật, chính dùng đường lối du kích mà đánh. Biết đánh du kích thế nào cũng thắng lợi. Muốn đánh du kích cho thắng lợi cần 4 điều: 1-Phải có con đường chính trị đúng. 2-Phải dựa trên cơ sở quần chúng. 3-Phải có tổ chức vững chắc và nghiêm mật. 4-Phải có một lối đánh rất tài giỏi(5). Sau khi nêu rõ mục đích chính trị, hướng dẫn cách thức tổ chức, công trình dành cho cả 9 chương trong tổng số 13 chương (từ chương III đến chương XII) vào việc chỉ đạo nghệ thuật du kích chiến tranh. Riêng về “Lối đánh tài giỏi” được Người triển khai một cách hết sức cụ thể, sinh động cả chương III: “Đánh du kích cần chú ý đến 4 nguyên tắc chính này: 1-Giữ quyền chủ động. 2-Hết sức nhanh chóng. 3-Bao giờ cũng giữ thế công. 4-Phải có kế hoạch thích hợp và chu đáo. Đánh du kích cần chú ý đến 4 mưu mẹo lớn này: 1-Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, náo phía đông, đánh phía tây. 2-Tránh trận gay go, không chết sống giữ đất. 3-Hóa chỉnh vi linh (nghĩa là phân tán), hóa linh vi chỉnh (nghĩa là tập trung). 4-Mình yên đánh quân thù động, mình khỏe đánh quân thù mệt. Các chương tiếp theo, từ chương IV đến chương XII, từng cách đánh du kích được Người trình bày cụ thể trong từng chương: cách tiến công, tập kích. Phục kích. Cách phòng ngự. Cách “đánh đuổi giặc”, cách “rút lui”. Phá hoại. Thông tin liên lạc. Hành quân. Đóng quân... Mỗi chương, mỗi cách đều có sự hướng dẫn sâu sắc, cụ thể, khiến cuốn sách là cả một chương trình huấn luyện, là một cuốn cẩm nang cho các nhà lãnh đạo chiến tranh du kích và cho từng du kích quân. Nhờ vậy mà từ đầu năm 1941 trở đi, sau sự ra đời của các đội du kích Bắc Sơn, Nam Kỳ khởi nghĩa, là hàng trăm đội tự vệ chiến đấu và du kích quân “đánh Pháp, đuổi Nhật” xuất hiện trên khắp mọi miền đất nước. Đó cũng là điều kiện để ngoài căn cứ địa lớn Cao-Bắc-Lạng... đã xuất hiện nhiều căn cứ địa vừa và nhỏ trên toàn quốc... Không phải là ngẫu nhiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành chương cuối cùng của công trình “Cách đánh du kích” cho vấn đề “căn cứ địa”. Lô-gích nhất quán trong tư tưởng quân sự của Người là: “Du kích chiến phải gắn liền với căn cứ địa”. Chương “Căn cứ địa” tuy ngắn gọn nhưng đã thể hiện rõ “Tư tưởng căn cứ địa” của Người. Sau khi hình thành hạt nhân chiến đấu là các đội tự vệ chiến đấu, các đội quân du kích... cần xây dựng căn cứ địa theo các nguyên tắc cơ bản: a) Với đường lối chính trị cứu nước, với phương châm “lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều”, lại chưa có chủ quyền lãnh thổ, đất đai, thì trước hết: “Đội du kích trong lúc hoạt động đánh quân thù, cần có một vài nơi dừng chân làm cơ sở. Tại nơi ấy, đội du kích trữ lương thực, thuốc đạn, lâu lâu về đó nghỉ ngơi, luyện tập”. b) Nguyên tắc xây dựng căn cứ phải gắn liền với nguyên tắc lựa chọn địa hình, địa lợi, tức coi trọng yếu tố địa lý. Trong đó, cùng với “địa thế, địa hình” cần quan tâm tới yếu tố “địa-chính trị”, tức sự ủng hộ, che chở của quần chúng cách mạng. Tác phẩm “Cách đánh du kích” nêu rõ: “Nơi ấy phải có địa thế

hiểm yếu che chở và quần chúng cảm tình ủng hộ”. c) Nguyên tắc thứ ba là “Phải tiến tới xây dựng được chính quyền cách mạng cho căn cứ địa”. Từ nhiều cơ sở được chọn làm căn cứ, phải lựa chọn được nơi vững vàng nhất. Ở đó, sau khi đánh đổ được chính quyền địch phải xây dựng cho được chính quyền cách mạng: “Chưa thành lập được chính quyền địa phương thì căn cứ khó thành lập và không thể củng cố được”. d) Nguyên tắc thứ tư là: Từ căn cứ địa, lực lượng du kích phát triển, phải tiến tới thành lập được các đội quân chính quy: “Có chính quyền cách mạng của địa phương, có căn cứ địa vững vàng, đội du kích nhờ đó mà phát triển lực lượng và hóa ra quân chính quy”. Ngoài sách “Cách đánh du kích”, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về căn cứ địa và chiến tranh du kích còn được phổ biến trong thơ ca truyền miệng như diễn ca “Lịch sử nước ta”, bài “Ca đội tự vệ”, “Bài ca du kích”. Khi phong trào đấu tranh vũ trang phát triển, công trình “Cách đánh du kích” thật sự là “Người dẫn đường” cho những du kích quân Việt Nam và căn cứ địa phát triển ở nhiều nơi trong toàn quốc. Trong quá trình vận động Cách mạng Tháng Tám, nhiều căn cứ địa cách mạng đã ra đời. Hầu như bất cứ ở đâu, lực lượng quân sự ra đời và chiến tranh du kích phát triển. Những căn cứ địa lớn đều trở thành các chiến khu cách mạng như: Căn cứ địa Cao Bằng-Bắc Cạn, căn cứ địa Bắc Sơn-Vũ Nhai; căn cứ địa Quỳnh Lưu (Nho Quan-Ninh Bình); căn cứ địa Đông Triều-Chí Linh (Hải Dương) (sau được mệnh danh là đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ chiến khu); căn cứ địa Ba Tơ sau chuyển về xuôi phát triển thành căn cứ liên hoàn Vĩnh Sơn-Núi Lớn (Quảng Ngãi); căn cứ U Minh ở cực nam Nam Bộ. Khi trải rộng ra nhiều căn cứ địa vừa và nhỏ ở hầu khắp các địa phương trong toàn quốc còn gọi là các chiến khu, khu du kích. Mỗi căn cứ đều có những sáng tạo riêng về quy hoạch địa bàn, xây dựng lực lượng chính trị, tổ chức lực lượng vũ trang, chỉ huy tác chiến... sao cho phù hợp với quá trình hình thành và phát triển của khu căn cứ. Nhưng chung nhất, phổ biến nhất vẫn là mấy nguyên tắc cơ bản mà tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh đã nêu ra: Trước hết phải có hạt nhân chiến đấu là các đội tự vệ chiến đấu, các đội quân du kích, như ở Bắc Sơn-Vũ Nhai là do đội du kích Bắc Sơn do cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn sinh ra; ở Cao Bằng-Bắc Cạn là từ những đội tự vệ, du kích Cao Bằng; ở U Minh có các đội du kích được khai sinh từ khởi nghĩa Nam Kỳ. Ở Quảng Ngãi bắt đầu là từ đội du kích khởi nghĩa Ba Tơ. Các chiến khu, khu căn cứ khác cũng đều có những lực lượng vũ trang đầu tiên đứng lên xây dựng. Các lực lượng vũ trang hạt nhân đó xây dựng căn cứ địa theo 4 nguyên tắc: a) Để có nơi tương đối an toàn cho các chiến sĩ tập luyện, nghỉ ngơi, cất giấu súng đạn, vũ khí, lực lượng vũ trang phải chọn được địa bàn tương đối thích hợp; vừa hiểm trở, bí mật để địch khó tìm, khó phát hiện lại vừa thuận lợi để “tiến có thể công, thoái có thể thủ”... tức là có hình thế “địa quân sự”. b) Địa bàn đó phải có lực lượng quần chúng cách mạng ủng hộ, bảo vệ. Lực lượng quần chúng phải được giác ngộ và tổ chức từ thấp đến cao. Trong Cách mạng Tháng Tám ở những căn cứ địa mạnh, đại đa số quần chúng đều được tổ chức vào Mặt trận Việt Minh. Như ở Cao Bằng-Bắc Cạn, đã có những “xã hoàn toàn”, “châu hoàn toàn”, những nơi tất cả quần chúng đều gia nhập Việt Minh-tức có ưu thế về địa-chính trị. c) Phải thành lập cho được chính quyền cách mạng ở khu căn cứ. Chính quyền cách mạng không chỉ bảo đảm an ninh trật tự, phòng gian, trừ gian... cho khu căn cứ, mà còn có thể vận động quần chúng ủng hộ về kinh tế, vũ khí và tổ chức đời sống có văn hóa cho khu căn cứ. Chính quyền đó, trong Cách mạng Tháng Tám lúc đầu còn là Ủy ban Việt Minh làm nhiệm vụ chính quyền cách mạng khi chính quyền địch ở cơ sở còn tồn tại. Sau khi xóa được chính quyền địch mới tiến lên thành lập các Ủy ban giải phóng rồi Ủy ban nhân dân cách mạng... Nhờ có chính quyền căn cứ địa ra đời mới phát huy được tính địa-kinh tế, địa-văn hóa của căn cứ... Việc xây dựng chính quyền căn cứ địa là vô cùng quan trọng, như đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh: “Chưa thành lập được chính quyền địa phương thì căn cứ địa khó thành lập và không thể củng cố được”. d) Phải liên tục phát triển lực lượng vũ trang từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh. Từ các đội tự vệ phải tiến lên xây dựng các đội tự vệ chiến đấu, các đội du kích địa phương, rồi du kích thoát ly. Trong Cách mạng Tháng Tám, ở chiến khu Việt Bắc, đó chính là tiến trình ra đời của Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân rồi Việt Nam Giải phóng quân. Các nguyên tắc cơ bản trên đã biểu hiện rõ sự gắn bó chặt chẽ giữa chiến tranh cách mạng và căn cứ địa: căn cứ địa sinh ra từ nhu cầu của đấu tranh vũ trang mà lực lượng vũ trang là người khai sinh ra căn cứ địa. Lực lượng vũ trang xây dựng và mở rộng căn cứ địa để căn cứ địa có thể góp phần vào việc phát triển nhanh chóng lực lượng vũ trang.

Tất cả nằm trong mối quan hệ biện chứng “nhân quả”. Nếu cuối cùng không phát triển được lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang thì căn cứ địa coi như chưa đạt được mục đích. Lấy hai khu căn cứ địa lớn là Cao Bằng-Bắc Cạn và Võ Nhai-Đình Cả làm điển hình: Những đội du kích Cao Bằng, du kích Bắc Sơn là những hạt nhân vũ trang cần thiết để cho ra đời căn cứ địa. Hai căn cứ địa được củng cố và phát triển hợp nhất thành chiến khu cách mạng Việt Bắc rộng lớn gồm Cao-Bắc-Lạng, Thái-Hà-Tuyên. Đó chính là điều kiện để Cứu quốc quân từ một trung đội phát triển lên ba trung đội; du kích Cao Bằng trở thành Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân rồi hợp nhất các đội cứu quốc quân thành Việt Nam giải phóng quân. Ở cả nước, các căn cứ địa được củng cố và mở rộng đi đôi với sự phát triển nhanh chóng của lực lượng vũ trang và chiến tranh du kích, giành được thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám. Lý luận và thực tiễn về chiến tranh du kích và căn cứ địa cách mạng ở Việt Nam đã để lại những bài học lịch sử quý báu. Ngày nay, ngay trong chiến tranh hiện đại, với khoa học kỹ thuật tiên tiến và vũ khí tối tân, sử dụng cả điện tử, nguyên tử, sinh học, hóa học, tin học... thì những bài học kinh nghiệm quý báu của Việt Nam về chiến tranh du kích và xây dựng căn cứ địa cách mạng vẫn còn nóng bỏng tính thời sự./.

.....

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh du kích và căn cứ địa trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939-1945)(Góp phần nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh)/ Giáo sư Văn Tạo

Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ THỜI ĐẠI CỦA CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

(ĐCSVN) - Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám của nhân dân Việt Nam đã chấm dứt chế độ thuộc địa gần một thế kỷ và chế độ phong kiến hàng nghìn năm ở Việt Nam, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập dân tộc và phát triển đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 “chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: đây là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”. Nhận định quan trọng đó làm nổi bật ý nghĩa lịch sử và thời đại của cuộc Cách mạng tháng Tám.

Từ chủ nghĩa yêu nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và ách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và tìm thấy ở lý luận đó, cuộc cách mạng đó con đường cứu nước đúng đắn ở một nước thuộc địa như Việt Nam. Người đã truyền bá lý luận Mác-Lênin và những kinh nghiệm, bài học của cách mạng tháng Mười vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước dẫn tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3- 1930). Đó là quá trình Nguyễn Ái Quốc và những người cộng sản tiên bối đã từng bước đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam hoà vào dòng chảy và lợi dụng cách mạng của thời đại. Ý nghĩa thời đại của cách mạng Việt Nam đã được chuẩn bị tiền đề từ đây. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới, phát triển theo nội dung và xu thế của thời đại và do đó thắng lợi của cuộc cách mạng đó mang ý nghĩa thời đại. Cách mạng tháng Tám là kết quả của quá trình đấu tranh của toàn dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản với các phong trào liên tục, rộng khắp. Cao trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh biểu thị sức mạnh to lớn của công nhân và nông dân làm tan rã chính quyền địch ở nhiều nơi, trực diện tiến công vào sự thống trị của đế quốc và phong kiến, xuất hiện hình thức chính quyền kiểu mới như Xô Viết ở nước Nga. Cuộc vận

động dân chủ những năm 1936-1939 là phong trào cách mạng độc đáo ở một nước thuộc địa với sự phát triển sáng tạo cả về chiến lược và sách lược của Đảng có ý nghĩa sâu sắc đối với cách mạng ở khu vực các nước thuộc địa, vận dụng đúng đắn đường lối của Đại hội VII Quốc tế cộng sản (7-1935).

Caο trào cách mạng giải phóng dân tộc 1939-1945 Đảng ta nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, không chỉ nhằm mục tiêu giành độc lập cho dân tộc Việt Nam mà còn góp phần thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới, góp phần vào ngăn chặn sự lan rộng của chiến tranh thế giới thứ II do chủ nghĩa phát xít gây ra. Khi hình thành lực lượng đồng minh chống phát xít, *dân tộc Việt Nam đã kiên quyết đứng về phe đồng minh chống phát xít*. Trong chiến tranh thế giới thứ II, lực lượng đồng minh gồm Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp và các dân tộc ngoan cường chống sự xâm lược và chiếm đóng của chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật. Dân tộc Việt Nam từ tháng 9-1940 bị phát xít Nhật xâm lược và chiếm đóng, áp bức, bóc lột tàn tệ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh, dân tộc Việt Nam đã ngoan cường chống phát xít Nhật để giành độc lập. Từ sau khi Nhật gạt Pháp khỏi Đông Dương bằng cuộc đảo chính 9-3-1945, cả dân tộc Việt Nam đã dấy lên caο trào *kháng Nhật cứu nước* và đã giành chính quyền từ tay phát xít Nhật.

Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam từ 1939 đến 1945 là bộ phận không tách rời cuộc chiến đấu của nhân loại tiến bộ chống chủ nghĩa phát xít. Điều đó khẳng định tính thời đại của cuộc chiến đấu của dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ trong *Tuyên ngôn độc lập* đọc ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình- Hà Nội: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do. Dân tộc đó phải được độc lập”.

Cuộc Cách mạng tháng Tám của Việt Nam đã làm sụp đổ một mảng trọng yếu trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trong thế kỷ XX, chứng minh khả năng các dân tộc bị áp bức dù nhỏ yếu vẫn có thể chiến thắng các thế lực xâm lược hùng mạnh nếu biết đoàn kết đấu tranh với ý chí tự lực tự cường cao độ và với sự lãnh đạo đúng đắn của một chính đảng cách mạng chân chính. Nếu cách mạng tháng Mười Nga là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin ở một nước tư bản tương đối phát triển, chặt đứt khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc thì thắng lợi của Cách mạng tháng Tám của Việt Nam là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin ở một nước nông nghiệp lạc hậu, thuộc địa, nửa phong kiến. Vì vậy, có thể thấy rằng Cách mạng tháng Tám là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình trong thế kỷ XX.

Tính điển hình mang ý nghĩa thời đại đó là cuộc cách mạng đó đã kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, kết hợp đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp thực hiện mục tiêu dân tộc và dân chủ mang lại không chỉ độc lập cho dân tộc mà còn tự do, hạnh phúc cho con người, đưa nhân dân lên địa vị làm chủ đất nước và xã hội để mở đường đi tới chủ nghĩa xã hội. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã gắn kết mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Tính triệt để của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc được quy định bởi độc lập mặc dù là khát vọng thiêng liêng nhưng chỉ là tiền đề đi tới giải phóng xã hội, mưu cầu tự do, ấm no, hạnh phúc cho con người, cho nhân dân. Ngay tháng 10 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “nêu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay, tiếp tục Cương lĩnh năm 1930 của Đảng, nhân dân Việt Nam kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cũng là mục tiêu lớn của thời đại.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, tầm vóc của cuộc Cách mạng tháng Tám còn là ở chỗ, đội tiên phong lãnh đạo cuộc cách mạng đó đã nhận thức và hành động từ thực tế khách quan, chủ động và sáng tạo để giành thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc. Có thời kỳ Quốc tế Cộng sản cho rằng cách mạng ở nước thuộc địa không thể giành thắng lợi nếu cách mạng chưa nổ ra và giành thắng lợi ở chính quốc (nước thống trị thuộc địa). Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã không đồng ý với quan điểm đó, trái lại Người còn cho rằng cách mạng ở các nước thuộc địa phương Đông còn có khả năng giúp đỡ cho những người anh em của mình tức giai cấp vô sản ở phương Tây. Thực tế cách mạng Việt

Nam (nước thuộc địa của Pháp và Nhật) đã giành thắng lợi mà không đọi cách mạng vô sản nổ ra và thắng lợi ở 2 nước chính quốc đó.

Kỷ niệm Cách mạng tháng Tám, cuộc cách mạng đã đòi hỏi cho cả dân tộc Việt Nam, những người cộng sản và toàn dân tộc Việt Nam có quyền tự hào về ý nghĩa lịch sử và thời đại của cuộc cách mạng đó. Đó là cuộc cách mạng tạo tiền đề cho thắng lợi của những cuộc kháng chiến oanh liệt vì độc lập thống nhất hoàn toàn và thắng lợi của công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

.....

Ý nghĩa lịch sử và thời đại của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 / PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NĂM 1945 – NHỮNG GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VÀ ĐƯƠNG ĐẠI

Có một truyền thống Việt Nam

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 đã đi vào lịch sử dân tộc với tính cách là ngày Quốc khánh Việt Nam. Sự lựa chọn thật thích đáng. Đó là ngày ra đời của Tuyên ngôn độc lập do lãnh tụ tối cao Hồ Chí Minh tuyên đọc, chính thức khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Sự ra đời của *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 phải được xem là một sự kiện hoàn toàn tự nhiên. Dân tộc Việt Nam, sau gần 100 năm chịu ách đô hộ, thống trị tàn bạo của nước ngoài đã bằng cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất, chấp nhận những hy sinh, mất mát to lớn giành lại được giang sơn gấm vóc, giành lại được độc lập, tự do.

Sự kiện trọng đại đó được đánh dấu bằng một bản *Tuyên ngôn độc lập* long trọng tuyên bố với thế giới về quyền được sống trong độc lập, tự do của “một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay”...; “và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập”.

Tuy nhiên, trong cái hoàn toàn tự nhiên đó, có cái thể hiện tính đặc thù truyền thống rất Việt Nam mà không phải bao giờ cũng lặp lại ở những hoàn cảnh khác, ở những đất nước khác.

Trên bình diện so sánh có thể thấy, với sự kết thúc chiến tranh thế giới chống phát xít Đức - Nhật hàng loạt dân tộc thuộc địa, sau nhiều thập kỷ, có khi là hàng thập kỷ cũng đã chịu ách đô hộ, thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc cũng đã vùng dậy giành được quyền độc lập, tự chủ, nhưng không phải ở đâu cũng đi kèm theo các bản Tuyên ngôn độc lập.

Xét theo chiều dài lịch sử mấy ngàn năm tồn tại, dân tộc Việt Nam ta không phải chỉ một lần mất nước, một lần rơi vào cảnh bị thống trị... Do vị trí địa lý - chính trị đặc thù, sự tồn tại và sự tự khẳng định mình của dân tộc Việt Nam đã không phải một lần đối đầu với những thử thách thật khốc liệt mà hậu quả là sự lựa chọn: hoặc “thà hy sinh tất cả thứ nhất quyết không chịu làm nô lệ”, hoặc là chịu sự đồng hoá, nô dịch, diệt vong. Cuộc đấu tranh giành và giữ vững quyền sống, quyền tự do của cả cộng đồng dân tộc luôn luôn làm xuất hiện những anh hùng hào kiệt, không chỉ đại diện cho tinh thần ngoan cường, bất khuất mà còn đại diện cho cả ý chí, khát vọng được sống trong độc lập, tự do, và vì vậy họ trở thành người phát ngôn của cả một dân tộc, về những quyền sống, quyền độc lập, tự chủ thiêng liêng không ai được xâm phạm.

Ngược dòng thời gian, lịch sử Việt Nam ghi nhận: trước *Tuyên ngôn độc lập* 2-9-1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam còn có Bình Ngô đại cáo thế kỷ XV của Lê Lợi - Nguyễn Trãi sau khi đánh đổ ách thống trị của triều Minh; có “Nam quốc sơn hà...” của Lý Thường Kiệt thế kỷ XI trong chiến thắng xâm lược Tống. Lịch sử Việt Nam cũng ghi nhận quyết tâm “biển nợ nước, trả thù nhà” của Hai Bà Trưng trong những năm đầu Công nguyên, khi trên đàn thề trước ba quân dấy nghĩa, Hai Bà Trưng nguyện: “Một xin rửa sạch nước thù,

hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng” trước khi bước vào cuộc đấu tranh hoàn toàn không cân sức đánh đổ chính quyền đô hộ Đông Hán. Hay trong Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn thế kỷ XIII: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa...” trước hoạ xâm lăng của giặc Nguyên Mông; rồi lời truyền của Quang Trung - Nguyễn Huệ trong lễ duyệt binh trước khi tiến quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh xâm lược: “Trong khoảng vũ trụ, trời nào sao nấy, đều đã phân biệt rõ ràng...” và ông cố vũ ba quân: “phải đánh cho nó phiến giáp bắt hoàn, đánh cho sử trí Nam quốc anh hùng chi hữu chủ...”.

Điём qua lịch sử, có thể thấy *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thế kỷ XX hoàn toàn không phải là sự kiện đột biến, cá biệt trong lịch sử vốn phải tính bằng thiên niên kỷ của dân tộc Việt Nam. Sự ra đời của Tuyên ngôn độc lập trong thế kỷ đương đại càng chứng tỏ, dù bọn người có của nhiều, sung lắm, có một trình độ văn minh cao hơn nhiều và lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái từ phương Tây tới, trong gần 100 năm với những pháp luật dã man, nhà tù nhiều hơn trường học, với chính sách ngu dân, ràng buộc dư luận, với rọu cùn, thuốc phiện, hòng làm cho nòi giống Việt Nam suy nhược; dù chúng tấм các cuộc khởi nghĩa trong bể máu, bóc lột dân ta đến tận xương tuỷ, khiến dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, đất nước xơ xác tiêu điều, thì tinh thần quật cường, ý chí giành lại độc lập, tự do của nhân dân ta vẫn không hề bị thui chột mà chỉ càng được tôi luyện thêm mạnh mẽ. Với *Tuyên ngôn độc lập* ở thế kỷ XX có thể thấy một truyền thống Việt Nam xuyên suốt lịch sử nhiều thế kỷ, phản ánh một tính cách, một tâm linh rất đặc thù Việt Nam, thể hiện bản lĩnh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam luôn luôn đoàn kết, đồng tâm nhất trí, vươn tới sự tự khẳng định với tính cách là một quốc gia, một dân tộc với một lòng tự tôn, tự hào dân tộc chính đáng. Và một khi đã thành truyền thống, nó là một thứ giá trị tinh thần làm nên sức mạnh vật chất có sức cổ vũ, nuôi dưỡng tâm linh các thế hệ người Việt Nam là không bao giờ và dù trong hoàn cảnh nào cũng không chịu tự đánh mất mình với tính cách là một dân tộc.

Sự kết tinh của những phẩm giá dân tộc

Thời điểm và hoàn cảnh ra đời của *Tuyên ngôn độc lập* những năm giữa thế kỷ XX càng tô đậm thêm tính truyền thống đặc sắc của dân tộc Việt Nam. Có một cái rất chung và cốt lõi xuyên suốt các tuyên ngôn chính thức và không chính thức của các vĩ nhân trong lịch sử Việt Nam là tiếng nói của họ cũng chính là tiếng nói của cả dân tộc. Bằng tiếng nói của mình, các vĩ nhân thể hiện thành lời những khát vọng của dân tộc về các quyền cơ bản, trong đó có quyền cơ bản nhất: quyền sống trong độc lập, tự chủ, tự do, quyền tồn tại với tính cách là một dân tộc, một quốc gia độc lập. Dù cách diễn đạt có thể khác nhau, thì về nội dung, ý tưởng vẫn chỉ là một, và đó là điều thống nhất nhất quán dù khoảng cách về thời gian giữa các vị có khi phải đo bằng thiên niên kỷ; dân tộc Việt Nam đang tồn tại với tính cách là một quốc gia độc lập và đó là quyền cơ bản, thiêng liêng, không ai được xâm phạm. Dân tộc Việt Nam có đủ quyết tâm và lực lượng, trí lực và sự kiên trì để bảo vệ quyền thiêng liêng không ai có thể xâm phạm đó.

Trong thế giới ngày nay, mỗi dân tộc hiện đang tồn tại dưới hình thức là một quốc gia đều đã phải đi và vượt qua những con đường hoàn toàn không dễ dàng và chác chắn ít lặp lại ở những dân tộc khác, để tự khẳng định mình. Khát vọng tồn tại và nguy cơ diệt vong luôn luôn là động lực và cũng là thách thức thường xuyên được đặt ra trong quá trình tồn tại và phát triển, phát triển và tồn tại. Sự biến mất của các cộng đồng người trên bản đồ chính trị thế giới chứng tỏ không ít dân tộc, do nhiều nguyên nhân, đã không vượt qua được sự thách thức đó.

Trên khung cảnh chung của lịch sử dân tộc, phải chăng có thể nói đến những giá trị cao quý nhất đó là bản lĩnh và phẩm giá của cả một dân tộc biết dựng và biết giữ, đã dựng và giữ một cách thành công sự tồn tại của cả cộng đồng với tính cách là một dân tộc. Quốc gia dân tộc Việt Nam xứng đáng được đứng vào hàng ngũ các dân tộc như vậy. Xét trên bình diện đó, sự thành lập quốc gia dân tộc Việt Nam với một tổ chức Nhà nước riêng một biên thùy chính là thành quả cao quý nhất của cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước, và đó chính là thước đo sự trưởng thành của ý thức, tinh thần dân tộc, bản lĩnh, phẩm giá cao quý của một cộng đồng dân tộc.

Bằng thiên tài trí tuệ và nghị lực phi thường, Nguyễn Ái Quốc vượt lên trên những hạn chế của đương thời thực hiện một cuộc khảo sát lịch sử. Và bằng cách đó, Người đã rút

ngắn con đường rất dài mà dân tộc phải vượt qua để tiếp cận - đến với hệ tư tưởng tiên tiến nhất thời đại - chủ nghĩa Mác - Lênin. Người dứt khoát lựa chọn con đường cách mạng vô sản để đi, và dẫn dắt cả dân tộc cùng đi đến Cách mạng tháng Tám năm 1945. Chính Người đã cổ vũ, động viên, tổ chức và khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà bằng bản *Tuyên ngôn độc lập*, chính thức tuyên bố với nhân dân và các dân tộc trên thế giới về sự ra đời, sự hồi sinh của nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

Kết thúc bản *Tuyên ngôn độc lập*, sau khi trình trọng tuyên bố với thế giới về các quyền của nước Việt Nam hưởng tự do và độc lập và hơn thế, sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Nhân danh dân tộc Việt Nam, Người long trọng khẳng định: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy!”.

Lời khẳng định thật đanh thép. Lời của lãnh tụ thể hiện quyết tâm của toàn thể dân tộc, ý thức rất rõ mối hiểm nguy, thách thức đang chờ, và vì vậy, sự sẵn sàng chấp nhận những hy sinh, mất mát, có thể là rất to lớn để bảo vệ bằng được thành quả quý giá, lớn lao nhất vừa giành được: quyền độc lập, tự do, quyền tồn tại cả một quốc gia dân tộc.

Xét trên nhiều phương diện có thể nói *Tuyên ngôn độc lập* đã được cả dân tộc ta viết ra bằng máu, thể hiện nghị lực, quyết tâm giành và bảo vệ bằng được quyền sống trong độc lập, tự do. Tác giả Trần Dân Tiên hoàn toàn có lý, khi viết: “Bản *Tuyên ngôn độc lập* là kết quả của bao nhiêu máu đổ, bao nhiêu tính mệnh đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam”.

Như vậy, về thực chất, *Tuyên ngôn độc lập* và sự kết tinh của những phẩm giá của con người và dân tộc Việt Nam trong trung kỳ lịch sử đã không phải một lần vùng dậy từ kiếp đời nô lệ để giành quyền sống trong độc lập, tự do của cả dân tộc, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi cá nhân.

Những giá trị thời đại

Tuyên ngôn độc lập đã trực tiếp khẳng định với thế giới về các quyền cơ bản mà nhân dân Việt Nam vừa giành được. Nhưng xét theo nội dung, tính chất và cả thời điểm ra đời, Bản tuyên ngôn hoàn toàn không phải là một sự kiện riêng lẻ, cá biệt mà là một xu thế tất yếu của thời đại.

Các quyền dân tộc cơ bản được khẳng định mạnh mẽ trong *Tuyên ngôn độc lập* Việt Nam không phải là một cái gì chỉ riêng biệt Việt Nam. Trước và cả khi *Tuyên ngôn độc lập* Việt Nam được truyền đi rộng rãi đến các quốc gia trên thế giới thì các cường quốc thực dân, nhân danh những kẻ thắng trận và những kẻ tự phong cho mình “sứ mệnh” bảo vệ các dân tộc đang toan tính với nhau âm mưu đặt các nước thuộc địa cũ dưới chế độ uỷ trị quốc tế thuộc Mỹ hay tiếp tục thừa nhận chế độ bảo hộ của thực dân Pháp. Đờ Gôn lấy tư cách của nước thuộc phe Đồng Minh quyết liệt đòi quyền của kẻ chiến thắng được tiếp tục giữ trọn vẹn đất đai hải ngoại đã từng thuộc Pháp.

Ý đồ thật độc ác. Hiểm hóc thật khó lường. Một lần nữa, trên quy mô thế giới, vận mệnh của các dân tộc đặt bao nhiêu hy vọng vào chính nghĩa Đồng Minh lại trực tiếp bị đe dọa rơi vào ách nô lệ, đọa đày của các cường quốc thực dân. Các quyền dân tộc cơ bản: độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ... của các dân tộc các quốc gia mà ngày nay được thừa nhận như hòn đá tảng của pháp luật quốc tế hiện đại, thì ngày ấy chưa ở đâu ghi nhận. Trong lúc đó, từ Quảng trường Ba Đình, thủ đô Hà Nội của nước Việt Nam mới vừa giành được độc lập, tự do bằng một cuộc chiến đấu quyết liệt “đem sức ta mà giải phóng cho ta”, đang vang lên đanh thép, đong dạc bản *Tuyên ngôn độc lập*.

Ngày nay, các nhà chính trị học, sử học, luật học, xã hội học... đang cố gắng lý giải, mỗi người theo một cách, lý do Chủ tịch Hồ Chí Minh mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập* của mình bằng sự trích dẫn Tuyên ngôn độc lập 1776 của Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp. Dù cách lý giải có thể rất khác nhau, nhưng mọi người đều thống nhất với nhau ở sự thừa nhận tính hợp lý, độc đáo, sáng tạo đầy tính nhân văn và tầm nhìn chiến lược của một nhà chính trị lỗi lạc. Cách mạng Mỹ thế kỷ XVIII đánh dấu bằng

Tuyên ngôn độc lập 1776 và Cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII là những cột mốc lớn trong lịch sử thế giới khẳng định những lý tưởng không hề xa lạ với dân tộc Việt Nam đang khát khao tự do, độc lập, làm chủ vận mệnh của mình.

Tuy vậy, dù có đánh giá cao ý tưởng của Tuyên ngôn độc lập của Mỹ là “bất hủ”, của Cách mạng Pháp là “những lẽ phải không ai chối cãi được”, Người vẫn không dừng lại ở đấy mà đã xa hơn, đi đến những khái quát mới: “Suy rộng ra”, lời của Tuyên ngôn độc lập Mỹ có nghĩa là: “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Sự “suy rộng ra” đó ở Người là một bước phát triển mới có ý nghĩa thực sự vĩ đại, nâng những lý tưởng truyền thống của thế kỷ XVIII lên ngang tầm những lý tưởng của thời đại mới: Thời đại giải phóng các dân tộc khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân trên quy mô toàn thế giới, thời đại phá tan tàn xiềng xích của chủ nghĩa thực dân, thời đại của các dân tộc bị áp bức, bóc lột giành lại quyền sống, quyền độc lập, tự do bước lên vũ đài thế giới sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

Xét theo quá trình, *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 không ra đời một cách bột phát mà có thể nói nó đã được suy ngẫm và viết ra từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây Bản yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam. Sự “suy rộng ra” sau này ở *Tuyên ngôn độc lập* từ lời của Tuyên ngôn độc lập Mỹ năm 1776 bao hàm một sự khám phá lớn, kết quả của một quá trình khảo nghiệm, soát xét lớn các bài học từ trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc nguyên lý “mọi người sánh ra đều bình đẳng” có thể nhìn nhận từ vị trí của một cá nhân riêng biệt, nhưng cũng có thể và cần phải được nhìn nhận từ vị trí của cả một dân tộc. Và vấn đề rất tự nhiên được đặt ra là: Khi cả một dân tộc không có bình đẳng, độc lập, tự do thì mỗi thành viên hợp thành dân tộc đó cũng không thể có bình đẳng, tự do. Vì vậy, đối với các dân tộc bị áp bức, cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của cả dân tộc và của mỗi cá nhân quyện chặt vào nhau thành cuộc đấu tranh chung. “Một dân tộc nô lệ không thể có con người tự do” - Đó là kết luận lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rút ra từ thực tế đấu tranh không chỉ của riêng mình mà cho cả các dân tộc.

Đây là vấn đề, là kết luận luôn luôn được đặt ra trong thời kỳ chế độ thực dân, thuộc địa thống trị thế giới và vẫn đang được đặt ra trong thời đại ngày nay, khi những kẻ đại diện cho quyền lợi ích kỷ của các cường quốc đế quốc vẫn nhân danh quyền con người can thiệp thô bạo vào công việc của các dân tộc khác. Họ vẫn đang lên giọng đạo đức giả dạy cho các dân tộc. Từ *Bản án chế độ thực dân Pháp đến Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa của những kẻ nhân danh, lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, quyền con người đi áp bức, chi phối đời sống các dân tộc. Cũng như trước đây, hiện nay hành động của họ vẫn “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”. Lá cờ quyền con người, xét theo thực chất, phải thuộc về tay các dân tộc đã từng bị các cường quốc đế quốc đọa đày, nô dịch. Đó phải chăng cũng là kết luận lớn có thể rút ra từ *Tuyên ngôn độc lập* Hồ Chí Minh không chỉ riêng cho dân tộc Việt Nam. Đây phải chăng cũng là một trong những thông điệp mà Chủ tịch Hồ Chí Minh qua *Tuyên ngôn độc lập* muốn gửi đến các thế hệ tương lai không chỉ người Việt Nam mà cả các dân tộc cùng chung ý tưởng.

Tuyên ngôn độc lập năm 1945 - những giá trị truyền thống và đương đại / Theo Nguyễn Đình Lộc, Nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp

VAI TRÒ CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Thế chiến thứ hai bùng nổ (1-9-1939), ở nước này nước khác, nơi này nơi khác, đảng này đảng khác bị bất ngờ về thời gian, quy mô, chiều hướng phát triển của chiến tranh. Nhưng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam không hề như vậy.

Ngay từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã cảnh báo: Tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới... Những hành động đế quốc chủ nghĩa ấy không những chỉ nguy cho riêng vận mệnh của giai cấp vô sản Đông Dương và Thái Bình Dương, mà nó còn nguy cho cả giai cấp vô sản quốc tế nữa. Nhờ vậy, Đảng ta đã có một số chủ trương biện pháp chuẩn bị đề phòng khi chiến tranh bùng nổ." Thông cáo cho các đồng chí các cấp bộ" ngay sau khi xảy ra chiến tranh, nhất là các HNTW 6 (11-1939), 7 (11- 1940) đã phân tích tình hình trong và ngoài nước, các mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu trước mắt, quyết định điều chỉnh về đường lối và phương pháp cách mạng, nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tập trung mũi nhọn vào chống bọn đế quốc và tay sai.

Đặc biệt, đến HNTW 8 (5-1941), với sự chủ trì của Hồ Chí Minh, đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, vạch ra những chính sách cụ thể, sát hợp nhằm giải quyết mục tiêu số 1 của cách mạng là độc lập dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Từ sự điều chỉnh đến sự hoàn chỉnh đường lối là cả một quá trình: hơn một thập kỷ đấu tranh cách mạng đầy cam go và phức tạp từ nhiều phía, Hồ Chí Minh đã kiên trì, nhẫn nại và biết chờ đợi, chịu đựng mọi thử thách, phê phán, thậm chí sự hiểu lầm từ một số đồng chí, đồng sự... để đạt được sự nhất trí cao giữa lãnh tụ với Ban Chấp hành Trung ương và với toàn Đảng.

Tư tưởng về giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh trở thành đường lối chung của toàn Đảng chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc về tư tưởng chính trị, về lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Sự trưởng thành đó bảo đảm cho Đảng vững vàng chèo lái con thuyền cách mạng, kể cả những khi lãnh tụ tạm thời vắng mặt. Có thể khẳng định rằng, **việc khởi xướng, phát triển, và hoàn chỉnh quá trình điều chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc** - nguyên nhân hàng đầu bảo đảm đoàn kết, nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (1945) - công lao trước hết thuộc về Hồ Chí Minh.

Đường lối gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh và Đảng ta đã chi phối chủ trương xây dựng lực lượng, phương thức đấu tranh, phương thức khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám. Ở lĩnh vực này, Hồ Chí Minh có những cống hiến nổi bật.

Về xây dựng lực lượng cách mạng: Hồ Chí Minh coi trọng vai trò của giai cấp công nhân, nông dân và liên minh công nông, nhưng Người không xem nhẹ vai trò cách mạng của các giai cấp, tầng lớp khác. Người từng nói, công nông là gốc cách mạng. Học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ đều là bầu bạn cách mạng của công nông. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông và phú nông, trung tiểu địa chủ, tư sản chưa rõ mặt phản cách mạng, chỉ ít làm cho họ trung lập... Người lại nói: "Việc cứu nước là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, có tài năng góp tài năng".

Đoàn kết toàn dân là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh. Gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, nhất thiết phải mở rộng đoàn kết dân tộc, nhất thiết phải thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất. Và đây chính là tư tưởng, sáng kiến của Người: Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh đã được thành lập và đã đáp ứng đúng yêu cầu lịch sử, phù hợp với nguyện vọng của toàn dân, trong một thời gian ngắn, Việt Minh đã phát triển thành một tổ chức rộng lớn, mạnh mẽ. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã nhận xét rằng: "Cái vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đã tìm ra những hình thức tốt nhất để tổ chức nhân dân"

Điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta trong chuẩn bị khởi nghĩa là chú trọng xây dựng cả hai lực lượng: lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Trên cơ sở xây dựng và

phát triển lực lượng chính trị, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang; cơ sở chính trị mở rộng đến đâu, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang đến đó. Ngay khi vừa về Pác bó, cùng với việc trực tiếp chỉ đạo xây dựng phong trào Việt Minh ở Cao Bằng, Hồ Chí Minh đã lựa chọn một số hội viên cứu quốc gửi ra nước ngoài đào tạo về quân sự. Cũng thời gian này, Người biên soạn và biên dịch một loạt tài liệu để huấn luyện quân sự như: Cách đánh du kích, Kinh nghiệm du kích Tàu, Kinh nghiệm du kích Pháp, Kinh nghiệm du kích Nga, Phép dùng binh của Tôn Tử, Mười điều kỷ luật, Cách huấn luyện cán bộ quân sự... Và đặc biệt, Người đã chỉ thị thành lập đội vũ trang chính quy mang tên **Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân**. Bản chỉ thị nêu rõ lý do phải tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, phải vũ trang toàn dân; nêu rõ phương châm tác chiến, phối hợp tác chiến, chiến thuật, mối quan hệ giữa đội chủ lực với vũ trang địa phương... Chỉ với những tài liệu và chỉ thị, với cách thức tổ chức, huấn luyện và sự quan tâm thiết thực của Hồ Chí Minh đối với cán bộ, chiến sĩ trong thời gian này cũng đủ nói lên rằng, Hồ Chí Minh là người đầu tiên nêu rõ những quan điểm quân sự của Đảng ta một cách có hệ thống, là người đặt cơ sở cho lý luận quân sự hiện đại Việt Nam. **Hồ Chí Minh là người sáng lập lực lượng vũ trang cách mạng**, là người cha thân yêu của quân đội nhân dân Việt Nam.

Đề cao tinh thần đoàn kết, tự lực tự cường, phát huy nội lực nhưng Hồ Chí Minh lại tìm mọi khả năng **tranh thủ ngoại lực, tranh thủ Đồng minh**. Những hoạt động thực tiễn của Người (từ trung tuần tháng 8-1942 đến cuối tháng 9 - 1944) trong điều kiện đầy cam bẫy và phức tạp trên đường đi liên lạc với các lực lượng người Việt Nam ở ngoài nước và lực lượng Đồng minh. Hồ Chí Minh đã biến cái rủi thành cái may, cái không thể thành cái có thể với chính quyền Quốc dân đảng Trung Hoa và Mỹ. Ở đây, Người đã thực hiện sáng tạo lời chỉ dẫn của Lê-nin và góp một công hiến quý giá về chủ trương thêm bạn, bớt thù trong Cách mạng Tháng Tám. Đó là: Chỉ có thể thắng được kẻ địch mạnh hơn bằng một sự nỗ lực hết sức lớn và với *điều kiện bắt buộc* là phải lợi dụng một cách tỉ mỉ, hết sức chăm chú, hết sức cẩn thận, hết sức khôn khéo, bất cứ một "rạn nứt" bé nhỏ nhất nào giữa các kẻ thù... Cũng như phải lợi dụng mọi khả năng dù bé nhỏ nhất để nắm cho được một bạn đồng minh mạnh về số lượng; dù đó là một bạn đồng minh tạm thời, bấp bênh, có điều kiện, ít vững chắc và ít đáng tin cậy.

Do vậy, Hồ Chí Minh đã "tranh thủ" được sự giúp đỡ của Đồng minh. Cho nên đến những ngày đầu tháng 5 - 1945, quân và dân ta vẫn còn nhận được một số thuốc men, vũ khí để đánh Phát xít Nhật.

Thời cơ của cuộc Cách mạng Tháng Tám (1945) xuất hiện vào lúc cao trào chống Nhật cứu nước lên đến đỉnh cao, khi Chiến tranh Thế giới thứ hai sắp kết thúc, bọn Phát xít Nhật đã bị bại trận, chính quyền bù nhìn tay sai tan rã, quân Anh, Mỹ và chư hầu chưa kịp đến. Chính lúc đó, Lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa của lãnh tụ Hồ Chí Minh - kết tinh quyết tâm Hội nghị toàn quốc của Đảng (14-15/8) và Quốc dân Đại hội ở Tân Trào (16-17/8) đã phát động "Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Cách mạng Tháng Tám nổ ra đúng lúc, đúng nơi, và thành công nhanh chóng. Đó là cả một nghệ thuật phân tích và dự báo chính xác, nắm bắt thời cơ tài giỏi của Đảng ta, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh. Với bản "Tuyên ngôn độc lập" bất hủ, Người đã khai sinh ra chế độ mới, khai sinh ra chính quyền mới - chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (1945) là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc mà ý nghĩa của những tư tưởng đó vẫn còn giá trị lâu dài. Nhiều bài học kinh nghiệm trong Cách mạng Tháng Tám (1945) của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể vận dụng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay:

- Bài học về sự kiên quyết điều chỉnh đường lối cách mạng khi cần, trên cơ sở phương hướng chiến lược cách mạng đúng đắn, mục tiêu cách mạng nhất quán. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng không ngừng bổ sung, phát triển, cụ thể hóa đường lối cho phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế.

Bài học về tập hợp, đoàn kết, lôi cuốn toàn dân tham gia sự nghiệp cách mạng, tham gia sự nghiệp xây dựng đất nước. Nâng cao ý thức tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của dân tộc, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế; thực hiện có hiệu quả chủ trương

Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Bài học về xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, xã hội, giữ vững môi trường hòa bình - ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh./.

Vai trò của Hồ Chí Minh đối với Cách mạng Tháng Tám 1945 / Triệu Quang Tiến - Hoàng Mạc Thủy, Tạp chí Cộng sản số 64

VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

"Sáng tạo của Hà Nội trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám? Chuyện dài lắm. Nhưng nói gọn thế này thôi: Ta đã chớp được thời cơ - thời cơ nghìn năm có một, không thể nhanh hơn hoặc chậm hơn đến từng giờ. Và sự sáng tạo ấy, tinh thần tự lực tự cường ấy phải trên cơ sở rất kiên định". Đại tướng Nguyễn Quyết bồi hồi nhớ lại... Thời cơ lớn "Thời cơ lớn là lúc địch ở vào thế suy yếu nhất, ta đang lúc mạnh nhất". Đại tướng Nguyễn Quyết sôi nổi. Thu nay ông sang tuổi 84, nhưng phong cách vẫn trẻ trung như ngày nào, cuốn hút, thuyết phục người nghe bởi "ngọn lửa" trong lòng, bởi niềm say mê và rạo rực cách mạng. Ngày đó lãnh đạo Hà Nội khởi nghĩa là những người độ tuổi hai mươi.

Đồng chí Nguyễn Khang- Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Hà Nội, 26 tuổi. Đồng chí Bí thư Thành ủy Nguyễn Quyết, 23 tuổi. "Thời cơ đến từ khi nào 60 năm trước? Chúng tôi đọc Chỉ thị ngày 12-3-1945 của Thường vụ Trung ương Đảng: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" và nhận thấy, Đảng ta đã nhìn rõ, đã chỉ ra thời cơ ngay từ khi ấy. Đọc Chỉ thị của Đảng mừng lắm, nhưng cũng không cảm được nước mắt. Chỉ thị có câu: "Bám lấy nạn đói mà cổ động quần chúng lên đường tranh đấu". Các đồng chí còn nhớ, đầu năm 1945, nạn đói đang diễn ra một cách khủng khiếp. Ngày ngày từng đoàn người đói rách, gầy mòn từ các nơi đổ về Hà Nội, nhiều người đói là gục xuống ở các cửa ô. Tôi không sao quên được hình ảnh một người còn rất trẻ, chừng 20 tuổi chết cạnh một gốc cây, trên đường sang mạn Nghĩa Đô. Trong tay anh còn cầm một nắm cỏ tươi. Tội ác này do thực dân, đế quốc, bọn phát-xít Nhật gây ra. Phải mau đánh đuổi chúng, cứu nước, cứu nhà".

"Lòng yêu nước và căm thù giặc lên tới đỉnh điểm, đó là thế mạnh của ta. Còn kẻ thù thì sao? Ngày 9-8-1945 Liên Xô tuyên chiến với phát-xít Nhật, tiêu diệt một triệu quân Quan Đông tinh nhuệ của chúng chỉ trong vòng một tuần lễ. Ngày 15-8 Nhật hoàng buộc phải tuyên bố đầu hàng Liên Xô và đồng minh không điều kiện. Trước đó, Nhật đã đánh tan Pháp, nay Nhật lại trở thành kẻ bại trận. Cả hai kẻ thù của chúng ta bị trọng thương. Ở Đông Dương lúc này quân Nhật như rắn mất đầu".

Ngừng giây lát, Đại tướng Nguyễn Quyết (trong ảnh) đưa tôi xem bài viết của đồng chí Trường-Chinh: "Cuộc đổi đời của dân tộc chúng ta".

- Trong này anh Trường-Chinh có nói kỹ về Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào quyết định khẩn trương khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát-xít Nhật trước khi quân đồng minh kéo vào nước ta. Sự kiện này được xem như "Hội nghị Diên Hồng" trong thế kỷ 20, quyết định vận mệnh của dân tộc ta. Tôi chỉ kể các đồng chí nghe đôi nét về Hà Nội trong thời điểm ấy.

Sáng tạo lớn của Hà Nội là buổi chiều 17-8 biết tin Tổng hội viên chức nguy tử chức mít-tinh nhằm ủng hộ chính phủ bù nhìn, chống phá tổng khởi nghĩa, Ủy ban khởi nghĩa đã quyết định biến cuộc mít-tinh của địch thành cuộc biểu tình ủng hộ Việt Minh. Trong biển

người hôm ấy, bỗng bay lên cờ đỏ sao vàng. Và đội thanh niên tuyên truyền của ta trong phút chốc chạy lên cướp diễn đàn, báo tin Nhật đã đầu hàng đồng minh, tuyên truyền đường lối cứu nước của Việt Minh, hô hào nhân dân chuẩn bị khởi nghĩa. Rồi đoàn người như nước chảy kéo từ Nhà hát lớn qua Tràng Tiền, Hồ Hoàn Kiếm... hô vang các khẩu hiệu: "Ủng hộ Việt Minh", "Đả đảo chính phủ bù nhìn", "Việt Nam hoàn toàn độc lập". Làn sóng cách mạng của quần chúng đã lôi cuốn cả những cảnh sát, lính bảo an. Họ cũng nhập vào đoàn biểu tình, "ủng hộ Việt Minh". Cuộc biểu dương sức mạnh này thật sự là đỉnh cao của công tác vũ trang tuyên truyền.

- Thừa Đại tướng - tôi hỏi - có phải từ cuộc biểu dương sức mạnh ấy mà Hà Nội vững tin quyết định khởi nghĩa?

- Đúng như vậy. - Đồng chí Nguyễn Quyết ngồi thẳng người dậy, đôi mắt vụt sáng. - Ngay tối 17- 8 khi đoàn người vẫn đang diễu hành trên đường phố, Thành ủy tổ chức họp hội nghị mở rộng. Nơi họp là nhà bà Hai Nhã ở Dịch Vọng Tiên. Ai cũng rất phấn khởi trước thắng lợi bước đầu, nhưng cũng tranh luận nhiều, đến rạng sáng 18 mới kết thúc. Lúc đầu có ý kiến cho rằng, lực lượng quân sự của ta còn yếu, nên chờ chỉ thị của Trung ương và Xứ ủy. Nhưng rồi phân tích kỹ lưỡng Thành ủy quyết định: Khởi nghĩa gấp bằng cách huy động thật đông đảo quần chúng do các đội tự vệ, tuyên truyền xung phong dẫn đầu chiếm các nơi quan trọng trong nội thành. Về thời gian, hội nghị quyết định khởi nghĩa vào sáng ngày 19-8, vì nếu để kéo dài thì tinh thần quân chúng đang sôi sục có thể bị sụt xuống và đề phòng bọn địch núng thế làm liêu. Hội nghị yêu cầu các cán bộ về huy động lực lượng, không phổ biến đi cướp chính quyền mà nói là đi dự mít-tinh để giữ bí mật, bất ngờ.

Quyết định khởi nghĩa của Hà Nội đã được Thường vụ Xứ ủy nhất trí. Nhưng buổi chiều 18-8, Ủy ban khởi nghĩa gặp một sự kiện bất ngờ: ô-tô của công nhân xưởng A-via chở vũ khí đi từ Gia Lâm qua cầu Long Biên thì bị lính Nhật chặn lại. Chúng lục soát thấy trong xe có vũ khí, cờ cách mạng liền giữ lại và đưa người về xét hỏi ở Bộ tham mưu quân Nhật. Nếu không nhanh chóng giải quyết tình huống này sẽ ảnh hưởng lớn tới kế hoạch của cuộc khởi nghĩa. Đồng chí Nguyễn Quyết cùng các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa nhanh chóng huy động hàng nghìn công nhân ở nhà máy ô- tô và các nhà máy chung quanh tổ chức thành đoàn biểu tình. Trước sức ép của quần chúng, quân Nhật phải nhượng bộ từng bước. Giằng co mãi đến 12 giờ đêm chúng buộc phải trả cờ, trả người và trả súng. Lúc này ta càng có cơ sở vững chắc khẳng định phương thức đấu tranh chống Nhật của Thành ủy.

Và ngày lịch sử đã đến. Ngày 19-8, "cờ bay muôn nơi, muôn ánh sao vàng". Từ sáng sớm, hàng vạn nông dân ngoại thành tràn vào tập hợp tại các cửa ô. Ở nội thành, các nhà máy đều nghỉ việc, các chợ vắng hẳn người, các hiệu buôn đóng cửa. Cả một biển người mê mông. Khoảng 20 vạn người biểu tình cướp chính quyền, vượt quá mức dự kiến. 11 giờ trưa cuộc mít-tinh khởi nghĩa bắt đầu! Đoàn đánh chiếm Phủ Khâm sai do đồng chí Nguyễn Khang phụ trách. Đoàn chiếm trại Bảo an binh do đồng chí Nguyễn Quyết phụ trách. Đến chiều tối thì hầu hết các cơ quan đầu não của chính quyền bù nhìn thân Nhật đã lọt vào tay quần chúng cách mạng.

- Đêm thu ấy Hà Nội sáng rực. - Đại tướng nói chậm chậm như nhấn vào từng tiếng, hai khóe mắt rung rung. - Các chụp đèn phòng không đã bị cất đi. Đèn sáng và cờ sao, một dòng sông đỏ rực dâng lên. Tôi chợt nghĩ không biết giờ này ở Tân Trào Bác Hồ và các đồng chí Trung ương đã biết tin vui lớn? Hà Nội khởi nghĩa như thế đó. Như một giấc mơ! Sức trẻ

Trong khởi nghĩa Tháng Tám Hà Nội chỉ có 50 đảng viên, tuổi còn rất trẻ. Những cán bộ cốt cán của Ủy ban khởi nghĩa, của Thành ủy cũng rất trẻ. Sau này khi đã là Đại tướng, Bí thư T.Ư Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, đồng chí Nguyễn Quyết vẫn thường nói với anh em thanh niên trong cơ quan: "Hồi Tháng tám mình mới 23 tuổi. Học hành đâu có được như các bạn bây giờ. Nhưng nói đến ý chí thì lớp thanh niên ngày đó ghê lắm. Ý chí ấy là, đem sức ta mà giải phóng cho ta. Thời cơ đến nếu không có ý chí, không có mục tiêu, không có phương pháp cách mạng đúng thì không thể giành thắng lợi".

- Thừa Đại tướng, những "tháng tám" của thời kỳ mới đang đặt lên vai lớp trẻ. - Một nhà văn quân đội "bình luận".

Đại tướng Nguyễn Quyết cười vui:

- Không chỉ có sứ mệnh đặt lên vai đầu. Họ còn đôi chân vững. Họ có bệ phóng. Họ sẽ bay lên từ truyền thống dân tộc, từ di sản văn hóa cha ông, từ những sự kiện thần kỳ của đất nước ta trong thời đại Hồ Chí Minh. Cách mạng là sáng tạo. Bác Hồ là người cách mạng kiên định nhất, sáng tạo nhất.

- Nhưng, thưa Đại tướng, "thời cơ" của thanh niên ta, lúc này...

- Từ thời Hy Lạp cổ đại người ta đã gọi thời cơ là cai-rôn. Khi cai-rôn gõ cửa thì phải có những quyết định thiên tài. Thời cơ của thanh niên ta ngày nay gắn liền với thời cơ của đất nước, xu thế thời đại. Nhưng làm cách mạng không phải đi dạo ở Bờ Hồ. Thời cơ đến thì sáng tạo chớp lấy, giành nó về tay mình. Sáng tạo, sáng tạo không ngừng lại làm xuất hiện thời cơ.

- Nếu hỏi về điều tâm huyết nhất của đồng chí Bí thư Thành ủy Hà Nội trong Cách mạng Tháng Tám, Đại tướng sẽ nói điều gì?

- Sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng ta, một Đảng mới 15 tuổi đã được tôi luyện trong bão táp cách mạng. Ngay từ Nghị quyết Trung ương Tám (5-1941) đến Chỉ thị: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", đó là ngọn đuốc soi đường, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng bộ và nhân dân Hà Nội. Còn sáng tạo của Hà Nội là đã biết làm dịu sự căng thẳng giữa nhân dân Việt Nam và quân Nhật. Khi đó quân Nhật tuy thua trận rồi, nhưng hàng ngũ thì chưa hẳn đã rã. Ta khôn khéo nhưng kiên quyết đấu tranh, khiến chúng có thái độ bất can thiệp vào cuộc khởi nghĩa, xem như đó là công việc của nội bộ Việt Nam...

.....
*Vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 / Hải Đường /Nguồn:
Trang tin Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*

VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Về thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ, là do sự lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết của Đảng. Với thắng lợi đó "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc".

Sự lãnh đạo của Đảng trước hết ở sự bổ sung, phát triển hoàn chỉnh hệ thống các quan điểm về cách mạng giải phóng dân tộc; ở sự lựa chọn hình thức và phương pháp cách mạng phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể; ở sự tổ chức xây dựng lực lượng cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; ở sự nhận thức tình thế và thời cơ cách mạng để đưa quần chúng vào hành động cách mạng; ở sự chỉ đạo kiên quyết, tập trung, thống nhất trong giờ phút có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi.

Để đưa cao trào giải phóng dân tộc (1939-1945) đến thắng lợi bằng cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, có ba thời điểm lịch sử thể hiện bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo đặc biệt của Đảng ta: đó là các hội nghị Trung ương từ cuối năm 1939 đến đầu năm 1941 phát triển hoàn chỉnh, sáng tạo đường lối giải phóng dân tộc; những quyết sách quan trọng cuối năm 1944 đầu năm 1945 thổi bùng lên cao trào kháng Nhật cứu nước; quyết định Tổng khởi nghĩa của Hội nghị Đảng toàn quốc tháng 8-1945.

Các Hội nghị Trung ương Đảng (11-1939), (11-1940) và nhất là Hội nghị Trung ương tám (5-1941) đã đề ra những quan điểm và biện pháp cơ bản chỉ đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Một là, phải đặt nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Hội nghị Trung ương 11-1939 chủ trương "Phải đưa cao cây cờ dân tộc lên". "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập" (2). Hội nghị Trung ương tám do Hồ Chí Minh chủ trì (5-1941) nhấn mạnh: "Nhiệm vụ giải phóng dân tộc, độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta" (3). "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới quyền lợi giải phóng của toàn thể dân tộc" (4).

Hai là, động viên, tổ chức và đoàn kết lực lượng của toàn dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất và lựa chọn hình thức tổ chức Mặt trận Việt Minh. Nếu Hội nghị Trung ương chủ trương lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thì Hội nghị Trung ương tháng 5-1941 chủ trương lập Mặt trận riêng của Việt Nam đó là Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh). Tổ chức Mặt trận trong khuôn khổ dân tộc Việt Nam nhằm khơi dậy mạnh mẽ tinh thần dân tộc, yêu nước nhằm vào mục tiêu độc lập dân tộc. Mặt trận được xây dựng hệ thống tổ chức chặt chẽ và bao gồm các đoàn thể cứu quốc. Đảng lãnh đạo Mặt trận bằng cách đưa quan điểm, chính sách vào các đoàn thể và hoạt động của Mặt trận và thông qua các đảng viên tham gia Mặt trận và đoàn thể.

Ba là, Đảng chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng. Sau khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9-1940), Đảng chủ trương phát triển lực lượng vũ trang từ đội du kích Bắc Sơn, xây dựng căn cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai, xây dựng cứu quốc quân. Ngày 28-1-1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước và trực tiếp chỉ đạo xây dựng căn cứ địa cách mạng ở Cao Bằng. Tại các căn cứ địa lực lượng chính trị của quần chúng tập hợp trong Mặt trận Việt Minh ngày càng phát triển rộng lớn. Từ lực lượng chính trị đó phát triển lực lượng vũ trang. Những vấn đề về chính quyền, về kinh tế, xã hội cũng được đặt ra và thực hiện ở vùng căn cứ địa cách mạng.

Bốn là, Đảng đặt nhiệm vụ khởi nghĩa vũ trang để giành độc lập, giành chính quyền là nhiệm vụ trung tâm. Hội nghị Trung ương (11-1939) đã chủ trương: dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị trung ương (5-1941) xác định: "Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang". Phải chuẩn bị lực lượng sẵn sàng để có thể "lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn" (5).

Các hội nghị Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh còn phân tích tình hình chiến tranh thế giới, âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp, phát-xít Nhật và dự báo thời cơ, chỉ đạo xây dựng lực lượng về mọi mặt, chú trọng công tác xây dựng Đảng để Đảng có thể hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo thành công cách mạng giải phóng dân tộc.

Năm 1944, tình hình thế giới có những chuyển biến mau lẹ, phong trào cách mạng trong nước đã phát triển mạnh mẽ, Đảng và Mặt trận Việt Minh đã chủ trương về sửa soạn khởi nghĩa và sẵn sàng vũ khí đũa đầu thù chung. Hồ Chí Minh trong thư gửi đồng bào toàn quốc 10-1944 đã chỉ rõ Cơ hội cho dân tộc ta, giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc một năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh. Người chỉ thị thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (22-12-1944).

Ngày 9-3-1945 phát-xít Nhật đã làm đảo chính gạt bỏ thực dân Pháp để độc chiếm Đông Dương. Thường vụ Trung ương Đảng đã kịp thời ra bản chỉ thị lịch sử: Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta (12-3-1945). Chỉ thị nêu rõ kẻ thù của cách mạng là phát-xít Nhật, vì vậy khẩu hiệu là Đánh đuổi phát-xít Nhật. Đảng đã phát động cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Đây là thời kỳ tiền khởi nghĩa, phải thay đổi mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh cho phù hợp. Sẵn sàng chuyển sang tổng khởi nghĩa. Chỉ thị của Trung ương cũng phân tích thời cơ cách mạng và cho rằng những cơ hội tốt đang giúp cho những điều kiện khởi nghĩa mau chín muồi. Những điều kiện thuận lợi đó là: Chính trị khủng hoảng, kẻ thù hoang mang không rảnh tay đối phó với cách mạng; nạn đói ghê gớm làm cho quần chúng căm ghét quân cướp nước; chiến tranh thế giới đến giai đoạn quyết liệt; Đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương để đánh Nhật. Đó là sự vận dụng tư tưởng của Mác và Lê-nin về khởi nghĩa vũ trang phù hợp với thực

tiến cách mạng Việt Nam. Những điều kiện để khởi nghĩa mà chỉ thị của Trung ương nêu ra đã là định hướng quan trọng để các đảng bộ địa phương chủ động phát động và lãnh đạo khởi nghĩa. Bản Chỉ thị còn chủ trương phá kho thóc gạo của đế quốc để cứu đói, lập Ủy ban quân sự cách mạng và xây dựng chính quyền (các Ủy ban dân tộc giải phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cao trào cách mạng phát triển mạnh mẽ. Tháng 4-1945 các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân. Ngày 4-6-1945, thành lập khu giải phóng Việt Bắc với sáu tỉnh như là căn cứ địa của cách mạng cả nước, hình ảnh của nước Việt Nam mới. Tổ chức Việt Minh phát triển rộng khắp trên cả nước. Không chỉ ở căn cứ địa, ở vùng nông thôn mà phong trào ở đô thị cũng phát triển mạnh mẽ, nhất là phong trào công nhân, học sinh, sinh viên trí thức. Theo tư tưởng của Đề cương văn hóa 1943 của Đảng, tổ chức văn hóa cứu quốc đã tập hợp đông đảo các nhà văn hóa vào trận tuyến đấu tranh cách mạng của dân tộc.

Tháng 5-1945, Hồ Chí Minh từ Cao Bằng chuyển về Tuyên Quang. Tại Tân Trào (Tuyên Quang) đã diễn ra Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ngày 14 và 15-8-1945. Hội nghị của Đảng họp ở thời điểm lịch sử phong trào cách mạng của toàn dân ta diễn ra sôi sục trong cả nước và phát-xít Nhật đầu hàng vô điều kiện (15-8). Đảng ta nhận định "cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới" (6). Mục đích cuộc chiến đấu của ta giành quyền độc lập hoàn toàn. Tiên hành cuộc tổng khởi nghĩa theo ba nguyên tắc: a) Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính; b) Thống nhất - thống nhất về mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy; c) Kịp thời - kịp thời hành động, không bỏ lỡ thời cơ. Khẩu hiệu đấu tranh của Đảng là Phấn đấu xâm lược, hoàn toàn độc lập, chính quyền nhân dân. Hội nghị Đảng toàn quốc công bố mười chính sách của Việt Minh và nhấn mạnh chủ trương "Lập nên một nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa hoàn toàn độc lập" (7).

Lệnh khởi nghĩa (Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa) được ban bố: Chúng ta phải hành động cho nhanh, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng! Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta. Cũng ở thời điểm lịch sử đó Hồ Chí Minh có Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa nêu rõ: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"(8).

Ngày 16-8-1945, Quốc dân Đại hội họp và ra Nghị quyết về giành chính quyền toàn quốc và thi hành mười chính sách lớn của Việt Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng được thành lập gồm 15 ủy viên do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Thường trực Ủy ban gồm Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng, Dương Đức Hiền trực tiếp chỉ đạo cuộc Tổng khởi nghĩa. Ủy ban dân tộc giải phóng là tổ chức tiền thân của Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Nghị quyết của Quốc dân Đại hội nhấn mạnh mục tiêu: "Giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập"(9).

Thực hiện Nghị quyết của Đảng và Quốc dân Đại hội, chỉ trong vòng hai tuần từ 14 đến 28-8-1945, nhân dân cả nước ta đã giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc Cách mạng Tháng Tám. Sự lãnh đạo kiên quyết, sáng suốt và kịp thời của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa quyết định thắng lợi. Khi nghiên cứu về vai trò lãnh đạo của Đảng, cần phải thấy rõ tinh thần trách nhiệm cao, sự năng động, chủ động, sáng tạo của các đảng bộ địa phương, tức các xứ ủy, tỉnh ủy, huyện ủy và tổ chức đảng ở cơ sở. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu ở Hà Nội (19-8), Huế (23-8), Sài Gòn (25-8) và cả những tỉnh xa xôi, điều kiện liên lạc khó khăn đã thể hiện điều đó. Vai trò của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở, của các đảng viên kiên trung của Đảng, từ người lãnh đạo cao nhất đến người đảng viên ở cơ sở, đã bảo đảm cho Đảng sự lãnh đạo, điều hành tập trung, thống nhất ở giờ phút quyết định của lịch sử.

Bài học về sự lãnh đạo của Đảng trong Cách mạng Tháng Tám là Đảng đã đề ra đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, đã tập hợp đoàn kết rộng rãi lực lượng của toàn dân tộc trong Mặt trận Việt Minh, đã lựa chọn và kết hợp đúng đắn các hình thức tuyên truyền, tổ chức và phương pháp đấu tranh thích hợp tạo nên sức mạnh tổng hợp, đã xây dựng, phát triển thực lực cách mạng, thúc đẩy phong trào, đồng thời dự kiên và chớp đúng thời cơ hành động. Trong việc thực hiện sứ mệnh nặng nề trước dân tộc và lịch sử, Đảng đã rất coi trọng xây

dụng Đảng về tư tưởng chính trị và tổ chức, rèn luyện phương pháp đấu tranh và cách lãnh đạo. Trong Cách mạng Tháng Tám đã nổi bật năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đó là bài học quý báu cho nhiệm vụ xây dựng Đảng hiện nay và thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày nay.

.....

Vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 / PGS.TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 MỞ RA KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, nhân dân ta đã làm nên biết bao kỳ tích rất đáng tự hào. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và giành nhiều thắng lợi vẻ vang. Trong những thắng lợi đó, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta, không những có ý nghĩa trọng đại đối với nước ta mà còn có ý nghĩa quốc tế sâu sắc.

Như mọi người đều biết, ngày 6/6/1884 Triều đình nhà Nguyễn phải ký Hiệp ước Patenotre cam chịu đầu hàng, nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.

Trước thảm họa mất nước, khắp nơi nổ ra *nhiều cuộc đấu tranh oanh liệt của nhân dân ta*. Nhưng tất cả những cuộc nổi dậy oanh liệt ấy đều bị chìm trong biển máu. Nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước nói trên đều có quan hệ đến đường lối cứu nước. Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước chỉ được khắc phục từ khi Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cách mạng vô sản và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta.

Ngày 8/2/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước và sau đó, Người đã khẩn trương chuẩn bị Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm xác định nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta. Căn cứ vào hoàn cảnh lúc bấy giờ, Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã xác định: "Cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng".

Đây là một sự chuyển hướng chiến lược hết sức sáng suốt của Đảng ta nhằm tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được vào Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để đánh đổ Nhật, Pháp và bè lũ tay sai, giành cho được độc lập dân tộc, tạm gác nhiệm vụ điền địa. Vì "trong giai đoạn hiện tại ai cũng biết rằng nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được".

Tuy tạm gác cách mạng ruộng đất nhưng Đảng ta vẫn đề ra nhiệm vụ tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày, giảm tô giảm tức, chia lại công điền một cách công bằng hơn.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, Nguyễn Ái Quốc viết thư kêu gọi đồng bào cả nước: "Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng... việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề".

Để xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, ngày 19-5-1941, Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) được thành lập. Chương trình cứu nước của Việt Minh lập tức được đông đảo nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ. Dưới ngọn cờ cứu

nước của Việt Minh, phong trào cách mạng phát triển hết sức nhanh chóng vì đáp ứng được nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân là phải đánh đuổi Nhật - Pháp giành cho được độc lập dân tộc.

Cùng với việc xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng thông qua phong trào Việt Minh, Đảng ta đã chú ý xây dựng lực lượng vũ trang. Tại các nơi có phong trào đã tổ chức ra các đội tự vệ chiến đấu.

Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã quyết định xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng căn cứ địa vũ trang trước hết là căn cứ địa Cao Bằng và căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai tạo ra căn cứ địa Việt Bắc vững chắc làm chỗ dựa cho cách mạng cả nước, tạo điều kiện cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Như vậy lực lượng vũ trang, bán vũ trang của Đảng ra đời ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các chiến khu cách mạng. Đội du kích Ba Tơ ra đời từ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, tiêu biểu cho sự hình thành lực lượng vũ trang cách mạng ở Trung Bộ. Sau khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), nhiều đội tự vệ ra đời ở hầu khắp các thôn xóm.

Cao trào kháng Nhật cứu nước là thời kỳ tiền khởi nghĩa - thời kỳ chuẩn bị khẩn trương về nhiều mặt cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám.

Ngày 13/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh. Tình thế vô cùng khẩn cấp, cơ hội cho nhân dân ta giành độc lập đã tới. Nhờ có sự trù liệu trước nên ngày 13/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương để giải giáp quân Nhật.

Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập. Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa truyền đi như hồi kèn xung trận. Giờ tổng khởi nghĩa đã đến!

Quốc dân Đại hội họp tại Tân Trào (16/8/1945). Đại hội tán thành chủ trương phát động tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào cả nước. Thư viết: "Giờ quyết định cho vận mệnh của dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"

Trong không khí sục sôi cách mạng, toàn dân Việt Nam triệu người như một đứng lên đập tan xiềng xích nô lệ, giành lấy chính quyền làm chủ vận mệnh đất nước.

Sáng ngày 19/8/1945, với khí thế cách mạng sục sôi, cả Hà Nội vùng dậy nhanh chóng giành được chính quyền.

Ở Huế ngày 23/8/1945, rồi ở Sài Gòn ngày 25/8/1945, cuộc khởi nghĩa đã thành công. Như vậy chỉ trong một thời gian ngắn, Cách mạng Tháng Tám đã thành công trong cả nước, chính quyền hoàn toàn về tay nhân dân.

Ngày 2/9/1945, tại Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Tuyên ngôn độc lập*: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Theo lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh toàn dân ta đã đoàn kết một lòng ra sức "chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm". Chiến công nối tiếp chiến công, thắng lợi nối tiếp thắng lợi, vượt qua muôn trùng gian khổ hy sinh, nhân dân ta đã giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành được độc lập, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Tám, 60 năm thành lập nước, chúng ta vô cùng phấn khởi trước thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân ta đạt được trong 20 năm đổi mới. Nhìn lại lịch sử đã qua, chúng ta thấy rõ hơn tầm vóc và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Tại cuộc hội thảo quốc tế với chủ đề "Việt Nam trong thế kỷ XX" được tổ chức tại Hà Nội tháng 9 năm 2000, khi thảo luận về Cách mạng Tháng Tám 1945 và ý nghĩa lịch sử của

nó, tiến sĩ Sanomish Dashtsevel (Mông Cổ) nhận định: "Cách mạng Tháng Tám đã tạo điều kiện cho nhân dân Việt Nam làm chủ đất nước, giành được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám còn có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào giải phóng dân tộc và dân chủ ở các nước châu Á và trên thế giới".

Nhà sử học Pháp Charles Fourniau trong báo cáo kết quả thảo luận về Cách mạng Tháng Tám 1945 và ý nghĩa lịch sử của nó tại hội thảo quốc tế này đã đưa ra những kết luận hết sức xác đáng. Về nguyên nhân của thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, ông nói: "Đó là đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, là vai trò của Mặt trận Việt Minh trong việc chuẩn bị lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, là sức mạnh đoàn kết và nghị lực sáng tạo của quần chúng cách mạng. Đặc biệt là vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đã chuyển hướng chỉ đạo giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đồng thời tiến hành từng bước cách mạng phản phong, thu hút được toàn thể các tầng lớp nhân dân đứng vào hàng ngũ của cách mạng".

Về ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Tám 1945, nhà sử học Pháp Fourniau nhấn mạnh: "Riêng ở khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, Cách mạng Tháng Tám đã biểu lộ tinh thần liên kết chống chủ nghĩa phát xít, giải phóng dân tộc. Nó được coi như một tiền đề dẫn đến sự đoàn kết tương trợ lẫn nhau nhằm xây dựng sự phồn vinh của khu vực Đông Nam Á - Thái Bình Dương hiện nay".

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã giành được thắng lợi trong toàn quốc từ Bắc chí Nam trong một thời gian ngắn. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của một cuộc khởi nghĩa chủ yếu bằng sức mạnh chính trị của nhân dân. Sức mạnh của các lực lượng vũ trang giữ một vị trí rất quan trọng làm tăng thêm sức mạnh chính trị và uy hiếp kẻ thù. Sức mạnh chính trị chính là lòng yêu nước, là ý chí và tinh thần cách mạng của nhân dân được tôi luyện qua lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc, đặc biệt là dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 thể hiện phương pháp cách mạng, tài tổ chức đầy mưu lược, tận dụng được thời cơ, vượt qua thách thức, chạy đua với thời gian lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành lấy chính quyền, đứng ở địa vị là chủ của đất nước Việt Nam mà tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật.

Đại hội quốc dân ở Tân Trào đã nhận định: Không phải Nhật bại là nước ta tự nhiên được độc lập. Nhiều sự gay go trở ngại sẽ xảy ra. Chúng ta phải khôn khéo và kiên quyết.

Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính nhân dân hết sức sâu sắc.

Nếu có ai vì chưa hiểu rõ tiến trình chuẩn bị và sự chỉ đạo hết sức tài tình và trí tuệ của Đảng ta mà lại cho rằng, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là "quá dễ dàng", là "xô cánh cửa chính trị khép hờ", là "hứng của ngọt trời cho do thời cơ mang lại" là hoàn toàn sai lầm, là không thấy hết nguồn gốc sâu xa của thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Nhìn lại cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, chúng ta thấy rõ sự lãnh đạo của Đảng và của Bác Hồ kính yêu là nhân tố quyết định của thắng lợi. Nhân dân ta vừa vui sướng và tự hào kỷ niệm 75 năm thành lập Đảng và sắp tới kỷ niệm 60 năm thành lập nước trong không khí thi đua thành tích chào mừng Đại hội lần thứ X của Đảng.

Trong niềm vui phấn khởi tự hào, nhân dân ta nguyện đoàn kết một lòng, phát huy tinh thần khí phách của Cách mạng Tháng Tám, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hoàn thành nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh./.

ALBUM ẢNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM 1945 - 1946

Giáo sư Philippe Devillers, người từng được biết đến với những công trình có giá trị về lịch sử Việt Nam, qua GS Phan Huy Lê, đã trao tặng Việt Nam một album gồm nhiều bức ảnh quý về cách mạng Việt Nam năm 1945-1946. GS Philippe Devillers là một nhà Việt Nam học nổi tiếng, một chuyên gia nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với nhiều công trình có giá trị và rất quen thuộc trong giới sử gia Việt Nam và thế giới như Histoire du Vietnam de 1940 - 1952 (1952), Paris-Saigon-Hanoi (les archives de la guerre 1944 - 1947) (1998).

GS Philippe Devillers cho biết cuốn album này là do Ban thông tin Việt Minh (Comité d'information du Việt Minh) tặng ông trước khi rời Hà Nội vào giữa năm 1946. Năm 1945, ông đã từng có mặt trong Bộ tổng tham mưu của tướng Le Clec ở Sài Gòn, sau đó ra Hà Nội làm phóng viên báo Le Monde .

Gần đây GS mới tìm thấy cuốn album trong số những hồ sơ tư liệu về Việt Nam và muốn chuyển giao lại cho một nhà sử học Việt Nam để góp phần bổ sung tư liệu ảnh cho lịch sử Cách mạng Việt Nam năm đầu của Cách mạng tháng 8-1945. Đây là những bức ảnh tài liệu rất quý, nhưng không ghi tác giả. Dưới mỗi ảnh ghi chú rõ tiêu đề và ngày tháng bằng tiếng Việt và tiếng Pháp.

Toàn bộ album có 30 tờ, mỗi trang dán từ 3-4 ảnh cho đến 8-9 ảnh, cỡ ảnh không đồng đều và có một số ảnh ghép từ hai ba ảnh. Tất cả đều ảnh đen trắng, sau hơn nửa thế kỷ nói chung chất lượng bị giảm nhưng còn rõ, nhiều ảnh tốt, chỉ một số ít ảnh bị mờ.

Album gồm 203 ảnh, sớm nhất là ảnh về cuộc mítting của Tổng hội công chức ngày 17-8-1945 và cuối cùng là ảnh kỷ niệm hai liệt sĩ Phạm Hồng Thái và Nguyễn Thái Học ngày 18-6-1946. Trong số này có 3 ảnh mất tiêu đề, cần nghiên cứu kỹ để xác minh nội dung.

Thống kê sơ bộ cho thấy, trong album có:

1. 40 ảnh về Hồ Chủ tịch: khởi đầu là ảnh đọc Tuyên Ngôn độc lập ở Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945 và kết thúc là ảnh khai mạc lớp huấn luyện cán bộ phụ trách thiếu nhi các tỉnh ngày 5-6-1946. Trong số này có những ảnh quý như khai mạc Tuần lễ văn hóa ngày 7-10-1945, khai mạc lớp huấn luyện sư phạm ngày 8-10-1945 và bế mạc ngày 20-10-1945, khai mạc đại biểu Đại hội công nhân toàn xứ ngày 25-10-1945, khai giảng trường Việt Nam Đại học ngày 15-11-1945 (ghi nhầm ngày 13), khai mạc và bế mạc Hội nghị đại biểu dân tộc ngày 3-12-1945, khai giảng trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, Sơn Tây ngày 26-5-1946, những ảnh làm việc với Chính phủ liên hiệp lâm thời, với Quốc hội, với các đoàn thể, các dân tộc, ảnh về ngày sinh nhật 19-5-1945, những ảnh đi thăm làng làm giấy, thăm đê Hưng Nhân, đê Mỹ Lộc...

2. Bảy ảnh về Tổng khởi nghĩa 19-8 và ngày Độc lập 2-9-1945.

3. 25 ảnh về hoạt động của Chính phủ liên hiệp lâm thời, Quốc hội, và các đoàn thể, các dân tộc.

4. 43 ảnh về các cuộc mítting, biểu tình, nói chuyện với quần chúng.

5. Tám ảnh về các hoạt động cứu đói và phát chẩn.

6. 16 ảnh về chống mù chữ và các hoạt động giáo dục như bình dân học vụ khai giảng trường Đại học Việt Nam, trường Cao đẳng và các lớp huấn luyện cán bộ thiếu nhi, thể dục thể thao...

7. 25 ảnh về các hoạt động văn hóa như Tuần lễ văn hóa, Tết Trung thu, Tết Độc lập, triển lãm, đặc biệt có 13 ảnh về kỷ niệm những ngày lịch sử như Giỗ Trần Hưng Đạo, trận Đống Đa, Yên Bái khởi nghĩa, Quốc tế lao động, kỷ niệm Hùng Vương, Hoàng Diệu, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học...

8. 14 ảnh về Tổng tuyển cử 6-1-1946.

9. 16 ảnh về các hoạt động tài chính, sản xuất, kinh tế như Tuần lễ vàng, tặng gia sản xuất, thăm đê, thăm chợ, xổ số...

10. 22 ảnh về các hoạt động đấu tranh chống xâm lăng, các hoạt động ngoại giao như ngày kháng chiến, biểu tình đón Phái đoàn điều tra Mỹ, biểu tình đón Tổng tư lệnh Trung Hoa Hà Ứng Khâm, bữa tiệc Hoa -Việt thân thiện. Hiệp định sơ bộ Việt -Pháp, phái bộ Quốc hội đi Ba Lê, phái bộ Việt Nam đi Ba Lê...

11. 12 ảnh về các hoạt động quân sự như duyệt quân du kích ở chiến khu về, duyệt binh, các lớp quân chính, trường võ bị...

Thống kê theo chủ đề trên đây có thể không phù hợp với tổng số các ảnh của album vì một số ảnh của chủ đề này nhưng cũng mang nội dung của chủ đề khác. Số ảnh xếp theo chủ đề vì thế cao hơn số ảnh của album.

.....
.....

Album ảnh cách mạng Việt Nam 1945-1946 / (Theo website thông tin MTVN)

ĐÊM SỨC TA MÀ TỰ GIẢI PHÓNG CHO TA

(ĐCSVN) - Đúng như dự đoán của Đảng ta, những mâu thuẫn đối kháng ngày càng gay gắt giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương và tình thế khốn đốn của Nhật ở Thái Bình Dương đã buộc phát xít Nhật phải làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương và ngăn ngừa mối họa họa sau lưng khi quân Đồng minh tiến vào

Đêm 9 tháng 3 năm 1945, Nhật nổ súng đánh Pháp cùng một lúc trên toàn cõi Đông Dương. Chưa đầy một ngày sau, thực dân Pháp đã quỳ gối đầu hàng Nhật. Đánh giá về sự kiện này, đồng chí Hồ Chí Minh nói: "Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy, hoặc đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật"

Ngay trong đêm 9-3-1945, giữa lúc Nhật nổ súng đánh Pháp, hội nghị mở rộng của Ban thường vụ Trung ương Đảng họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) do đồng chí Trường Chinh chủ trì. Hội nghị nhận định cuộc đảo chính của Nhật hất cẳng Pháp đã nổ ra, sự thất bại của quân đội Pháp, sự thắng lợi tạm thời của quân đội Nhật, nhưng Nhật không thể củng cố được chính quyền của chúng và chính quyền bù nhìn tay sai. Về nguyên nhân của cuộc đảo chính, Hội nghị cho rằng: "Hai con chó không thể ăn chung một miếng mồi béo như Đông Dương...Nhật phải hạ Pháp để trừ cái họa bị Pháp đánh sau lưng khi quân Đồng minh đổ bộ".

Hội nghị nhận định sau cuộc đảo chính này để quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính, cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương. Vì vậy, khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Nhật-Pháp trước đây phải được thay bằng khẩu hiệu Đánh đuổi phát xít Nhật. Hội nghị nêu khẩu hiệu "Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương" chống lại chính quyền Nhật và chính phủ bù nhìn của bọn Việt gian thân Nhật. Hội nghị chủ trương: "Phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa".

Hội nghị quyết định thay đổi mọi hình thức tuyên truyền cổ động, tổ chức và đấu tranh cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa nhằm động viên mau chóng quần chúng lên

mặt trận cách mạng, tập dượt cho quần chúng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền. Nội dung của Hội nghị được trình bày trong Chỉ thị lịch sử ngày 12 tháng 3 năm 1945 "**Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta**". Chỉ thị quan trọng này thể hiện rõ sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời và sáng tạo của Đảng. Nó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng trong cao trào chống Nhật, cứu nước dẫn tới thắng lợi trực tiếp của tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Nắm vững phương hướng và biện pháp đúng đắn, đồng thời triệt để phát huy thời cơ thuận lợi do cuộc đảo chính của Nhật đưa lại, Đảng đã phát động cao trào chống Nhật, cứu nước trong cả nước. Phong trào đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần diễn ra rất sôi nổi ở vùng thượng du, trung du miền Bắc. Phong trào đấu tranh chính trị, xây dựng lực lượng chính trị và xây dựng lực lượng vũ trang phát triển mạnh mẽ ở vùng đồng bằng nông thôn và các thành thị.

Để đẩy mạnh hơn nữa công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, ngày 15-4-1945 Ban thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ. Hội nghị họp ở Hiệp Hoà, Bắc Giang, do đồng chí Trường Chinh chủ trì, nhằm giải quyết cụ thể những vấn đề quân sự đã được Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng tháng 3-1945 nêu ra. Hội nghị quyết định phát triển lực lượng vũ trang và thống nhất Việt Nam cứu quốc quân với Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành Việt Nam giải phóng quân. Để tạo thành những bàn đạp cho cuộc tổng khởi nghĩa, Hội nghị quyết định xây dựng 7 chiến khu trong cả nước: Chiến khu Lê Lợi, chiến khu Hoàng Hoa Thám, chiến khu Quang Trung, chiến khu Trần Hưng Đạo, chiến khu Trung Trắc, chiến khu Phan Đình Phùng và chiến khu Nguyễn Tri Phương.

Ngày 16-4-1945 tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị tổ chức Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp và chuẩn bị thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, tức chính phủ cách mạng lâm thời Việt Nam.

Đầu tháng 5 năm 1945 đồng chí Hồ Chí Minh từ Cao Bằng về Tuyên Quang, chọn Tân Trào làm căn cứ chỉ đạo cách mạng cả nước và chuẩn bị đại hội quốc dân. Ngày 4 tháng 6 năm 1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban chỉ huy lâm thời. Khu giải phóng trở thành căn cứ địa của cả nước. Trên thực tế ở nước ta lúc đó đã hình thành trạng thái hai chính quyền song song tồn tại: chính quyền phản động tay sai của phát xít Nhật và chính quyền của nhân dân ở khu giải phóng và ở các địa phương. Phạm vi hoạt động của chính quyền nhân dân tuy còn nhỏ, nhưng thanh thế của nó mỗi ngày một rộng lớn. Nó đang ở chiều hướng phát triển tất thắng. Cao trào chống Nhật, cứu nước càng dâng lên mạnh mẽ khi được thắng lợi của Hồng quân Liên Xô cổ vũ. Quân đội Nhật ở Đông Dương mất tinh thần, hoang mang, rệu rã. Chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim hoàn toàn tê liệt từ trên xuống dưới. Tin Nhật đầu hàng truyền đi khắp cả nước đã thổi bùng ngọn lửa cách mạng lên cao chưa từng thấy trong các tầng lớp nhân dân, ở tất cả các địa phương. Mặt trận Việt Minh đã thu hút hàng triệu hội viên và đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ Việt Minh. Quân đội Nhật tê liệt trước sức mạnh của làn sóng cách mạng dâng cao. Tình hình trên chứng tỏ tình thế cách mạng trực tiếp đã chín muồi.

Để đẩy mạnh hơn nữa công tác chuẩn bị tổng khởi nghĩa, cần có sự nhất trí cao hơn về đường lối cách mạng trong Đảng và trong hàng ngũ cách mạng. Đảng đặc biệt chú trọng đấu tranh chống lại ảnh hưởng của giặc Nhật và phê phán tư tưởng thân Nhật, sợ Nhật hoặc lợi dụng Nhật. Đảng kịch liệt vạch trần những thủ đoạn lừa bịp của phát xít Nhật và các đảng phái chính trị thân Nhật, những luận điệu khiêu khích và phá hoại của bọn tư-rốt-xkít.

Theo lời hiệu triệu của Việt Minh, toàn thể dân tộc, triệu người như một đã đồng loạt nổi dậy cầm lấy tất cả những gì có thể làm vũ khí tiến hành cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang.

Trong thư kêu gọi tổng khởi nghĩa, đồng chí Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Thời cơ cách mạng nghìn năm có một đã đến. "Chúng ta không thể chậm trễ".

Từ giữa tháng 8 năm 1945, quân đội Tưởng đã được lệnh và đang vội vã tiến vào nước ta từ phía bắc; quân đội Anh cũng đang gấp rút chuẩn bị tiến vào nước ta từ phía nam. Lợi ích sống còn của nhân dân ta đòi hỏi Đảng phải phát huy cao độ trí tuệ và sức mạnh của toàn dân tộc, mau chóng giành lấy thắng lợi trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa nhân dân ta với các tập đoàn đế quốc và phản động.

Ngày 12 tháng 8 năm 1945, Ủy ban lâm thời khu giải phóng hạ lệnh cho Quân giải phóng, các đội du kích, tự vệ phối hợp với toàn thể nhân dân trong khu đánh vào các đô thị, tiến hành khởi nghĩa. Đêm 13 tháng 8 năm 1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, từ ngày 13-8 đến ngày 15 tháng 8 đã nhận định: "Những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương đã chín muồi... quân lính Nhật tan rã, mất tinh thần...toàn dân tộc đang sôi nổi đợi giờ khởi nghĩa giành quyền độc lập". Sau Hội nghị toàn quốc của Đảng; Đại hội quốc dân cũng họp tại Tân Trào vào ngày 16 tháng 8. Trong Đại hội này, Đảng ta đã nêu cao chủ trương đúng đắn lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy tước vũ khí của Nhật trước khi quân Đồng Minh vào Đông Dương, giành lấy chính quyền từ tay Nhật, lật đổ bọn bù nhìn tay sai của Nhật, đứng ở địa vị làm chủ nước mình mà tiếp đón quân đội Đồng Minh vào giải giáp quân Nhật trên đất Đông Dương. Đại hội nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương và 10 chính sách của Việt Minh. Đại hội quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam tức chính phủ lâm thời do đồng chí Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

Thấm nhuần đường lối tổng khởi nghĩa của Đảng, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh "**đem sức ta mà tự giải phóng cho ta**", toàn dân tộc đã nhất tề nổi dậy dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhanh chóng giành lấy chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại vườn hoa Ba Đình Hà Nội, trước cuộc mít tinh của gần 1.000.000 người, chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ lâm thời đọc bản **Tuyên ngôn độc lập** lịch sử, tuyên bố với toàn thể nhân dân, với thế giới: nước Việt Nam dân chủ cộng hoà độc lập và tự do ra đời.

Nói về ý nghĩa lịch sử vĩ đại của Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"../.

.....

Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta / Trung Hiếu / Nguồn: Trang tin Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam

TÍNH CHẤT CHÍNH NGHĨA, CHỦ ĐỘNG SÁNG TẠO CỦA NAM BỘ KHÁNG CHIẾN MÃI MÃI TỎA SÁNG

(ĐCSVN) - Đúng ba tuần Lễ sau ngày lễ độc lập, nhân dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền cách mạng đã phải tiến hành cuộc kháng chiến chống cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp đối với dân tộc Việt Nam (23.9.1945). Cuộc chiến đấu hào hùng của đồng bào, đồng chí ở Nam Bộ là khí phách

chính và thể đứng của dân tộc Việt Nam khi Sơn hà nguy biến và là sự khởi đầu của chặng đường dài 30 năm đấu tranh của cả dân tộc giành độc lập, thống nhất hoàn toàn.

Kháng chiến Nam Bộ bùng nổ là ý chí “quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định trong Tuyên ngôn độc lập bất hủ ngày 2.9.1945.

Ngày 26.9.1945, chỉ ba ngày sau cuộc kháng chiến ở Nam Bộ bắt đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có thư gửi đồng bào Nam Bộ. Người khẳng định niềm tin vững chắc “vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ”; “Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà”. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Tôi chỉ muốn dặn đồng bào Nam Bộ một lời: Đối với những người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới trước hết là làm cho dân Pháp biết rằng: Chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước”.

Những ngày tháng Nam Bộ kháng chiến là trang sử vẻ vang trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta thế kỷ XX dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trước hết, Nam Bộ kháng chiến thể hiện tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm cao của Đảng bộ, Xứ uỷ và Uỷ ban hành chính lâm thời Nam Bộ trước vận mệnh của đất nước và dân tộc. Khi bị Nhật gạt ra khỏi Đông Dương (9.3.1945) thực dân Pháp đã lộ rõ ý đồ quay lại chiếm Đông Dương. Khi phát xít Nhật thất bại, Việt Nam độc lập, quân Đồng minh vào Đông Dương và Việt Nam tức vũ khí quân Nhật, thực dân Pháp đã lợi dụng cơ hội đó để chiếm lại Đông Dương và Việt Nam. Tại Sài Gòn, ngay trong ngày lễ độc lập 2.9.1945, một số lính Pháp đã xả súng bắn vào đoàn diễu hành của nhân dân ta. Ngày 5.9, Uỷ ban Nam Bộ kêu gọi đồng bào bình tĩnh, đoàn kết đối phó với ý đồ xâm lược của Pháp. Ngày 6.9.1945, quân Anh đến Sài Gòn làm nhiệm vụ của quân Đồng minh theo quyết định của Hội nghị Potsdam, tướng Anh Gracey đã để cho một số quân Pháp vào theo. Quân Pháp được sự dung túng của Gracey ngang nhiên xâm phạm chủ quyền độc lập của Việt Nam. “Nhân dân Việt Nam hoan nghênh quân Đồng minh kéo vào Việt Nam để tước khí giới quân Nhật, nhưng cương quyết phản đối quân Pháp kéo vào Việt Nam, vì mục đích của họ chỉ là hãm dân tộc Việt Nam vào vòng nô lệ một lần nữa”.

Đêm 22 rạng ngày 23.9.1945 các lực lượng vũ trang của ta đánh trả quyết liệt hành động xâm lược của quân Pháp, mở đầu cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Sáng sớm ngày 23.9, Xứ uỷ, Uỷ ban nhân dân và Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ đã họp liên tịch tại số nhà 629 đường Công Nhai (nay là đường Nguyễn Trãi, quận 5), có đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh cùng dự. Dù có ý kiến khác nhau, song hội nghị đi đến quyết định vừa điện xin ý kiến của Trung ương vừa **Phát động kháng chiến ngay lập tức**. Đó là quyết định đúng đắn và kịp thời của Xứ uỷ, chính quyền cách mạng và đồng bào Nam Bộ cũng như 28 ngày trước đó đã quyết định khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn (25.8.1945) và ở các tỉnh Nam Bộ, dù chưa nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa của Trung ương. Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ bắt đầu ở Sài Gòn một thành phố lớn, **đồng chí, đồng bào, chiến sĩ đã kiên cường chiến đấu trên địa bàn đô thị, sáng tạo thể trận chiến tranh nhân dân và chiếm đánh phủ hợp, có hiệu quả**. Chủ động tiến công địch ở những vị trí trọng điểm, Sài Gòn thực hiện “trong đánh, ngoài vây” quyết tâm vây hãm địch ở Sài Gòn, tạo điều kiện để các tỉnh bước vào kháng chiến. Cả Nam Bộ quyết liệt kháng chiến để bảo vệ nền độc lập non trẻ dù chỉ với vũ khí thô sơ, tự tạo, vừa kháng chiến vừa chấn chỉnh tổ chức để đoàn kết, thống nhất lực lượng. Ngày 15.10.1945, thống nhất về tổ chức, lập ra Xứ uỷ lâm thời cử đồng chí Tôn Đức Thắng làm Bí thư Xứ uỷ (hội nghị họp ở Cần Vỹ – Mỹ Tho). Ngày 25.10.1945, tại hội nghị Xứ uỷ lâm thời mở rộng ở Thiên Hộ (Mỹ Tho) theo đề nghị của đồng chí Tôn Đức Thắng, Xứ uỷ đã bầu đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ uỷ, đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ. Hội nghị Xứ uỷ còn đề ra những chủ trương cụ thể đẩy mạnh kháng chiến.

Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ ngay từ đầu đã nhận được sự chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước chỉ viện cho Sài Gòn, Nam Bộ với phong trào “Nam tiến”. Tháng 10/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh cử hai cán bộ cao cấp vào Nam. Đó là tướng Nguyễn Bình và đồng chí Vũ Đức (tức Hoàng Đình Giang). Tháng 11/1945 đồng chí Nguyễn Bình được cử làm tư lệnh và đồng chí Vũ Đức cử làm chính uỷ giải phóng quân Nam Bộ. Huy động sức mạnh cả nước cho kháng chiến ở Nam Bộ là một đặc điểm nổi bật và kinh nghiệm lãnh đạo kháng chiến của Đảng. Ngày 24/9 nhiều tỉnh Nam Bộ lực lượng vũ trang lên Sài Gòn tham gia chiến đấu. Các tỉnh ở Bắc Bộ, Trung Bộ thành lập phòng Nam Bộ để tiếp nhận tiền bạc, thuốc men, lương thực đưa vào Nam Bộ. Ngày 25/9 một đơn vị vũ trang ở Quảng Ngãi đã vào Sài Gòn. Ngày 26/9 đoàn tàu hoả trở quân Nam tiến rời Hà Nội vào Sài Gòn. Tháng 10/1945 nhiều đơn vị Nam tiến đã có mặt ở Nam Bộ.

Với tinh thần chiến đấu quả cảm, đồng bào chiến sĩ ta ở Nam Bộ đã nêu cao tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nêu cao tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến, tính chủ động, năng động và sáng tạo. Nam Bộ thật sự là “Thành đồng tổ quốc”.

Tinh thần đó có ý nghĩa sâu sắc đối với cuộc toàn quốc kháng chiến từ đêm 19/12/1946. Tinh thần đó cũng thể hiện một cách đáng tự hào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước mở đầu bằng phong trào **Đồng khởi** ở Miền Nam cuối năm 1959 đầu năm 1960. Nhân dân Nam Bộ và cả Miền Nam cùng với cả nước kiên trì và ngoan cường kháng chiến, nêu cao ngọn cờ chính nghĩa chống xâm lược với tất cả sự thông minh sáng tạo, đã giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975). Nam Bộ là mảnh đất “đi trước về sau”. Trong sự nghiệp xây dựng lại đất nước, sau chiến tranh cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, TP. Hồ Chí Minh và nhiều địa phương ở Nam Bộ từ cuối những năm 70 đầu những năm 80 của cuối thế kỷ trước đã năng động, sáng tạo để khắc phục những hạn chế của tư duy và cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp, đổi mới quản lý kinh tế - xã hội. Đó là những đóng góp quan trọng và sự hình thành và khẳng định đường lối đổi mới của đảng cộng sản Việt Nam tại Đại hội VI (12/1986).

Hơn 20 năm đổi mới vừa qua TP. Hồ Chí Minh và Nam Bộ đã cùng cả nước đạt được những thành tựu to lớn về mọi mặt đang vững bước trên con đường đổi mới, vì chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì cuộc sống ấm no hạnh phúc của nhân dân.

Ngày 14/9/2007, Bộ chính trị đã làm việc với Ban thường vụ Thành uỷ TP. Hồ Chí Minh về sơ kết thực hiện nghị quyết 20 – NQTƯ của Bộ chính trị, về phương hướng, nhiệm vụ phát triển đến năm 2010 với 7 mục tiêu lớn. Đánh giá và kết luận Tổng bí thư Nông Đức Mạnh đã nêu rõ: TP. Hồ Chí Minh đã tiếp tục phát huy tính năng động, sáng tạo, phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, đóng góp nhiều kinh nghiệm tốt trong việc xoá đói giảm nghèo, chăm lo các đối tượng chính sách, trong việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự phát triển kinh tế xã hội chung của cả nước. Đồng chí Lê Thanh Hải – Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Thành uỷ khẳng định quyết tâm xây dựng phát triển TP. Hồ Chí Minh đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH, phát triển nhanh bền vững, trở thành thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh, hiện đại, một trung tâm lớn về nhiều mặt của đất nước và khu vực Đông Nam Á.

Sài Gòn, Nam Bộ chủ động ngoan cường và sáng tạo từ ngày đầu Nam Bộ kháng chiến. TP. Hồ Chí Minh và cả Nam Bộ hôm nay đang năng động, sáng tạo, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đóng góp xứng đáng vào công cuộc đổi mới và phát triển đất nước theo mục tiêu: Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh. Lịch sử được hiện tại nối tiếp một cách xứng đáng, hiện tại tự hào về lịch sử oai hùng của Nam Bộ kháng chiến.

.....

Tinh chất chính nghĩa, chủ động sáng tạo của Nam Bộ kháng chiến mãi mãi toả sáng / PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc / Nguồn: Trang tin Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐÔNG VIÊN TOÀN LỰC SỨC MẠNH QUẦN CHÚNG

(ĐCSVN)- Cả nước ta đang trong không khí sôi động kỷ niệm 62 năm ngày Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam – Kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại này; có vai trò tích cực của công tác tư tưởng.

Một sự kiện rất quan trọng của công tác tư tưởng để thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân quyết tâm giành thắng lợi trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám là **“Hội nghị Toàn quốc của Đảng nhân mạnh công tác tuyên truyền cổ động nhân dân tiến hành Tổng khởi nghĩa”**. Ngay từ đầu tháng 8 năm 1945 và đặc biệt vào những ngày giữa tháng 8, tình thế cách mạng đã xuất hiện trực tiếp ở nhiều nơi trong nước. Thời cơ giành chính quyền về tay nhân dân đã đến gần. Đêm 13 tháng 8 năm 1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa. Ngày 14 tháng 8, Tổng bộ Việt Minh ra hiệu triệu “Giờ tổng khởi nghĩa đã đến; dân tộc ta đã đến lúc vùng dậy cướp lại chính quyền độc lập của mình”. Ngay sau đó, từ ngày 14 đến ngày 15 tháng 8 năm 1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào. Hội nghị đã nhận định tình hình thế giới, tình hình Đông Dương và tình hình trong nước; kịp thời ra chủ trương lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền và đề ra đường lối đối nội, đối ngoại trong tình hình mới. Trong nhiều nội dung hội nghị đã bàn và quyết định, có nhiệm vụ rất quan trọng là tuyên truyền, cổ động, vận động quần chúng tổng khởi nghĩa. Hội nghị toàn quốc của Đảng đã xác định phương hướng tuyên truyền, cổ động là nêu những khẩu hiệu chính động viên tinh thần cứu quốc; nêu cao nguyện vọng của dân tộc: Quốc gia hoàn toàn độc lập; đả phá xu hướng cho rằng quân Đồng minh vào Đông Dương và Nhật đồ là nhiệm vụ chiến đấu của dân ta hết. Như vậy, nhiệm vụ của công tác tư tưởng chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa là động viên tinh thần yêu nước của nhân dân, nêu cao ý chí độc lập dân tộc, chủ động đứng lên tự giải phóng, giành chính quyền về tay nhân dân, chống quan điểm thụ động chờ quân Đồng minh vào giải phóng nhân dân Đông Dương.

Hội nghị toàn quốc của Đảng đã quyết định những việc làm cần kíp ngay để kịp thời tuyên truyền, cổ động với những hình thức mạnh mẽ, táo bạo, có sức thuyết phục quần chúng như dùng loa phóng thanh tuyên truyền lưu động, biểu tình thị uy có vũ trang, phát truyền đơn, dán áp phích giải thích chủ trương của Đảng và chính sách của Việt Minh chân chính Bộ Tuyên truyền ở trung ương, Ban biên tập các báo chí và xuất bản; mỗi tỉnh thành lập cơ quan và có đủ vật liệu in về huấn luyện, hội nghị quyết định mỗi tỉnh phải có ít nhất một huấn luyện viên chuyên môn, bắt buộc mỗi cán bộ phải qua huấn luyện chương trình phổ thông của Đảng. Báo Đảng mỗi kỳ phải có mục huấn luyện Chủ nghĩa Cộng sản sơ giải, đồng thời phải in nhiều tài liệu huấn luyện.

Hội nghị toàn quốc của Đảng kết thúc ngày 15 tháng 8 năm 1945, các cán bộ làm công tác tư tưởng đã dồn sức triển khai ngay lập tức các nhiệm vụ do Hội nghị quyết định.

Trước đó, để chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa, Đảng đã chỉ đạo chặt chẽ công tác tư tưởng. Ngày 12 tháng 3 năm 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” để chỉ đạo cuộc đấu tranh trong tình hình mới. Chỉ thị nhấn mạnh đến việc tuyên truyền và huấn luyện.

Về tuyên truyền, nêu khẩu hiệu chính quyền cách mạng của nhân dân, chống chính quyền của Nhật và Việt gian thân Nhật. Sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền mạnh mẽ như mít tinh, diễn thuyết, truyền đơn, băng, cờ, áp phích, sách báo, tranh ảnh, tuyên truyền có vũ trang...

Về huấn luyện, tập trung chương trình “Huấn luyện Việt Minh” cho các tổ chức cách mạng để mở rộng, phát triển Việt Minh. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” có tác dụng hướng dẫn tư tưởng trong Đảng và nhân dân, chứng minh sự sáng suốt, nhạy bén của Đảng ta trước thời cuộc, chuẩn bị tổng lực sức mạnh quần chúng giành thắng lợi Tổng khởi nghĩa.

Và công tác tư tưởng được chuẩn bị rất kỹ lưỡng từ trước đó cả trong lực lượng vũ trang. Tại Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 4 năm 1945 đã nêu rõ nhiệm vụ công tác tư tưởng: Vạch rõ bản chất xâm lược và thống trị của phát xít Nhật, tính chất bù nhìn của tay sai. Nhân dân Việt Nam chỉ còn con đường sống duy nhất là đứng lên đánh đuổi phát xít Nhật, giành độc lập, tự do. Cuộc kháng Nhật sẽ gay go, quyết liệt, nhưng nhất định thắng lợi.

Các hình thức tuyên truyền, cổ động là truyền đơn, áp phích, băng, mít tinh, diễn thuyết, biểu tình thị oai, tuyên truyền xung phong, xuất bản báo chí, tài liệu.

Càng gần đến ngày Tổng khởi nghĩa công tác tuyên truyền, cổ động càng được đẩy mạnh và rộng khắp các địa phương, tập hợp lực lượng, đồng loạt nổi dậy tiến công. Sau Đại hội Quốc dân Tân Trào ngày 16 và 17 tháng 8 năm 1945, công tác tư tưởng tập trung cao độ tuyên truyền thành công Đại hội với sự tán thành cao chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng và 10 chính sách của Việt Minh; tuyên truyền thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi quốc dân báo tin thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng, kêu gọi toàn dân đoàn kết chung quanh ủy ban, nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền – “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta...”.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Hà Nội khởi nghĩa thành công, chính quyền nhanh chóng về tay nhân dân là một đòn chí mạng giáng vào chính quyền tay sai Nhật ở Hà Nội và hầu hết cả nước. Thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội được tuyên truyền nhanh chóng đi khắp cả nước, cổ vũ đồng bào hăng hái tiến lên giành chính quyền. Đến ngày 27 tháng 8 trong cả nước có 63 tỉnh, thành phố, đặc khu nổi dậy Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền thắng lợi. Ngày 28 tháng 8 năm 1945, Tổng khởi nghĩa đã hoàn toàn thắng lợi trên cả nước sau khi khởi nghĩa ở Hà Tiên và Đồng Nai Thượng thắng lợi.

Ôn lại những bài học kinh nghiệm thành công của Cách mạng Tháng Tám, càng khẳng định vai trò quan trọng của công tác tư tưởng có nhiệm vụ tham mưu và phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong Cách mạng tháng Tám; đã kịp thời truyền đạt các Chỉ thị, các chủ trương và nhận định của Đảng trước các diễn biến của thời cuộc; đưa ra các khẩu hiệu hành động sát thực có tính cổ động cao; bằng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú, có sức thuyết phục và tập hợp được quần chúng cách mạng, phát huy lòng yêu nước, ý chí độc lập dân tộc, không cam chịu làm nô lệ, đoàn kết thống nhất đứng lên tổng khởi nghĩa, lật đổ chính quyền bù nhìn tay sai cho đế quốc, giành độc lập, tự do cho dân tộc.

.....
Công tác tư tưởng Cách mạng tháng Tám 1945 - Động viên toàn lực sức mạnh quần chúng / Trúc Thanh

CHIẾN LƯỢC ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN CỦA ĐẢNG TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

(ĐCSVN) - Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố nhưng nổi bật nhất chính là chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta. Chính chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đã đưa dân tộc ta đến thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, là tiền đề vững chắc đưa đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới hiện nay.

Mùa thu này hơn 60 năm trước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân ta đoàn kết một lòng đứng lên làm cách mạng, lật đổ ách thống trị của chế độ thực dân và phong kiến tay sai, lập nên chính quyền cách mạng của dân, do dân và vì dân. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và việc khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2-9-1945 đã là cơ sở đưa đến thắng lợi của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa đất nước ta tiếp tục

vững bước tiến lên trên con đường độc lập, tự do và phát triển. Thắng lợi đó đã mở ra thời đại mới trên đất nước ta: *thời đại độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội*.

Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945 với tâm vóc vĩ đại đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc ta, là một niềm tự hào to lớn về sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, về sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, về truyền thống bất khuất, kiên cường, về tinh thần sáng tạo trong công cuộc dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Tự hào về thắng lợi vĩ đại này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc".

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, mà nổi bật là chiến lược *đại đoàn kết toàn dân tộc* của Đảng ta.

Thật vậy, trở lại năm 1945, vào ngày 9 tháng 3, quân đội Nhật đã tiến hành cuộc đảo chính Pháp, nắm toàn quyền cai trị về tay mình. Kết quả của sự kiện đó là sự sụp đổ thảm hại của chính quyền thực dân Pháp. Chỉ sau 3 ngày Nhật đảo chính Pháp, ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ta đã ra Chỉ thị: "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*", xác định kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt, duy nhất, của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính, là phát xít Nhật. Khẩu hiệu "*Đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp*" được thay thế bằng khẩu hiệu "*Đánh đuổi phát xít Nhật*".

Đề tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân ta tham gia cao trào kháng Nhật cứu nước, Đảng ta chủ trương mở rộng *Mặt trận Việt Minh*. Nghị quyết Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương (ngày 14-8-1945) đã nhấn mạnh đến việc phải đẩy mạnh công tác vận động quần chúng công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, phụ nữ, tư sản, địa chủ, công chức, đồng bào theo đạo, các đảng phái. Nghị quyết của Đảng còn coi việc thi hành 10 chính sách của Việt Minh là những mục tiêu cơ bản và trước mắt của toàn Đảng, toàn dân.

Đảng và Mặt trận Việt Minh còn kịp thời đề ra khẩu hiệu đấu tranh thích hợp, đáp ứng nguyện vọng bức thiết của quần chúng: "*Phá kho thóc, giải quyết nạn đói*". Đó là nghệ thuật phát động quần chúng, là hình thức đấu tranh thích hợp nhằm lôi cuốn, tập hợp hàng triệu người vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc. Đó là cuộc đấu tranh không chỉ nhằm đến quyền lợi kinh tế hàng ngày của nhân dân mà còn nhằm vào mục tiêu đánh đổ chính quyền của đế quốc tay sai.

Trong bối cảnh đó, theo lời kêu gọi của Đảng, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã diễn ra nhanh chóng trên phạm vi toàn quốc. Từ ngày 14 đến ngày 25-8-1945 về cơ bản quyền thống trị của bọn đế quốc xây dựng ngót 100 năm và chế độ quân chủ tồn tại hàng nghìn năm ở nước ta đã bị sụp đổ hoàn toàn. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã trình trọng tuyên bố với toàn thể thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Với tuyên bố trên, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trở thành *nhà nước công - nông đầu tiên* được lập nên ở Đông Nam Á. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nhà nước công - nông đã thể hiện sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam. Toàn dân nổi dậy, cả nước đồng lòng đứng lên. Từ chiến khu về đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị, rồi cả thành thị và nông thôn nhất tề nổi dậy như thác đổ, sóng dâng, đè bẹp mọi sự phản kháng của quân thù.

Như vậy, chỉ trong vòng 12 ngày, Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước. Từ thực tế của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, chúng ta có thể khẳng định rằng hình thái khởi nghĩa chung nhất là toàn dân nổi dậy đồng loạt và gần như đồng thời trong cả nước. Cuộc Cách mạng Tháng Tám là cuộc tổng khởi nghĩa của toàn dân, của cả dân tộc Việt Nam vì mục tiêu độc lập dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám giành thắng lợi oanh liệt và nhanh chóng do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do chính sách đại đoàn kết dân tộc của Mặt trận Việt Minh do Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập và lãnh đạo. Mặt trận Việt Minh

đã giương cao ngọn cờ dân tộc, xác định đúng kẻ thù, có những chủ trương, chính sách đúng đắn, những khẩu hiệu đấu tranh thích hợp, đáp ứng yêu cầu cách mạng, phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi bức thiết của mọi tầng lớp nhân dân.

Chính nhờ mục tiêu và đường lối đúng đắn đó, Mặt trận Việt Minh chẳng những đã huy động được hàng triệu công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, học sinh, trí thức xuống đường khởi nghĩa, mà còn tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của một số các thành phần khác trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ như địa chủ, tư sản dân tộc, viên chức của chính quyền thực dân, phong kiến.

Mặt trận Việt Minh trở thành ngọn cờ tập hợp sức mạnh của toàn dân, trở thành động lực cơ bản của Cách mạng Tháng Tám. Dưới ngọn cờ của Việt Minh, "hàng chục triệu hội viên, gồm đủ các tầng lớp sỹ, nông, công, thương, binh gồm đủ các dân tộc" trên đất nước Việt Nam đã đứng dậy làm cuộc Tổng khởi nghĩa vĩ đại giành độc lập cho dân tộc. Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945 là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam, là sản phẩm của chính sách đại đoàn kết, tập hợp lực lượng toàn dân tộc của Đảng ta.

Như vậy, có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945 là đỉnh cao của toàn bộ cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và tiến bộ xã hội mà dân tộc ta đã bền bỉ, anh dũng tiến hành ngay từ thời điểm thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta vào năm 1858 đến 1945. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc ta, đánh dấu sự kết thúc của thời kỳ lịch sử đau thương của dân tộc mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945, cuộc đấu tranh bền bỉ, anh dũng của biết bao thế hệ người Việt Nam yêu nước vì độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân cuối cùng đã đi tới thắng lợi vẻ vang. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam 1945, một lần nữa đã chứng tỏ sức sống dẻo dai, năng lực sáng tạo phi thường và tinh thần yêu nước mãnh liệt của dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương với lãnh tụ vĩ đại là Hồ Chí Minh, sức sống ấy, năng lực sáng tạo ấy và tinh thần yêu nước ấy đã được quy tụ, nhân lên gấp bội và vươn tới tầm cao mới của thời đại, trở thành xung lực mạnh mẽ, thành niềm tin và trí tuệ để dân tộc Việt Nam tiếp tục vươn lên vượt qua mọi thử thách gay go, ác liệt và giành được những thắng lợi to lớn và vẻ vang hơn nữa trong thế kỷ XX.

Trên phương diện quốc tế, Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945 là một cuộc cách mạng điển hình ở một nước thuộc địa. Kết quả thắng lợi của cuộc Cách mạng đã dẫn đến việc thành lập nên nhà nước độc lập, dân chủ cộng hoà ở một nước vốn bị chủ nghĩa thực dân áp bức và nô dịch. Thắng lợi to lớn của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Việt Nam đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc trên toàn thế giới. Chính vì Cách mạng Tháng Tám trước hết là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, mang yếu tố nhân dân sâu sắc, do đó, trong thời đại vùng lên của các dân tộc bị áp bức bóc lột, sự kiện này trở thành ngọn đuốc soi đường, trở thành tấm gương cổ vũ lớn lao đối với hàng triệu triệu người đang đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân.

Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ vừa mới thành lập chưa được bao lâu, nhân dân ta lại phải tiến hành một cuộc kháng chiến trường kỳ để chống lại mưu đồ của thực dân Pháp hòng bắt nhân dân ta quay trở lại kiếp ngựa trâu. Nhưng, thời đại đã đổi thay, toàn thể dân tộc Việt Nam đã anh dũng đứng lên quyết hy sinh tất cả để bảo vệ nền độc lập và tự do của Tổ quốc. Cuộc kháng chiến toàn quốc đã bùng nổ vào đêm 19-12-1946. Nhân dân ta hết sức yêu chuộng hoà bình và độc lập, tự do và vì thế chúng ta đã phải nhân nhượng. *Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.* Vì độc lập, tự do và hoà bình, toàn thể dân tộc Việt Nam, không phân biệt già trẻ, gái trai, dân tộc, giai cấp, tôn giáo... đã sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp. Trải qua chín năm chiến tranh, lực lượng cách mạng dần dần trưởng thành, chúng ta từ thế phòng ngự đã dần dần lớn mạnh và giành thế chủ động trên chiến trường. Ý chí độc lập dân tộc của toàn dân tộc đã mang lại chiến thắng của cuộc kháng

chiến chống Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ làm chấn động toàn cầu. Tiếng súng thắng trận tại Điện Biên Phủ đã là tiếng chuông báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ. Chiến thắng lịch sử đó mở đầu cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới tiến công vào hệ thống chủ nghĩa thực dân cũ. Việt Nam - Điện Biên Phủ là tiếng kèn xung trận của các dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc áp bức và bóc lột. Đó là công hiến vĩ đại của nhân dân Việt Nam vào sự nghiệp giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Với âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, thế chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào miền Nam, cấu kết với bọn tay sai bán nước hòng phá hoại việc thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ và chia cắt lâu dài nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tinh thần *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*, toàn thể dân tộc Việt Nam đoàn kết một lòng, tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ - tên đế quốc đầu sỏ, có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh. Hai mươi năm chiến tranh gian khổ và ác liệt với bao xương máu của hàng triệu người con đất Việt đã hiến dâng cho Tổ quốc, nhân dân ta đã giành thắng lợi trọn vẹn trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc bằng cuộc Tổng tấn công mùa xuân năm 1975. Nhân dân ta với chiến công vĩ đại này đã hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước. Thắng lợi này mãi mãi được ghi vào sử sách như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỷ XX; là một mốc son chói lọi nhất trong lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Chiến thắng của nhân dân Việt Nam cũng là đòn tiến công trực diện giáng thẳng vào chủ nghĩa đế quốc, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của các dân tộc trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên hành tinh của chúng ta. Từ mùa xuân năm 1975, nhân dân Việt Nam bắt tay vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện đất nước đã được thống nhất. Trong bối cảnh mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tiếp tục tỏ rõ bản lĩnh kiên cường, vững vàng, sáng tạo, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, vượt qua mọi thử thách, tạo ra những tiền đề quan trọng cho sự nghiệp đổi mới toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI. Nhờ sự nỗ lực và cố gắng cao độ của toàn thể nhân dân, đất nước ta đã dần dần bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, và một thời kỳ phát triển mới rất đáng tự hào với những bước tăng trưởng kinh tế vững chắc, với sự cải thiện rõ rệt hàng ngày đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng của sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta đã tạo dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Như vậy, từ mùa Thu Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945, lịch sử cách mạng nước ta đã trải qua nhiều thời kỳ khác nhau tương ứng với bối cảnh quốc tế và trong nước, nhưng mục tiêu chiến lược của sự nghiệp cách mạng nước ta là nhất quán. Đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*.

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, từ điểm xuất phát cụ thể của mình, đất nước ta tập trung vào việc phát triển toàn diện, trong đó phát triển kinh tế luôn là nhiệm vụ trung tâm. Chúng ta nhất định phải chiến thắng tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Chúng ta không ngừng phát huy cao độ nội lực tổng hợp của đất nước, trước hết là trí tuệ và năng lực con người, coi việc phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Đồng thời, chúng ta luôn coi trọng vấn đề ổn định chính trị, chú tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, có tiềm lực về quốc phòng và an ninh phải vững chắc, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước xã hội chủ nghĩa, công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chúng ta cũng kiên quyết đấu tranh đẩy lùi tệ quan liêu và nạn tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, tiến hành cải cách hành chính ở tất cả các cấp. Đảng ta coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với kiện toàn hệ thống chính trị là nhiệm vụ then chốt để đủ sức lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược của cách mạng trong thời kỳ mới.

Ngày hôm nay, khi toàn Đảng, toàn dân ta đang nô nức lập công kỷ niệm 61 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, chúng ta vô cùng xúc động tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới; tưởng nhớ các vị lãnh đạo tiền bối của Đảng, của dân tộc, tưởng nhớ tới hàng triệu đồng bào,

chiến sĩ đã hiến dâng xương máu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Với truyền thống "uống nước nhớ nguồn", nhân dân Việt Nam không bao giờ quên sự hy sinh cao cả của tất cả những người con đất Việt đã ngã xuống vì sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc, đã cống hiến hết mình cho độc lập và tự do của ngày hôm nay. Nhân dân Việt Nam cũng luôn ghi lòng tạc dạ về sự giúp đỡ to lớn và hết mình của Chính phủ và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, các nước bè bạn trên toàn thế giới, biết ơn các phong trào quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta, cũng như toàn thể bạn bè quốc tế đang dành cho nhân dân Việt Nam những sự giúp đỡ quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Nhìn lại chặng đường đã qua, với nhiều biến động và thử thách, nhân dân ta rất đỗi tự hào về những thắng lợi và thành tựu vẻ vang của dân tộc. Đất nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, có vị thế và uy tín trên trường quốc tế. Ngày nay, hai tiếng *Việt Nam* đối với cộng đồng thế giới không chỉ là một dân tộc dũng cảm, có ý chí kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm để giành độc lập cho Tổ quốc, mà còn là một dân tộc có bản lĩnh vững vàng, có tinh thần tự chủ, dám đương đầu với mọi thách thức và gian nguy để vươn tới một tương lai tươi sáng hơn. Nêu cao truyền thống được đúc kết từ chiều sâu lịch sử, tất thảy đồng bào Việt Nam dù bất kỳ ở đâu cũng đều phấn đấu hết mình vì sự phồn vinh của đất nước, vì nền tự do và độc lập của dân tộc Việt Nam. Chúng ta nguyện nỗ lực phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự cường và lòng tự hào dân tộc, đem sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững vàng tiến vào thế kỷ XXI./

.....

Chiến lược đại đoàn kết toàn dân của Đảng trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 / PGS - TS Võ Kim Cương

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ BÀI HỌC VỀ THỜI CƠ

Thời cơ là tình thế xuất hiện trong thời điểm nhất định có lợi nhất cho việc chủ động phát huy mọi sức mạnh để giành thắng lợi. Khi thời cơ đến, phải nhạy bén nắm bắt và phải kịp thời chớp lấy. Ngày Tổng khởi nghĩa 19-8-1945, làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám kỳ diệu, chính là do chúng ta đã kịp thời chớp lấy thời cơ và giành thắng lợi trọn vẹn...

Sau khi nước Pháp bị phát xít Đức đánh bại và chiếm đóng, cuộc chiến tranh giữa các nước đế quốc sắp chuyển thành cuộc chiến tranh chống Liên Xô, tháng 5-1941, Bác Hồ và Trung ương Đảng thấy rằng thời cơ nghìn năm có một sẽ đến. Đảng ta thay đổi chiến lược cách mạng, tập hợp lực lượng cơ bản, vũ trang quần chúng, chờ khi các nước phát xít thất bại thì lập tức khởi nghĩa giải phóng đất nước, giành độc lập cho Tổ quốc.

Tháng 10- 1944, Bác Hồ từ Trung Quốc về Cao Bằng. Người quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa của các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn vì thời cơ chưa đến, kẻ thù vẫn còn mạnh. Đến ngày 12-3-1945, Chỉ thị "Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" là một văn kiện lịch sử có ý nghĩa chỉ đạo hành động, chuẩn bị mọi lực lượng để đón thời cơ khởi nghĩa một cách chủ động đã được Đảng ta sớm đề ra, phù hợp với tình hình lúc đó.

Bác Hồ và Trung ương Đảng đã tận dụng triệt để những thuận lợi cơ bản: phát xít Nhật hoang mang; chính phủ Trần Trọng Kim yếu thế; quân Đồng minh chưa vào nước ta; quân Pháp có tham vọng quay trở lại Việt Nam, chúng chưa có lực lượng. Ngày 14-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) nhận định thời cơ đã đến, quyết định Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Ngay trong đêm 13-8-1945, Ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1. Bác Hồ đã khẳng định: Lúc này, thời cơ thắng lợi đã tới, dù phải hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập.

Ngày 16 và 17-8-1945, Quốc dân Đại hội họp tại Tân Trào, tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, thành lập ủy ban Dân tộc Giải phóng do Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Trong thư kêu gọi đồng bào cả nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Người cũng khẳng định: “Chúng ta không thể chậm trễ”.

Ngày 19-8-1945, Tổng khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội. Chỉ trong vòng 15 ngày, cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước.

Thời cơ Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 chỉ tồn tại trong một thời gian rất ngắn - từ sau khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước lúc quân Đồng minh tiến vào nước ta giải giáp quân Nhật. Nếu khởi nghĩa sớm hơn, khi Nhật chưa đầu hàng thì sẽ khó khăn, vì chúng tuy có suy yếu, nhưng vẫn còn lực lượng để chống cách mạng. Ngược lại, nếu Tổng khởi nghĩa muộn hơn, khi quân Anh, theo gót quân Anh là Pháp và quân Tưởng, tiếp đến là đế quốc Mỹ đã nhảy vào nước ta, lúc cách mạng chưa giành được chính quyền; chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim sẽ tiếp xúc với bọn đế quốc, phục vụ cho chúng. Lúc đó, thời cơ giành chính quyền không còn nữa, cách mạng sẽ rất khó khăn.

Lịch sử đã chứng minh rằng, Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, không thể lấy thời điểm nào khác ngoài thời điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã chọn. Vận dụng yếu tố thời cơ giành thắng lợi cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đạt đến độ thiên tài.

Đồng chí Trường Chinh trong tác phẩm Cách mạng Tháng Tám đã phân tích thời cơ khi Tổng khởi nghĩa nổ ra như sau: “Nếu ngày 9-3-1945, Nhật vừa đánh đổ Pháp mà cuộc khởi nghĩa đã nổ ra nhanh thì cách mạng có thể tổn thất nhiều và chính quyền chưa thể thành lập trong toàn quốc, vì lực lượng Nhật lúc đó còn khá vững, có thể tiêu diệt quân cách mạng ở những nơi có thể giữ. Cho nên lúc đó chỉ khởi nghĩa bộ phận giành chính quyền địa phương. Nếu sau khi quân Nhật đầu hàng Đồng minh mà nhân dân ta bị động trông chờ quân Đồng minh vào “giải phóng”, không tức thời nổi dậy giành chính quyền toàn quốc thì sẽ ra sao ?. Hai trường hợp có thể xảy ra: Hoặc bọn bù nhìn tay sai của Nhật đứng ra vỗ ngực “thoát ly ảnh hưởng của Nhật” và tự xưng là “độc lập, dân chủ” để đầu hàng Anh, Mỹ chứ không phải để giải phóng dân tộc. Hoặc Pháp sẽ ngóc đầu dậy thu thập sức tàn ở Đông Dương và đem tàn quân chạy ra ngoài rồi tháng 3 trở lại cùng với bọn Việt gian thân Pháp, lập chính quyền bù nhìn thân Pháp trong toàn quốc và tuyên bố thi hành bản tuyên ngôn ngày 24-3-1945 cho Đông Dương “tự trị”. Cả hai trường hợp ấy đều vô cùng nguy hiểm”.

Bài học thời cơ của Cách mạng Tháng Tám đã được Đảng ta vận dụng sáng tạo, đưa cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 đến toàn thắng, giành độc lập trọn vẹn cho cả nước, đưa nước ta vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Dân tộc Việt Nam đã nhiều lần thành công lớn về nắm bắt thời cơ lịch sử để giành độc lập dân tộc và khôi phục nền độc lập của nước nhà. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng viết:

*“Lạc nước, hai xe đành bỏ phí
Gặp thời, một tốt cũng thành công”.*

.....
Cách mạng Tháng 8 và bài học về thời cơ / Theo Hà Nội mới

DỰ BÁO CHIẾN LƯỢC CỦA HỒ CHÍ MINH QUA CÁC CUỘC ĐỐI THOẠI VỚI MỘT NGƯỜI BẠN MỸ

Sau thất bại trong cuộc chiến tranh kéo dài hai thập kỷ ở Việt Nam, nước Mỹ và phe phái đã rơi vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng - một "hội chứng sau Việt Nam". Người ta đã "đổ công đi tìm" nguyên nhân thất bại của đế quốc Mỹ và đồng thời đi tìm lời giải cho câu

hỏi : Tại sao Việt Nam lại có đủ sức mạnh để chiến thắng ? L.A. Pát-ti - một cựu sĩ quan tình báo Mỹ - đã trả lời xuất sắc câu hỏi đó thông qua cuốn sách có tựa đề : *Tại sao Việt Nam ?* L.A. Pát-ti đã đi ngược thời gian hơn bốn thập kỷ, đến tận thời điểm lịch sử, khi mà Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, cuộc cách mạng giành độc lập dân tộc của Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo đang đứng trước một thời cơ nhưng cũng đầy cam go thách thức. Cuối cùng, sự lựa chọn của Hồ Chí Minh rất chính xác. Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 đã nổ ra và giành thắng lợi. Một chính phủ cách mạng "của nhân dân và vì nhân dân" đã được thành lập và "trình trọng tuyên bố với thế giới" về nền độc lập của nước Việt Nam. Trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 9-1945, L.A. Pát-ti đã có những cuộc tiếp xúc, đối thoại với Hồ Chí Minh ở Côn Minh (Trung Quốc) và Hà Nội (Việt Nam). Trí tuệ và tinh thần, tư tưởng và hành động, nhân cách và tình cảm... của lãnh tụ Hồ Chí Minh - sự tinh kết của tinh thần và ý chí Việt Nam - hiện ra qua các cuộc đấu trí trực tiếp với L.A. Pát-ti, là lời giải cho câu hỏi tại sao Việt Nam đã chiến thắng mọi đế quốc và các thế lực thù địch. Tháng 2-1945, Hồ Chí Minh sang Côn Minh (miền Nam Trung Quốc), nơi đặt Tổng hành dinh lực lượng Đồng minh (AFHQ) của tướng Sê-nôn - người cầm đầu không lực số 14 của Mỹ và nhiều cơ quan khác như Ban Không trợ mặt đất (AGAS), Nha Thông tin chiến tranh (AOWI), Cục Tình báo chiến lược (OSS)... Trong chuyến công du này, Người tìm gặp người Mỹ để tranh thủ sự giúp đỡ của họ, nhằm ngăn chặn bọn Tưởng Giới Thạch phá hoại phong trào cách mạng của nước ta lúc đó. Người đã trực tiếp gặp tướng Sê-nôn và nhiều sĩ quan Mỹ như Sác-lơ-phen, Phe-lân... ấn tượng tốt đẹp về Hồ Chí Minh - Việt Minh đã có sức thuyết phục họ cần phải có hành động thực tế để ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam... Khi chuyến công du trên kết thúc, L.A. Pát-ti làm việc cho OSS, tỏ ra vô cùng luyến tiếc và tìm mọi cách để gặp Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục đích : "... cần tổ chức một mạng lưới của những người hoạt động bí mật ở Đông Dương, tốt hơn cả là với sự giúp đỡ của người Việt Nam"⁽¹⁾. Thông qua một nhân vật trung gian giới thiệu, L.A. Pát-ti đã được gặp Hồ Chí Minh vào ngày 27- 4-1945, tại một quán trà trong làng nhỏ ở Chiu Chok Chich thuộc Ching Hsi (Trình Tây) nằm trên đường biên giới Việt - Trung. Chỉ mới sau những câu chuyện có tính chất mở đầu, L.A. Pát-ti đã có cảm nghĩ về Người : "... Tôi cảm thấy một vài sự dè dặt của Ông Hồ đối với tôi được xua tan, nhưng Ông là một nhà cách mạng lão thành, một bậc thầy về những hoạt động mưu lược và bí mật nên Ông vẫn đi sâu vào câu chuyện với một vẻ thăm dò dễ mến và tế nhị. Tôi hiểu Ông muốn biết những động cơ của tôi và cố khám phá thái độ của tôi đối với nhân dân Việt Nam và nói riêng để xem tôi là người đại biểu cho những quyền lợi thực dân hay đại biểu cho thái độ chống thực dân của Ru-dơ-ven. Tôi cần phải giành lấy sự tin cậy của Ông và sẵn sàng tham gia vào cuộc đấu trí biện chứng của Ông". Theo L.A. Pát-ti cho biết, Hồ Chí Minh đã nói khá nhiều về nạn đói kinh khủng nhất trong lịch sử Việt Nam làm cho hai triệu người chết đói, mặc dù Việt Minh đã tổ chức đánh phá kho thóc của Nhật - Pháp để cứu dân chúng. Đồng thời, Người cũng bày tỏ với L. A. Pát-ti những vấn đề quan trọng về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam : Chúng tôi đang chuẩn bị cho một Chính phủ Dân chủ độc lập, do người Việt Nam điều hành vì người Việt Nam. Ông Hồ cũng thừa nhận rằng đó là một nhiệm vụ vô cùng lớn lao, vì người Pháp sẽ chống lại. Người Trung Quốc có những lý do để ủng hộ người Pháp, nhưng cũng có thể đứng về phía người Việt Nam ; còn người Anh thì chắc chắn không để cho cơ cấu thuộc địa ở Đông Nam Á bị sụp đổ và sẽ là một vấn đề nghiêm trọng nếu họ giúp sức cho người Pháp. Được trực tiếp nghe Hồ Chí Minh trình bày những việc đã qua và sắp đến của Việt Nam, L.A. Pát-ti không khỏi không quan tâm suy nghĩ, bày tỏ sự khâm phục và đi đến quyết định cộng tác với Hồ Chí Minh trong công cuộc chống phát xít Nhật : "Mặc dù tôi đã tỏ ra khách quan và thận trọng một cách cố ý không để mình dính líu vào những khía cạnh chính trị của vấn đề Đông Dương, nhưng sự chân thành, thái độ thực tế và sự hùng biện của Ông Hồ đã gây cho tôi một ấn tượng rất khó phai mờ... Đây là một con người thông minh, thấu hiểu những vấn đề của đất nước mình, một con người biết điều và tinh tế. Tôi cũng cảm thấy có thể tin cậy Ông như một bạn đồng minh chống người Nhật. Tôi biết mục tiêu cuối cùng của Ông là giành được sự ủng hộ của Mỹ đối với sự nghiệp của nước Việt Nam tự do và thấy rằng ước muốn ấy không trái ngược với chính sách của Mỹ. Từ một quan điểm thực tiễn, ông Hồ và Việt Minh hiện ra như một giải pháp cho vấn đề trước mắt của tôi là tiến hành các hoạt động ở Đông Dương". Chính qua cuộc hội kiến đầu tiên này,

L.A. Pát-ti đã hiểu thêm Việt Minh và tiềm lực của Việt Minh về quân sự, chính trị và những gì mà tổ chức này có thể làm được, thậm chí cả những gì đang cần phải có thêm cho công cuộc kháng Nhật của Việt Minh ! Do đó, không chỉ là sự đồng tình về nhận thức mà phải bằng hành động ủng hộ thiết thực, L.A. Pát-ti khẳng định : "Tất cả những gì tôi phải làm là làm thế nào để cho người của Ông ở Côn Minh biết đang cần những gì và Ông mong muốn những thứ đó sẽ được cung cấp". Vì vậy, L.A. Pát-ti đã kết luận cuộc gặp gỡ đó "sẽ mang lại nhiều điều tốt lành " Chính vì vậy, chiều ngày 16-7-1945, toán quân mang biệt hiệu Con Nai (DEER), do thiếu tá Tô-mát chỉ huy, đã nhảy dù xuống làng Kim Lung (Tuyên Quang), được Việt Minh đón tiếp rất nồng hậu. Cũng theo L.A. Pát-ti : "Trong 7 tuần lễ ở đây, Tô-mát và các chuyên viên người Mỹ đã để ra 4 tuần lễ để huấn luyện cho khoảng 200 giải phóng quân về việc sử dụng vũ khí Mỹ mới nhất và chiến thuật du kích". Và L.A. Pát-ti cho rằng: "... ông Hồ đã thành công một cách cực kỳ khéo léo trước nhân dân của Ông, trong việc đề cao nhiệm vụ nhỏ bé của toán "Con Nai" lên thành một nhân tố tâm lý kỳ diệu". Gần tròn 4 tháng sau, ngày 22-8-1945, L.A. Pát-ti từ Côn Minh đến Hà Nội với tư cách là Trưởng phái bộ Đồng minh nhưng chỉ là cố vấn quân sự cho "đại diện duy nhất của Đồng minh phụ trách tiếp nhận đầu hàng (của phát xít Nhật - T.G) ở miền Bắc Đông Dương sẽ là người Trung Quốc", không có nhiệm vụ chính trị và không có quyền đại diện Chính phủ Mỹ trong các vấn đề quốc tế. Tuy nhiên, L.A. Pát-ti cũng hé mở một thông tin với Hồ Chí Minh là : "Toán OSS của chúng tôi đã trở thành một trung tâm quyền lực của Đồng minh" tại Việt Nam. Từ thời điểm trên đến hết đợt công vụ ở Hà Nội đã diễn ra nhiều cuộc hội kiến, đối thoại giữa L.A. Pát-ti với Hồ Chí Minh - Chủ tịch Chính phủ lâm thời, trong bối cảnh nước ta đang phải đối mặt với những thử thách "một mất một còn" về nhiều mặt nhưng chủ yếu vẫn là nạn thù trong giặc ngoài đang lăm le lật đổ chính quyền cách mạng. Được trực tiếp quan sát tình hình trật tự an ninh và chứng kiến không khí sôi nổi, lạc quan của nhân dân Hà Nội chỉ mới sau ba ngày giành được chính quyền từ trong tay bọn xâm lược, L.A. Pát-ti đã thừa nhận : Trong điều kiện của tháng Tám năm 1945, Ông Hồ đã biến được những tiềm năng hạn chế của mình thành thắng lợi trong một câu chuyện thật giống như thần thoại. Chính vì vậy, vào ngày chủ nhật đầu tiên đến Hà Nội, khi nhận được lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, L.A. Pát-ti đã vui vẻ đến gặp Người. Cuộc hội kiến kéo dài suốt hai tiếng đồng hồ nhằm soát lại những sự kiện từ lần gặp đầu tiên, để cùng nhau nắm được tình hình mới. L.A. Pát-ti kể lại : "... nhưng Ông Hồ không chỉ lo lắng về người Pháp không thôi, Ông còn gặp khó khăn với những mưu toan của người Anh và Trung Quốc. Ông nói một cách thông thạo về sự hợp tác Pháp - Anh ở Lào, Cam-pu-chia và Nam Bộ. Trong các khu vực này, rõ ràng quyền lợi của Anh trùng với mục tiêu của Pháp và với mục đích lâu dài nhằm khôi phục khu vực thuộc địa trước chiến tranh của họ ở Đông Nam Á. Còn đối với người Trung Quốc, Ông Hồ xác định lợi ích của họ chính là những vụ "trấn lột về chính trị", có tin từ Trùng Khánh cho biết Quốc Dân Đảng (Trung Quốc) đang xúc tiến thương lượng với Chính phủ Pa-ri về nhiều vấn đề đặc quyền ở Đông Dương và Ông Hồ tin chắc rằng hoạt động của các cường quốc Pháp - Anh - Trung Quốc sẽ gây nguy hại cho sự toàn vẹn của phong trào giải phóng dân tộc". Không những thế, Người còn hiểu "một cách tinh vi, đã liên tưởng đến những rối loạn mà quân đội chiếm đóng Tưởng có thể gây ra nếu như họ cướp bóc lan tràn và lộng hành đối với dân chúng, Ông yêu cầu tôi báo trước cho Đồng minh về những khả năng này và tôi đã hứa sẽ làm đầy đủ". Mặc dầu, L.A. Pát-ti cho rằng những vấn đề đó giải quyết không dễ dàng và cũng chỉ có thể tác động được rất ít. Một vấn đề khác, trong cuộc gặp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh và L.A. Pát-ti cũng đã trao đổi khá lâu, theo L.A. Pát-ti, có ý nghĩa rất quan trọng : Ông Hồ cảm thấy khẩn thiết phải tìm được cách làm cho Đồng minh chú ý đến chính phủ của Ông trước khi quân chiếm đóng của họ tới, vì chính phủ duy nhất hợp pháp lúc bấy giờ là Chính phủ lâm thời của Ông. Đồng thời Ông báo cho tôi biết rằng đúng vào lúc đó, một phái đoàn của Chính phủ đã lên đường đi Huế để tiếp nhận sự thoái vị của Bảo Đại. Và sau đó, Ông dự định sẽ công bố một bản Tuyên ngôn Độc lập, thành lập một nội các, đưa ra một chính phủ hoàn chỉnh và tranh thủ cho được sự công nhận của quốc tế. Khi được hỏi ý kiến về vấn đề này, L.A. Pát-ti đã nói : "Tôi không thể phát biểu thay cho Chính phủ, nhưng đưa ý kiến riêng là Mỹ sẽ xem xét lại tình hình dưới ánh sáng của những sự kiện mới". Sau buổi gặp gỡ đó, ngày 1-9-1945, L.A. Pát-ti nhận được điện báo từ hành dinh của tướng Oe-đơ-mây-ơ tỏ thái độ không hài

lòng về hoạt động của OSS từ Việt Nam và cảnh báo phải... bằng bất cứ giá nào tránh được các hoạt động chính trị nếu các hoạt động đó đặt Mỹ vào một thế đứng giữa... Chúng ta có nguy cơ nghiêm trọng là cả phân đội có thể bị gọi về. Nhưng ngày hôm đó, L.A. Pát-ti vẫn giữ lời hứa đến dự cơm thân mật với Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bắc Bộ Phủ. Ông đã ghi lại quyết tâm lớn của Hồ Chí Minh : - Người Việt Nam có nhiệm vụ phải biểu thị cho các nước Đồng minh biết lòng tin tưởng sắt đá và quyết tâm không gì lay chuyển nổi để tự giải thoát mình khỏi "mọi sự cai trị của bên ngoài, dù cho đó là của Pháp, Nhật, Trung Quốc hay bất kỳ ai". Đồng thời, Người cũng đã cho biết tình hình lương thực cực kỳ thiếu thốn, nếu như lại phải cung cấp thóc gạo cho quân đội Tưởng nữa thì "mọi người sẽ chết đói" ! Vì vậy, Người yêu cầu L.A. Pát-ti : "... Cần phải kêu gọi sự chú ý của Chính phủ Mỹ cho tiến hành kiểm tra đối với quân đội chiếm đóng Trung Quốc và yêu cầu người Trung Quốc mua bán chứ đừng trưng thu các vật phẩm và lương thực trong thời gian họ chiếm đóng "để tránh gây ra" tình hình người Việt Nam bắt buộc phải tiến hành chiến tranh với người Trung Quốc để bảo vệ cuộc sống và gia đình họ". L.A. Pát-ti đã thực hiện lời hứa đó với Hồ Chí Minh, nhưng các nhà chức trách Đồng minh không mấy ai chú ý đến. Khi 50 ngàn binh lính của Tưởng Giới Thạch với danh nghĩa là Đồng minh đến miền Bắc nước ta tiếp nhận sự đầu hàng của phát xít Nhật thì tình hình diễn ra đúng như dự báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bởi vậy, trong buổi chiều đãi tướng Tiêu Văn, ngày 10-9-1945 tại Hà Nội, Hồ Chí Minh khẳng định với L.A. Pát-ti một cách cương quyết : "Nếu người Trung Quốc thực sự chống đối lại nền độc lập của Việt Nam, nhân dân Ông nhất định sẽ kháng cự lại bằng vũ khí. Nếu bọn bù nhìn của Trung Quốc đánh vào Việt Minh, nhất định sẽ có nội chiến. Và, nếu sự đe dọa của Pháp trở thành hiện thực sẽ có cuộc chiến tranh toàn diện". Chính vì vậy, L.A. Pát-ti đánh giá : "Tôi cũng thấy ở Ông Hồ một con người yêu hòa bình, mong muốn thương lượng hơn là đánh nhau, mặc dù tôi vẫn tin rằng nếu không có lối thoát, Ông ta sẽ chiến đấu". Những thủ đoạn, âm mưu thâm độc của quân đội Tưởng và sự ráo riết hoạt động chống phá của bọn tay sai là người Việt phản quốc của chúng như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt, Đồng minh Hội... đã làm cho tình hình càng trở nên nghiêm trọng. Tuy vậy, cứ mỗi lần L.A. Pát-ti gặp gỡ Chủ tịch Hồ Chí Minh là một lần lại ghi thêm những kỷ niệm sâu sắc về Người, vì "suốt trong một tuần lễ trước, mỗi lần gặp gỡ Ông Hồ, tôi lại mất dần đi cái cảm giác Ông không còn kiểm soát được trọn vẹn tình hình nữa. Ông đã để lại cho tôi một ấn tượng là nắm rất chắc các sự kiện đang bao vây Ông trước hết là Pháp ở miền Nam, rồi Trung Quốc ở miền Bắc... và vấn đề thường trực là tình hình kinh tế nguy ngập. Mọi sự đều không phải là tốt đẹp cho Việt Minh cũng như cho Việt Nam. Vì vậy, trong "Ông già" là cả một mớ các cuộc đấu tranh. Mắt ông lóe sáng vì thích thú và vì giận dữ. Nhưng bao giờ cũng giữ được chủ động một cách thích đáng". Về vấn đề này, L.A. Pát-ti phải thừa nhận rằng : "Ông Hồ có một bộ máy chính trị được tổ chức hoàn hảo, một chính phủ đang tồn tại và được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân, kể cả những người không phải là cộng sản". Đó chính là niềm kiêu hãnh của Hồ Chí Minh và Việt Minh. Vào buổi chiều đúng ngày viên tướng người Anh, Gờ-ra-xi, đến Sài Gòn với đại bộ phận quân đội của ông ta (gồm Sư đoàn 20 của Ấn Độ và Trung đoàn 5 RIC của Pháp), L.A. Pát-ti và Hồ Chí Minh lại cùng nhau đàm đạo xung quanh tình hình Nam Bộ và việc Pháp núp sau quân Anh trở lại Việt Nam. Theo L.A. Pát-ti kể lại : ... Có lúc Ông Hồ đã đến mức phải nói là "cuộc chiến tranh không tuyên bố" đã bắt đầu giữa Pháp và Việt Nam, và "cuộc xung đột công khai cũng không còn xa nữa" hoặc đã "triển khai kế hoạch hoạt động chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh lâu dài chống người Pháp". Ngoài ra, L.A. Pát-ti còn biết được những tin tức khá gây sừng sốt : ... Một cách bình thường, Ông Hồ nêu ra ý kiến là một "chính phủ bù nhìn Trung Quốc tạm quyền" cũng có thể chấp nhận được. Điều đó sẽ cho phép Ông và các trợ thủ chủ yếu của Ông "rút lui vào bung biển để lãnh đạo cuộc đấu tranh", trong khi đó thì một người như Trần (Nguyễn Hải Trần - TG) chẳng hạn cùng với một số ít Việt Minh tiêu biểu sẽ ở lại Hà Nội trong một Chính phủ do Trung Quốc đỡ đầu ở Hà Nội". Về vấn đề này, L.A. Pát-ti đã đánh giá : "Kế hoạch của Ông một phát nhằm đạt hai mục đích. Nó vừa có thể duy trì được sự ủng hộ của người Trung Quốc (tức là Đồng minh) ; nó lại cho phép Ông Hồ và Việt Minh được tự do hành động để đánh Pháp mà không gây thiệt hại cho sự đấu tranh giành độc lập của Việt Minh". Do đó, khi báo cáo với tướng Gan-lơ-ghơ về sự kiện trên, L.A. Pát-ti cho rằng : "ông Hồ muốn ngăn ngừa đổ máu và ra mắt Đồng minh với

hình ảnh của một Chính phủ có trách nhiệm...". Chính trong buổi gặp gỡ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh biết tin L.A. Pát-ti sắp kết thúc đợt công vụ ở Việt Nam, và buổi từ biệt cũng đã đến. Đó là ngày 30-9-1945. Chủ tịch Hồ Chí Minh mời L.A. Pát-ti đến dự cơm thân mật tại Phòng khách Bắc Bộ Phủ cùng với các cộng sự gần gũi của Người. Sau đó, hai người nói chuyện riêng từ tối cho mãi tới đêm khuya. Hồ Chí Minh coi L.A. Pát-ti "như là một người bạn rất đặc biệt có thể thổ lộ tâm tình", còn L.A. Pát-ti thì bị thu hút khá mạnh bởi cái triết lý của cá nhân Hồ Chí Minh nên không hề ngắt lời "dù chỉ với một câu hỏi". Một trong những vấn đề lớn thường được đàm đạo đó là : Thái độ của chính phủ Mỹ với công cuộc giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam ? Nhớ lại cuộc đối thoại này, L.A. Pát-ti viết : "*Ông không thể nào hiểu được rằng Mỹ, một nước nổi tiếng chống chủ nghĩa thực dân mà lại làm ngơ và cho phép Anh và thậm chí cả Trung Quốc giúp Pháp trong mưu đồ nhằm áp đặt lại chế độ thuộc địa ở Việt Nam. Ông nói chẳng ai mù mà không thấy được sự thật hiển nhiên là quân đội Pháp được Mỹ trang bị và tiếp tế, sớm muộn sẽ xâm chiếm Lào, Cam-pu-chia, Trung Kỳ và cả Bắc Kỳ nữa*". Nhìn xa hơn nữa, Ông Hồ đã chỉ rõ : "*Điều đó, họ phải trả bằng một giá đắt*". Bởi vì : "*... Chủ nghĩa thực dân là một thứ đã thuộc về quá khứ. Đã gần một thế kỷ nay, chế độ thuộc địa của bất cứ một nước nào, ngay cả những cường quốc hào phóng nhất, cũng đã thể hiện là một chế độ áp bức và lạc hậu. Nhân phẩm con người bị hủy hoại, nền thịnh vượng quốc gia bị tước đoạt ngoài sức tưởng tượng. Nay đã đến lúc phải thay đổi*". Cảm nghĩ vừa tề nhị và không kém phần sâu sắc về buổi tiễn biệt này, L.A. Pát-ti ghi nhận hình ảnh Hồ Chí Minh trong trái tim mình : "*Ông hiện ra mỏng mảnh đây nhưng thực tế thật là bất khuất*". Các cuộc đối thoại giữa L.A. Pát-ti - Hồ Chí Minh đã dừng lại, khi viên thiếu tá tình báo này kết thúc nhiệm vụ tại nước ta, vào cuối tháng 9-1945. Phải đợi đến hơn ba thập kỷ sau, khi công cuộc giải phóng dân tộc của nhân dân ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn vào năm 1975, vấn đề đó mới được hé mở công khai một cách sinh động, hấp dẫn và nghiêm túc trong tác phẩm *Tại sao Việt Nam ? (WHY VIETNAM ?)* của chính L.A. Pát-ti. Ngay trong lời tựa đề, L.A. Pát-ti đã bày tỏ tình cảm chân thành và ước muốn của mình : "*Khi kể lại cuộc nói chuyện riêng giữa tôi và Hồ Chí Minh, tôi chỉ muốn chuyển đến người đọc một vài suy nghĩ sâu sắc nhất của tôi về nhà cách mạng bí ẩn đó cùng với những khát vọng đối với nhân dân, đối với tiền đồ đất nước Việt Nam mới mẻ của Ông - Đã có nhiều người Việt Nam coi cuộc rút lui vừa qua của can thiệp quân sự Mỹ ở Việt Nam như là trận thất bại cuối cùng của chủ nghĩa thực dân trên đất nước họ. Nhưng từ năm 1945, Hồ Chí Minh đã thấy rất rõ rằng dân tộc của Ông sẽ còn vấp phải vô vàn khó khăn trong sự nghiệp giải phóng đất nước khỏi sự đô hộ của kẻ thù*". Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam - Danh nhân văn hóa thế giới, một Con Người giàu lòng Nhân ái và trọng Nghĩa tình đã giới thiệu với các cộng sự của mình về L.A. Pát-ti khi ông đến Hà Nội năm 1945 như sau : "*Người bạn Mỹ đến từ Oa-sinh-ton của chúng ta*". Bài viết này muốn góp phần tìm hiểu đôi điều về tư tưởng lớn, nhân cách lớn và những dự báo tài tình của Hồ Chí Minh từ những năm 1945 về cách mạng Việt Nam.

.....

Dự báo chiến lược của Hồ Chí Minh qua các cuộc đối thoại với một người bạn Mỹ / Nguyễn Kim Thành, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam

KỶ NIỆM NGÀY NAM BỘ KHÁNG CHIẾN: 23/9/1945 – CHƯƠNG TRÌNH THỜI SỰ ĐỘT XUẤT ĐẦU TIÊN

Cứ mười, mười lăm phút chúng tôi nhắc lại câu “Đề nghị đồng bào đừng rời máy thu thanh, đêm nay sẽ có tin đặc biệt quan trọng thông báo trên đài”.

Nếu như ông Trần Lâm không bị chấn thương đùi trong một lần ngã thì chắc lúc kể chuyện ông sẽ đi đi lại lại, tay vung, miệng nói sôi nổi như thời giao ban tuyên truyền ở 58 Quán sứ. Lúc này, khổ nổi, cái chân làm mệt cái tay, bởi cái chân đau nằm yên, cứng ngắt

trên ghế nên hai tay ông hét giờ cao liền hạ xuống thấp, rồi khoanh vòng tròn trên mặt bàn lưng cũng chén uống nước.

Ông bảo, có thể mới diễn tả được tình hình, không khí chính trị thời bấy giờ, tức là tình hình đất nước sau cách mạng tháng Tám thành công: “Đại thể là ngay trong khi tiến hành khởi nghĩa, giành chính quyền cách mạng thì nhân dân Sài Gòn- Chợ Lớn đã chống lại âm mưu xâm lược của thực dân Pháp rồi”. **Khí thế cách mạng sục sôi** Ngày 2/9/1945, giữa lúc 50 vạn nhân dân Sài Gòn họp mít tinh mừng ngày Độc lập, thì một số tên Pháp nấp trong nhà thờ Đức bà xả súng, làm 47 người chết, nhiều người bị thương. Hành động láo xược của bọn chúng đã gây công phẫn trong các tầng lớp nhân dân. Mười giờ đêm 4/9, công nhân Sài Gòn kéo đến trụ sở Tổng Công đoàn Nam bộ tổ chức mít tinh, biểu dương lực lượng và tuyên thệ: “Là chiến sỹ xung phong công đoàn, xin thề trước bàn thờ Tổ quốc: quyết cùng anh em lao động không nản chí trước khó khăn, không lùi bước trước nguy hiểm để cùng đồng bào bảo vệ Tổ quốc, gìn giữ non sông”. Nghe thông tin qua các đài quốc tế, tin tức từ các địa phương gửi về cho thấy tình hình đất nước như ngàn cân treo sợi tóc.

Đêm 22 rạng ngày 23/9/1945, dựa vào thế lực quân đội Anh, được Đồng minh phân công vào trước khí giới quân đội Nhật ở miền Nam và trên 5.000 lính Nhật, thực dân Pháp nổ súng tiến công Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta một lần nữa. Sáng ngày 23/9, Xứ ủy và Ủy ban hành chính Nam bộ họp hội nghị tại đường Cây Mai, Chợ Lớn. Ông Hoàng Quốc Việt thay mặt Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh tham dự. Lúc này không khí Sài Gòn căng thẳng đến cực độ. Công nhân, học sinh, sinh viên, các lực lượng vũ trang kiên quyết đòi đánh. Nhân dân toàn thành phố nín thở chờ mệnh lệnh chiến đấu.

Nhờ ở cùng khu nhà với Trung tâm Thụ tin Trung ương (BCR) nên ông Trần Lâm biết được bức điện khẩn của Chủ tịch Ủy ban hành chính Nam bộ Phạm Văn Bạch gửi Chính phủ báo cáo nhanh sự kiện quân đội Pháp núp sau lưng quân Anh tấn công Sài Gòn và xin Chỉ thị của Chính phủ.

Giữ thính giả cho chương trình Thời sự đặc biệt

Ông Trần Lâm kể lại: Lúc nhận được điện khoảng tám giờ rưỡi tối, sắp kết thúc toàn bộ chương trình phát thanh trong ngày, vào 9 giờ tối. Tôi liền viết thư cho anh Hoàng Hữu Nam, Chánh văn phòng của Chính phủ, đồng thời là trợ lý của Bác Hồ, gửi kèm bức điện thượng khẩn của BCR. Tôi báo tin cho anh Hoàng Hữu Nam biết là Đài Tiếng nói Việt Nam sẽ kéo dài để giữ thính giả cho đến khi nào nhận được Chỉ thị của Chính phủ trong đêm, dù khuya đến mấy.

Gửi thư đi rồi tôi lo quá, ruột gan nóng cồn cào. Không biết đến bao giờ mới nhận được Chỉ thị của Chính phủ. Suốt trong thời gian ấy đọc cái gì để giữ được thính giả bên máy thu thanh? Trong phòng thu lúc ấy có tôi, chị Ngân, anh Nhất, anh Xuyên và anh Lâm công nhân truyền âm. Sau khi hội ý chớp nhoáng anh Xuyên cấp tốc về lấy cuốn Lên án chủ nghĩa thực dân bằng tiếng Pháp ở tủ sách của Bộ Tuyên truyền. Tôi và anh Xuyên gỡ ra từng tờ, xem lướt qua một lượt rồi thay nhau ngồi trước micro trực tiếp dịch ra tiếng Việt và đọc thẳng lên sóng. Trong khi người này dịch đọc thì người kia chuẩn bị trang tiếp, cứ thế chúng tôi thay nhau dịch, đọc hết cuốn sách.

Xen kẽ, anh Nhất viết nhanh những bài bình luận kể tội thực dân và cổ vũ, động viên tinh thần yêu nước của nhân dân ta, đặc biệt là đồng bào Nam bộ. Trong khi chị Ngân, anh Nhất thay nhau đọc bình luận, tôi và anh Xuyên tranh thủ nghỉ lấy hơi. Thời gian chậm chạp trôi, tài liệu cạn dần, tôi nghĩ ngay đến một số đĩa hát ít ỏi trong studio, nhưng xem ra toàn là bài hát bằng tiếng Tây và hát á đào (ca trù) không thể dùng trong chương trình đặc biệt như thế này. Cứ mười, mười lăm phút chúng tôi nhắc lại câu “Đề nghị đồng bào đừng rời máy thu thanh, đêm nay sẽ có tin đặc biệt quan trọng thông báo trên đài”.

Chúng tôi nghe chăm chú, ông Trần Lâm cũng nghỉ lấy hơi, gian phòng như lắng đọng vào hồi tưởng. Ông Trần Lâm bảo, sau này mới biết: nhận được điện hỏa tốc của Chủ tịch Ủy ban hành chính Nam bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thường vụ Trung ương Đảng họp khẩn cấp ở Bắc Bộ phủ nhất trí cao với quyết tâm của Xứ ủy và Ủy ban hành chính Nam bộ. Hội nghị hạ quyết tâm tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ nền độc lập tự do vừa giành được và kêu gọi nhân dân cả nước chi viện sức người, sức của cho

Nam bộ. Thường vụ Trung ương Đảng quyết định thành lập những đơn vị Nam tiến. Ông Trần Lâm kể tiếp:

“Khoảng một giờ sáng ngày 24/9 giao thông hỏa tốc của Phủ Chủ tịch đem đến Đài bức điện khẩn của Chính phủ chỉ thị cho Ủy ban hành chính Nam bộ, kêu gọi đồng bào Nam Bộ nhất tề đứng dậy kháng chiến. Chị Dương Thị Ngân và anh Nguyễn Văn Nhất đọc đi đọc lại Chỉ thị lịch sử này trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam. Ông Lâm khẳng định: Đây thực sự là một chương trình thời sự đột xuất, chưa từng có, gây xúc động lớn cho đồng bào và chiến sỹ cả nước.”

Lắng nghe lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch Ông Nguyễn Văn Nhất nhớ lại: lúc ấy chúng tôi ở trong phòng thu nên không biết không khí Hà Nội như thế nào. Anh em bảo vệ khu vực Đình Lễ nói lại là dưới các loa phóng thanh của phòng Thông tin Tràng Tiền đồng bào tụ họp rất đông, chăm chú, hồi hộp lắng nghe. Ông Trần Văn Hà, phụ trách phòng thông tin cho biết, dưới các ban công có loa phóng thanh, nhân dân trật tự nghe thông báo của Đài Tiếng nói Việt Nam. Nhiều gia đình khá giả có máy thu thanh nhỏ đều đặt ở cửa sổ để nhiều người cùng nghe. Ngay đêm hôm đó, tin tức từ các địa phương điện về cho biết, nhiều nơi, chiến sỹ và đồng bào chăm chú theo dõi buổi phát thanh đột xuất của Đài truyền đi Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng và Chính phủ cho Xứ ủy và Ủy ban hành chính Nam bộ tiến hành kháng chiến.

Đến trưa ngày 26/9, Đài TNVN nhận được văn bản thư của Hồ Chủ tịch gửi đồng bào Nam Bộ:

“Hỡi đồng bào Nam Bộ!

Nước ta vừa tranh quyền độc lập, thì đã gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật, thì thực dân Pháp hoặc đầu hàng hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai mò lại. Trong 4 năm, họ đã bán nước ta 2 lần. Nay họ muốn thống trị dân ta lần nữa.

Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam bộ.

Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của nhà đại cách mạng Pháp: “Thà chết tự do hơn sống nô lệ”.

Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sỹ và nhân dân đang hy sinh đấu tranh để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng, tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng.

Tôi chỉ muốn dặn đồng bào Nam Bộ một lời: “Đối với những người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới, trước hết là làm cho dân Pháp biết rằng: chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước.

Nước Nam độc lập muôn năm.

Đồng bào Nam Bộ muôn năm.”[1]

Bức thư ngắn gọn, súc tích, đầy tâm huyết của Bác Hồ được phát đi phát lại nhiều lần cùng với tin tức, bình luận cổ vũ đồng bào, chiến sỹ Nam Bộ kháng chiến. Ông Trần Lâm sôi nổi: không khí chính trị và không khí làm việc lúc ấy như hòa làm một, nó cứ bùng bùng, cứ rạo rạo, dùng từ thế nào cho trúng nhỉ? À phải rồi, phải nói là khí thế, đi đứng cũng khí thế, nói năng cũng khí thế, làm việc cũng khí thế, bài vở lại càng khí thế. Ngôn từ bình luận khí thế thì phải kể đến anh Nhất là nhất, thế a mà!

Với khí thế bùng bùng của Cách mạng tháng Tám, với lòng căm thù giặc cao độ, với triệu triệu con tim hướng về đồng bào Nam Bộ, đồng bào miền Bắc coi việc chi viện cho tiền tuyến miền Nam là tình cảm và nghĩa vụ thiêng liêng. Những ngày này, Đài TNVN tập trung

bài vở cổ vũ mạnh mẽ phong trào thanh niên miền Bắc nô nức vào chi viện cho miền Nam, gọi là “phong trào Nam tiến”.

Tôi hỏi nhỏ: “Đài mình có ai Nam tiến không ạ?” Ông Trần Lâm nói to: “Có chứ! Lúc ấy ở Đài mình, người rất ít, nhất là phóng viên, biên tập viên lại càng hiếm, nhưng đài cũng cử hai phóng viên xông xáo nhất, giỏi nhất là anh Hoàng Tuấn và anh Nguyễn Văn Nhất tham gia phong trào Nam tiến để viết tin, phóng sự tại chỗ chuyên về kịp phát sóng”.

Vẫn giọng sôi nổi, ông Trần Lâm kể tiếp: Trong lúc bận rộn như thế thì may quá, anh Hải Triều từ miền Trung ra công tác ngắn ngày ở Bộ Tuyên truyền, liền tham gia viết bình luận cho Đài TNVN, đặc biệt là anh có giọng văn bình luận quốc tế rất sắc sảo, tăng thêm tính chiến đấu, thêm khí thế cho làn sóng đài Quốc gia trong những ngày đầu Nam bộ kháng chiến./.

[1] Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4- tr 27, 28 – NXB Chính trị Quốc gia – 1995.

.....

*Kỷ niệm Ngày Nam bộ kháng chiến: 23/9/1945- Chương trình Thời sự đột xuất đầu tiên /
 BTK-theo VOV*

PHÁT HUY TINH THẦN “DIỆT GIẶC ĐỐT” TRONG NĂM ĐẦU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, ĐỂ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP Ở NƯỚC TA

(ĐCSVN)- Đảng ta chủ trương xây dựng xã hội học tập là nhằm mục tiêu cách mạng: nâng cao dân trí, làm cho Việt Nam trở thành một dân tộc thông thái; điều này luôn đóng vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển lịch sử dân tộc; ở những thời điểm đặc biệt nó còn có ý nghĩa như một điểm tựa cho sự tồn vong của thể chế chính trị.

Muốn nâng cao dân trí thì trước hết Đảng và Nhà nước cần phải biết khơi dậy trong nhân dân tinh thần ham học mang tính mục tiêu cách mạng: học vì mình, học vì đất nước; điều này đã được thể hiện rất rõ trong năm đầu sau thắng lợi của Cách mạng mùa thu năm 1945.

Sau khi lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công, Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những kế sách cực kỳ trí tuệ để giải quyết vấn đề dân trí, góp phần quan trọng vào công cuộc chống thù trong giặc ngoài, xây dựng và bảo vệ chính quyền non trẻ. Khi đó, với một nền dân trí rất thấp (hơn 95 % dân số mù chữ) lại đứng trước nguy cơ phải hứng chịu một nạn đói mới, đối mặt với họng súng của rất đông kẻ thù; trong tình cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” như vậy, Đảng và Hồ Chí Minh đã xác định đúng nguy cơ của từng loại kẻ thù, từ đó lựa chọn sự hoà hoãn, tạm lùi có sách lược ở những mức độ khác nhau trước từng kẻ thù ngoại xâm, nhưng lại kiên quyết tiến lên chống lại giặc đốt. Sự quyết tâm tiến hành đẩy mạnh cách mạng trong lĩnh vực văn hóa – xã hội đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh ý thức hết sức sâu sắc rằng “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Việc lựa chọn diệt giặc đốt như một mặt trận lớn là thể hiện nhận thức của Đảng, Hồ Chí Minh trong vấn đề giác ngộ, vận động cách mạng, đưa quần chúng nhân dân (vốn là nạn nhân của chính sách ngu dân do thực dân Pháp để lại) vào đời sống chính trị của đất nước. Vì rằng nếu dân không đọc, không biết viết thì làm sao có thể nắm được thông tin Cách mạng, làm sao thực hiện được quyền dân chủ. Nhiệm vụ diệt dốt là một nội dung lớn mà Cách mạng dân tộc dân chủ phải tiến hành, chính điều này đã được Nguyễn Ái Quốc nêu trong yêu sách gửi đến Hội nghị Vec Xay (năm 1919), tiếp tục được nhấn mạnh trong Chương trình hành động của Mặt trận Việt Minh nêu lên ngay trước thềm cuộc Tổng khởi nghĩa; và tại phiên họp đầu tiên của

Chính phủ Lâm thời (3-9-1945), Hồ Chí Minh đã nêu 6 nhiệm vụ cấp bách, trong đó nhấn mạnh: “Hai là, mở chiến dịch chống nạn mù chữ”. Sở dĩ Người nhấn mạnh như vậy là vì nếu như dân trí được nâng cao sẽ là tiền đề mở lối cho những tư tưởng Cách mạng thấm nhuần vào quần chúng nhân dân, góp phần tôn thêm nền móng vững chắc để chính quyền non trẻ vừa mới ra đời có thể vượt qua những thử thách sống còn.

Trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt sau khi Tuyên bố độc lập, Đảng và Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo tư tưởng “chiến tranh nhân dân” để tạo nên sức mạnh của một dân tộc, nhằm đẩy lùi giặc dốt - một thứ giặc mà thực dân Pháp đã sử dụng như một công cụ ngu dân để dễ bề cai trị (cho dù kẻ cai trị tự xưng là “nước Mệ” đi khai hóa văn minh cho xứ An Nam). Một đất nước đang lâm vào tình thế kiệt quệ về kinh tế, lạc hậu về văn hóa xã hội và rối ren về chính trị, mà phải thực hiện sứ mệnh bảo vệ thành quả vô giá do cuộc Tổng khởi nghĩa mang lại là Chính quyền Cách mạng. Đây cũng là mục tiêu mà ta phải bằng mọi cách để bảo vệ, còn địch bằng mọi mưu ma chước quỷ để hòng tiêu diệt. Kẻ thù có vũ khí hiện đại cùng sự vào hùa của nhiều thế lực phản cách mạng trong và ngoài nước, còn chúng ta chỉ biết dựa vào sức mạnh và ý chí của nhân dân, song nếu không có tài trí của một chính Đảng và một vị Lãnh tụ lỗi lạc thì chắc không thể nào khơi dậy được sức mạnh tiềm ẩn trong muôn dân.

Lịch sử dân tộc đã từng cho thấy sức mạnh của cả một dân tộc được trỗi dậy mỗi khi có giặc ngoại xâm, mà tiêu biểu nhất là trong kháng chiến chống giặc Mông- Nguyên, chống giặc Minh, nhưng chưa từng thấy sự trỗi dậy của toàn dân trong cuộc chiến chống giặc dốt, vậy mà trong năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám, chúng ta đã thấy được sự vươn lên kỳ diệu của những thân phận mới vừa cách đó không lâu vốn còn là nô lệ nghèo hèn. Sự vươn lên ấy được khởi nguồn từ phương châm cách mạng giáo dục rất giản dị mà sâu sắc của Hồ Chí Minh: những người biết chữ dạy người chưa biết chữ, những người chưa biết chữ ra sức học cho biết chữ.

Thế là đêm đêm, sau một ngày lao động mệt nhọc trên đồng ruộng để đẩy lùi giặc đói, những người mặc áo nâu đi chân đất lại thấp đuốc, cầm đèn, cắp sách đi tìm con chữ trong những căn nhà ọp ẹp đơn sơ, khắp mọi xóm thôn vang lên tiếng đọc đánh vần, mà nào ai có hay ở đâu đó kẻ thù vẫn đang rình. Cứ như vậy, sự học được nhân lên trong từng nhà và lan ra tới cả những không gian bên ngoài lớp học bình dân, sự học được mọi người nhận thức và thực thi như một nghĩa vụ dưới nhiều hình thức có một không hai trong lịch sử dân tộc: trẻ chăn trâu tập viết dưới đất, bảng chữ cái được đặt dưới gốc cây gần ruộng làng để mọi người ra đồng có thể đọc vần, còn trước công chợ cũng treo mấy con chữ làm đề thi sát hạch, ai không đọc được thì phải quay về hoặc chui rập mình qua cây tre, thậm chí thanh niên còn phải lội vòng qua ruộng mà vào chợ... Nhờ có tinh thần cách mạng của dân ta thuở ấy mà chỉ trong 1 năm, giữa muôn vàn khó khăn, gian khổ, không trường lớp, không đội ngũ giáo viên chính qui, không có kinh phí đầu tư của nhà nước... vậy mà dân ta đã xóa được nạn mù chữ. Chính điều đó đã củng cố thêm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, để giữ vững nền độc lập non trẻ và tiếp tục bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, đưa dân tộc ta từng bước tiến tới đài vinh quang trong sự nghiệp chống ngoại xâm, đánh bại 2 đế quốc to trên thế giới.

Cha ông ta thường dạy “ôn cố tri tân” (đại ý là: ôn lại chuyện xưa để biết vận dụng cho cuộc sống thực tại), vậy nên nhắc lại những bài học kinh nghiệm về giáo dục trong năm đầu sau cách mạng Tháng Tám không nhằm bắt con cháu ta thời nay phải khắc khổ đi học, mà chỉ mong muốn dân ta hãy học lại bài học kinh nghiệm sâu sắc mà Đảng, Hồ Chí Minh vận dụng thành công trong một thời khắc lịch sử đặc biệt.

Trên nền tảng ấy, trong suốt chiều dài 63 năm qua Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng kế thừa, phát huy những bài học quý báu nêu trên vào việc đề ra chủ trương, đường lối, chính sách phát triển giáo dục phù hợp trong từng thời kỳ lịch sử. Do vậy, dù trong chiến tranh vệ quốc hay dưới thời bình, dù kinh tế còn nghèo nàn, nhưng chúng ta đã giáo dục và

đào tạo được thế hệ trẻ biết tiếp bước xứng đáng với lịch sử hào hùng của dân tộc và mang tầm trí tuệ thời đại. Trong hơn 2 thập kỷ đổi mới đất nước, cùng với sự đi lên của kinh tế - xã hội, nền giáo dục nước ta đã đạt được những thành tựu rất đáng tự hào: hoàn thành xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đang tiến hành phổ cập giáo dục THCS; mạng lưới trường lớp từ mầm non đến đại học phủ khắp mọi miền; hàng năm có khoảng một phần tư số dân trong độ tuổi học đường được đi học; giáo dục miền núi và những vùng khó khăn, nhất là đối với vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số luôn được quan tâm, ưu tiên; truyền thống hiếu học của dân tộc được nhân lên trong nhân dân, sự quan tâm và chăm lo giáo dục thế hệ trẻ đã đi sâu vào mỗi gia đình, nâng cao tinh thần hiếu học, tạo ra phong trào khuyến học sâu rộng trong toàn quốc.

Tuy nhiên, trước yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, nền giáo dục nước nhà đã và đang bộc lộ những bất cập, yếu kém (“bệnh thành tích ảo”, sự lạc hậu về chương trình nội dung và phương pháp giáo dục, nạn mua bằng bán điểm, chạy trường, chạy lớp; nạn bạo lực học đường; nguy cơ phân cực về cơ hội học tập của trẻ em), đang làm xói mòn niềm tin của nhân dân. Trước tình hình đó, đòi hỏi phải chấn hưng giáo dục, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, để từng bước thực hiện hoài bão lớn lao, tốt cùng của Hồ Chí Minh: “dân ta ai ai cũng được học hành”. Để thực hiện được ước vọng của Người, Đảng ta đã chủ trương chuyển từ nền giáo dục tập trung bao cấp sang một nền giáo dục mở, tạo cơ hội cho mọi người được học tập suốt đời. Nền giáo dục mở chính là tiền đề rất quan trọng để xây dựng xã hội học tập, mô hình này đòi hỏi phải thiết kế lại hệ thống giáo dục quốc dân, xác lập cơ chế quản lý mới, xây dựng chương trình và phương pháp giáo dục hiện đại, có tính liên thông giữa các bậc học, cấp học. Nhưng mọi ý tưởng đều sẽ chỉ là ảo tưởng nếu như mỗi nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho xứng tầm với giáo dục hiện đại; và đặc biệt là mỗi học sinh, sinh viên không tự mình thắp sáng ngọn lửa hiếu học trên lộ trình học để làm người, học để nuôi sống bản thân, học để làm giàu cho đất nước.

Đó là sự tiếp nối ngọn lửa tinh thần “diệt giặc dốt” đã được nhân dân ta đốt lên trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám.

Tất thảy đó sẽ là sự nỗ lực vì mục đích xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Phát huy tinh thần “diệt giặc dốt” trong năm đầu sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, để xây dựng xã hội học tập ở nước ta / TS. Trần Việt Lưu - Phó vụ trưởng Vụ Giáo dục và Đào tạo, Dạy nghề Ban Tuyên giáo Trung ương

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG LÀ NHÂN TỐ CÓ TÍNH QUYẾT ĐỊNH THẮNG LỢI CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

(ĐCSVN)- Cách mạng tháng Tám (CMTT) thắng lợi vĩ đại là do nhiều nhân tố hợp thành. Một trong những nhân tố có tính quyết định thắng lợi đó là vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Hồ Chí Minh sáng lập.

Chưa kể thời kỳ hoạt động của các tổ chức cộng sản thân thân, để giành được chính quyền cả nước trong vòng 12 ngày đêm Tổng khởi nghĩa (TKN), Đảng ta đã phải trải qua 15 năm hoạt động, lãnh đạo thắng lợi liên tiếp mấy cao trào cách mạng với nhiều chiến tích anh hùng, trải qua với bao khó khăn gian khổ và hy sinh.

Suốt 15 năm đấu tranh để giành chính quyền, giành độc lập dân tộc, biết bao đảng viên ưu tú của Đảng, nhiều chiến sĩ cách mạng đã bị thực dân Pháp xử bắn, hoặc bị tra tấn dã

man mà hy sinh trong các nhà tù, nhà đày: Hỏa Lò (Hà Nội), Khám Lớn (Sài Gòn), Sơn La, Lao Bảo, Kon Tum, Buôn Ma Thuột và Côn Đảo...

Đến khi phát động cao trào chống Nhật, cứu nước làm tiền đề cho TKN, cũng là lúc nạn đói khủng khiếp do phát xít Nhật - Pháp gây ra đã giết chết hơn hai triệu đồng bào ta, trong đó có không ít đảng viên của Đảng và cán bộ Việt Minh. Nhiều đảng viên, chiến sĩ Việt Minh, cả Tổng bí thư Trường Chinh và các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương đang hoạt động ở ATK thuộc vùng trung du và đồng bằng sông Hồng phải nhịn đói, chịu rét, ăn rau, củ chuối bám sát phong trào, lãnh đạo nhân dân tích cực thực hiện chủ trương khởi nghĩa từng phần (KNTP), phá kho thóc của giặc Nhật và bọn Việt gian cứu đói; lập các chiến khu chống Nhật, tích cực chống địch càn quét. Khi sắp họp Hội nghị toàn quốc của Đảng để quyết định TKN, ở lán nhỏ Nà Lừa trong rừng Tân Trào, Sơn Dương (Tuyên Quang), lãnh tụ Hồ Chí Minh ốm nặng tưởng chừng khó qua. Đảng ta lúc đó có 5000 đảng viên, nhưng phần lớn còn bị giam giữ trong các nhà tù, nên không bố trí đủ lực lượng nòng cốt lãnh đạo cho phong trào cả nước.

Lực lượng vũ trang mới có 5000 quân giải phóng trang bị vũ khí thô sơ, mấy ngàn tự vệ cứu quốc đối chọi với hơn 6 vạn quân Nhật, hàng vạn quân lính của chính quyền bù nhìn Bảo Đại - Trần Trọng Kim và hàng vạn quân Pháp bị Nhật tạm giam. Phương tiện giao thông, liên lạc điện đài không có. Mưa lụt đe dọa tính mạng hàng triệu đồng bào ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ...

Trong thời điểm có nhiều khó khăn tưởng như không thể vượt qua nổi. Nhưng trước vận mệnh của dân tộc ta đã tới, Trung ương Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh chớp đúng thời cơ ngàn năm có một, lúc phát xít Nhật ở chính quốc đã đầu hàng Đồng minh, các thế lực đế quốc, phản động chưa kịp vào Đông Dương, đã dừng cảm phát đi Quân lệnh số 1 hạ lệnh TKN, kịp thời lãnh đạo hơn 20 triệu đồng bào nhanh chóng nổi dậy đồng loạt đoạt chính quyền từ tay hàng vạn võ quan, binh lính Nhật chưa hạ vũ khí, làm chủ hoàn toàn đất nước, phá thế bao vây, cản phá cách mạng của nhiều thế lực đế quốc, phản động khác. Trong CMTT, trí tuệ của Đảng là sự tổng hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kinh nghiệm phong phú của cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng nhân dân. Trí tuệ của toàn Đảng được tập trung cao nhất ở BCH Trung ương, kết hợp hài hòa với trí tuệ thiên tài của lãnh tụ Hồ Chí Minh - linh hồn của Đảng, của dân tộc và cuộc CMTT.

Có trí tuệ, Đảng đề ra đường lối chính trị đúng đắn biết chuyển hướng chỉ đạo chiến lược phù hợp với hoàn cảnh và từng bước hoàn thiện đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ; nhận thức đúng quy luật khởi nghĩa vũ trang trong cách mạng giải phóng dân tộc nước ta, đề ra chủ trương KNTP lên TKN rất sáng tạo, độc đáo và kiên quyết lãnh đạo thực hiện thắng lợi chủ trương đó; Đảng đã phân tích đúng đắn tình hình trong nước và thế giới, dự đoán trước và giúp cho cán bộ, đảng viên, nhân dân ta tin tưởng sâu sắc cách mạng Việt Nam sẽ thắng lợi.

Để có trí tuệ, Đảng ta đã không ngừng tự nâng cao trình độ lý luận, thường xuyên học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng, kinh nghiệm cách mạng thế giới. Đảng mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ bí mật và mở lớp trường huấn luyện chính trị, quân sự công khai dài ngày khi có vùng căn cứ địa, Khu giải phóng Việt Bắc, các chiến khu chống Nhật. Trong nhà tù của đế quốc, Đảng đã "Biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng", rèn luyện ý chí, nâng cao trình độ văn hóa lý luận để khi thoát khỏi nhà tù có đủ năng lực lãnh đạo phong trào cách mạng trong bước phát triển đi lên. Những hoạt động thực tiễn về chuẩn bị lực lượng, lựa chọn và xây dựng căn cứ địa, tổ chức hội nghị quần chúng, chống địch càn quét khủng bố, đúc rút kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa địa phương, KNTP, đấu tranh tư tưởng, xây dựng tổ chức... được Đảng kịp thời tổng kết và phổ biến trong Đảng, trong nhân dân. Tháng 3-1945, khi làn sóng KNTP, chiến tranh du kích bắt đầu dấy lên và liên tục phát triển trong tháng 4, tháng 5, thì tháng 6-1945 trên báo Cờ giải phóng đăng bài "Cuộc kháng chiến anh dũng của chúng ta"... Có rất nhiều sự kiện khác trong thời kỳ CMTT chứng tỏ, Đảng không bỏ sót bất cứ một thực tiễn đấu tranh nào, dù là nhỏ để rút bài học giáo dục, rèn luyện đảng viên. Vì Đảng ta đã nhận thức đúng: thực tiễn "dạy cho ta thêm nhiều kinh nghiệm và chỉ có thể lãnh đạo nhân dân đến chỗ thắng lợi, đảng cách mạng nào biết học ở phong trào"(1). Ngày nay để làm giàu trí tuệ, bản lĩnh, Đảng phải

"không ngừng nâng cao trình độ lý luận, nắm vững và vận dụng sáng tạo những luận điểm cơ bản và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phải không ngừng tổng kết kinh nghiệm thực tiễn sinh động từ phong trào cách mạng quần chúng"(2) như Đại hội VII (1991) đã nêu ra và các Đại hội VIII, Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định và phát triển.

Cách mạng là công việc rất to lớn và khó khăn, đòi hỏi Đảng lãnh đạo phải có nghị lực cách mạng phi thường, như Hồ Chí Minh đã nói đời này làm chưa xong, đời sau tiếp tục làm. Nghị lực của Đảng là tinh thần tận tụy dũng cảm hy sinh của toàn Đảng, và của mỗi cán bộ, đảng viên. Trong CMTT, Đảng có nghị lực nên đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách kiên quyết, khôn khéo chống địch khủng bố, trong chuẩn bị lực lượng chính trị, vũ trang, trang bị tinh thần và vũ khí cho quần chúng khởi nghĩa. Cán bộ, đảng viên từ cấp Trung ương, chi bộ đến đã được tôi rèn luyện trong đấu tranh, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí kiên trung bất khuất, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ hy sinh, luôn trung thành với sự nghiệp cách mạng.

Có nghị lực, Đảng mới dũng cảm rời bỏ thành thị và hoạt động hợp pháp, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn đồng bằng, miền núi với bao gian khổ, bí mật xây dựng lực lượng và căn cứ địa cách mạng.

Có nghị lực, năm, sáu đảng viên lãnh đạo hơn 600 quần chúng khởi nghĩa ở Bắc Sơn; vài trăm đảng viên chỉ huy hàng nghìn quần chúng nhiều tỉnh, thành trong khởi nghĩa Nam Kỳ, một số ít đảng viên bị giam trong tù đã lãnh đạo thắng lợi cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi); vài ba đảng viên tổ chức một loạt cuộc KNTP thắng lợi, lập chiến khu Trần Hưng Đạo; ba bốn cán bộ, đảng viên lãnh đạo lập chiến khu Quang Trung; và mấy nghìn đảng viên lãnh đạo thành công mau lẹ cuộc TKN giành chính quyền toàn quốc.

Trong thời kỳ CMTT, trí tuệ và nghị lực cách mạng là hai phẩm chất nổi bật nhất thể hiện bản lĩnh lãnh đạo vững vàng của Đảng ta. Trí tuệ sáng suốt làm cho Đảng có nhiều sáng tạo và tăng thêm nghị lực cách mạng. Ngược lại, nghị lực cách mạng làm cho trí tuệ và sức sáng tạo của Đảng càng thêm phong phú bất kể trong hoàn cảnh, tình huống nào.

Có trí tuệ và nghị lực cách mạng, nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng bị địch bắt đã vượt qua nhiều cực hình tra tấn về thể xác và tinh thần, vượt qua mọi cám dỗ mua chuộc và trước lúc phải hy sinh đã để lại cho Đảng, cho dân những lời trăng trối, căn dặn, động viên bất hủ. Trí tuệ và nghị lực cách mạng của Đảng là hai yếu tố quan trọng, nhưng chỉ mới bảo đảm cho Đảng đủ sức hoàn thành một phần nhiệm vụ lãnh đạo trong thời kỳ CMTT khó khăn, nguy hiểm. Phần quan trọng, quyết định sinh mệnh và vai trò lãnh đạo của Đảng chính là nhân dân tin yêu, đoàn kết và đấu tranh tự giải phóng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong CMTT, sức mạnh của Đảng được nhân lên gấp nhiều lần bởi sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Đảng gắn bó với nhân dân bằng đường lối, chủ trương đúng, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Tổ chức Đảng đã bám rễ sâu trong nhân dân, họ tự giác, tự nguyện bảo vệ cán bộ, tổ chức Đảng. Thông qua các đoàn thể cứu quốc của quần chúng trong Mặt trận Việt Minh, Đảng lựa chọn được những phần tử trung kiên, ưu tú kết nạp vào tổ chức Đảng, phát hiện được những phần tử cơ hội, hoặc giả danh cộng sản để phá hoại Đảng, phong trào cách mạng.

Cán bộ, đảng viên của Đảng từ Trung ương đến địa phương hòa mình, lăn lộn trong phong trào quần chúng, bám sát cả khi phong trào lên cao, cũng như lúc bị địch khủng bố, đồng cam cộng khổ với nhân dân, nắm bắt kịp thời nguyện vọng quần chúng và cùng họ đấu tranh thực hiện bằng được các nguyện vọng đó. Nhờ đó mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân trong CMTT là bền chặt, lâu dài, không có một âm mưu, thế lực nào chia rẽ, phá hoại được.

Đảng có trí tuệ, nghị lực và liên hệ bền chặt với quần chúng nhân dân là do Đảng hết sức chăm lo xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Suốt cả thời kỳ lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, trực tiếp là thời kỳ CMTT, không có một nghị quyết nào của Trung ương Đảng, các xứ ủy, tỉnh ủy, thành ủy mà không dành phần quan trọng nói về công tác xây dựng Đảng.

Đảng giáo dục đảng viên về sức mạnh vô địch của nhân dân, về đạo đức và phẩm chất cách mạng bằng chính mục đích, lý tưởng của Đảng, bằng gương phấn đấu, hy sinh của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong mọi tầng lớp nhân dân.

Qua thực tiễn CMTT, ĐCS Việt Nam đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết là Đảng đạo đức là văn minh, "Đảng tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"(1).

Phát huy truyền thống tốt đẹp của CMTT, ngày nay Đảng ta đã vững mạnh, giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động, kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH, kiên trì đổi mới theo định hướng XHCN. Là đảng chính trị duy nhất lãnh đạo sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Đảng luôn kiên trì và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng đủ trí tuệ, nghị lực, năng lực và trong sạch vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nhằm đảm bảo sự lãnh đạo thành công của Đảng.

Hiện nay, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng còn có mặt chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; nhiều vấn đề lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta, về sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng đề ra trong Cương lĩnh và các Nghị quyết Đại hội Đảng chậm được làm sáng tỏ, cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện. Một bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng tinh chiến đấu, tinh thần bảo vệ quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, còn yếu kém, có biểu hiện thờ ơ, ngại đấu tranh với những trường hợp chống đối, nói và làm trái quan điểm, đường lối của Đảng. Tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, hẹp hòi, chủ nghĩa cá nhân chưa giảm; tình trạng thoái hóa, biến chất về lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân chưa được ngăn chặn, đẩy lùi triệt để làm cho lòng tin của nhân dân giảm.

Trong tình hình đó, trở về với tinh thần và kinh nghiệm của CMTT, xây dựng Đảng có đầy đủ trí tuệ, nghị lực, dũng cảm, trung thành, đạo đức, văn minh, đoàn kết, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, phấn đấu hy sinh vì quyền lợi của dân tộc, đất nước, nhân dân và giai cấp công nhân tiên phong là một giải pháp cấp thiết, thiết thực. Đúng dịp kỷ niệm 60 năm CMTT thành công, lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), HNTƯ 12 (7-2005), khóa IX của Đảng đã có những nhận định, chủ trương, giải pháp đúng đắn về thực hiện nhiệm vụ then chốt chính đôn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống, với yêu cầu và nhiệm vụ của tình hình mới. HNTW 12 đã đề ra các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng trên tất cả mọi mặt; quyết định lấy chủ đề của Đại hội X sắp tới là "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển"(1); đồng thời xác định phải "xây dựng Ban chấp hành Trung ương khóa X của Đảng đủ phẩm chất, năng lực để hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới"(2). Những chủ trương, quyết định đó của Trung ương Đảng là bước tiến mới quan trọng trong quá trình chuẩn bị Đại hội X của Đảng; đồng thời rất có ý nghĩa đối với việc phát huy truyền thống của Đảng và là thể hiện trách nhiệm to lớn, cao cả của Đảng đối với dân tộc, đất nước, nhân dân và nhiệm vụ cách mạng hiện nay.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố có tính quyết định thắng lợi cuộc cách mạng tháng tám 1945 / TS Nguyễn Thanh Tâm - Học viện CTQG Hồ Chí Minh

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NHẪM GIỮ VỮNG ĐỘC LẬP DÂN TỘC (1945 – 1946)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng Tháng Tám đã thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, dân tộc ta đã rửa được nỗi nhục mất nước, đòi lại được tên tuổi trên bản đồ thế giới. Ngày 2 tháng 9

năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt quốc dân đồng bào đọc "Tuyên ngôn độc lập" và long trọng tuyên bố: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Tuyên ngôn độc lập vừa khẳng định quyền tự do của dân tộc, vừa nêu cao ý chí quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân quyết giữ vững nền độc lập của dân tộc, kiên quyết chống mọi âm mưu, thủ đoạn xâm lược, phá hoại của các thế lực thù địch.

Đất nước giành được độc lập rạng rỡ non sông, góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nền độc lập dân tộc vừa mới trở thành hiện thực đã phải đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt do những âm mưu thâm độc phá hoại của các tập đoàn đế quốc và bè lũ tay sai. Lúc này, trên đất nước ta có gần 30 vạn quân của nhiều nước, chiếm đóng hầu hết các vị trí chiến lược quan trọng và đều có âm mưu dùng vũ lực để lật đổ chính quyền cách mạng, thủ tiêu nền độc lập dân tộc, đưa dân tộc ta trở thành cuộc sống nô lệ.

Đứng trước sự mất còn của cách mạng, nền độc lập dân tộc và trong hoàn cảnh quốc tế nhiều mặt có lợi cho bọn xâm lược, chúng ta lại chưa có điều kiện để phát huy những điều kiện cơ bản, lâu dài và chưa thể cùng một lúc khắc phục được những khó khăn chồng chất, nhưng với bản lĩnh kiên định, vững vàng, phương pháp cách mạng khoa học, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện những biện pháp quan trọng để giữ vững thành quả cách mạng, giữ vững nền độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam. Cuộc đấu tranh với kẻ thù trong và ngoài nước lúc này đều xoay quanh giữ vững quyền độc lập dân tộc khi mà kẻ thù rắp tâm quyết cướp lại nước ta một lần nữa bằng quân sự và so sánh về lực lượng giữa ta với địch là thế "châu chấu đá voi". Để tránh tình thế bất lợi cho ta cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, đồng thời để có thêm thời gian xây dựng thực lực cách mạng về mọi mặt sẵn sàng đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược mà chúng ta biết chắc rằng khó có thể ngăn chặn được, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện một sách lược mềm dẻo với kẻ thù, nhân nhượng có nguyên tắc. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự lường được việc chúng ta phải chấp nhận một số yêu sách của kẻ thù, phải chịu thiệt thòi, mất mát nhất định; song, trong nhân nhượng, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn giữ vững nguyên tắc và không bao giờ hy sinh quyền lợi của dân tộc.

Chủ trương nhân nhượng với kẻ thù của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn dựa trên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và phù hợp với hoàn cảnh của đất nước. V.I.Lê-nin cho rằng: "Do hoàn cảnh bắt buộc, nên có lúc ngay cả chính đảng cách mạng nhất của một giai cấp cách mạng nhất cũng cần phải thực hành thoả hiệp; vấn đề là ở chỗ phải biết cách thông qua tất cả những sự thoả hiệp đó mà giữ gìn, củng cố, tôi luyện và phát triển sách lược cách mạng, tổ chức cách mạng, ý thức cách mạng, sự quyết tâm, sự chuẩn bị của giai cấp công nhân và của đội tiên phong có tổ chức của nó, tức đảng cộng sản". Nhận thức sâu sắc quan điểm ấy và xuất phát từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam thời kỳ 1945 - 1946, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện sách lược mềm dẻo, hoà hoãn. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng âm mưu thủ đoạn và hành động phá hoại của các loại kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam. Về phía quân Tưởng, chúng ra sức thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt minh và lật đổ chính quyền cách mạng. Song, kẻ thù chính của nhân dân ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Vì vậy, muốn tập trung lực lượng, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu là thực dân Pháp, chúng ta cần phải nhân nhượng, hoà hoãn quân Tưởng với khẩu hiệu "Hoa - Việt thân thiện". Chúng ta chấp nhận tiêu tiền quan kim; cung cấp lương thực, thực phẩm cho quân đội Tưởng; để bọn Việt quốc, Việt cách - tay sai của Tưởng - tham gia Quốc hội, Chính phủ liên hiệp lâm thời nhằm hạn chế sự chống phá điên cuồng của quân Tưởng ở phía Bắc và giữ vững nền độc lập dân tộc. Đồng thời, thực hiện điều đó giúp chúng ta có thêm thời gian hoà bình để củng cố hệ thống chính trị, triển khai thực hiện các chủ trương diệt giặc đói, diệt giặc dốt, xây dựng thực lực cách mạng, chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược do kẻ thù gây ra. Thành công nổi bật của sách lược này chính là Đảng ta vẫn giữ vai trò lãnh đạo cách mạng, chính quyền cách mạng được củng cố, mục tiêu độc lập dân tộc vẫn được giữ vững;

đồng thời, chúng ta đã đẩy nhanh quân Tưởng ở phía Bắc và quân Anh ở phía Nam ra khỏi đất nước để tập trung đối phó với kẻ thù chính là thực dân Pháp xâm lược.

Phân tích rõ ý đồ của Pháp, trước tình hình Pháp - Tưởng đã thoả hiệp, mua bán với nhau và ký hiệp ước Hoa - Pháp tại Trùng Khánh ngày 28 - 2 - 1946, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên quyết đấu tranh, tranh thủ mọi khả năng và chọn con đường tạm hoà hoãn với Pháp. Sau những cuộc tiếp xúc, đấu tranh, đàm phán giữa ta với Pháp, ngày 6 - 3 - 1946, Hiệp định sơ bộ đã được ký kết ở Hà Nội. Hiệp định quy định Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có Nghị viện, Chính phủ, quân đội và tài chính riêng, song nằm trong liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp; Việt Nam đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng, sau hai năm phải rút về nước; hai bên đình chỉ xung đột. Sau đó, ngày 9 - 3 - 1946, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Hoà để tiến". Chỉ thị phân tích làm rõ chủ trương hoà với Pháp là hoà với kẻ thù chính để loại bớt quân Tưởng, tránh tình thế bất lợi phải cùng một lúc tác chiến với nhiều kẻ thù; đồng thời để bảo toàn lực lượng, bổ sung thêm cán bộ, bồi dưỡng củng cố phong trào, tạo thực lực cho cách mạng sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu của kẻ thù.

Thực hiện sách lược hoà hoãn, nhân nhượng với quân Tưởng và quân Pháp trong năm 1945 - 1946 là sự nhân nhượng có nguyên tắc, thể hiện sự tài tình, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một mặt, chúng ta kiên trì đấu tranh bằng phương pháp hoà bình đòi Tưởng - Pháp phải thi hành Hiệp định, mặt khác kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu và những hành động phá hoại vi phạm chủ quyền, vi phạm độc lập dân tộc của Việt Nam. Tuy nhiên, với Hiệp định sơ bộ, do hoàn cảnh lịch sử và tương quan so sánh lực lượng chưa cho phép, chúng ta phải chấp nhận một nền độc lập, thống nhất bị hạn chế và có điều kiện. Song, tại Hội nghị Phông-ten-nơ-blô, ngày 14 - 9 - 1946, với thái độ kiên quyết, lập trường kiên định, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đòi phía Pháp phải ghi vào Hiệp ước vấn đề đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ, thả tù chính trị, thực hiện các quyền tự do dân chủ ở Nam Bộ. Điều đó chứng tỏ Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc của dân tộc Việt Nam.

Theo quan điểm của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyền độc lập dân tộc bao gồm nhiều nội dung rộng lớn gắn liền với chủ quyền quốc gia cả về nội trị và ngoại giao. Đó là quyền độc lập thật sự, độc lập hoàn toàn, bao gồm tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần đấu tranh đòi thực dân Pháp cũng như các thế lực khác phải tôn trọng chủ quyền Việt Nam. Quyền độc lập tự do của dân tộc là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Vì thế, bất cứ thế lực nào kéo tới xâm lược thôn tính đều bị giáng trả, bất cứ kẻ nào phá hoại từ bên trong đều bị trừng trị nghiêm khắc.

Trong cuộc đấu tranh giữ vững độc lập dân tộc thời kỳ 1945-1946, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ rõ chủ quyền quốc gia gắn liền với sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Vì vậy, khi thực dân Pháp bộc lộ rõ ý đồ tách Nam Kỳ ra khỏi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, tại cuộc họp báo ngày 12 - 7 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: "Nam Kỳ cùng một tổ tiên với chúng tôi..., tại sao lại còn nghĩ đến sự cản trở việc thống nhất nước Việt Nam". Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng kiên quyết đấu tranh phản đối âm mưu của Pháp hòng chia đất nước ta trở thành 3 xứ như thời còn thuộc địa của Pháp. Giữa năm 1946, diễn biến nước Pháp ngày càng phức tạp. Khả năng hoà hoãn ngày càng khó khăn. Những cuộc đàm phán đấu tranh không mang lại kết quả gì, vì Pháp trước sau chỉ muốn tái lập ách thống trị và chia rẽ đất nước ta. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kiên quyết đấu tranh giữ vững nền độc lập dân tộc, ngăn chặn cuộc chiến tranh xâm lược vi phạm quyền độc lập của dân tộc. Theo Người, "nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì". Người khẳng định: Không có gì quý hơn độc lập tự do, vì không có độc lập tự do cho dân tộc thì không thể nói đến sự giải phóng con người về mặt xã hội, không thể nói đến mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Một nền độc lập dân tộc chỉ thực sự có giá trị khi mang lại lợi ích cho nhân dân, mà trước hết là những quyền lợi cụ thể, thiết yếu nhất. Do đó, Người không thể chấp nhận thứ độc lập hình thức, giả hiệu, mị dân. Xuất phát từ quan điểm đó, ngay từ đầu và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt là thời kỳ 1945 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm và hành động phá hoại của kẻ thù

vi phạm độc lập dân tộc của Việt Nam. Cuối năm 1946, thực dân Pháp quyết định đặt ách thống trị lên đất nước ta bằng quân sự. Trước hành động điên cuồng của chúng, không thể khoan tay cúi đầu làm nô lệ, cam chịu mất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đứng lên chiến đấu tiến hành cuộc kháng chiến chống thực Pháp xâm lược giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Ngày nay, sau khi đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, công cuộc đổi mới đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Thế và lực mới do những thành tựu của công cuộc đổi mới mang lại đã tạo ra thuận lợi mới cho việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khả năng giữ vững độc lập và hợp tác với cộng đồng quốc tế không ngừng tăng thêm. Song, bốn nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng ta (1-1994) nêu lên đến nay vẫn tồn tại, diễn biến phức tạp và đó chính là những thách thức to lớn. Độc lập dân tộc tuy đã được củng cố, nhưng vẫn bị đe dọa do sự phá hoại của các thế lực thù địch. Do đó, để giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhất thiết phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiên định nguyên tắc chiến lược cách mạng, nhưng linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy bén nắm bắt cái mới, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trên lập trường, quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, chúng ta phải luôn luôn cảnh giác, tỉnh táo, nỗ lực xây dựng thực lực về mọi mặt, kiên quyết khắc phục đầy lùi các nguy cơ, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thực hiện quan hệ, hợp tác song phương, đa phương, chủ động hội nhập quốc tế cũng là giải pháp quan trọng để thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

.....

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giữ vững độc lập dân tộc (1945 - 1946) / Đại tá, TS Đặng Bá Minh-Chủ nhiệm bộ môn - Khoa Lịch sử Đảng/Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự, số 1-2005

LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN VỚI VẤN ĐỀ NHẬN THỨC BẢN CHẤT CỦA KẺ THÙ, NÂNG CAO Ý THỨC CẢNH GIÁC CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN TA

(ĐCSVN) - Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: **“Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa”...**

Tại sao thực dân Pháp lại “quyết tâm cướp nước ta lần nữa”? Họ cố tình quay trở lại xâm lược Việt Nam nhằm mục đích gì? Phải chăng đó là hành động tự phát, nhất thời? Không! Điều đó hoàn toàn không phải là tự phát, càng không phải là ý muốn chủ quan của một cá nhân nào đó trong giới cầm quyền “chóp bu” của Chính phủ Pháp mà là “ý thức hệ” của giai cấp tư sản Pháp, chủ nghĩa thực dân Pháp được thể hiện bằng một kế hoạch đã được vạch sẵn, có các “bước đi và lộ trình rõ ràng”, được khởi đầu từ giữa thế kỷ XIX, khi quân Pháp lần đầu tiên đặt gót giày xâm lược lên đất nước ta ở cảng Đà Nẵng và đến thời tướng Đờ Gôn, khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm đóng, thì kế hoạch này đã được Đờ Gôn điều chỉnh, bổ sung và triển khai thực hiện. Ông ta tuyên bố rằng: Phải đứng về phía Đồng Minh chống phát xít để cứu nước Pháp. Kế hoạch cứu và phục hưng nước Pháp trở thành “mệnh lệnh” không chỉ thôi thúc Đờ Gôn và những người đứng đầu Chính phủ Pháp xích lại gần các nước Đồng minh là Anh, Mỹ với những cái bắt tay “thân mật”, để rồi tạm gác hoặc

“quên đi” những hận thù, những hiềm khích vốn có trong lịch sử để lo việc lớn mà còn bùng sáng tia hy vọng ở Đờ Gòn: Bành trướng sang châu Á, nhanh chóng áp đặt nền thống trị ở Đông Dương, mở rộng khai thác thuộc địa để bù đắp cho sự thiếu hụt tài sản do chi phí cho chiến tranh quá lớn và sự khan hiếm nguồn tài nguyên thiên nhiên của nước Pháp. Vì vậy, từ năm 1943, khi cuộc chiến chống quân phát xít bắt đầu mở rộng thì trong tay Đờ Gòn đã có sẵn một bản kế hoạch chi tiết “trở lại Đông Dương”, tiếp tục thực hiện mưu đồ “khai hoá” Việt Nam, truyền bá “văn minh người Pháp” cho xứ này.

Rõ ràng, việc thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa đã nằm trong kế hoạch của Đờ Gòn và Chính phủ Pháp, nó bộc lộ rõ bản chất và bộ mặt thật của thực dân xâm lược hiếu chiến: muốn đặt ách thống trị và áp bức lên đầu, lên cổ nhân dân ta, biến nước ta thành thuộc địa - nơi cung cấp các nguyên vật liệu cần thiết để làm giàu cho chúng. Ở đây, có một số vấn đề đặt ra cần làm sáng tỏ là, để nhanh chóng thực hiện mưu đồ: “hàn gắn vết thương chiến tranh, nhanh chóng phục hưng nước Pháp”, tại sao kẻ thù lại không lựa chọn các nước khác để xâm lược và biến các nước đó làm thuộc địa của mình một cách dễ dàng hơn, mà lại lựa chọn và tiến hành xâm lược Việt Nam, dù chúng biết rằng xâm lược và thôn tính dân tộc này sẽ rất khó khăn. Việt Nam là một dân tộc vốn có truyền thống hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, rất yêu chuộng hoà bình và thiết tha với độc lập, tự do. Vậy thì, điều gì khiến thực dân Pháp phiêu lưu, mạo hiểm? Phải chăng họ quá tin vào sức mạnh của đội quân xâm lược với đầy đủ vũ khí tối tân hiện đại nhất nhì thời đó sẽ giúp họ sớm đè bẹp sự phản kháng của Việt Nam? Phải chăng, khi nghiên cứu lịch sử các cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của những người tiền nhiệm họ đã tìm thấy bài học kinh nghiệm để có thể không lặp lại những thất bại thảm hại mà những người đi trước đã mắc phải?

Luận giải các vấn đề nêu trên sẽ có nhiều đáp án khác nhau, tùy theo cách nhìn nhận của mỗi người, mỗi thế hệ. Song, dù luận giải thế nào thì thực tế sau đây không ai có thể bác bỏ: Đem quân đi xâm lược Việt Nam và Đông Dương từ năm 1858 và lại quay lại xâm lược Việt Nam và Đông Dương lần thứ 2 sau năm 1945, hẳn là giới cầm quyền “chóp bu” trong Chính phủ Pháp đã phải cân nhắc và tính toán rất kỹ lưỡng. Với nền khoa học, kỹ thuật phát triển và những “bộ óc tầm cỡ quốc tế”, “có tri thức bách khoa thư”, họ thừa sức hiểu rõ cái được, cái mất, cái lợi, các hại khi tiến hành xâm lược Việt Nam. Trong sự tính toán đó, họ luôn tự nhắc ý là cuối cùng sẽ nắm chắc phần thắng trong tay, còn việc để cho Việt Nam giành được chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 chỉ là sự cố “sai sót nhỏ” do điều kiện lịch sử “khách quan” tạo ra. Vì vậy, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là để “sửa lại” những “sai sót nhỏ” không đáng có bởi sự “sơ suất” mà họ mắc phải. Thực chất điều này là gì? Đằng sau những lời hoa mỹ ấy cần phải hiểu như thế nào cho đúng? Ai cũng biết rằng, đem quân đi xâm lược Việt Nam không phải là “một cuộc dạo chơi” của thực dân Pháp mà thực chất là chúng triển khai thực hiện những ý đồ đã định sẵn vì lợi ích của nước Pháp nhằm củng cố và không ngừng nâng cao uy tín, vị thế của một cường quốc về kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học và quân sự trên trường quốc tế. Đúng vậy! Sau hơn 20 năm tiến hành những cuộc hành binh man rợ, tàn sát đẫm máu những cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta, thực dân Pháp mới áp đặt được ách thống trị trên đất nước Việt Nam.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), Pháp tuy là một nước thắng trận, nhưng bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế rơi vào tình trạng đình đốn, kiệt quệ. Thực dân Pháp đã tăng cường đầu tư vào Việt Nam, một mặt là nhằm khai thác được nhiều hơn kho tài nguyên thiên nhiên phong phú và nguồn nhân công rẻ mạt; mặt khác, chúng muốn nắm thật chặt thị trường Việt Nam để điều tiết thị trường Lào và Campuchia. Có thể khẳng định rằng, lợi ích kinh tế là một trong những mục đích chủ yếu, xuyên suốt, và là động lực cơ bản nhất thôi thúc thực dân Pháp đưa quân xâm lược Việt Nam và Đông Dương, với ý đồ biến mảnh đất này thành thuộc địa để nuôi dưỡng, làm giàu cho chúng. Vì thế, chúng bất chấp đạo lý, bất chấp dư luận và luật pháp quốc tế, ngang ngược thực hiện kế hoạch xâm lược Việt Nam.

Nếu không phải là vậy thì tại sao thực dân Pháp lại đeo đuổi mục đích và bằng mọi cách để quay lại xâm lược Việt Nam, thôn tính Việt Nam sau năm 1945? Chúng ta biết rằng, trước 1858 giữa Việt Nam và Pháp chưa có mối quan hệ ngoại giao, hai dân tộc hoàn toàn không có thù hận, vướng mắc nào. Việc thực dân Pháp tự cho mình là “văn minh”, đi “khai

hoá” cho Việt Nam chỉ là cái trò lừa bịp để đem quân xâm lược Việt Nam, nhằm mục đích mở rộng thuộc địa, đặt ách thống trị ở Việt Nam và Đông Dương, khai thác, vơ vét càng nhiều càng tốt nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân công rẻ mạt phục vụ cho sự phát triển của giai cấp tư sản Pháp. Điều này đã quá rõ ràng. Việc quân Pháp quay trở lại Việt Nam sau năm 1945 thực chất là sự tiếp tục theo đuổi mục đích xâm lược của họ trước đây. Bản chất, âm mưu xâm lược Việt Nam của kẻ thù không hề thay đổi, có chăng chỉ là sự thay đổi các thủ đoạn và biện pháp xâm lược mà thôi.

Vào những năm 1945-1946, Đức, ý, Nhật lần lượt bị đánh bại, các nước Đồng Minh đã cứu loài người ra khỏi thảm hoạ phát xít; các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt ra đời. Anh, Pháp trong phe Đồng Minh, tuy thắng trận nhưng kiệt quệ về kinh tế, quân sự, vị thế cường quốc của họ bị suy giảm nghiêm trọng. Lúc đó, Mỹ đã vươn lên cầm đầu phe tư bản chủ nghĩa. Chính phủ Mỹ, từ chỗ ngăn cản Pháp trở lại Đông Dương trong thời kỳ Tổng thống Rudoven với ý đồ tranh giành ảnh hưởng của Pháp ở vùng này, dần dần đi đến chỗ ủng hộ Pháp trở lại thuộc địa cũ. Trở lại xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã cân nhắc, tính toán rất kỹ lưỡng: Thứ nhất, trong khối Đồng Minh, Mỹ và Anh đều ủng hộ Pháp; thứ hai, Việt Nam đã từng là thuộc địa của Pháp; thứ ba, cả Mỹ, Anh và Pháp đều muốn xoá bỏ nhà nước dân chủ đầu tiên ở khu vực này, đồng thời bảo vệ, củng cố hệ thống thuộc địa đang có nguy cơ tan rã; thứ tư, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam mới ra đời còn rất non trẻ, nền kinh tế suy kiệt, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Vì vậy, vào thời điểm đó, tiến hành xâm lược Việt Nam, Pháp hy vọng sẽ nhanh chóng đánh đổ chính quyền cách mạng, giành thuộc địa. Pháp xem đây không chỉ là việc quay trở lại “lãnh địa” cũ của mình mà còn là để ngăn chặn ảnh hưởng của Liên Xô và phong trào chủ nghĩa xã hội ở khu vực này. Tóm lại, bản chất, âm mưu và chính sách xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp trước sau là nhất quán, vì lợi ích kinh tế và chính trị của họ.

Vậy là, thực dân Pháp cũng như đế quốc Mỹ và bất cứ lực lượng nào, hễ đem quân xâm lược nước ta, đi ngược lại nguyện vọng chính đáng của nhân dân ta, gây đau thương, tang tóc cho nhân dân ta thì đều là kẻ thù của nhân dân ta và nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới, đều là hiểm hoạ của sự tiến bộ xã hội và nền hoà bình thế giới. Chừng nào còn tồn tại chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc thì chừng ấy nhân dân ta và cả loài người vẫn còn nguy cơ chiến tranh, tội ác và đau khổ. Vì vậy, “chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”. Chỉ khi nào tiêu diệt được chủ nghĩa thực dân, đế quốc thì chúng ta mới xoá bỏ được nguy cơ chiến tranh, tệ nạn người áp bức, bóc lột người, lúc đó loài người mới thật sự có tự do, hạnh phúc. Thực tiễn lịch sử dân tộc Việt Nam và lịch sử thế giới hiện đại đã chứng minh điều này. Cho nên ai đó còn đang tin vào lòng tốt, sự nhân từ, “bác ái”, “văn hoá, văn minh” của quân “ăn cướp”, bè lũ thực dân, đế quốc và tay sai của chúng thì hãy đọc lại “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và hàng loạt các tác phẩm khác của Người viết trong giai đoạn này. Đọc và suy ngẫm từ những trang sách đó, kiểm nghiệm qua thực tiễn đánh giặc giữ nước của dân tộc mỗi người trong chúng ta sẽ nhận ra sự thật, để biết phải trái, đúng sai, hiểu rõ hơn bạn, thù, tăng thêm ý thức tự tôn dân tộc, thêm tự hào vì mình là công dân của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; từ đó nâng cao ý thức cảnh giác, nhìn rõ và lường trước mọi việc có thể xảy ra, sẵn sàng làm tròn bổn phận công dân của mình, quyết “hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước”, để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa - nơi tổ tiên mình đã sống, nơi mình đã sinh ra, lớn lên và trở thành con người .

.....

Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến với vấn đề nhận thức bản chất của kẻ thù, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng của nhân dân ta / Thượng tá, PGS, TS Nguyễn Bá Dương, Học viện Chính trị quân sự

NGÀY LỄ ĐỘC LẬP 2 - 9- 1945 QUA CON MẮT MỘT NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, một sự kiện trọng đại của lịch sử Việt Nam. Trong buổi người tham dự và chứng kiến buổi lễ lịch sử này, có mặt một số người nước ngoài, trong đó có viên sỹ quan tình báo Mỹ, Archimedes L.Apatti.

Thiếu tá Archimedes L.A Patti chính là người chỉ huy đơn vị OSS (Office of Strategic Services – Cơ quan phục vụ chiến lược Mỹ) đến Hà Nội vào buổi chiều ngày 22-8-1945 với nhiệm vụ thu thập tin tức tình báo, trợ giúp và phối hợp với quân đội Trung Hoa Dân Quốc (Quân đội Tưởng Giới Thạch) tổ chức giải giáp quân đội phát xít Nhật bại trận và giải quyết vấn đề tù binh chiến tranh. Là một sỹ quan tình báo, một quân nhân Mỹ, nhưng Patti lại có một cái nhìn đúng đắn và sáng suốt về Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam. Ngay trong lần gặp gỡ đầu tiên với Hồ Chí Minh trong một ngôi làng nhỏ có tên Chiu Chou Chieh ở Tỉnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc ngày 27- 4-1945 để bàn về việc phối hợp hoạt động chống Nhật giữa Mặt trận Việt Minh và OSS, Patti đã có một ấn tượng sâu sắc và một cảm tình đặc biệt trước trí tuệ uyên bác và phong cách ngoại giao giản dị mà đầy sức thuyết phục của Hồ Chí Minh. Trong thiên hồi ký "Why Viet Nam?" (Tại sao Việt Nam) được xuất bản ba mươi lăm năm sau, Patti có kể lại cảm xúc của mình trong lần gặp đó như sau: "... Mặc dù tôi đã tỏ ra khách quan và thận trọng một cách cố ý, không để mình dính vào những khía cạnh chính trị của vấn đề Đông Dương, nhưng sự chân thành, sự hùng biện của ông Hồ đã gây cho tôi một ấn tượng khó phai mờ được. Ông Hồ không hiện lên đối với tôi như một nhà cách mạng không thực tế hay một người cấp tiến cuồng nhiệt theo đuổi những lời nói rập khuôn, hét to Đường lối của Đảng, hay thiên về phá hoại mà không có kế hoạch xây dựng lại. Đó là một con người thông minh, thấu hiểu những vấn đề của đất nước mình, một con người biết điều và tinh tế. Tôi cũng cảm thấy có thể tin cậy ông như một bạn đồng minh chống người Nhật. Tôi biết mục tiêu cuối cùng của ông là giành được sự ủng hộ của Mỹ đối với sự nghiệp của nước Việt Nam tự do và thấy rằng ước muốn ấy không trái ngược với chính sách của Mỹ. Từ một quan điểm thực tiễn, ông Hồ và Việt Minh hiện ra như một câu giải đáp cho vấn đề trước mắt của tôi là tiến hành các hoạt động ở Đông Dương"

Và như chúng ta đã biết, chính ấn tượng tốt đẹp này đã dẫn đến những sự hợp tác hết sức nhiệt thành và hiệu quả trong các hoạt động phối hợp chống phát xít giữa Mặt trận Việt Minh và tổ chức OSS thời kỳ cách mạng tháng Tám.

Trong thời gian ở Hà Nội, Patti đã có những hành động thiết thực để thể hiện cảm tình của mình (tình cảm đó đã đi suốt cuộc đời ông và đã được ông thể hiện trong những trang viết của cuốn hồi ký "Why Viet Nam?". Trong Tham luận tại Hội thảo Quốc tế về "Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới" do UNESCO tổ chức tại Hà Nội, năm 1990 và trong những lần đến Việt Nam để gặp một người bạn mà ông rất kính trọng là Đại tướng Võ Nguyên Giáp): nhận chuyển giúp một số Thư Điện của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Mỹ, đứng ra làm trung gian cho các cuộc tiếp xúc Việt-Pháp đầu tiên vào tháng 9-1945 và viết những bản báo cáo trung thực, khách quan về tình hình Việt Nam gửi lên cấp trên của mình. Chính vì vậy, Patti đã dành được sự thân thiện và tình cảm đặc biệt của những nhà cách mạng Việt Nam, nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mặc dù vô cùng bận rộn, nhưng Người đã dành nhiều thời gian để trao đổi, tâm sự với Patti và thực sự coi Patti như một người bạn. Trước ngày Lễ độc lập, chính Patti là người được Chủ tịch Hồ Chí Minh cho xem và trao đổi ý kiến về nội dung của bản Tuyên ngôn Độc lập do Người soạn thảo Ngày 2-9-1945, cùng với nhóm công tác của mình, Patti đã có mặt tại Quảng trường Ba Đình và đã miêu tả một cách chi tiết sinh động và hấp dẫn về sự kiện lịch sử này trong những trang viết của thiên hồi ký "Why Viet Nam" (Tại sao Việt Nam):

"... Ngày chủ nhật đầu tiên trong tháng Chín là ngày lễ các Thánh tử vì đạo của riêng hơn một triệu dân theo Thiên Chúa giáo ở Bắc Việt Nam. Có thể cũng là một sự trùng hợp

ngẫu nhiên mà Hồ Chí Minh đã chọn ngày đó làm Ngày Lễ Độc lập. Tại các nhà thờ Thiên Chúa giáo, cũng như các nhà chùa Phật giáo, buổi lễ vẫn tiến hành long trọng, các bài thuyết pháp có thêm ý nghĩa chính trị ủng hộ chính phủ mới thành lập và nền độc lập của Việt Nam. Từ sớm tinh mơ, dân chúng Hà Nội như các bầy ong, từng đoàn lúc lớn lúc nhỏ lũ lượt dần dần kéo đến cạnh Quảng trường Ba Đình. Ở nhiều chỗ là một khối dân chúng các làng ngoại ô. Đi theo trong biển người đó, có cả những toán nhân dân miền núi với y phục địa phương của họ và nông dân trong những bộ khăn áo cổ truyền. Giữa các khối khác nhau, người ta dễ dàng nhận ra các tổ chức của công nhân, sơ mi trắng, quần dài hoặc quần soóc trắng hoặc xanh. Phụ nữ mặc áo dài trắng hay màu sáng, tay khoác nón. Cho đến tận trưa, cả toán OSS của chúng tôi lẫn lộn ngoài phố, chụp ảnh ghi chép về các nhóm người, các sự kiện, các khẩu hiệu, biểu ngữ, áp phích... Có nhiều khẩu hiệu bằng tiếng Pháp, Anh, một số bằng tiếng Việt Nam: Việt Nam của người Việt Nam". "Hoan nghênh Đông Minh", "Hoan nghênh Phái đoàn Mỹ", "Thà chết không nô lệ"... Khoảng trưa, Knapp Bermque, Grelecki và tôi đi về phía Quảng trường Ba Đình. Tôi đã quyết định từ chối lời mời của ông Hồ đến khu vực Lễ đài dành cho quan khách để đi xem buổi lễ như một người quan sát trong quần chúng. Chúng tôi chọn được một địa điểm thuận lợi ngay trước lễ đài, giữa đám viên chức địa phương. Trong khi chờ đợi ông Hồ và các quan chức tùy tùng tới, tôi nhìn thấy một toán cố đạo Thiên chúa giáo mặc áo thầy tu trắng và xanh đen, có cả chức sắc mang khăn quàng và dải viền đỏ. Cách họ không xa, là các nhà sư Phật giáo khoác cà sa màu da cam rồi đến các chức sắc Cao Đài, áo dài trắng có tua và khăn quàng sắc sỡ... Đội danh dự và công tác bảo vệ được giao cho bộ đội bảo vệ của Võ Nguyên Giáp và Chu Văn Tấn, lực lượng được huấn luyện, trang bị, có kỷ luật nhất của họ. Mũ bác, đồng phục kaki, quần soóc, tất cao, họ trưng bày các vũ khí mới một cách hãnh diện lúc trong tư thế đứng "ng nghiêm", lúc "ng nghỉ". Ở đó còn có các tự vệ dân quân, mặc lẫn lộn quần áo và binh Pháp hoặc Nhật hoặc quần áo ngắn xanh hay đen, mang theo mọi loại vũ khí cũng lẫn lộn xộn từ súng kíp, gươm, dao dứa, mã tấu có cán gỗ dài và cả gậy lỵ... có thứ hình như họ mới lấy ở đình, chùa ở các làng ra. Tất cả dựng lên một cảnh tượng sinh động đến kinh ngạc.

Mặt trời đã lên cao. Không khí oi bức nhưng đôi lúc cũng có cơn gió nhẹ thổi làm phát phới cả cái biển cờ trên Quảng trường. Cao trên cột trước lễ đài, lá cờ đỏ với ngôi sao vàng lớn phấp phới bay. Bất chợt có tiếng còi và các hiệu lệnh quân sự phát ra từ các đội hình. Đội danh dự và các đơn vị bộ đội đứng thẳng và chăm chú theo dõi có người đã bắt đầu xuất hiện trên lễ đài. Mấy phút sau nổi lên tiếng hô "Bồng súng chào!". Quần chúng bỗng im lặng trong khi các vị chức quyền tìm chỗ đứng vào đường sau cái bao lon được trang trí bằng màu trắng và đỏ. Trên lễ đài, mọi người đều vận đồ trắng, thắt ca vát và để đầu trần, trừ một người nhỏ nhắn mặc áo kaki màu sẫm và có cái gì như cái khăn trùm đầu – Đó là Hồ Chí Minh.

Ông Hồ đứng yên mỉm cười, nhỏ nhắn trong tầm cỡ nhưng vĩ đại trong sự hoan hô của nhân dân ông. Ông giơ tay ra hiệu im lặng và bắt đầu đọc bản Tuyên ngôn, nay trở thành nổi tiếng. Ông Hồ dừng lại đột ngột và hỏi người nghe: "Đồng bào có nghe rõ không?" Quần chúng hô vang đáp lại: "Rõ!". Nghe giọng nói của ông Hồ, bình tĩnh và rõ ràng, âm cúng và thân mật, và nghe thấy được quần chúng trả lời thì chúng tôi không còn nghi ngờ gì nữa là ông đã thấu tới quần chúng. Ông Hồ tiếp tục: "Những lời nói bất hủ này là từ trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776. Nói rộng ra điều đó có nghĩa là. Tất cả nhân dân trên trái đất này sinh ra đều bình đẳng; mọi dân tộc đều có quyền sống; hưởng hạnh phúc và được tự do". Sau đó, quay về bản Tuyên ngôn của Cách mạng Pháp 1791, nói về quyền con người và quyền công dân, ông Hồ nói Bản Tuyên ngôn đã công bố: người sinh ra phải được tự do và có quyền bình đẳng. Đó là những chân lý không thể chối cãi được.

Đến khoảng hai giờ, ông Hồ kết thúc bản Tuyên ngôn và tiếp sau đó là Võ Nguyên Giáp nói về vai trò của Việt Minh, nhấn mạnh vào công tác của Đảng trong lĩnh vực chính trị - quân sự, phát triển kinh tế - xã hội, chương trình giáo dục và văn hoá .. Sau bài diễn văn, các Bộ trưởng mới được chỉ định từng người một được giới thiệu ra mắt nhân dân. Buổi lễ kết thúc bằng việc các Bộ trưởng tuyên bố nguyện trung thành và triệt để ủng hộ Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đầu tháng 10-1945, cơ quan OSS đã bị Tổng thống Truman giải thể, Archimedes L.A. Patty bị triệu hồi về Mỹ. Trước khi Patty lên đường, tôi

ngày 31-9- 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời Patti dự bữa tiệc chia tay và dành cả buổi tối hôm đó để trò chuyện và tâm sự cùng Patti, một con người luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh quý mến và thực sự coi như một người bạn chân thành và thân thiết.

Cuộc chia tay đã để lại trong hồi ức của Patti những ấn tượng không thể phai mờ. Ông kể rằng: "Ông Hồ tiễn tôi ra tận cửa ngoài, cảm ơn tôi đã tới và nghe ông "diễn thuyết". Ông đặt hai tay lên vai tôi "Bon voyage" (Chúc lên đường may mắn), mong sớm quay trở lại, lúc nào ông cũng được chúng tôi hoan nghênh". Khi xe tôi nổ máy, tôi nhìn lại vẫn thấy bóng nhỏ nhắn của ông ở cửa, vẫy chào tạm biệt. Tôi lại sức nhớ lại cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi trong một tiệm trà ở Chiu Chou Chieh. Ông hiện ra mong manh đấy nhưng thực tế thật là bất khuất.

.....
 Ngày lễ Độc lập 2-9-1945 qua con mắt một người nước ngoài / Theo " Văn Nghệ"

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM – SỰ KIẾN VĨ ĐẠI TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM

Tháng 8 năm 1945, nhân dân ta, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo..., tập hợp trong Mặt trận Việt Minh do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo, đã nhất tề đứng lên phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp kéo dài hơn 80 năm và của phát xít Nhật, lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại ngót một nghìn năm. Đất nước ta, từ một nước thuộc địa, trở thành một nước độc lập dưới chế độ Dân chủ Cộng hoà, nhân dân ta, từ thân phận nô lệ, thành người dân độc lập, tự do, làm chủ nước nhà.

Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới bởi một dân tộc nhỏ đã tự giải phóng khỏi ách đô hộ quốc thực dân. Thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới, đặc biệt là nhân dân châu Á, châu Phi.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 54 Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945) và Ngày Việt Nam tuyên ngôn độc lập (2/9/1945), VOVNews giới thiệu bạn đọc những dấu mốc quan trọng trong cuộc cách mạng lịch sử này...

Những ngày Tháng Tám Ngày 13/8, quân Nhật hàng Đồng minh, Trung ương Đảng Cộng sản và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ cùng ngày, Ủy ban Chỉ huy lâm thời Khu giải phóng công bố Mệnh lệnh khởi nghĩa. Ủy ban Khởi nghĩa ra quân lệnh số 1: "Giờ tổng khởi nghĩa đã đến! Cơ hội có một cho quân, dân Việt Nam cùng giành lấy quyền độc lập của nước nhà... Chúng ta phải hành động nhanh với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!... Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta!"

Cũng trong ngày này, Hội nghị Toàn quốc của Đảng khai mạc tại Tân Trào (Tuyên Quang). Tham gia Hội nghị có đại biểu các đảng bộ và một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài. Trên cơ sở phân tích tình hình, Hội nghị quyết định Đảng phải kịp thời phát động và lãnh đạo toàn dân khởi nghĩa; đề ra những nhiệm vụ cần thiết, cấp bách trong công tác đối nội, đối ngoại sẽ thi hành sau khi giành được chính quyền. Hội nghị thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh.

Hội nghị toàn quốc của Đảng vừa kết thúc, Đại hội Quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập đã khai mạc tại Tân Trào (Tuyên Quang) vào ngày 16/8/1945. Hơn 60 đại biểu thay mặt cho ba miền Bắc, Trung, Nam, kiều bào ở nước ngoài, các đảng phái, đoàn thể, dân tộc, tôn giáo, tiêu biểu cho ý chí thống nhất của toàn dân tộc về dự Đại hội. Đại hội đã ủng hộ chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng; thông qua 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh; quyết định thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

Khắp nơi, quần chúng hưởng ứng lệnh Tổng khởi nghĩa đã đồng loạt nổi dậy. Ở những vùng xa xôi, dù chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa, nhưng căn cứ vào tình hình cụ thể và vận dụng Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", các địa phương đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa.

Ngày 14/8/1945, lực lượng vũ trang Quảng Ngãi giành chính quyền thắng lợi.

Từ ngày 14 đến ngày 18/8, các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái; hầu hết các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng; các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên-Huế, Khánh Hòa... lần lượt nổi dậy giành chính quyền.

Ngày 16/8/1945, một đơn vị Quân giải phóng đã tiến công thị xã Thái Nguyên và ngày 17/8, tiến công vào thị xã Tuyên Quang. Một số địa phương ở Hải Ninh, Quảng Yên, Kiến An nổi dậy.

Ngày 17/8, một số vùng ngoại ô Hà Nội đã khởi nghĩa giành thắng lợi.

Ngày 18/8, lực lượng khởi nghĩa ở Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Mỹ Tho giành chính quyền.

Tại Hà Nội: Xứ ủy Bắc Kỳ quan tâm đặc biệt tới địa bàn Hà Nội vì Hà Nội có tầm quan trọng chiến lược đối với Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Ủy ban Quân sự Cách mạng Hà Nội (tức Ủy ban Khởi nghĩa) được thành lập ngày 15/8.

Ngày 17/8: Được tin Tổng hội viên chức sẽ tổ chức một cuộc mít tinh lớn vào chiều 17/8 tại Nhà hát lớn để ủng hộ Chính phủ bù nhìn, Ủy ban Khởi nghĩa quyết định biến cuộc mít tinh ấy thành cuộc mít tinh của quần chúng ủng hộ cách mạng. Chiều hôm đó, đông đảo quần chúng trong các tổ chức cứu quốc thuộc nội, ngoại thành Hà Nội, tự vệ chiến đấu, tuyên truyền xung phong được bí mật huy động đến Nhà hát thành phố. Khi cuộc mít tinh vừa khai mạc thì cờ đỏ sao vàng xuất hiện trước đám đông. Các đội viên tuyên truyền xung phong Việt Minh xông lên dẫn đầu, thông báo tin Nhật đầu hàng và kêu gọi nhân dân khởi nghĩa. Cuộc mít tinh biến thành cuộc tuần hành ủng hộ Việt Minh. Quần chúng tự động xếp thành đội ngũ, có các đội viên tự vệ chiến đấu dẫn đầu, đi từ Nhà hát lớn qua các phố trung tâm, hô vang khẩu hiệu: "ủng hộ Việt Minh", "Đả đảo bù nhìn", "Việt Nam độc lập". Trước khí thế cách mạng của quần chúng Thủ đô dâng cao, chính quyền bù nhìn không dám chống cự, quân Nhật không dám can thiệp. Ủy ban Khởi nghĩa quyết định khởi nghĩa giành chính quyền vào ngày 19/8/1945.

Ngày 18/8, cờ đỏ sao vàng xuất hiện trên các đường phố Hà Nội, từ Bưởi qua Dịch Vọng, xuống Tương Mai, Mai Động...

Sáng 19/8, hàng chục vạn nhân dân nội, ngoại thành Hà Nội xuống đường biểu dương lực lượng. Tất cả tập trung trước Nhà hát lớn. Đúng 11 giờ, Ủy ban Khởi nghĩa đọc lời kêu gọi khởi nghĩa. Sau đó, cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu tình vũ trang giành chính quyền. Quần chúng cách mạng, có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, lần lượt chiếm các cơ quan đầu não của địch: Phủ Khâm sai Bắc Bộ, Sở Mật thám, Sở Cảnh sát Trung ương, Sở Bưu điện, Trại Bảo an binh... Tối 19/8/1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội đã kết thúc hoàn toàn thắng lợi.

Ngày 20/8/1945, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời Bắc Bộ và Ủy ban Nhân dân Cách mạng Hà Nội chính thức thành lập.

Cùng với Hà Nội, nhân dân các tỉnh Thái Bình, Phúc Yên, Khánh Hòa giành chính quyền thắng lợi vào ngày 19/8. Sau đó, các cuộc khởi nghĩa nổ ra đồng loạt mang tính dây chuyền, thành công nhanh chóng tại các tỉnh trên cả nước: Thanh Hóa, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thái Nguyên, Sơn Tây (20/8), Yên Bái, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Nam Định, Nghệ An, Ninh Thuận, Tân An (21/8); Cao Bằng, Hưng Yên, Kiến An (22/8); Hải Phòng, Hà Đông, Hòa Bình, Quảng Bình, Quảng Trị Bình Định, Lâm Viên, Gia Lai, Bạc Liêu, Thừa Thiên - Huế (23/8).

Tại Huế: Nhận rõ tầm quan trọng của Huế, Trung ương Đảng cùng Đảng bộ Thừa Thiên - Huế xúc tiến mọi việc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Ngày 20/8, Ủy ban Khởi nghĩa tỉnh được thành lập. Ủy ban quyết định giành chính quyền vào ngày 23/8. Hàng chục vạn nhân dân, bao gồm cả nông dân các huyện kéo về biểu tình thị uy chiếm các công sở.

Đêm 23/8, Chính phủ Cách mạng lâm thời gửi điện đòi Bảo Đại thoái vị. Chiều 30/8, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại Ngọ Môn. Trước hàng vạn quân chúng, Bảo Đại đọc chiếu thoái vị, nộp ấn, kiếm cho Phái đoàn Chính phủ lâm thời. Chế độ phong kiến sụp đổ.

Ngày 24/8, khởi nghĩa tiếp tục nổ ra và giành thắng lợi ở các tỉnh Hà Nam, Quảng Yên, Đắc Lắc, Phú Yên, Gò Công. Ngày 25/8, chính quyền bù nhìn bị đánh đổ ở thị xã Lạng Sơn, Phú Thọ, Kon Tum, Bình Thuận.

Tại Sài Gòn, từ ngày 20-8 cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện công khai, khí thế cách mạng của nhân dân sôi sục. Xứ ủy Nam Kỳ quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh vào ngày 25-8.

Sáng 25-8, các đơn vị "Xung phong công đoàn", "Thanh niên tiên phong", công nhân, nông dân từ các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Mỹ Tho kéo về có trang bị giáo mác, gậy tầm vông tràn ngập đường phố. Quân chúng nhanh chóng làm chủ tình thế, chiếm Sở Mật thám, Sở Cảnh sát, Nhà ga, Bưu điện, Nhà máy điện... và giành toàn bộ chính quyền ở Sài Gòn.

Đồng thời với khởi nghĩa ở Sài Gòn, nhân dân các tỉnh Nam Bộ như Chợ Lớn, Gia Định, Sóc Trăng, Long Xuyên, Vĩnh Long, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Trà Vinh, Tây Ninh, Bến Tre, Sa Đéc đã khởi nghĩa giành thắng lợi.

Ngày 26/8, thị xã Hồng Gai, Sơn La, Châu Đốc, Biên Hòa, Cần Thơ được giải phóng. Ngày 27/8, nhân dân Rạch Giá giành chính quyền.

Ngày 28/8, chính quyền bù nhìn bị lật đổ ở Đồng Nai Thượng, Hà Tiên.

Chỉ trong vòng 2 tuần lễ, cuộc tổng khởi nghĩa của nhân dân ta giành thắng lợi hoàn toàn. Chế độ thuộc địa và chế độ quân chủ từng ngự trị trên đất nước ta bị lật nhào. Tuy nhiên, một vài nơi như thị xã Vĩnh Yên, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Móng Cái, Hải Ninh do quân Tưởng và bọn phản động chống lại nên sau một thời gian dài đấu tranh gay go, phức tạp mới giành được thắng lợi. Ngày 25/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Ủy ban Dân tộc Giải phóng từ Tân Trào về đến Hà Nội.

Ngày 27/8/1945, Ủy ban Dân tộc Giải phóng triệu tập cuộc họp các thành viên trong Ủy ban. Trong cuộc họp này, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam do Đại hội quốc dân Tân Trào bầu ra được cải tổ thành Chính phủ Cách mạng lâm thời, nhằm đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ tiến bộ.

Ngày 28/8/1945, danh sách các thành viên của Chính phủ được công bố trên các báo ở Hà Nội, gồm 15 người, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Ngày 2/9/1945, tại cuộc mít tinh ở Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước đông đảo nhân dân Thủ đô và các vùng lân cận tham dự, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với toàn thể nhân dân Việt Nam, với thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập, tự do ra đời!

Ngày 2/9/1945 đã trở thành mốc son chói lọi trong lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam và được xác lập là ngày Quốc khánh của Việt Nam./.

.....
Cách mạng Tháng Tám - Sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam / BTS – VOV / Nguồn: Trang tin Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam

TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Cách mạng Tháng Tám là bước nhảy vọt vĩ đại của tư tưởng phát triển, đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Độc lập, tự do, hạnh phúc, mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng, đó là những chân lý có sức mạnh mãnh liệt phát huy và khơi dậy sức mạnh của một dân tộc bị nô

dịch, áp bức, bị chiến tranh và nạn đói tàn phá. Chính những tư tưởng bất hủ này đã trở thành sức mạnh vật chất của cả một dân tộc, chấp cánh cho dân tộc Việt Nam làm nên những kỳ tích trong chiến đấu và dựng nước. Rất nhiều tư tưởng mới đó đã được khoa học sau này xác nhận và mở rộng ý nghĩa cũng như nội hàm của các tư tưởng đó.

Năm 1945, ngân khố của nhà nước khánh kiệt nhưng nguồn vốn xã hội trong dân được động viên qua các tuần lễ vàng, các hoạt động đóng góp, vượt lên được nạn đói, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho kháng chiến. Sức mạnh của dân tộc đã cảm hóa được đến những lực lượng khôn khổ nhất của đất nước: lịch sử đã ghi lại sau Cách mạng tháng Tám những tay anh chị, ăn cắp, ăn trộm ở thành phố cũng thôi không hoạt động, lực lượng cảnh sát không phải lo về trật tự xã hội. Khái niệm về vốn xã hội (social capital) đến năm 1986 mới được Piene Bourdieu định nghĩa thực ra đã được Hồ Chí Minh vận dụng và nhân dân Việt Nam phát huy từ tháng Tám 1945: *niềm tin, sự hợp tác đã thể hiện qua sự đóng góp hy sinh của tất cả các tầng lớp nhân dân, người góp của, kẻ góp công, xẻ của, xẻ nhà đùm bọc hàng triệu đồng bào tản cư, tránh giặc*. Chính sức mạnh của dân đó đã thay thế được những thiếu hụt về ngân sách của nhà nước, làm giảm rất nhiều gánh nặng công việc của bộ máy nhà nước thông qua các hình thức tự tổ chức cuộc sống, cuộc chiến đấu, tự quản lý và tổ chức sinh hoạt, học tập.

Tự do là một giá trị gắn liền với phát triển và văn minh. Loài người, từ xã hội nô lệ, trải qua giai đoạn phong kiến, kinh tế thị trường để tiến tới một xã hội mà Karl Marx đã mô tả là xã hội mà "*sự tự do của mỗi một người là điều kiện cho sự tự do của tất cả mọi người*".

Tức là **tự do đem lại sự phát triển** và muốn xã hội phát triển thì người dân phải có tự do sáng tạo, kinh doanh, cất tiếng nói. Từ một xã hội bị hạn chế và ràng buộc bởi chế độ thực dân, áp bức, sự tự do mà Cách mạng tháng Tám đem lại đã biến thành sức mạnh của hàng triệu người. Mô hình kinh tế tập trung quan liêu bao cấp trước đây xa rời tư tưởng tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm hay ngày nay những lĩnh vực nào hạn chế tự do kinh doanh của các thành phần kinh tế, hạn chế cạnh tranh thì xã hội chịu thiệt vì chi phí cao. Nơi đâu, lúc nào xa rời tư tưởng của Hồ Chí Minh, hạn chế tiếng nói xây dựng, phê phán lành mạnh của người dân đều dẫn đến trì trệ, suy thoái về kinh tế và xã hội. Khoản trong nông nghiệp và Luật Doanh nghiệp là những thí dụ đầy thuyết phục về sức mạnh của tự do. Ngày nay, khi loài người đã chuyên sang giai đoạn kinh tế tri thức, đòi hỏi sự sáng tạo, khi thông tin có sức mạnh vật chất, khi thời gian là một yếu tố quan trọng trong kinh doanh thì tự do tiếp nhận thông tin, như thông tin qua Internet làm một nền tảng cơ bản của phát triển.

Chính Bác Hồ đã đặt ra ba nhiệm vụ "*diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm*", tức là Bác Hồ đã là chủ tịch nước đầu tiên ở nước ta đã có sáng kiến và phát động công cuộc xóa đói, giảm nghèo từ năm 1945 chứ không phải là mãi đến những năm 1990 mới theo Ngân hàng Thế giới để phát động. Và tư tưởng coi giáo dục là động lực để phát triển đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn, nhắc nhở đối với toàn dân, với thanh niên. Amartya Sen, nhà kinh tế học Ấn độ được giải thưởng Nobel năm 1998 đã đem lại chứng minh khoa học cho nhận thức *giáo dục, tri thức là động lực là nhân tố quan trọng của phát triển*. Thực là một điều đáng khâm phục là năm 1945 trong khi 95% dân số còn mù chữ và vừa thoát khỏi nạn đói thì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lập ra một Chính phủ có trí tuệ nhất, có tính đại diện nhất cho dân tộc ở Đông Nam Á này. Thực là một niềm tự hào là trong thời kỳ gian khổ nhất, thiếu thốn nhất thì chính quyền của chúng ta lại trong sạch hơn bây giờ rất nhiều.

Tự do cũng bao hàm quyền được sáng tạo, được tìm tòi, được học từ những cái sai trong quá khứ. Trong Hiến pháp năm 1946 đã quy định đầy đủ nhất các quyền tự do của người dân như tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tự do kinh doanh v.v. .

Và dân chủ là công nhận và thực hiện quyền "*mọi người sinh ra đều bình đẳng*", là tạo ra sự bình đẳng trước pháp luật. Pháp luật phải công nhận và thực hiện các quyền tự do dân chủ

của người dân chứ không phải để hạn chế các quyền của dân. Pháp luật phải hạn chế các hành vi của các quan chức nhà nước, ngăn chặn và trừng phạt mọi sự lạm dụng quyền lực để mưu cầu tư lợi bất hợp pháp và những nhiễu dân lành.

Một tư tưởng phát triển rất tiên bộ là vai trò và chức năng của bộ máy nhà nước. Bác Hồ đã xác định công chức nhà nước là công bộc của dân, phục vụ dân, thực hiện các quyền của người dân chứ không phải là những "quan cách mạng". Tính chất mới này của bộ máy nhà nước là một sự phát triển tiến bộ vượt trước thời gian và vẫn giữ nguyên giá trị cho đến hôm nay và đã được các lý thuyết về vai trò của nhà nước xác nhận. Chúng ta thực ra đã xa rời rất nhiều các chỉ thị này của Bác Hồ khi ngày nay người dân còn gặp quá nhiều cản ngại trong quan hệ với bộ máy nhà nước. Thậm chí, những tư tưởng cho rằng "sổ đỏ, giấy hồng" là sự "xác nhận quyền sở hữu" của người dân là một sự ngộ nhận ghê gớm. Người dân có quyền sở hữu, quyền sử dụng trên mảnh đất tổ tiên của họ. "Sổ đỏ, giấy hồng" chỉ cần thiết khi người dân có tranh tụng hay mua bán, không phải cơ quan nhà nước ban phát cái quyền đó cho người dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nêu tấm gương sáng về sự gần dân, lắng nghe ý kiến của dân, thông cảm với khó khăn của người dân. Người thường đi thăm nhà ăn và không ngần ngại đến cả nơi vệ sinh của các cơ quan, trường học, yêu cầu phải thực hiện sinh hoạt văn minh, ngăn nắp, sạch sẽ. Tấm gương tiết kiệm, giản dị của Người đến bây giờ lại càng có giá trị khi chúng ta chứng kiến biết bao đại hội, tiêu hội toàn lãng phí tiền của dân mà đem lại quá ít lợi ích thiết thực.

Người xưa đã nói, lấy gương để sửa mình thì có thể sửa được đầu tóc, trang phục nhưng lấy lịch sử để soi mình thì có thể học được những bài học lớn cho phát triển. Cái mới nhiều khi chính là cái đúng đã bị che khuất hoặc lãng quên trong quá khứ được khôi phục và tái xuất hiện. Đổi mới năm 1986 chính là quay trở lại với quyền tự do kinh doanh đã được công nhận trong Hiến pháp 1946, được nâng lên và vận dụng phù hợp với thời đại ngày nay.

Kỷ niệm 60 năm Cách mạng tháng Tám một cách tốt nhất là kiên trì vận dụng những tư tưởng phát triển rất tiên bộ và đúng đắn của Bác Hồ.

.....
Tiếp tục phát triển tư tưởng của Cách mạng tháng Tám / Lê Đăng Doanh / Nguồn: Tạp chí Tia Sáng, 2006

GẶP LẠI HAI NGƯỜI KÉO CỜ TỔ QUỐC TRONG LỄ TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP QUỐC VIỆT

Hai thiếu nữ được vinh dự kéo lá cờ Tổ quốc trong lễ Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945 bây giờ đã ngoài 70 tuổi, và trong tâm khảm của họ thì đó là kỷ niệm sâu sắc nhất trong cuộc đời, đó là giáo sư Lê Thi và Cựu chiến binh Đàm Thị Loan. Bà Lê Thi tiếp tôi trong không khí náo nhiệt và rộn rã của mùa thu lịch sử. Mỗi lần được trò chuyện với bà, tôi càng khâm phục nghị lực của một nữ sinh trường Đồng Khánh tham gia các phong trào yêu nước từ năm 1941 rồi trở thành chiến sĩ trung đoàn Thủ đô. Bây giờ đã 75 tuổi bà mới có chút ít thời gian rảnh rỗi để suy nghĩ, chiêm nghiệm lại cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Trò chuyện với bà, tôi cảm nhận được niềm băng khuâng, xao xuyến khi nhắc tới một thời sục sôi nhiệt huyết cách mạng của nữ sinh Hà Nội. Cuộc đời bà như một cuốn phim tư liệu lịch sử thật phong phú. Bà kể rằng: Trường nữ sinh Đồng Khánh thời ấy khép kín với xã hội bên ngoài, sau này suy nghĩ lại bà càng hiểu âm mưu thâm độc của người "Tây" là nhằm ngăn chặn luồng gió cách mạng thổi vào tâm hồn tuổi trẻ. Cuộc sống tưởng chừng cứ yên ả trôi đi. Nhưng năm 1943 được nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đến dạy hát bài "Thiếu nữ Việt Nam" thì việc học hành bị chệch mảng, nữ sinh tham gia nhiều hoạt động yêu nước. Có một hoạt động yêu nước, ủng hộ Việt Minh, mà bà Lê Thi cho đó là buổi đầu tiên làm cách mạng

là các nữ sinh bí mật tổ chức một buổi biểu diễn văn nghệ để lấy tiền ủng hộ Hội truyền bá quốc ngữ. Bà tâm sự, ngày ấy nữ sinh chỉ biết Việt Minh và cụ Nguyễn Ái Quốc thông qua những tờ truyền đơn, giấu kín rồi chuyền tay nhau đọc. Thế là ai cũng háo hức muốn được tham gia hoạt động. Vì thế mà những cuộc mít tinh, biểu tình ủng hộ Việt Minh thu hút nhiều nữ sinh tham gia. Nhiều nữ sinh ít lâu sau rời bỏ trường học, bí mật tham gia các hoạt động do Việt Minh tổ chức. Đầu năm 1945 bà Lê Thi được kết nạp vào đoàn Phụ nữ cứu quốc, được luyện tập quân sự, như con chim sổ lồng... Bà xúc động khi nhớ tới giây phút lịch sử của buổi sáng ngày 2/9/1945. Lá cờ đỏ sao vàng năm cánh đã xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1941 nhưng đã phải trải qua bao hy sinh, gian khổ để được tung bay giữa phố phường Hà Nội, trên quảng trường Ba Đình vào giây khắc thiêng liêng của lịch sử: Từ một nước nô lệ trở thành một nước độc lập, tự do. Bà Lê Thi kể: Việc tôi được chọn kéo cờ trong lễ Tuyên ngôn Độc lập thật ngẫu nhiên. Lúc ấy tôi cứ nghĩ là việc bình thường mà nữ tự vệ Hà Nội nào cũng làm được, bây giờ nghĩ lại mới hiểu được bạn bè dành cho mình niềm vinh dự lớn lao. Trước lễ mít tinh, ban tổ chức yêu cầu tự vệ Hà Nội cử một người lên kéo cờ. Mọi người nhìn tôi bằng đôi mắt tự tin và khuyến khích. Tôi bối rối, lòng rạo rực cứ nấn ná thì mọi người càng thúc giục, thế là tôi mạnh dạn bước lên dưới chân cột cờ. Ngày ấy tôi mặc bộ quần áo dài trắng, đi dép ba ta trắng. Đứng dưới cột cờ mà tim đập thình thịch, tay cứ run run. Cùng kéo cờ với tôi có một nữ chiến sĩ dân tộc Tày, mặc bộ quần áo màu lam. Chúng tôi chưa kịp làm quen với nhau thì bản nhạc "Tiến quân ca" đã vang lên. Cả hai chúng tôi đều ngược nhìn lá cờ từ từ tiến lên, đến khi bản nhạc kết thúc thì lá cờ đỏ sao vàng cũng vừa lên tới đỉnh cột. Lúc ấy tôi mới trấn tĩnh nhìn một biển người rục rờ cờ hoa đang hô vang khẩu hiệu: Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh! Rồi cả biển người bỗng im phăng phắc lắng nghe Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập. Cho tới lúc này thì tôi mới rõ Nguyễn Ái Quốc chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lần đầu tiên được nhìn thấy Người, tôi đã bị cảm hóa ngay bởi đức tính giản dị và gần gũi. Tôi còn nhớ như in, khi đang đọc, Người bỗng dừng lại và hỏi: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?". Cả rừng người đồng thanh đáp: Thưa Bác nghe rõ! Từ giây phút ấy Người hóa thân với nhân dân. Sau này có điều kiện nghiên cứu tôi đã viết một số cuốn sách về Người, nhưng không bao giờ quên được một cử chỉ ân cần, sâu sắc của vị lãnh tụ đối với nhân dân trong buổi đầu lập nước. Kỷ niệm sâu sắc ấy theo suốt cuộc đời tôi. Người nữ chiến sĩ cùng kéo cờ với tôi mãi hơn 50 năm sau mới có dịp gặp lại trong cuộc gặp mặt chiến sĩ trung đoàn Thủ đô tại Viện bảo tàng Quân đội. Chúng tôi ôm chầm lấy nhau, hạnh phúc, vui sướng đến trào nước mắt. Bây giờ tôi mới biết chị tên là Đàm Thị Loan. Sau hòa bình lập lại, năm 1956 bà Lê Thi đi học lớp lý luận cao cấp đầu tiên ở trường Nguyễn Ái Quốc và bà đã làm luận văn: "Con đường lên xã hội chủ nghĩa". Sau này bà được giao đảm trách nhiều cương vị công tác khác nhau. Dù bận nhiều việc nhưng bà đã dành thời gian thích hợp để nghiên cứu và viết sách. Đến bây giờ bà đã viết được 8 đầu sách, trong đó có những cuốn đáng chú ý: "Bác Hồ và phong trào phụ nữ Việt Nam"; "Chủ tịch Hồ Chí Minh và con đường đưa phụ nữ Việt Nam tới bình đẳng, tự do"... Các cuốn sách khác bà đề cập đến vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Bà tích cực tham gia vào các hoạt động vì sự bình đẳng giới. Ngoài ra, bà còn chủ biên 6 cuốn sách, trong đó có cuốn: "Dương Quảng Hàm- con người và tác phẩm" để tỏ lòng thành kính với người cha thân yêu, đồng thời giới thiệu rộng rãi sự nghiệp và những tác phẩm của ông đối với nền giáo dục của đất nước. Khi nghỉ hưu bà được tin nhiệm giao làm chủ tịch Hội đồng tư vấn quỹ Bảo trợ bình đẳng giới Việt Nam do Đại sứ quán Đan Mạch và Thụy Điển tài trợ. 5 năm qua bà đã chủ trì phê duyệt 300 dự án ở các địa phương từ miền núi phía Bắc đến Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long để đưa lại những hiệu quả thiết thực. Công việc cuốn hút khá nhiều thời gian, nhưng mỗi khi được nghỉ ngơi bà lại say mê nghiên cứu và viết sách. Người phụ nữ kéo cờ thứ hai, bà Đàm Thị Loan (Phu nhân cố Đại tướng Hoàng Văn Thái) năm nay cũng đã 76 tuổi. Bà là một trong số 34 đội viên tuyên truyền giải phóng quân. Nhắc tới cuộc đời hoạt động cách mạng, bà thường kể về những năm tháng tham gia kháng chiến, khi tiến về Hà Nội được cấp trên giao nhiệm vụ kéo cờ Tổ quốc trong lễ Tuyên ngôn Độc lập tại quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945. Kỷ niệm ấy làm bà như trẻ lại, sôi nổi và thanh thản hơn. Trong cuốn hồi ký "Từ Việt Bắc đến Tây Ninh" bà đã kể lại những kỷ niệm sâu sắc trong quá trình hoạt động cách mạng cũng như sau này làm công tác cơ yếu ở Bộ tổng Tham mưu. Vài năm gần đây, căn bệnh tai biến mạch

máu não đã làm giảm trí nhớ của bà. Hàng ngày con cháu thường dẫn bà đi bách bộ từ đường Lý Nam Đế ra quảng trường Ba Đình lịch sử. Vào mỗi buổi sáng, bà đứng rất lâu ngắm lá cờ Tổ quốc tung bay phấp phật, lòng lại bồi hồi, xao xuyến nhớ thuở mười tám đôi mươi cách đây 58 năm trên quảng trường này bà đã có vinh dự lớn, kéo lá cờ Tổ quốc trong buổi khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

.....
*Gặp lại hai người kéo cờ tổ quốc trong lễ Tuyên ngôn Độc lập Quốc Việt / BTS / Nguồn:
 Trang tin Báo điện tử ĐCSVN*

BÁC HỒ VỚI NGÀY 2-9-1945

Tết Nguyên đán Tân Tỵ năm 1941, sau 30 năm đi tìm đường cứu nước, Bác Hồ trở về Tổ quốc tại cột mốc 108, thuộc xã Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng, một xã nằm sát biên giới Việt - Trung. Sau khi về đến Pác Bó, Bác và các đồng chí trong đoàn được gia đình ông Máy Lý, cơ sở cách mạng của ta đưa đến hang đá bí mật trên núi của gia đình. Đó là hang Cốc Bó, ngay sau núi là đất Trung Quốc. Quả núi có hang đá, cảnh vật xung quanh thật hùng vĩ và nên thơ, giữa núi có một bức nhũ đá hình người có râu, sau đó bác đã khắc thành tượng Các Mác. Bên ngoài hang có con suối nhỏ nước trong xanh xuôi dòng về làng Pác Bó, Bác đặt tên là suối Lê-nin. Những ngày ở hang Pác Bó, Bác ngồi làm việc trên tảng đá bên suối Lê-nin và từ địa điểm lịch sử, từ chiếc bàn đá ấy, Bác Hồ của chúng ta đã vạch đường chỉ lối đưa con thuyền cách mạng Việt Nam đi tới đích bằng cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945. Hà Nội giành chính quyền thành công, ngày 25-8-1945, Bộ Chính trị đón Bác về Phú Gia. Chiều ngày 26-8, đồng chí Trường Chinh cho xe ô tô bí mật đón Bác về Hà Nội. Sau khi đi qua đê Yên Phụ, xuống dốc Hàng Than, qua Hàng Giấy, rẽ phố Hàng Mã, xuống Hàng Cân, đồng chí Trường Chinh đưa Bác đến số nhà 35 cuối phố, (căn nhà này còn có lối cửa trước là 48 Hàng Ngang) Bác đi lên gác hai. Ngôi nhà Bác đến là của gia đình ông Trịnh Văn Bô, nhà 3 tầng. Tầng 1 gia đình vẫn bán hàng, tầng 2 Bác ở, tầng 3 gia đình ở. Khi Bác đến, chủ nhà chỉ biết đó là một người đàn ông, dáng thư sinh, mặc quần sóc, áo sơ mi nâu, đội mũ bạt, chân đi dép có in hình con hổ. Bác đến được một ngày thì ngày 27/8, lúc đó đã 7 giờ tối, đồng chí Trần Đăng Ninh đến gặp tôi bảo: "Đi công tác đột xuất". Tôi hỏi lại: "Đi có lâu không?" Anh Ninh trả lời tôi ngắn gọn "Lâu, mang theo 2 bộ quần áo thay đổi". Anh Ninh trả lời rồi kéo tôi đi luôn. Chúng tôi đi bộ qua các phố, khoảng 9 giờ thì tới số nhà 48 Hàng Ngang. Trên đường đi anh Ninh nói nhỏ: "Đồng chí được chọn làm thư ký cho Cụ". Vì không biết rõ là cụ nào tôi thành thật hỏi lại: "Thưa anh, cụ nào?". "Cụ Nguyễn Ái Quốc". Vừa nghe thấy vậy, tâm trạng tôi lâng lâng, phấn khởi và tự hào nhưng pha lẫn nỗi lo lắng không biết có hoàn thành được nhiệm vụ không. Anh Ninh dẫn tôi lên gác 2, tại đây tôi gặp anh Khang và anh Trần. Lúc này, tôi thấy Bác đang họp ở phòng bên. 10 giờ xong việc, tôi được anh Ninh dẫn đến trước mặt Bác báo cáo. Quan sát thấy bác mặc bộ quần áo màu nâu, trông bác gầy yếu nhưng đôi mắt thì rất sáng. Bác ân cần nhìn tôi hỏi: - *Tên chú là gì? Nghe Bác hỏi, tôi sợ sệt luống cuống trả lời: - Thưa Cụ, cháu tên Nguyễn Cần ạ.* Do tôi nói nhỏ quá, Bác nghe chưa rõ, nên hỏi lại: - *Cần hả? Cần là tốt, là cần thận. Thôi chú đi nghỉ đi, sáng mai Bác gặp. Sáng hôm sau tôi dậy sớm thì thấy Bác đã dậy.* Tôi sang chỗ Bác, lúc này có hai Bác cháu, Bác hỏi lại "Tên chú là gì?". "Thưa Cụ, tên cháu là Nguyễn Cần", lần này tôi nói rõ ràng, mạch lạc, nên Bác nghe rõ. Bác bảo: "Cần à, tốt lắm, là cần, kiệm, liêm, chính". Sau thời gian làm việc với Bác, tôi mới biết mình là người được các anh Trung ương chọn làm thư ký cho Bác. Vì hai người kia có công việc rồi, nên Bác chọn tôi, là người bé nhất, không có chức vụ gì. Sau đó, Bác bảo tôi lấy giấy bút ra, Bác bảo kẻ giấy dòng. Vì hồi ở trường không cần thước nhưng tôi vẫn kẻ dòng rất thẳng, vì vậy lần này tôi cũng dùng tay kẻ. Thấy tôi kẻ được một lúc, Bác sang bàn lấy thước lại và đưa cho tôi căn lại dòng vừa kẻ và thấy lệch nhiều:

Lúc này, Bác bảo: "Làm việc gì to, hoặc bé, phải hết sức cẩn thận". Một lần nữa, Bác bảo tôi: "Chú lấy giấy bút ra đây" rồi đọc cho tôi chép bằng tiếng Pháp lời kêu gọi của Bác gửi nhân dân Pháp. Đây là việc đầu tiên được Bác giao, nên tôi chú ý chép hết sức cẩn thận và đưa cho Bác xem lại. Xem xong, Bác bảo: "Chú học ở đâu mà dốt thế, bài ngắn thế mà 3 lỗi đấy, chú học đến đâu rồi?" Nghe Bác hỏi, tôi báo cáo: "Thưa Cụ, cháu mới học đỗ Ditslomt trường Bưởi, đang học năm thứ nhất tú tài thì mật thám Pháp lùng bắt nên bỏ trốn, cháu bỏ học lâu rồi, nên bị quên ạ". Nghe tôi trình bày, Bác nhẹ nhàng bảo: "Chú biết Bác học đến đâu không? Bác học không bằng chú, nhưng lại sửa lỗi được cho chú, chú biết tại sao không? Vì chú học không liên tục, Bác thì liên tục". Ngày 28/8, thấy Bác ngồi bên phòng làm việc viết liên tục, tôi sang hỏi Bác, Bác bảo: "Bác đang thảo Tuyên ngôn Độc lập". Bác ngồi viết trên chiếc bàn trước đây chủ nhà dùng làm bàn ăn, sau Bác mượn để làm bàn hội họp. Hàng ngày, Bác vẫn đến Bắc Bộ phủ làm việc, tối về 48 Hàng Ngang viết Tuyên ngôn Độc lập. Bác tập trung viết đến ngày 29-8 cơ bản xong. Ngày 30-8, Bác đọc cho tôi viết lại ngắn gọn và sạch sẽ. Sau khi đọc lại Bác đưa cho đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp... xem góp ý kiến. Mọi người đều tán thành, đây cũng là bài viết Bác tâm đắc nhất, mà viết trong thời gian ngắn. Tối 30-8, Bác bảo tôi phác họa toàn cảnh quảng trường Ba Đình. Nhìn phác thảo, Bác hỏi: "Thế đồng bào ta đi vệ sinh ở chỗ nào? Nghe Bác hỏi vậy, tôi cũng bất ngờ, và hứa với Bác sẽ tới Ban tổ chức hỏi lại. Bác bảo: "Nếu như không có nhà vệ sinh, sẽ rất mất trật tự, mất vệ sinh. Hội Bác hoạt động ở Hương Cảng, công nhân đình công, nhưng không được giải quyết họ đã phóng uế, vứt rác bừa bãi. Lần sau họ lại đình công, vì sợ tình trạng như lần trước, nên chính quyền Anh đã phải giải quyết ngay". Sau đó Bác chuyển sang bảo tôi dặn Ban tổ chức: "Nếu như hôm đó mưa, sẽ kết thúc sớm để các cụ, các cháu không bị ốm, giữ gìn sức khỏe cho đồng bào". Chiều 2-9, tôi cùng ngồi xe ô tô với Bác ra Quảng trường Ba Đình. Khi đọc bản Tuyên ngôn đến đoạn: "Nhật bắt nhổ lúa trồng đay, đồng bào ta chết đói hơn 2 triệu người..." thì cả Quảng trường im lặng, Bác tưởng mình nói giọng xứ Nghệ đồng bào không nghe rõ, nên dừng lại và hỏi "Đồng bào nghe rõ tiếng tôi không?". Bác vừa dứt lời thì thấy tiếng đáp lại: "Có... có... có..." rung động cả quảng trường. Tình cảm của vị Chủ tịch hoà với đồng bào cả nước. Đọc xong Tuyên ngôn, Bác về Bắc bộ phủ và tiếp tục họp bàn phương hướng hành động của Chính phủ. Phương hướng lúc này đề ra là phải diệt giặc đói, giặc dốt rồi mới đến giặc ngoại xâm. Ngày 3-9, Bác viết thư cho cán bộ các cấp xã, với nội dung: "Cướp chính quyền không dễ, nhưng để giữ được chính quyền khó khăn hơn nhiều" và kêu gọi nhân dân, cán bộ cần, kiệm, liêm, chính để giữ nước. 57 năm đã trôi qua, vậy mà những kỷ niệm những ngày đầu bên Bác vẫn còn lẩn khuất đâu đây. Cho đến bây giờ, tôi luôn cảm thấy Bác Hồ bên cạnh mình. Những đức tính giản dị, cần kiệm và tư tưởng của Người còn sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc ta.

Bác Hồ với ngày 2-9-1945 / (Đồng chí Vũ Kỳ, nguyên thư ký của Bác Hồ kể) / Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

59 NĂM NGÀY QUỐC KHÁNH, 35 NĂM NGÀY BÁC HỒ ĐI XA

Ngày 2/9, là ngày Quốc khánh nhưng cũng đồng thời là 35 năm ngày Bác Hồ đi xa (2/9/1969 - 2/9/2004). Đã thành thông lệ, ngày 2/9 hàng năm, lăng Bác đều được mở cửa với thời gian dài gấp đôi so với ngày thường.

Lăng Bác, nơi mà mọi người dân đều muốn đến thăm. Ngay từ giờ phút đầu tiên mở cửa, lúc 7h, đoàn người viếng lăng đã kéo dài tới hàng cây số. Một lu hương cũng đã được dựng trước cửa lăng để người dân cả nước có thể bày tỏ lòng kính yêu vị Cha già Dân tộc. Đã 35 năm Bác Hồ đi xa nhưng tình cảm của người dân dành cho Bác vẫn như thời điểm những ngày đầu tháng 9 năm 1969.

Ngày 2/9 năm nay, Lăng Bác lại đón hơn 3 vạn người thăm viếng. Đây là niềm tự hào của những người làm nhiệm vụ bảo quản, gìn giữ thi hài Bác. Tuy nhiên, xét dưới góc độ kỹ thuật và y tế thì đây lại là một khó khăn không nhỏ có thể ảnh hưởng tới nhiệm vụ thiêng

liêng. Hàng vạn người vào lăng chỉ trong thời gian khoảng 7 tiếng đồng hồ sẽ tạo những thay đổi về nhiệt độ cũng như độ tinh khiết của môi trường. Đại tá - Tiến sỹ Lại Văn Hoà - Viện trưởng Viện 69 - Bộ Tư lệnh bảo vệ lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Khi lượng người đến viếng Bác đông như thế này thì môi trường tinh khiết để gìn giữ thi hài Bác cũng sẽ bị ảnh hưởng. Cho nên kể cả công tác kỹ thuật, kể cả công tác y tế đều phải có những biện pháp. Ví dụ công tác kỹ thuật phải đảm bảo thông số để giữ gìn thi hài Bác theo yêu cầu, vì vậy, các thiết bị máy móc cũng phải tăng cường hoạt động. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường cũng phải tăng cường để đảm bảo việc giữ gìn thi hài Bác thật là lâu dài".

Đề dòng người hôm nay có thể được tận mắt nhìn thấy vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu, từ năm 1967, trước cả khi Bác mất, công việc chuẩn bị bảo quản thi hài Bác đã được Đảng và Nhà nước ta tiến hành. Trong suốt 35 năm qua, công việc bảo quản thi hài Bác được chia làm 3 giai đoạn: giai đoạn chiến tranh, giai đoạn hoà bình với sự trợ giúp của các chuyên gia Liên Xô cũ, và giai đoạn hiện nay, giai đoạn chúng ta đang từng bước làm chủ công nghệ bảo quản thi hài Bác. Mỗi thời kỳ đều có những vất vả, khó khăn riêng và việc giữ gìn được thi hài Bác trong tình trạng tốt nhất suốt 35 năm là một kỳ tích, một quyết tâm chỉ có được từ tấm lòng kính yêu vô hạn. Đại tá Đào Hữu Nghĩa - Tư Lệnh Bộ Tư lệnh bảo vệ lăng chủ tịch Hồ Chí Minh, cho biết: "Trong những thời khắc khác nhau, trong điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn, đơn vị luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đặc biệt mà Đảng, Nhà nước và Quân đội giao cho, đó là giữ gìn lâu dài và bảo vệ an toàn tuyệt đối thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh. 29 năm qua, kể từ khi đón Bác về Lăng giữa Ba Đình lịch sử, Bộ Tư lệnh bảo vệ lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng phục vụ tại lăng đón tiếp an toàn và chu đáo gần 29 triệu lượt đồng bào và khách quốc tế vào lăng viếng Bác".

Trong bản đánh giá chính thức vào năm 2003 do một Ủy ban hỗn hợp gồm các nhà khoa học đầu ngành của nước ta và Liên bang Nga nghiên cứu về công trình bảo vệ thi hài Bác đã kết luận: thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh đang được gìn giữ bảo quản trong trạng thái tốt nhất. Hiện nay, trên thế giới chỉ có thi hài của Lenin và Bác Hồ được gìn giữ và phục vụ chiêm ngưỡng.

35 năm canh gác giấc ngủ của Người, trong đó có 29 năm tại quảng trường Ba Đình lịch sử, những người lính thuộc Bộ Tư lệnh bảo vệ lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đang thầm lặng thay mặt cả dân tộc gìn giữ hình ảnh vị lãnh tụ kính yêu. Hiện thực hoá ước mơ của người dân Việt Nam và những người ngưỡng mộ Bác trên thế giới, đó là được tận mắt nhìn thấy Bác Hồ.

.....

59 năm ngày Quốc khánh, 35 năm ngày Bác Hồ đi xa / B.T.S/(Theo VTV)/Nguồn: Trang tin Báo Điện tử ĐCSVN

BÁC HỒ VỚI TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Sáng 30/8/1945, cũng là trên gác 2, số nhà 48 Hàng Ngang, Thường vụ Trung ương Đảng họp dưới sự chủ tọa của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh, thông qua bản dự thảo Tuyên ngôn Độc lập mà Bác vừa hoàn thành đêm trước.

Lúc này, ngoài đường phố vẫn đông vui nhộn nhịp, còn ở đây là một không gian đầy nghiêm trang, lịch sử như đang chậm lại để chứng kiến giây phút thiêng liêng, giây phút giao thừa của toàn bộ dân tộc, chuyển từ kỷ nguyên nô lệ sang kỷ nguyên tự do.

Chiều ngày 30/8/1945, cũng chính trên căn gác, Bác Hồ đã tiếp ông Pat-ti, người đại diện đầu tiên của nước Mỹ trên đất Việt Nam Độc lập. Rất thân tình và cởi mở, Bác Hồ đọc cho các vị khách Mỹ nghe câu mở đầu của bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam. Thoạt đầu những người Mỹ tưởng mình nhằm: "Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền nhu cầu

hạnh phúc". Đây là câu mở đầu của bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ! Các vị khách không giấu nổi ngạc nhiên, Bác Hồ vẫn bình thản diễn tả đúng tinh thần và lời văn của mình. "... Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do..." Từ ngạc nhiên đến xúc động, những người khách Mỹ như phát hiện một điều kỳ lạ ở đất nước xa xôi, chưa từng có tên trong bản đồ thế giới này. Điều kỳ lạ đó được một cụ già mảnh khảnh, mặc chiếc áo nâu, chiếc quần sooc lửng thể hiện bằng một phong thái lịch lãm và một thứ ngôn ngữ uyển chuyển đến mức không thể tưởng tượng nổi... Khi những tia nắng rực rỡ của buổi chiều thu Hà Nội, chiếu dài trên căn gác những người khách Mỹ cáo từ ra về, Bác Hồ tiễn họ ra cửa, vui vẻ báo tin: Chủ nhật 2/9, Chính phủ Việt Nam tổ chức ngày Lễ Độc lập và mời đại biểu của Mỹ tới dự.

Ngày Chủ nhật 2/9/1945, thực sự là một ngày hội lớn của dân tộc Việt Nam, sau gần 100 năm nô lệ. 12h trưa, từng đoàn người đã cuộn cuộn đổ về vườn hoa Ba Đình. Đúng 14h, Bác Hồ dẫn đầu phái đoàn Chính phủ bước lên lễ đài và buổi lễ bắt đầu. Lá cờ đỏ sao vàng rực rỡ từ từ được kéo lên trên nền bài hát "Tiến quân ca" hùng tráng.

Trên lễ đài, Bác Hồ và các thành viên Chính phủ giơ nắm tay chào Quốc kỳ, phía dưới biển người một rừng cánh tay cùng giơ lên. Một giọng nói đậm đà âm sắc xứ Nghệ vang lên: "Hỡi đồng bào cả nước ! Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng..." Cả biển người như kết thành một khối im phăng phắc, lắng nghe từng lời như tằm vào tận trái tim mình... "Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam được quyền hưởng Tự do, Độc lập, và sự thật đã trở thành một nước Tự do - Độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng tính mạng và của cải để giữ vững quyền Tự do Độc lập ấy.

Kết thúc buổi lễ, Bác Hồ bước lên loa phóng thanh nói mấy lời tâm huyết với quốc dân đồng bào: "Giành được Độc lập đã khó nhưng giữ vững Độc lập lại càng khó hơn. Tôi mong rằng đồng bào hãy gắn bó đoàn kết xung quanh Chính phủ để bảo vệ nền Độc lập mà nhân dân đã phải đổ biết bao xương máu vừa giành lại được"./.

.....

Bác Hồ với Tuyên ngôn Độc lập / B.T.S (Theo Tư liệu lịch sử)/Nguồn: Trang tin Báo Điện tử ĐCSVN

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi". Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta.

Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên.

Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát-xít Nhật đến xâm lăng Đông - Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng trị đến Bắc kỳ hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy hoặc đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày mùng 9 tháng 3, biết bao lần Việt minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt minh hơn nữa.

Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng. Tuy vậy, đối với nước Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày mùng 9 tháng 3, Việt minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng, kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Tê-hê-răng và Cựu-kim-son, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập !

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

.....

Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ THỜI ĐẠI CỦA BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

(ĐCSVN)-**Hưởng ứng cuộc thi “tìm hiểu 60 năm nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, đã có nhiều bài dự thi tâm huyết của các thí sinh từ khắp mọi miền đất nước gửi về. Website Đảng Cộng Sản Việt Nam xin trích đăng một số bài tâm huyết của các tác giả dự thi nói về ý nghĩa to lớn của Bản Tuyên ngôn độc lập do Bác Hồ khởi thảo tại Quảng trường Ba Đình 2/9/1945.**

Bằng sự tìm tòi công phu bài dự thi của tập thể hơn 100 đoàn viên, thanh niên trường đại học Ngoại thương Hà Nội về sự ra đời của Bản Tuyên ngôn độc lập.

Bản Tuyên ngôn độc lập ra đời trong hoàn cảnh lịch sử hết sức đặc biệt, một thời điểm trọng đại và phức tạp của lịch sử. Trọng đại ở chỗ nó đã kết thúc 80 năm nhân dân ta phải chịu đau khổ, lầm than dưới ách thống trị của thực dân Pháp, 5 năm bị phát xít Nhật đô hộ và hàng nghìn năm dưới chế độ phong kiến. Phức tạp ở chỗ các lực lượng thù địch vẫn lăm le tái chiếm nước cộng hoà non trẻ, ở miền Nam, thực dân Pháp nấp sau lưng quân đội Anh (thay mặt đồng minh vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật) đang tiến vào Đông Dương, ở miền Bắc là quân đội Tưởng Giới Thạch, tay sai của đế quốc Mỹ, đã chực sẵn ở biên giới; mâu thuẫn giữa Anh - Pháp - Mỹ và Liên Xô có thể làm cho Anh - Mỹ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở lại Đông Dương. Để chuẩn bị cho cuộc xâm lược lần thứ hai này, thực dân Pháp đã tung ra những lý lẽ trong dư luận Thế giới rằng: Đông Dương vốn là thuộc địa của Pháp, Pháp có công khai hoá đất nước này, nay trở lại là lẽ đương nhiên sau khi phát xít Nhật bị quân đồng minh đánh bại.

Bản Tuyên ngôn độc lập là một văn bản chính luận hiện đại với hệ thống lý lẽ đanh thép và hệ thống dẫn chứng hùng hồn không thể chối cãi, có sức thuyết phục cao. Nó là kết quả của tầm nhìn sâu rộng, của bao suy nghĩ trăn trở, và hơn cả là của một tấm lòng luôn luôn hướng về đất nước, về nhân dân của Hồ Chí Minh.

Có thể nói, không phải đến khi Cách mạng tháng Tám thành công, Chính phủ lâm thời được thành lập Bác Hồ mới nghĩ đến việc soạn thảo và cho ra đời một bản tuyên ngôn cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mà đây là kết quả của cả một quá trình trăn trở, suy ngẫm trong hành trình ra đi tìm đường cứu nước của Người qua nhiều nước trên thế giới. Tuyên ngôn độc lập đã thể hiện tầm nhìn sâu rộng, khả năng dự liệu thiên tài của Hồ Chủ tịch.

Bác soạn thảo Tuyên ngôn độc lập trong một thời gian ngắn. Sau khi cách mạng tháng Tám thành công, Người từ Tân Trào về Thủ đô và sống tại căn nhà số 48 Hàng Ngang. Tại đây, vào sáng ngày 26 tháng 8 năm 1945, chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp với thường vụ Trung ương Đảng. Người nhất trí với Trung ương Đảng về chủ trương đối nội, đối ngoại, về việc sớm công bố danh sách thành viên chính phủ lâm thời, chuẩn bị ra Tuyên ngôn độc lập và tổ chức mít tinh lớn ở Hà Nội để chính phủ ra mắt nhân dân, ngày ra mắt của chính phủ lâm thời cũng chính là ngày nước Việt Nam chính thức công bố quyền độc lập và thiết lập chính thể dân chủ cộng hoà. Ngày 27 - 8- 1945, trong cuộc họp của Ủy ban dân tộc giải phóng về việc thành lập chính phủ thống nhất quốc gia, Người đã được bầu làm Chủ tịch chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ngày 30 tháng 8, Người mời một số đồng chí để trao đổi, góp ý kiến cho bản dự thảo Tuyên Ngôn độc lập. Sau khi đọc bản thảo cho mọi người nghe và hỏi ý kiến (đây là một thói quen của Bác, hỏi ý kiến để người khác phê bình công việc mình làm), Người đã sung sướng nói rằng: Trong đời Người đã viết nhiều, nhưng đến bây giờ mới viết được một bản Tuyên ngôn như vậy.

Ngày 31 tháng 8 Chủ tịch Hồ Chí Minh bổ sung một số điểm vào bản thảo Tuyên ngôn độc lập, hỏi cụ thể về tình hình tổ chức cuộc mít tinh lớn ngày 2 - 9 - 1945 tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội) và nhắc nhở Ban tổ chức một số điểm cần chú ý.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, lúc 14h, tại vườn hoa Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào thủ đô, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn

độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Người thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trình trọng tuyên bố với thế giới “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Sau khi Chính phủ lâm thời làm lễ tuyên thệ và được nhân dân thể một lòng ủng hộ Chính phủ do Hồ Chí Minh lãnh đạo, Người nói: “Độc lập tự do là của quý báu, quý giá vô ngần, ta đã khổ sở trong bao nhiêu năm mới giành được, cần cố gắng giữ gìn, bảo vệ”.

Bản Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể được coi là một “áng thiên cổ hùng văn”. Thực ra, đây không phải là bản tuyên ngôn đầu tiên và duy nhất của nước ta. Trước đó, chúng ta đã từng được biết đến bài thơ Thần của Lý Thường Kiệt:

Nam quốc sơn hà

Nam quốc sơn hà nam đế cư
 Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
 Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
 Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư
 (Sông núi nước Nam vua Nam ở
 Rành rành định phận ở sách trời
 Có sao lũ giặc sang xâm phạm
 Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời)

Và tiếp đó là bài “Bình Ngô Đại Cáo” của Nguyễn Trãi.

"... Như nước Đại Việt ta từ trước
 Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
 Núi sông bờ cõi đã chia
 Phong tục Bắc - Nam đã khác
 Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập
 Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương..."

Nếu như bài Nam Quốc Sơn Hà mới chỉ khẳng định sông núi, lãnh thổ này là của ta, và khẳng định rằng nhân dân ta quyết tâm đánh thắng bất kỳ kẻ nào nuôi ý định xâm lược thì trong Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi đã thay lời Lê Lợi tuyên bố về sự toàn thắng của công cuộc kháng chiến trường kỳ và sự mở đầu của kỷ nguyên phục hưng đất nước, song cả hai "bản Tuyên ngôn" trên đều mới chỉ dừng lại ở đó.

Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố quyền tự do của dân tộc, khẳng định thắng lợi của cách mạng nước ta. Bản tuyên ngôn đó không còn chỉ dành riêng cho dân tộc Việt Nam mà đó còn là sự cổ vũ, lời khẳng định thiêng liêng của tất cả các dân tộc trên thế giới, đặc biệt là các dân tộc nhược tiểu. Như vậy có thể khẳng định, Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa mang tính dân tộc, vừa mang tính thời đại. Tính thời đại ấy được thể hiện rất rõ ràng và súc tích trong tư tưởng chủ đạo xuyên suốt của bản Tuyên ngôn, đó là “không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Trong phần đầu của Bản Tuyên ngôn độc lập, Bác nêu nguyên tắc tự do bình đẳng và dẫn chứng ra hai bản tuyên ngôn nổi tiếng trong lịch sử nhân loại của hai nước lớn là bản “Tuyên ngôn độc lập 1776” của Mỹ và bản “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền” của Pháp. Sử dụng hai bản tuyên ngôn này, Bác đã khẳng định quyền tự do độc lập của dân tộc ta bằng chính quan điểm của người Mỹ và người Pháp về vấn đề này. Đây là sự kế thừa hết sức khéo léo, chặt chẽ; và từ bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp, Bác đã nêu những quy luật bất biến, được thừa nhận chung về quyền con người, và khái quát lên thành quyền độc lập tự do của cả một dân tộc.

Việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn nổi tiếng này có dụng ý của Bác. Thứ nhất, Bác đã mượn hai bản tuyên ngôn kia để xây dựng nguyên tắc lý luận, đặt cơ sở pháp lý khách quan cho Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam. Thứ hai, đây là cách đặt ba cuộc cách mạng, ba nền độc lập, ba bản tuyên ngôn ngang hàng nhau, thể hiện một niềm tự hào, tự tôn dân tộc... Thứ ba, Bác đã thể hiện một nguyên tắc chính trị khéo léo bằng phương pháp “gây ông đập lưng ông”, dùng ngay lý lẽ của đối thủ để đẩy chúng vào thế “tự vạch mặt”.

Một tài tình nữa của Bác nằm trong ba chữ “suy rộng ra”, từ quyền lợi con người nói chung, Bác đã phát triển thành quyền lợi dân tộc cụ thể. Đây là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với dân tộc Việt Nam, nhất là khi độc lập dân tộc đang bị các lực lượng thù địch bao vây tứ phía. Đây cũng là mối bận tâm lớn nhất trong cuộc đời của Bác: “Ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, nhân dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Nâng quyền lợi con người thành quyền lợi dân tộc là một sáng tạo đáng quý của Bác, thể hiện tâm huyết lớn của Bác dành cho dân tộc mình. Ý kiến “suy rộng ra” ấy còn là một đóng góp rất lớn và đầy ý nghĩa của Bác đối với phong trào giải phóng dân tộc trên Thế giới. Một nhà văn hoá nước ngoài đã viết “Công hiến nổi tiếng của Cụ Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình”

Về lý lẽ, dẫn chứng, ngữ điệu đề tiến công đối thủ, Bác có cách làm riêng: Trước hết, lý lẽ của Bác bao giờ cũng ngắn gọn và sắc sảo: “Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do bình đẳng bác ái đến cướp nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”. Chỉ với hai câu văn Bác đã lột được mặt nạ địch thủ, tương phản giữa khẩu hiệu “tự do bình đẳng bác ái” mà Pháp rêu rao với thực tế chà đạp lên tự do độc lập của nhân dân Việt Nam. Bản chất của thực dân Pháp lộ hẳn ra: lời nói đối nghịch với việc làm, khẩu hiệu đẹp là cái mặt nạ rơi xuống đất để lộ ra bộ mặt phi nhân bất nghĩa.

Dẫn chứng của Bác cũng rất phong phú, cụ thể, chính xác, được rút ra từ những sự thật không thể chối cãi được ở những phương diện rất cơ bản: chính trị, kinh tế, sự bán rẻ nước ta hai lần cho Nhật, tội “giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng”. Chỉ một câu “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị” mà chứa đựng được những biến động lớn nhất của Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, nó đã đặt dấu chấm hết cho một thể chế, mở ra một thời đại mới.

Còn đối với ngữ điệu hùng biện thì có 14 câu văn mà câu nào cũng mở đầu bằng chữ “chúng” và khép lại bằng chữ “ta”:

“Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để chia rẽ, ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tuỷ, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn”

Cách viết như vậy đã làm nổi bật những tội ác không thể dung tha của thực dân Pháp, và đối nghịch lại là những ách lầm than mà nhân dân ta phải chịu. Đó cũng chính là cách tố cáo tốt nhất, hiệu quả nhất kẻ thù xâm lược của nhân dân ta.

Sự thật vốn là nền tảng của chân lý. Nắm vững điều đó Bác luôn lấy đi lấy lại hai chữ “sự thật”:

“Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải là thuộc địa của Pháp nữa... .

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp” Bác đã tạo ra một biên bản lịch sử từ sự thật hiển nhiên không thể chối cãi của đời sống. Đúng như nhận xét của Trần Dân Tiên “Bản Tuyên ngôn độc lập là hoa là quả của bao nhiêu máu đã đổ và bao nhiêu tính mạng đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam

trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường. Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn 20 triệu nhân dân Việt Nam”.

Đến cuối bản Tuyên ngôn, Bác đưa ra những những tuyên bố về lập trường của dân tộc Việt Nam. Có bốn nội dung tuyên bố quan trọng: phủ nhận triệt để vai trò của Thực dân Pháp ở Việt Nam, tuyên bố lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà, yêu cầu Quốc tế công nhận độc lập tự do của dân tộc Việt Nam: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”

Trong lời kết luận, sự khẳng định nền độc lập còn được tăng lên một bậc nữa: “Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập”. Và vì thế, bản Tuyên ngôn đã khẳng định ý chí của người Việt Nam quyết bảo vệ nền độc lập dân tộc ấy bằng mọi giá “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”

Bản Tuyên ngôn độc lập là tác phẩm bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là kết tinh giữa yếu tố truyền thống của dân tộc ta với yếu tố thời đại. Nó không phải chỉ là một tác phẩm tức thời Người viết ra để phục vụ cho thời điểm cách mạng tháng Tám thành công mà nó còn là tư tưởng, là gan óc, là tâm nguyện và khát khao, là kết quả của cả một quá trình dài đi tìm đường cứu nước cũng như quá trình kiểm nghiệm trong thực tế đấu tranh của Người. “Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của những bản yêu cầu gửi cho hội nghị Véc-xây mà Bác Hồ đã viết năm 1919 và chương trình Việt Minh Bác viết năm 1941. Hơn nữa bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của những bản tuyên ngôn khác của tiền bối như các cụ Thủ Khoa Huân, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu và của nhiều người khác, của bao nhiêu sách báo truyền đơn bí mật viết bằng máu và nước mắt của những nhà yêu nước từ hơn 80 năm trước.

Bản Tuyên ngôn độc lập là hoa là quả của bao nhiêu máu đã đổ và bao nhiêu tính mạng đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường. Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn 20 triệu nhân dân Việt Nam”.

Sự ra đời của bản Tuyên ngôn độc lập thực sự là một mốc son trong lịch sử của dân tộc Việt Nam ta. Tuyên ngôn độc lập đã trở thành một cuộc đối thoại lớn có ý nghĩa lịch sử trọng đại: tuyên bố với nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới về việc chấm dứt 80 năm đô hộ của thực dân Pháp và hàng nghìn năm phong kiến ở Việt Nam, mở ra một giai đoạn mới của một nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, tự chủ, đồng thời đấu tranh bác bỏ những lý lẽ xảo quyệt cùng âm mưu tái chiếm Việt Nam của các lực lượng thù địch đặc biệt là Pháp và Mỹ, tranh thủ sự đồng tình rộng rãi của dư luận quốc tế.

.....

Ý nghĩa lịch sử và thời đại của bản Tuyên Ngôn Độc Lập / Phạm Hằng / Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NĂM 1945 – NHỮNG GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VÀ ĐƯƠNG ĐẠI

Có một truyền thống Việt Nam

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 đã đi vào lịch sử dân tộc với tính cách là ngày Quốc khánh Việt Nam. Sự lựa chọn thật thích đáng. Đó là ngày ra đời của Tuyên ngôn độc lập do lãnh tụ tối cao Hồ Chí Minh tuyên đọc, chính thức khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Sự ra đời của *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 phải được xem là một sự kiện hoàn toàn tự nhiên. Dân tộc Việt Nam, sau gần 100 năm chịu ách đô hộ, thống trị tàn bạo của nước ngoài đã bằng cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất, chấp nhận những hy sinh, mất mát to lớn giành lại được giang sơn gấm vóc, giành lại được độc lập, tự do.

Sự kiện trọng đại đó được đánh dấu bằng bản *Tuyên ngôn độc lập* long trọng tuyên bố với thế giới về quyền được sống trong độc lập, tự do của “một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay”...; “và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập”.

Tuy nhiên, trong cái hoàn toàn tự nhiên đó, có cái thể hiện tính đặc thù truyền thống rất Việt Nam mà không phải bao giờ cũng lặp lại ở những hoàn cảnh khác, ở những đất nước khác.

Trên bình diện so sánh có thể thấy, với sự kết thúc chiến tranh thế giới chống phát xít Đức - Nhật hàng loạt dân tộc thuộc địa, sau nhiều thập kỷ, có khi là hàng thập kỷ cũng đã chịu ách đô hộ, thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc cũng đã vùng dậy giành được quyền độc lập, tự chủ, nhưng không phải ở đâu cũng đi kèm theo các bản *Tuyên ngôn độc lập*.

Xét theo chiều dài lịch sử mấy ngàn năm tồn tại, dân tộc Việt Nam ta không phải chỉ một lần mất nước, một lần rơi vào cảnh bị thống trị... Do vị trí địa lý - chính trị đặc thù, sự tồn tại và sự tự khẳng định mình của dân tộc Việt Nam đã không phải một lần đối đầu với những thử thách thật khốc liệt mà hậu quả là sự lựa chọn: hoặc “thà hy sinh tất cả thứ nhất quyết không chịu làm nô lệ”, hoặc là chịu sự đồng hoá, nô dịch, diệt vong. Cuộc đấu tranh giành và giữ vững quyền sống, quyền tự do của cả cộng đồng dân tộc luôn luôn làm xuất hiện những anh hùng hào kiệt, không chỉ đại diện cho tinh thần ngoan cường, bất khuất mà còn đại diện cho cả ý chí, khát vọng được sống trong độc lập, tự do, và vì vậy họ trở thành người phát ngôn của cả một dân tộc, về những quyền sống, quyền độc lập, tự chủ thiêng liêng không ai được xâm phạm.

Ngược dòng thời gian, lịch sử Việt Nam ghi nhận: trước *Tuyên ngôn độc lập* 2-9-1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam còn có Bình Ngô đại cáo thế kỷ XV của Lê Lợi - Nguyễn Trãi sau khi đánh đổ ách thống trị của triều Minh; có “Nam quốc sơn hà...” của Lý Thường Kiệt thế kỷ XI trong chiến thắng xâm lược Tống. Lịch sử Việt Nam cũng ghi nhận quyết tâm “biến nợ nước, trả thù nhà” của Hai Bà Trưng trong những năm đầu Công nguyên, khi trên đàn thề trước ba quân dấy nghĩa, Hai Bà Trưng nguyện: “Một xin rửa sạch nước thù, hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng” trước khi bước vào cuộc đấu tranh hoàn toàn không cân sức đánh đổ chính quyền đô hộ Đông Hán. Hay trong Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn thế kỷ XIII: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa...” trước hoạ xâm lăng của giặc Nguyên Mông; rồi lời truyền của Quang Trung - Nguyễn Huệ trong lễ duyệt binh trước khi tiến quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh xâm lược: “Trong khoảng vũ trụ, trời nào sao nấy, đều đã phân biệt rõ ràng...” và ông cổ vũ ba quân: “phải đánh cho nó phiến giáp bắt hoàn, đánh cho sử trí Nam quốc anh hùng chi hữu chủ...”.

Điём qua lịch sử, có thể thấy *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thế kỷ XX hoàn toàn không phải là sự kiện đột biến, cá biệt trong lịch sử vốn phải tính bằng thiên niên kỷ của dân tộc Việt Nam. Sự ra đời của *Tuyên ngôn độc lập* trong thế kỷ đương đại càng chứng tỏ, dù bọn người có của nhiều, sung lắm, có một trình độ văn minh cao hơn nhiều và lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái từ phương Tây tới, trong gần 100 năm với những pháp luật dã man, nhà tù nhiều hơn trường học, với chính sách ngu dân, ràng buộc dư luận, với rượu cồn, thuốc phiện, hồng làm cho nòi giống Việt Nam suy nhược; dù chúng tắm các cuộc khởi nghĩa trong bể máu, bóc lột dân ta đến tận xương tuỷ, khiến dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, đất nước xơ xác tiêu điều, thì tinh thần quật cường, ý chí giành lại độc lập, tự do của nhân dân ta vẫn không hề bị thui chột mà chỉ càng được tôi luyện thêm mạnh mẽ. Với *Tuyên ngôn độc lập* ở thế kỷ XX có thể thấy một truyền thống Việt Nam xuyên suốt lịch sử nhiều thế kỷ, phản ánh một tính cách, một tâm linh rất đặc thù Việt Nam, thể hiện bản lĩnh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam luôn luôn đoàn kết, đồng tâm nhất trí, vươn tới sự tự khẳng định với tính cách là một quốc gia, một dân tộc với một lòng tự tôn, tự hào dân tộc chính đáng. Và một khi đã thành truyền thống, nó là một thứ giá trị tinh thần làm nên sức

manh vật chất có sức cổ vũ, nuôi dưỡng tâm linh các thế hệ người Việt Nam là không bao giờ và dù trong hoàn cảnh nào cũng không chịu tự đánh mất mình với tính cách là một dân tộc.

Sự kết tinh của những phẩm giá dân tộc

Thời điểm và hoàn cảnh ra đời của *Tuyên ngôn độc lập* những năm giữa thế kỷ XX càng tô đậm thêm tính truyền thống đặc sắc của dân tộc Việt Nam. Có một cái rất chung và cốt lõi xuyên suốt các tuyên ngôn chính thức và không chính thức của các vĩ nhân trong lịch sử Việt Nam là tiếng nói của họ cũng chính là tiếng nói của cả dân tộc. Bằng tiếng nói của mình, các vĩ nhân thể hiện thành lời những khát vọng của dân tộc về các quyền cơ bản, trong đó có quyền cơ bản nhất: quyền sống trong độc lập, tự chủ, tự do, quyền tồn tại với tính cách là một dân tộc, một quốc gia độc lập. Dù cách diễn đạt có thể khác nhau, thì về nội dung, ý tưởng vẫn chỉ là một, và đó là điều thống nhất nhất quán dù khoảng cách về thời gian giữa các vị có khi phải đo bằng thiên niên kỷ; dân tộc Việt Nam đang tồn tại với tính cách là một quốc gia độc lập và đó là quyền cơ bản, thiêng liêng, không ai được xâm phạm. Dân tộc Việt Nam có đủ quyết tâm và lực lượng, trí lực và sự kiên trì để bảo vệ quyền thiêng liêng không ai có thể xâm phạm đó.

Trong thế giới ngày nay, mỗi dân tộc hiện đang tồn tại dưới hình thức là một quốc gia đều đã phải đi và vượt qua những con đường hoàn toàn không dễ dàng và chắc chắn ít lặp lại ở những dân tộc khác, để tự khẳng định mình. Khát vọng tồn tại và nguy cơ diệt vong luôn luôn là động lực và cũng là thách thức thường xuyên được đặt ra trong quá trình tồn tại và phát triển, phát triển và tồn tại. Sự biến mất của các cộng đồng người trên bản đồ chính trị thế giới chứng tỏ không ít dân tộc, do nhiều nguyên nhân, đã không vượt qua được sự thách thức đó.

Trên khung cảnh chung của lịch sử dân tộc, phải chăng có thể nói đến những giá trị cao quý nhất đó là bản lĩnh và phẩm giá của cả một dân tộc biết dựng và biết giữ, đã dựng và giữ một cách thành công sự tồn tại của cả cộng đồng với tính cách là một dân tộc. Quốc gia dân tộc Việt Nam xứng đáng được đứng vào hàng ngũ các dân tộc như vậy. Xét trên bình diện đó, sự thành lập quốc gia dân tộc Việt Nam với một tổ chức Nhà nước riêng một biên thủy chính là thành quả cao quý nhất của cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước, và đó chính là thước đo sự trưởng thành của ý thức, tinh thần dân tộc, bản lĩnh, phẩm giá cao quý của một cộng đồng dân tộc.

Bằng thiên tài trí tuệ và nghị lực phi thường, Nguyễn Ái Quốc vượt lên trên những hạn chế của đương thời thực hiện một cuộc khảo sát lịch sử. Và bằng cách đó, Người đã rút ngắn con đường rất dài mà dân tộc phải vượt qua để tiếp cận - đến với hệ tư tưởng tiên tiến nhất thời đại - chủ nghĩa Mác - Lênin. Người dứt khoát lựa chọn con đường cách mạng vô sản để đi, và dẫn dắt cả dân tộc cùng đi đến Cách mạng tháng Tám năm 1945. Chính Người đã cổ vũ, động viên, tổ chức và khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa bằng bản *Tuyên ngôn độc lập*, chính thức tuyên bố với nhân dân và các dân tộc trên thế giới về sự ra đời, sự hồi sinh của nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

Kết thúc bản *Tuyên ngôn độc lập*, sau khi trình trọng tuyên bố với thế giới về các quyền của nước Việt Nam hưởng tự do và độc lập và hơn thế, sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Nhân danh dân tộc Việt Nam, Người long trọng khẳng định: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy!”.

Lời khẳng định thật đanh thép. Lời của lãnh tụ thể hiện quyết tâm của toàn thể dân tộc, ý thức rất rõ mối hiểm nguy, thách thức đang chờ, và vì vậy, sự sẵn sàng chấp nhận những hy sinh, mất mát, có thể là rất to lớn để bảo vệ bằng được thành quả quý giá, lớn lao nhất vừa giành được: quyền độc lập, tự do, quyền tồn tại cả một quốc gia dân tộc.

Xét trên nhiều phương diện có thể nói *Tuyên ngôn độc lập* đã được cả dân tộc ta viết ra bằng máu, thể hiện nghị lực, quyết tâm giành và bảo vệ bằng được quyền sống trong độc lập, tự do. Tác giả Trần Dân Tiên hoàn toàn có lý, khi viết: “Bản *Tuyên ngôn độc lập* là kết quả của bao nhiêu máu đổ, bao nhiêu tính mệnh đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam”.

Như vậy, về thực chất, *Tuyên ngôn độc lập* và sự kết tinh của những phẩm giá của con người và dân tộc Việt Nam trong trung kỳ lịch sử đã không phải một lần vùng dậy từ kiếp đời nô lệ để giành quyền sống trong độc lập, tự do của cả dân tộc, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi cá nhân.

Những giá trị thời đại

Tuyên ngôn độc lập đã trực tiếp khẳng định với thế giới về các quyền cơ bản mà nhân dân Việt Nam vừa giành được. Nhưng xét theo nội dung, tính chất và cả thời điểm ra đời, Bản tuyên ngôn hoàn toàn không phải là một sự kiện riêng lẻ, cá biệt mà là một xu thế tất yếu của thời đại.

Các quyền dân tộc cơ bản được khẳng định mạnh mẽ trong *Tuyên ngôn độc lập* Việt Nam không phải là một cái gì chỉ riêng biệt Việt Nam. Trước và cả khi *Tuyên ngôn độc lập* Việt Nam được truyền đi rộng rãi đến các quốc gia trên thế giới thì các cường quốc thực dân, nhân danh những kẻ thắng trận và những kẻ tự phong cho mình “sứ mệnh” bảo vệ các dân tộc đang toan tính với nhau âm mưu đặt các nước thuộc địa cũ dưới chế độ uỷ trị quốc tế thuộc Mỹ hay tiếp tục thừa nhận chế độ bảo hộ của thực dân Pháp. Đờ Gôn lấy tư cách của nước thuộc phe Đồng Minh quyết liệt đòi quyền của kẻ chiến thắng được tiếp tục giữ trọn vẹn đất đai hải ngoại đã từng thuộc Pháp.

Ý đồ thật độc ác. Hiểm hóc thật khó lường. Một lần nữa, trên quy mô thế giới, vận mệnh của các dân tộc đặt bao nhiêu hy vọng vào chính nghĩa Đồng Minh lại trực tiếp bị đe dọa rơi vào ách nô lệ, đọa đày của các cường quốc thực dân. Các quyền dân tộc cơ bản: độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ... của các dân tộc các quốc gia mà ngày nay được thừa nhận như hòn đá tảng của pháp luật quốc tế hiện đại, thì ngày ấy chưa ở đâu ghi nhận. Trong lúc đó, từ Quảng trường Ba Đình, thủ đô Hà Nội của nước Việt Nam mới vừa giành được độc lập, tự do bằng một cuộc chiến đấu quyết liệt “đem sức ta mà giải phóng cho ta”, đang vang lên danh thép, đồng dục bản *Tuyên ngôn độc lập*.

Ngày nay, các nhà chính trị học, sử học, luật học, xã hội học... đang cố gắng lý giải, mỗi người theo một cách, lý do Chủ tịch Hồ Chí Minh mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập* của mình bằng sự trích dẫn Tuyên ngôn độc lập 1776 của Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp. Dù cách lý giải có thể rất khác nhau, nhưng mọi người đều thống nhất với nhau ở sự thừa nhận tính hợp lý, độc đáo, sáng tạo đầy tính nhân văn và tầm nhìn chiến lược của một nhà chính trị lỗi lạc. Cách mạng Mỹ thế kỷ XVIII đánh dấu bằng Tuyên ngôn độc lập 1776 và Cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII là những cột mốc lớn trong lịch sử thế giới khẳng định những lý tưởng không hề xa lạ với dân tộc Việt Nam đang khát khao tự do, độc lập, làm chủ vận mệnh của mình.

Tuy vậy, dù có đánh giá cao ý tưởng của Tuyên ngôn độc lập của Mỹ là “bất hủ”, của Cách mạng Pháp là “những lẽ phải không ai chối cãi được”, Người vẫn không dừng lại ở đấy mà đã xa hơn, đi đến những khái quát mới: “Suy rộng ra”, lời của Tuyên ngôn độc lập Mỹ có nghĩa là: “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Sự “suy rộng ra” đó ở Người là một bước phát triển mới có ý nghĩa thực sự vĩ đại, nâng những lý tưởng truyền thống của thế kỷ XVIII lên ngang tầm những lý tưởng của thời đại mới: Thời đại giải phóng các dân tộc khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân trên quy mô toàn thế giới, thời đại phá tan tàn xiềng xích của chủ nghĩa thực dân, thời đại của các dân tộc bị áp bức, bóc lột giành lại quyền sống, quyền độc lập, tự do bước lên vũ đài thế giới sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

Xét theo quá trình, *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 không ra đời một cách bột phát mà có thể nói nó đã được suy ngẫm và viết ra từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây Bản yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam. Sự “suy rộng ra” sau này ở *Tuyên ngôn độc lập* từ lời của Tuyên ngôn độc lập Mỹ năm 1776 bao hàm một sự khám phá lớn, kết quả của một quá trình khảo nghiệm, soát xét lớn các bài học từ trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc nguyên lý “mọi người sánh ra đều bình đẳng” có thể nhìn nhận từ vị trí của một cá nhân riêng biệt, nhưng cũng có thể và cần phải

được nhìn nhận từ vị trí của cả một dân tộc. Và vấn đề rất tự nhiên được đặt ra là: Khi cả một dân tộc không có bình đẳng, độc lập, tự do thì mỗi thành viên hợp thành dân tộc đó cũng không thể có bình đẳng, tự do. Vì vậy, đối với các dân tộc bị áp bức, cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của cả dân tộc và của mỗi cá nhân quyện chặt vào nhau thành cuộc đấu tranh chung. “Một dân tộc nô lệ không thể có con người tự do” - Đó là kết luận lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rút ra từ thực tế đấu tranh không chỉ của riêng mình mà cho cả các dân tộc.

Đây là vấn đề, là kết luận luôn luôn được đặt ra trong thời kỳ chế độ thực dân, thuộc địa thống trị thế giới và vẫn đang được đặt ra trong thời đại ngày nay, khi những kẻ đại diện cho quyền lợi ích kỷ của các cường quốc đế quốc vẫn nhân danh quyền con người can thiệp thô bạo vào công việc của các dân tộc khác. Họ vẫn đang lên giọng đạo đức giả dạy cho các dân tộc. Từ *Bản án chế độ thực dân Pháp đến Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa của những kẻ nhân danh, lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, quyền con người đi áp bức, chi phối đời sống các dân tộc. Cũng như trước đây, hiện nay hành động của họ vẫn “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”. Lá cờ quyền con người, xét theo thực chất, phải thuộc về tay các dân tộc đã từng bị các cường quốc đế quốc đọa đày, nô dịch. Đó phải chăng cũng là kết luận lớn có thể rút ra từ *Tuyên ngôn độc lập* Hồ Chí Minh không chỉ riêng cho dân tộc Việt Nam. Đây phải chăng cũng là một trong những thông điệp mà Chủ tịch Hồ Chí Minh qua *Tuyên ngôn độc lập* muốn gửi đến các thế hệ tương lai không chỉ người Việt Nam mà cả các dân tộc cùng chung ý tưởng.

.....
Tuyên ngôn độc lập năm 1945 - những giá trị truyền thống và đương đại / Theo Nguyễn Đình Lộc, Nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp / Nguồn: Trang tin Báo Điện tử DCSVN

“NAM QUỐC SƠN HÀ” – BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC TA

Ngày 2-9-1945, Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập tại Thủ đô Hà Nội. Trên trang sử biên niên, đây là bản Tuyên ngôn độc lập xuất hiện sau kết thúc thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh chống ách thống trị thực dân, giành độc lập dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bản Tuyên ngôn độc lập do chính Bác viết và đọc với cương vị Chủ tịch nước.

Ngược dòng lịch sử, ở đầu thế kỷ 15, sau thắng lợi toàn diện và triệt để của cuộc chiến chống sự xâm lược và ách thống trị tàn bạo của giặc Ngô (tức nhà Minh - Trung Quốc), Lê Lợi đã đọc Bình Ngô đại cáo (cũng là một Tuyên ngôn độc lập) ở kinh thành Đông Đô (tức Thăng Long) với cương vị Hoàng đế, nêu cao ý chí độc lập tự chủ và mở ra vận hội thanh bình muôn thuở cho đất nước. Cho đến nay, hai bản Tuyên ngôn độc lập nói trên được dân tộc ta suy tôn, bạn bè khắp năm châu bốn biển công nhận. Cả hai bản tuyên ngôn đều khẳng định quá trình đấu tranh gian khổ và truyền thống anh hùng chống ách thống trị ngoại bang, giành độc lập tự do cho dân tộc.

Hai chủ thể của bản Tuyên ngôn đều được vị lãnh tụ cao nhất của Nhà nước vừa phục lập nền độc lập dân tộc, tuyên cáo trước toàn dân. Khác chăng là tác giả đích thực của mỗi văn bản. Ở Bình Ngô đại cáo theo Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên, ghi là: “Đại cáo nãi văn thần Nguyễn Trãi soạn”. Nghĩa là: Bài Đại cáo do văn thần Nguyễn Trãi soạn thảo. Còn tuyên ngôn độc lập thì Bác Hồ đọc văn bản do tự tay mình viết ra (điều mà người xưa gọi là thủ bút). Và thật huy hoàng xán lạn, tác giả hai bản Tuyên ngôn lịch sử ấy đều là vĩ nhân, được nhân loại suy tôn là danh nhân văn hóa thế giới qua tổ chức UNESCO. Nguyễn Trãi (1380 - 1442) vào dịp 600 năm sinh: 1980, Bác Hồ (1890 - 1969) vào dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh.

Lại ngược về cội nguồn dăm trăm năm nữa, như số cách năm giữa Nguyễn Trãi (1380) và Bác Hồ (1890), lên đến đầu thời tự chủ, quãng thế kỷ thứ X, còn có một bản Tuyên ngôn độc lập nữa. Đó là bài thơ Nam quốc sơn hà (NQSH). Cuốn Lịch sử Việt Nam (NXB,

KHXH.H.1971) nhận định: "Bài thơ đã được ghi vào lịch sử như bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc". Bài thơ này, trước đây vẫn cho là do Lý Thường Kiệt viết ra để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ trên chiến tuyến chống giặc Tống, bảo vệ kinh đô ven bờ nam sông Cầu năm 1076, nhưng cách nay khoảng mười năm, các nhà nghiên cứu lịch sử, ngữ văn, Hán Nôm... đã lần hồi tìm ra xuất xứ và tác giả đích thực của bài thơ. Về xuất xứ thì bài thơ NQSH nằm trong một truyền thuyết lịch sử về hai vị thần là anh em Trương Hồng - Trương Hát. Hai thần vốn là tướng lĩnh của triều Việt Vương, bị Lý Phật Tử ép hàng, bèn tự tử, trở thành phúc thần, được thờ phụng ở hàng trăm ngôi đền ven hai bờ sông Cầu, sông Thương. Thần thường hiển linh giúp đời trừ tai dẹp loạn, chống ngoại xâm. Nổi bật nhất là lần đọc thơ NQSH giúp Lê Hoàn chống giặc Tống năm 981 và Lý Thường Kiệt chống giặc Tống năm 1076.

Về tác giả thì không một nơi nào trong số hơn 30 văn bản Hán Nôm có in bài thơ ghi nhận Lý Thường Kiệt là tác giả hay tương truyền là tác giả bài thơ (Trước đây nhiều người cho rằng Lý Thường Kiệt là tác giả bài thơ là dựa trên khẳng định của tác giả Trần Trọng Kim trong Việt Nam sử lược in năm 1918). Tác giả đầu tiên của bài thơ là thần sĩ đầu thời tự chủ. Bài thơ ra đời, hoàn thiện dần do truyền miệng. Rồi được cố định trong truyền thuyết, thần tích, truyện ký, ca vịnh lịch sử, dã sử mà lưu truyền mãi sau. Vì vậy bài thơ NQSH được mệnh danh là Thơ Thần và tác giả của nó là Khuyết danh hoặc Vô Danh đều được.

Đến đây, cần truy tìm bài thơ thần, cũng tức là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên đã xuất hiện vào thời điểm cụ thể nào ở đầu thời tự chủ? Có thể, đó không phải là thời đã giành được quyền tự chủ, nhưng vẫn tự xưng và tự phong là Tiết độ sứ từ Khúc Thừa Dụ (905 - 907) đến là Dương Đình Nghệ (931 - 937). Có thể cũng chưa phải thời Ngô Quyền (938 - 965) đã xưng vương (939), thể hiện ý thức tự chủ, sánh ngang với các chư hầu của thiên triều, như dự đoán của Cố giáo sư Bùi Văn Nguyên. Thậm chí cũng không thể là triều Đinh, dầu cho thời này vua dám xưng là Đinh Tiên Hoàng, sánh với Tần Thủy Hoàng ngày xưa và Hoàng đế Trung Hoa cùng thời; mà có thể là ở thời Lê Hoàn, khi thể chế, ngôi vị đã vững vàng an định.

Hơn nữa, từ đầu thời tự chủ, xã hội nước ta đang dần ổn định, đất nước thái bình, ngoại bang chưa động binh xâm lược nước ta, chưa có nhu cầu cấp thiết về tuyên ngôn độc lập. Chỉ khi giặc Tống lấn le ngoài cõi, rồi sau tiến quân xâm lược, thì NQSH mới nhập cuộc với sứ mệnh tuyên ngôn của nó. Nhìn lại tiến trình lịch sử, nước ta nhiều lần bị ngoại bang thống trị và xâm lược. Khi ông cha ta tiến hành chiến tranh giải phóng lật đổ ách thống trị, giành độc lập dân tộc, thì tuyên ngôn độc lập xuất hiện: đó là Bình Ngô đại cáo năm 1428, và Tuyên ngôn độc lập năm 1945. Còn khi chủ quyền, lãnh thổ đã được đang được bảo vệ, ngoại bang tiến binh xâm lược thì người xưa lại có nhiều cách thể hiện tuyên ngôn độc lập. Hịch tướng sĩ chống Mông Nguyên của Trần Quốc Tuấn chẳng hạn, Chiếu lên ngôi chống giặc Thanh của Quang Trung chẳng hạn đều là những văn kiện quan trọng, có tính chất tuyên ngôn về chủ quyền của đất nước, về ngôi vị, triều miếu của nước Nam, về tinh thần quyết chiến, quyết thắng xâm lược của quân dân Đại Việt.

NQSH xuất hiện trong bối cảnh của cuộc kháng chiến chống giặc Tống xâm lược, chính là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên thuộc loại hình này. Có điều là một bài thơ hình thành trong cái nôi của truyền thuyết thần kỳ, Nam quốc sơn hà vừa có tính chất nhân dân ca cả, vừa rất đặc trưng về nguồn gốc xuất xứ, về nội dung tính chất, về phương thức thể hiện...NQSH vì xuất hiện đầu tiên, nên có ý nghĩa lịch sử trọng đại hơn cả Hịch và Chiếu. Cuối cùng, bằng cách nhìn dưới góc độ văn hóa, nhất là văn hóa tâm linh của thời đại, dễ thấy Nam quốc sơn hà xuất hiện thời Lê Hoàn chứ không phải thời Lý Thường Kiệt. Trước hết, số văn bản Hán Nôm đáng tin cậy hiện còn ghi chép thần đọc thơ âm phù Lê Hoàn nhiều hơn số văn bản ghi chép thần đọc thơ âm phù Lý Thường Kiệt. Sau nữa, mà đây mới đáng ghi nhận: Truyền thuyết về thần đọc thơ trợ giúp Lê Hoàn đánh giặc Tống, bảo lưu được nhiều hơn tính chất của một truyền thuyết thần kỳ.

Đọc chỉ một truyền thuyết Trương Hồng - Trương Hát trong Lĩnh Nam chích quái chẳng hạn, có cảm giác cả thiên truyền thuyết dành trọn cho việc viết huyền thoại thần điều binh, đọc thơ phù trợ Lê Hoàn đánh giặc. Tính chất thần kỳ kinh dị, mung lung, huyền bí thâm đậm bao trùm, hư thực ảo huyền, âm dương hỗn độn, thần người ứng chiến, thể trận âm

trời dậy đất, mưa to gió lớn ùng ùng... thật khác với những văn bản thần đọc thơ phù trợ Lý Thường Kiệt. Rõ ràng Nam quốc sơn hà và cả truyền thuyết chứa chở bài thơ, đã xuất hiện vào thời đại Lê Hoàn, khi đời sống tâm linh của con người còn chân chất, hồn toàn, khoáng đãng hơn.

Với tư liệu hiện còn: coi truyền thuyết Nam quốc sơn hà cũng như truyền thuyết tịch sử thần kỳ Trương Hồng - Trương Hát xuất hiện vào thời Lê Hoàn chống quân nhà Tống, là một dự đoán giàu sức thuyết phục.

Nam quốc sơn hà chính là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc. Tác phẩm vừa khẳng định chủ quyền, lãnh thổ, ngôi vị Nam đế, vừa thể hiện niềm tin ta thắng, địch thua, dựa vào thiên lý và chính nghĩa. Chủ đề trên của bài thơ, cũng là sự thắng hoa của tinh thần dân tộc thời diệt Tống bình Chiêm của triều đại Lê Đại Hành. Linh nghiệm - hoành tráng của thơ thần Nam quốc sơn hà thật ứng với dòng thơ Bác viết:

Lê Đại hành nói lên ngôi

Đánh tan quân Tống, đánh lui Chiêm Thành

.....
"Nam quốc sơn hà" – bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta / (Theo Nhân dân cuối tuần, 11/9/2005)/ Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN TRONG TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Cách đây 60 năm (2/9/1945), tại Quảng trường Ba Đình lịch sử - Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á và cũng chính Người đã thiết kế, xây dựng bộ máy Nhà nước ta ngày càng hoàn thiện hơn qua từng giai đoạn lịch sử.

Tuyên ngôn Độc lập ngày 2- 9 - 1945 là viên đá đầu tiên đặt nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam - nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đây là một văn kiện pháp lý đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quốc tế và thời đại. Nó khẳng định những nguyên tắc pháp lý về độc lập, dân tộc chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các quyền cơ bản của con người.

Chính vì mục tiêu đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bôn ba khắp năm châu, bốn biển để tìm đường cứu nước. Từ chủ nghĩa yêu nước đến với học thuyết Mác - Lênin, Người đã thấm nhuần sâu sắc và vận dụng sáng tạo học thuyết ấy vào hoàn cảnh đất nước, thức tỉnh nhân dân ta đấu tranh bền bỉ, kiên cường, bất khuất làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, phát xít Nhật và bộ máy kìm kẹp của bọn phong kiến tay sai, ghi vào lịch sử đất nước bản Tuyên ngôn Độc lập bất hủ. Đó là một quyết định rất sáng suốt, thể hiện tầm nhìn chiến lược của một nhà chính trị già dặn, tài ba.

Mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Người đã viện dẫn lời nói ấy trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ.

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi" - Hồ Chủ tịch lại dẫn "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền" của

cách mạng Pháp năm 1791. Người còn khẳng định tiếp: "Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được". Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam được trang trọng mở đầu bằng những lời bất hủ trong các Tuyên ngôn để nói với nhân dân thế giới rằng: Nhân dân Việt Nam tiên hành đấu tranh cách mạng đánh đuổi phát xít Nhật, thực dân Pháp, lật đổ chế độ quân chủ là thực hiện quyền chính đáng để giành độc lập - tự do.

Tuyên ngôn còn nói với chính nhân dân Việt Nam rằng, cách mạng Việt Nam quyết thực hiện những mục tiêu cao cả: Độc lập - Tự do - Ám no - Hạnh phúc cho nhân dân, cho đất nước, cho dân tộc.

Như vậy, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thần kỳ do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo đã gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột, thực hiện các quyền tự do dân chủ cơ bản của con người. Đây chính là lẽ sống của Người, là mục tiêu của sự nghiệp giành chính quyền để xây dựng Nhà nước công nông đầu tiên trong lịch sử dân tộc - một Nhà nước kiểu mới mà trong đó, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân bầu ra các đại biểu của mình theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín. Chỉ một ngày sau khi Tuyên ngôn Độc lập công bố, ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã họp Chính phủ, nêu rõ những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam. Người đề nghị "Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, để có một Chính phủ của dân và do dân".

Sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chăm lo xây dựng bộ máy Nhà nước của nhân dân, hoạt động vì lợi ích của nhân dân. Người đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ được phân công nắm các chức danh trong bộ máy Nhà nước. Đó phải là những người có tài, có đức, tự nguyện đứng ra gánh vác việc nước và phải phụng sự nhân dân, là "đây tớ của nhân dân". Người yêu cầu cán bộ các cấp thực hiện như vậy, và chính Người đã nêu một tấm gương sáng trong về những tiêu chuẩn đó.

Mục đích của Chủ tịch Hồ Chí Minh thật cao cả. Trước toàn thế giới, Tuyên ngôn Độc lập là hòn đá tảng pháp lý đầu tiên khẳng định cả trên nguyên tắc và trên thực tế, quyết tâm sắt đá của nhân dân Việt Nam, trong nhiệm vụ bảo vệ Nhà nước của mình để có quyền được sống trong độc lập, tự do và hạnh phúc. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc tổ chức Nhà nước vì "các quyền cơ bản của con người". Ngay từ khi mới giành được độc lập, Người luôn nhắc nhở: phải xây dựng bộ máy trong sạch, vững mạnh, đấu tranh với những biểu hiện của thói quan liêu, hách dịch, cửa quyền, vi phạm quyền và lợi ích của nhân dân lao động để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. Cơ sở của việc thực hiện quyền lực của nhân dân là hiện diện các Hiến pháp Nhà nước ta lần lượt được ban hành năm 1946, và hoàn chỉnh từng bước vào những năm 1959, 1980, 1992. Cùng với Hiến pháp là một hệ thống pháp luật lần lượt được ban hành.

Từ văn bản pháp lý Tuyên ngôn Độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ phát hiện ra bản chất của pháp luật mà còn nêu bật ranh giới pháp luật Nhà nước ta với pháp luật Nhà nước nô lệ - phong kiến tư sản. Người đã xác định pháp luật của Nhà nước ta là ý chí của giai cấp công nhân, bảo vệ quyền lợi cho mọi người dân lao động với mục tiêu phấn đấu: làm cho dân có ăn; làm cho dân có mặc; làm cho dân có chỗ ở; làm cho dân có học hành. Người còn giải thích rõ: "Chúng ta đã hy sinh, phấn đấu để giành độc lập. Chúng ta đã tranh được tự do, độc lập mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng chẳng làm gì. Dân chỉ biết giá trị tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ".

Trải qua 60 năm, từ Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đến Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc bầu cơ quan quyền lực Nhà nước các cấp đã trở thành định chế, nguyên tắc xây dựng Nhà nước ta. Tư tưởng chính trị pháp lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Tuyên ngôn Độc lập vẫn còn giữ nguyên ý nghĩa. Đây chính là một bản Tuyên ngôn về một nhà nước kiểu mới của loài người - Nhà nước của dân, do dân và vì dân, có tầm quan trọng đặc biệt nhằm định hướng cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay theo tinh thần cải cách bộ máy Nhà nước mà văn kiện Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ: "Tiếp tục cải cách bộ máy Nhà nước theo phương hướng Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch".

60 năm qua, lịch sử của dân tộc ta có nhiều biến đổi sâu sắc. Toàn Đảng, toàn dân ta bắt tay xây dựng một Nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân. Nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, nhân dân phải là nguồn gốc của quyền lực. Trong xã hội ta, quyền lực của Nhà nước bắt nguồn từ nhân dân, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

.....
Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân trong Tuyên ngôn độc lập / TS Vũ Thị Kim Xuyên (CTV) / Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP 2-9-1945 SỰ KẾT TINH Ý CHÍ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

(ĐCSVN) - Ngày 2 – 9 – 1945, trong cuộc mít tinh mừng cách mạng thành công của gần một triệu đồng bào tại vườn hoa Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Tiếp nối truyền thống bất khuất của dân tộc và tinh thần giải phóng của các bản tuyên ngôn cách mạng nổi tiếng trên thế giới, bản *Tuyên ngôn Độc lập* mở đầu bằng một chân lý không ai chối cãi được: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”.

Tiếp đó, *Tuyên ngôn Độc lập* lên án tội ác của thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái đến cướp nước ta, áp bức đồng bào ta. Chúng thi hành chính sách thống trị vô cùng tàn bạo: chia cắt đất nước ta, xoá tên nước Việt Nam trên bản đồ thế giới; thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta; thực hiện chính sách ngu dân và dùng thuốc phiện, rượu cồn làm cho nòi giống ta suy nhược; chúng cướp đoạt ruộng đất, tài nguyên, bóc lột dân ta đến xương tủy. Khi phát xít Nhật xâm lăng Đông Dương, dân ta lại chịu thêm một tầng xiềng xích nữa. Hậu quả là cuối năm 1944 đầu năm 1945, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Theo lời kêu gọi của Mặt trận Việt Minh, nhân dân Việt Nam đã đứng về phe Đồng minh chống Nhật. Cách mạng Tháng Tám thành công, Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị, nhân dân ta đã đập tan ách thống trị thực dân phong kiến, giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. *Tuyên ngôn Độc lập* khẳng định dứt khoát: “*Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!*”. Trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm

thời trình trọng tuyên bố với thế giới: “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập*”.

Bản *Tuyên ngôn* kết thúc bằng một quyết tâm sắt đá của hai mươi triệu người Việt Nam: “*Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*”.

Dân tộc Việt Nam kể từ bước sơ khởi dựng nên “*nghiệp Hùng*”, lập nước Văn Lang, đã vừa dựng nước, vừa giữ nước, tôi luyện ý chí độc lập, tự chủ.

Trải qua hơn mười thế kỷ đấu tranh chống Bắc thuộc “*dựng lại nghiệp Hùng*” để có một thời đại phục hưng Đại Việt với những bản *Tuyên ngôn* độc lập bất hủ “*Nam quốc sơn hà*”, “*Đại cáo bình Ngô*”, ý chí độc lập tự chủ ngày càng được bồi bổ và phát huy với những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thắng lợi vẻ vang.

Mười thế kỷ sau cuộc giải phóng khỏi ách Bắc thuộc, Cách mạng Tháng Tám thành công với bản *Tuyên ngôn Độc lập* là sự kết tinh ý chí độc lập tự chủ của dân tộc ta từ mấy ngàn năm.

Tuyên ngôn Độc lập đã mở ra một trang sử mới của lịch sử dân tộc. Ý chí độc lập tự chủ trong thời kỳ mới được bồi bổ và phát huy trong công cuộc chiến đấu hy sinh và lao động hết mình vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Khi thực dân Pháp bội ước phát động chiến tranh xâm lược trên cả nước ta, thì dân tộc ta đã đứng lên theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó cũng là tiếng gọi của non sông, của ông cha thừa trước: “*Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”. Hình tượng những chiến sĩ tự vệ Thủ đô *Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh* là bức tượng đài bất hủ về một cuộc chiến tranh mà mỗi người dân Việt Nam đều sẵn sàng hy sinh vì nền độc lập của Tổ quốc. Sau chín năm “*vừa kháng chiến vừa kiến quốc*”, chúng ta đã giành thắng lợi vẻ vang. “*Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình dân chủ và xã hội chủ nghĩa*” Đặc biệt là cuộc đụng đầu lịch sử giữa dân tộc ta với đế quốc xâm lược Mỹ. Với sức mạnh “*không thể tưởng tượng nổi*” của bộ máy chiến tranh, chính quyền Mỹ khẳng định “*không có lý do gì khiến chúng ta không thắng*”, thậm chí còn dọa “*đưa miền Bắc Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá*” và quyết định lao vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Dân tộc Việt Nam với ý chí bất khuất, “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do!*”, chấp nhận cuộc đụng

đầu lịch sử, vừa kháng chiến giải phóng miền Nam, vừa lao động và chiến đấu xây dựng, bảo vệ miền Bắc. Đó là sự lựa chọn đầy dũng cảm và sáng suốt.

Thắng, bại của một cuộc chiến tranh do nhiều nguyên nhân từ hai phía. Nhưng xét về nguồn gốc sâu xa, nguyên nhân căn bản thì chính quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ bảo vệ nền độc lập, bảo vệ quyền cơ bản cho con người của dân tộc Việt Nam đã thắng sức mạnh xâm lược của Mỹ.

Chính Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ thời kỳ chiến tranh xâm lược Việt Nam Mắc Namara, hai mươi năm sau chiến tranh, cũng đã thừa nhận: “Chúng tôi đã sai lầm, sai lầm khủng khiếp”. Ông ta nêu lên 11 nguyên nhân chính khiến nước Mỹ thảm bại, trong đó có nguyên nhân về phía giới lãnh đạo nước Mỹ: “Đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó, thiếu sự hiểu biết cơ bản của chúng ta về lịch sử văn hoá, chính trị của Việt Nam”

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay, ý chí độc lập tự chủ trong *Tuyên ngôn Độc lập* càng có ý nghĩa to lớn chỉ đạo về tư tưởng và hoạt động thực tiễn. Đó là nguồn sức mạnh tiềm tàng to lớn, là động lực mạnh mẽ để chúng ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

.....
Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945 sự kết tinh ý chí độc lập tự chủ của dân tộc Việt Nam /PGS, TS Vũ Như Khôi /Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

NGÀY 2 THÁNG 9 – NGÀY HỘI LỚN NHẤT, VẺ VANG NHẤT CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

(ĐCSVN)- Sáu mươi ba năm đã trôi qua, ngày 2-9-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Ngày hội lớn nhất, vẻ vang nhất của dân tộc Việt Nam.

Trong 4.000 năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã viết nên nhiều trang sử vẻ vang với những chiến công chói lọi chống xâm lược và chống ách thống trị của nước ngoài. Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những trang sử vẻ vang, chói lọi nhất, là một trong những bước ngoặt vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám giành thắng lợi, ngày 2-9-1945, tại vườn hoa Ba Đình - Hà Nội, trước cuộc mít tinh của gần 1.000.000 người, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử, tuyên bố với toàn thể nhân dân, với thế giới: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa độc lập và tự do ra đời. Tuyên ngôn độc lập mở đầu bằng một chân lý lịch sử:

“Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” Tuyên ngôn độc lập vạch rõ đó là lẽ phải không ai chối cãi được. Lẽ phải đó được ghi trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ và

trong bản Tuyên ngôn nhân quyền của Cách mạng Pháp năm 1789. Các bản Tuyên ngôn ấy khẳng định quyền tự do, bình đẳng và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam không có quyền tự do, bình đẳng và không có quyền mưu cầu hạnh phúc. Khẩu hiệu vĩ đại “Tự do, bình đẳng, bác ái” của cách mạng Pháp đã bị giai cấp tư sản phản bội khi chúng lên nắm chính quyền. Thực dân Pháp núp dưới chiêu bài của cách mạng Pháp để tiến hành cướp bóc các nước thuộc địa và tước đoạt độc lập, tự do của các dân tộc ấy.

Bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Từ mùa Thu năm 1940, nước ta trở thành thuộc địa của Nhật. Pháp hai lần quỳ gối đầu hàng Nhật, chịu làm tay sai cho Nhật đàn áp và bóc lột nhân dân ta. “Khi Nhật đầu hàng đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập... đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”.

Tuyên ngôn độc lập tuyên bố với thế giới: “Nước Việt Nam đã thành một nước tự do, độc lập. Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập” Việt Nam tuyên bố “thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam”.

Tuyên ngôn độc lập kết thúc bằng một quyết tâm sắt đá, tiêu biểu cho ý chí của dân tộc Việt Nam : “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Ngày 2-9-1945 mãi mãi đi vào lịch sử Việt Nam, là ngày hội lớn nhất, vẻ vang nhất - ngày quốc khánh của dân tộc Việt Nam.

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám, với sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, độc lập và tự do ngày 2-9-1945, trước hết là thắng lợi của việc xây dựng một Đảng Mác-Lênin có đường lối đúng đắn, bảo đảm thông suốt và quán triệt đường lối đó trong thực tiễn chuẩn bị khởi nghĩa và khởi nghĩa, làm cho tổ chức Đảng có chất lượng cao, gọn nhẹ, trong sạch, vững mạnh và ăn sâu bám rễ trong quần chúng.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trước hết và chủ yếu là thắng lợi của đường lối chiến lược và sách lược của Đảng đúng đắn ngay từ đầu và không ngừng được bổ sung, phát triển cho phù hợp với từng giai đoạn. Tính chất đúng đắn đó bắt nguồn từ chỗ Đảng đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, thấm nhuần nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin, phân tích đúng đắn thực tế xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, kịp thời tổng kết kinh nghiệm để rút ra những quy luật của cách mạng dân tộc dân chủ, trước hết là quy luật đấu tranh giành chính quyền. Đảng luôn luôn tìm mọi cách làm cho toàn bộ đường lối chiến lược và sách lược thông suốt đến từng đảng viên và quần chúng cách mạng. Đảng luôn luôn nêu cao ý chí kiên cường bất khuất, căm thù địch, nêu cao khí tiết người Cộng sản, lòng trung thành với cách mạng, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ hy sinh. Với đường lối chính xác, với tổ chức khoa học và với công tác tư tưởng sắc bén, dù số lượng đảng viên chỉ có gần 5.000 người, Đảng đã lãnh đạo cuộc tổng khởi nghĩa trong cả nước giành thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và tính thời đại sâu sắc.

Giữ vững vai trò lãnh đạo; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong tiến trình cách mạng, là điều kiện để cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên và giành những thắng lợi ngày càng to lớn hơn trong thời kỳ cách mạng mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.

.....

Ngày 2 tháng 9 – ngày hội lớn nhất, vẻ vang nhất của dân tộc Việt Nam / Nguyễn Đào
/Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

HIỂU THÊM VỀ NGÀY LỄ ĐỘC LẬP 2-9-1945 VÀ BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP LỊCH SỬ

(ĐCSVN)- Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 giành độc lập và giành chính quyền đã thắng lợi trên cả nước. Ngày 2-9-1945 tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc Việt Nam kỷ nguyên dân tộc được độc lập, nhân dân được hưởng quyền tự do, hạnh phúc, làm chủ đất nước và xã hội, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Một trong những tư tưởng nổi bật của Tuyên ngôn là đặt lên hàng đầu *quyền của mỗi dân tộc* được hưởng độc lập, tự do. Mở đầu Tuyên ngôn, Hồ Chí Minh đã dẫn lời bất hủ trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776: “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Theo Hồ Chí Minh: “*Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”. Từ quyền của mọi người trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ, Hồ Chí Minh đi đến khẳng định quyền của mỗi dân tộc là hoàn toàn đúng đắn cả trong nhận thức và hiện thực lịch sử. Hồ Chí Minh coi quyền dân tộc là cái cơ bản có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện quyền con người. Một dân tộc còn bị áp bức, bị nước khác thống trị, nhân dân còn phải sống trong nô lệ và bị bóc lột thì không thể nói đến quyền con người. Hồ Chí Minh còn đề cập tới bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1791 của cách mạng Pháp “người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn bình đẳng về quyền lợi”. Người khẳng định những điều mà nước Mỹ và nước Pháp nêu ra trong Tuyên ngôn là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Một người Mỹ, ông Archimedes L.A.Patti người có mặt trong lúc Hồ Chí Minh viết *Tuyên ngôn độc lập*, đã kinh ngạc khi thấy Hồ Chí Minh dẫn bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ và thấy trật tự các chữ “tự do” và “quyền sống” đã được thay đổi. L.A.Patti hỏi Hồ Chí Minh vì sao lại dẫn câu đó trong Tuyên ngôn độc lập của Mỹ, Hồ Chí Minh nhẹ nhàng hỏi lại: “Tôi không thể dùng câu ấy được à?”. L.A.Patti trả lời “tại sao lại không”. Về trật tự các từ “tự do” và “quyền sống” đã được đảo vị trí, Hồ Chí Minh nói: “Đúng, không thể có tự do mà không có quyền sống, cũng như không thể có hạnh phúc mà không có tự do”. L.A.Patti đã khẳng định: “Tôi đã phải trình bày là không biết gì hơn và đúng là như vậy”.

Chính vì thế Hồ Chí Minh nhấn mạnh dân tộc nào cũng có *quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*. Chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gắn liền với Độc lập - Tự do - Hạnh phúc, là hoàn toàn mới mẻ và cũng là khát vọng cao cả mà dân tộc Việt Nam đã giành được và quyết tâm bảo vệ. L.A.Patti trong cuốn sách của mình còn mô tả lại ngày Lễ độc lập của Việt Nam 2-9-1945 mà ông có mặt. Ông viết: “Một tiếng trong loa phát thanh nổi lên phá vỡ sự im lặng, giới thiệu ông Hồ là người giải phóng, vị cứu tinh của dân tộc. Quần chúng được hướng dẫn của các đảng viên, cất tiếng hát và trong mấy phút liền hô vang “Độc lập”. Ông Hồ đứng yên mỉm cười, nhỏ nhắn trong tâm cỡ, nhưng vĩ đại trong sự hoan hô của nhân dân ông. Ông giơ tay ra hiệu im lặng và bắt đầu đọc bản tuyên ngôn... Ông Hồ dừng lại đột ngột và hỏi người nghe: “Đồng bào có nghe rõ tôi không?”. Quần chúng hô vang đáp lại: “Rõ”. Thực là một nghệ thuật diễn thuyết bậc thầy. Từ lúc đó, quần chúng lắng nắm lấy từng lời. Chúng tôi không hiểu ông Hồ đã nói gì. Lê Xuân phải cố gắng lắm để dịch nhưng cũng rất khó khăn. Nhưng cứ nghe giọng nói của ông Hồ, bình tĩnh và rõ ràng, âm cúng và thân mật và nghe thấy được quần chúng trả lời thì chúng tôi không còn nghi ngờ nữa là lời ông đã thấu tới quần chúng”.

Vẫn theo ông L.A.Patti “Đến khoảng hai giờ, ông Hồ kết thúc bản tuyên ngôn và tiếp sau đó là Võ Nguyên Giáp nói về vai trò của Việt Minh, nhấn mạnh vào công tác của Đảng trong lĩnh vực chính trị - quân sự, phát triển kinh tế xã hội, chương trình giáo dục và văn hoá”. Võ Nguyên Giáp đề cập tới quan hệ đối ngoại, nhấn mạnh quan hệ với Mỹ và Trung Quốc. Tiếp đó các bộ trưởng mới được chỉ định, từng người một được giới thiệu ra mắt nhân

dân. Buổi lễ kết thúc bằng việc các bộ trưởng tuyên bố nguyện trung thành và triệt để ủng hộ Chính phủ Dân chủ Cộng hoà lâm thời Việt Nam.

Trong Tuyên ngôn Độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên án chế độ thực dân, phát xít đã “lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái để cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”. Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút quyền tự do dân chủ nào. Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tuỷ, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược. Chúng độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng, chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn. Tuyên ngôn nêu rõ: từ mùa thu 1940, phát xít Nhật xâm chiếm nước ta, thực dân Pháp đầu hàng *mở cửa nước ta rước Nhật*. Ngày 9-3-1945 Nhật gạt Pháp để độc chiếm nước ta. "Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng Minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp. “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà”.

Với cuộc đấu tranh chính nghĩa giành những quyền dân tộc cơ bản, dân tộc Việt Nam đã giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám lịch sử. “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”. Đó là sự khẳng định danh dự quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do của dân tộc Việt Nam cũng như quyền của các dân tộc khác trên thế giới. Kết thúc, bản Tuyên ngôn nêu rõ: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Từ quyền của mọi người, của mỗi người, Hồ Chí Minh nâng lên thành quyền của tất cả các dân tộc trên thế giới đó là điểm đặc sắc trong Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam 2-9-1945. Điều đó khẳng định một thực tế là khi chưa giành được những quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ thì không thể thực hiện được những quyền con người. Một chân lý lớn của thời đại là mọi dân tộc phải được sống trong độc lập, tự do và mọi người có quyền sống trong ấm no, tự do, hạnh phúc và phát triển toàn diện bản thân mình. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc ra sức phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Mục tiêu đó là sự thống nhất, hoà quyền quyền dân tộc cơ bản và quyền con người mà cách mạng tháng Tám và Tuyên ngôn độc lập đã trình trọng tuyên bố.

.....

Hiểu thêm về ngày Lễ độc lập 2-9-1945 và bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử / PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc / Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

TỪ LỜI THỆ TRƯỚC ĐÌNH TÂN TRÀO ĐẾN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP TRÊN QUẢNG TRƯỜNG BA ĐÌNH

(ĐCSVN)- Vào mùa hè 1945, cục diện của cuộc thế chiến lần thứ 2 Đồng minh chống phát xít đã chuyển biến nhanh chóng với sự thất bại nặng nề, liên tiếp của Đức quốc xã và quân phiệt Nhật, mở ra cơ hội thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Để tranh thủ thời cơ này, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chuyển "bản doanh" từ Pắc Bó - Cao Bằng đến bản Nà Lừa trong "an toàn khu" Tân Trào huyện Sơn Dương - Tuyên Quang, cùng với cơ quan Trung ương Đảng khẩn trương chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Trong những ngày đầu tháng 8-1945, sau khi phát xít Đức, Nhật lần lượt đầu hàng quân Đồng minh, từ 13 - 15/8/1945 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc tại Tân Trào do lãnh tụ Hồ Chí Minh chủ trì, Tổng Bí thư Trường Chinh báo cáo về chủ trương khởi nghĩa của Trung ương. Hội nghị đã nhất trí và quyết định tranh thủ chớp thời cơ tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa. Ngay trong đêm 13/8, Tổng bộ Việt Minh đã thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc và ra Quân lệnh số 1 hạ lệnh triển khai ngay cuộc Tổng khởi toàn quốc theo nghị quyết của Trung ương Đảng.

Tiếp theo, ngày 16/8, Đại hội quốc dân đã họp tại đình Tân Trào với 60 đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân dân trong cả nước biểu thị sự nhất trí hoàn toàn với chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng để giành chính quyền trong cả nước và theo Lời hiệu triệu của Tổng bộ Việt Minh. Đại hội đã bầu ra Ủy ban giải phóng dân tộc - tức Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và nhất trí tôn vinh Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, đồng thời quyết định Quốc kỳ Việt Nam là cờ đỏ sao vàng năm cánh, Quốc ca là bài Tiến quân ca của nhạc sĩ Văn Cao.

Sáng ngày 17/8, các thành viên trong Ủy ban giải phóng dân tộc vừa được Đại hội bầu đã ra mắt quốc dân và làm lễ tuyên thệ trước sân đình Tân Trào. Thay mặt Ủy ban, hướng lên Quốc kỳ trên đỉnh cột cờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh trân trọng đọc lời tuyên thệ trước hàng nghìn đồng bào trong khu giải phóng đến dự buổi lễ trọng thể này. Người tuyên thệ:

Chúng tôi là những người vừa được quốc dân đại hội bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành độc lập cho Tổ quốc dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng cũng không lùi bước - Xin thề ! Tất cả buổi lễ cùng giờ cao nắm tay đồng thanh tiếp nối - ***Xin thề !*** vang động không gian khu giải phóng Tân Trào.

Dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ ngày 18/8 cuộc khởi nghĩa chính thức xuất quân và đã giành được thắng lợi ngay trận đầu tiên tại 4 tỉnh lỵ Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam. Tiếp theo ngày 19/8 Thành ủy Hà Nội phát lệnh khởi nghĩa - với sách lược linh hoạt kịp thời cô lập quân Nhật, không để họ can thiệp, quân cách mạng đã giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, chiếm hầu hết các công sở cơ quan đầu não của chính quyền bù nhìn ở Thủ đô. Đó cũng là ngày trở thành mốc son lịch sử của cuộc Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám. Cùng ngày ở các tỉnh lỵ Yên Bái, Phúc Yên, Thái Bình, Thanh Hóa, Khánh Hòa đã liên tiếp đứng lên khởi nghĩa thành công. Kế tiếp sau đó từ ngày 20/8 đến 28/8 khắp các tỉnh, thành phố khác trong cả nước đã liên tiếp nổi dậy giành chính quyền và kết thúc cuộc Tổng khởi nghĩa đại thắng lợi nhanh chóng trọn vẹn trong toàn quốc. Trong đó thành phố Huế đã khởi nghĩa ngày 23/8, thành phố Sài Gòn khởi nghĩa ngày 25/8 và đã giành toàn bộ chính quyền lập nên Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ. Ngày 30/8, Hoàng đế Bảo Đại - đời vua cuối cùng nhà Nguyễn đã tuyên bố thoái vị trao lại ấn kiếm cho cách mạng, kết thúc 143 năm trị vì của triều đại phong kiến này.

Ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ lễ đài độc lập, Người trịnh trọng tuyên bố với cả thế giới rằng:

"...Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính

mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy". Lời Người vang vọng hồn thiêng sông núi, thấu động bốn bề năm châu.

Vậy là từ lời thề của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại đình Tân Trào ngày 17/8 "**Quyết tâm giành độc lập cho Tổ quốc...**" chỉ sau 15 ngày đã trở thành hiện thực hiển nhiên trước quốc dân đồng bào và toàn thế giới. Kết thúc một thời kỳ đô hộ, thống trị của thực dân phong kiến, chấm dứt những năm dài nô lệ, mở đầu một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, nâng vị thế Việt Nam lên tầm cao mới trong cộng đồng quốc tế.

Từ lời thề trước đình Tân Trào đến Tuyên ngôn Độc lập trên Quảng trường Ba Đình / Bùi Đình Nguyên

/ Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NĂM 1945 – VĂN BẢN PHÁP LÝ – CHÍNH TRỊ, NỀN TẢNG CỦA NƯỚC VIỆT NAM MỚI

Bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 đã khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ngày nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngay sau ngày tuyên bố độc lập, trong lúc Nhà nước cách mạng đang còn trứng nước, bọn phản động ra sức phá hoại, tình thế cách mạng “ngàn cân treo trên sợi tóc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính quyền cách mạng đã đề ra nhiệm vụ Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội lập hiến, xây dựng Hiến pháp.

Hiến pháp 1946 là bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta; là bản Hiến pháp của nước Việt Nam độc lập thoát khỏi xiềng xích áp bức, bóc lột của thực dân Pháp gần một thế kỷ và chế độ phong kiến thống trị hàng bao thế kỷ. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, miền Bắc được giải phóng, Nhà nước đã ban hành bản Hiến pháp thứ hai - Hiến pháp 1960 để làm cơ sở pháp lý cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng và cả nước thống nhất, bản Hiến pháp thứ ba - Hiến pháp 1980 đã được ban hành. Đó là bản Hiến pháp của nước Việt Nam thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hiến pháp hiện hành được Quốc hội thông qua năm 1992; là bản Hiến pháp thứ tư và là Hiến pháp của thời kỳ đổi mới.

Xét về lịch sử đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, thì bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 là việc kế thừa, phát huy, nâng lên một tầm cao mới truyền thống kiên cường, bất khuất của dân tộc ta. Thật vậy, ngay từ thế kỷ XI (1077), người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt lãnh đạo nhân dân ta chống quân Tống đã làm thơ động viên quân sĩ chống giặc, bảo vệ chủ quyền đất nước:

“Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Rành rành định phận ở sách trời.
Cớ sao quân giặc sang xâm lược,
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”.

Đến thế kỷ XV, sau khi cuộc chiến tranh chống quân Minh kéo dài 10 năm kết thúc thắng lợi, Nguyễn Trãi, người anh hùng dân tộc, người có công giúp vua Lê Lợi đánh thắng quân Minh, cũng đã tự viết bản Bình Ngô đại cáo nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ tự cường của dân tộc Việt Nam có một truyền thống hàng ngàn năm văn hiến. Với thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945, bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 một lần nữa nêu cao tinh thần bất khuất, quật cường của dân tộc, đồng thời khẳng định từ nay chính quyền về tay nhân dân; nhân dân là người chủ của đất nước. Xét về lịch sử phát triển của nhân loại thời kỳ hiện đại, năm 1776 có bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ. Đây là bản Tuyên ngôn về sự ra đời của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ sau khi đã kết thúc nội chiến. Tiếp đó, năm 1791 có bản Tuyên ngôn về quyền con người và quyền công

dân của nước Pháp, khẳng định thắng lợi của Cách mạng tư sản lật đổ chế độ phong kiến. Sau Cách mạng tháng Mười Nga thành công năm 1917 cũng đã có bản Tuyên ngôn về quyền lợi của nhân dân lao động và bị áp bức. Bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Việt Nam, mở đầu cho thời kỳ nhân dân các nước thuộc địa vùng lên giành độc lập, làm tan rã chế độ thực dân cũ.

Bản Tuyên ngôn độc lập mở đầu bằng lời nói bất hủ của Tuyên ngôn độc lập Mỹ (1776): “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Bản Tuyên ngôn độc lập cũng viện dẫn câu mở đầu nổi tiếng của Tuyên ngôn về quyền con người và quyền công dân của Cách mạng Pháp (1791): “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”. Nhân dân Việt Nam gần một thế kỷ rên xiết dưới ách đô hộ của thực dân Pháp và suốt mấy trăm năm bị đè nén trong chế độ phong kiến nên đã nhận thức rõ quyền con người và quyền công dân không thể có được nếu dân tộc không được độc lập và tự do. Chính vì vậy, trong bản Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định một cách đanh thép: “Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Sau khi điếm lại quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta cho đến cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại (8-1945), bản Tuyên ngôn đã kết luận “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên Nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà”.

Bản Tuyên ngôn kết thúc bằng lời khẳng định sâu sắc và mạnh mẽ có ý nghĩa như một lời thề: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy!”. Thực hiện lời thề đó, nhân dân Việt Nam đã đấu tranh lâu dài hàng mấy chục năm đầu phải chịu đựng những hy sinh to lớn để giữ vững độc lập và tự do. Ngày nay, cũng với tinh thần ấy, nhân dân Việt Nam quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng và bất khả xâm phạm (Điều 1 và Điều 13 Hiến pháp 1992).

Khi đã giành được độc lập, chính quyền đã về tay nhân dân, thì các quyền con người, quyền của công dân phải được đảm bảo bằng một cơ chế thực hiện dân chủ. Cơ chế đó chính là bộ máy nhà nước đủ mạnh; thật sự dân chủ được lập ra thể theo nguyện vọng của nhân dân và phục vụ nhân dân. Tư tưởng về quyền tự do, dân chủ của bản Tuyên ngôn độc lập đã trở thành nguyên tắc hiến định của nhà nước ta, và ngày càng được quy định đầy đủ, cụ thể hơn trong Hiến pháp. Trong Hiến pháp 1992 đây là chương có tới 34 điều (Hiến pháp 1980 có 29 điều). Có những điều mà trước đây chưa ghi như Điều 50 về quyền con người, Điều 57 về quyền tự do kinh doanh, Điều 68 về quyền tự do đi lại, cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước, Điều 72 về quyền không bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật... Đáng chú ý là Điều 50 nói về quyền con người. Ngay từ khi nước Việt Nam mới ra đời, sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, tư tưởng về quyền con người đã được quán triệt trong các chính sách, pháp luật của Nhà nước ta. Cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ vì độc lập, tự do của dân tộc cũng chính là để bảo vệ quyền của con người. Hiến pháp 1992 có Điều 50 nói về quyền con người chỉ là để khẳng định rõ thêm và bác bỏ những luận điệu thù địch xuyên tạc, vu cáo Việt Nam trên vấn đề nhân quyền. Nói về vấn đề nhân quyền thì Việt Nam không phải là nước bị mắc nợ đối với thế giới mà trái lại chính là nước chủ nợ, có quyền đòi nợ ở những nước đã gây ra bao nhiêu đau thương, tang tóc cho dân tộc Việt Nam trong nửa thế kỷ vừa qua.

Tóm lại, tư tưởng độc lập cho dân tộc, tự do, dân chủ cho nhân dân, quyền của con người mà bản Tuyên ngôn độc lập đã nêu vẫn còn nguyên giá trị. Hiện nay, trong công cuộc đổi mới, chúng ta đang phấn đấu để xây dựng “Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”, thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, cũng chính là thực hiện và phát triển những tư tưởng của bản Tuyên ngôn độc lập - 1945.

Tuyên ngôn độc lập năm 1945 – văn bản pháp lý – chính trị, nền tảng của nước Việt Nam mới / Theo Luật gia Phùng Văn Tửu, cuốn Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh - những giá trị và ý nghĩa thời đại / Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Tuyên ngôn độc lập năm 1945 thể hiện tầm nhìn chiến lược về ngoại giao và nghệ thuật đấu tranh với kẻ thù của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tác phẩm đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam. Cách đây 58 năm, ngày 2 - 9 - 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt nhân dân Việt Nam long trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước toàn thế giới thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Bản Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị to lớn về nhiều lĩnh vực như: chính trị, pháp lý, ngoại giao, tư tưởng, văn hóa... đồng thời là một tác phẩm chính luận mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc, góp phần tích cực đặt nền tảng cho một trật tự pháp lý hiện đại trong thế kỷ 20. Ngay trong phần mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn lời bất hủ trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 Của nước Mỹ: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Người còn trân trọng viện dẫn trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1791 của nước Pháp một triết lý nổi tiếng, đó là: "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi". "Đó là những lẽ phải không ai có thể chối cãi được". Việc trân trọng viện dẫn những tinh hoa trong hai cuộc cách mạng tiêu biểu của nước Pháp và nước Mỹ để mở đầu cho Tuyên ngôn lập quốc của nước mình, vừa thể hiện nét độc đáo, sáng tạo, đầy tính nhân văn cao cả và cử chỉ ngoại giao rất tinh tế, sắc bén của chủ nhân một quốc gia độc lập; nhưng cũng vừa mang tính chủ động tiến công cách mạng của một nhà lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược sâu rộng trên nhiều lĩnh vực chính trị, ngoại giao, văn hóa, quân sự... Bằng tầm nhìn chiến lược về ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt toàn thể nhân dân Việt Nam tuyên bố mong muốn xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa nước ta với nước Pháp và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Điều đó càng thêm sáng ngời tư tưởng đại nghĩa, lòng khoan dung cao cả của nhân dân Việt Nam. Bởi vì, trong hơn 30 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh đi tìm đường cứu nước, Người đã hiểu thấu tận tủy gan bản chất bóc lột dã man, tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Nhưng đến khi thực dân Pháp thất thế và rút chạy, nhân dân Việt Nam vẫn độ lượng khoan hồng, dang tay cứu giúp cho nhiều người Pháp và tài sản của họ thoát khỏi bàn tay tàn bạo của phát xít Nhật lúc đó. Đối với nhân dân Mỹ, họ rất tự hào về nhà tư tưởng vĩ đại Thomas Jefferson, người đã khởi thảo bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Niềm tự hào đó càng được đề cao khi trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam mới lại được mở đầu bằng chính những nội dung tinh túy nhất trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ, đúng vào thời điểm quân Đồng minh vừa chiến thắng phe phát-xít. Nhưng điều còn lý thú hơn, chính vị lãnh tụ của nhân dân Việt Nam đã cho người đại diện của quân đội Mỹ ở Hà Nội khi đó là thiếu tá tình báo L.A Patti, được xem trước bản Tuyên ngôn Độc lập mà Người sẽ đọc tại cuộc mít tinh lớn ở Hà Nội, khiến cho Patti thú thực rằng "không còn tin ở tai mình nữa". Sau hơn ba thập kỷ với biết bao chính biến thăng trầm của lịch sử, viên sĩ quan tình báo Mỹ L.A Patti đã công khai tự thuật sự kiện trên một cách sinh động, hấp dẫn và nghiêm túc trong tác phẩm *Why Việt Nam? (Tại sao Việt Nam?)*. Rõ ràng, ngay trong thời kỳ đầu lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động đặt nền móng mối quan hệ ngoại giao thân thiện giữa Việt Nam với Chính phủ và nhân dân các nước trên thế giới, trong đó có nước Mỹ và nước Pháp. Thế nhưng, cơ hội lịch sử đó đã bị chính phủ đương

thời ở Mỹ và ở Pháp bỏ qua, đứng vào thời điểm nhân dân Việt Nam cùng sát cánh đứng về phía phe Đồng minh để loại trừ chủ nghĩa phát xít tàn bạo. Như vậy, xét trên nhiều phương diện, có thể khẳng định bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945 là sự kết tinh tâm huyết của dân tộc Việt Nam trong hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước; thể hiện truyền thống, khí phách quật cường, bản lĩnh và ý chí quyết tâm sắt đá trong đấu tranh để giành và giữ vững nền độc lập, tự do của dân tộc. Nhưng thực dân Pháp vẫn không chịu từ bỏ âm mưu biến Việt Nam thành thuộc địa vĩnh viễn của chúng. Lúc này, đế quốc Mỹ cũng đang thừa cơ lăm le tìm mọi thủ đoạn để nhảy vào độc chiếm Đông Dương nói chung và xâm chiếm nước Việt Nam độc lập nói riêng. Trong bối cảnh lịch sử đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận rõ đối tượng kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của cách mạng Việt Nam và của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Nếu như trong hơn 30 năm trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung lên án đối tượng kẻ thù chủ yếu của cách mạng là chủ nghĩa thực dân Pháp, với bản "Yêu sách 8 điểm" nổi tiếng, gửi Hội nghị Versailles vào đầu năm 1919; hay "Bản án chế độ thực dân Pháp" năm 1925..., thì nay, trước tình hình thế giới và trong nước phát triển rất mau chóng, bằng sự nhạy cảm về chính trị và tầm nhìn chiến lược sâu rộng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích và nhận rõ nguy cơ nền độc lập của dân tộc vừa mới giành được đang đứng trước sự đe dọa từ đối tượng kẻ thù mới là đế quốc Mỹ. Chính vì vậy, Người đã làm tất cả để phân hóa kẻ thù, tranh thủ từng đối tượng, kể cả khi long trọng khởi đầu bản Tuyên ngôn Độc lập của dân tộc mình bằng sự viện dẫn những nội dung tinh túy nhất trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Trên cơ sở pháp lý và chính nghĩa, Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đã trở thành một văn kiện mẫu mực về nghệ thuật phân hóa, cô lập kẻ thù để loại bỏ từng kẻ thù nguy hiểm của cách mạng. Đứng trước dã tâm xâm lược trở lại Việt Nam của thực dân Pháp, bản Tuyên ngôn Độc lập cũng đã lột rõ bộ mặt "bảo hộ" giả nhân, giả nghĩa, núp dưới bóng cờ quân Đồng minh của thực dân Pháp. Bằng những lập luận đanh thép và vững chắc, Tuyên ngôn Độc lập đã chỉ cho toàn thế giới thấy rõ một thực tế lịch sử là: Từ mùa thu năm 1940, thực dân Pháp đã quỳ gối đầu hàng, dâng đất nước ta cho bọn phát xít Nhật. Cho nên, sự thực cũng từ đó, Việt Nam đã trở thành thuộc địa của Nhật. Chính từ đây, Mặt trận Việt Minh đã lãnh đạo toàn dân đứng lên đấu tranh để giành lại nước Việt Nam từ tay phát xít Nhật. Do đó, cơ sở pháp lý về sự tồn tại quyền lợi của thực dân Pháp ở Việt Nam cũng như trên toàn Đông Dương không còn nữa. Các Hiệp nghị Teheran và Cựu Kim Sơn đã chỉ rõ: nếu các nước Đồng minh đã công nhận quyền dân tộc tự quyết của các nước đã bị phát xít chiếm đóng, thì "quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam". Những lập luận dựa trên cơ sở pháp lý quốc tế và rất đanh thép đã đặt cả chủ nghĩa thực dân cũ và mới vào tư thế của những kẻ can thiệp và xâm lược, khi chúng núp dưới bóng cờ của quân Đồng minh để thôn tính đất Việt Nam. Vì vậy, bản Tuyên ngôn Độc lập đã thể hiện tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xác định rõ đối tượng cần tranh thủ, cần phân hóa; đồng thời, thể hiện tính chủ động, linh hoạt, cần kíp trong tiến công cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết thúc bản Tuyên ngôn Độc lập hùng tráng bằng lời tuyên bố trịnh trọng và đanh thép, đáp ứng nguyện vọng thiết tha ngàn đời của nhân dân Việt Nam: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết tâm đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Đã 58 năm trôi qua kể từ khi bản Tuyên ngôn Độc lập được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình lịch sử ngày 2-9-1945, đất nước Việt Nam ta đã có nhiều đổi thay lớn lao trên con đường tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuyên ngôn Độc lập năm 1945; đã đóng góp xứng đáng vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người khỏi mọi sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân, đế quốc; mở ra một kỷ nguyên mới-kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt Nam thân yêu.

GẶP HAI NGƯỜI BẠN QUÝ CỦA VIỆT NAM

Ông Henri Martin và bà Raymonde Dien là hai người đảng viên Đảng Cộng sản Pháp đã từng đứng lên đấu tranh chống lại cuộc chiến phi nghĩa của thực dân Pháp tại VN.

Những ngày này, họ trở lại VN theo lời mời của Liên hiệp Các tổ chức hữu nghị VN để dự ngày quốc khánh của đất nước mà họ luôn mến yêu...

Họ đã đấu tranh cho hòa bình của VN

Một người con gái 17 tuổi đã từng nằm trên đường ray xe lửa để chặn đoàn tàu chở vũ khí và xe tăng sang phục vụ cuộc chiến của thực dân Pháp tại VN. Hay một người lính hải quân Pháp đã rải truyền đơn cho người dân nước Pháp cùng chống lại cuộc chiến phi nghĩa của quân đội Pháp tại VN.

Nhiều bạn trẻ đã thắc mắc: “Chúng cháu được học về gương dũng cảm của chị Raymonde Dien ở chương trình giáo dục công dân lớp 5, tại sao lúc ấy cô chưa biết VN - một đất nước xa xôi - mà vẫn dám đứng lên đấu tranh cho dân tộc chúng cháu?”.

Bà Raymonde Dien chia sẻ: “Cha tôi bị bắt, chị tôi bị đày và anh trai tôi đã bị bắn. Tôi sớm biết cuộc chiến phi nghĩa của quân đội viễn chinh Pháp nên đã đứng dậy đấu tranh. Cuộc chiến diễn ra ở đất nước VN thì nhiều người cũng sẽ rơi vào hoàn cảnh như tôi, sẽ có những cảnh con mất cha, vợ lìa chồng”...

Ông Henri Martin - người lính hải quân của quân đội Pháp năm xưa - kể lại câu chuyện của mình: “Lúc bấy giờ tôi cũng trẻ như các bạn ngồi đây. Tôi cũng đã tham gia quân đội để chống phát xít Đức tại Pháp. Và tôi được cử sang VN để giúp người VN chống phát xít Nhật. Nhưng khi đặt chân đến VN tôi đã nhận ra đây không phải là cuộc chiến chống phát xít Nhật, mà là cuộc chiến tranh của quân đội viễn chinh Pháp diễn ra tại VN.

Đó là cuộc chiến tranh phi nghĩa. Đoàn quân chúng tôi sang VN là quân xâm lược chứ không phải là những người đi bảo vệ nhân dân. Tôi đã tìm cách trở về Pháp phối hợp Đảng Cộng sản Pháp đẩy lên phong trào chống cuộc chiến tranh phi nghĩa đó. Tôi hoạt động bí mật để chống chiến tranh và đi phát truyền đơn nêu khẩu hiệu chống chiến tranh. Phong trào lan truyền mạnh mẽ hơn. Tôi bị bắt và tòa án xử 5 năm tù đày”.

Sự kiện của ông đã làm toàn dân Pháp càng phần nộ với cuộc chiến chết chóc này. Không chỉ thế, tại hội nghị Paris về VN ông cũng đóng góp nhiều cho việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình tại VN (từ 13-5-1968 đến 27-1-1973). Ông đã trở thành người bạn thân thiết với toàn thể nhân dân VN.

Bà Raymonde Dien tâm sự: “Những việc làm của tôi rất nhỏ bé so với những đóng góp lớn lao của nhiều thế hệ VN trong cuộc kháng chiến giành độc lập từ 1939-1945. Tôi sinh ra trong gia đình nghèo. Cha là thợ, mẹ là nông dân. Cha tôi bị phát xít Đức bắt giam bên Áo. 17 tuổi tôi là thư ký đánh máy cho văn phòng Đảng Cộng sản Pháp. Nhiều thông tin về chiến tranh VN được đưa trên Báo Nhân Đạo.

Tôi đã vận động những người công nhân cùng chống lại cuộc chiến tranh bản thù đó. Một hôm tôi biết có đoàn tàu chở vũ khí, xe tăng sang VN. Tôi đã cùng hàng trăm người đấu tranh, và tại nhà ga Saint Pierre des Corps (thành phố Tours) ngày 23-2-1950 tôi đã nằm ngang trên đường ray. Đoàn tàu đó dừng lại, chứ không thì hôm nay tôi đã không có mặt với các bạn tại đây.

Sau đó cảnh sát Pháp bắt tôi và dẫn tôi đi giam ở nhà giam Tours... Trước lúc đi tôi nói với chồng rằng tôi đi thăm người bạn và chiều đó tôi đã không về, mãi đến 10 tháng sau tôi mới trở về nhà”.

Ra tù bà tiếp tục tham gia đảng bộ cộng sản địa phương và tích cực tham gia các phong trào đấu tranh của Đảng Cộng sản Pháp trong cuộc đấu tranh tại VN.

Họ tiếp tục cuộc đấu tranh vì công lý

Năm 1956 hai người có cơ hội đến VN trong đoàn thanh niên cộng sản Pháp được Bác Hồ tiếp. Ông Henri Martin hỏi: “Bác là lãnh tụ để lại ấn tượng sâu sắc trong cuộc đời tôi. Bác Hồ là hiện thân tất cả những gì tốt đẹp nhất.

Bác Hồ với nhân dân VN là một, là ý chí quyết tâm khao khát độc lập và ý chí của nhân dân VN không từ nan khó khăn và theo đuổi mục tiêu độc lập của mình.... Lúc đó nước Pháp chuẩn bị tấn công Ai Cập. Tôi quyết định trở về ngay để tiếp tục tham gia chống cuộc chiến tranh phi nghĩa mới. Bác Hồ ủng hộ quyết định của tôi...”.

Riêng bà Raymonde Dien luôn ôm hôn những người bạn Việt: “Tôi sung sướng khi cuộc chiến tranh của Pháp tại VN đã chấm dứt, nhưng không may cho các bạn lại tiếp tục cuộc kháng chiến trường kỳ đối với quân đội Mỹ. Họ đã để lại hậu quả quá lớn bằng chất độc da cam/dioxin hủy diệt. Hiện giờ chúng tôi vẫn đấu tranh để chống lại, tố cáo di hại của chất độc da cam...”.

Nhân dân VN đang khắc phục hậu quả chiến tranh. Hậu quả nghiêm trọng là hậu quả chất độc da cam. Tháng 3-2005 chúng tôi cùng Hội Hữu nghị Pháp - Việt sẽ tổ chức hội thảo quốc tế về chất độc da cam. Cho đến giờ có nhiều cá nhân và tổ chức đăng ký tham gia với chúng tôi. Tôi rất tự hào là người bạn của VN.

Tại Pháp, nhiều cá nhân, hội đã tham gia cuộc vận động của chúng tôi chống chất độc da cam tại VN. Chúng ta phải đứng lên tố cáo để buộc các công ty phải khắc phục hậu quả khi đã sản xuất ra chất độc để quân đội Mỹ rải xuống mảnh đất của người VN làm ảnh hưởng đến bao thế hệ...”.

Đến VN lần này, hai người như đang trở lại ngôi nhà của mình. Nguyên đại sứ đầu tiên của VN tại Pháp, ông Võ Văn Sung, đã nhấn mạnh: “Hai bạn là người Pháp rất VN”. Có mặt tại buổi giao lưu, cô Trần Tố Nga (nguyên là hiệu trưởng Trường Marie Curie) nói:

“Năm tôi 8 tuổi, mẹ tôi đã nói với tôi tấm gương của ông Henri Martin và bà Raymonde Dien là hai anh hùng dũng cảm đấu tranh cho dân tộc VN, và từ đó hai tấm gương này theo tôi mãi trong cuộc đời. Giờ đây tôi được gặp hai người bằng xương bằng thịt tại đây, tôi rất hạnh phúc và xin phép cho tôi được ôm hôn hai cô chú”.

Nhiều người đã xúc động: “Chúng ta phải đặt tên VN cho hai người bạn của chúng ta là Hồ Henri Martin và Hồ Raymonde Dien”.

.....
.....
Gặp hai người bạn quý của Việt Nam / BTS (Theo Kim Anh, Báo Tuổi trẻ) / Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

ĐỘC LẬP CỦA VIỆT NAM TRONG MẮT NHỮNG NGƯỜI BẠN PHÁP

Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp gọi họ là bạn. Các em nhỏ Việt Nam đang còn ngồi trên ghế nhà trường cũng gọi họ là bạn. Raymonde Dien và Henri Martin tham dự lễ kỷ niệm ngày Quốc khánh 2/9 tại Hà Nội với tư cách là những người bạn chung thủy và những chiến sĩ đấu tranh cho tự do của dân tộc Việt Nam.

Lựa chọn chính nghĩa

Tháng 12/1945, chàng lính trẻ Henri Martin gia nhập đội quân viễn chinh Pháp lên đường sang Việt Nam. Đối với cách hiểu của anh lúc đó, Việt Nam là một thuộc địa của Pháp cần phải giành lại từ tay phát xít Nhật mới đầu hàng. Thuộc địa là gì ? Ở trường, người ta dạy cho Henri rằng đó là những vùng đất mà nước Pháp đã giúp lật đổ chế độ độc tài để dựng nên một nền dân chủ. Chỉ huy đội quân viễn chinh giao nhiệm vụ cho quân của mình phải tiêu diệt những tên lính Nhật đào ngũ đang cướp bóc dân bản xứ để vỗ yên cho dân chúng. Henri nhận việc trên một chiếc tàu đưa đón quân Pháp trên sông Cửu Long. Anh tận mắt nhìn thấy

những xóm làng bốc cháy mỗi khi quân Pháp tràn qua. Hỏi tại sao thì được trả lời: "Đó là những ngôi làng đã giúp đỡ bọn kẻ cướp. Phải dạy cho chúng một bài học". Chẳng bao lâu, Henri nhận ra rằng chính quân Pháp đang "chiến đấu chống lại nhân dân Việt Nam". Đỉnh điểm là cuộc gây hấn tại Hải Phòng. Henri kể: "Tàu của tôi lúc ấy đang ở đó. Tôi đã thấy quân Pháp nã pháo vào thành phố như thế nào. Cả thành phố bốc cháy. Vì nhà cửa san sát nên có nhiều dân thường chết không vì đạn pháo mà đơn giản chỉ là chết cháy. Đó chính là khởi đầu của chiến tranh. Quân Pháp đưa ra con số chính thức là 6.000 người chết nhưng tôi tin nhiều hơn với con số phía Việt Nam đưa ra là 2 vạn người. Bởi vì thật khó mà có thể ra khỏi thành phố đang chìm trong đạn pháo".

Trở về Pháp, Henri tổ chức phân phát tài liệu kêu gọi phản chiến của Đảng Cộng sản Pháp trong hàng ngũ thủy thủ ở Toulon và bị bắt vì hoạt động trái phép này. Anh bị kết án 5 năm tù giam và bị tước quyền công dân trong vòng 15 năm. Bộ Tổng tham mưu Pháp coi anh là kẻ phản bội. Henri Martin bị khai trừ vĩnh viễn ra khỏi quân đội. Đến tận bây giờ, khi quan hệ Pháp-Việt đã hữu hảo, ông già Henri Martin, 77 tuổi, vẫn không nhận được bất cứ một trợ cấp nào từ phía quân đội cho những năm tháng ông đã cống hiến trong cuộc kháng chiến chống Đức quốc xã và thời gian ông phục vụ trong quân đội viễn chinh. Nhưng đối với nhân dân Việt Nam và những người Pháp tiến bộ, ông là người anh hùng đã góp phần cảnh tỉnh lương tri con người trước "một cuộc chiến tranh bẩn thỉu".

Những "Raymonde Dien" vô danh

Ngày 25/2/1950, Raymonde Dien lúc đó là một cán bộ của Đảng Cộng sản Pháp đã tham gia tổ chức biểu tình ngăn đoàn tàu sang chiến trường Việt Nam. Nhiều người biểu tình, trong đó có cô và một phụ nữ khác đã nằm ngang đường ray ngăn đoàn tàu. Nhưng sau đó, chỉ mình Raymonde Dien bị bắt và bị kết án tù 10 tháng. Những người khác chỉ là những công nhân, nhân viên hỏa xa... bình thường, còn Raymonde Dien là một đảng viên Cộng sản hoạt động tích cực trong phong trào phản chiến. Cô gái bé nhỏ tóc nâu Raymonde Dien đã bị cảnh sát ghi vào sổ đen từ lâu.

Giải thích cho hành động dũng cảm của mình và các đồng chí, bà nói: "Nước Pháp vừa trải qua chiến tranh, chúng tôi không muốn chiến tranh nữa. Thế mà giờ đây chính nước Pháp lại gây chiến ở Việt Nam. Đó là một cuộc chiến phi nghĩa. Chúng tôi phải làm một điều gì đó để ngăn chặn cuộc chiến này, để giúp đỡ nhân dân Việt Nam". Sáng hôm ấy, Raymonde Dien nói với chồng rằng cô có thể sẽ về muộn vì phải ghé qua thăm một người bạn vừa sinh con. "Mười tháng sau, khi tôi từ nhà tù trở về, chồng tôi cười và nói: "Em đã không về nhà ngay tối hôm đây. Anh đã phải chờ gần một năm trời mới được gặp lại em". Hai người tiếp tục sát cánh bên nhau cho đến khi ông Paul Dien qua đời vào năm 2002.

Hồ Chí Minh sống mãi

Henri Martin và Raymonde Dien được Bác Hồ mời dùng bữa sáng với Người lần đầu tiên năm 1956 khi 2 người sang Việt Nam dự đại hội lần thứ II Đoàn Thanh niên cứu quốc. Và bây giờ là lần thứ hai, Raymonde Dien, năm nay đã 75 tuổi, trở lại Việt Nam. Với Henri, đây là lần thứ 6. Ông nói: "Người vẫn còn sống, vẫn tiếp tục vai trò của mình. Trên thế giới này hiếm có một nhân vật nào còn giữ được quyền năng và sự kính trọng đến thế, suốt hàng chục năm sau khi đã qua đời. Có rất nhiều vĩ nhân sau khi chết được tạc tượng, được người ta viết sách ca tụng. Nhưng sách để trong thư viện có mấy ai đọc. Người đời nhanh chóng quên họ. Vậy mà ở đây, đã có đến hơn 15 triệu lượt người đến thăm Bảo tàng Hồ Chí Minh. Hồi chiến tranh Việt Nam, tên Người vang lên trong các cuộc biểu tình chống chiến tranh trên khắp thế giới. Những người biểu tình hô vang: "Hồ Chí Minh!" Đó có nghĩa là: "Hòa bình cho nhân dân Việt Nam" và "Đả đảo đế quốc Mỹ". Tên Người không thể bị lãng quên. Cái tên ấy không chỉ gắn liền với lịch sử dân tộc Việt Nam mà còn gắn liền với lịch sử giải phóng dân tộc của tất cả các nước đã theo gương Việt Nam và giành được thắng lợi cho dân tộc mình".

Địa điểm đầu tiên mà Henri Martin và Raymonde Dien đặt chân đến lần này tại Việt Nam chính là thành phố mang tên Bác. Nhìn không khí xây dựng hồi hã của thành phố nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung, được biết những con số phát triển kinh tế ấn tượng và được tiếp xúc với giới trẻ năng động ham hiểu biết, hai người bạn Pháp vui mừng nhận thấy Việt Nam đang tiến những bước dài theo lý tưởng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn theo đuổi.

Henri Martin nói: "Nói về sự nghiệp đổi mới của Việt Nam hiện nay, không thể không nhắc tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, người luôn tìm tòi cái mới trên thế giới để áp dụng vào Việt Nam. Người chỉ có một nguyên tắc không bao giờ thay đổi: đó là mọi việc đều phải nhằm phục vụ nhân dân".

Cuộc chiến đấu mới vì công lý

Raymonde Dien hiện đang sống trong một khu chung cư khiêm tốn ở một ngôi làng nhỏ miền Trung nước Pháp. Còn Henri Martin sống ở ngoại ô Paris. Cả hai người tiếp tục là thành viên cốt cán của Đảng Cộng sản Pháp và Hội hữu nghị Pháp-Việt. Cảm thông với nỗi đau của những nạn nhân chất độc màu da cam ở Việt Nam, bức xúc vì công lý chưa được thực thi, họ tham gia thu thập chữ ký cho bản kiến nghị ủng hộ vụ kiện các công ty hóa chất Mỹ đã sản xuất ra thứ chất độc giết người này. Chỉ trong một thời gian ngắn, Raymonde Dien đã thu thập được gần 300 chữ ký từ những người hàng xóm. Còn Henri Martin không bỏ lỡ bất cứ một cơ hội nào, đặc biệt trong các cuộc họp của cựu chiến binh Đảng Cộng sản Pháp, để nói về vấn đề này. "Chiến tranh đã qua lâu rồi mà chất độc da cam/dioxin tiếp tục giết hại, làm tàn tật và gây biết bao khổ đau cho người dân Việt Nam. Hãy xem những người lính đã chiến đấu giải phóng quê hương, đất nước mình nay lại phải đau đớn thấy con mình sinh ra bị dị tật. Nỗi đau này thật khủng khiếp".

Nỗ lực của Raymonde Dien, Henri Martin và các bạn của họ trong Hội hữu nghị Pháp-Việt bước đầu đã có kết quả. Ngày 11-12/3/2005 tới, tại Paris sẽ diễn ra một cuộc hội thảo quốc tế về chất độc da cam/dioxin ngay tại trụ sở Thượng viện Pháp. Các nhà tổ chức hy vọng chiến dịch thu thập chữ ký và cuộc hội thảo tầm cỡ này sẽ tạo ra được một sức ép đối với chính quyền Mỹ.

Triển lãm kỷ niệm 35 năm thực hiện di chúc của Bác

Kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2-9 và 35 năm thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh, sáng nay, 2-9, Trung tâm Thông tin triển lãm thành phố Hồ Chí Minh và Nhà Văn hóa Thanh niên khai mạc triển lãm "Di chúc Bác Hồ soi đường chúng ta đi". Triển lãm gồm 2 phần: "Chủ tịch Hồ Chí Minh trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc", "Thực hiện Di chúc của Bác, xây dựng TP Hồ Chí Minh giàu đẹp" với 131 ảnh, 6 bảng trích số liệu. Triển lãm sẽ mở cửa đến ngày 6-9-2004.

Cũng sáng 2-9, Bảo tàng Hồ Chí Minh- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh khai mạc các phòng trưng bày "Bộ sưu tập tranh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh trên kính", "Hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh qua các tác phẩm hội họa, điêu khắc", "Chủ tịch Hồ Chí Minh những năm tháng sống và làm việc tại Thủ đô Hà Nội". Qua 54 tác phẩm điêu khắc, hội họa - trong đó có những tác phẩm nổi tiếng, 140 hình ảnh, tài liệu, hiện vật tiêu biểu gắn liền với cuộc đời và hoạt động của Bác ở Thủ đô Hà Nội, 30 bức tranh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh do họa sĩ Đoàn Việt Tiến vẽ trên kính, đã thể hiện tấm lòng, tình cảm kính yêu và lòng biết ơn vô hạn của nhân dân ta đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhân dịp này, Bảo tàng tiếp nhận 12 hiện vật của các cá nhân gửi tặng để đưa vào trưng bày. Trong 25 năm hoạt động, Bảo tàng đã sưu tầm và bảo quản được 12.000 tài liệu, hiện vật và trên 3.000 đầu sách chuyên đề về Chủ tịch Hồ Chí Minh, đón tiếp 25 triệu lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan.

.....
Độc lập của Việt Nam trong mắt những người bạn Pháp / SGGP/ Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP 1945 VÀ NIỀM TIN HÔM NAY

(ĐCSVN)-Tuyên ngôn Độc lập 1945, đã mở đầu cho một kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam. Kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.Trên đường phát triển

và hội nhập hôm nay, mỗi lần đọc lại và nghe lại giọng đọc Tuyên ngôn ám áp của Bác Hồ, chúng ta như có thêm sức mạnh, niềm tin và quyết tâm đi lên.

1. Tuyên ngôn Độc lập 1945 ra đời trong bối cảnh hết sức đặc biệt. Thời điểm đó Tổng khởi nghĩa tháng 8 giành chính quyền đã thành công, kết thúc một giai đoạn vận động, đấu tranh giải phóng dân tộc. Mở ra kỷ nguyên độc lập tự do cho dân tộc và chính quyền về tay nhân dân. Thời điểm đó phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh và giặc Pháp đã thất bại từ 9-3-1945 nhưng vẫn đang lăm le trở lại, chúng tung ra luận điệu: vấn đề Việt Nam là vấn đề riêng của nước Pháp. Trên thế giới, chiến tranh đã kết thúc. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh. Năm mươi nước trên thế giới đã họp hội nghị quốc tế tại San-Francisco ký vào bản Hiến chương Liên hiệp quốc với nhiệm vụ duy trì hoà bình và an ninh thế giới. Lúc này phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở nhiều nơi. Được sự hỗ trợ của hồng quân Xô viết, lần lượt các nước Rumani, Bungari, Nam Tư, Anbani, Hunggari, Ba Lan, Tiệp Khắc... được giải phóng. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bản Tuyên ngôn này trong hào khí thắng lợi ấy của cách mạng Việt Nam và thế giới.

2. Với lý lẽ đanh thép và lập trường vững chắc, thái độ kiên quyết, mãnh liệt, sôi sục, thuyết phục. Với tình cảm tha thiết, nhân đạo và sẵn sàng tha thứ. Với lối diễn đạt hết sức Việt Nam giản dị, biểu cảm, hình ảnh, cụ thể đi thẳng vào lòng người, bản Tuyên ngôn đã thực sự là một áng văn bất hủ của đất nước. Tuyên ngôn đã phản ánh toàn bộ những vấn đề hết sức cơ bản của dân tộc ta trước toàn thể nhân dân trong nước và quốc tế.

Một là: Mở đầu, Tuyên ngôn đã khẳng định ngay chân lý về quyền độc lập dân tộc, quyền tự quyết, quyền dân chủ, đó là những quyền chính đáng của mỗi con người, mỗi dân tộc. Những quyền này hết sức thiêng liêng, nó nhất quyết phải được tôn trọng, vì lẽ người ta sinh ra đương nhiên có quyền sống và quyền tự do. Những quyền này đã được nêu rõ tại hai bản Tuyên ngôn 1776 và 1791 của hai nước có truyền thống dân chủ và dân quyền là Mỹ và Pháp cũng là 2 nước có liên quan đến nhân dân Việt Nam và phong trào dân chủ quốc tế.

Hai là: Bản Tuyên ngôn đã vạch rõ tất cả các tội ác mà thực dân Pháp đã gây ra cho nhân dân ta về: chính trị, kinh tế, văn hoá, sức khoẻ, làm cho nhân dân ta đói khổ xơ xác tiêu điều, khủng bố nhân dân ta một cách dã man, tẩm các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta trong các bể máu. Và nguy hiểm xót xa hơn, Pháp đã bán nước ta cho Nhật...

Ba là: Bản Tuyên ngôn vạch rõ một sự thật lịch sử, đó là nhân dân ta đã nhất tề đứng lên giành độc lập từ tay phát xít Nhật, như vậy chúng ta đã chủ động đứng về phe đồng minh chống phát xít. Bản Tuyên ngôn khẳng định rõ ràng rằng từ mùa thu năm 1940. Pháp đã chạy, Nhật đã hàng, nhân dân Việt Nam đã làm chủ đất nước. Bản Tuyên ngôn nêu cao lập trường chính nghĩa, nhân đạo của dân tộc Việt Nam, ngay từ lúc trong hoàn cảnh còn khó khăn, không nghĩ gì đến thù oán kêu gọi người Pháp liên minh chống Nhật, giúp đỡ cho Pháp thoát tay Nhật.

Bốn là: Với thái độ kiên quyết, sắt đá, dứt khoát và trịnh trọng, Tuyên ngôn khẳng định với toàn thế giới rằng: nước Việt Nam là một nước độc lập, và chúng ta sẽ đem hết sức mình để bảo vệ quyền độc lập ấy. Tuyên ngôn yêu cầu các nước trên thế giới, trước nhất là các nước đồng minh công nhận quyền độc lập của dân tộc ta.

3. Tuyên ngôn Độc lập 1945 chẳng những có giá trị về chính trị, lịch sử mà đó còn là một trong áng văn nghị luận mẫu mực về mặt logic lập luận, về sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh sinh động. Cao hơn nữa chúng ta nhận thấy tư tưởng, tầm nhìn và trí tuệ văn hoá cũng như lòng yêu nước, tự hào dân tộc, lòng nhân ái cao cả toả sáng trong nhân cách vĩ đại Hồ Chí Minh. Trên lễ đài tại vườn hoa Ba Đình ngày 2-9-1945 Hồ Chủ tịch đã đọc bản Tuyên ngôn này, trước khi đọc, với lời nói giản dị Người hỏi: “Đồng bào nghe rõ không” ... Tất cả những hình ảnh đó, 62 năm trôi qua nhưng giờ đây vẫn sống trong lòng tất cả nhân dân Việt Nam và bè bạn quốc tế. Tuyên ngôn Độc lập mở đầu cho một kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Trung thành với Tuyên ngôn Độc lập 1945, 62 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đoàn kết một lòng vượt qua mọi khó khăn thử thách kháng chiến chống giặc ngoại xâm, thống nhất tổ quốc và đang quyết tâm đổi mới, phát triển, xây dựng Việt Nam trở thành một quốc gia dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Trên đường phát triển và hội nhập hôm nay, mỗi lần đọc lại, nghe lại giọng đọc Tuyên ngôn âm áp của Bác Hồ, chúng ta như có thêm sức mạnh, niềm tin, và quyết tâm đi lên.

.....
Tuyên ngôn Độc lập 1945 và niềm tin hôm nay / Xuân Hải / Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

NƠI RA ĐỜI BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Cụ Hoàng Thị Minh Hồ là con gái thứ bảy của nhà nho Hoàng Đạo Phương. Cụ Phương có 11 người con. Dòng họ gia giáo, giàu có nổi tiếng Hà Nội thời bấy giờ. Và ngôi nhà của cụ Minh Hồ, 48 Hàng Ngang, đã đi vào lịch sử từ lúc Bác Hồ viết *Tuyên ngôn Độc lập*...

Tháng Tám lại đến. Cụ Minh Hồ đã gần 90 tuổi, vẫn minh mẫn kể lại: Hồi tôi hai chục tuổi, là chủ cửa hiệu số 7 Hàng Ngang, gánh vác công việc nhà chồng. Sau đó, tôi tậu ngôi nhà 48 Hàng Ngang, cửa hiệu to lớn nhất Hà Nội thời ấy. Tôi làm ra được mười, chỉ dành lại năm bảy, còn vài ba phần làm công việc từ thiện. Năm 1942 xảy ra vụ cháy nhà ở khu Nghĩa Dũng, tôi ủng hộ đồng bào bị hỏa hoạn một vạn đồng. Nạn đói năm 1945, tôi ủng hộ 100 đôi chiếu chôn cất người chết và 40 cái chăn chiên, 140 áo bông cấp cho những người nghèo. Hằng ngày nấu cháo phát chẩn cho người đói. Có lẽ vì vậy, mà các nhà cách mạng tin tưởng, chọn nơi đây làm cơ sở.

Sau ngày giành chính quyền, cán bộ ta đều nghèo. Tôi lấy vải trong kho của nhà cắt may được hơn một trăm bộ áo quần và 18 bộ com-lê, đem tặng các vị trong Chính phủ lâm thời để đi làm việc và các anh làm công tác ngoại giao. Tôi giao toàn bộ tầng hai, tầng ba cho "cơ quan thượng cấp". Nhưng anh Cả (Nguyễn Lương Bằng) chỉ nhận tầng hai. Chúng tôi căn dặn những người giúp việc trong nhà phải "lễ phép với các cụ, các ông bề trên ở trong quê ra chơi".

Các anh Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh,... sắp xếp nơi làm việc, nơi nghỉ ngơi, nơi ăn uống, nơi tiếp khách. Các anh bàn :

- Kê cái bàn nhỏ vào góc để Bác đánh máy, đặt cái ghế bô bên cạnh để thỉnh thoảng Bác ngả lưng. Bác gầy lắm, nằm giường ván đau xương.

Ông Cụ làm việc cả ngày và đêm trong phòng, đêm nào tôi cũng nghe tiếng đánh máy chữ của ông Cụ rất khuya. Chuông đồng hồ điểm mười hai tiếng, đèn bàn của ông Cụ mới tắt, nhưng đồng hồ điểm năm tiếng đã thấy ông Cụ tập thể dục ngoài hành lang.

Một buổi, tôi vào đặt khay thức ăn nhẹ bữa tối lên bàn rồi định xuống nhà, ông Cụ gọi lại:

- Cô ngồi đây một lúc đã.

Tôi khép nép ngồi vào mép ghế.

- Cô tên gì nhỉ ? Cụ ân cần hỏi tôi.

- Thưa Cụ, cháu là Trịnh Văn Bô ạ.

Cụ cười niềm nở:

- Cháu là con gái sao gọi là Trịnh Văn Bô, phải là Trịnh Thị...chứ.

- Rồi Cụ nói tiếp:

- Chắc Trịnh Văn Bô là tên chú ấy. Bác muốn được biết tên của cô.

- Dạ tên cháu là Hoàng Thị Minh Hồ ạ.

- Họ Hoàng. Tên là Minh Hồ...

Ông Cụ nhắc mấy tiếng liền "Hoàng... Minh...Hồ". Giọng nói của ông Cụ âm áp:

- Cháu tuổi trẻ nhưng có tấm lòng người phụ nữ Việt Nam, cháu giàu của, lại giàu lòng thương người nghèo khó, giúp người hoạt động vì nước. Cháu là người yêu nước, vẹn toàn hai vai: đảm đang việc nhà, tham gia việc nước.

Hôm Chính phủ lâm thời do Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch ra mắt quốc dân đồng bào và đọc **Tuyên ngôn Độc lập** trên Quảng trường Ba Đình, tôi được dự lễ, đứng ở khu vực sát lễ đài.

Nước mắt tôi lặng lẽ chảy trên má vì nhìn lên kỳ đài, không ngờ ông Cụ ở gác hai nhà 48 Hàng Ngang của tôi lại là Chủ tịch Hồ Chí Minh đang dong dạc đọc **Tuyên ngôn Độc lập**. Tôi băng khuông liên tưởng đến những đêm khuya khoắt tiếng máy chữ của ông Cụ gõ vang, cho bản **Tuyên ngôn Độc lập** hùng hồn hôm nay: "... Chúng tôi, Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Những ngày đầu cách mạng, Chính phủ mở cuộc vận động lập Quỹ độc lập, tôi bàn với các bạn hàng, bà con thân thích ủng hộ được hơn 20 vạn đồng. Ngày 16-9-1945, khai mạc Tuần lễ vàng. Ba cha con chúng tôi đi tới hòm quỹ vàng bỏ vào số vàng đầu tiên. Tiếng loa truyền ngay tại chỗ : "Cụ Hoàng Đạo Phương và ông bà Trịnh Văn Bô đã khai mạc tuần lễ vàng, ủng hộ 117 lạng". Hơn nửa thế kỷ, Cách mạng Tháng Tám qua đi. Đó là một gia đình cách mạng tiêu biểu cho người Hà Nội giàu lòng yêu nước.

Từ một người giàu sang nổi tiếng, có cửa hàng tơ lụa xuất sang Singapore, Hong Kong, Paris..., gia đình cụ Minh Hồ đã nhanh chóng đứng vào hàng ngũ những người yêu nước. Cụ Minh Hồ tham gia tổ chức Việt Minh, là cơ sở của cách mạng, và người chồng cùng trở thành đảng viên cộng sản. Trong câu chuyện răn dạy con cháu thường ngày, cụ Minh Hồ bao giờ cũng nhắc tới cái tâm, cái thiện với đồng bào, với đất nước.

.....
Nơi ra đời Bản Tuyên ngôn Độc lập / BTS / Theo báo ND / Nguồn: Trang tin Báo điện tử ĐCSVN

NHỚ MÙA THU ĐỘC LẬP

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Những ngày này, dù chưa đến ngày kỷ niệm Quốc khánh của dân tộc, nhưng trên khắp các nẻo đường của Thủ đô Hà Nội đã rực rỡ cờ hoa, tràn ngập biểu ngữ. Mới hay, dù 63 năm đã trôi qua, nhưng giờ khắc lịch sử trọng đại ấy vẫn còn in đậm trong trái tim và trí óc mỗi người dân của nước Việt Nam Độc lập.

Không phải ngẫu nhiên mà sự kiện lịch sử ấy lại có sức sống mãnh liệt đến như vậy. Cũng không phải ngẫu nhiên mà lớp lớp thế hệ con cháu người Việt Nam lại náo nức, vui tươi và tự hào đến vậy khi chào đón ngày Quốc khánh... Có được sự lan toả và sức sống kỳ diệu đó là do sự kiện lịch sử ấy đã ghi lại những dấu ấn quan trọng đối với tiến trình phát triển của lịch sử một dân tộc nói chung, của lịch sử dân tộc Việt Nam nói riêng - một dân tộc đã có bề dày hàng ngàn năm văn hiến.

Từ sáng sớm ngày 2 tháng 9 năm 1945, hàng chục vạn người đã hàng ngũ chỉnh tề, cờ hoa rực rỡ đổ dồn về phía Quảng trường Ba Đình. Những biểu ngữ nền đỏ, chữ vàng tung bay trong trời thu Hà Nội. Lễ đài bằng gỗ đơn sơ được dựng lên giữa Quảng trường Ba Đình, các đội tự vệ vũ trang cùng các đơn vị Quân giải phóng đội mũ ca nô, quân phục nghiêm trang, hàng ngũ thẳng tắp đứng trước lễ đài.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc “Tuyên ngôn Độc lập” ngày 02/9/1945

Đúng 14 giờ, Hồ Chủ tịch cùng các vị trong Chính phủ lâm thời bước ra lễ đài. Bản nhạc Tiến quân ca vang lên hùng tráng. Mọi ánh mắt đều hướng về lá cờ đỏ sao vàng đang được từ từ kéo lên trên lễ đài. Hàng chục vạn bàn tay nắm chặt, giơ lên, biểu thị lòng quyết tâm và ý chí sắt đá, kính chào lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh giản dị trong bộ quần áo ka ki và đôi dép cao su tiến ra trước máy phóng thanh. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Người đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Tuyên ngôn Độc lập (ngày 2 tháng 9 năm 1945) đã mở ra một kỷ nguyên mới cho toàn thể dân tộc Việt Nam, tuyên bố với đồng bào cả nước và toàn thể nhân loại trên thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Bản Tuyên ngôn nêu rõ: “*Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà*”. (Hồ Chí Minh, Tuyển tập, Tập 1, 1919-1945.)

Cuối bản Tuyên ngôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt nhân dân Việt Nam khẳng định ý chí sắt đá của toàn thể dân tộc Việt Nam quyết giữ vững nền độc lập, tự do vừa giành được: “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*”. (Hồ Chí Minh, Tuyển tập, Tập 1, 1919-1945.)

Bản Tuyên ngôn Độc lập đã mở ra một kỷ nguyên mới cho toàn thể dân tộc Việt Nam. Lần đầu tiên, người dân Việt Nam có thể ngẩng cao đầu tự hào vì mình đã trở thành người dân của một nước độc lập, chuẩn bị những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo trên những chặng đường lịch sử của dân tộc. Từ đó, với khí thế và sức mạnh mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, 30 năm sau ngày Tuyên ngôn Độc lập, quân và dân ta đã đấu tranh anh dũng, tiến hành công cuộc đấu tranh giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước cả về mặt lãnh thổ và mặt Nhà nước. Hơn thế nữa, tinh thần của ngày 2 tháng 9 năm 1945 ở Việt Nam còn là nguồn động lực không nhỏ, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đứng dậy đấu tranh tự giải phóng. Với ý nghĩa và tầm vóc lớn lao đó, ngày 2 tháng 9 trở thành ngày Quốc khánh, ngày hội lớn của cả dân tộc Việt Nam.



Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh trước ngày Quốc khánh - 2008.

*(Ảnh: **Trịnh Thanh**)*

Hôm nay, nhớ về Mùa thu độc lập, chúng ta có quyền tự hào về những trang sử vẻ vang mà cha ông ta đã điễm tô. Mừng ngày độc lập, lớp lớp các thế hệ người dân Việt Nam cũng không quên dành những phút mặc niệm thành kính nhất đối với vị Cha già của dân tộc. Nghĩ về thời khắc Người từ già dân tộc để về bên kia với “*Mác- Lênin, thế giới Người hiền*” (lúc 9 giờ 47 phút ngày 2 tháng 9 năm 1969), trong lòng mỗi người dân Việt Nam và bạn bè thế giới còn nghẹn lại với bao niềm tiếc thương vô hạn. Tình cảm ấy đã cất lên trong thơ Tố Hữu thành những tiếng nấc nghẹn ngào:

Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa

Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...

Chiều nay cọn chày về thăm Bác

Uớt lạnh vườn cau, mây góc dĩa!

(Bác ơi - Tố Hữu)

Đến nay, 63 Mùa thu đã đi qua, nhưng giọng nói âm áp, sâu lắng của Người giữa Mùa Thu độc lập ấy vẫn mãi còn vang vọng: “*Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?*”. Những lời căn dặn và những mong muốn thiết tha của Người đã trở thành một trong những nguồn động lực to lớn đối với tất cả chúng ta - nhất là thế hệ trẻ trên con đường xây dựng và phát triển đất nước: “*Nhiệm vụ của Thanh niên không phải là đòi hỏi Nước nhà đã cho mình những gì, mà là tự hỏi mình đã làm gì cho Nước nhà? Mình phải làm thế nào cho lợi ích Nước nhà nhiều hơn? Mình đã vì lợi ích Nước nhà mà hy sinh, phấn đấu đến chừng nào?*” (Các cuộc đàm phán Lê Đức Thọ- Kissinger, Lư Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ biên soạn, NXB Công an nhân dân, 2002, trang 150).

Chào đón Mùa thu độc lập, chào đón năm học mới, cán bộ, giảng viên, sinh viên Trường ĐHSP Nghệ thuật TW nguyện đem hết sức mình, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học, góp phần bảo vệ và xây dựng những thành quả mà cha ông ta đã phải đổi bằng mồ hôi, xương máu mới có thể giành được.

.....
Nhớ mùa thu độc lập / Trịnh Thanh / Nguồn: Bản tin điện tử Trường ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

RỦ NHAU ĐI LÀM CÁCH MẠNG

Đã 83 tuổi nhưng bác Sáu Chí (Nguyễn Văn Chí) hồ hởi ra mặt khi nghe nhắc chuyện Cách mạng Tháng Tám. “Ui chao, không khí những ngày ấy tuyệt vời lắm. Ngày ấy chúng tôi gọi là: rủ nhau đi làm cách mạng”. Câu chuyện về những ngày tổng khởi nghĩa cứ thế cuốn theo cái đà “rủ nhau” ấy...

Tham gia cách mạng và vào Đảng từ phong trào Nam kỳ khởi nghĩa 1940, đến thời kỳ tổng khởi nghĩa tôi làm bí thư quận Trung, tỉnh Chợ Lớn (một phần Long An bây giờ). Khởi nghĩa Nam kỳ thất bại, phong trào bị đàn áp nhưng cái mầm để khôi phục rất lớn, rất khỏe.

Nhà nào cũng cất giấu cờ đỏ sao vàng, bà con nào cũng say mê tấm ảnh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Dân tản cư từ Sài Gòn ra để tránh bom đạn của liên quân cũng rất đông. Chính sách tàn bạo của Nhật thì ai cũng biết và khiếp sợ. Chúng tôi cứ dựa vào đó để đẩy lên phong trào.

Các tổ chức đoàn hội bán công khai dưới danh nghĩa cứu tế được thành lập, thanh niên được vận động trốn lính, giúp dân từ việc làm ruộng đến việc tang ma. Chúng tôi giúp dân không lấy công, không ăn cơm nên họ rất tin tưởng. Những buổi tối, buổi trưa vẫn việc, thanh niên trí thức lại tập hợp dân chúng lại đọc báo, phổ biến tình hình cho bà con.

Từ những buổi nói chuyện này, chủ trương cách mạng đã được tuyên truyền tới nông dân, và tổ chức cũng nhận ra được những người nòng cốt, sẵn sàng sống chết với cách mạng. Tôi nhớ mãi hôm chúng tôi tổ chức đọc thư của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào cả nước. Trước đó, hết Pháp rồi Nhật loan tin Nguyễn Ái Quốc đã chết khiến mọi người hoang mang, thất vọng.

Rồi thư của Người đến: *“Cơ hội giải phóng đã đến rồi. Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều: Toàn dân đoàn kết. Ai là người Việt Nam đều phải gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, có của góp của, có sức góp sức, có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành độc lập, dù phải hi sinh tính mệnh cũng không nề”*.

Người đọc cao giọng ở trên, người nghe sùt sùi ở dưới, nhưng sau đó là một không khí bùng bùng phấn khích. Mấy bà má tìm tôi: “VẬY là Nguyễn Ái Quốc còn sống, thế là yên tâm rồi”.

Thời bấy giờ mà nhớ lại những ngày hoạt động ấy thì thấy buồn cười. Chúng tôi đi làm cách mạng mà cứ rủ nhau như là rủ ra ruộng làm đồng, hẹn giờ bằng đồng hồ mặt trời. Tình hình toàn cục thì cứ mua Báo *Dân Chúng* để theo dõi, vì tài liệu của tổ chức đưa theo đường dây rất chậm, giao liên toàn đi bộ mà. Việc đảm bảo bí mật hoàn toàn dựa vào lòng tin và sự lan truyền của những người cùng dòng họ.

Thế mà việc cướp chính quyền lại thành công mỹ mãn. Đa số nhân dân không biết đọc, nhưng chỉ sau một đêm họp phổ biến bản Hiệu triệu của Xứ bộ Đảng Cộng sản Đông Dương, đi đến đâu cũng nghe bà con râm ran đọc thuộc lòng *“Họ quyết tâm đưa chúng ta làm bia đỡ đạn cho họ. Quân đội họ nắm, kinh tế họ chiếm, ngoại giao họ lo, chính trị họ cầm cả. Cứu ta chỉ có ta thôi, trông cậy vào người là chết”*.

Rằm tháng bảy năm ấy (tức khoảng 22, 23-8), nửa đêm Ủy ban Khởi nghĩa đánh trống quân tập hợp dân đi cướp chính quyền. Khắp các làng mọi người đổ ra, rầm rập tay đuốc, tay vũ khí, mà chỉ là dao, mác, roi tre, gậy tầm vông. Đội Thiếu niên tiên phong đã được tập từ trước nên hàng ngũ rất tề chỉnh. Không khí ấy khiến đám hương ước, hội tề trong làng rất kinh hoàng không dám chống cự.

Chúng tôi chiếm đóng nhà làm việc, và đến sáng thì chính quyền mới đã thành lập xong, đầy đủ các chức vị chủ tịch, ủy viên hành chính, quân sự, an ninh..., các chính sách lớn như bỏ thuế thân, tự do hội họp được công bố khiến bà con rất phấn khởi.

Nhưng tất cả việc đó vẫn chỉ là hình thức của cách mạng. Cái lớn nhất mà công cuộc tập hợp nhân dân cướp chính quyền đã đạt được chính là điều được nhấn mạnh trong thư của Nguyễn Ái Quốc: Toàn dân đoàn kết.

Sự đoàn kết, thương yêu lẫn nhau trong những ngày ấy đạt đến mức gần như tuyệt đối. Đi đến đâu chúng tôi cũng gặp những gương mặt tươi cười, hào hứng, sẵn sàng đem tất cả những gì mình có để giúp người khác.

Những xích mích về bờ giậu, khoảnh ruộng, bờ ao mới hôm trước còn là những việc tày đình thì hôm nay mọi người vui cười bỏ qua trước sự chứng kiến của mặt trận Việt Minh. Các gia đình chia nhau nấu cơm cho anh em tự vệ, trước cửa nhà làm việc lúc nào cũng có

mấy bà má xời lời mang sang rổ khoai, mớ bánh ú. Chuyện cờ bạc, trộm cắp, nghiện hút mới cách đó ít lâu còn đầy rẫy thì nay bỗng vắng bóng.

Trong quy định của Việt Minh còn có khoản cấm rượu chè, nhưng ở tỉnh Chợ Lớn có làng Gò Đen nổi tiếng, dân địa phương quan niệm “vô tửu bất thành lễ”. Biết không thể cấm được, chúng tôi đưa ra khuyến cáo “không được say xỉn”. Thế là cảnh thanh niên, đàn ông mặt mày đỏ gay, đi lại ngật ngưỡng không thấy xuất hiện nữa.

Tối tối, các lớp học bình dân rộn ràng tiếng đánh vần, ai cũng đi học, từ con nít đến ông bà già. Họ bảo nhau: “Không đi học làm sao đọc được thư của lãnh tụ”. Sáng 2-9, chúng tôi cũng tổ chức lễ độc lập, chủ tịch tỉnh đứng lên đọc các văn bản được tổ chức gửi xuống, đọc các tin tức trên báo chí.

Nghe tên Hồ Chí Minh, mọi người rất xôn xao, nhao nhao hỏi: “Hồ Chí Minh là ai?”. Chúng tôi giải thích đó là tên mới của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, rồi phải mang ảnh ra so sánh làm bằng chứng mọi người mới tin. Và từ đó lại càng nô nức đi học.

Những ngày tuyệt vời ấy tiếc thay lại chỉ có 29 ngày ngắn ngủi. Pháp quay trở lại. Đã biết kinh nghiệm của những ngày phong trào Nam kỳ khởi nghĩa bị đàn áp đẫm máu, một số người có tư tưởng hoang mang, dao động, chúng tôi lại tập hợp, giải thích rằng lần này chúng ta đã có Nhà nước, có Chính phủ, thủ đô vẫn còn, Bác Hồ vẫn đó, chiến khu Việt Bắc đã được chuẩn bị sẵn...

Nghe đến tên Bác Hồ, mọi người lại yên tâm, lại bưng bưng khí thế và cứ thế nô nức đi thẳng đến những ngày Nam bộ kháng chiến...

.....
Rủ nhau đi làm cách mạng / PHẠM VŨ ghi (theo báo Tuổi Trẻ)

BÁC HỒ ĐỌC TUYÊN NGÔN

Trước đó hai mươi năm, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc đã có "Bản án chế độ thực dân Pháp". Nhưng lúc đó, Người mới là đại biểu dân thuộc địa. Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của nước Việt Nam là một mốc lớn quan trọng của dân tộc. Bây giờ, chính Người và cả dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Người sẽ thi hành bản án ấy.

Ngày 27 tháng 8 năm 1945, Thường vụ Trung ương họp. Rồi Hội đồng Chính phủ họp. Bàn nhiều công việc quan trọng, trong đó có việc tổ chức lễ tuyên bố Độc lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh phụ trách thảo bản **Tuyên ngôn Độc lập**.

Mọi việc chuẩn bị ngày lễ Độc lập đều gấp rút, đều quan trọng. Nhưng gấp rút nhất, quan trọng nhất là dự thảo bản **Tuyên ngôn Độc lập**. Từ Nam quốc sơn hà thế kỷ 11 đời Lý, Bình Ngô đại cáo thế kỷ thứ 15 đời Lê, đến Tuyên ngôn Độc lập thời đại Hồ Chí Minh thế kỷ thứ 20, khoảng cách dài gần 10 thế kỷ, ngót nghìn năm.

Kể từ ngày thứ ba, 28 tháng 8 năm 1945 ấy, tức là ngày 21 tháng 7 Ất Dậu, Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung vào việc soạn thảo **Tuyên ngôn Độc lập**.

Trên gác hai nhà 48 Hàng Ngang, trong một căn phòng rộng mà chủ nhà làm phòng ăn, ở giữa kê một cái bàn dài to, quanh bàn có tám ghế tựa đệm mềm là nơi Bác Hồ thường

làm việc với các đồng chí trong Thường vụ Trung ương Đảng. Cuối phòng, sát tường phía sau, kê một chiếc bàn tròn mà Bác cùng chúng tôi thường ăn sáng. Bác hay ngồi suy nghĩ và đánh máy bên chiếc bàn con kê sát tường góc phía trong. Mặt bàn hình vuông, bọc da xanh màu lá mạ, vừa đủ để tập giấy bút và chiếc máy chữ nhỏ mang từ chiến khu về. Bác trầm ngâm suy nghĩ phác thảo Tuyên ngôn Độc lập.

Nửa đêm hôm ấy, tôi chợt thức giấc, thấy Bác vẫn ngồi chăm chú làm việc. Hà Nội sau một ngày sôi động đang đi vào yên tĩnh. Đêm mùa thu, trên căn gác thoáng rộng, không khí mát lạnh. Tôi trở dậy, bước thật nhẹ ra phía hành lang, nhìn xuống đường. Ban ngày, phố Hàng Ngang náo nhiệt, chật chội. Giờ đây rộng vắng giữa đêm khuya. Hai đường ray tàu điện chạy thành hai vệt trắng, đen nhánh. Trước mỗi căn nhà dọc phố, cờ đỏ sao vàng sẫm lại trong đêm. Một tốp vệ mặc quần soóc, đầu đội mũ calô, đang đi tuần dọc phố, bóng dáng hiên ngang.

Chỉ mới cách đó hơn một tuần, Hà Nội còn là một thành phố bảo hộ, mật thám như rươi, thoáng thấy màu cờ đỏ là cả bộ máy cai trị của kẻ thù lòng lên như thú dữ. Thế mà giờ đây cờ đỏ phấp phới bay khắp phố phường. Đêm ấy, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đang ngồi giữa lòng Hà Nội soạn thảo *Tuyên ngôn Độc lập*, mở đầu một kỷ nguyên mới cho dân tộc: Kỷ nguyên Độc lập, Tự do. Thật là kỳ diệu. Cách mạng là một sự kỳ diệu. Và chính Người, từ Nguyễn Ái Quốc đến Hồ Chí Minh, đã cùng với toàn dân làm nên điều kỳ diệu đó. Từ buổi nhen nhóm phong trào cách mạng, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ra đời vào năm 1925, do chính Người sáng lập, để năm năm sau, chính đảng đầu tiên của giai cấp Công nhân Việt Nam bước lên vũ đài chính trị.

Chiều ngày 31 tháng 8 năm 1945, Bác bảo đưa cho Bác xem sơ đồ địa điểm tổ chức mít tinh và nhắc Ban tổ chức chú ý cả nơi vệ sinh cho đồng bào, và dặn nếu trời mưa thì kết thúc sớm hơn, tránh cho đồng bào bị mưa ướt, nhất là đối với các cụ già và các cháu nhỏ.

Chiều ngày 2 tháng 9 năm 1945, trên quảng trường Ba Đình, một quang cảnh vừa náo nhiệt, vừa xúc động. Khi Cụ Hồ vừa xuất hiện trước máy phóng thanh, thì cả quảng trường âm vang tiếng hò:

- Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!
- Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!

Và khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang sảng cất tiếng đọc *Tuyên ngôn Độc lập* thì cả biển người im phăng phắc lắng nghe:

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc..."

Đọc được một đoạn, Cụ Hồ bỗng dừng lại, đưa cặp mắt âu yếm nhìn toàn thể đồng bào, cất tiếng hỏi:

- Đồng bào nghe rõ tiếng tôi không?

Tiếng đáp lại liền như sấm:

- Có!

Người dân và Chủ tịch nước bỗng trở nên gần gũi và vô cùng thân thiết.

Càng về cuối bản *Tuyên ngôn Độc lập*, giọng Cụ Hồ càng âm vang, như cuốn hút mọi người.

"Chúng tôi tin rằng các nước đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Tê-hê-ran và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi - Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng Tự do, Độc lập và sự thật đã trở thành một nước Tự do, Độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền Tự do, Độc lập ấy!"

Cùng với ngày 2 tháng 9 năm 1945, bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc trước quốc dân đồng bào, là một mốc son chói lọi trên con đường dài đấu tranh dựng nước và giữ nước suốt mấy nghìn năm của dân tộc Việt Nam.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945 của nước Việt Nam cũng là một mốc lớn quan trọng của dân tộc. Đó thực sự là lời tuyên bố đánh thép về sự cáo chung của chế độ thuộc địa dưới mọi hình thức. Đồng thời nó cũng báo hiệu sự mở đầu của một thời đại mới, thời đại trỗi dậy của các dân tộc nhược tiểu đứng lên làm chủ vận mệnh của mình. Trước đó hai mươi năm, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc đã có "Bản án chế độ thực dân Pháp". Nhưng lúc đó, Người mới là đại biểu dân thuộc địa. Bây giờ, chính Người và cả dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Người sẽ thi hành bản án ấy. Và như chúng ta đã biết, bản án đã được thực hiện bằng chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy địa cầu chín năm sau đó.

(*): Tựa đề do TS đặt

.....

Bác Hồ đọc tuyên ngôn / VŨ KỲ (Thư ký giúp việc Bác Hồ từ năm 1945 đến 1969) -Nguyên Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh / (trích Nhớ mãi những phút giây đầu tiên) / Cuộc Sống Việt _ Theo www.vietbao.vn

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP VÀ KHÁT VỌNG CON NGƯỜI

Kỷ niệm 63 năm bản Tuyên ngôn Độc lập 2/9 lịch sử, càng đọc càng thấm thía tầm cao tư tưởng và chiều sâu văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh về khát vọng của con người, về lý tưởng giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng con người.



Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945 - Ảnh tư liệu

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”. Đó là khát vọng cháy bỏng ngàn đời của con người, của loài người.

Chẳng thế mà, mở đầu cho “Khế ước xã hội” ra đời năm 1762 đánh dấu cột mốc lớn trong tư duy của con người tự nhận thức về quyền làm người của mình, J.J. Rousseau phần nộ tuyên bố: “Con người sinh ra đã là tự do, vậy mà ở khắp mọi nơi, con người lại đang bị cùm kẹp”.

Sự gặp gỡ giữa lý tưởng ái quốc và lý tưởng cộng sản

Hơn nửa thế kỷ, thời gian đủ để kiểm nghiệm độ chính xác và sự tường minh của một tư tưởng, trải qua những biến động dữ dội của thế kỷ XX chuyển sang thế kỷ XXI, những biến động mà những bộ óc tiên tri dường như cũng phải ngỡ ngàng, vẫn chứng minh được sức bền, độ “chín” của tư tưởng ấy. Vì đó là chân lý.

Chân lý thì luôn luôn đơn giản. Song hiểu được chân lý, đến được với chân lý thì thường lại cực kỳ gian truân. Mà gian truân nhất là phải phân biệt cho được chân lý với cái na ná như chân lý khiến đôi khi người ta ngộ nhận một cách chân thành và đầy sự sùng kính. Nguy hại của sự “na ná” ấy thật khó lường!

Viết về Bác Hồ, nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng có một đoạn rất thú vị: “Trong những lời căn dặn lại, Bác Hồ có nói sẽ đi gặp cụ C.Mác, cụ Lênin và các bậc đàn anh khác. Trí tưởng tượng của tôi hình dung cuộc gặp giữa Bác Hồ với những người thầy sáng lập học thuyết Mác - Lênin biết bao ý nghĩa và hào hứng. Có thể C.Mác vui lòng nhắc lại một câu nói mà tôi luôn luôn ghi nhớ trong ký ức của mình: “Tôi đã gieo những con rồng và tôi đã gặt những con bọ...”. Thật có đúng như vậy, song cũng có nhiều con rồng...”.

Đúng là đã có không ít những con rỗng. Chỉ có điều lại có quá nhiều những con bọ. Nhưng điều đáng ngại hơn là sự nhầm lẫn “bọ” thành “rỗng”. Sự lẫn lộn vàng thau ấy, kiểu nhìn “bọ” mà thấy na ná như “rỗng”, khiến cho cái giá phải trả để đến được với sự thật của chân lý là quá lớn. Mặc dầu, xét đến cùng, chân lý nằm chính ngay trong quá trình nhận thức.

Nhìn trở lại hành trình lịch sử của Hồ Chí Minh tìm đường cứu nước, quanh một vòng trái đất để trở về xúc động với nắm đất của Tổ quốc trên tay, rồi những lời “dặn lại công việc” khi bị bệnh nặng sợ khó qua khỏi trong một lán nhỏ ở Tân Trào, Việt Bắc: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”, cho đến khi đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cuối cùng là Di chúc với “điều mong muốn cuối cùng” của Người. Qua đó, nổi rõ lên một điều: Độc lập cho dân tộc, tự do cho con người, hạnh phúc cho nhân dân, trong đó, “Đầu tiên là công việc đối với con người”, mục tiêu trước sau như một của Hồ Chí Minh.



Bác Hồ với thiếu nhi vùng cao Việt Bắc năm 1960. Ảnh tư liệu

Người nói, “lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”. Cho đến lúc cuối, trong toàn bộ Di chúc của Người cũng thể hiện nhất quán “chủ nghĩa yêu nước” đó. Điều ấy thể hiện thật tập trung trong “điều mong muốn cuối cùng” của Người, ở đây đọng lại tình cảm, ý tưởng quan trọng nhất trong Di chúc: “Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”.

Đúng là sự gặp gỡ giữa lý tưởng “ái quốc” và lý tưởng “cộng sản” trong tư tưởng và tình cảm của Hồ Chí Minh là sự gặp gỡ của lý tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Trong đó, giải phóng con người là trung tâm.

Nhìn lại nhân cách, tư tưởng, tình cảm và sự nghiệp hoạt động của Hồ Chí Minh, chúng ta thấy rất rõ: Mục tiêu, cứu cánh, phương tiện và động lực cách mạng đều ở trong con người. Chính ở đây, chủ nghĩa yêu nước trong Hồ Chí Minh bắt gặp lý tưởng cộng sản.

Nhà hiền triết phương Đông

Có thể nói, “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” là tư tưởng đẹp nhất trong vô vàn những tinh hoa tư tưởng của loài người được đúc kết trong khát vọng cao cả và mãnh liệt ấy. Và nếu nhận thức được rằng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng về giải phóng con người giữ vị trí trung tâm, thì có thể hiểu được động lực thúc đẩy Nguyễn Ái Quốc đến với lý tưởng cộng sản, và cách Hồ Chí Minh thực hiện lý tưởng ấy vào trong hoàn cảnh cụ thể của đất nước mình, một đất nước mà “cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây” với một nội dung thích hợp như thế nào.

Nội dung thích hợp ấy có ý nghĩa cực kỳ quyết định đối với vận mệnh của cả dân tộc, mà Hồ Chí Minh, một người “có sự dị ứng bẩm sinh với bệnh giáo điều rập khuôn, bệnh công thức sáo mòn” không thể nào không cân nhắc hết sức thận trọng và thực hiện một cách sáng

tạo. Trên hành trình tìm đường cứu nước, với mục tiêu giải phóng dân tộc, hiểu rõ “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn nhất của đất nước... Người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ”, Hồ Chí Minh tìm thấy ở Luận cương của Lênin vũ khí tư tưởng và lý luận để thực hiện mục tiêu đó. Mà với Hồ Chí Minh, vũ khí chỉ là phương tiện để đạt được mục tiêu.

Để thực hiện mục tiêu ấy, không hề câu nệ, Hồ Chí Minh luôn đi tìm và tìm thấy ở những đỉnh cao trí tuệ loài người những điểm tựa để tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đem lại độc lập cho đất nước, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Chính Hồ Chí Minh đã nói rõ điều ấy: ở Khổng Tử “sự tu dưỡng đạo đức cá nhân”, ở Giêsu “lòng nhân ái cao cả”, ở chủ nghĩa Mác “phương pháp biện chứng”, ở chủ nghĩa Tôn Dật Tiên “chính sách phù hợp với điều kiện nước ta”. Theo Hồ Chí Minh, họ gặp nhau ở điểm chung là “muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, phúc lợi cho xã hội”. Chính vì thế mà Người “cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”.

Không câu nệ vì Hồ Chí Minh chỉ có một “ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Qua khát vọng cao cả và nỗi niềm riêng tư ấy, nổi rõ hình ảnh một nhà hiền triết phương Đông trong người chiến sĩ cách mạng được thử thách và tôi luyện trên trường quốc tế.

Bằng sự trải nghiệm của mình, Hồ Chí Minh hiểu rõ những thành tựu cũng như những sai lầm mà phong trào cách mạng phải trả giá. Người hiểu cần thanh lọc và tiếp nhận những gì có lợi nhất cho mục tiêu đã xác định. Phải biết sáng tạo trong tiếp thu và vận dụng những nguyên lý khoa học và cách mạng vào thực tế nước mình, phù hợp với đặc điểm của dân tộc mình để có thể biến thành “rồng” chứ không hoá thành “bọ” như điều C.Mác từng cảnh báo.

Hồ Chí Minh hiểu rõ mục tiêu của từng chặng đường trên con đường dẫn đến lý tưởng đúc kết khát vọng đó của cả loài người. Người không lẫn lộn mục tiêu cụ thể và trực tiếp của từng chặng với cái đích lý tưởng ở phía chân trời để tránh đi những ảo tưởng duy ý chí, dẫn đến hành động nôn nóng “đốt cháy giai đoạn”. Dị ứng với bệnh giáo điều, Hồ Chí Minh đòi hỏi “không được sao chép nguyên văn những gì có sẵn, điều cốt yếu là hiểu đúng tinh thần và biết vận dụng các nguyên lý sát với tình hình cụ thể” nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Đặt viên gạch đầu tiên cho nhà nước pháp quyền

Tiếp nhận những tinh hoa của nền văn minh phương Tây mà Người đã có nhiều năm chiêm nghiệm, học hỏi, để rồi gắn kết với bản lĩnh và tri thức cách mạng, Hồ Chí Minh thấy được những vấn đề mà có thể những người khác chưa thấy hoặc thấy chưa rõ. Bằng chứng là, mãi hơn 60 năm sau Tuyên ngôn Độc lập và Tổng tuyển cử 6/1/1946, lập ra Quốc hội đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ra đời Hiến pháp 1946, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền vẫn còn gặp không ít trở ngại do sự áp đặt máy móc và giáo điều của mô hình “chuyên chính vô sản” trong tư duy về nhà nước. Mãi cho đến Đại hội VII rồi Đại hội VIII của Đảng mới chính thức loại bỏ mô hình ấy.



Ngày ngày người dân ở khắp mọi miền đất nước về Thủ đô vào lăng viếng Bác. Ảnh: Vũ Điệp

Có thâm thía chuyện này mới hiểu sâu ý nghĩa của việc Hồ Chí Minh đã đặt viên gạch đầu tiên cho nền móng của một nhà nước pháp quyền. Thậm chí, mặc dầu nghị quyết của Đảng từ Đại hội VII sang Đại hội VIII đã khẳng định rõ như vậy nhưng cho đến nay, vẫn còn có ý kiến cho rằng các vấn đề lớn nêu lên trong Văn kiện Đại hội X đều ẩn chứa nội dung và chức năng của chuyên chính vô sản mặc dầu không nhắc đến cụm từ chuyên chính vô sản! Thì ra, hiểu Nghị quyết và giải thích rồi vận dụng Nghị quyết cũng còn tùy thuộc vào rất nhiều gánh nặng của một quán tính tư tưởng một thời không dễ gì rũ bỏ ngày một ngày hai.

Giờ đây, ngẫm nghĩ kỹ mới hiểu sâu được tại sao mở đầu cho Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh lại viện dẫn đến những câu tiêu biểu nhất trong Tuyên ngôn Độc lập 1776 của nước Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp 1791, những câu thể hiện tập trung nhất cho khát vọng của con người, của loài người. Lý lẽ được vận dụng trong văn kiện lịch sử ấy dựa vào những khát vọng cao cả và chính đáng đó, những “lẽ phải không ai chối cãi được”.

Ở tầm cao văn hóa, mở đầu cho Tuyên ngôn Độc lập của một dân tộc vừa trải qua một thế kỷ nô lệ, của một đất nước bị mất tên trên bản đồ thế giới, Hồ Chí Minh dẫn ra tư tưởng về nhân quyền bởi vì Người hiểu rằng “ý tưởng xây dựng xã hội trên nền tảng quyền con người hoàn toàn không phải là một sự đối trá của giai cấp tư sản, mà thực sự là một ý tưởng phổ quát, thực sự đáp ứng một hy vọng toàn cầu. Sẽ không bao giờ có bình đẳng thật sự giữa tất cả mọi người, song ở chân trời của tất cả mọi người, bao giờ cũng sẽ có ý tưởng bình đẳng”.

Đứng ở tầm cao của thời đại, với đôi mắt của con phượng hoàng đại ngàn trên đỉnh Trường Sơn hùng vĩ, Hồ Chí Minh nhìn thấu được rất rõ đường đi, nước bước của dân tộc trong một thế giới đầy biến động. Độc lập dân tộc, hạnh phúc của nhân dân, tự do cho con người, đó là mục tiêu bất di bất dịch trong tư tưởng, trong sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

Vì thế, khi bước vào cuộc kháng chiến lần thứ nhất, ngày 11/9/1946, trả lời Xcô-en-brân, phóng viên tờ Thời báo New York liệu chiến tranh có phải là tất yếu không, Hồ Chí Minh khẳng định: “Có. Chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu... Chiến tranh là gian nan và đau buồn nhưng chúng tôi sẽ thắng. Chúng tôi có một vũ khí hùng mạnh như những khẩu đại bác hiện đại, đó là chủ nghĩa dân tộc... tinh thần con người còn mạnh mẽ hơn máy móc và máy móc không thể có hiệu quả trong đầm lầy và rừng rậm. Hàng triệu mái lều tranh có thể được coi như con ngựa thành Tro-roi để ngăn chặn quân xâm lược”.

Là nhà cách mạng từng trải, Hồ Chí Minh nhìn rõ sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước gắn bó rất chặt chẽ với sự vận động, biến đổi và phát triển của thế giới. Cho nên, nhờ có sự nhạy cảm đặc biệt đối với lịch sử, thấu hiểu cuộc sống của con người, có nhận thức sâu về vận mệnh dân tộc, về hướng đi của thời đại mà tư tưởng Hồ Chí Minh có sức soi rọi cho những bước tìm tòi đi tới của dân tộc ta trong một thế giới đầy biến động hôm nay mà kiêu tư duy tuyến tính và kinh nghiệm cũ không đủ cho hành trình dân tộc đi tới trên con đường chưa có bản đồ.

Xúc động đọc lại Tuyên ngôn Độc lập khi mà đất nước đang đi vào chặng đường thử thách chưa có tiền lệ, càng cảm nhận được sự bất tử của khát vọng giải phóng con người trong sự nghiệp cao cả của Hồ Chí Minh. Chỉ cần thực hiện một động tác đơn giản, mở những dòng đầu của Tập 1 Hồ Chí Minh Toàn tập và trang cuối Tập 12, tập cuối cùng của Toàn tập sẽ thấy nổi rõ lên điều đó.

Ở những trang đầu nổi lên tư tưởng đấu tranh giải phóng con người: “Nếu có một đảng độc lập tồn tại thì đảng này không phải đi ăn xin một vài quyền tự do mà thiếu nó thì con người là một tên nô lệ khốn khổ”... "Rất ôn hòa cả về nội dung lẫn hình thức, các nguyện vọng của chúng tôi nhằm vào những cải cách chủ yếu cho việc giải phóng chúng tôi, và nhằm vào những quyền tự do mà nếu không có chúng thì con người ngày nay chỉ là một kẻ nô lệ khốn nạn". Ở những trang cuối là những dòng di chúc, trong đó “Đầu tiên là công việc đối với con người”.

Toàn tập khép lại bằng đoạn trả lời phỏng vấn với đầu đề : “Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi” với những dòng ánh sáng trong suốt được phát ra từ trái tim lớn của Người: “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”.

Bất hạnh nhất không phải là người đau khổ nhất mà là người quá ít đau khổ và không biết đau khổ khi cuộc đời còn quá nhiều khổ đau, khi mà “Con người sinh ra đã là tự do, vậy mà ở khắp mọi nơi, con người lại đang bị cùm kẹp”. Bất hạnh còn ở chỗ không biết tìm trong đau khổ để nhận ra được niềm vui để sống. Cao hơn thế, là con người cảm nhận được rằng tôi hạnh phúc biết bao khi tôi đau khổ!

Khi Hồ Chí Minh “gộp tất cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình” thành nỗi đau khổ của mình thì đó chính là một tuyên ngôn cao cả về sứ mệnh của Con Người.

.....
Tuyên ngôn độc lập và khát vọng con người / Cuộc Sống Việt _ Theo www.vietnamnet.vn

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

VÀ NHỮNG TƯ TƯỞNG MANG TÍNH THỜI ĐẠI



Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945 - Ảnh tư liệu

Bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo và tuyên đọc trước quốc dân đồng bào tại Quảng trường Ba Đình lịch sử ngày 2-9-1945 thực sự là một áng văn bất hủ trong di sản văn hóa và tư tưởng Việt Nam để khẳng định quyền tự chủ của dân tộc.

Nó có thể sánh với những áng “thiên cổ hùng văn” mà ông cha ta đã để lại trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của cả ngàn năm tồn tại trong mối quan hệ với phương Bắc như *Âng thơ thân bên sông Như Nguyệt* gắn với cuộc kháng chiến chống Tống của Lý Thường Kiệt, như *Hịch tướng sĩ* văn thời Trần Hưng Đạo thống lĩnh toàn dân ba lần đánh bại giặc Nguyên - Mông, hay *Đại cáo Bình Ngô* của Nguyễn Trãi tuyên cáo về chiến thắng vẻ vang của cuộc kháng chiến trường kỳ đánh đuổi giặc Minh đô hộ dưới ngọn cờ của minh quân Lê Lợi...

Một văn bản pháp lý rất hiện đại

Nhưng với *Tuyên ngôn Độc lập* ra đời vào một thời điểm có ý nghĩa lịch sử đối với toàn thế giới khi cuộc đại chiến lần thứ hai kết thúc lại mang một giá trị đặc biệt. Nó không còn trong giới hạn của khẳng định về quyền tự chủ của dân tộc ta đối với nước láng giềng phương Bắc của “Nam quốc sơn hà Nam đế cư” mà còn khẳng định được với toàn thế giới về sự ra đời một nước Việt Nam hiện đại, không chỉ thoát ly chế độ thuộc địa của thực dân Pháp đã đầu hàng, từ tay chủ nghĩa phát xít Nhật đã bại trận, mà còn chấm dứt luôn cả chế độ quân chủ từng tồn tại cả ngàn năm bằng sự thoái vị của ông vua cuối cùng của triều Nguyễn. Hơn thế nữa, nhà nước này lại là thành quả của “một dân tộc gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay”, do vậy mà “dân tộc đó phải được tự do. Dân tộc đó phải được độc lập”.

Chúng ta đều biết rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt tay vào việc soạn thảo văn kiện này vào đêm 28-8-1945, ngay sau khi Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên cáo “là một chính phủ quốc gia thống nhất giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn thể, đợi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ Dân chủ Cộng hòa chính thức”. Và ai cũng biết rằng chính phủ lâm thời này được thành lập trên cơ sở cải tổ Ủy ban Dân tộc Giải phóng được thành lập tại Quốc dân Đại hội Tân Trào trước đó hơn mười ngày (17-8). Việc cải tổ này lại được thực hiện bởi một hành vi rất cao cả là nhiều ủy viên Việt Minh tự rút lui nhường chỗ cho các nhân sĩ ngoài Việt Minh vào tham chính. “Đó là một cử chỉ vô tư, tốt

đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân” (Hồ Chí Minh).

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* cũng được khởi thảo khi những đại diện của Việt Minh đã lên đường vào Huế để 2 hôm sau (30-8) nhận lễ thoái vị của vua Bảo Đại. Tại buổi lễ đó, vị hoàng đế cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam đã có lời tuyên cáo mang ý nghĩa thật sâu sắc: “Sau hai mươi năm ngai vàng bệ ngọc, ngậm đắng nuốt cay, từ nay trẫm lấy làm vui được làm dân tự do của một nước độc lập”...

Tất cả những diễn tiến sự kiện ấy đã làm nên một nét đặc sắc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét: “Cách mạng ở đâu thành công cũng phải đổ máu nhiều, có nước phải chặt đầu vua... Nước ta, vua tự thoái vị, các đảng phái không có máy. Trong một thời gian ngắn, các giai cấp đoàn kết thành một khối, muôn dân đoàn kết để mưu hạnh phúc chung là nước được hoàn toàn độc lập và chống giặc xâm lăng, đuổi bọn thực dân tham ác ra khỏi bờ cõi”.

Do vậy, cũng có thể thấy được một giá trị rất quan trọng của *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn bản pháp lý rất hiện đại phù hợp với tập quán chính trị của nhiều quốc gia nhằm khẳng định địa vị pháp lý của nền độc lập và chủ quyền một quốc gia với toàn thể cộng đồng các quốc gia trên thế giới. Đánh giá về quá trình khởi thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*, A.Patti, viên sĩ quan tình báo Hoa Kỳ phụ trách đơn vị OSS đang cộng tác với Việt Minh, cho rằng ngay sau khi nhận được tin phát xít Nhật đầu hàng, nhận thấy thời cơ đã tới, Hồ Chí Minh “đã hành động một cách kiên quyết và nhanh chóng, vì ông phải bảo đảm chiếm được một chỗ đứng vững chắc ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Ông Hồ biết rằng, ông phải làm cho mọi người thấy rõ cả tính hợp pháp lẫn sức mạnh để giữ vai trò lãnh đạo và phát triển phong trào...”.

Tiếp nối sự tiến hóa của nhân loại

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã được vị Chủ tịch nhà nước lâm thời soạn thảo ngay giữa lòng TP Hà Nội, ngôi nhà phố 48 Hàng Ngang của một nhà tư sản dân tộc. Văn bản này đã được tác giả trao đổi để lấy ý kiến không chỉ đối với các đồng chí trong đoàn thể của mình mà còn đọc cho những người dân bình thường nghe, với lòng mong muốn nó đến được với mọi đồng bào của mình để làm cho họ có ý thức về một biên cố lịch sử rất to lớn đối với vận mệnh của cả dân tộc nhưng cũng gần gũi với vận mệnh của mỗi con người, nay đã được gọi là công dân của một nước độc lập theo thể chế Dân chủ, Cộng hòa...

Hơn thế nữa, người đứng đầu cuộc cách mạng cũng là đứng đầu của Nhà nước Việt Nam còn tham khảo cả những người đồng minh khi mời Patti tới ngôi nhà 48 Hàng Ngang để trao đổi về bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập* Việt Nam. Hai người tranh luận về nguyên văn một đoạn trích từ Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ mà cuối cùng người công dân Hoa Kỳ phải nhận rằng mình đã sai khi biết rằng từ 20 năm trước đó (1925) trên Báo Thanh Niên xuất bản ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã dịch và trước đó không lâu Hồ Chí Minh đã yêu cầu các phi công Mỹ thả dù xuống chiến khu Việt Bắc một nguyên bản của văn kiện lịch sử này.

Có người khi đọc văn bản lịch sử này đặt ra câu hỏi vì sao tác giả lại trích hai bản tuyên ngôn của hai quốc gia Âu Tây, trong đó lại có cả nước Pháp mới đây do họ nước mình? Hoàn toàn không phải là sách lược để ứng phó với hai cường quốc lớn tiềm tàng những mưu đồ thực dân cũ và mới. Sử dụng những trích dẫn ấy, vị Chủ tịch của Nhà nước Việt Nam độc lập còn muốn khẳng định rằng ngay cách mạng Việt Nam cũng là sự nối tiếp của con đường tiến hóa mà nhân loại đã và sẽ đi. Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1892 là những mốc son của sự nghiệp giải phóng con người thì chính cuộc Cách mạng Tháng 8-1945 của Việt Nam cũng là bước đi tiếp theo của quá trình ấy.

Những gì đã diễn ra sau cuộc Cách mạng Tháng 8-1945 đã chứng thực một sự thực về nguyện vọng giải phóng của các dân tộc nhỏ khỏi sự đè nén của các nước lớn, sản phẩm của chế độ thực dân, đã lần lượt tan rã sau năm cuộc cách mạng của Việt Nam khởi đầu cho các phong trào giải phóng các thuộc địa.

Tuyên ngôn độc lập và những tư tưởng mang tính thời đại / Cuộc Sống Việt _ Theo
www.vietbao.vn

KỶ NIỆM VỀ NHỮNG NGÀY HỒ CHỦ TỊCH VIẾT TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Gia đình bà Hoàng Thị Minh Hồ ở 48 Hàng Ngang (Hà Nội) không chỉ là cơ sở bí mật của các cán bộ cao cấp mà còn là nơi che giấu cho chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo bản tuyên ngôn độc lập. Nhân dịp kỷ niệm 60 năm Cách mạng tháng Tám, bà đã kể lại những kỷ niệm đó.

"Một hôm, cuối tháng Tám năm 1945, anh Thận (tên gọi thân mật của đồng chí Trường Chinh) đến nói với tôi: "Chị lo một chỗ cho mấy Cụ về". Thấy vẻ mặt anh Thận khác mọi lần, tôi linh cảm có điều gì quan trọng, nhưng không dám hỏi thêm. Tối hôm đó, có ba người lạ đến, trong đó có một ông cụ dáng cao, người gầy, nhưng đôi mắt rất sáng và vàng tràn rộng. Tôi băn khoăn không hiểu ông cụ là ai mà mọi người kính trọng yêu thương như tình cha con trong gia đình lễ giáo vậy! Tôi thầm nghĩ, ông cụ là một người có cương vị tối cao.

Theo kế hoạch của Thường vụ Trung ương Đảng, ngày 23/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh về Hà Nội chuẩn bị cho lễ Tuyên ngôn Độc lập và Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân đồng bào. Trong những ngày đầu cách mạng, Hồ chủ tịch và các cán bộ trong Thường vụ Trung ương gặp muôn vàn khó khăn nguy hiểm bởi hàng ngày, hàng giờ kẻ thù luôn rình rập ám hại chủ tịch hòng dập tắt phong trào cách mạng. Trong điều kiện "ngàn cân treo sợi tóc" đó, có những gia đình không quản hy sinh tính mạng và của cải, hết lòng vì cách mạng, cùng với lực lượng Cảnh vệ che giấu, bảo vệ Bác Hồ và Thường vụ Trung ương. Một trong những gia đình đó là gia đình bà Hoàng Thị Minh Hồ.

Gia đình bà Hồ đã ủng hộ cách mạng và hiến cho Nhà nước hàng nghìn cây vàng (chỉ tính riêng quỹ Độc lập, gia đình bà đã ủng hộ số tiền tương đương 500 cây vàng). Gia đình bà còn là cơ sở bí mật của nhiều cán bộ cấp cao như Nguyễn Lương Bằng, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp...

Hàng ngày bị cuốn hút bởi bao công việc, tôi vẫn canh cánh lo toan phần việc trên gác 2 nhà mình, cắt cử người nhà cơm nước và làm mọi việc trong nhà, không ai được lên tầng 2. Đêm nào tôi cũng nghe tiếng máy chữ của ông cụ rất khuya. Mùi thơm thuốc lá phảng phất tận cửa phòng nghỉ của tôi. Chuông đồng hồ điểm 12 tiếng, đèn trên phòng của cụ mới tắt, nhưng đồng hồ điểm 5 tiếng, đã thấy ông cụ dậy tập thể dục ngoài ban công.

Tối 1/9/1945, ông Nguyễn Lương Bằng đưa cho tôi một tấm thiệp mời của Ban tổ chức Chính phủ lâm thời do Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch ra mắt Quốc dân tại vườn hoa Ba Đình. Gần 10h sáng hôm sau, tôi mới vào được khu vực khách mời dự, sát lễ đài. Hai giờ chiều, buổi lễ bắt đầu, tiếng hô to, kéo dài vang vọng: "Chào cờ...". Cả biển người im phăng phắc. Đoàn quân nhạc cử Quốc ca. Người tôi sờn gai ốc, nước mắt lăn dài trên hai gò má. Dứt tiếng Quốc thiều, mắt đang nhòa lệ, tôi nhìn lên kỳ đài thấy ông cụ - người đã từng ở gác 2 nhà tôi. Đó chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh đang đồng dạ hỏi: "Tôi nói đồng bào nghe rõ

không?". Lời Người nghe như lời non nước vọng lại làm cả biển người đồng thanh hô vang: "Hò Chủ tịch muôn năm!". Nước mắt tôi lại trào dâng, cảm giác ngáy ngát, nhưng vẫn nghe rõ lời ông cụ đọc. Tôi lại băng khuâng liên tưởng đến những đêm với tiếng máy chữ của ông cụ gõ trong khuya, tạc lên áng văn rửa nỗi nhục mất nước ngót trăm năm và khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Một tuần sau ngày cụ Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập, cụ cho gọi vợ chồng tôi lên gặp. Chưa hiểu có chuyện gì, trong lòng thấy lo. Tôi nghĩ, hay mình làm việc gì không phải để cụ không hài lòng. Khi vợ chồng tôi lên, thấy ông Cụ cầm một chiếc ngà voi, trên có khắc một đàn voi, vòi con nọ quấn lấy con kia. Trao món quà cho tôi, cụ mỉm cười nói rất thân mật:

- Bác và Thường vụ tặng gia đình cô món quà, chúc gia đình và cách mạng đoàn kết như đàn voi này.

Nhận món quà từ tay Cụ Hồ trao, tôi xúc động quá, tự nhiên thấy cay cay nơi sống mũi, rồi nước mắt cứ ứa ra, muốn nói mà ập úng mãi mới thành lời:

- Thưa Cụ, gia đình cháu xin cảm ơn Cụ, cảm ơn cách mạng, nguyện suốt đời đi theo cách mạng.

Thời gian thấm thoát trôi đi, đến nay đã tròn 60 năm, nhưng những kỷ niệm về Bác Hồ trong những ngày đầu cách mạng vẫn in sâu trong ký ức tôi. Giờ đây, đến thăm lại nơi Bác làm việc trong những ngày đầu cách mạng ở tầng hai ngôi nhà 48 Hàng Ngang mà gia đình tôi đã hiến cho Nhà nước, tôi như thấy Bác đang ngồi kia vạch đường chỉ lối, lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến bến bờ vinh quang, hạnh phúc".

.....
Kỷ niệm về những ngày Hồ Chí Minh viết tuyên ngôn độc lập / Cuộc Sống Việt _ Theo
www.vnexpress.net

VỀ ĐOẠN PHIM GHI LẠI NGÀY LỄ ĐỘC LẬP 2 – 9 – 1945: Góp thêm một giả thuyết

Bài viết của nghệ sĩ Đặng Nhật Minh “ Một bí ẩn vẫn đang chờ câu trả lời ” (TS 9-2007) đã đặt lại vấn đề tác giả (hay chủ nhân) của đoạn phim lịch sử quay ngày lễ độc lập trên quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945.

Đây là một vấn đề không chỉ lý thú từ một cuộc điều tra, mà kết luận của nó còn chứa đựng nhiều ý nghĩa khiến những người nghiên cứu lịch sử cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 quan tâm.

Trong bài viết, nghệ sĩ Đặng Nhật Minh chủ yếu nhắc lại những thông tin và lập luận của vị trưởng ban tổ chức ngày lễ độc lập Nguyễn Hữu Đang , một thành viên của Chính phủ lâm thời vào thời điểm đó (vừa qua đời ở tuổi 95). Ở cương vị có thể coi là “toàn quyền” trong việc tổ chức buổi lễ mà cụ Đang phải “thú thật ngay rằng tôi chưa biết đích xác ai là người quay bộ phim đó. Tôi cũng chỉ có thể đoán theo hai khả năng mà cũng chưa dám nghiêng hẳn về phía nào: hoặc là hiệu Hương Ký quay hoặc là phái đoàn Patti quay”.

Thử phân tích theo hai giả thiết của cụ Đang. Patti, với tư cách là người đứng đầu cơ quan Cục Công tác chiến lược (OSS - tiền thân của CIA), đến Hà Nội ngày 22-8-1945 khi Việt Minh đã giành được chính quyền ở thành phố này từ trước đó vài ngày.

Nhưng ngay từ tháng 7-1945, một đơn vị đặc nhiệm OSS mang bí danh “Con Nai (The Deer)” đã nhảy dù xuống khu vực Tân Trào để phối hợp với Việt Minh chống phát xít Nhật theo thỏa thuận giữa Hồ Chí Minh và tướng Mỹ Chelnault, người đứng đầu lực lượng Đồng minh tại vùng Hoa Nam, Trung Quốc. Đơn vị đặc nhiệm này đã được lãnh tụ Hồ Chí Minh tiếp đón và hợp tác chặt chẽ. Một đại đội Việt - Mỹ đã được thành lập, có mặt trong lễ xuất quân sau Đại hội Quốc dân Tân Trào, tham gia vây quân Nhật tại Thái Nguyên và về Hà Nội ngay sau khi giành chính quyền không bao lâu.

Còn ông Patti từ Côn Minh đến sân bay Gia Lâm ngày 22-8, sau đó tiếp xúc với nhiều lực lượng chính trị và có những quan hệ tốt đẹp với Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, như trong hồi ức ông Patti cho biết nhiệm vụ của mình là đại diện Đồng minh đến để giám sát tình hình chuẩn bị cho các quan chức cao cấp của các nước Đồng minh đến thực hiện việc giải giáp quân Nhật, do vậy họ hết sức giữ ý không vượt quá thẩm quyền.

Đơn vị “Con Nai” cũng được lệnh chấm dứt những hợp tác quân sự để đợi lệnh rút về. Do vậy, ở Hà Nội những người Mỹ đã tránh tham gia những hoạt động chính thức. Vì thế ông Patti mặc dù nhận được lời mời đứng vào hàng quan khách dự lễ độc lập, nhưng ông đã khéo từ chối để đóng vai người quan sát và tránh tiếp cận khu vực lễ đài. Tuy nhiên như ông thuật lại, trong ngày 2-9-1945 những người Mỹ có mặt ở Hà Nội đã tranh thủ hòa vào đám đông dân chúng để quan sát một biến cố quan trọng, và có chụp ảnh quang cảnh chung trên đường phố và ở khu vực Ba Đình. Nhưng không thấy ông nói đến việc quay phim.

Nửa thế kỷ sau, tôi có may mắn được tham dự hai cuộc tiếp xúc giữa các cựu thành viên OSS của đơn vị “Con Nai” với các cựu chiến binh VN đã hợp tác với đơn vị này tại Hà Nội (1995) và New York (1997). Tôi cùng với một số nhà sử học nước ngoài (Mỹ, Na Uy, Đức) tham dự cũng có đề cập tới những nguồn sử liệu bằng hình thì họ cho biết có chụp được một số ảnh nhưng đến nay cũng thất lạc nhiều và phim quay thì không có.

Trong nhiều năm qua tôi tiếp tục tìm kiếm các hình ảnh liên quan đến những người Mỹ này, thì có nhận được một số lượng không đáng kể và vẫn chưa có thông tin nào về việc quay phim cả. Và lại, nếu phía Mỹ có thì trong một số bộ phim tài liệu lớn về chủ đề chiến tranh VN được xây dựng trong thời gian qua, những tư liệu lịch sử này đã được công bố

chính thức. Phía người nước ngoài khi sử dụng những đoạn phim mà chúng ta đã công bố đều ghi rõ là tài liệu của VN.

Như vậy, còn lại giả thiết tác giả là người VN, cụ thể là người của hiệu ảnh Hương Ký. Phân tích những tình tiết có liên quan mà cụ Đặng cung cấp thấy có nhiều điều hợp lý, vì việc sử dụng máy quay phim đến thời điểm này tuy còn hiếm nhưng cũng không xa lạ gì đối với người VN. Nhưng điều quan trọng hơn hết là hiện nay có được tấm ảnh từ dưới hướng lên lễ đài chụp Chủ tịch Hồ Chí Minh đang đọc Tuyên ngôn Độc lập, đứng bên phải Cụ có một người cầm ô và đáng chú ý là từ phía bên trái có một người đang quay phim hướng ống kính về phía Cụ Hồ.

Góc quay này ứng với đoạn phim quay Người đọc Tuyên ngôn nhìn nghiêng mà chúng ta đã được xem. Quan sát trên ảnh thấy đó không phải là người nước ngoài. Như thế thông tin từ bài báo của cụ Đặng có một

chi tiết chưa chính xác vì đã nói là không ai được phép lên lễ đài quay phim.

Tấm ảnh này chúng tôi được ông David Marr, một nhà nghiên cứu sử học Úc gốc Mỹ, cung cấp và theo ông cũng do người Mỹ chụp (công bố trong sách *Why Vietnam?*, bản gốc tiếng Anh). Như vậy chính những thước phim ấy là do hiệu ảnh Hương Ký thực hiện và diễn biến thái độ chính trị của ông chủ Hương Ký trong bối cảnh đất nước nhiều biến động như vậy có thể dẫn tới việc những thước phim này không được chuyển cho ban tổ chức ngay thời điểm đó.

Bởi thế, cho dù phải ngót ba thập kỷ sau (1974) “châu mới về hợp phố”, những thước phim ấy được trao cho Nhà nước Việt Nam một cách toàn vẹn về chất lượng cũng là một biểu thị đáng mừng và đáng trân trọng của những người VN - dù đã có thời không đồng hành nhưng vẫn gìn giữ những chứng tích quý giá về cuộc cách mạng và vị lãnh tụ của cuộc cách mạng đó. Dầu sao đây cũng vẫn còn là một giả thiết để tiếp cận với kết luận cuối cùng, và mong rằng những người là nhân chứng của cuộc tiếp nhận này (ví như nhà báo Hồng Hà) nên công bố rõ hơn những gì còn phải giữ bí mật vì phải thực hiện cam kết với người trao những thước phim này.

Đã hơn ba thập kỷ kể từ lúc nhận di sản này, cũng đã đến thời khắc giải mật để đáp lại việc làm đầy trách nhiệm của một trong những người Việt Nam có thể khác chính kiến nhưng đầy trách nhiệm với lịch sử dân tộc.

.....
.....

Về đoạn phim ghi lại ngày lễ độc lập 2-9-1945: Góp thêm một giả thuyết / DƯƠNG TRUNG QUỐC / Việt Báo (Theo_TuoiTre)

Cách mạng Tháng Tám - ý nghĩa lịch sử và hiện thực

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 dẫn tới việc khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có ý nghĩa to lớn đối với dân tộc ta và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc.

Cách mạng Tháng Tám là một trong những trang sử vẻ vang nhất, chói lọi nhất của lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Bằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân

ta đã đập tan ách phát-xít Nhật, lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp gần 100 năm, xóa bỏ chế độ phong kiến hàng nghìn năm, đưa dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đảng ta từ khi ra đời bị khủng bố dã man, đã trở thành đảng lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo xã hội.

Từ cuối thế kỷ 19, sau khi xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã thi hành chính sách thống trị vô cùng tàn bạo. Chúng chia cắt đất nước ta, xóa tên nước Việt Nam trên bản đồ thế giới, thẳng tay chém giết những người yêu nước, cướp đoạt ruộng đất, tài nguyên, bóc lột dân ta đến tận xương tủy, thực hiện chính sách ngu dân, dùng thuốc phiện, rượu cồn làm cho nòi giống ta suy nhược.

Khi phát-xít Nhật xâm lăng Đông Dương, thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, dân ta chịu hai tầng áp bức: quân phiệt Nhật và thực dân Pháp. Cuối năm 1944, đầu năm 1945, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói thảm thương.

Tiếp nối truyền thống bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc, biết bao bậc trung nghĩa đứng lên chống thực dân Pháp giành độc lập, nhưng đều thất bại vì không có một đường lối cứu nước đúng đắn. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin - lý luận cách mạng tiên tiến của thời đại - đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn và sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành các cao trào cách mạng, vượt qua bao hy sinh, tổn thất để giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám, đem lại cuộc biến đổi xã hội chưa từng có và tạo ra bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám đã để lại cho chúng ta những kinh nghiệm lịch sử quý báu, mãi mãi soi sáng các chặng đường cách mạng Việt Nam. Đó là bài học gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; xác định và kết hợp đúng đắn các nhiệm vụ chiến lược trong từng thời kỳ cách mạng; bài học về phát động sức mạnh toàn dân tộc, lấy sức mạnh của đội quân chủ lực công - nông làm nòng cốt; bài học thực hiện triệt để phương châm "thêm bạn bớt thù"; bài học về nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật tạo thời cơ và nắm bắt thời cơ; bài học về xây dựng một đảng Mác - Lê-nin có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ sáng suốt, thường xuyên vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn bó mật thiết với nhân dân, có đội ngũ cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu, chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, cùng nhiều bài học khác.

60 năm qua, tiếp nối truyền thống và phát huy thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân, toàn quân giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhìn lại những thắng lợi đã qua, chúng ta càng thấy tầm vóc vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đem lại niềm tin tự giải phóng, cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống ách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, mở ra thời kỳ tan rã của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới. Đánh giá ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Chặng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"(1).

Cách mạng Tháng Tám thành công là thắng lợi của đường lối gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ngọn cờ đỏ đã dẫn dắt nhân dân ta giành thắng lợi suốt 60 năm qua. Tiếp bước con đường của Cách mạng Tháng Tám, trước yêu cầu phát triển đất nước

và trước những thời cơ và nguy cơ, Đảng ta và nhân dân ta xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, nhiệm vụ trước hết phải chăm lo xây dựng đất nước mạnh lên về mọi mặt, ngăn ngừa mọi sự chống phá của các thế lực thù địch. Vì vậy, nhiệm vụ phát triển kinh tế, đẩy mạnh CNH, HĐH được Đảng xác định là nhiệm vụ trung tâm.

60 năm trước đây, Cách mạng Tháng Tám đã giải phóng các tầng lớp nhân dân khỏi ách thống trị, bóc lột của chế độ thực dân phong kiến, đem lại cho mọi người dân Việt Nam quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc. Độc lập, tự do, hạnh phúc luôn là mục tiêu nhất quán của chế độ mới. Ngày nay, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta cũng đang tiếp tục phấn đấu theo mục tiêu nhân văn cao cả đó.

Phát huy bản sắc truyền thống "Cả nước một lòng, toàn dân đánh giặc" của dân tộc, Cách mạng Tháng Tám là biểu tượng sáng ngời của ý chí quật khởi của cả dân tộc. Thấm nhuần sâu sắc kinh nghiệm đại đoàn kết dân tộc của Cách mạng Tháng Tám, hơn lúc nào hết, ngày nay chúng ta phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, các giai cấp, tầng lớp, mọi thành phần kinh tế, mọi giới, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài, hướng sức mạnh đó vào mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Vào thời điểm Cách mạng Tháng Tám 1945, vị thế nước ta trên trường quốc tế còn thấp, nhưng Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nắm chắc và dự đoán đúng tình hình thế giới, tận dụng thời cơ, phối hợp hành động, làm chuyển hóa so sánh thế và lực giữa ta và địch, tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo kẻ thù. Ngày nay, chúng ta có thời cơ hơn để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, lấy tự lập tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ tối đa những điều kiện quốc tế thuận lợi để bồi bổ sức mạnh dân tộc và kết hợp với sức mạnh quốc tế thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Lãnh đạo toàn dân làm Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, Đảng ta lúc đó chỉ có 5.000 đảng viên và phải hoạt động bí mật, điều kiện thông tin liên lạc để lãnh đạo, chỉ đạo phong trào toàn quốc hết sức khó khăn. Nhưng nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng và Bác Hồ, sự chủ động, sáng tạo của tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và nhân dân ở các địa phương nên khởi nghĩa đã nổ ra đồng loạt và có sự phối hợp từng vùng, từng miền và trên phạm vi cả nước. Đó là một bài học hết sức quý báu về sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng Đảng trong bất cứ thời kỳ cách mạng nào.

Nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện có kết quả hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là vấn đề có ý nghĩa sống còn của nước ta hiện nay. Chúng ta vững tin rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng một dân tộc đã rửa được nỗi nhục mất nước, một dân tộc đi tiên phong chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, thì dân tộc ấy nhất định có đủ nghị lực và sức mạnh chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên sánh vai cùng các dân tộc trên thế giới.

PGS,TS Vũ Như Khôi

.....

.....

Cách mạng Tháng Tám - ý nghĩa lịch sử và hiện thực / PGS,TS Vũ Như Khôi. Nguồn <http://www.Bacninh.gov.vn>

Cách mạng tháng Tám 1945 - cuộc hồi sinh vĩ đại của một dân tộc đoàn kết



Cách mạng tháng Tám 1945 - đây chính là cuộc hồi sinh vĩ đại của một dân tộc đoàn kết: thực sự đoàn kết, biết đoàn kết và đoàn kết đúng lúc, kịp thời...

Cách đây vừa tròn 60 năm, chỉ trong khoảng thời gian chừng hai tuần lễ cuối tháng 8/1945, toàn dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận Việt Minh và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nhất tề vùng lên trong một cuộc Tổng khởi nghĩa, kiên quyết giành lấy quyền tự mình quyết định vận mệnh của dân tộc, Tổ quốc và của mỗi cá nhân con người như một nhân cách tự do trong một cộng đồng tự do. Sự kiện đó được ghi nhận trong lịch sử dân tộc ta là cuộc *"Cách mạng tháng Tám 1945"*. Đây chính là cuộc hồi sinh vĩ đại của một dân tộc đoàn kết: thực sự đoàn kết, biết đoàn kết và đoàn kết đúng lúc, kịp thời."

Đoàn kết là bài học có tính quy luật đã được tổng kết và kiểm chứng nhiều lần trong lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc ta. Hơn nữa, đoàn kết đã trở thành một giá trị tiêu biểu trong nền văn hoá chính trị Việt Nam, truyền thống cũng như hiện đại.

Tuy nhiên, nhìn lại lịch sử dân tộc ta, để đạt được sự đoàn kết dân tộc là một điều không dễ dàng. Đoàn kết không phải là điều hiển nhiên, cho dù đã trở thành một quy luật lịch sử. Thực tế này có cội nguồn sâu xa trong quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam. Bất cứ ai cũng có thể nhận thấy rằng có rất nhiều sự dị biệt, đa dạng cùng tồn tại trong lòng một dân tộc Việt Nam thống nhất. Thứ nhất, Việt Nam là một dân tộc đa sắc tộc với không ít các sắc tộc xuyên biên giới (*cross-border minorities*). Sự đa dạng về sắc tộc tạo nên sự đa dạng, phong phú trong sắc thái văn hoá, nhưng đồng thời cũng luôn luôn hàm chứa những nguy cơ phân biệt, chia rẽ, mất đoàn kết. Thứ hai, trong hành trình dựng nước, đặc biệt là trong quá trình người Việt tiến dần về phía Nam, cùng với việc một số cộng đồng dân cư khác gia nhập vào cộng đồng dân tộc, bản sắc văn hoá Việt Nam ngày càng trở nên đa dạng, phong phú hơn. Tuy nhiên, điều đó cũng có nghĩa là những dị biệt về văn hoá giữa các tộc người và giữa các vùng miền trở nên rõ nét và phức tạp hơn. Hơn nữa, Việt Nam còn là quốc gia đa tôn giáo.

Những dị biệt về sắc tộc, tôn giáo và văn hoá ấy trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định đã kết hợp với những mâu thuẫn xã hội giữa các giai cấp, các nhóm người khác nhau tạo nên tình trạng xung đột, thậm chí là những cuộc nội chiến kéo dài. Tuy cuối cùng xu hướng thống nhất dân tộc và truyền thống đoàn kết tương thân, tương ái vẫn thắng thế và được khẳng định là xu hướng chủ đạo, nhưng thực tế lịch sử cũng đã chỉ ra rằng để đạt được sự đoàn kết dân tộc và thống nhất đất nước không phải là điều dễ dàng. Dân tộc ta cần phải luôn luôn tự mình học cách đoàn kết, và chỉ khi nào khối đoàn kết dân tộc được củng cố vững

chắc thì nội lực dân tộc mới có cơ hội phát huy tốt, đất nước trở nên thái bình, thịnh trị, dân chúng yên vui, hạnh phúc.

Bức thư của lão-đồng-chí Nguyễn-ái-Quốc gửi về kêu gọi quốc-dân Việt-Nam.

HỜI ĐỒNG BÀO YÊU QUÝ !

Bốn năm trước đây, tôi có thư kêu gọi đồng bào ta đoàn-kết. Vì có đoàn-kết mới có lực lượng, có lực lượng mới dành được **Độc-lập, Tự-do.**

Hiện nay quân đội Nhật đã tan rã, phong trào cứu quốc lan tràn khắp nước Việt-Nam Độc-lập Đồng-Minh (Việt-Minh) có hàng chục triệu hội-viên, gồm đủ các tầng lớp sĩ, nông, công, thương, binh, gồm đủ các dân tộc Việt, Thờ, Nùng, Mường, Mán. Trong Việt-Minh đồng bào ta bắt tay nhau chặt chẽ, không phân biệt trai, gái, già, trẻ, lương, giáo, giàu, nghèo.

Vừa đây Việt-Minh lại triệu tập « Việt-Nam Quốc-dân Đại-Biểu Đại-Hội », cử ra Ủy-ban dân tộc giải phóng Việt-Nam để lãnh đạo toàn quốc nhân dân kiên quyết đấu-tranh kỳ cho nước được độc-lập.

Đó là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử tranh đấu giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay.

Đó là một điều khiến cho đồng bào ta phấn khởi và riêng tôi hết sức vui mừng.

Nhưng chúng ta chưa thể cho thế là đủ. Cuộc tranh đấu của chúng ta đương còn gay go, giằng giai. Không phải Nhật bại mà bỗng nhiên ta được giải phóng, tự do. Chúng ta vẫn phải ra sức phấn đấu. Chỉ có đoàn kết, phấn đấu, nước ta mới được độc lập.

Việt-Minh là cơ sở cho sự đoàn kết, phấn đấu của dân tộc ta trong lúc này, hãy gia nhập Việt-Minh, ủng hộ Việt-Minh, làm cho Việt-Minh rộng lớn mạnh mẽ.

Ủy-ban Dân-Tộc Giải-Phóng Việt-Nam cũng như Chính-phủ lâm thời của ta lúc này. Hãy đoàn-kết chung quanh nó, làm cho chính-sách và mệnh lệnh của nó được thi hành khắp nước.

Như vậy thì Tộc-Quốc ta nhất định mau được độc-lập, dân tộc ta nhất định mau được tự-do.

HỜI ĐỒNG BÀO YÊU QUÝ !

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ.

Tiến lên ! Tiến lên ! Dưới lá cờ Việt-Minh, đồng bào hãy đứng cảm tiến lên !

NGUYỄN-ÁI-QUỐC
(tháng tám năm 1945)

Từ giữa thế kỷ XIX nước ta bị rơi vào ách đô hộ của thực dân Pháp. Một trong những nguyên nhân cơ bản nhất đã dẫn đến hoạ mất nước chính là khối đại đoàn kết dân tộc đã bị xói mòn nghiêm trọng.

Trong suốt gần 100 năm đô hộ nước ta, núp dưới chiêu bài của "*sứ mệnh khai hoá văn minh*" thực dân Pháp đã thực thi chính sách "*chia để trị*" rất thâm độc, hòng khoét sâu thêm những dị biệt vốn có, làm cho các mâu thuẫn và những xung đột nội bộ trong lòng dân tộc Việt Nam ngày càng trở nên gay gắt hơn, do đó làm cho khối đoàn kết dân tộc của người Việt Nam không thể nào được khôi phục và phát triển được.

Từ rất sớm các lãnh tụ của phong trào yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.v.v. đã sớm nhận ra rằng chừng nào toàn dân tộc ta chưa thực sự đồng tâm, nhất trí, đoàn kết lại dưới một ngọn cờ thì chừng đó dân tộc ta chưa thể tự mình giải phóng khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Chính vì vậy các cụ không ngừng kêu gọi lòng "ái quốc" và sự "đồng tâm" của mọi mọi hạng người, của toàn dân tộc:

- Nghìn muôn ức triệu người chung góp,

Gây dựng nên cơ nghiệp nước nhà...

- Có trời, có đất, có ta,

Đồng tâm như thế mới là đồng tâm!

Lời kêu gọi "đồng tâm" thống thiết của Phan Bội Châu và các lãnh tụ yêu nước hồi đó đã góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc và lòng yêu nước của nhiều lớp người Việt Nam từ đầu thế kỷ XX. Song, lời kêu gọi dù thống thiết đến đâu mà thiếu cơ sở lý luận, thiếu những phương tiện, biện pháp cụ thể thì khối đại đoàn kết dân tộc cũng không thể trở thành hiện thực được. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân căn bản nhất dẫn tới sự thất bại của các phong trào yêu nước Việt Nam cho tới trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.



Sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước, lãnh tụ Nguyễn ái Quốc đã tìm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, học thuyết cách mạng tiên tiến nhất của thời đại. Năm 1924, Người từ Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc), lập ra Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (gọi tắt là Thanh Niên), quy tụ những thanh niên - trí thức yêu nước ưu tú, mở nhiều lớp huấn luyện để đào tạo họ thành một lớp cán bộ tài năng, chuẩn bị cho sự nghiệp Dựng Đảng - Cứu nước vĩ đại. Ngay từ những bài học đầu tiên, Người đã chỉ ra, rằng: "*Kách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người*" (Đường cách mệnh).

Trong những năm sau đó, dưới ảnh hưởng của Thanh Niên, phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đã phát triển rất sôi nổi, đòi hỏi phải thành lập đảng cộng sản để đưa phong trào tiếp tục tiến lên. Nhưng rất tiếc là chính vào thời điểm này, lực lượng yêu nước và cách mạng lại bị phân liệt sâu sắc. Bên cạnh Việt Nam Quốc dân Đảng (thành lập năm 1927), từ giữa năm 1929 đến đầu năm 1930 đã xuất hiện ở Việt Nam ba tổ chức cộng sản. Các tổ chức này cùng tích cực vận động quần chúng công nông, nhưng lại không tránh khỏi công kích nhau. Đây chính là tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng, cản đường phát triển của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam. Đúng lúc đó, lãnh tụ Nguyễn ái Quốc kịp thời xuất hiện, với uy tín và tài năng của mình đã đứng ra thống nhất các tổ chức cộng sản và lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3/2/1930. Điểm thứ nhất trong "Năm điểm lớn" được Nguyễn ái Quốc đưa ra, coi như nguyên tắc để gạt bỏ các bất đồng trước đó và đi tới thống nhất phong trào cộng sản Việt Nam là: "*Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương.*"

Sự ra đời của Đảng với đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn là một bước ngoặt quan trọng của cách mạng Việt Nam, tạo ra nhân tố hạt nhân quy tụ sức mạnh đoàn kết dân tộc, kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Đây là tiền đề quan trọng nhất cho những bước phát triển tiếp theo và cho thắng lợi hoàn toàn của cuộc đấu tranh giải phóng và cho cuộc hồi sinh của dân tộc.

Ngay sau khi Đảng ra đời, một cao trào cách mạng sôi nổi đã diễn ra trên phạm vi cả nước với đỉnh cao là hàng chục cuộc biểu tình ở Nghệ An và Hà Tĩnh dẫn đến sự ra đời của các làng đỏ - Xô Viết. Trong cao trào cách mạng này "công nông đã bắt tay nhau giữa trận tiền", liên minh cách mạng công - nông, yếu tố nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc đã hình thành trên thực tế. Tuy vậy, chỉ riêng yếu tố hạt nhân và yếu tố nền tảng thì vẫn chưa đủ để tạo ra và củng cố vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong thời kỳ 1936 - 1939, trong điều kiện trong nước và thế giới có nhiều biến đổi quan trọng, Đảng đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đổi mới mạnh mẽ công tác vận động và tổ chức quần chúng. Một cao trào đấu tranh mạnh mẽ lại dâng cao khắp cả nước, lôi cuốn không chỉ hàng triệu quần chúng công nhân, nông dân, mà cả những tầng lớp yêu nước khác như trí thức, tiểu thương, tiểu chủ, địa chủ, thân hào và tư sản dân tộc v.v. Đến thời kỳ này khối đoàn kết dân tộc được mở rộng và củng cố thêm một bước. Lần đầu tiên Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ động bắt tay liên minh với một số tổ chức yêu nước, tiến bộ khác.



Tuy nhiên qua cao trào vận động dân chủ 1936 - 1939 có thể thấy vẫn còn tồn tại hai hạn chế lớn cần phải khắc phục nhằm củng cố khối đại đoàn kết dân tộc thực sự vững mạnh. *Thứ nhất*, trong công tác tuyên truyền cách mạng và vận động quần chúng, cho tới lúc đó Đảng ta chưa thực sự chú trọng tới việc phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc. Các tài liệu tuyên truyền thường nói nhiều hơn đến đấu tranh giai cấp, mà ít nói tới cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc; các đợt đấu tranh thường được phát động trong các dịp kỷ niệm cách mạng tháng Mười Nga, Quảng Châu Công xã, kỷ niệm "3 L" (Lenin, Liepknecht, Luxemburg), mà hầu như không phát động đấu tranh nhân dịp giỗ tổ Hùng Vương, kỷ niệm Hai Bà Trưng, giỗ Đức Thánh Trần v.v. Đây chính là một hạn chế không nhỏ, bởi lẽ chủ nghĩa yêu nước luôn luôn là giá trị tinh thần quan trọng nhất để quy tụ sức mạnh đoàn kết dân tộc, nhất là trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm.

Thứ hai, khối đại đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh sinh tử với kẻ áp bức ngoại bang chỉ thực sự được củng cố vững chắc và phát huy tác dụng khi nó được hiện thực hoá thông qua một hình thức tổ chức thích hợp. Đây chính là vấn đề mà cho tới lúc đó Đảng ta chưa thực sự quan tâm đầy đủ. Hình thức tổ chức của mặt trận dân tộc thống nhất mà Đảng đề ra trong thời kỳ 1930-1936 là Mặt trận phản đế Đông Dương và trong thời kỳ 1936-1939 là Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Tuy nhiên, cả hai hình thức tổ chức này chưa bao giờ được hiện thực hoá.

Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ (3/9/1939), tình hình quốc tế và trong nước chuyển biến hết sức mau lẹ và sâu sắc. Từ tháng 11/1939 Đảng ta đã kịp thời điều chỉnh đường lối chiến lược và sách lược cho phù hợp với tình hình. Với sự trở về của lãnh tụ Nguyễn ái Quốc, Hội nghị BCH Trung ương lần thứ VIII của Đảng họp vào từ ngày 10 đến 19/5/1941 đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng, mở ra con đường đi tới thắng lợi của cuộc đấu tranh yêu nước, giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Hội nghị khẳng định: "... cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng"; do vậy: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc". (Văn kiện Đảng toàn tập, T.7, NXB CTQG HN, 2000). Để phát huy tối đa sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, của tinh thần dân tộc, hội nghị chủ trương đặt mục tiêu của cuộc cách mạng trong phạm vi từng dân tộc ở Đông Dương để xem xét và giải quyết một cách cụ thể.

Một trong những quyết định quan trọng nhất, trực tiếp liên quan đến việc củng cố khối đoàn kết dân tộc, chuẩn bị lực lượng một cách kiên trì và toàn diện cho cuộc vùng lên tự giải phóng, chính là quyết định thành lập mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng Minh (Việt Minh). Trong tuyên ngôn của mình Việt Minh tuyên bố rõ ràng: "*Việt Minh chủ trương liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn*".

Hội nghị Trung ương VIII của Đảng và sự ra đời của mặt trận Việt Minh đánh dấu một bước ngoặt trong đường lối lãnh đạo cách mạng hướng tới việc mở rộng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, quy tụ và phát huy cao độ nội lực dân tộc cho một cuộc hồi sinh vĩ đại. Lần đầu tiên chủ trương đoàn kết dân tộc của Đảng được đặt trên cơ sở của chính chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Chủ trương này được thực hiện nhất quán trong công tác vận động quần chúng của Đảng. Các đoàn thể trong mặt trận Việt Minh đều được gọi là Cứu quốc hội. Trong các tài liệu tuyên truyền hàng ngày của Đảng, nhất là các tài liệu do Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh trực tiếp soạn thảo, lời kêu gọi đoàn kết dân tộc đã được thay thế cho lời kêu gọi đoàn kết giai cấp và đấu tranh giai cấp. Các biểu tượng như "con Rồng cháu Tiên", Hùng Vương, Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Lam Sơn, Bạch Đằng,... đã được tôn vinh để cổ vũ tinh thần yêu nước và ý thức đoàn kết dân tộc. Về phương diện tổ chức, với sự ra đời của mặt trận Việt Minh, lần đầu tiên mặt trận dân tộc thống nhất đã trở thành hiện thực. Quan trọng hơn, Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo tỉ mỉ cán bộ Đảng trong việc lập ra hàng chục loại Cứu quốc hội khác nhau để tập hợp tất cả các nhóm trong cộng đồng dân tộc Việt Nam vào một tổ chức có độ cố kết bền vững không chỉ dựa trên tinh thần yêu nước mà còn dựa trên những quy tắc tổ chức giản đơn nhưng rất chặt chẽ. Vì vậy mặt trận Việt Minh không chỉ làm cho khối đại đoàn kết dân tộc được mở rộng, củng cố không ngừng, mà còn là phương tiện nâng lực lượng của khối đại đoàn kết ấy lên gấp bội thông qua việc biến khối đại đoàn kết ấy thành một tổ chức có sức chiến đấu cao. Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, thông qua Việt Minh, dân tộc ta không những đã đoàn kết lại mà lần đầu tiên còn biết cách đoàn kết có hiệu quả cao nhất.

Từ sau khi ra đời mặt trận Việt Minh đã nhanh chóng trở thành hạt nhân quy tụ sức mạnh đoàn kết dân tộc. Lực lượng cách mạng đứng dưới ngọn cờ đại nghĩa của Việt Minh ngày càng được mở rộng và phát triển không ngừng. Tuy nhiên, trong bối cảnh của những diễn biến rất phức tạp và mau chóng của thời cuộc, những bất đồng, dị biệt cố hữu của dân tộc vốn được thực dân Pháp và phát-xít Nhật lợi dụng, khoét sâu thêm, không phải dễ dàng gì một sớm một chiều vượt qua được. Trong hàng ngũ những người Việt Nam yêu nước, không ít người đã bị những chiêu bài tuyên truyền của thực dân Pháp, phát xít Nhật hoặc quân phiệt Trung Hoa lung lạc lôi kéo. Trên thực tế, lực lượng yêu nước và khối đại đoàn kết dân tộc cho đến trước ngày Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 vẫn chưa khắc phục được hoàn toàn sự chia rẽ, nghi ngại, thậm chí bài xích lẫn nhau. Ngay trong nội bộ Đảng và mặt trận Việt Minh cũng còn tồn tại ở một số địa phương, nhất là ở Trung Kỳ và Nam Kỳ, tình trạng chia rẽ, phân liệt. Đây là tình hình rất nghiêm trọng, nhất là khi thời cơ tổng khởi nghĩa giành chính quyền đang đến rất gần. Trong một bức thư gửi các cán bộ Đảng ở Trung Kỳ, Tổng bí thư Trường Chinh đã nghiêm khắc chỉ thị: "*Phải kíp chạy lại dưới lá cờ chói lọi của Đảng... Không thể biệt phái chia rẽ! Không thể do dự, hoài nghi!*". Đối với cán bộ Đảng ở Nam Kỳ, đồng chí Trường Chinh chỉ rõ: "*Chúng ta sẽ phạm phải một tội lớn, nếu trước giờ quyết liệt, chúng ta còn chia rẽ mãi*".

Giữa lúc đó, ngay từ ngày 13/8/1945 có tin Nhật Hoàng đã chấp nhận đầu hàng Đồng Minh. Ngay đêm đó Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc đã phát lệnh tổng khởi nghĩa. Ngày 15/8, tin Nhật đầu hàng chính thức được công bố. Tại Tân Trào, từ nhiều ngày trước đó, mặc dù bị ốm nặng, Hồ Chí Minh vẫn quan tâm, hỏi thúc việc triệu tập Quốc dân Đại hội. Theo chỉ thị của Người, ngày 16/8 Quốc dân Đại hội chính thức khai mạc, tượng trưng cho ý chí, nguyện

vọng và khởi đại đoàn kết toàn dân tộc, thông qua đề nghị tổng khởi nghĩa của mặt trận Việt Minh.

Trong khi đó, ở Hà Nội, Sài Gòn và nhiều tỉnh khác, cán bộ Đảng và Việt Minh chưa thể nhận được mệnh lệnh khởi nghĩa. Căn cứ vào các chỉ thị trước đó của Đảng, trên cơ sở phân tích cụ thể tình hình địa phương, tuyệt đại đa số cán bộ Đảng và Việt Minh cơ sở đã mau chóng tự quyết định khởi nghĩa giành chính quyền, không bỏ lỡ thời cơ. Và điều quan trọng hơn, quyết định đó được tuyệt đại đa số quần chúng nhân dân mọi tầng lớp ủng hộ, kể cả các lực lượng vốn đứng ngoài mặt trận Việt Minh. Kết quả là chỉ trong vòng khoảng hai tuần lễ làn sóng biểu tình chính trị mạnh mẽ của hàng triệu quần chúng cùng với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang cách mạng đã nhanh chóng lật đổ chính quyền tay sai thân Nhật, lập ra chính quyền cách mạng.

60 năm trôi qua, Cách mạng tháng Tám vẫn được xem như một sự kiện diệu kỳ trong lịch sử dân tộc. Hàng trăm công trình nghiên cứu của các sử gia Việt Nam và nước ngoài đã được công bố, đưa ra những kiến giải khác nhau về sự kỳ diệu của cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945. Sự thực lịch sử là: với sự ra đời của mặt trận Việt Minh, ngọn cờ dân tộc được Đảng ta giương cao hơn bao giờ hết và trong suốt hơn 4 năm trời Việt Minh đã thực sự trở thành nhân tố trung tâm quy tụ sức mạnh của nhiều lực lượng và cá nhân yêu nước tiến bộ. Khởi đại đoàn kết toàn dân đã không những được khôi phục, được củng cố mà còn được nâng lên tầm cao mới, kết hợp với sức mạnh của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, tạo ra xung lực hồi sinh mạnh mẽ để bùng phát kịp thời, khi thời cơ đến.

Mặt khác, cũng phải thừa nhận rằng bên cạnh mặt trận Việt Minh, một số lực lượng yêu nước khác, theo những cách thức riêng của mình, đã góp phần mạng mẽ vào việc thức tỉnh lòng yêu nước của toàn dân, để rồi trong giờ phút quyết định, trên cơ sở của tinh thần yêu nước, đã nhanh chóng quy tụ dưới ngọn cờ đỏ sao vàng năm cánh của Việt Minh, góp phần không nhỏ vào cuộc vùng lên "đem sức ta tự giải phóng cho ta" (Nguyễn ái Quốc). Trong số những lực lượng đó, trước hết phải kể đến lực lượng thanh niên, sinh viên yêu nước ở Hà Nội, Sài Gòn và nhiều tỉnh thành khác. Về danh nghĩa lực lượng này do chính quyền thực dân Pháp đã phát xít hoá tạo ra hòng lợi dụng lòng yêu nước của thanh niên, sinh viên Việt Nam. Song, chính tầng lớp này đã biết dụng kế "gậy ông đập lưng ông", lợi dụng cơ hội đó để tuyên truyền, cổ vũ tinh thần yêu nước sâu rộng trong các tầng lớp dân chúng một cách hợp pháp. Những chuyến đi thăm quan Bạch Đằng Giang, Gò Đống Đa, ai Chi Lăng, những đoàn hướng đạo sinh tổ chức đi cắm trại và hát vang những bài ca yêu nước, những vở kịch lưu diễn ở nhiều nơi kể về sự nghiệp Hai Bà Trưng, Lê Lợi vv... đã thực sự thổi bùng lên lòng yêu nước của dân chúng khắp cả ba Kỳ.

Sau khi bắt liên lạc với Việt Minh, một bộ phận lớn trong phong trào yêu nước trên đã gia nhập Việt Minh. Bộ phận còn lại, sau cuộc đảo chính Nhật - Pháp (9.3.1945) gia nhập Phong trào thanh niên Tiền tuyến ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ và Thanh niên Tiền phong ở Nam Kỳ. Hai lực lượng này, một do chính phủ Trần Trọng Kim lập ra, một do quân đội Nhật gợi ý cho ra đời, với mục đích lợi dụng phong trào thanh niên làm hậu thuẫn cho chính quyền bù nhìn, thân Nhật. Tuy nhiên, hai lực lượng này đã sớm được Việt Minh liên lạc và trong giờ phút quyết định đã nhanh chóng đứng dưới cờ Việt Minh.

Làn sóng đấu tranh sục sôi do Việt Minh và các lực lượng yêu nước khác tiến hành đã đánh thức và cổ vũ lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết vì đại nghĩa dân tộc của cả những tầng lớp và cá nhân vốn có quá khứ gắn chặt với chế độ thực dân. Hoàng đế Bảo Đại là một ví dụ điển hình. Trong những ngày tháng 8/1945, làn sóng yêu nước mạnh mẽ của toàn dân đã đủ sức cảm hoá cả ông vua đã suốt 20 năm làm bù nhìn cho thực dân Pháp, khiến ông ta tự tuyên bố "ưng làm dân một nước tự do hơn làm vua một nước nô lệ". Ngày 30/8/1945, Bảo Đại tuyên chiếu thoái vị, trao ấn vàng, kiếm nam ngọc lại cho đại diện Việt Minh. Trong ngày đó,

Bảo Đại còn kêu gọi hoàng tộc và toàn dân đoàn kết, bởi lẽ "đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết".

Như thế, cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 thực sự là biểu trưng, là kết quả của khối đại đoàn kết dân tộc, là hội tụ của các nguồn xung lực hồi sinh mạnh mẽ của toàn dân tộc trong thời khắc bước ngoặt lịch sử dưới ngọn cờ chói lọi tinh thần yêu nước của mặt trận Việt Minh do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Phạm Hồng Tung* - Ảnh: Tư liệu [Bản tin ĐHQG Hà Nội - số 174, tháng 8/2005]

.....
...

*Cách mạng tháng Tám 1945 - cuộc hồi sinh vĩ đại của một dân tộc đoàn kết / Phạm Hồng Tung// Ảnh:Tư liệu (Bản tin ĐHQG Hà Nội - số 174, tháng 8/2005).
Nguồn:<http://www.bulletin.vnu.edu.vn>*

Cách mạng Tháng Tám

Cuộc tổng khởi nghĩa 19-8-1945 - Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới, đưa lịch sử dân tộc đi tới con đường độc lập - con đường tự do. Mùa thu năm ấy, cuộc lên đường của những người trong độ tuổi 20...

Phút “giao thừa” độc lập

Trong cuốn Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám - Đoàn thanh niên cứu quốc Hoàng Diệu, NXB Lao Động - 1999, ông Nguyễn Khang, nguyên chủ tịch Ủy ban Mặt trận khởi nghĩa Hà Nội, viết: “Phong trào cứu quốc những ngày tháng tám đã lên cao tới mức không thể tưởng tượng được và người Hà Nội ai cũng xem mình là Việt Minh. Các hoạt động gần như công khai.

Lúc này trung ương đang mở đại hội quốc dân ở Tân Trào nên nếu có chỉ thị thì cũng phải đợi một thời gian nữa mới tới. Nhưng thời cơ đã tới và không đợi chúng ta. Hơn nữa chỉ thị “Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” đã là cảm nung mở cho Hà Nội hành động. Đúng ngày 15-8 xứ ủy mở cuộc họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông (lúc này phần lớn lãnh đạo xứ ủy đã đi họp ở Tân Trào). Cuộc họp nhận định tình hình và kết luận đây là thời cơ có một không hai để khởi nghĩa cướp chính quyền.

Xứ ủy quyết định: thành lập Ủy ban Quân sự cách mạng Hà Nội để chỉ đạo công việc chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa ở Hà Nội. Lúc này quân Nhật ở Hà Nội khoảng hơn 1 vạn. Lực lượng của ta chỉ có ba chi đội tự vệ hơn 700 người, vũ khí thô sơ và mới qua vài lớp huấn luyện quân sự cấp tốc. Tuy nhiên phong trào quần chúng, các tổ chức Việt Minh đoàn thể thì rất mạnh và đã tập dượt qua nhiều lần...”.

Ngày 17-8-1945 chính phủ Trần Trọng Kim tổ chức mittinh ra mắt quốc dân hòng “son phết” lại chính quyền bù nhìn. Chúng ta đã lường trước và âm thầm tổ chức lực lượng

nồng cốt cướp diễn đàn mittinh này và biến thành ngày hội của quần chúng với cờ đỏ sao vàng. Tại đây đội danh dự đưa ra sáng kiến biến mittinh thành cuộc tuần hành ủng hộ Việt Minh.

Thế là theo hướng dẫn của các đội tự vệ, quần chúng xếp thành hàng ngũ đi từ Nhà hát lớn qua phố Tràng Tiền, rẽ sang Đinh Tiên Hoàng với những tiếng hô vang dậy “Ủng hộ Việt Minh!”, “Đả đảo chính phủ bù nhìn!”. Đi đến đâu bà con tham gia đến đó. Ngay cả lính bảo an của chính phủ bù nhìn cũng ôm súng nhập vào đoàn biểu tình. Trước không khí đó, cuộc họp “hội đồng tư vấn Bắc kỳ” của chính phủ Trần Trọng Kim đang tổ chức ở nhà Khai Trí - Tiến Đức tan tác như ong vỡ tổ.

Đoàn biểu tình chia thành nhiều mũi đi vào khắp các phố lớn, đến tận 9-10g đêm mới giải tán. Cuộc tuần hành này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng cho ngày tổng khởi nghĩa 19-8. Nó bộc lộ và khẳng định sức mạnh vũ bão của quần chúng cách mạng. Ngay đêm đó Ủy ban Quân sự cách mạng Hà Nội họp khẩn cấp và kết luận: thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi!

Ông Trần Quang Huy, nguyên chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng Hà Nội, nói về kế hoạch khởi nghĩa như sau: “Chúng tôi huy động hàng chục vạn quần chúng có lực lượng vũ trang làm xung kích, tiến hành mittinh ở quảng trường Nhà hát lớn, sau đó tuần hành thị uy xông lên chiếm những cơ quan trọng yếu là phủ khâm sai, tòa thị chính, trại bảo an binh, ty Liêm phóng, sở cảnh sát Hàng Trống, kho bạc và bưu điện. Đối với Nhật, ta không đánh chiếm những nơi chúng đóng quân nhưng đề phòng trường hợp chúng gây hấn, ta cướp vũ khí, vừa đánh vừa rút ra ngoại thành chiến tranh du kích đợi quân giải phóng về”.

Ông Trần Quang Huy nhớ lại: ngày 18-8, không khí khởi nghĩa rạo rực và bùng phát ở khắp các vùng ngoại thành, tại các nhà máy công xưởng. Nhiều chủ cai, thầy ký còn phối hợp với ta tiếp quản cho nhanh. Anh em công nhân rầm rộ giương cờ đỏ sao vàng chạy qua mũi quân Nhật, bọn chúng cũng chỉ biết thối thủ đứng nhìn.

Còn ông Thái Mỹ (tổ trưởng một tổ Việt Minh tiền cách mạng), nay đã 81 tuổi nhưng ông chẳng thể nào quên cái đêm hôm ấy: “Đêm giao thừa của kỷ nguyên độc lập hình như cả Hà Nội không ngủ. Những tiếng nói cười, tiếng máy khâu may cờ xè xè hồi hả khắp nơi, tiếng thử súng, tiếng mài gươm suốt đêm. Chúng tôi có cảm giác như cả Hà Nội đã chờ đợi ngày này từ trăm năm rồi. Nhiều tốp thanh niên nam nữ tập hát Tiến quân ca, những kế hoạch cuối cùng cho ngày mai – ngày

rạng đông độc lập cứ sôi sục mãi suốt đêm thâu...”.

Ngày cách mạng!

Sáng sớm 19-8-1945 các đường phố Hà Nội đã tràn ngập cờ đỏ sao vàng! Tất cả nhà máy, công sở, chợ búa, cửa hiệu, trường học đều đóng cửa. Thậm chí cả ô tô, xe điện, xe kéo, xe đạp cũng không có chiếc nào, trên đường là từng dòng thác người với cờ, biểu ngữ, vũ khí thô sơ hay công cụ lao động rầm rập tiến về quảng trường Nhà hát lớn. Dòng người vừa đi vừa hô khẩu hiệu ủng hộ Việt Minh hoặc hát Tiến quân ca.

Ông Thái Mỹ nhớ lại: “Tổ Việt Minh chúng tôi chịu trách nhiệm dẫn một đoàn đi từ khu Năm Diệm (Giáng Võ) ra Nhà hát lớn. Dẫn đầu là hai thanh niên Lê Văn Cử và Thái Vĩnh cùng giương cao biểu ngữ. Ông Thái Mỹ thì cầm khẩu súng ngắn chỉ huy bên cạnh. Khoảng hơn 100 thanh niên tự vệ Việt Minh đi theo cùng hàng vạn quần chúng với cờ, biểu ngữ và những tiếng hô dậy đất “Ủng hộ Việt Minh!”, “Việt Nam độc lập!”...

Bà con hai bên đường gia nhập đoàn ngày một đông. Tinh thần anh em thanh niên hưng phấn tột độ. Mũi của ông Thái Mỹ phụ trách đi qua Hàng Gai - phố nhà ông ở. Và ông được

hưởng niềm hạnh phúc tốt cùng: cha mẹ, bà con, hàng xóm nhà mình đứng đầy hai bên đường đã thấy ông cầm súng dẫn đầu đoàn quân cách mạng...

Ra đến Nhà hát lớn ông Nguyễn Huy Khôi bước ra đọc lời hiệu triệu toàn thể quốc dân đứng lên giành độc lập. Tiếng hô vang dậy một góc trời. Cuộc mittinh chuyển sang tuần hành thị uy, chia làm hai khối lớn. Một: chiếm phủ khâm sai, tòa thị chính, bưu điện, kho bạc và sở cảnh sát Hàng Trống; hai: chiếm trại bảo an binh, sở liên phóng và nhà pha Hỏa Lò.

Tại phủ khâm sai, hai đại đội bảo an binh được lệnh chốt giữ, chĩa nòng súng vào lực lượng cách mạng. Nhưng cũng tại đây ta đã có nhiều cảm tình cài sẵn. Ta vừa biểu tình thị uy, vừa kêu gọi binh lính quay súng trở về với nhân dân. Viên chỉ huy đang lúng túng lo sợ thì một số thanh niên tự vệ đã trèo hàng rào nhảy vào.

Tất cả binh lính đều bó tay qui hàng giao nộp vũ khí. Tự vệ ulla vào sân hạ cờ giặc, kéo cờ đỏ sao vàng, bắt giam một số tên cầm đầu và thu vũ khí trang bị cho tự vệ. Còn tại trại bảo an binh thì gặp rắc rối: ta cướp súng lính canh, phá cửa tiến vào, thu vũ khí thì lính Nhật ào đến với bốn xe tăng gắn đại liên. Chúng đòi trả lại trại và tước vũ khí của ta.

Bà Minh Tâm kể: lực lượng nữ được tung ra, chị em nữ sinh kéo đến vây lấy xe tăng Nhật. Một mặt ta bao vây thị uy, một mặt ủy ban cử người đến nói chuyện với chỉ huy quân Nhật. Sự kiện này được ghi lại theo hồi ức của ông Lê Trọng Nghĩa, ủy viên ủy ban khởi nghĩa, trong cuốn 19-8 cách mạng là sáng tạo như sau: “Tôi lấy chiếc xe Limousine đen của phủ khâm sai cắm cờ đỏ sao vàng rồi tiến thẳng xuống đường Hàng Bài, thuộc khu vực Nhật kiểm soát.

Dừng trước công rạp Majestic (nay là rạp Tháng Tám) và đòi gặp viên chỉ huy, tôi nói với viên sĩ quan: “Trại bảo an binh thuộc quyền phủ khâm sai người Việt, mà người Nhật sắp về nước rồi nên đừng can thiệp vào nội bộ chúng tôi”. Viên sĩ quan không có vẻ hung hăng như trước mà chỉ nói: “Các ông phải nói chuyện với cấp trên của chúng tôi” rồi quay vào. Thế là khoảng 3-4 giờ chiều xe tăng Nhật rút lui...”.

Ông Lê Tuấn không thể nào quên ngày trọng đại đó: “Thấy bọn Nhật lè ửng quay về, quần chúng hò reo vang dậy. Họ ulla sát hàng rào sắt nắm lấy tay anh em tham gia chiếm giữ trại lính. Một cụ già khấn xếp áo sa dài tay chống ba toong cổ len đến hàng rào thò bàn tay gầy run rẩy nắm tay anh em và móm mém nói: “Hậu sinh khả úy! Việt Minh vạn tuế! Việt Minh vạn tuế!”. Các chị, các mẹ chờ cơm bằng xe tay vào cho lực lượng cách mạng. Mọi người chia nhau những nắm cơm chấm muối. Những nắm cơm ngày ấy có mùi vị khác hơn bao ngày, bởi đó là những miếng cơm đầu tiên mọi người được thụ hưởng trong không khí tự do...

Năm ngày sau khi Hà Nội khởi nghĩa thành công, người dân đất kinh thành Huế cũng đã đứng lên cướp chính quyền. Trong số họ có cả những hoàng thân quốc thích, con quan đại thần, tổng trấn... Và ngôi trường võ bị do chính phủ bù nhìn thân Nhật lập nên cũng chính là “lò” cung cấp thủ lĩnh quân sự cho cách mạng...

QUANG THIỆN

Nơi giành được chính quyền đầu tiên ở Nam bộ

Theo các tư liệu lịch sử ghi nhận, thời điểm Cách mạng Tháng Tám thành công ở các vùng trong nước có khác nhau. Ở miền Bắc (Hà Nội) ngày 19-8, miền Trung (Huế) 23-8 và Nam bộ (Sài Gòn) 25-8-1945.

Thế nhưng trước đó có một địa danh ở Nam bộ đã tổ chức cướp chính quyền thành công vào đêm 22 rạng sáng 23-8-1945. Người chỉ huy trận đánh đêm ấy đang ở tuổi 26...

Thí điểm khởi nghĩa ở Nam bộ

Ngay trong đêm 22-8-1945, người dân tỉnh Tân An (ngày nay là tỉnh Long An) hầu như không ngủ được. Tiếng trống khởi nghĩa vang từ xã này sang xã khác, quận này sang quận khác, tin cướp chính quyền thắng lợi tới tấp bay về, càng về khuya càng dồn dập liên hồi.

Từ mờ sáng 23-8-1945, trên các nẻo đường đổ về thị xã Tân An, lớp lớp người xếp thành hàng tư với rừng tầm vông vạt nhọn, rừng cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm giương cao rầm rập tiến vào sân banh thị xã. Đoàn người vừa đi vừa hô to các khẩu hiệu: VN độc lập muôn năm! Chính phủ VN muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm... Trên lễ đài, đại diện Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Tân An làm lễ ra mắt đồng bào, chủ tịch Nguyễn Văn Trọng tuyên bố: Chính quyền Tân An đã về tay nhân dân!

Trước đó, Xứ ủy Nam bộ đã mở hội nghị tại Chợ Đệm phân tích tình hình của Nam bộ lúc ấy là rất phức tạp. Nhiều ý kiến đề xuất: đêm 22-8 Sài Gòn sẽ tiến hành khởi nghĩa để sáng sớm 23-8 huy động lực lượng chính trị vũ trang khoảng 1 triệu người xuống đường ủng hộ Ủy ban hành chính lâm thời Nam bộ và tuyên bố tổng khởi nghĩa thành công. Sau đó các tỉnh khác ở Nam bộ sẽ theo hình mẫu của Sài Gòn mà tiến hành khởi nghĩa.

Nhưng có ý kiến cho rằng quân Nhật ở Sài Gòn rất đông, ngay cả lực lượng đồng minh Anh - Ấn cũng buộc quân Nhật cùng chống cách mạng, nếu Nhật can thiệp thì khởi nghĩa ở Sài Gòn dễ thất bại... Cuộc tranh cãi khá quyết liệt. Cuối cùng, đồng chí Trần Văn Giàu đưa ra một giải pháp: giao cho Tân An - nằm ngay bên cạnh cửa ngõ vào Sài Gòn - khởi nghĩa thí điểm, từ đó rút kinh nghiệm để “bấm nút” cho Sài Gòn và các tỉnh tiến hành khởi nghĩa. Ý kiến này được đa số tán thành.

Giọng trầm âm, ông Hai Lê (Lê Văn Tường) kể lại: “Lúc đó tôi 26 tuổi, đang tham gia sinh hoạt tại chi bộ làng Thạnh Lợi, quận Thủ Thừa, tỉnh Tân An. Ngày 13-8-1945, Tỉnh ủy Tân An tổ chức hội nghị mở rộng tại nhà ông hội đồng Huấn ở xã Hương Thọ Phú. Tại cuộc họp này, các đồng chí trong Tỉnh ủy Tân An thống nhất rút tôi về làm thường vụ phụ trách quân

sự quận Thủ Thừa để chuẩn bị lực lượng cướp chính quyền.

Tôi nhanh chóng quay về làng và từ giã các đồng chí trong chi bộ Thạnh Lợi. Các anh ở làng chia tay để tôi đi làm chuyện đại sự mà còn góp mỗi người vài đồng, được tất cả 13 đồng làm lộ phí và dặn dò ghê lắm. Chia tay gia đình, xóm làng, tôi chuyển ra quận công tác...”

Ban đầu Hai Lê rất lo, mình có quá trẻ, lại ít kinh nghiệm quân sự, được giao đánh trận đầu mà thất bại thì tội lớn lắm!

Sau khi bàn bạc với Huyện ủy Thủ Thừa, Hai Lê cho tổ chức ngay lực lượng chiến đấu là những thanh niên tiền phong trong các thôn xóm tập trung lại tập luyện võ thuật, luyện kiếm, phóng phi tiêu, luyện dao găm, tự tạo vũ khí thô sơ, tập đội hình chiến đấu. Giặc thì súng ống rần rần, còn đội hình chiến đấu của Hai Lê luyện tập như trong phim kiếm hiệp vậy!...

Anh nông dân đối mặt với quận trưởng!

Tối chiều 22-8, các xã quanh quận Thủ Thừa đồng loạt đánh mõ, đánh trống báo động vang trời theo kế hoạch của Ủy ban khởi nghĩa. Trong lúc địch đang còn hoang mang chưa biết việc gì xảy ra, tiếng trống tiếng mõ xuất phát từ đâu thì Hai Lê đã ra lệnh cho lực lượng quân sự do anh chỉ huy bắt đầu “hành quân”.

Hai Lê mặc đồ kaki vàng, mang cây súng rulô cùng tốp chiến đấu xông thẳng tới dinh quận. Tới cổng dinh quận, đội hình khựng lại vì lính khô xanh cùng súng ống dàn đầy, nghe tiếng mõ tiếng trống chúng còn hoang mang hơn và tư thế luôn sẵn sàng nổ súng. Chỉ với một khẩu súng ngắn của Hai Lê thì làm sao địch lại được bọn lính trang bị toàn súng dài của dinh quận - mục tiêu số 1 cho cuộc cướp chính quyền?

Nhưng Hai Lê đã có cách riêng của mình: anh bước thẳng vào dinh quận. Bọn lính canh thấy anh mặc đồ kaki nai nịt gọn gàng, bên hông kè kè súng lục, không hiểu anh thuộc “sắc lính” gì nên im re cho vào, nhưng súng vẫn chĩa thẳng vào anh. Anh bước vào gặp quận Thọ.

Trước mặt quan phụ mẫu một thời làm mưa làm gió cả vùng Thủ Thừa, lính canh súng ống còn đầy, vậy mà Hai Lê bình thản tuyên bố xanh rờn: “Ông quận Thọ à, hôm nay cách mạng về cướp chính quyền. Kể từ 8g tối nay, chúng tôi với đầy đủ binh lực, súng ống hùng mạnh đã bao vây toàn khu vực. Nếu muốn an toàn, ông quận phải ra lệnh cho binh lính giao nộp vũ khí, còn ông phải giao ngay cho cách mạng chìa khóa tủ sắt tiền công nho và các tủ giấy tờ khác nữa...”

Quận Thọ há hốc miệng, người chỉ huy cách mạng này sao khí phách quá, chống lại chắc chỉ có chết! Quận Thọ tự nhiên thấy mình “nhỏ” hơn anh thanh niên tuổi 26 nên “ạ... ạ...” lí nhí và bàn giao dinh quận ngay. Mãi sau này nhiều người hỏi: “Lỡ quan quận làm cương kêu lính vào bắt thì sao?”. Hai Lê cười: “Thì đánh luôn chứ sao, đội tự vệ đã dàn quân cả rồi, giáo mác, kiếm, tầm vông cũng đánh được mà!”

Chiếm dinh quận thắng lợi, Hai Lê cùng lực lượng dân quân tự vệ, thanh niên địa phương được thể xông thẳng vào các đồn Thạnh Lợi, Bình Hòa, Mỹ Thạnh Đông, Mỹ Quý... để tịch thu súng đạn. Tổng số súng thu được tại các đồn lên đến trên 40 cây súng các loại. Số súng này được đưa về quận để thành lập một đại đội dân quân cách mạng đầu tiên của quận.

Được tin Hai Lê đã tổ chức chiếm dinh quận và giải giới vũ khí lính canh thành công mà không tổn một viên đạn, hàng ngàn nông dân từ các xã Mỹ Lạc, Bình Đức, Mỹ An Phú, Bình Phong Thạnh... rùng rùng kéo về khu vực sân banh để mittinh và nghe cách mạng nói chuyện. Tại buổi mittinh, Hai Lê thay mặt ban khởi nghĩa đồng đạc thông báo với bà con: Việt Minh đã lên nắm chính quyền!... Cả rùng người tung hô như muốn làm vỡ tung cả không gian một làng quê...

VŨ BÌNH - THẾ ANH

*Nơi giành được chính quyền đầu tiên ở Nam bộ / Vũ Bình – Thế Anh . – Báo tuổi trẻ//
Nguồn. <http://www.tuoitre.com>*

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 Ở VIỆT NAM

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đánh đổ ách thống trị của thực dân và chế độ quân chủ, giành độc lập tự do.

Giữa tháng 8.1945, những điều kiện của cuộc Tổng khởi nghĩa đã chín muồi, thời cơ cách mạng đã đến. Ngày 13.8.1945, Ủy ban Khởi nghĩa được thành lập, do Trường Chinh (tổng bí thư của Đảng) phụ trách. Từ 13 đến 15.8.1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) đã quyết định phát động và lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Quốc dân đại hội họp trong hai ngày 16 và 17.8.1945 ở Tân Trào đã nhất trí với chủ

trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua lệnh Tổng khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh và 10 chính sách lớn của Việt Minh. Quốc dân đại hội bầu ra Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Hàng chục triệu quần chúng đã nổi dậy đồng loạt khắp nông thôn và đô thị ở 65 tỉnh thành, trong đó các cuộc khởi nghĩa ở đô thị – đặc biệt là Hà Nội (19.8), Huế (23.8), Sài Gòn (25.8) – đóng vai trò quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (xt. *Khởi nghĩa Hà Nội 1945; Khởi nghĩa Huế 1945; Khởi nghĩa Sài Gòn 1945*). Ngày 24.8.1945, Bảo Đại – hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn – đã công bố bản tuyên cáo thoái vị để được "làm dân tự do của một nước độc lập". Ngày 26.8, Ủy ban Dân tộc Giải phóng về Hà Nội và được cải tổ thành Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 đã thành công, chính quyền cách mạng đã được thành lập trong toàn quốc từ trung ương đến cơ sở. Ngày 2.9.1945, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Cách mạng tháng Tám và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là thành quả của quá trình đấu tranh lâu dài, đặc biệt là 15 năm đấu tranh chuẩn bị lực lượng của nhân dân Việt Nam, là thắng lợi của tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh, của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và nghệ thuật khởi nghĩa vũ trang sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nhân dân Việt Nam đã đánh đổ ách thống trị của thực dân gần một trăm năm để dựng nên nước Việt Nam độc lập, và lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế hàng thế kỉ trên đất Việt Nam để lập nên chế độ dân chủ cộng hoà, đưa nhân dân Việt Nam từ người nô lệ trở thành người dân một nước độc lập và tự do, tự mình quyết định vận mệnh lịch sử của mình.

Một kỉ nguyên mới trong lịch sử của dân tộc Việt Nam đã ra đời – kỉ nguyên độc lập tự do. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã chặt đứt ở khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, thúc đẩy sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc bị nô dịch trên thế giới, mở ra thời kì suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân. "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"

(Hồ Chí Minh).

Chiến lược đại đoàn kết toàn dân của Đảng trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

(ĐCSVN) - Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố nhưng nổi bật nhất chính là chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta. Chính chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đã đưa dân tộc ta đến thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, là tiền đề vững chắc đưa đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới hiện nay.

Mùa thu này hơn 60 năm trước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân ta đoàn kết một lòng đứng lên làm cách mạng, lật đổ ách thống trị của chế độ thực dân và phong kiến tay sai, lập nên chính quyền cách mạng của dân, do dân và vì dân. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và việc khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào ngày 2-9-1945 đã là cơ sở đưa đến thắng lợi của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa đất nước ta tiếp tục vững bước tiến lên trên con đường độc lập, tự do và phát triển. Thắng lợi đó đã mở ra thời đại mới trên đất nước ta: *thời đại độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội*.

Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945 với tầm vóc vĩ đại đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc ta, là một niềm tự hào to lớn về sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, về sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, về truyền thống bất khuất, kiên cường, về tinh thần sáng tạo trong công cuộc dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Tự hào về thắng lợi vĩ đại này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc".

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, mà nổi bật là chiến lược *đại đoàn kết toàn dân tộc* của Đảng ta.

Thật vậy, trở lại năm 1945, vào ngày 9 tháng 3, quân đội Nhật đã tiến hành cuộc đảo chính Pháp, nắm toàn quyền cai trị về tay mình. Kết quả của sự kiện đó là sự sụp đổ thảm hại của chính quyền thực dân Pháp. Chỉ sau 3 ngày Nhật đảo chính Pháp, ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ta đã ra Chỉ thị: "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*", xác định kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt, duy nhất, của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính, là phát xít Nhật. Khẩu hiệu "*Đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp*" được thay thế bằng khẩu hiệu "*Đánh đuổi phát xít Nhật*".

Để tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân ta tham gia cao trào kháng Nhật cứu nước, Đảng ta chủ trương mở rộng *Mặt trận Việt Minh*. Nghị quyết Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương (ngày 14-8-1945) đã nhấn mạnh đến việc phải đẩy mạnh công tác vận động quần chúng công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, phụ nữ, tư sản, địa chủ, công chức, đồng bào theo đạo, các đảng phái. Nghị quyết của Đảng còn coi việc thi hành 10 chính sách của Việt Minh là những mục tiêu cơ bản và trước mắt của toàn Đảng, toàn dân. Đảng và Mặt trận Việt Minh còn kịp thời đề ra khẩu hiệu đấu tranh thích hợp, đáp ứng nguyện vọng bức thiết của quần chúng: "*Phá kho thóc, giải quyết nạn đói*". Đó là nghệ thuật phát động quần chúng, là hình thức đấu tranh thích hợp nhằm lôi cuốn, tập hợp hàng triệu người vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc. Đó là cuộc đấu tranh không chỉ nhằm đến quyền lợi kinh tế hàng ngày của nhân dân mà còn nhằm vào mục tiêu đánh đổ chính quyền của đế quốc

tay sai. Trong bối cảnh đó, theo lời kêu gọi của Đảng, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã diễn ra nhanh chóng trên phạm vi toàn quốc. Từ ngày 14 đến ngày 25-8-1945 về cơ bản chính quyền thống trị của bọn đế quốc xây dựng ngót 100 năm và chế độ quân chủ tồn tại hàng nghìn năm ở nước ta đã bị sụp đổ hoàn toàn. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã trình trọng tuyên bố với toàn thể thế giới: "Nước Việt

Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Với tuyên bố trên, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã trở thành *nhà nước công - nông đầu tiên* được lập nên ở Đông Nam Á. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nhà nước công - nông đã thể hiện sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam. Toàn dân nổi dậy, cả nước đồng lòng đứng lên. Từ chiến khu về đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị, rồi cả thành thị và nông thôn nhất tề nổi dậy như thác đổ, sóng dâng, đè bẹp mọi sự phản kháng của quân thù.

Như vậy, chỉ trong vòng 12 ngày, Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước. Từ thực tế của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, chúng ta có thể khẳng định rằng hình thái khởi nghĩa chung nhất là toàn dân nổi dậy đồng loạt và gần như đồng thời trong cả nước. Cuộc Cách mạng Tháng Tám là cuộc tổng khởi nghĩa của toàn dân, của cả dân tộc Việt Nam vì mục tiêu độc lập dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám giành thắng lợi oanh liệt và nhanh chóng do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do chính sách đại đoàn kết dân tộc của Mặt trận Việt Minh do Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập và lãnh đạo. Mặt trận Việt Minh đã giương cao ngọn cờ dân tộc, xác định đúng kẻ thù, có những chủ trương, chính sách đúng đắn, những khẩu hiệu đấu tranh thích hợp, đáp ứng yêu cầu cách mạng, phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi bức thiết của mọi tầng lớp nhân dân.

Chính nhờ mục tiêu và đường lối đúng đắn đó, Mặt trận Việt Minh chẳng những đã huy động được hàng triệu công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, học sinh, trí thức xuống đường khởi nghĩa, mà còn tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của một số các thành phần khác trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ như địa chủ, tư sản dân tộc, viên chức của chính quyền thực dân, phong kiến.

Mặt trận Việt Minh trở thành ngọn cờ tập hợp sức mạnh của toàn dân, trở thành động lực cơ bản của Cách mạng Tháng Tám. Dưới ngọn cờ của Việt Minh, "hàng chục triệu hội viên, gồm đủ các tầng lớp sỹ, nông, công, thương, binh gồm đủ các dân tộc" trên đất nước Việt Nam đã đứng dậy làm cuộc Tổng khởi nghĩa vĩ đại giành độc lập cho dân tộc. Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945 là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam, là sản phẩm của chính sách đại đoàn kết, tập hợp lực lượng toàn dân tộc của Đảng ta.

Như vậy, có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945 là đỉnh cao của toàn bộ cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và tiến bộ xã hội mà dân tộc ta đã bền bỉ, anh dũng tiến hành ngay từ thời điểm thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta vào năm 1858 đến 1945. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc ta, đánh dấu sự kết thúc của thời kỳ lịch sử đau thương của dân tộc mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam năm 1945, cuộc đấu tranh bền bỉ, anh dũng của biết bao thế hệ người Việt Nam yêu nước vì độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân cuối cùng đã đi tới thắng lợi vẻ vang. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt Nam 1945, một lần nữa đã chứng tỏ sức sống dẻo dai, năng lực sáng tạo phi thường và tinh thần yêu nước mãnh liệt của dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương với lãnh tụ vĩ đại là Hồ Chí Minh, sức sống ấy, năng lực sáng tạo ấy và tinh thần yêu nước ấy đã được quy tụ, nhân lên gấp bội và vươn tới tầm cao mới của thời đại, trở thành xung lực mạnh mẽ, thành niềm tin và trí tuệ để dân tộc Việt Nam tiếp tục vươn lên vượt qua mọi thử thách gay go, ác liệt và giành được những thắng lợi to lớn và vẻ vang hơn nữa trong thế kỷ XX.

Trên phương diện quốc tế, Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước cách

mạng Việt Nam năm 1945 là một cuộc cách mạng điển hình ở một nước thuộc địa. Kết quả thắng lợi của cuộc Cách mạng đã dẫn đến việc thành lập nên nhà nước độc lập, dân chủ cộng hoà ở một nước vốn bị chủ nghĩa thực dân áp bức và nô dịch. Thắng lợi to lớn của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Việt Nam đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc trên toàn thế giới. Chính vì Cách mạng Tháng Tám trước hết là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, mang yếu tố nhân dân sâu sắc, do đó, trong thời đại vùng lên của các dân tộc bị áp bức bóc lột, sự kiện này trở thành ngọn đuốc soi đường, trở thành tấm gương cổ vũ lớn lao đối với hàng triệu triệu người đang đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân.

Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ vừa mới thành lập chưa được bao lâu, nhân dân ta lại phải tiến hành một cuộc kháng chiến trường kỳ để chống lại mưu đồ của thực dân Pháp hòng bắt nhân dân ta quay trở lại kiếp ngựa trâu. Nhưng, thời đại đã đổi thay, toàn thể dân tộc Việt Nam đã anh dũng đứng lên quyết hy sinh tất cả để bảo vệ nền độc lập và tự do của Tổ quốc. Cuộc kháng chiến toàn quốc đã bùng nổ vào đêm 19-12-1946. Nhân dân ta hết sức yêu chuộng hoà bình và độc lập, tự do và vì thế chúng ta đã phải nhân nhượng. *Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.* Vì độc lập, tự do và hoà bình, toàn thể dân tộc Việt Nam, không phân biệt già trẻ, gái trai, dân tộc, giai cấp, tôn giáo... đã sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp. Trải qua chín năm chiến tranh, lực lượng cách mạng dần dần trưởng thành, chúng ta từ thế phòng ngự đã dần dần lớn mạnh và giành thế chủ động trên chiến trường. Ý chí độc lập dân tộc của toàn dân tộc đã mang lại chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ làm chấn động toàn cầu. Tiếng súng thắng trận tại Điện Biên Phủ đã là tiếng chuông báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ. Chiến thắng lịch sử đó mở đầu cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới tiến công vào hệ thống chủ nghĩa thực dân cũ. Việt Nam - Điện Biên Phủ là tiếng kèn xung trận của các dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc áp bức và bóc lột. Đó là công hiến vĩ đại của nhân dân Việt Nam vào sự nghiệp giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

Với âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, thế chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào miền Nam, cấu kết với bọn tay sai bán nước hòng phá hoại việc thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ và chia cắt lâu dài nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tinh thần *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*, toàn thể dân tộc Việt Nam đoàn kết một lòng, tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ - tên đế quốc đầu sỏ, có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh. Hai mươi năm chiến tranh gian khổ và ác liệt với bao xương máu của hàng triệu người con đất Việt đã hiến dâng cho Tổ quốc, nhân dân ta đã giành thắng lợi trọn vẹn trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc bằng cuộc Tổng tấn công mùa xuân năm 1975. Nhân dân ta với chiến công vĩ đại này đã hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước. Thắng lợi này mãi mãi được ghi vào sử sách như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỷ XX; là một mốc son chói lọi nhất trong lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Chiến thắng của nhân dân Việt Nam cũng là đòn tiến công trực diện giáng thẳng vào chủ nghĩa đế quốc, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của các dân tộc trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên hành tinh của chúng ta.

Từ mùa xuân năm 1975, nhân dân Việt Nam bắt tay vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện đất nước đã được thống nhất. Trong bối cảnh mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tiếp tục tỏ rõ bản lĩnh kiên cường, vững vàng, sáng tạo, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, vượt qua mọi thử thách, tạo ra những tiên đề quan trọng cho sự nghiệp đổi mới toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI. Nhờ sự nỗ lực và cố gắng cao độ của toàn thể nhân dân, đất nước ta đã dần dần bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, và một thời kỳ phát triển mới rất đáng tự hào với những bước tăng trưởng kinh tế vững chắc, với sự cải thiện rõ rệt hàng ngày đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng của sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta đã tạo dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Như vậy, từ mùa Thu Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945, lịch sử cách mạng nước ta đã trải qua nhiều thời kỳ khác nhau tương ứng với bối cảnh quốc tế và trong nước, nhưng mục tiêu chiến lược của sự nghiệp cách mạng nước ta là nhất quán. Đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, từ điểm xuất phát cụ thể của mình, đất nước ta tập trung vào việc phát triển toàn diện, trong đó phát triển kinh tế luôn là nhiệm vụ trung tâm. Chúng ta nhất định phải chiến thắng tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Chúng ta không ngừng phát huy cao độ nội lực tổng hợp của đất nước, trước hết là trí tuệ và năng lực con người, coi việc phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Đồng thời, chúng ta luôn coi trọng vấn đề ổn định chính trị, chú tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, có tiềm lực về quốc phòng và an ninh phải vững chắc, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước xã hội chủ nghĩa, công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chúng ta cũng kiên quyết đấu tranh đẩy lùi tệ quan liêu và nạn tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, tiến hành cải cách hành chính ở tất cả các cấp. Đảng ta coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với kiện toàn hệ thống chính trị là nhiệm vụ then chốt để đủ sức lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược của cách mạng trong thời kỳ mới.

Ngày hôm nay, khi toàn Đảng, toàn dân ta đang nô nức lập công kỷ niệm 61 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, chúng ta vô cùng xúc động tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới; tưởng nhớ các vị lãnh đạo tiền bối của Đảng, của dân tộc, tưởng nhớ tới hàng triệu đồng bào, chiến sĩ đã hiến dâng xương máu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Với truyền thống "uống nước nhớ nguồn", nhân dân Việt Nam không bao giờ quên sự hy sinh cao cả của tất cả những người con đất Việt đã ngã xuống vì sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc, đã cống hiến hết mình cho độc lập và tự do của ngày hôm nay. Nhân dân Việt Nam cũng luôn ghi lòng tạc dạ về sự giúp đỡ to lớn và hết mình của Chính phủ và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, các nước bè bạn trên toàn thế giới, biết ơn các phong trào quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta, cũng như toàn thể bạn bè quốc tế đang dành cho nhân dân Việt Nam những sự giúp đỡ quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Nhìn lại chặng đường đã qua, với nhiều biến động và thử thách, nhân dân ta rất đỗi tự hào về những thắng lợi và thành tựu vẻ vang của dân tộc. Đất nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, có vị thế và uy tín trên trường quốc tế. Ngày nay, hai tiếng *Việt Nam* đối với cộng đồng thế giới không chỉ là một dân tộc dũng cảm, có ý chí kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm để giành độc lập cho Tổ quốc, mà còn là một dân tộc có bản lĩnh vững vàng, có tinh thần tự chủ, dám đương đầu với mọi thách thức và gian nguy để vươn tới một tương lai tươi sáng hơn. Nêu cao truyền thống được đúc kết từ chiều sâu lịch sử, tất thảy đồng bào Việt Nam dù bất kỳ ở đâu cũng đều phấn đấu hết mình vì sự phồn vinh của đất nước, vì nền tự do và độc lập của dân tộc Việt Nam. Chúng ta nguyện nỗ lực phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự cường và lòng tự hào dân tộc, đem sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững vàng tiến vào thế kỷ XXI./.

PGS - TS Võ Kim Cương

Chiến lược đại đoàn kết toàn dân của Đảng trong Cách mạng tháng Tám năm 1945/ PGS - TS Võ Kim Cương. Nguồn: <http://www.cpv.org.vn>

Phát huy truyền thống vẻ vang và thành quả của Cách mạng Tháng Tám, quyết tâm xây dựng Thủ đô phát triển toàn diện, bền vững*

(ĐCSVN) – Hôm nay 1-9, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 61 năm Cách mạng tháng Tám và quốc khánh 2/9. Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, đã đọc bài diễn văn quan trọng. Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam trân trọng giới thiệu toàn văn bài diễn văn của đồng chí Phạm Quang Nghị.

Kính thưa đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban chấp hành-Trung ương Đảng!

*Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam!
Kính thưa các đồng chí lão thành cách mạng! Các mẹ Việt Nam Anh hùng,
Kính thưa các vị khách quý cùng toàn thể các đồng chí, đồng bào!*

Hôm nay, cùng với cả nước, Đảng bộ, chính quyền, Thủ đô Hà Nội phấn khởi và vui mừng tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 61 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9- ngày hội lớn của dân tộc ta.

Trong ngày kỷ niệm lịch sử trọng đại này, với niềm xúc động và biết ơn vô hạn, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tưởng nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Người khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng, vì độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Chúng ta tưởng nhớ và biết ơn bao thế hệ đồng bào, đồng chí đã anh dũng hy sinh trong các cuộc kháng chiến giành độc lập tự do cho dân tộc, bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám.

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam!

Kính thưa các vị đại biểu!

Thưa các đồng chí và các bạn!

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng mang tầm vóc lịch sử to lớn và có tính nhân dân, tính thời đại sâu sắc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, nhân dân ta từ Bắc chí Nam nhất tề đứng lên khởi nghĩa, chỉ trong khoảng mười ngày từ 15 đến 25 tháng 8 năm 1945, đã làm nên kỳ tích hào hùng: lật đổ chính quyền đập tan chế độ thực dân nửa phong kiến đã thống trị hơn 80 năm, thực hiện khát vọng ngàn đời: dân tộc được độc lập, đất nước được tự do.

Tại Hà Nội, nơi trung tâm đầu não của chế độ thực dân, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ Hà Nội đã lãnh đạo các tầng lớp nhân dân kiên cường, dũng cảm vùng lên và nhanh chóng giành thắng lợi vẻ vang vào ngày 19/8/1945. Thành công của cuộc cách mạng tháng Tám ở Hà Nội đã góp phần quyết định vào thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa trong phạm vi cả nước.

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn lịch sử, long trọng tuyên bố với nhân dân thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”

Cách mạng tháng Tám là cuộc cách mạng nhân dân đầu tiên do Đảng Cộng sản lãnh đạo mà nòng cốt và liên minh công nhân - nông dân - trí thức và giành thắng lợi ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, trực tiếp công phá khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chế độ thực dân. Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã mở ra thời kỳ suy sụp, tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới.

Đánh giá ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng lần này là lần đầu tiên thắng lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo Cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

Cuộc Cách mạng tháng Tám lịch sử đã mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam, là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng, là thắng lợi của Tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nước ta không những trở thành một nước độc lập, tự do mà còn trở thành một trong những nước đi tiên phong trong việc xây dựng chế độ xã hội mới, chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên CNXH.

Đặc biệt, Cách mạng tháng Tám thành công là thắng lợi của ý chí quyết “đem sức ta giải phóng cho ta”, của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và Đảng ta là người đã khơi nguồn và phát huy cao độ. Đó chính là nguồn động lực vô cùng to lớn quyết định thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Tám.

Để bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám, trên chặng đường 61 năm qua, Đảng ta, dân tộc ta đã vượt qua biết bao khó khăn, thử thách và đã giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác...

Đó là thắng lợi vĩ đại của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, với những chiến công vang dội đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội,

Từ bài học của cuộc Cách mạng tháng Tám “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, “đem sức ta giải phóng cho ta”, nguồn động lực to lớn, vô hạn đó của nhân dân lại được Đảng ta nhân lên gấp bội trong suốt 30 năm chiến đấu, hy sinh vì mục tiêu cao cả “không có gì quý hơn độc lập, tự do” Các cao trào cách mạng: “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” ; “thanh niên ba sẵn sàng”; “Phụ nữ ba đảm đang”; “Công nhân tay búa, tay súng”; “Nông dân tay cày, tay súng”; “Trí thức ba quyết tâm” . . . Đó là những bản anh hùng ca bất hủ trong công cuộc đánh đuổi giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc, thu non sông về một mối.

Những năm tháng xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, trần trở tìm đường đổi mới, một lần nữa Đảng ta, nhân dân ta lại thể hiện rõ bản lĩnh cách mạng và những phẩm chất cao quý của mình, thông minh, sáng tạo, kiên trì vượt qua mọi khó khăn, thử thách, quyết tâm đổi mới đưa đất nước vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

20 năm thực hiện công cuộc đổi mới với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: Đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang được đẩy mạnh; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của đất nước đã tăng lên, tạo ra thế và lực mới cho đất nước ta tiếp tục đi lên với một triển vọng tốt đẹp.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành Trung ương và hợp tác giúp đỡ của đồng bào cả nước cùng sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Nội, qua 20 năm đổi mới, Thủ đô đã giành được những thành tựu to lớn và khá toàn diện.

So với năm 1985, GDP năm 2005 của Thành phố tăng khoảng 6,4 lần (bình quân tăng 9,7%/năm); thu ngân sách tăng lên 10 lần, kim ngạch xuất khẩu tăng 47,4 lần; GDP bình quân đầu người tăng 3,7 lần. Quản lý đô thị có tiến bộ, hạ tầng đô thị phát triển mạnh theo hướng văn minh, hiện đại. Diện mạo Thủ đô thay đổi nhanh, ngày càng khang trang, to đẹp Văn hoá- xã hội đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đảng bộ và hệ thống chính trị có bước trưởng thành; bộ máy lãnh đạo, quản lý và cán bộ các cấp tích lũy được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý và điều hành. Vị thế, uy tín của Thủ đô được nâng cao trên trường quốc tế.

Những thành tựu đạt được rất đáng phấn khởi, tự hào, song Hà Nội vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức và yếu kém cần phải giải quyết: Kinh tế phát triển chưa

trương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô; chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh còn hạn chế; Xây dựng và quản lý đô thị còn thiếu đồng bộ, chất lượng thấp. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền chưa tạo được sự chuyên môn căn bản. Không ít cán bộ đảng viên còn thiếu gương mẫu trong đấu tranh thống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. . .

*Kính thưa các vị đại biểu!
Thưa các đồng chí và các bạn!*

Phát huy bài học lịch sử vô cùng quý báu: nước lấy dân làm gốc và nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin: quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử; đặc biệt trong điều kiện Đảng cầm quyền, ngay sau khi thiết lập được chính quyền nhân dân, với tầm nhìn xa trông rộng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự báo trước những khó khăn, thách thức và những vấn đề mới nảy sinh. Ngày 17/9/1945, Người đã viết “chống kẻ thù, đòi độc lập thì dễ dàng kéo cả toàn dân, trong kiến thiết thì khó kéo hơn vì nó đụng chạm đến quyền lợi riêng”. Người còn cảnh báo những căn bệnh nguy hại đã xuất hiện trong một số cán bộ chính quyền, đó là “... người hủ hoá, lên mặt làm quan cách mạng, hoặc là độc đoán, độc hành, hoặc là dĩ công dinh tư”

3. Và Người đòi hỏi chính phủ là công bộc của dân. . . Các công việc của chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu cầu tự do, hạnh phúc cho mọi người. . . phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm, việc gì có hại cho dân thì phải tránh. Các Ủy ban nhân dân làng, phủ là hình thức chính phủ địa phương phải chọn trong những người có công tâm, trung thành, sốt sắng với quyền lợi dân chúng, có năng lực làm việc, được đông đảo dân làng tín nhiệm. Không thể nhờ tiền tài hay một thế lực gì khác mà chui vào lọt các uỷ ban đó”

4. Lời nhắc nhở của Bác cách đây 61 năm, hôm nay vẫn mang đậm tính thời sự Trong dịp kỷ niệm trọng đại này, ôn lại lời Bác dạy chúng ta càng thấm thía và quyết tâm sửa chữa những yếu kém, khuyết điểm để xây dựng bộ máy chính quyền của chúng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, thật sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân.

*Kính thưa các vị đại biểu!
Thưa các đồng chí và các bạn!*

5 năm tới là chặng đường đặc biệt quan trọng đối với Thủ đô. Đảng bộ và nhân dân Thủ đô Hà Nội đang cùng với nhân dân cả nước quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội X của Đảng đề ra; đồng thời đang tích cực triển khai nhiều dự án, công trình lớn, thiết thực chào mừng kỷ niệm trọng đại 1000 năm Thăng Long- Hà Nội vào năm 2010. Phía trước có nhiều triển vọng, thuận lợi và thời cơ; nhưng cũng còn không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi sự quyết tâm, nỗ lực, cố gắng rất lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố để xây dựng Thủ đô xứng đáng và Thủ đô anh hùng, trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia; trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế.

Trước mắt, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội những tháng cuối năm 2006 có ý nghĩa rất quan trọng và rất nặng nề. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô quyết tâm phấn đấu thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, tổ chức quán triệt sâu rộng, thiết thực, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ thành phố; triển khai tổ chức thực hiện 9 chương trình công tác lớn và 3 cụm công trình trọng điểm của Thủ đô.

Thứ hai, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế- xã hội năm 2006. Trong đó, trọng tâm là đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, khắc phục những yếu kém; cải thiện khả năng thu hút đầu tư của mọi thành phần kinh tế trong nước và đầu tư nước ngoài; chủ động tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách hành chính, coi đây là một trong những khâu đột phá, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt đời sống dân sinh; nâng cao năng lực và làm lành mạnh bộ máy chính quyền các cấp; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. *Thứ tư*, tiếp tục tổ chức triển khai cuộc vận động xây dựng chính đón Đảng; quyết tâm đẩy lùi quan liêu, tham nhũng, lãng phí; xây dựng

Đảng bộ và chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh.

Thứ năm, tăng cường công tác quản lý trật tự, kỷ cương đô thị; tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao; xây dựng Thủ đô xanh, sạch, đẹp; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ phục vụ hội nghị cấp cao diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), tạo nên một hình ảnh Thủ đô Hà Nội đẹp - văn minh - thanh lịch trong con mắt bạn bè quốc tế

Kính thưa các vị đại biểu..

Thưa các đồng chí và các bạn!

Tự hào với truyền thống vẻ vang của Thủ đô anh hùng, nghìn năm văn hiến và thành quả của cuộc cách mạng tháng Tám, Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hà Nội xin bày tỏ quyết tâm đoàn kết một lòng, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, cần cù sáng tạo xây dựng Thủ đô phát triển toàn diện, bền vững, thiết thực kỷ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội, thực hiện thật tốt lời Chủ tịch Hồ Chí Minh làm cho Thủ đô ta ngày càng thêm tươi đẹp, phồn thịnh và trở nên một thành phố gương mẫu cho cả nước”.

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm
Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!
Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng mãi trong sự nghiệp của chúng ta
Xin cảm ơn các vị đại biểu, các đồng chí và các bạn./.

Phát huy truyền thống vẻ vang và thành quả của Cách mạng Tháng Tám, quyết tâm xây dựng Thủ đô phát triển toàn diện, bền vững: Bài diễn văn / Phạm Quang Nghị. Nguồn: <http://www.cpv.org.vn>

Cách mạng tháng Tám qua con mắt bạn bè quốc tế

Cách mạng tháng Tám và sự kiện ngày 2/9/1945 của Việt Nam đã thu hút sự quan tâm, nghiên cứu của các nhà sử học, các học giả Pháp. Nhà sử học Charles Fournieau, nguyên Chủ tịch Hội hữu nghị Pháp-Việt là một trong số đó. Ông là người luôn quan tâm tới các sự kiện diễn ra tại Việt Nam cũng như lịch sử Việt Nam. Ông đã từng đến Việt Nam và càng hiểu rõ hơn ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám.

Theo nhà sử học Charles Fournieau: "Cuộc Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam là cuộc cách mạng hết sức quan trọng không chỉ đối với Việt Nam. Đây là cuộc cách mạng thực sự, với sự đồng lòng, chung sức của cả dân tộc. Đây là cuộc cách mạng lớn, của toàn dân tộc Việt Nam, đứng lên giành độc lập dân tộc. Thực tế, cuộc cách mạng của Việt Nam đã có tác động lớn trên thế giới, nhất là đối với các nước thuộc địa khi đó. Cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 đánh dấu thời điểm quan trọng trong lịch sử Việt Nam, phản ánh cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc Việt Nam chống lại sự chiếm đóng của giặc ngoại xâm, đồng thời đánh dấu sự chuyển giao sang thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam. Không những thế, thành công của cuộc Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam còn có ý nghĩa quốc tế, bởi lẽ đây là một trong những phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đầu tiên trên thế giới. Đối với phong trào cách mạng Đông Dương cũng như thế giới, Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng."

Nhà sử học Charles Fournieau cũng bày tỏ lòng kính trọng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại- người anh hùng giải phóng dân tộc, người đã dành cả cuộc đời mình để lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Tại Pháp, không chỉ các nhà nghiên cứu, nhà sử học biết đến lịch sử Việt Nam, mà nhiều người, công tác trên các lĩnh vực khác nhau, nhất là những người được sinh ra trong những năm 1930-1940 thì càng hiểu nhiều về Việt Nam, về cuộc Cách mạng tháng Tám lịch sử của nhân dân ta. Một trong những con người mà chúng tôi muốn nói tới là ông Roger Michel, nay đã ngoài 70, nhưng vẫn tham gia công tác đối ngoại của Trường Đại học công nghệ Toulon, nơi có khá nhiều sinh viên Việt Nam đang theo học. Năm 1960, ông đã đến Việt Nam, và sau này cũng có những dịp tới thăm Việt Nam. Chính vì sự quan tâm này mà ông Roger hiểu khá nhiều về cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ của nhân dân Việt Nam chống giặc ngoại xâm để giành lại độc lập tự do cho dân tộc mình. Ông cho biết là đến nay, ông vẫn nhớ những kỷ niệm về Việt Nam: "Phong trào kháng chiến của nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhằm đem lại tự do độc lập cho dân tộc sau thời kỳ bị áp bức, thuộc địa. Cuộc Cách mạng tháng Tám đã đưa Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới. Chỉ có cuộc cách mạng đó mới đưa Việt Nam và nhiều nước thuộc địa khác trên thế giới thoát khỏi sự áp bức. Dân tộc Việt Nam đáng tự hào về lịch sử cách mạng của mình. Nhân dân Việt Nam chủ động đứng lên làm cách mạng để tự giải phóng khỏi ách nô lệ".

Cùng chung nhận xét với nhà sử học Charles Fournieau, ông Roger Michel khẳng định: sự kiện cách mạng tháng Tám và ngày 2/9/1945 không chỉ đánh dấu một mốc lớn đối với Việt Nam mà có ý nghĩa lớn đối với nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới. Thành công của cuộc cách mạng tháng Tám dẫn đến ngày tuyên bố độc lập 2/9/1945 ở Việt Nam, mở đầu cho cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa thời bấy giờ. Nhân dân Việt Nam đã không ngừng đấu tranh và các bạn đã chiến thắng. Chúng tôi vô cùng cảm phục tinh thần đấu tranh và những thành quả mà các bạn đạt được".

Ông Daniel Mass, Chủ tịch Hội hữu nghị vùng Côte d'Or ủng hộ làng Vân Canh ở Việt Nam, năm nay ngoài 70 tuổi, đã đến Việt Nam năm 1990, cũng có những cảm nhận sâu sắc về sự kiện lịch sử đầy ý nghĩa của dân tộc ta: "Thành công của cuộc cách mạng tháng Tám 1945 của nhân dân Việt Nam đứng lên giành lại độc lập tự do cho dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mang nhiều ý nghĩa to lớn. Dân tộc Việt Nam đã phải chịu áp bức trong nhiều năm. Họ đã kiên cường đấu tranh để giành lại độc lập tự do cho dân tộc mình. Họ đã đạt được điều đó. Ngay sau thành công của cách mạng tháng Tám 1945 tại Việt Nam, nhiều dân tộc bị áp bức khác trên thế giới cũng nổi dậy đấu tranh chống áp bức, đòi lại tự do cho dân tộc".

Đại sứ Campuchia tại Việt Nam, ông Long Kem thì cho rằng, Cách mạng tháng Tám đã mở ra một thời kỳ mới cho Việt Nam, đó là kỷ nguyên độc lập, tự do, thoát khỏi ách đô hộ của nước ngoài như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Việt Nam tiến hành Cách mạng tháng 8 và lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2/9/1945 là cơ hội để nhân dân Việt Nam phát triển đất nước trong thời kỳ thoát khỏi ách đô hộ của thực dân.

Cách mạng tháng 8 của Việt Nam đã tạo ảnh hưởng lớn đến phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa trên toàn thế giới. Các dân tộc bị thực dân áp bức, bóc lột đã đứng dậy giành độc lập, chủ quyền, tự do, thoát khỏi ách đô hộ của thực dân cũ và mới cũng là do Cách mạng Tháng Tám của Việt Nam. Đối với nhân dân Campuchia, do thực dân đã mất chỗ dựa ở Việt Nam nên Campuchia cũng có điều kiện để tiến hành đấu tranh. Quốc vương Norodom Shihanouk đã nỗ lực lãnh đạo phong trào đấu tranh chống thực dân cho tới khi giành được thắng lợi cho Tổ Quốc. Cách mạng tháng Tám của Việt Nam đã làm suy yếu thực dân, tạo điều kiện cho hai nước láng giềng là Campuchia và Lào đấu tranh giành thắng lợi. Đại biện lâm thời sứ quán Cuba tại Việt Nam Gabriel Perez Tarrau: Cách mạng tháng Tám đã thể hiện khát vọng tự do và công lý của các dân tộc thuộc địa và là minh chứng đánh dấu chấm hết của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 của nhân dân Việt Nam và bản Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại có một ý nghĩa vô cùng to lớn đối với phong trào giải phóng

dân tộc và giải phóng thuộc địa trên thế giới. 60 năm trước, thế giới đang ở giai đoạn cuối của chiến tranh thế giới thứ hai mà nguyên nhân của nó là tính hiếu chiến và tham vọng bá chủ của các cường quốc trên thế giới. Phát-xít Đức sụp đổ và sau đó phát-xít Nhật đầu hàng đặt ra cho nhân loại câu hỏi: định hướng mới của chính sách đối ngoại và cấu trúc mới của quan hệ quốc tế là gì? Thời kỳ này, các cường quốc thực dân Châu Âu tập trung củng cố sự thống trị của chúng tại các khu vực thuộc địa bị suy yếu trong chiến tranh và tiếp tục vơ vét của cải qua quá trình bóc lột các dân tộc bị áp bức.

Trong bối cảnh này, đã đến lúc các dân tộc thuộc địa vạch ra mục tiêu làm chủ vận mệnh của mình. Như lịch sử chứng minh, độc lập và chủ quyền không phải là một món quà mà người ta phải đấu tranh để giành lấy và sau khi đã có độc lập và chủ quyền thì lại phải quyết tâm bảo vệ nó. Cách mạng tháng Tám đã thể hiện khát vọng tự do và công lý của các dân tộc thuộc địa, là tấm gương và nguồn động viên đối với các dân tộc thuộc địa và là minh chứng đánh dấu chấm hết của chủ nghĩa đế quốc thực dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Cách mạng tháng Tám đã đạt được thành công lớn là không chỉ giành độc lập cho dân tộc mà đã chấm dứt chế độ bóc lột, mang lại hạnh phúc, ấm no cho nhân dân Việt Nam.

Giáo sư Aleksandr Sokolovsky, Trường khoa nghiên cứu các nước Nam Á và Đông Nam Á, Trường Đại học Tổng hợp Viễn Đông, Giám đốc Trung tâm văn hóa Việt Nam duy nhất ở Liên bang Nga nói: “Theo tôi, cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự hình thành của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có ý nghĩa rất to lớn. Động lực thúc đẩy cuộc Cách mạng này chính là tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân. Mục đích của Cách mạng tháng Tám trước hết là nhiệm vụ giải phóng đất nước khỏi những kẻ ngoại xâm - thực dân Pháp và quân phiệt Nhật. Khi cuộc cách mạng thắng lợi, những từ chính yếu nhất trong bản tuyên ngôn độc lập chính là "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Bản thân cuộc cách mạng đã diễn ra không phải dưới khẩu hiệu của chủ nghĩa Mác xít "vô sản các nước liên hiệp lại" mà là "Độc lập - tự do - hạnh phúc". Tôi không hình dung điều gì sẽ đến với Việt Nam nếu không có cuộc cách mạng này, thậm chí khái niệm Việt Nam thống nhất cũng sẽ không tồn tại. Thời Pháp chỉ có nước An Nam và Đông Dương. Có thể nói, Cách mạng tháng Tám đã mở ra một trang sử mới, một kỷ nguyên mới trong lịch sử Việt Nam".

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã ảnh hưởng lớn tới sự nghiệp giải phóng của các dân tộc khác ở Nam Á và Đông Nam Á. Trước tấm gương tích cực của Việt Nam, năm 1946, Ấn Độ đã được giải phóng khỏi sự thống trị của Anh Quốc. Năm 1949, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa được hình thành. Sau đó, các dân tộc khác ở Châu Á cũng dần dần được giải phóng như Miến Điện, Indonesia, Philippines, Triều Tiên. Có thể nói, tấm gương của Việt Nam rất ấn tượng với các dân tộc, các nước lân cận trong sự nghiệp giải phóng khỏi ách thuộc địa.

Có một điều chắc chắn rằng, việc Hồng quân Liên Xô đập tan phát-xít Đức và quân phiệt Nhật cùng với sự chấm dứt cuộc chiến tranh thế giới thứ hai ở Thái Bình Dương chính là sự cổ vũ to lớn đối với Cách mạng tháng Tám của nhân dân Việt Nam./.

Theo VOV

Cách mạng tháng Tám qua con mắt bạn bè quốc tế //Theo VOV. <http://www.cpv.org.vn>

Sức mạnh Tháng Tám

Có bao nhiêu trong số hàng vạn người tham gia diễu hành tại Quảng trường Ba Đình ngày 2.9 năm nay đã từng tham dự lễ Tuyên ngôn Độc lập 60 năm về trước? Không chắc chúng ta có thể biết được chính xác, nhưng chắc chắn là những người như vậy chỉ còn đếm được trên đầu ngón tay. Sau một vòng quay của thời gian, đa số những người làm nên Cách mạng Tháng Tám đã ra đi. Ở lại với đất nước là thành quả của họ về dân tộc độc lập, về xã hội dân chủ và tự do. Ở lại là những lá cờ đỏ sao vàng vẫn còn cháy mãi khôn người giữa đất trời.

Cách mạng Tháng Tám trước hết là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Tinh thần yêu nước thương nòi đã gắn kết tất cả mọi người Việt Nam lại xung quanh Mặt trận Độc lập Đồng minh (Việt Minh). Việt Minh đã trở thành biểu tượng của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc nên đã tập hợp được tất cả mọi người Việt Nam. Chúng ta ngày ấy (cũng như bây giờ) có thể có chính kiến khác nhau, có thể có niềm tin khác nhau, nhưng tình yêu đất nước và lòng tự hào dân tộc thì không bao giờ khác. Những giá trị không bao giờ khác đó chính là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc, là sức mạnh vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám. Cách mạng cần nguồn sức mạnh đó để thắng lợi, cách mạng cần mười lần hơn thế nguồn sức mạnh đó để bảo vệ thành quả của mình. Lịch sử đã cho thấy máu xương phải đổ ra để làm nên Cách mạng Tháng Tám là rất lớn, nhưng để bảo vệ lý tưởng của Cách mạng Tháng Tám thì lớn hơn rất nhiều lần.

Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng dân chủ. Đây là cuộc cách mạng xác lập nên nền dân chủ cộng hoà đầu tiên ở nước ta. Dân chủ cộng hoà có nghĩa là quyền lực thuộc về nhân dân. Những ông vua cha truyền con nối được thay thế bằng những người cầm quyền được nhân dân bầu lên với một nhiệm kỳ nhất định và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân. Không ai đương nhiên có quyền và không ai có quyền mãi mãi, trừ nhân dân. Cách mạng Tháng Tám làm say mê lòng người chính là vì những tư tưởng dân chủ nói trên. Đó là lý do giải thích tại sao rất nhiều nhân sĩ trí thức đã đi theo và phấn đấu trọn đời cho lý tưởng của cách mạng. Dân chủ cũng là đòi hỏi của thời đại. Điều đó đã được thấy rõ không chỉ bởi những người làm cách mạng, mà cả bởi vị vua cuối cùng của nền phong kiến Việt Nam. Cách mạng Tháng Tám còn là cuộc cách mạng đề cao quyền tự do của con người. Không phải ngẫu nhiên mà Tuyên ngôn Độc lập đã được Hồ Chủ tịch bắt đầu bằng những lời trích dẫn: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Ghi nhận các quyền của con người chính là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để biến những thân dân trở thành những công dân. Cách mạng Tháng Tám đã làm điều đó. Và các quyền tự do dân chủ của người dân đã được ghi nhận trong bản hiến pháp đầu tiên của đất nước ta - Hiến pháp 1946.

60 năm đã trôi qua. Động lại trong biển cờ đỏ thắm hôm nay không chỉ là ước vọng, niềm tin, mà còn là máu của bao thế hệ người Việt Nam đổ xuống cho những lý tưởng cao đẹp của Cách mạng Tháng Tám. Động lại là lời kêu gọi phải phấn đấu vì một đất nước Việt Nam độc lập, tự do, dân chủ và giàu mạnh.

Theo TS Nguyễn Sĩ Dũng, Báo Lao động ngày 1/9/2005

Sức mạnh Tháng Tám / Theo TS Nguyễn Sĩ Dũng// Báo Lao động ngày 1/9/2005

Phát huy tinh thần Cách mạng Tháng Tám 1945 và Quốc khánh 2/9 trong sự nghiệp đổi mới hiện nay

Những ngày này 60 năm về trước, nhân dân ta đang sống trong những thời khắc biến đổi cực kỳ trọng đại của lịch sử dân tộc. Chỉ trong vòng hai tuần, từ ngày 14 đến 28/8/1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, “con bão táp” cách mạng đã bùng lên trên cả nước lật nhào ách thống trị tàn bạo của phát-xít Nhật, giành lại quyền độc lập cho dân tộc đã bị đế quốc phát-xít tước đoạt và chà đạp hơn 80 năm, đánh đổ nền quân chủ lỗi thời, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ lên địa vị những người làm chủ, thành lập Nhà nước Cộng hòa Dân chủ, mở đường cho đất nước ta phát triển theo con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội sau này. Cách mạng Tháng Tám 1945 không những đổi đời cho dân tộc Việt Nam mà còn giáng đòn nặng nề vào hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Về ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.

Năm tháng trôi qua, dù thời cuộc có những biến động, song những giá trị, tầm vóc lịch sử và những bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám ngày càng được khẳng định và có ý nghĩa sâu sắc đối với công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Thứ nhất, đường lối cứu nước và sự lãnh đạo đúng đắn, chủ động sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân tố quan trọng nhất quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945.

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt trọng đại của Cách mạng Việt Nam. Chánh cương, sách lược vắn tắt của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã xác định nhiệm vụ: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”. Đường lối chính trị đó sát hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, hướng vào giải quyết mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của một xã hội thuộc địa, kết tinh trí tuệ và khát vọng giải phóng dân tộc của đồng bào ta, phù hợp với sự biến chứng của lịch sử, với nội dung và xu thế phát triển của thời đại.

Tháng 9/1939, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Ở Đông Dương, chính quyền thuộc địa thi hành chính sách phát-xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản. Trước sự tồn vong của vận mệnh dân tộc, từ những nhận thức đúng đắn về vấn đề dân tộc, về tầm quan trọng và tính cấp thiết của cách mạng giải phóng dân tộc, từ những kiểm nghiệm trong thực tiễn đấu tranh qua các cao trào 1930-1931, 1936-1939, Đảng ta đã đề ra và thực hiện quyết sách chuyển xoay vận nước: đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11/1939 chủ trương “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng; kể cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào mục đích ấy mà giải quyết”, “Công nông phải đưa cao cờ dân tộc lên”. Hội nghị Trung ương tháng 11/1939 đánh dấu bước mở đầu quan trọng chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Tiếp theo dòng mạch đổi mới tư duy chính trị sáng suốt đó, Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương do Nguyễn Ái Quốc chủ trì (5/1941) đã khẳng định: “Sự thay đổi về kinh tế, chính trị Đông Dương, sự thay đổi thái độ, lực lượng các giai cấp Đông Dương, buộc Đảng ta phải thay đổi chính sách cách mạng cho phù hợp với nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân Đông Dương cho phù hợp với tình hình thay đổi, Đảng ta phải có một chính sách thích hợp với thực trạng ấy, mới chỉ dẫn cách mạng đi đến thắng lợi chắc chắn được”, “nhiệm vụ giải phóng dân tộc độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta và

của Cách mạng Đông Dương (...) cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”. Đây là sự phát triển hoàn thiện và cụ thể hóa tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc về tư duy chính trị, thể hiện rõ trí tuệ và bản lĩnh của Đảng ta trước những biến động của thời cuộc.

Như vậy, qua các Hội nghị Trung ương từ tháng 11/1939 đến tháng 5/1941, Đảng ta và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, bao gồm một hệ thống các quan điểm, chủ trương và biện pháp rất năng động và sáng tạo. Từ chủ trương thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ phản đế và phản phong đến thực hiện một nhiệm vụ cấp bách, trước mắt là giải phóng dân tộc; đặt vấn đề dân tộc lên trên hết, trước hết. Đó là thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi lấy tên là Mặt trận Việt Minh tập hợp vào các tổ chức Cứu quốc đồng đảo các giai tầng trong xã hội, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, đảng phái..., dưới lá cờ đỏ sao vàng, với một chương trình thống nhất nhằm mục tiêu “đấu tranh thực hiện vấn đề độc lập cho đất nước”. Mặt trận Việt Minh chính là tiền thân tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, là ý chí là quyết tâm “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Đó là chủ trương xây dựng lực lượng chính trị và phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng, phát động các phong trào đấu tranh chính trị đều khắp ở cả miền núi và nông thôn, đồng bằng và thành thị, tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền.

Đảng ta cũng sớm chỉ ra phương hướng phát triển của cuộc vận động khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trên cơ sở tích cực chủ động chuẩn bị lực lượng, thực hiện khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương tiến lên một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn giành chính quyền toàn quốc. Trong khi chú trọng vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc, phát huy tinh thần tự lực, không trông chờ ỷ lại, Đảng ta và lãnh tụ Hồ Chí Minh luôn gắn cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa phát-xít, tranh thủ tối đa nguồn trợ lực và điều kiện thuận lợi từ bên ngoài để giành thắng lợi, đồng thời chủ động tránh các khó khăn nảy sinh do tình hình thế giới đưa lại.

Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc trên đây của Đảng luôn được bổ sung và cụ thể hóa bằng những Nghị quyết, Chỉ thị mới, đặc biệt là Chỉ thị lịch sử “Nhật - Pháp bán nhau và hành động của chúng ta” của Thường vụ Trung ương ngày 12/3/1945. Đường lối cứu nước của Đảng đi vào quần chúng đã thức tỉnh tinh thần yêu nước, ý chí, nghị lực và sức mạnh của quảng đại nhân dân, tạo nên phong trào đấu tranh sôi động từ Bắc tới Nam, cả dân tộc ta trở thành một đội quân cách mạng rộng lớn, được rèn luyện, tự nguyện vùng dậy đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với lực lượng to lớn đó, khi thời cơ thuận lợi nhất xuất hiện, Đảng ta đã kịp thời phát động toàn thể quốc dân đồng bào đứng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong toàn quốc nhanh chóng, ít đổ máu. Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 là một mẫu mực về nghệ thuật khởi nghĩa theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và phù hợp với tình thế và hoàn cảnh cách mạng nước ta.

Thực tiễn vận động và thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 đã khẳng định một chân lý: có đường lối đúng được hoạch định trên cơ sở tư duy chính trị khoa học, lý luận cách mạng và thực tiễn sinh động của xã hội, đất nước, đường lối đó được phát triển, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện một cách sáng tạo là một đảm bảo chắc chắn cho thắng lợi của cách mạng. Đó là một bài học lịch sử chủ yếu của Cách mạng Tháng Tám 1945 và có ý nghĩa sâu sắc đối với công cuộc đổi mới của nhân dân ta hiện nay.

Thứ hai, cần khẳng định tầm vóc ý nghĩa lịch sử và thời đại của Cách mạng Tháng Tám; đồng thời khẳng định kinh nghiệm lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng trong khởi nghĩa giành chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám đã xóa bỏ vĩnh viễn chế độ thực dân, phong kiến, xây dựng nhà nước dân chủ cộng hòa - nhà nước cách mạng kiểu mới ở Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - Kỷ nguyên độc lập tự do tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Tám khẳng định xu thế phát triển của dân tộc Việt Nam trong thời đại mới. Giải phóng dân tộc ta khỏi gông cùm nô lệ cũng là giải phóng những tiềm năng to lớn để đưa đất nước đi vào quỹ đạo phát triển của thời đại mới: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chính ở đây, chúng ta nhận thấy mối liên hệ mật thiết về lý luận và lịch sử giữa chủ nghĩa Mác -

Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữa Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917 với Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. Chủ nghĩa Mác – Lênin, đặc biệt là học thuyết Lênin về quyền tự quyết của các dân tộc, về khả năng cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi ở các nước lạc hậu, chậm phát triển, về Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo trong thực tiễn cách mạng

Việt

Nam.

Thời đại mới do Cách mạng Tháng Mười mở ra, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đã soi sáng con đường phát triển của cách mạng nước ta. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã mở đường cho dân tộc ta đi tới tương lai. Độc lập dân tộc là tiền đề đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội trở thành nhân tố đảm bảo đầy đủ, triệt để nhất cho độc lập dân tộc. Giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân đã gắn liền một cách tất yếu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Đây chính là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, là phát triển khoa học sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh là dòng chủ đạo, xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã minh chứng sinh động cho tư tưởng lớn lao đó của Người. Với Việt Nam, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một thời đại mới - thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc ta, thời đại Hồ Chí Minh, thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Sau Cách mạng Tháng Tám, dân tộc Việt Nam tiếp tục lập nên nhiều kỳ tích: chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu 1954, đại thắng mùa xuân 1975 quét sạch quân ngoại xâm, thu giang sơn về một mối, những thành tựu quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, chủ động tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Sức cổ vũ từ chân lý lớn của thời đại “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, “không có gì quý hơn độc lập tự do” mà Hồ Chí Minh và Đảng ta là người thể hiện sinh động đã đem lại cho dân tộc ta sức mạnh đánh thắng hai đế quốc to, chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới, đưa dân tộc ta vào hàng ngũ các dân tộc tiên phong của thế giới. Với Cách mạng Tháng Tám và các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân ta đã dũng cảm hy sinh đánh đuổi giặc ngoại xâm vì nền độc lập dân tộc của Tổ quốc. Trong hòa bình xây dựng, kiến thiết chế độ mới và nhất là trong công cuộc đổi mới hiện nay nhân dân ta đang phát huy truyền thống cách mạng, nêu cao tài năng sáng tạo để chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, xây dựng một nước Việt Nam mới giàu mạnh, văn minh và hiện đại.

Cách mạng Tháng Tám để lại những kinh nghiệm, những bài học cho các thời kỳ cách mạng tiếp theo. Đó là kinh nghiệm xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kinh nghiệm dựa vào lực lượng của dân, tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, lựa chọn phương pháp cách mạng đúng đắn, về phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường, về tính chủ động, năng động và sáng tạo trong lãnh đạo cách mạng, v.v...

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Đảng Cộng sản Việt Nam, người lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc được nhân dân Việt Nam thừa nhận là Đảng cầm quyền, lần đầu tiên ở Việt Nam, Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo xã hội, lãnh đạo Nhà nước. Sứ mệnh đó của Đảng là hệ quả tất yếu của quá trình Đảng đã vì lợi ích của giai cấp, của dân tộc mà chiến đấu hy sinh. Ngoài lợi ích của giai cấp, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác. Qua các cao trào cách mạng, biết bao nhiêu những đảng viên ưu tú của Đảng đã hy sinh anh dũng vì sự nghiệp tự do, độc lập của dân tộc, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả. Sau Cách mạng Tháng Tám, đất nước ta chuyển sang thực hiện mục tiêu giành độc lập, thống nhất hoàn toàn và đi lên chủ nghĩa xã hội. Tính tất yếu khách quan đó càng khẳng định vai trò và trách nhiệm cầm quyền của Đảng ta. Đảng vừa phải lãnh đạo toàn dân tộc tiến hành những cuộc kháng chiến thần thánh, bảo vệ vững chắc sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia vừa tạo dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, giàu mạnh, công bằng, dân chủ và văn minh.

Cách mạng Tháng Tám còn có ý nghĩa quốc tế và thời đại to lớn và sâu sắc. Đó là một sự kiện trọng đại của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trong thế kỷ 20; phá tung một mắt xích quan trọng và thúc đẩy sự tan rã không thể cứu vãn nổi của hệ thống thuộc địa; mở đầu quá trình sụp đổ của chế độ thực dân cũ tàn bạo; cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đấu tranh giành tự do, độc lập, giải phóng dân tộc, giải phóng con

người. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là minh chứng hùng hồn về sức sống mãnh liệt của Chủ nghĩa Mác- Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, bổ sung, làm giàu thêm kho tàng lý luận cách mạng của nhân loại trong thực tiễn đấu tranh chống nô dịch dân tộc, áp bức giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Cách mạng Tháng Tám với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã góp phần gia tăng sức mạnh của các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh gian khổ ngăn chặn chiến tranh; bảo vệ hòa bình thế giới, chống các thế lực phản động và xâm lược.

Với những ý nghĩa lịch sử lớn lao đó, Cách mạng Tháng Tám 1945 được Đại hội IX của Đảng (4/2001) khẳng định là một trong những “chiến công hiển hách và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại của dân tộc Việt Nam” trong thế kỷ 20.

Thứ ba, Cách mạng Tháng Tám đem lại cho Đảng ta kinh nghiệm lãnh đạo xây dựng và bảo vệ Nhà nước cách mạng, từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân trong tiến trình đổi mới.

Thành tựu vĩ đại nhất của Cách mạng Tháng Tám 1945 là sự ra đời của Nhà nước Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân do Đảng lãnh đạo. Lênin đã từng chỉ rõ: “Chính quyền nhà nước là vấn đề cơ bản và chủ yếu nhất của mọi cuộc cách mạng”. Bước vào cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc 1939 - 1945, Đảng ta và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã sớm làm rõ sự thống nhất trong mục tiêu giành độc lập cho dân tộc và giành chính quyền về tay nhân dân và đã đi đến lựa chọn hình thức chính quyền nhà nước thích hợp là Nhà nước Dân chủ cộng hòa. Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương (5/1941) chỉ rõ: “Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật, sẽ thành lập một Chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lấy cờ ngôi sao vàng năm cánh làm cờ toàn quốc. Chính phủ ấy do quốc dân đại hội cử ra”. Đó là sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể của xã hội Việt Nam, là sự phát triển sáng tạo của Đảng và Bác Hồ trong học thuyết Mác - Lênin về cách mạng và Nhà nước.

Theo chủ trương đó, ngay trong đêm trước của Tổng khởi nghĩa, Quốc dân Đại hội họp tại Tân Trào (16/8/1945) đã cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng như một hình thức Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam mới và thông qua 10 chính sách về đối nội, đối ngoại để thực thi ngay sau khi giành được chính quyền trong cả nước. Ngày 28/8/1945, tại Hà Nội, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời. Một số ủy viên Việt Minh đã tự nguyện rút lui khỏi Chính phủ, để nhường chỗ cho các thành phần khác; thể hiện đường lối đại đoàn kết toàn dân, hòa hợp dân tộc, tăng cường sức mạnh dân tộc cho chế độ mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể khẳng định: Nhà nước cộng hòa dân chủ, thành quả vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám, là mô hình tổ chức một nhà nước thuộc về “dân chúng số nhiều”, một cơ cấu hiện thân của khối đại đoàn kết dân tộc, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Sau Cách mạng Tháng Tám, ngày 6/1/1946, nhân dân cả nước bầu Quốc hội khóa I với 333 đại biểu. Ngày 2/3/1946, kỳ họp Quốc hội đã cử Chính phủ chính thức. Nhân dân cũng đã bầu hội đồng nhân dân để lập chính quyền các cấp ở địa phương. Ngày 9/1/1946, Quốc hội thông qua Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Việt Nam. Nhà nước của dân, do dân và vì dân đã được xây dựng và củng cố trên thực tế và cơ sở pháp lý, Nhà nước cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã tổ chức thắng lợi hai cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại, giành độc lập thống nhất hoàn toàn, tổ chức công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội suốt 60 năm qua. Thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã quan tâm tới việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước, đổi mới hệ thống chính trị theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội VI của Đảng (12/1986) đã xác định rõ hơn chức năng nhiệm vụ của Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi cơ chế quản lý và cơ cấu kinh tế: “Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chức năng của Nhà nước là thể chế hóa bằng pháp luật quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động và quản lý kinh tế - xã hội theo pháp luật, Nhà nước phải bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân lao động”. Đại hội cũng nhấn mạnh việc xây dựng bộ máy Nhà nước gọn nhẹ, có chất lượng cao với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, có năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Thực hiện chủ trương đó của Đảng, hoạt động của Nhà nước từ 1987 đã chú trọng xây dựng hệ thống pháp

luật, quản lý kinh tế - xã hội bằng pháp luật, thực hiện vai trò quản lý vĩ mô. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/ 1991) đã thông qua Cương lĩnh *Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trong đó nhấn mạnh: “Là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, nước ta phải có quyền lực và khả năng định ra pháp luật và tổ chức Nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan pháp luật để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước theo hướng: Tổ chức hoạt động của bộ máy quản lý Nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương”. Hội nghị lần thứ 2 (12/1991) và lần thứ 8 (1/1995) Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã bàn về đổi mới, lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính nhà nước.

Từ thực tiễn của công cuộc đổi mới nhất là quá trình xây dựng và thực hiện sự quản lý, điều hành của Nhà nước, Đại hội VII của Đảng (6/1996) chủ trương tiếp tục cải cách bộ máy Nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước theo quan điểm: “Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, và tư pháp. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước”. Triển khai Nghị quyết của Đại hội, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (6/1997) ra Nghị quyết về Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh. Tiếp đó, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII chủ trương tiếp tục hoàn thiện bộ máy Nhà nước trong tổng thể bộ máy của hệ thống chính trị, coi cải cách hành chính là nhiệm vụ thường xuyên, tích cực tinh giảm biên chế hành chính...

Có thể khẳng định, xây dựng Nhà nước pháp quyền, nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân luôn là mối quan tâm hàng đầu của Đảng ta trong lãnh đạo Nhà nước và xã hội ở thời kỳ đổi mới. Chính vì thế, Nhà nước ta càng được tăng cường và hoàn thiện theo tinh thần đổi mới và dân chủ hóa, theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền. Quốc hội thật sự có vai trò to lớn trong xây dựng hệ thống pháp luật, quyết định những vấn đề lớn của đất nước; chính phủ và chính quyền các cấp ngày càng quản lý, điều hành có hiệu quả mọi mặt của đời sống xã hội. Đại hội IX của Đảng (4/2001) đánh giá thành tựu 15 năm đổi mới đã khẳng định: “Nhà nước tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện, nền hành chính được cải cách một bước”. Thành tựu đó thể hiện sự phát triển, trưởng thành của Nhà nước ta, đánh dấu sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về Nhà nước.

Tuy nhiên, Nhà nước ta vẫn còn nhiều mặt hạn chế cần phải khắc phục. Đó là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong bộ máy nhà nước còn nghiêm trọng, kỷ cương, pháp chế còn bị buông lỏng; tổ chức bộ máy nhà nước còn chồng chéo, thiếu khoa học, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... Tình trạng đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải nỗ lực đẩy mạnh công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với lộ trình và bước đi cụ thể đến các mặt: chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và công chức, phương thức hoạt động, tạo bước chuyển rõ rệt về cải cách hành chính, phát huy dân chủ, ngăn chặn, đẩy lùi quốc nạn quan liêu tham nhũng, lãng phí, để Nhà nước ta trở thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là Nhà nước của dân, do dân và vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.

Theo PGS. TS Tô Huy Rứa

Phát huy tinh thần Cách mạng Tháng Tám 1945 và Quốc khánh 2/9 trong sự nghiệp đổi mới hiện nay/ Theo PGS. TS Tô Huy Rứa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Báo //Nhân Dân cuối tuần ngày 28/8/2005.

Cách mạng tháng Tám 1945 mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, nhân dân ta đã làm nên biết bao kỳ tích rất đáng tự hào. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và giành nhiều thắng lợi vẻ vang. Trong những thắng lợi đó, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta, không những có ý nghĩa trọng đại đối với nước ta mà còn có ý nghĩa quốc tế sâu sắc.

Như mọi người đều biết, ngày 6/6/1884 Triều đình nhà Nguyễn phải ký Hiệp ước Patenotre cam chịu đầu hàng, nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.

Trước thảm họa mất nước, khắp nơi nổ ra *nhiều cuộc đấu tranh oanh liệt của nhân dân ta*. Nhưng tất cả những cuộc nổi dậy oanh liệt ấy đều bị chìm trong biển máu. Nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước nói trên đều có quan hệ đến đường lối cứu nước. Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước chỉ được khắc phục từ khi Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cách mạng vô sản và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta.

Ngày 8/2/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước và sau đó, Người đã khẩn trương chuẩn bị Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm xác định nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta. Căn cứ vào hoàn cảnh lúc bấy giờ, Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã xác định: "Cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng".

Đây là một sự chuyển hướng chiến lược hết sức sáng suốt của Đảng ta nhằm tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được vào Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để đánh đổ Nhật, Pháp và bè lũ tay sai, giành cho được độc lập dân tộc, tạm gác nhiệm vụ điền địa. Vì "trong giai đoạn hiện tại ai cũng biết rằng nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được". Tuy tạm gác cách mạng ruộng đất nhưng Đảng ta vẫn đề ra nhiệm vụ tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày, giảm tô giảm tức, chia lại công điền một cách công bằng hơn.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, Nguyễn Ái Quốc viết thư kêu gọi đồng bào cả nước: "Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng... việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kè vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề".

Để xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, ngày 19-5-1941, Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) được thành lập. Chương trình cứu nước của Việt Minh lập tức được đông đảo nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ. Dưới ngọn cờ cứu nước của Việt Minh, phong trào cách mạng phát triển hết sức nhanh chóng vì đáp ứng được nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân là phải đánh đuổi Nhật - Pháp giành cho được độc lập dân tộc.

Cùng với việc xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng thông qua phong trào Việt Minh, Đảng ta đã chú ý xây dựng lực lượng vũ trang. Tại các nơi có phong trào đã tổ chức ra các đội tự vệ chiến đấu.

Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã quyết định xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng căn cứ địa vũ trang trước hết là căn cứ địa Cao Bằng và căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai tạo ra căn cứ địa Việt Bắc vững chắc làm chỗ dựa cho cách mạng cả nước, tạo điều kiện cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Như vậy lực lượng vũ trang, bán vũ trang của Đảng ra đời ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các chiến khu cách mạng. Đội du kích Ba Tơ ra đời từ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, tiêu biểu cho sự hình thành lực lượng vũ trang cách mạng ở Trung Bộ. Sau khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), nhiều đội tự vệ ra đời ở hầu khắp các thôn xóm.

Cao trào kháng Nhật cứu nước là thời kỳ tiền khởi nghĩa - thời kỳ chuẩn bị khẩn trương về nhiều mặt cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám.

Ngày 13/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh. Tình thế vô cùng khẩn cấp, cơ hội cho nhân dân ta giành độc lập đã tới. Nhờ có sự trù liệu trước nên ngày 13/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương để giải giáp quân Nhật.

Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập. Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa truyền đi như hồi kèn xung trận. Giờ tổng khởi nghĩa đã đến!

Quốc dân Đại hội họp tại Tân Trào (16/8/1945). Đại hội tán thành chủ trương phát động tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào cả nước. Thư viết: "Giờ quyết định cho vận mệnh của dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"

Trong không khí sục sôi cách mạng, toàn dân Việt Nam triệu người như một đứng lên đập tan xiềng xích nô lệ, giành lấy chính quyền làm chủ vận mệnh đất nước.

Sáng ngày 19/8/1945, với khí thế cách mạng sục sôi, cả Hà Nội vùng dậy nhanh chóng giành được chính quyền.

Ở Huế ngày 23/8/1945, rồi ở Sài Gòn ngày 25/8/1945, cuộc khởi nghĩa đã thành công. Như vậy chỉ trong một thời gian ngắn, Cách mạng Tháng Tám đã thành công trong cả nước, chính quyền hoàn toàn về tay nhân dân.

Ngày 2/9/1945, tại Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Tuyên ngôn độc lập*: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Theo lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh toàn dân ta đã đoàn kết một lòng ra sức "chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm". Chiến công nối tiếp chiến công, thắng lợi nối tiếp thắng lợi, vượt qua muôn trùng gian khổ hy sinh, nhân dân ta đã giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành được độc lập, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Tám, 60 năm thành lập nước, chúng ta vô cùng phấn khởi trước thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân ta đạt được trong 20 năm đổi mới. Nhìn lại lịch sử đã qua, chúng ta thấy rõ hơn tầm vóc và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Tại cuộc hội thảo quốc tế với chủ đề "Việt Nam trong thế kỷ XX" được tổ chức tại Hà Nội tháng 9 năm 2000, khi thảo luận về Cách mạng Tháng Tám 1945 và ý nghĩa lịch sử của nó, tiến sĩ Sanomish Dashtsevel (Mông Cổ) nhận định: "Cách mạng Tháng Tám đã tạo điều kiện cho nhân dân Việt Nam làm chủ đất nước, giành được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám còn có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào giải phóng dân tộc và dân chủ ở các nước châu Á và trên thế giới".

Nhà sử học Pháp Charles Fourniau trong báo cáo kết quả thảo luận về Cách mạng Tháng Tám 1945 và ý nghĩa lịch sử của nó tại hội thảo quốc tế này đã đưa ra những kết luận hết sức xác đáng. Về nguyên nhân của thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, ông nói: "Đó là đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, là vai trò của Mặt trận Việt Minh

trong việc chuẩn bị lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, là sức mạnh đoàn kết và nghị lực sáng tạo của quần chúng cách mạng. Đặc biệt là vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đã chuyển hướng chỉ đạo giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đồng thời tiến hành từng bước cách mạng phản phong, thu hút được toàn thể các tầng lớp nhân dân đứng vào hàng ngũ của cách mạng".

Về ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Tám 1945, nhà sử học Pháp Fourniau nhấn mạnh: "Riêng ở khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, Cách mạng Tháng Tám đã biểu lộ tinh thần liên kết chống chủ nghĩa phát xít, giải phóng dân tộc. Nó được coi như một tiền đề dẫn đến sự đoàn kết tương trợ lẫn nhau nhằm xây dựng sự phồn vinh của khu vực Đông Nam Á - Thái Bình Dương hiện nay".

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã giành được thắng lợi trong toàn quốc từ Bắc chí Nam trong một thời gian ngắn. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của một cuộc khởi nghĩa chủ yếu bằng sức mạnh chính trị của nhân dân. Sức mạnh của các lực lượng vũ trang giữ một vị trí rất quan trọng làm tăng thêm sức mạnh chính trị và uy hiếp kẻ thù. Sức mạnh chính trị chính là lòng yêu nước, là ý chí và tinh thần cách mạng của nhân dân được tôi luyện qua lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc, đặc biệt là dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 thể hiện phương pháp cách mạng, tài tổ chức đầy mưu lược, tận dụng được thời cơ, vượt qua thách thức, chạy đua với thời gian lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành lấy chính quyền, đứng ở địa vị là chủ của đất nước Việt Nam mà tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật.

Đại hội quốc dân ở Tân Trào đã nhận định: Không phải Nhật bại là nước ta tự nhiên được độc lập. Nhiều sự gay go trở ngại sẽ xảy ra. Chúng ta phải khôn khéo và kiên quyết. Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính nhân dân hết sức sâu sắc.

Nếu có ai vì chưa hiểu rõ tiến trình chuẩn bị và sự chỉ đạo hết sức tài tình và trí tuệ của Đảng ta mà lại cho rằng, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là "quá dễ dàng", là "xô cánh cửa chính trị khép hờ", là "hứng của ngọt trời cho do thời cơ mang lại" là hoàn toàn sai lầm, là không thấy hết nguồn gốc sâu xa của thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Nhìn lại cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, chúng ta thấy rõ sự lãnh đạo của Đảng và của Bác Hồ kính yêu là nhân tố quyết định của thắng lợi. Nhân dân ta vừa vui sướng và tự hào kỷ niệm 75 năm thành lập Đảng và sắp tới kỷ niệm 60 năm thành lập nước trong không khí thi đua thành tích chào mừng Đại hội lần thứ X của Đảng.

Trong niềm vui phấn khởi tự hào, nhân dân ta nguyện đoàn kết một lòng, phát huy tinh thần khí phách của Cách mạng Tháng Tám, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hoàn thành nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh./

Cách mạng tháng Tám 1945 mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội /
Theo GS.VS. Nguyễn Duy Quý // Tạp chí Thông tin công tác tư tưởng lý luận tháng 8/2005

Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ý nghĩa to lớn đối với lịch sử dân tộc và thời đại

Trên nửa thế kỷ trước, cùng với chiến thắng của các nước đồng minh đánh tan chủ nghĩa phát xít đã gây nên cuộc thế chiến lần thứ hai đẫm máu, nhân dân Việt Nam đã nhất tề vùng lên đánh đổ ách thống trị của phát xít Nhật, làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công. Chỉ trong vòng hai tuần lễ, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã diễn ra trên khắp cả ba miền đất nước. Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã được ghi vào lịch sử của dân tộc Việt Nam như một trong những mốc son chói lọi nhất. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả đấu tranh lâu dài của nhân dân Việt Nam chống đế quốc thực dân, phát huy cao nhất truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc đã được hình thành qua hàng ngàn năm lịch sử. Từ khi những phát đại bác đầu tiên của các chiến hạm Pháp bắn vào Đà Nẵng năm 1858, mở đầu cho sự xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam, từ Hiệp ước Patenôtre năm 1884 mà triều đình phong kiến Việt Nam phải thừa nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên cả nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã liên tiếp nổi dậy chống thực dân đế quốc. Khi đất nước đã trở thành thuộc địa, thì thân phận nô lệ chẳng chừa một ai. Vì vậy, phong trào yêu nước đã lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân, từ miền Bắc đến miền Nam, từ miền xuôi đến miền ngược, từ các bậc sĩ phu quan lại chốn cung đình, kẻ chợ, đến những người cùng đinh nơi thôn dã, tham gia ngày càng đông đảo vào cuộc đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, chống thuốc phiện, rượu cồn, chống bắt phu bắt lính, chống đói nghèo, ngu dốt, chống bán giết, tù đày mà chủ nghĩa thực dân đế quốc đã dành cho họ. Có những phong trào cùng diễn ra trên nhiều địa phương và kéo dài trong nhiều năm như phong trào Văn thân nghĩa sĩ chống Pháp ở miền Nam (1860-1870), phong trào Cần Vương ở miền Trung (1885-1896). Ở miền Bắc thì nổi bật nhất là phong trào nghĩa quân Yên Thế (1885 - 1913), nghĩa quân Bãi Sậy (1885-1889). Các phong trào Đông Du (1904-1908), Duy Tân (1906-1908), Đông Kinh nghĩa thực (1907) cũng như hàng loạt các cuộc nổi dậy đã liên tiếp nổ ra ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ XX. Nhưng vì không có đường lối cách mạng đúng đắn và phương pháp cách mạng thích hợp, tất cả các cuộc nổi dậy đã bị chính quyền thực dân Pháp thẳng tay đàn áp. Tất cả các phong trào chống thực dân đế quốc đều bị thất bại. Không biết bao nhiêu người Việt Nam yêu nước đã bị bắn giết, cầm tù hay bị lưu đày biệt xứ. Cả đất nước Việt Nam như bị chìm trong đêm tối, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam như không có đường ra. Hồ Chí Minh đã xuất hiện đúng lúc cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam đang đòi hỏi kế thừa những truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tư duy độc lập vượt qua mọi lối mòn của những người đi trước, Hồ Chí Minh đã từ Việt Nam đi ra thế giới để xem các nước làm cách mạng ra sao rồi trở về cứu giúp đồng bào mình. Suốt 10 năm lặn lội trong phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, Người đã đi qua cả 4 châu lục Á, Âu, Phi, Mỹ, tìm hiểu tình hình các nước thuộc địa cũng như các nước tư bản đế quốc, nghiên cứu các cuộc cách mạng, các học thuyết và cuối cùng đã tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc ở chủ nghĩa Mác - Lê nin, bắt đầu từ những luận điểm của Lê nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xác định được con đường đi lên của cách mạng Việt Nam. Đó là con đường dài trải qua hai giai đoạn cách mạng - cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Mục tiêu đi tới phải là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lực lượng tiến hành cách mạng phải là lực lượng của toàn dân trên cơ sở liên minh công nông vững chắc. Cách mạng Việt Nam phải gắn bó với cách mạng thế giới, gắn với thời đại. Đó cũng là đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và đã được nhân dân Việt Nam chấp nhận. Đảng Cộng sản Việt Nam được Hồ Chí Minh rèn luyện và lãnh đạo đã thực sự đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, trở thành lực lượng tiên phong duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh từ lãnh tụ của Đảng đã trở thành lãnh tụ cả dân tộc. Những cao trào cách mạng 1930 - 1931 và 1936 - 1939 đã là những bước chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám về sau này. Bước vào những năm 40, khi tình hình thế giới và Việt Nam đã có nhiều biến đổi và Hồ Chí Minh sau 30 năm bôn ba ở nước ngoài đã trở về Tổ quốc để

cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, thì một cao trào cách mạng mới đã dâng lên mạnh mẽ chưa từng thấy trên cả nước. Dưới ngọn cờ của Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam từ năm 1941 đã đứng về phía đồng minh chống phát xít, đã trực tiếp có mối liên hệ với phe đồng minh ở phía Nam Trung Quốc, đã tổ chức và phát triển lực lượng rất nhanh chóng và đã giành được thắng lợi quyết định khi thời cơ đến. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là sự phối hợp hiếm thấy giữa cuộc đấu tranh giành độc lập của một dân tộc thuộc địa với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống phát xít, đặc biệt là với cuộc tấn công của phe đồng minh tiêu diệt chủ nghĩa phát xít để kết thúc cuộc Thế chiến lần thứ hai. Cách mạng Tháng Tám trước hết là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bởi vì nó đã kết thúc chế độ thuộc địa trên 80 năm của thực dân Pháp cũng như chế độ bóc lột cực kỳ tàn bạo của phát xít Nhật đã được áp đặt từ năm 1940 đến năm 1945 trên đất nước Việt Nam. Bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam đã chấm dứt cuộc đời nô lệ, đã đưa hai chữ Việt Nam trở lại trên bản đồ thế giới mà chủ nghĩa thực dân phát xít đã xoá bỏ suốt gần một thế kỷ. Đây thực sự là một cuộc cách mạng của dân tộc Việt Nam, được huy động lực lượng của toàn dân để tiến hành khởi nghĩa từng nơi, từng phần và đi đến đỉnh cao thắng lợi bằng cuộc Tổng khởi nghĩa toàn dân, toàn quốc vào Tháng Tám năm 1945. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 còn là một cuộc cách mạng dân chủ nhân dân, vì nó còn làm nhiệm vụ xoá bỏ chế độ phong kiến đã được thiết lập hàng nghìn năm ở Việt Nam, nhằm đem lại ruộng đất cho dân cày, dân chủ cho nhân dân. Nhà vua cuối cùng của chế độ phong kiến là Bảo Đại đã tuyên bố từ chức, trao ấn kiếm cho chính quyền cách mạng ngay trong những ngày sục sôi của Cách mạng Tháng Tám. Chính những mục tiêu dân tộc và dân chủ đã lôi cuốn các tầng lớp nhân dân Việt Nam, trước hết là công, nông và mọi người lao động chân tay và trí óc tham gia cách mạng, tạo nên lực lượng vô cùng to lớn để đưa cách mạng đến thắng lợi. Nhưng nhiệm vụ phản đế đã được đặt lên hàng đầu để tập trung lực lượng của cả dân tộc vào việc đánh đổ chế độ thực dân phát xít, còn nhiệm vụ phản phong kiến với nội dung là đem lại ruộng đất cho dân cày, dân chủ cho nhân dân lại được rải ra để làm, sau khi chính quyền cách mạng đã được thành lập. Cách mạng Tháng Tám là một bước ngoặt lịch sử, đã mở ra một thời đại mới ở Việt Nam, thời đại nhân dân Việt Nam làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của chính mình. Ngày 2-9-1945 nước Cộng hoà Dân chủ Việt Nam đã ra đời. Đại biểu cho cả dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định những tư tưởng về quyền con người đã được ghi trong bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 và bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp năm 1789 là "những tư tưởng bất hủ", những "lẽ phải không ai chối cãi được". Nhưng dân tộc có được độc lập thì con người mới có thể có tự do, hạnh phúc. Không thể có được quyền con người, quyền công dân khi quyền độc lập của dân tộc bị chà đạp. Con người ở đây phải là mọi người. Trước hết là những người lao động bị áp bức bóc lột chiếm đại bộ phận trong nhân dân Việt Nam. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc, những nội dung ấy đã gắn bó quyền của dân tộc với quyền con người, quyền công dân. Đó cũng là tư tưởng bất hủ mà Hồ Chí Minh đã đặt ra với cả thế giới ngay khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời và đứng vào hàng ngũ tiên phong của các dân tộc đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thực sự là một mũi đột phá vào khâu yếu nhất của chủ nghĩa thực dân, là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo giành được thắng lợi đầu tiên ở thế kỷ XX, với tinh thần "đem sức ta mà giải phóng cho ta", như Hồ Chí Minh đã xác định ngay từ khi Người mới tìm thấy con đường cứu nước. Cùng với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, là một đóng góp có ý nghĩa lịch sử của dân tộc Việt Nam vào việc mở ra một thời đại thắng lợi của độc lập dân tộc, của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Nhưng Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không phải là sự kết thúc, mà mới chỉ là sự mở đầu cho thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ sau Tháng Tám năm 1945 đã chứng thực điều đó. Nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam do Người đứng đầu, đã buộc phải chiến đấu chống thù trong giặc ngoài suốt 30 năm liền, vượt qua muôn trùng hiểm nguy, có khi như "ngàn cân treo sợi tóc" để bảo vệ nền độc lập mới giành được, bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ, vừa xây dựng, vừa chiến

đấu, để giành thắng lợi từng bước và đi đến thắng lợi cuối cùng. Phải 9 năm sau Cách mạng Tháng Tám với thắng lợi Điện Biên Phủ năm 1954, miền Bắc Việt Nam mới hoàn toàn được giải phóng. Nhân dân Việt Nam lại phải đi tiếp một chặng đường dài trên 20 năm nữa mới giải phóng được miền Nam với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, mới hoàn thành được sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc chiến đấu lâu dài của nhân dân Việt Nam, theo tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" của Hồ Chí Minh, đã góp phần quan trọng vào việc làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mở đầu cho sự thất bại của chủ nghĩa thực dân mới trong thế kỷ XX. Cùng với cuộc chiến đấu thắng lợi của Việt Nam, phong trào giải phóng dân tộc đã phát triển mạnh mẽ và rộng khắp. Chính vì vậy, đến năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã phải ra lời tuyên bố lên án và đòi phải xoá bỏ chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn thế giới. Từ đó đến nay, bằng những hình thức và phương pháp đấu tranh khác nhau, hàng trăm nước thuộc địa đã trở thành những nước độc lập dân tộc. Dù cho mức độ độc lập không giống nhau và việc củng cố nền độc lập rất khó khăn, phức tạp, nhưng ý thức về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia đã được nâng cao chưa từng thấy ở các nước vốn là thuộc địa và phụ thuộc. Chủ nghĩa thực dân dù dưới hình thức nào cũng không bao giờ còn được thế giới chấp nhận. Độc lập dân tộc phải gắn với và dẫn đến tự do hạnh phúc cho nhân dân, cho mỗi con người. "Nếu nước được độc lập mà nhân dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì", tư tưởng đó của Hồ Chí Minh đã tìm thấy lời giải đáp trong chủ nghĩa xã hội, một chủ nghĩa xã hội đích thực có khả năng giải quyết triệt để vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Ba sự nghiệp giải phóng ấy gắn bó chặt chẽ với nhau, nhưng xét cho cùng thì giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội cũng để đi tới giải phóng con người và giải phóng con người là mục tiêu cao nhất. Chính vì vậy, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 nhằm mục tiêu trực tiếp là giành độc lập cho dân tộc, nhưng lại mở đường để Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội khi những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã cơ bản hoàn thành. Trong khi còn phải chống ngoại xâm để bảo vệ độc lập dân tộc và giành lại nền độc lập trọn vẹn, vấn đề chủ nghĩa xã hội mới chỉ được đặt ra trong một chừng mực rất hạn chế ở miền Bắc nước ta. Chủ nghĩa xã hội chỉ trở thành vấn đề chung của cả nước sau khi miền Nam đã được giải phóng và việc thống nhất đất nước đã được thực hiện. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã để lại những bài học vô cùng to lớn. Đó là bài học về xác định đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn và phương pháp cách mạng thích hợp của Đảng lãnh đạo; đó là bài học về dự báo thời cơ, nắm chắc thời cơ, không bỏ lỡ thời cơ; đó là bài học xây dựng lực lượng cách mạng, từ lực lượng chính trị đến lực lượng quân sự, huy động được lực lượng của toàn dân vào cuộc đấu tranh chung; đó là bài học về kết hợp thời, thế và lực để lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh; đó là bài học phân hoá kẻ thù, biết mình biết địch, nhân nhượng có nguyên tắc; đó là bài học về khởi nghĩa từng phần đi đến tổng khởi nghĩa toàn quốc để giành thắng lợi hoàn toàn cho một cuộc cách mạng. Thời đại mới mà Cách mạng Tháng Tám mở ra đã đi tiếp một chặng đường dài trên một nửa thế kỷ với nhiều mốc son mới trong sự nghiệp chiến đấu và xây dựng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tinh thần của Cách mạng Tháng Tám, những bài học của Cách mạng Tháng Tám vẫn còn nguyên ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay, sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước để giành thắng lợi ngày càng to lớn hơn.

(BTK)

Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ý nghĩa to lớn đối với lịch sử dân tộc và thời đại / (BTK) Nguồn. <http://www.cpv.org.vn>

Thư gửi đồng bào toàn quốc nhân dịp kỷ niệm cách mạng Tháng Tám (19-8-1947)

Hồ Chí Minh toàn tập Tập 5 (1947 - 1949)

Nhân ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, tôi kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn các liệt sĩ từ Nam chí Bắc, đã hy sinh cho công cuộc giải phóng, hơn 80 năm nay. Tôi trân trọng gửi lời thăm hỏi những gia quyến của các tiên liệt ấy. Tôi thân ái cảm ơn những nam nữ chiến sĩ đã hăng hái và đang hăng hái tham gia công việc tranh đấu cách mạng, để giải phóng dân tộc. Cách mạng Tháng Tám đã giải phóng đồng bào ta ra khỏi chế độ quân chủ chuyên chế và xiềng xích thực dân. Cách mạng Tháng Tám đã xây dựng cho nhân dân ta cái nền tảng Dân chủ Cộng hoà và thống nhất độc lập. Noi gương Cách mạng 1776 của Mỹ, Cách mạng Tháng Tám tranh tự chủ chống ngoại xâm. Cũng như Cách mạng 1789 của Pháp, Cách mạng Tháng Tám thực hành lý tưởng: Bình đẳng, Tự do, Bác ái. Theo gót Cách mạng 1911 của Tàu, Cách mạng Tháng Tám thực hiện chủ nghĩa: Dân tộc, dân quyền, dân sinh. Nay cuộc trường kỳ kháng chiến phải tiếp tục cái nhiệm vụ vẻ vang của Cách mạng Tháng Tám: Phải làm cho nền Dân chủ Cộng hoà chắc chắn, phải làm cho quyền thống nhất độc lập vững vàng. Chúng ta đã thắng lợi trong cuộc cách mạng, thì chúng ta quyết sẽ thắng lợi trong cuộc kháng chiến. Dù địch có những vũ khí tối tân, hùng binh ác tướng, nhưng chúng ta lại có những thứ vũ khí mạnh mẽ hơn, bền bỉ hơn chúng. Chúng ta có cái chí quật cường không núng của dân tộc, chúng ta có sự đoàn kết của toàn dân. Chúng ta có cái lòng hy sinh cảm tử của chiến sĩ ở tiền tuyến. Chúng ta có cái sức kiên quyết nhẫn nại của đồng bào ở hậu phương. Đó là những vũ khí luôn luôn chiến thắng quân thù, chứ không lực lượng nào chiến thắng được những vũ khí đó. Đánh biết rằng từ đây đi đến cuộc toàn thắng, chúng ta còn phải kinh qua nhiều nỗi khó khăn. Nhưng chúng ta giàu lòng yêu nước, thì chúng ta quyết cứu được nước. Chúng ta dám trả cái giá cho thắng lợi, thì chúng ta nhất định thắng lợi. Tinh thần Cách mạng Tháng Tám muôn năm! Toàn dân đại đoàn kết muôn năm! Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi! Việt Nam thống nhất và độc lập muôn năm!

Ngày 19 tháng 8 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

Thư gửi đồng bào toàn quốc nhân dịp kỷ niệm cách mạng Tháng Tám (19-8-1947) / Sách Lời Hồ Chủ tịch, Nha Thông tin Việt Nam, 1949, t.2, tr.23-24. Nguồn: <http://www.chinhphu.vn>

Mít tinh trọng thể kỷ niệm 64 năm Cách mạng tháng Tám, Quốc khánh 2/9 và 40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

(Chinhphu.vn) - Nhân kỷ niệm 64 năm Cách mạng tháng Tám, Quốc khánh 2/9 và 40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sáng 1/9, Đoàn đại biểu Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đến đặt vòng hoa và vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, người thầy vĩ đại của Cách mạng Việt Nam, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam



Ảnh: Chinhphu.vn

Đoàn đại biểu do Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh; nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu; nguyên Chủ tịch nước Trần Đức Lương; Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng; Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng; nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huỳnh Đảm dẫn đầu. Vòng hoa của Đoàn mang dòng chữ “Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại”.

Tiếp đó, các Đoàn đại biểu Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Thành ủy, HĐND, UBND TP. Hà Nội và các Bộ, ngành Trung ương cùng đông đảo các tầng lớp nhân dân đã vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Ảnh: Chinhphu.vn

Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, cán bộ lão thành cách mạng tỏ lòng thành kính tưởng nhớ công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc

Đoàn cũng đã đặt vòng hoa, tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ tại Đài Liệt sĩ trên đường Bắc Sơn. Vòng hoa của Đoàn mang dòng chữ “Đời đời nhớ ơn các Anh hùng Liệt sĩ”.

* Sáng 1/9, tại Cung Văn hóa Hữu nghị Việt Xô, Lễ kỷ niệm 64 năm Cách mạng tháng Tám, Quốc khánh 2/9 và 40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được tổ chức trọng thể.

Tới dự có các đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh; nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu; Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng; Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huỳnh Đảm cùng các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, các đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, các đồng chí Phó Chủ tịch nước, nguyên Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, các đồng chí lão thành Cách mạng, đại diện các Mẹ Việt Nam anh hùng và đông đảo các tầng lớp nhân dân thủ đô Hà Nội.



Ảnh: Chinhphu.vn

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhấn mạnh, Cách mạng tháng Tám là một sự kiện lịch sử trọng đại, khai sinh Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, nay là nước CHXHCN Việt Nam, mở ra kỷ nguyên phát triển mới của đất nước và dân tộc ta. Trải qua 64 năm, những thắng lợi to lớn của Cách mạng Việt Nam là minh chứng hùng hồn cho những bài học mang tính chân lý mà Đảng ta đã nêu lên, đó là độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay là kết quả của sự kết hợp đúng đắn sức mạnh của dân tộc đã được lịch sử đấu tranh quyết liệt hàng nghìn năm hun đúc cùng với sức mạnh của thời đại.

Tổng Bí thư nêu rõ, trong suốt quá trình cách mạng rục rờ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người của những quyết định lịch sử. 24 năm sau ngày đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào cõi vĩnh hằng và để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân bản Di chúc thiêng liêng, bất hủ.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là bản tổng kết thực tiễn kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng và phương hướng phát triển của dân tộc, đồng thời thể hiện cô đọng nhân cách của vị lãnh tụ, Anh hùng Giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh. Di chúc kết tinh những giá trị lịch sử, văn hóa, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó mỗi chữ, mỗi câu, mỗi đoạn văn được viết ra đều là kết quả của sự suy ngẫm, chắt lọc sâu sắc tư tưởng, tình cảm và trí tuệ của Người, là một chương trình hành động trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng lại đất nước sau khi nước nhà thống nhất. Di chúc cũng thể hiện tình thương yêu bao la của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với tất cả mọi người, từ mỗi người dân Việt Nam đến bạn bè trên thế giới.



Ảnh: Chinhphu.vn

Từ trái tim mình, Bác viết: “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế”. Kết thúc bản Di chúc, Bác nói đến điều mong muốn cuối cùng: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết, phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Cuối bài phát biểu, Tổng Bí thư nhấn mạnh, sự nghiệp đổi mới trong những năm tới có nhiều thời cơ, thuận lợi, đồng thời cũng đứng trước không ít khó khăn, thách thức. Dịp kỷ niệm Quốc khánh 2/9 và 40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định quyết tâm không gì lay chuyển của toàn Đảng, toàn dân ta chung sức, đồng lòng, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tiếp bước con đường cách mạng vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và dân tộc ta đã lựa chọn.

Nguyễn Linh

Mít tinh trọng thể kỷ niệm 64 năm Cách mạng tháng Tám, Quốc khánh 2/9 và 40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh / Nguyễn Linh. Nguồn: <http://www.chinhphu.vn>

Nhiều hoạt động chào mừng 64 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9

(Chinhphu.vn)- Trong những ngày tháng Tám mùa Thu lịch sử này, các địa phương trên cả nước đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực để nhớ về những tháng năm lịch sử hào hùng của dân tộc. Từ đó, có thêm nguồn sức mạnh mới tiếp tục phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2009.

Tuổi trẻ thủ đô Hà Nội như được sống lại không khí Cách mạng tháng Tám 1945 trong buổi tọa đàm "Thanh niên Hà Nội trước và trong Cách mạng tháng Tám" nhân kỷ niệm 64 năm Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2009) và 65 năm thành lập Ban Thanh vận Thành Hoàng Diệu (8/1944 - 8/2009). Đây là dịp để thế hệ thanh niên Hà Nội ngày nay hiểu rõ truyền thống hào hùng của cha anh, đồng thời tiếp tục kế thừa và phát huy truyền thống cách mạng, sáng tạo trong chỉ đạo và thực hiện công tác đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi Thủ đô, nỗ lực đóng góp công sức xây dựng Thủ đô, xây dựng đất nước.



Gặp mặt truyền thống thanh niên cứu quốc thành Hoàng Diệu nhân kỷ niệm 64 năm Cách mạng tháng Tám và 65 năm thành lập Ban Thanh vận thành Hoàng Diệu. Ảnh: CPV

Trong những ngày này, mỗi đường phố thị xã Tuyên Quang đều rực rỡ cờ hoa, khẩu hiệu chào mừng kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2/9 và kỷ niệm 40 năm thực hiện Di chúc của Bác Hồ. Các địa phương trong tỉnh tổ chức nhiều hoạt động văn hóa thể thao như: Liên hoan Văn hóa - Thể thao với các môn thể thao dân tộc, Hội trại tuổi trẻ huyện Sơn Dương, Công an tỉnh và Huyện đoàn Sơn Dương phối hợp tổ chức đêm văn nghệ phục vụ đồng bào vùng chiến khu cách mạng. Cán bộ, nhân viên Ban quản lý Khu du lịch Lịch sử - Văn hóa - Sinh thái Tân Trào cùng với nhân dân Tân Trào chỉnh trang Cụm di tích lán Nà Lừa, đình Tân Trào, Quảng trường Tân Trào, chăm sóc cây đa Tân Trào. Tại Khu di tích, một triển lãm chuyên đề cũng được tổ chức để giới thiệu hình ảnh hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong kháng chiến chống Pháp tại Tuyên Quang phục vụ khách tham quan.

Các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi trong dịp này đã tổ chức biểu diễn văn nghệ, chiếu phim tại các trung tâm huyện lỵ, cụm xã và tổ chức thi tìm hiểu về ý nghĩa lịch sử, tầm vóc của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, cuộc khởi nghĩa Trà Bông và miền Tây Quảng Ngãi, nhằm nâng cao nhận thức và tạo khí thế sôi nổi trong cộng đồng các dân tộc miền núi. Tỉnh còn tổ chức Ngày hội Văn hóa - Thể thao các huyện miền núi tại Trà Bông với các loại hình nghệ thuật quần chúng mang đậm bản sắc văn hóa và truyền thống của các dân tộc miền núi Quảng Ngãi và "Đêm hội Văn hóa dân tộc Cor".

Kỷ niệm 64 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, tại tỉnh Bình Định đã diễn ra nhiều văn hoạt động văn hóa, thể thao thu hút nhân dân tham gia. Công an tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực như: ra quân phòng chống tội phạm và thiết lập TTATGT trên khắp địa bàn tỉnh; tổ chức Hội thao "Chiến sỹ khỏe" với các môn thi đấu bóng chuyền, tennis; Hội thi Phụ nữ giỏi việc nước đảm việc nhà... Các địa phương trong tỉnh đã phát động phong trào thi đua yêu nước và tổ chức nhiều hoạt động văn hóa thể thao, tạo không khí vui tươi phấn khởi trong nhân dân.



Tuổi trẻ Tuyên Quang đón chào kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9. Ảnh: Báo Tuyên Quang.

Vào dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Triển lãm Mỹ thuật khu vực III Việt Bắc năm 2009 đã được tổ chức tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. 285 tác phẩm của 249 tác giả từ 14 tỉnh gồm: Bắc Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Phú Thọ, Hà Giang, Điện Biên, Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Lào Cai đã gửi tác phẩm tham dự. Ban Tổ chức đã chọn trưng bày 268 tác phẩm của 234 tác giả theo các lĩnh vực đồ họa, hội họa, điêu khắc gồm nhiều chất liệu (sơn dầu, khắc gỗ, sơn mài, lụa, gỗ, gốm). Các tác phẩm nghệ thuật đã bám sát thực tế cuộc sống, phản ánh những nét đẹp văn hóa truyền thống cũng như gợi mở một số vấn đề đặt ra trong xã hội.

Ở nước bạn Lào, Sở Thông tin - Văn hóa tỉnh Xaynhabuli và Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Lào phối hợp tổ chức triển lãm ảnh và đêm giao lưu văn nghệ hữu nghị Lào-Việt Nam. Triển lãm trưng bày gần 100 bức ảnh về quan hệ hữu nghị Lào-Việt Nam, về đất nước-con người Việt Nam và những thành tựu của nhân dân Việt Nam trong 40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thông qua triển lãm và đêm giao lưu văn nghệ, Ban Tổ chức kỳ vọng khán giả sẽ hình dung được một cách toàn diện về những thành tựu to lớn mà đất nước và nhân dân Việt Nam đạt được trong những năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua đó, thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết, hữu nghị đặc biệt giữa nhân dân hai nước.

Thanh Xuân

Nhiều hoạt động chào mừng 64 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 / Thanh Xuân. Nguồn: <http://www.chinhphu.vn>

Thủ đô tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 63 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9

(Công TTĐT Chính phủ) - Sáng nay (1/9), trong không khí cả nước hân hoan chào mừng ngày lễ lớn của đất nước, Thành ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm lần thứ 63 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9.



Các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước cùng đông đảo các tầng lớp nhân dân Thủ đô tham dự Lễ kỷ niệm lần thứ 63 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 - Ảnh: Công TTĐT Chính phủ

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu; Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết; Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng; nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An, Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN Huỳnh Đảm; các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, các Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội; các vị lão thành cách mạng; cùng đông đảo các tầng lớp nhân dân Thủ đô... đã tham dự Lễ kỷ niệm.

Trong diễn văn tại Lễ kỷ niệm, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo đã ôn lại những thành quả vĩ đại của Đảng và nhân dân ta giành được trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; nhấn mạnh, Cách mạng tháng Tám là một trong những mốc son chói lọi nhất trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam. Đó là thắng lợi điển hình của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do chính Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Cách mạng tháng Tám thắng lợi và sự ra đời của Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á là bước ngoặt to lớn trong lịch sử dân tộc; mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Kế thừa và phát huy những bài học kinh nghiệm quý báu, thành quả của Cách mạng tháng Tám, trong suốt chặng đường 63 năm qua, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã vượt qua bao khó khăn, thách thức đưa đất nước đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác.

Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo khẳng định, với tinh thần anh dũng, kiên cường, đi đầu trong Cách mạng tháng Tám, những năm đổi mới vừa qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội đã đoàn kết một lòng, chủ động sáng tạo trong phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội, làm tốt công tác xây dựng Đảng, chính quyền và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đặc biệt, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, tạo điều kiện thuận lợi của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương... chỉ trong thời gian ngắn, việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ về điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể của thành phố đã được kiện toàn và đi vào hoạt động ổn định; công tác hợp nhất các đơn vị hành chính của Thủ đô Hà Nội đã thực hiện xong, tạo ra không khí phấn khởi và đồng thuận cao trong đội ngũ cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân.



Lễ kỷ niệm lần thứ 63 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9

Hà Nội phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội những tháng cuối năm 2008

Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới mà lãnh đạo thành phố cùng với các tầng lớp nhân dân Thủ đô quyết tâm thực hiện như: Tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai Kết luận của Trung ương Đảng, Nghị quyết của Quốc Hội, chỉ đạo của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về kiềm chế lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội; phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế-xã hội những tháng cuối năm 2008, với một số chỉ tiêu cụ thể như: GDP tăng từ 11-12%, thu nhập bình quân đầu người đạt 1.500 USD, tổng đầu tư xã hội tăng từ 18-19%, giảm tỉ lệ hộ nghèo trên địa bàn xuống dưới 5%...

Thủ đô Hà Nội quyết tâm đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Tạo bước đột phá trong phát triển văn hóa, giáo dục-đào tạo và khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân. Tăng cường công tác quản lý trật tự, đô thị, đất đai, môi trường... Tập trung triển khai các dự án chỉnh trang đô thị, các dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông nhất là giao thông nông thôn. Chỉ đạo quyết liệt, đẩy nhanh tiến độ các chương trình, dự án kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội.

Nhân dịp này, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo kêu gọi các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân Thủ đô nêu cao tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, chung sức chung lòng xây dựng Thủ đô Hà Nội ngày càng "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" như Bác Hồ hằng mong muốn.

Nguyễn Hoàng

Thủ đô tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 63 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 / Nguyễn Hoàng / Nguồn: <http://www.chinhphu.vn>

GIÁO DỤC VỀ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM CHO THẾ HỆ TRẺ

Nguyễn Anh Dũng

Lịch sử xã hội loài người phát triển liên tục, hợp quy luật từ lúc xuất hiện đến nay và mãi về sau trong tiến trình này, con người là chủ nhân của lịch sử, kế thừa và phát triển mọi thành tựu tinh thần và vật chất của tổ tiên qua các thời kỳ một cách tự giác và sáng tạo

Vì vậy, giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ là trách nhiệm của những lớp người đi trước, để tạo điều kiện cho sự tồn tại và phát triển bền vững xã hội. Trong nội dung giáo dục thế hệ trẻ, giáo dục lịch sử có vai trò, ý nghĩa quan trọng; bởi vì mỗi người đi vào cuộc sống đều mang theo mình những giá trị của quá khứ truyền thống dân tộc để làm bệ phóng bay cao, bay xa hơn. Lãng quên quá khứ sẽ không có trách nhiệm với hiện tại và phân đầu cho một tương lai huy hoàng hơn.

Dân tộc Việt Nam không chỉ có lịch sử oai hùng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà còn có ý thức về kinh nghiệm giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, biết ” lấy xưa để phục vụ nay”. Năm 1941, khi về PácBó trực tiếp lãnh đạo Việt nam, Nguyễn Ái Quốc đã sáng tác quyển *Lịch sử nước ta* mà hai câu mở đầu được xem như nguyên tác phương pháp luận của việc học tập nghiên cứu lịch sử của chúng ta

“ Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

Theo đó lịch sử không chỉ để biết quá khứ mà trên cơ sở hiểu biết quá khứ để hiểu sâu sắc hiện tại, tích cực đấu tranh cho hiện tại, dự đoán con đường phát triển tương lai và góp phần làm cho tương lai trở thành hiện thực. Việc học tập nghiên cứu lịch sử không có ý nghĩa là tiếp nhận một cách thụ động, học vẹt biết mà không hiểu sự kiện quá khứ, không thể hiện tính chất “Hành” của bộ môn. Bởi vì, lịch sử chính là cuộc sống đã qua đang chứa đựng những mầm sống của tương lai sẽ được hiện thực hóa. Con người đã hành động để tạo nên lịch sử, thì việc học tập, nghiên cứu lịch sử phải gắn với hành. Đây là việc thực hiện nguyên lý, phương châm giáo dục của Đảng trong giáo dục nói chung, giáo dục lịch sử nói riêng.

Mọi sự kiện lịch sử đều cần phải tìm hiểu, nghiên cứu, học tập, song phải tập trung vào những sự kiện cơ bản. Theo Lênin, sự kiện cơ bản là sự kiện không thể thiếu được để hiểu biết lịch sử; nó mang tính chính xác, tiêu biểu, điển hình. Cách mạng tháng Tám 1945 là một sự kiện cơ bản của lịch sử dân tộc và trong mức độ nhất định cũng là sự kiện cơ bản của chương trình lịch sử thế giới thế kỉ 20. Do đó, không chỉ trong chương trình, sách giáo khoa lịch sử Việt Nam, cách mạng tháng Tám 1945 có vị trí quan trọng trong chương trình sách giáo khoa nhiều nước phương Tây, các nước độc lập dân tộc, sự kiện này cũng được đề cập đến. Tuy nhiên việc nhìn nhận, đánh giá một sự kiện lịch sử bao giờ cũng phụ thuộc vào quan điểm, mục đích giáo dục. Cho nên, việc trình bày về cách mạng tháng Tám 1945 của Việt Nam ở một số tài liệu giáo khoa nước ngoài không khỏi những sai lệch, thậm chí xuyên tạc lịch sử mà chúng ta cần vạch rõ.

Cách mạng tháng Tám 1945 là một sự kiện quan trọng trong chương trình lịch sử dân tộc, được xây dựng ngay từ những năm học đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945 -1946). Qua các lần cải cách giáo dục (1950,1956,1976), và sửa chữa đổi mới chương trình, sách giáo khoa lịch sử, sự kiện Cách mạng tháng Tám 1945 được xác nhận sự cần thiết phải giáo dục cho thế hệ trẻ vì ý nghĩa giáo dục, giáo dục và phát triển của nó. Theo điều tra của chúng tôi, số học sinh trung học(cơ sở và phổ thông) ít am hiểu về Cách mạng tháng Tám chiếm tỉ lệ nhỏ, Bởi vì, tiếng vang, ảnh hưởng dấu vết của Cách mạng tháng Tám còn in đậm nét trong cuộc sống hiện tại. Ở đâu các em cũng còn có thể gặp gỡ những chứng nhân, những con người đã tham dự, góp phần làm nên Cách mạng tháng Tám. Các em còn nhìn thấy những hiện vật của Cách mạng tháng Tám. Các em còn nhìn thấy những hiện vật của Cách mạng tháng Tám. nghe những câu chuyện lý thú về sự kiện xảy ra cách đây 60 năm. Hiện tượng “lãnh cảm” với một sự kiện vĩ đại, thái độ thờ ơ với Cách mạng tháng Tám vì

khôn sống những ngày lịch sử ấy thì không rung cảm, không cần biết... không hề thấy xuất hiện ở bất cứ học sinh nào. Điều này thể hiện truyền thống của dân tộc Việt Nam – lòng biết ơn đối với tổ tiên, sự tự hào chính đáng với những chiến công lẫy lừng trong quá khứ.

Qua điều tra chúng tôi nhận thấy một hiện tượng khá phổ biến là kiến thức của học sinh các cấp về Cách mạng tháng Tám 1945 ở nhiều nơi còn chung chung, hời hợt, chưa khắc sâu vào tâm trí. Em nào cũng có thể nói cách mạng tháng Tám là do Đảng lãnh đạo, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự đấu tranh anh hùng của nhân dân, song nhiều em không thể nêu một sự kiện cụ thể, thậm chí không ghi nhớ được ngày 19.8 là ngày khởi nghĩa ở Hà Nội. Việc học tập lịch sử như vậy vừa không nắm được sự kiện cơ bản, vừa không hiểu được diễn biến, ý nghĩa của lịch sử quá khứ, phù hợp với trình độ học sinh. Tính chất thực hành của môn học càng bị xem nhẹ. Hầu hết học sinh các cấp không biết sử dụng bản đồ, sưu tầm tranh ảnh, tài liệu, làm các loại bài tập... chất lượng dạy học bộ môn rõ ràng sút kém, không gây được hứng thú cho học sinh, hiệu quả giáo dục giảm. Do đó, vai trò, vị trí của bộ môn lịch sử ở trường phổ thông không được nâng cao, không đúng với chức năng, nhiệm vụ của nó trong việc giáo dục thế hệ trẻ.

Trong việc đổi mới giáo dục nói chung, dạy và học lịch sử nói riêng, việc cải cách hệ thống giáo dục đi đôi với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, theo hướng phát huy tích cực của học sinh. Trong quá trình dạy học, các khâu xác định mục tiêu đào tạo, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, tiến hành kiểm tra đánh giá được thực hiện trong một thể thống nhất, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục bộ môn.

Theo phương hướng như vậy, trong chương trình sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông hiện nay. Sự kiện Cách mạng tháng Tám 1945 được giới thiệu ở các lớp năm, chín, mười hai của trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Trên cơ sở xây dựng chương trình theo nguyên tắc đồng tâm kết hợp với đường thẳng, Sự kiện cách mạng tháng Tám 1945 được trình bày phù hợp với mục tiêu của từng cấp về mặt kiến thức, tư tưởng, kỹ năng, không có sự trùng lặp, song kế thừa và phát triển trong nhận thức lịch sử ở các lớp

Ở lớp Năm, Cách mạng tháng Tám chỉ giới hạn ở việc giới thiệu về tình hình đất nước, diễn biến, kết quả, ý nghĩa... Điều quan trọng là tạo cho các em một biểu tượng có hình ảnh, đúng về sự kiện, không nhầm lẫn với các sự kiện khác. Qua đó, giáo dục cho học sinh lòng biết ơn đối với những người góp phần làm nên thắng lợi của cuộc cách mạng này, đặc biệt đối với Bác Hồ kính yêu.

Học sinh lớp chín sử dụng những kiến thức về Cách mạng tháng Tám đã học ở bậc Tiểu học, cùng với nhiều kiến thức có liên quan được tiếp nhận ở các môn khác (Văn học, giáo dục công dân...), các hoạt động ngoại khóa, những kiến thức qua các phương tiện truyền thông đại chúng để hiểu sâu sắc hơn về cuộc cách mạng

Thơ văn Ca ngợi về Cách mạng tháng Tám

- Quốc khánh 2/9



NHỮNG BÀI THƠ KỶ NIỆM
NGÀY CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
VÀ
MỪNG QUỐC KHÁNH 2 THÁNG 9 NĂM 1945



HUẾ THÁNG TÁM (*)

Tố Hữu

Huế trầm mặc hôm nay sao khác khác
 Những mắt huyền ngơ ngác hỏi thăm nhau
 Chân nôn nao như khách đợi mong tàu
 Bước dò bước, không biết sau hay trước?
 Tim hồi hộp, vì sao? Ai hẹn ước;
 Ai đang về? Dáng đó thấp hay cao?
 Mắt sáng ngời, như lửa hay như sao?
 Người hay mộng? Ngoài vào hay trong tới?
 Giáng từ trên hay là vượn từ dưới?
 Huế xôn xao lo lắng, những đêm mơ
 Khát khao hoài, như cô gái mong chờ
 Sau cửa hé, người yêu chưa biết mặt ...
 Trên Hương Giang mệnh mang đò lạnh ngắt
 Tiếng đàn im. Ca kỹ nép phương nào?
 Trăng thì thâm chi với sóng lao xao...

Đức Kim thượng (1) đêm nay trong ngọc điện
 Ngự lên lầu, trông lên cao sao xuyên
 Muôn vì sao ... Lạnh lẽo thắm hoàng bào
 Người rùng mình, tưởng đứng đỉnh cù lao
 Nổi cô độc giữa gió triều biển động,
 Đồi gốc đại nghiêng nghiêng tàn lay bóng
 Sầu thâm cung vờ vật dưới sân châu
 Người đứng đây. Trăm họ đang về đâu?

Đình thần đỏ, rầu rầu thân đá trắng

Quá khứ nặng nề xuống đầu cúi lạng ...

Một ngai vàng không thể thắng cả giang sơn!

Lòng muôn dân rần rật lửa căm hờn

Máu giải phóng đã sôi dòng nhân loại!

Người phải xuống, đêm nay, đêm chiến bại

Để toàn dân chiến thắng giữ ngôi sơn!

Người phải lui, cho Dân tiến, Nước còn

Dân là chủ, không làm nô lệ nữa!

Hãy mở mắt: quanh hoàng cung biển lửa

Đã dâng lên, ngập Huế đỏ cờ sao

Mở mắt trông: trời đất bốn phương chào

Một dân tộc đã ào ào đứng dậy!

Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy

Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!

Nước mắt ta trào, húp mí, tràn môi

Cổ ta réo trăm trận cười, trận khóc!

Ta ôm nhau, hôn nhau từng mái tóc

Hả hê chưa, ai bịt được mồm ta?

Ta hát huyền thiên, ta chạy khắp nhà

Ai dám cấm ta say, say thần thánh?

Ngực lép bốn nghìn năm, trưa nay cơn gió mạnh

Thổi phồng lên. Tim bỗng hóa mặt trời

Có con chim nào trong tóc nhảy nhót hót chơi

Ha! Nó hót cái gì vui vui nghe thiệt ngộ!

Gió gió ơi! Hãy làm đông làm tổ

Cuốn tung lên cờ đỏ máu thơm tươi

Vàng vàng bay, đẹp quá, sao sao ơi!

Ta ngã vật trong dòng người cuộn thác

Ôi thiên đường! Tai miên man lắng nhạc

Từ muôn phương theo gót nện rầm rầm

Việt nam! Việt nam! Việt nam muôn năm!

1945

(*) Bài này làm trong thời kỳ Bảo Đại còn được Chính phủ dân chủ cộng hòa cho giữ chức cố vấn, sau khi ông ta thoái vị trước áp lực của Cách mạng.

1. Tiếng gọi nhà vua, dưới chế độ phong kiến.

Tố Hữu toàn tập Tập I / GS. Hà Minh Đức (sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu). – NXB: Văn học.- 2009.- Tr.148,149,150.

HỒ CHÍ MINH

Tố Hữu

Hồ Chí Minh

Người lính già

Đã quyết chiến hy sinh

Cho Việt nam độc lập

Cho thế giới hòa bình!

Người đã sống năm mươi năm vũ bão

Vì nhân loại

Người quyết dâng xương máu

Vì giang sơn

Người quyết dứt gia đình!

Hồ Chí Minh

Người đã quyết

Mặc phong ba giá tuyết

Mặc gươm súng xiềng gông

Làm tên quân cảm tử đi tiên phong

Đánh trăm trận, thề trăm phen quyết thắng

Bao thất bại dẫu xát lòng cay đắng

Hồn vẫn tươi vui, thơm ngát tình đời

Bước trường chinh dầu mỡ gói khan hơi

Tim gang thép vẫn bùng bùng lửa chiến

Cờ đã phát, phải giương cao quyết tiến!

Người xông lên

Và cả đoàn quân, thừa huyết khí thanh niên

Rập bước tiến bên người Cha anh dũng.

Tiếng Người hét

Mau lên gươm lấp súng!

Và cả đoàn quân

Đã bao nhiêu năm tháng trải phong trần

Mắt sáng quắc tay xanh lòe mã tấu

Vụt ào lên quyết hy sinh chiến đấu

Diệt cường quyền!

Ôi sức mạnh vô biên!

Hồ Chí Minh

Hỡi ngọn đuốc thiêng liêng

Trên đầu ta, ngọn cờ dân tộc

Trăm thế kỷ trong tên Người: Ái Quốc

Bạn muôn đời của thế giới đau thương!

Chúng tôi đây

Lớp con cháu trên đường

Gươm tuốt vỏ, súng cầm tay, xúc tới

Ngọn cờ đỏ sao vàng bay phấp phới

Nước non Hồng vang dội *Tiến quân ca*

Hồ Chí Minh

Người trẻ mãi không già!

26-8-1945

Tổ Hữu toàn tập Tập I/GS. Hà Minh Đức (sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu). – NXB: Văn học.- 2009.- Tr.146, 147

NGỌN QUỐC KỲ

Xuân Diệu

(Trích Trang ca)

.....

Ai từng nghe nói quân du kích?
Nhắc đến lòng son tràn cảm kích,
Ôi những chiến sĩ, những anh hùng,
Những kẻ hồn xanh như ngọc bích;
Đi theo tiếng gọi nước non thiêng,
Đứng dưới sao vàng ra kháng địch.
Mắt trào lửa giận cháy con người!
Miệng hát quân ca lờ ánh sáng!
Vai mang súng đoạt của quân thù
Mũ lậy trên đầu quân giặc loạn
Gươm mài nước suối bên ghê da,
Dao dong bóng trắng đeo sáng loáng,

Hôn còn theo đuổi bóng cờ bay,
 Nhìn lại chân không chẳng có giày!
 Dân quân ăn mặc đủ màu quê.
 Nâu lẫn, chàm pha, đen trắng kẻ.
 Đủ cỡ áo quần, may đủ kiểu.
 Tâm bào toi lá trái sơn khê!
 Thèm, ăn măng trúc; đói, cơm khô.
 Khát: suối bên đèo tuôn nước lã.
 Cheo leo xác mệt, tối nghiêng nằm.
 Thân lột bằng rơm, đầu gói ra.
 Đâu có màn che, đâu trướng rủ?
 Chỉ có hồn thiêng ru giấc ngủ.
 Thiếu ăn, thiếu? mặc, thiếu quân nhu,
 Nhưng dạ anh hùng thì thật đủ!
 Hết trận ngày qua, đến trận mai;
 Đất này một tác chẳng nhường ai!
 Thắng luôn Đình Cả; Ngân Sơn được;
 Đá hãy kinh hoàng trận Võ Nhai!
 Lại theo Đè Thám vùng Yên Thế;
 Rền khắp núi sông, cười thế hệ.
 Hạ du cũng thuộc tiếng truyền vang,
 Nghe đội nữ binh hò Ba Bể!
 - Chiến khu thành lập giữa chon von
 Thay mãi bờ sông, nhích mãi non.
 Biên giới mỗi ngày thay mấy lượt;
 Rộng ra đòi ấp, đến làng thôn.
 Bốn phương nhạt nhẽo đời không sắc,
 Sáng sớm ngưỡng trông về Việt Bắc.
 Dưới còn hùm sói nhục dân gian,
 Trên đã thanh bình không vó giặc.
 Hoang mang phương dưới hận đòi con,
 Tổ quốc lên cao lánh tủi hờn,
 Hồn nước ở đây Khu Giải Phóng,
 Ngoài kia còn tối cả giang sơn,
 Đây quân du kích sao chen ánh,
 Giữ lá cờ sao vàng lấp lánh.

281

Cờ như mắt mở thức thâu canh,
Nhu lửa đốt hoài trên chót đỉnh.
Cờ như nắng mãi ấm luôn luôn,
Sưởi khắp lòng ai nghe vắng lạnh.
Sớm hôm canh giữ lấy hồn thiêng.
Bay mãi trên trời, treo sứ mệnh!

*

...

Vì bởi yêu cờ mới tới đây,
áo trăm lần ướt rồi khô lại,
Thân hết chui rừng lại lách mây.
Mây làn nhọc mệt, lòng toan nản,
Trông thấy sao vàng: tay vuốt trán,
Chân quên đá nhọn, gối quên chôn,
Bước lại so đều chưa thấy chán!
Những phen tin tưởng muốn lung lay,
Sao gọi trên cờ, pháp phối bay,
Mặt trắng nếm ngon như nhắm tốt,
Cỏ khô còn hát được bài hay.

(Hoàng Diệu, ngày 30-11-1945

Việt Nam dân chủ cộng hòa năm thứ nhất)

Ngon quốc kỳ / Xuân Diệu / Nguồn: Thái Nhi / Nguồn: <http://vnthuquan.net>

NHỚ

Hồng Nguyên

Lũ chúng tôi
Bọn người tứ xứ,
Gặp nhau hồi chưa biết chữ
Quen nhau từ buổi “Một hai”
Súng bắn chưa quen,
Quân sự mươi bài
Lòng vẫn cười vui kháng chiến
Lột sắt đường tàu,
Rèn thêm đao kiếm,

Áo vải chân không,
Đi lòng giặc đánh.

Ba năm rồi gửi lại quê hương.
Mái lều gianh,
Tiếng mõ đêm trường,
Luống cày đất đỏ
Ít nhiều người vợ trẻ
Mòn chân bên cối gạo canh khuya
Chúng tôi đi
Nắng mưa sồn mép ba lô,
Tháng năm bạn cùng thôn xóm.
Nghỉ lại lưng đeo
Năm trên dốc nắng.
Kì hộ lưng nhau ngang bờ cát trắng.
Quờ chân tìm hơi âm đêm mưa.
- Đàng nó vợ chưa?
- Đàng nó?
- Tớ còn chờ độc lập
Cả lũ cười vang bên ruộng bắp,
Nhìn o thôn nữ cuối nương dâu.

Chúng tôi đi mang cuộc đời lưu động,
Qua nhiều nơi không nhớ hết tên làng.
Đã nghỉ lại rất nhiều nhà dân chúng
Tôi nhớ bờ tre gió lộng
Làng xuôi xóm ngược mái rạ như nhau
Có nắng chiều đột kích mấy hàng cau.
Có tiếng gà gáy xóm,
Có “Khai hội, yêu cầu, chất vấn!”
Có mẹ hiền bắt rận cho những đứa con xa.
Trăng lên tập hợp hát om nhà.

Tôi nhớ
Giường kê cánh cửa,
Bếp lửa khoai vùi
Đồng chí nữ vui vui,
Đồng chí nữ dạy tôi dăm tởi chữ,
Đồng chí mô nhớ nữa,
Kể chuyện Bình – Trị – Thiên,
Cho bày tôi nghe ví,
Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí
- Thừa trong nó hiện chừ vô cùng gian khổ,
Đồng bào ta phải kháng chiến ra ri.

Đêm đó chúng tôi đi
Nòng súng nghiêng nghiêng,
Đường mòn thấp thoáng...
Trong điểm nhỏ,
Mười người trai tráng,
Sờ chuôi lựu đạn.
Ngồi thổi nùn rơm
Thức vừa rạng sáng.
Nhìn trời sương nhậm bước chúng tôi đi

Chúng tôi đi nhớ nhất câu ni:
 Dân chúng cầm tay lắc lắc:
 “Độc lập nhớ rõ viên chơi ví chắc!”

(1948)

.....
Nhớ / Hồng Nguyên / Nguồn: <http://www.thica.net>

TÂY TIẾN

Quang Dũng

Sông Mã xa rồi Tây tiến ơi!
 Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
 Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
 Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
 Heo hút cồn mây súng ngửi trời
 Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
 Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Anh bạn dãi dầu không bước nữa
 Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
 Chiều chiều oai linh thác gầm thét
 Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người

Nhớ ôi Tây tiến cơm lên khói
 Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
 Kìa em xiêm áo tự bao giờ
 Khèn lên man điệu nàng e ấp
 Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
 Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
 Có nhớ dáng người trên độc mộc
 Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

Tây tiến đoàn quân không mọc tóc
 Quân xanh màu lá dữ oai hùm
 Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
 Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
 Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
 Áo bào thay chiếu anh về đất
 Sông Mã gầm lên khúc độc hành

Tây tiến người đi không hẹn ước
 Đường lên thăm thẳm một chia phôi
 Ai lên Tây tiến mùa xuân ấy
 Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

Phù Lưu Chanh – 1948

Tây tiến / Quang Dũng / Nguồn: <http://vnthuquan.net>

NGƯỜI ĐI TÌM HÌNH CỦA NƯỚC

Chế Lan Viên

Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi
 Cho tôi làm sóng dưới con tàu đưa tiễn Bác!
 Khi bờ bãi dần lui, làng xóm khuất,
 Bốn phía nhìn không một bóng hàng tre.

Đêm xa nước đầu tiên, ai nữ ngủ?
 Sóng vỗ dưới thân tàu phải sóng quê hương!
 Trời từ đây chẳng xanh màu xứ sở,
 Xa nước rồi, càng hiểu nước đau thương!

Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp
 Giấc mơ con đè nát cuộc đời con!

Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp!
Một mái nhà yêu rủ bóng xuống tâm hồn.

Trăm cơn mơ không chóng nổi một đêm dài
Ta lại mặc cho mưa tuôn và gió thổi
Lòng ta thành con rối
Cho cuộc đời giật dây!

Quanh hồ Gươm không ai bàn chuyện vua Lê
Lòng ta đã thành rêu phong chuyện cũ
Hiểu sao hết những tấm lòng lãnh tụ
Tìm đường đi cho dân tộc theo đi.

Hiểu sao hết Người đi tìm hình của Nước
Không phải hình một bài thơ đá tảng nên người
Một góc quê hương, nửa đời quen thuộc,
Hay một đấng vô hình sương khói xa xôi...

Mà hình đất nước hoặc còn hoặc mất
Sắc vàng nghìn xưa, sắc đỏ tương lai
Thế đi đứng của toàn dân tộc
Một cách vinh hoa cho hai mươi lăm triệu con người.

Có nhớ chăng, hơi gió rét thành Ba Lê?
Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá
Và sương mù thành Luân Đôn, người có nhớ
Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya?

Đời bồi tàu lên đênh theo sóng bể
Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi,
Những đất tự do, những trời nô lệ,
Những con đường cách mạng đang tìm đi.

Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước
Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà
ấn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc

Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa.

Ngày mai dân ta sẽ sống sao đây?
Sông Hồng chảy về đâu? Và lịch sử?
Bao giờ dải Trường Sơn bừng tỉnh giấc ngủ
Cánh tay thần Phù Đổng sẽ vươn mây?

Rồi cờ sẽ ra sao? Tiếng hát sẽ ra sao?
Nụ cười sẽ ra sao?...

Oi, độc lập!

Xanh biếc mây là trời xanh Tổ quốc
Khi tự do về chói ở trên đầu.

Kìa mặt trời Nga bừng chói ở phương Đông
Cây cay đắng đã ra mùa quả ngọt
Người cay đắng đã chia phần hạnh phúc
Sao vàng bay theo liềm búa công nông.

Luận cương đến với Bác Hồ. Và Người đã khóc
Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lênin.
Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp
Tường bên ngoài, đất nước đợi mong tin.

Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc:
"Cơm áo là đây! Hạnh phúc đây rồi!"
Hình của Đảng lồng trong hình của Nước.
Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười,

Bác thấy:

Dân ta bung bát cơm mồ hôi nước mắt

Ruộng theo trâu về lại với người cày
Mỏ thiếc, hầm than, rừng vàng, biển bạc...

Không còn người bỏ xác bên đường ray.

Giặc đuổi xong rồi. Trời xanh thành tiếng hát
 Điện theo trăng vào phòng ngủ công nhân
 Những keó quê mùa đã thành trí thức
 Tăm tối cần lao nay hóa những anh hùng.

Nước Việt Nam nghìn năm Đinh, Lý, Trần, Lê
 Thành nước Việt nhân dân trong mát suối
 Mái rạ nghìn năm hồng thay sắc ngói
 Những đời thường cũng có bóng hoa che.

Ôi! Đường đến với Lênin là đường về Tổ quốc
 Tuyết Matxcova sáng ấy lạnh trăm lần
 Trong tuyết trắng như đọng nhiều nước mắt
 Lênin mất rồi! Nhưng Bác chẳng dừng chân.

Luận cương của Lênin theo Người về quê Việt
 Biên giới còn xa. Nhưng Bác thấy đã đến rồi
 Kia! Bóng Bác đang hôn lên hòn đất
 Lắng nghe trong màu hồng, hình đất nước phôi thai.

Người đi tìm hình của nước / Chế lan Viên / Nguồn: Quang Vu / Nguồn: vnthuquan.net

SAO CHIẾN THẮNG

Chế Lan Viên

Giặc Mỹ mày đến đây
 Thì ta tiêu diệt ngay!
 Trời xanh ta nổi lửa
 Bể xanh ta giết mày!
 Ôi Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt,
 Như mẹ cha ta, như vợ như chồng
 Ôi Tổ quốc, nếu cần, ta chết

Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...
Hãy cứ đo bề ta bằng luật - điều quốc tế
Trời xanh ta xanh bao nhiêu hải lý
Nhưng chớ đừng đo lòng căm giận chúng ta
Mau hơn ba chục năm trời ta đã đổ ra
Phải trăm năm mới có ngày độc lập
Ai đếm hết chuỗi người lên máy chém lúc hừng đông?
Roi vọt Côn Lôn, ngục tù Phú Quốc
Mỗi trang sử đất này đều nặng máu cha ông.
Hãy yêu! Hãy yêu! Hãy yêu tất cả
Một chiếc cầu vừa mới bắc qua sông
Một hợp tác lúa chiêm vàng óng ả
Một nhà ăn cửa sổ sơn hồng...
Những nhà máy, nước sinh trong gian khổ
Những lò cao như đứa trẻ đầu lòng
Hạnh phúc mới, có khi còn vất vả
Nhưng bước đầu đây là của công nông
Miền Bắc thân yêu trong tầm đạn Mỹ
Hãy yêu! Hãy yêu! Hãy yêu và bảo vệ
Mây nước, cửa nhà, văn học, ngữ ngôn...
Một đảo vắng Hòn Ngư còn chớp bể
Một rặng núi Kỳ Sơn từng lấm lúc mưa nguồn.
Hãy đem máu ta ra mà gìn giữ
Nửa thân thể miền Bắc này cho ruột thịt phương nam!
Trời xanh biếc của người đầu tuyến lửa
Nẻo Hùng Tinh từng quay hướng địa bàn
Chớ để cho chúng đến gieo khăn tang và nạng gỗ
Xây dựng những pháp trường và kiến thiết những tha ma
Súng Mỹ chĩa vào căn phòng ta ở
Dao cứa vào trên cổ họng ta ca.
Hỡi những tâm lòng lạnh tanh máu cá
Những nhiệt tình xuống quá độ âm!
Có nghe tiếng ngư lôi và cao xạ?
Giặc đánh ta thì ta đánh trả
Giữ hòa bình phải đấu bằng mọi giá
Giá hòa bình là quật ngã bọn xâm lăng.

Tàu Mỹ rụng đất này, ai có nghe chãng?
Sao thức canh đêm, bẽ biếc reo mừng,
Sóng ru đất, máy nhấn cùng gió thổi:
"Thần chiến thắng là những người áo vải
Những binh nhất, binh nhì mười tám tuổi
Giết quân thù không đợi có hạt nhân".
Giết quân thù không cần phải phân vân
Hỡi những con thỏ hòa bình đang tìm nơi gặm cỏ
Súng ta nổ cũng là vì người nữa
Nhờ súng này mà người được yên thân.
Đêm nay sao chín vàng như thóc giống
Phải đêm nay trời cũng được mùa?
Trời sao cao như là chiến trận
Sao sáng ngời vũ khí lòng ta
Nghe dào dạt mười bốn triệu miền Nam đang tỉnh thức
Không! Ba mươi triệu kim cương của thiên hà Tổ quốc!
Không! Hàng nghìn triệu ngôi sao sáng anh em đang chiếm lĩnh bầu trời!
Hứa một Mùa Gặt Lớn ngày mai.

11-8-1964

.....
Sao chiến thắng / Chế Lan Viên / Nguồn: Thái Nhi / Nguồn: vnthuquan.net

GIỚI THIỆU SÁCH

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ



Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một vị tướng, một nhà chính trị - quân sự thiên tài. Ông là một trong những học trò xuất sắc, cộng sự thân cận của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tên tuổi và sự nghiệp của ông gắn liền với Bác Hồ, với một giai đoạn lịch sử hào hùng nhất của dân tộc Việt Nam.

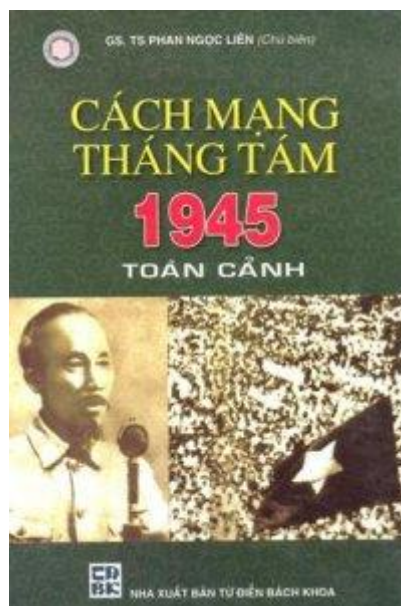
Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn là tác giả của nhiều công trình, bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về Đảng, về quân đội, về chiến tranh cách mạng Việt Nam, nhiều bộ hồi ký có giá trị, như *Từ nhân dân mà ra*, *Những năm tháng không thể nào quên*, *Chiến đấu trong vòng vây*, *Đường tới Điện Biên Phủ*, *Điện Biên Phủ - điểm hẹn lịch sử*, *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* ... Những bộ hồi ký đã tái hiện một cách sinh động, có hệ thống những giai đoạn lịch sử đầy cam go, thử thách, nhưng vô cùng oanh liệt của dân tộc.

Nhân kỷ niệm 65 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách **Những chặng đường lịch sử**, gồm hai tập hồi ức *Từ nhân dân mà ra*, và *Những năm tháng không thể nào quên*.

Nội dung cuốn sách đề cập đến hai thời kỳ đấu tranh cách mạng có quan hệ đến sự tồn vong của dân tộc – chuẩn bị giành chính quyền và năm đầu tiên sau Cách mạng Tháng Tám 1945 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng ở thời điểm lịch sử trọng đại đầy khó khăn thử thách ấy, tác giả đã tái hiện bức tranh lịch sử hoành tráng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong một giai đoạn cách mạng mà có lúc vận nước như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách quý cùng bạn đọc!

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 – TOÀN CẢNH



Cách mạng tháng Tám 1945 là một sự kiện lịch sử quan trọng của Việt Nam và thế giới. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám là kết quả trực tiếp cuộc đấu tranh của nhân dân ta theo con đường cứu nước mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, Đảng ta đã khẳng định và lãnh đạo nhân dân kiên trì thực hiện.

Cách mạng tháng Tám 1945 gắn liền với công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự lãnh đạo của Đảng; nó sống mãi trong sự nghiệp của nhân dân Việt Nam và độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nó cũng để lại một dấu son chói lọi trong lịch sử nhân loại từ giữa thế kỷ 20 về cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội.

Trong gần 60 năm qua, kể từ sau tác phẩm “Cách mạng tháng Tám” của Trường Chinh, các nhà nghiên cứu sử học và các ngành khoa học xã hội, nhân văn trong và ngoài nước đã đạt được nhiều thành tựu trong việc tìm hiểu một cách sâu sắc, toàn diện sự kiện lịch sử vĩ đại này.

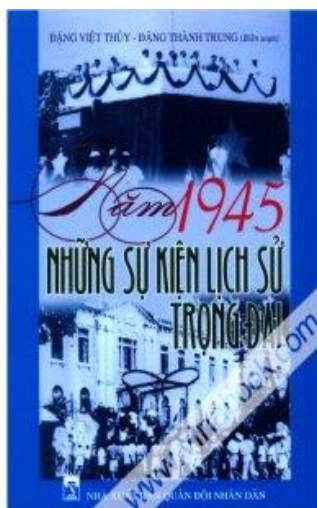
Trên cơ sở tiếp thu những kết quả nghiên cứu trước đây, nxb Từ điển Bách khoa Hà Nội, 2005 biên soạn cuốn sách “**Cách mạng tháng Tám 1945 – Toàn cảnh**”. Nội dung sách gồm 3 phần:

- **Cách mạng tháng Tám 1945 – Những vấn đề cơ bản;**
- **Cách mạng tháng Tám 1945 – Toàn cảnh;**
- **Giáo dục tinh thần Cách mạng tháng Tám 1945 cho thế hệ trẻ.**

Cuốn sách trình bày ngắn gọn một số vấn đề cơ bản về Cách mạng tháng Tám 1945, nêu một cách hệ thống những luận điểm, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng. Điều này chứng tỏ đường lối đúng đắn của Đảng trong việc tổ chức, chuẩn bị lực lượng, hướng đến cuộc Tổng khởi nghĩa khi thời cơ đã đến. Nó cũng chứng minh sức mạnh của cả dân tộc được huy động, tập hợp dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tinh thần cách mạng đã chín muồi, thời cơ đã đến, cuộc cách mạng nổ ra trong khắp nước và giành thắng lợi to lớn. Để làm sáng tỏ điều này, quyển sách trình bày những điểm khái quát, riêng biệt, độc đáo trong sự bùng nổ và thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở các tỉnh, các địa phương. Qua đó, người đọc nhận thấy những nét chung, có tính quy luật của cuộc cách mạng diễn ra trong phạm vi cả nước, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng. Riêng Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn được trình bày chi tiết hơn – vì đó là những trung tâm chính trị, có vị trí, vai trò trong thắng lợi của cách mạng.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

NĂM 1945 - NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ TRỌNG ĐẠI



Năm 1945. một số sự kiện lịch sử vô cùng trọng đại, có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của dân tộc ta, đất nước ta: Cách mạng tháng Tám thành công! Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 65 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (1945 – 2010), Nhà xuất bản Quân đội nhân dân biên soạn và xuất bản cuốn sách “**Năm 1945 – những sự kiện lịch sử trọng đại**”.

Nội dung cuốn sách gồm hai phần:

- **Phần thứ nhất:** Những sự kiện lịch sử trọng đại tiến tới Tổng khởi nghĩa, Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ; tại Việt nam, Đảng Cộng sản Đông Dương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, chuẩn bị thành lập các căn cứ du kích, khởi nghĩa Bắc Sơn và Đội du kích Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và quân du kích Nam Kỳ, thành lập Mặt trận Việt minh.
 - Xây dựng các căn cứ du kích Bắc Sơn – Vũ Nhai và Cao Bằng, thành lập Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.
 - Cao trào chống Nhật, cứu nước thành lập khu giải phóng, các chiến khu cách mạng, các đội du kích vũ trang.
- **Phần thứ hai:** Những sự kiện lịch sử trọng đại trong Tổng khởi nghĩa, Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Thời cơ đã đến, những quyết định lịch sử trọng đại
 - Tổng khởi nghĩa ở các địa phương trong cả nước
 - Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời
 - Tình hình đất nước sau Tổng khởi nghĩa, đấu tranh giữ vững chính quyền cách mạng còn non trẻ.

Cuốn sách trình bày khái quát một cách khá đầy đủ theo trình tự thời gian những sự kiện lịch sử trọng đại diễn ra theo các giai đoạn trên. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, tại Việt Nam, Đảng Cộng sản Đông Dương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, chuẩn bị thành lập các căn cứ du kích, khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ, thành lập mặt trận Việt Minh, thành lập Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Đặc biệt, cuốn sách đã trình bày một cách khá chi tiết và khoa học về cao trào chống Nhật cứu nước, thành lập khu giải phóng, các chiến khu cách mạng, các đội du kích vũ trang; Tổng khởi nghĩa, Cách mạng

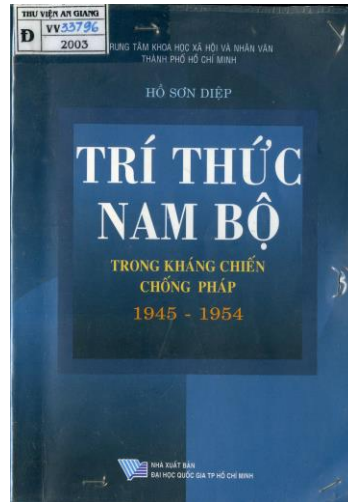
tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa ra đời; tình hình đất nước sau tổng khởi nghĩa, đấu tranh bảo vệ và giữ vững chính quyền cách mạng còn non trẻ

...

“Năm 1945 – những sự kiện lịch sử trọng đại” là một cẩm nang, một tư liệu quý, ngắn gọn và bổ ích đối với bạn đọc khi tìm hiểu về cách mạng Việt Nam giai đoạn này.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

TRÍ THỨC NAM BỘ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954)



Trí thức là lực lượng đại biểu cho trí thức và trí tuệ của một dân tộc. Trong cuộc kháng chiến, lực lượng trí thức Việt Nam đã nỗ lực tham gia các hoạt động lãnh đạo quản lý, hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ, góp phần không nhỏ vào quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong hai phân ba thế kỷ qua.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), tại Nam Bộ, đội ngũ trí thức bao gồm các luật sư, bác sĩ, kỹ sư, nhà báo, văn nghệ sĩ, học sinh, sinh viên ... đã vào chiến khu, chấp nhận mọi gian lao thiếu thốn, có mặt trong hầu hết các mặt trận nóng bỏng nhất của cuộc kháng chiến chống Pháp. Và chính trên các mặt trận kháng chiến đó, người trí thức Nam bộ đã giữ nhiều vai trò hết sức quan trọng trong suốt cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân toàn diện, góp phần làm nên thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Nội dung cuốn sách **Trí thức Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)** tập trung vào việc phục dựng lại toàn cảnh bức tranh lịch sử trí thức ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp một cách sinh động, trung thực. Qua đó, bước đầu phân tích rút ra một vài đặc điểm, vai trò, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của lực lượng trí thức ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp; Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh biên soạn cuốn sách này với mong muốn góp một tiếng nói vào sự nghiệp giáo dục truyền thống, khơi thổi ngọn lửa thiêng trong tầng lớp trí thức trẻ để thu hút và kích thích lực lượng nhân sĩ, trí thức cống hiến ngày càng nhiều tài năng, trí tuệ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Về cấu trúc, ngoài phần kết luận và phụ lục, cuốn sách bao gồm 4 chương:

Chương I: Trình bày tình hình xã hội và tầng lớp trí thức Nam Kỳ Lục Tỉnh từ khi thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ đến Cách mạng tháng Tám; Sự ra đời của tầng lớp trí thức mới và truyền thống yêu nước của tầng lớp trí thức ở Nam Bộ trước khi cùng cả nước bước vào cuộc thử lửa lịch sử chống thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ hai.

Chương II: Trình bày sự phân hóa của lực lượng trí thức ở Nam Bộ khi thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta.

Chương III: Trình bày hoạt động của trí thức yêu nước trên tất cả các mặt trận đấu tranh trong nội đô và ngoài bưng biển khi họ đã vượt qua cuộc chuyển mình quan trọng, dần

nhập thành một đội ngũ, thắng tiến trên con đường kháng chiến chống Pháp từ đầu năm 1947 và đỉnh cao là cao trào đấu tranh chính trị trong những tháng đầu của năm 1950.

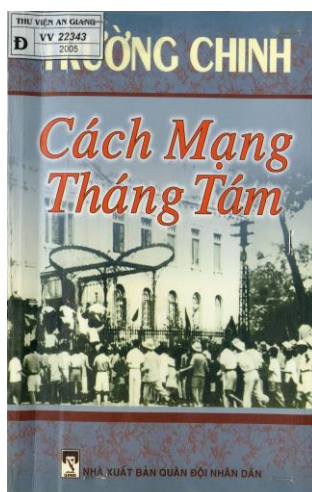
Chương IV: Trình bày quá trình củng cố lực lượng, đẩy mạnh hoạt động trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế ... trong nội đô và ngoài bùng biên; Quá trình lực lượng trí thức yêu nước tham gia tích cực cùng quân và dân cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Phần kết luận: Trình bày đặc điểm, vai trò của trí thức Nam Bộ trong kháng chiến chống pháp (1945-1954), một số bài học kinh nghiệm, đồng thời thông qua nội dung cuốn sách, đề xuất phương hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ của đội ngũ trí thức trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Phần phụ lục: Giới thiệu tóm tắt tiểu sử một số trí thức yêu nước ở Nam Bộ giai đoạn 1945-1954.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM



Đồng chí Trường Chinh là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của cách mạng Việt Nam, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lý luận nổi tiếng của Đảng ta.

Trong cách mạng tháng Tám năm 1945, trên cương vị Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, người lãnh đạo Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, đồng chí Trường Chinh đã đóng góp vai trò quan trọng vào thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân tuyển chọn, xuất bản tập sách “**Cách mạng tháng Tám**” của đồng chí Trường Chinh năm 2005, nhân dịp kỷ niệm 60 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh mừng 2 tháng 9. Đây là tác phẩm bao gồm những bài nói, bài viết của tác giả về Cách mạng tháng Tám năm 1945, được bố cục ba phần chính:

Phần I: Tính chất xã hội Việt Nam và cách mạng Việt Nam

Phần II: Chuẩn bị cho khởi nghĩa tháng Tám

Phần III: Cách mạng tháng Tám

Qua cuốn sách này, bạn đọc hiểu rõ thêm cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, chống thực dân Pháp và phát xít Nhật của nhân dân ta đã diễn ra như thế nào và Đảng ta đã lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 một cách tài tình ra sao. Qua đó, bạn đọc càng thêm tin tưởng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!